

Hồi Lạ, Phạm Vương Sơ

dịch CHI

1

我是个算命先生

NXB VAN HOC **vh imOne** alphabooks

Mục Lục

LỜI MỞ ĐẦU

Chương 1. TƯỚNG SỐ - MỘT NGHỀ CỔ XƯA

Chương 2. SƯ PHỤ TÔI LÀ THẦY TƯỚNG SỐ TIẾNG TẮM LÃY LÙNG THỜI DÂN QUỐC

Chương 3. BÍ MẬT ĐỘNG TRỜI PHÍA SAU BÁT TỰ, ĐUÔI XÁC, CƯỚI MA

Chương 4. DÀN CỤC MỸ NHÂN, BÁO THÙ CHO VƯƠNG Á TIÊU - CAO THỦ ÁM SÁT ĐỆ NHẤT TRUNG QUỐC

Chương 5. HUYỀN CƠ CHU DỊCH TIỀM ẨN TRONG NGHỀ TƯỚNG SỐ

Chương 6. “BỐN VỊ THẦY TƯỚNG SỐ” MỖI NGƯỜI MỘT TUYỆT KỸ ĐỘC MÔN

Chương 7. BỎ MA THEO PHẬT: TÔI LÀ THẦY XEM TƯỚNG ĐAM MÊ CHU DỊCH

Mời độc giả đón đọc: “TÔI LÀ THẦY TƯỚNG SỐ 2”

LỜI MỞ ĐẦU

Bạn từng đi xem bói bao giờ chưa? Bạn có bao giờ cảm thấy mình bị lừa không?

Thầy tướng số – đây là một đám người ít khi được người ta biết đến, nhưng lại có thể xuất hiện bên cạnh bạn bất cứ lúc nào. Bọn họ có thể không phải là người xem tướng số vận mệnh thật sự, càng không phải người nghiên cứu về Chu Dịch, nhưng lại tự phong cho mình là “thầy tướng số”. Họ giỏi khoa mê mửa mếp, đặt bẫy lừa đảo, thường hành động một mình hoặc dăm ba người lập thành một nhóm. Họ bày đồ nghề ven đường, lê la quán xá, thậm chí đến tận cửa nhà bạn tự “tiến cử”... Thưa các bạn, những “thầy tướng số” ấy có mối liên hệ chằng chéo với đám người của phái Giang Tướng mà chúng tôi sắp sửa giới thiệu dưới đây.

Phái Giang Tướng là một tổ chức đặc biệt chuyên giờ chiêu bài xem tướng số để lừa lấy tiền bạc của cải người khác. Họ tồn tại đến gần 300 năm trong lịch sử Trung Quốc: ra đời và phát triển vào những năm Khang Hy, Ung Chính nhà Thanh, hưng thịnh vào thời mạt Thanh và Dân quốc, bị giải tán sau cuộc kháng chiến và đi đến chỗ diệt vong trong thời kỳ kiến quốc. Sau khi đất nước đổi mới, phái Giang Tướng đã tan rã triệt để và đi đến diệt vong trong phong trào dẹp bỏ các hội đạo môn. Phái Giang Tướng từng phát triển đến mức cực thịnh, dù sau này nó bị tiêu diệt nhưng hàng nghìn, hàng vạn tín đồ rải khắp cả nước vẫn truyền bá sâu rộng thuật lừa đảo này. Ngày nay, tại một vài xó xỉnh nào đó trong xã hội, một vài thầy xem tướng vẫn tiếp tục “kế thừa” phong cách phái Giang Tướng, tiếp tục đi lừa đảo. Bọn họ ít nhiều từng chịu ảnh hưởng và có thể gọi là tàn dư của phái Giang Tướng.

Một vài nhà sử học từng thử tìm hiểu về phái Giang Tướng, bởi thiếu nguồn tư liệu nên họ cũng không thu được kết quả gì. Sách quý của phái Giang Tướng chỉ được truyền khẩu, hành tung của phái vô cùng kín đáo, bí mật. Bọn họ khoác lên mình tấm áo lộng lẫy của một bậc “thầy xem tướng số”, rồi mặc sức triển khai thuật lừa đảo. Ngay cả những người cao sang, quan lại đến dân chúng bình thường mãi tận những vùng thôn quê... cũng đều không thoát khỏi thiên la địa

võng của chúng. Nhưng chí ít cũng vẫn có người biết rõ chúng.

Người ta truyền tai nhau rằng phái Giang Tương giở thần giờ quỷ, vợ vét của cải, lừa tình, táng tận lương tâm, không có tội ác nào là không dám làm. Vậy rốt cuộc cuộc sống thực sự của họ như thế nào? Bọn họ đã ra tay lừa đảo ra sao? Chúng thực sự đều không có tính người thật sao?

Một cụ già sinh năm 1928 – truyền nhân của phái Giang Tương, gia nhập môn phái năm 1948. Ông cụ giờ đã 82 tuổi, là cậu của tác giả cuốn sách này – và cũng chính là tôi.

Những câu chuyện truyền kỳ về những bóng ma cô độc, những cuộc đấu đá một mất một còn, những âm mưu vì thứ lợi ích làm mê muội tâm can đều để lại cho tôi ấn tượng vô cùng mạnh mẽ. Dần dà, tôi phát hiện phái Giang Tương đã trở thành một hệ thống, tuy tội ác chồng chất, nhưng nó cũng có nguyên tắc của riêng mình, chẳng hạn:

1. Chỉ lừa người ác, không lừa người tốt. Tuân theo nguyên tắc: *Lấy ác trị ác.*

2. Tận hưởng niềm vui trước mắt, tiền kiếm được phải tiêu hết ngay. Quan niệm: *Tiền của lấy từ trong giang hồ, phải tán đi trong giang hồ, không tán ắt có tai họa.*

3. Cấm kỵ lừa gạt tình cảm, cướp đoạt vợ người khác. Quan niệm: *Tôn trọng luân thường đạo lý.*

4. Không gây chia rẽ, bất hòa tình cảm ruột thịt. Thấm nhuần luân lý đạo đức phong kiến: *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* (Trong ba tội bất hiếu, không có con nối dõi, lo việc hương hỏa là đại bất hiếu), nên họ chưa từng buôn bán hay làm hại đến con cái người ta.

Tôi đã hỏi và xin phép ông để công bố câu chuyện này cho mọi người được biết. Đối với bản thân ông – đó là sự kết thúc, đối với người đời – nó là lời cảnh báo. Dựa trên những câu chuyện của ông, tôi đã chỉnh lý lại những trang sử thần bí của phái Giang Tương. Tôi coi những tư liệu đầu tay bắt nguồn trực tiếp từ truyền nhân chính tông là cơ sở nền tảng, đem phác họa, tái hiện lại dòng lịch sử của phái Giang Tương, viết lên bộ tiểu thuyết đồ sộ có tính chất tường thuật này.

Nhân vật “tôi” ở ngôi thứ nhất trong bộ truyện này đại diện cho ông cậu tôi. Trọng điểm của bộ truyện là kể về giai đoạn lịch sử từ năm Dân Quốc đầu tiên cho đến những năm 1950 của thế kỷ 20 sau khi đất nước Trung Quốc mới được thành lập. Độc giả sẽ hiểu và biết được thuật lừa đảo vô cùng “tài tình, vẻ vang”; kỹ xảo và thủ pháp Trát phi vô địch trong giới quý thần; ma thuật Lô Ban Môn gian trá, khó hiểu... mà phái Giang Tướng đã dày công tôi luyện. Điều quan trọng nhất của câu chuyện chính là sau khi độc giả “lĩnh hội” được những thủ đoạn lừa đảo tinh vi này, sẽ không còn bị lừa gạt nữa!

Dịch Chi

08/01/2012

Chương 1. TƯỞNG SỐ - MỘT NGHỀ CŨ XƯA

Khẩu quyết tướng số bí truyền

Tham giả tất bần, quân tử dĩ vi đại giới, Phật môn diệc vi ngũ giới chi thủ, cố tổ “A Bảo”, cứu bất tại “tướng”, nhi tại “nhất”.⁽¹⁾

— A Bảo Thiên —

Câu nói này trích từ thiên A Bảo trong cuốn Mật quyết giang hồ, nghĩa là bản chất con người vốn tham lam, tham lam ắt phạm vào đại Ngũ giới⁽²⁾, do đó kẻ tham lam tất sẽ bần tiện, nên làm A Bảo là để đi lừa những kẻ tham lam đó, điều này không hề sai. Nói cách khác chính là đáng đời bọn chúng!

A Bảo là một từ tiếng lóng, nghĩa đầy đủ là kẻ dựa vào tướng số để đi lừa bịp. Tướng chỉ kẻ đi lừa bịp. Nhất chỉ người bị lừa.

Năm 1948, tôi tròn 20 tuổi, vì kế sinh nhai mà phải đi theo Tổ Gia. Tổ Gia là ông trùm lừa đảo, một kẻ lão luyện giang hồ, thủ đoạn tàn độc, người nào muốn bước vào địa bàn của ông ta, đều phải bái ông ta làm thầy, nếu không sẽ bị “cắt cổ” (giết). Giống như băng nhóm xã hội đen thời nay vậy.

Đi theo Tổ Gia sẽ được ô dù bảo vệ, nhưng tiền kiếm được phải giao nộp tất cả, không được bớt xén dù chỉ một đồng, sau đó trích phần trăm lại bao nhiêu, hoàn toàn do Tổ Gia quyết định. Đối với kẻ nào ỉm đi, Tổ Gia tất có cách trừng phạt riêng, nếu không ông không phải là Tổ Gia nữa. Tâm lý chiến của ông vô cùng lợi hại, hơn nữa còn phái người “kết thông lọng” (giám sát), chỉ cần phát hiện kẻ nào đó ỉm tiền đi, lập tức chặt một ngón tay, tái diễn lần thứ hai sẽ “cắt cổ”.

Một khi đã bước vào nghề này rồi sẽ không bao giờ rút chân ra được, vì anh biết quá nhiều, nên anh chỉ có hai con đường hoặc là tiếp tục, hoặc là bị “cắt cổ”.

Thông thường không kẻ nào bước chân vào rồi lại muốn rút ra cả, vì thu nhập của nghề này rất cao, không bao giờ gặp mùa thất bát.

Đi theo Tổ Gia, trước tiên phải học âm dương Ngũ hành. Đây gọi là xây nền móng, tức muốn lừa đảo được, tất phải có một chút nền tảng, bằng không nếu sa chân, uy tín của Tổ Gia cũng sẽ bị ảnh hưởng. Kiến thức cơ bản được đào tạo trong vòng một tháng, trước tiên học Anh Diệu, tức tâm lý học trong thuật lừa đảo. Khẩu quyết trọng tâm của Anh Diệu đến nay tôi vẫn nhớ rõ mồn một:

Nhập môn quan lai ý, xuất ngôn mạc trù trù;

Thiên lai vấn truy dục truy quý, truy lai vấn thiên vi thiên ưu;

Bát vấn thất, hỷ giả dục bằng thất quý, oán giả thực vi thất sầu;

Thất vấn bát, phi bát hữu sự, tất nhiên tử tức gian nan;

Sĩ tử vấn tiền đồ, sinh tôn vi cận cố;

Điệp điệp vấn thử sự, định nhiên thử sự khuyết;

Tần tần vấn nguyên nhân, kỳ trung định hữu nhân;

Tăng đạo tòng thanh cao, bất vong lợi dục;

Miếu lang đạt sĩ, chí tại sơn lâm;

Nhất ca yêu ngân đao, nhị ca yêu phao đao, tam tảo yêu khiêu tảo.

Đây đều là tiếng lóng, tôi sẽ giải nghĩa từng từ, từng câu một.

Câu thứ nhất: Nhập môn quan lai ý, xuất ngôn mạc trù trù.

Ý là khi có người đến xem tướng số cho chính mình, hoặc giả xem cho người khác, ta không nên nói gì, phải nghe họ trình bày trước đã, họ nói càng nhiều, sẽ càng để lộ ra nhiều thông tin quý báu. Khi đó ta phải nắm đúng thời cơ, đột nhiên phán một câu lạnh lùng, đánh đúng chỗ hiểm. Nhất thiết không được chần chừ ngập ngừng, chớ úp mở không rõ ràng, nếu không đối phương sẽ cho rằng trình độ của ta còn non kém. Vậy làm thế nào để bắt được chỗ hiểm, hãy nghiền ngẫm kỹ

những câu tiếp theo dưới đây.

Câu thứ hai: Thiên lai vấn truy dục truy quý, truy lai vấn thiên vi thiên ưu.

Thiên chỉ người cha, truy chỉ người con. Câu này nghĩa là: chỉ cần cha đến xem tướng số cho con, về cơ bản đều muốn biết tiền đồ của con cái mình thế nào, sau này có thể phát phú phát quý không. Phạm là bậc làm cha mẹ trong thiên hạ, ai mà chẳng hy vọng con cái thành tài, trai thành rồng, gái thành phượng, cho dù bản thân mình chỉ là con gà trụi lông. Dạng người này đến xem tướng số, một khi đã hỏi đến những vấn đề đó, hầu hết con trai hoặc con gái họ đều không có chí tiến thủ, hoặc không hề có một chút biểu hiện gì của phú quý, hoặc ngộ ngược càn quấy. Cứ bám theo mạch này để phán đoán, đảm bảo không bao giờ sai. Nửa câu sau chính là nói về con cái xem tướng số cho cha mẹ, chắc chắn cha hoặc mẹ của họ sức khỏe không tốt, hoặc đang bệnh nặng, hoặc sắp quy tiên. Ngoài những điều đó ra, con cái chẳng còn vấn đề gì để hỏi liên quan đến cha mẹ mình cả. Do đó ta cứ trực tiếp phán đoán cha hoặc mẹ của họ sức khỏe có vấn đề, khẳng định không đúng không lấy tiền.

Câu thứ ba: Bát vấn thất, hỷ giả dục bằng thất quý, oán giả thực vi thất sầu.

Bát là chỉ người vợ, thất là chỉ người chồng, tức chỉ cần là vợ đến xem tiền đồ và vận thế cho chồng. Nếu người phụ nữ đến với niềm hân hoan vui mừng hiện rõ trên từng cử chỉ nét mặt, điều này chứng tỏ người chồng thời gian gần đây có thể sắp có vận quan chức hoặc vận tài lộc. Tóm lại là việc tốt. Chỉ có điều, việc tốt vẫn chưa đến, hoặc mới chỉ manh nha nảy mầm, người này thường mang tâm lý đón đầu, muốn đến xem một quẻ bói trước. Vậy ta có thể trực tiếp phán đoán rằng chồng của bà (cô) ta có phúc có lộc, sắp hành đại vận đến nơi rồi. Khởi cần quan tâm kết quả ra sao, khi đó các bà các cô chắc chắn sẽ chớp chớp đôi mắt, mỉm cười như một chú nai ngơ ngác, vung tay thưởng hậu hĩnh cho thầy tướng số. Ngược lại, nếu người phụ nữ này đến với gương mặt lo âu, phiền muộn, chắc chắn chồng của họ gần đây hành vận kém, gặp nhiều điều xui xẻo, hoặc sắp bị mất chức, hoặc sắp phá sản, hoặc tình cảm vợ chồng bất hòa, thậm chí sắp bỏ rơi họ thì ta có thể lập tức phán đoán theo hướng hung họa, chắc chắn sẽ trúng đến tám chín phần. Sau đó đánh mạnh vào tâm lý của họ, phán rằng nếu không giải hạn, sớm muộn gì hung họa sẽ ngày càng nặng,

thậm chí còn liên quan đến tính mạng. Lúc này họ sẽ ngoan ngoãn móc tiền ra. Ta lừa họ, mà họ còn vái lạy tạ ơn ta rối rít.

Câu thứ tư: Thất vấn bát, phi bát hữu sự, tất nhiên tử tức gian nan.

Câu này nghĩa là chỉ cần chồng đến xem tướng số cho vợ thì có hai khả năng xảy ra, hoặc đang nghi ngờ vợ không chung thủy, cảm sùng lên đầu mình, hoặc vợ chưa sinh được con. Ngoài những vấn đề này, chồng tuyệt đối không bao giờ đi xem tướng số cho vợ.

Câu thứ năm: Sĩ tử vấn tiền đồ, sinh tôn vi cận cố.

Trong câu này có hai từ tiếng lóng, một là sinh tôn tức chỉ nhà buôn, người có tiền; cận chỉ còn sống, cố chỉ đã chết. Sĩ tử là người đọc sách, sĩ tử đến chắc chắn hỏi về tiền đồ, có thể đỗ đạt cao, làm quan hay không, có thể làm rạng danh tổ tiên hay không. Kẻ lắm tiền nhiều của đến xem bói, chắc chắn để hỏi bản thân mình thọ đến năm bao nhiêu tuổi, hoặc hỏi về đường đời có tai họa, gặp ghèn gì không, vì họ là người không thiếu tiền, điều lo sợ duy nhất đó là không trường thọ. Nắm bắt được tâm lý này, tất cả đều trở nên vô cùng dễ dàng.

Câu thứ sáu: Điệp điệp vấn thử sự, định nhiên thử sự khuyết; tần tần vấn nguyên nhân, kỳ trung định hữu nhân.

Lẽ thông thường khi ai đó hỏi đi hỏi lại một sự việc, nhất định việc đó không hề tốt đẹp, không được như ý và là căn nguyên của sự việc mà họ đang lo lắng. Ở đây không có nghĩa là ta bói quá chuẩn, mà là do họ đã tự tiết lộ quá nhiều.

Câu thứ bảy: Tăng đạo tòng thanh cao, bất vong lợi dục.

Người xuất gia chân chính không bao giờ đi xem tướng số. Nếu một vị xuất gia đạo mạo trang nghiêm đến xem bói, chứng tỏ chưa dứt tâm phàm. Người này không hỏi về lợi lộc, tất sẽ hỏi về dục vọng ham muốn. Vậy thì ta cứ tăng bốc về danh lợi, về tham tâm, họ sẽ vô cùng vui sướng.

Câu thứ tám: Miếu lang đạt sĩ, trí tại sơn lâm.

Miếu lang đạt sĩ chỉ người làm quan, kẻ càng quyền cao chức trọng thì dã tâm càng lớn, càng háms lợi. Vậy thì ta cứ tán dương về công danh lợi lộc, họ càng vui mừng bao nhiêu, càng vung tay mạnh bấy nhiêu.

Câu thứ chín: Nhất ca yêu ngân đao, nhị ca yêu phao đao, tam táo yêu khiêu tảo.

Đây lại là tiếng lóng. Nhất ca chỉ kẻ khờ khạo dễ bị dặt mũi, tin tưởng tuyệt đối khi ta tuôn châu nhả ngọc, lúc này cứ rút đao mà chặt chém, chặt chém đến mức độ như Tổ Gia nói: “Đừng để họ khuynh gia bại sản là được.” Nhị ca chỉ kẻ nghi ngờ lời phán của ta, hoặc cho rằng ta bói không chính xác. Lúc này ta chớ nên hiếu chiến, tuyệt đối không được tham lam, không lấy tiền dù chỉ một đồng! Tam táo chính là chỉ người cố ý bói lông tìm vết, vạch lá tìm sâu, vừa dặt mông xuống đã soi mói bói móc. Gặp tình huống này, ba sáu chước chuồn là thượng sách. Những việc còn lại Tổ Gia sẽ ra tay giải quyết.

Nói đến đây, chắc hẳn bạn sẽ nghĩ Tổ Gia là nhân vật vô cùng ghê gớm. Đúng vậy! Ông là người đặc biệt hào hoa, kinh luân một bụng, tướng mạo đường đường, nét mặt hiền hòa. Nếu không hiểu ông, bạn sẽ không bao giờ nghĩ rằng ông là một trùm lừa đảo, một kẻ chuyên đưa hối lộ, một tên giết người không gớm tay.

Tổ Gia không phải là người dễ nổi giận, chỉ có bọn “đệ tử” chân tay vung về lóng ngóng, bản lĩnh kém cỏi mới khiến ông tức giận. Nhưng không có kiểu đánh đập, chửi mắng như bạn nghĩ, ông chỉ cần sầm nét mặt cũng đã đủ khiến cho kẻ không may nào đó sợ chết khiếp.

Tôi chứng kiến lần tức giận đáng sợ nhất của Tổ Gia là vào năm thứ hai, sau khi bước chân vào nghề tướng số, có mấy tên Bá đầu muốn bò lên đòi hưởng hương. Bá đầu là quản lý cấp hai dưới trướng Tổ Gia, “hưởng hương” tức là tạo phản. Khi đó Tổ Gia đã nổi trận lôi đình, tự tay cắt cổ chúng.

LẦN ĐẦU LÀM THẦY TƯỚNG SỐ

Lần đầu tiên tôi lơ ngơ ra đường là khoảng hai tháng sau khi bước vào nghề. Vì là lính mới, không được hành nghề trong thành nên Tổ Gia sắp xếp cho tôi ở một thôn trang ngoài thành có tên An

Gia trang. Ông nói vóc dáng tôi béo mập, hai mắt lại bé, có thể giả làm người mù, như vậy đối phương sẽ có tâm lý không quá cảnh giác. Sau này tôi mới ngộ ra, căn bản lần đó chưa thể coi là vào nghề thực thụ, mà chỉ là một sự “thử tay nghề”, kém xa so với việc chỉ cần đi một vòng mà kiếm mấy trăm đồng bạc của Tổ Gia.

Tôi chống gậy trúc, lắc la lắc lư đi vào trong thôn, mấy hộ đầu tiên đều xua đuôi tôi đi chỗ khác. Mãi sau cũng có một người nói chuyện với tôi. Đó là một bà lão đang ở nhà một mình. Bà lão khoảng hơn 60 tuổi, gương mặt nhăn nheo khắc khổ. Vừa dắt tôi vào trong nhà bà vừa nói: “Đi từ từ thôi, cẩn thận, để tôi lấy cho cậu một cái ghế ngồi”.

Lúc đó trong lòng tôi xen lẫn một chút cảm giác tội lỗi vì đôi mắt của bà lão đã mờ, không còn tinh tường như tôi. Hơn nữa, bà lão còn lật đật đi rót nước cho tôi uống. Tôi thấy đôi tay của bà lão nhăn nheo, nứt nẻ, thô ráp và xù xì giống như vỏ cây vậy. Từ trong sâu thẳm, tôi bỗng nhớ đến người mẹ đã qua đời của mình. Bà chết vì bệnh phổi hồi đầu năm, đôi tay bà cũng giống y đôi tay bà lão này vậy.

Tôi bỗng thấy mũi lòng, nhưng ngay lập tức cặp mắt Tổ Gia hiện lên, liền nghĩ đến nhiệm vụ mà Bá đầu giao phó.

Bà lão bắt chuyện với giọng quan tâm: “Còn trẻ như vậy mà đi làm nghề này sao?”

Tôi trợn đôi mắt giả mù đầy lòng trắng, trả lời: “Thưa cụ, con bị mù từ nhỏ, theo sư phụ học tướng số, tuy mắt con mù, nhưng lòng con rất sáng.”

Bà lão nói: “Đúng vậy! Đúng vậy! Con của ta giỏi lắm.”

Tôi nói: “Dạ, con chẳng có bản lĩnh gì ngoài biết xem bói. Thưa cụ, cụ xem tướng cho ai? Xem cho cụ ư?”

Bà lão nói: “Không, ta đến tuổi gần đất xa trời rồi, xem bói phỏng có ích gì. Nhờ cậu xem giúp cho con trai ta một quẻ, xem xem hai năm này vận hạn nó thế nào? Có trắc trở, gặp tai họa gì không?”

Lời nói của bà lão để lộ ra cho tôi biết rằng gần đây con trai bà chắc chắn vận hạn không tốt. Hơn nữa khi nói chuyện, giọng bà lão rõ ràng đang run rẩy.

Tôi nói: “Thưa cụ! Vậy lệnh lang nhà ta sinh vào giờ, ngày, tháng, năm nào?”

Thực ra đây cũng chỉ là diễn kịch mà thôi, còn nói thế nào, phán ra sao tất cả đều đã chuẩn bị trước cả.

Sau khi bà lão cho tôi biết Bát tự⁽³⁾ của cậu con trai, tôi bắt đầu bấm đốt ngón tay tính toán, liếc đôi mắt giả mù đang trợn lên trắng dã. Tôi thấy bà lão đang lo lắng chờ đợi.

“Thưa cụ, lệnh lang mệnh Thủy, hai năm nay phạm vào Thái tuế, mọi việc không được thông thuận cho lắm.” Nói xong, tôi chờ xem phản ứng của bà lão như thế nào. Theo quy luật, về căn bản câu trả lời là câu khẳng định, nếu là câu phủ định cũng chẳng sao, tôi nói là “hai năm nay”, cũng có thể bao gồm năm nay, mà giờ mới là đầu năm, nếu bà lão phủ định, tôi sẽ nói đợi đến cuối năm mới ứng vận.

Kết quả không nằm ngoài dự liệu, bà lão thảng thốt nói: “Đúng vậy.”

Tôi lập tức tiếp lời: “Thưa cụ! Lệnh lang nhà ta là một người rất hiếu thuận.”

Câu nói này chắc chắn đánh trúng tâm lý bậc làm cha mẹ trong thiên hạ. Vì cha mẹ thương yêu con cái mười phần, dù con cái báo đáp lại chỉ một phần thì trong mắt người làm cha mẹ, người con đó rất hiếu thuận, trong lòng vô cùng mãn nguyện. Hơn nữa trên thế gian, những đứa con nghịch tử chỉ chiếm số ít, nếu con trai bà lão là kẻ bất trung bất hiếu thì bà lão sẽ không lo lắng như vậy, càng không bao giờ có ý định xem tướng số cho anh ta.

Bà lão rung rung đôi mắt đã mờ đục nói: “Đúng vậy, nó hiếu thuận lắm, dáng người dong dỏng cao và rất khỏe mạnh.”

Tôi nhìn đôi mắt mờ đục ngấn lệ của bà lão rồi nói tiếp: “Trong hai năm này, con trai cụ phạm vào sao Tẩu Mã.”

Bà lão lập tức hỏi dồn: “Là sao gì vậy?”

Tôi hăng giọng trả lời: “Là sao Tẩu Mã, tức chủ về bôn tẩu khắp nơi, vừa vất vả vừa khổ cực.” Vào thời đó, vì mưu sinh, ai mà không

phải bôn tẩu ngược xuôi chứ.

Bà lão nước mắt lã chã rơi nói: “Đúng vậy, năm ngoái nó bị sung quân, đến nay vẫn không có tin tức gì, chẳng biết sống chết ra sao.”

Nhìn bà lão đau khổ khóc than, tôi bỗng dưng khóc nức theo. Tôi không biết mình khóc vì điều gì, vì thương cảm bà lão hay thương cảm chính bản thân mình nữa!

Bà lão nhìn thấy tôi khóc liền vội vàng lấy chiếc khăn tay cẩu bản vừa lau nước mắt cho tôi, vừa nói: “Con trai à, đừng khóc! Nín đi con!”

Tôi nói: “Thưa cụ, con khóc thương thay cho số phận, cảnh ngộ của cụ.”

Bà lão vỗ về tôi: “Con trai ngoan, con trai ngoan của ta.”

Tôi nói: “Hiện con trai cụ đang ở vào thời điểm khó khăn và vô cùng nguy hiểm.”

Bà lão hốt hoảng hỏi: “Sao cơ, nó vẫn còn sống chứ?”

Tôi nói: “Sống thì vẫn sống, nhưng gặp rất nhiều nguy hiểm. Cụ cũng biết đấy, chiến tranh mà, mũi tên hòn đạn lại không có mắt, chúng có kiêng nể một ai đâu. Vận hạn này của lệnh lang nhất định phải giải, không giải e rằng không thể trở về được nữa!”

Bà lão vô cùng hoảng sợ, mặt mày biến sắc: “Mau phá giải đi, mà phá giải bằng cách nào?”

Tôi nói: “Cụ lấy một miếng vải đỏ, bên trên viết tên tuổi của lệnh lang. Đúng 12 giờ đêm, cụ buộc miếng vải này lên một cây hòe cổ thụ, rồi khấn: ‘Cây hòe ơi, con trai ta nhận người là mẹ nuôi, hãy bảo vệ nó khỏi hiểm nguy, đừng để nó bị thương gì.’ Sau đó khấn đầu ba cái, rồi về nhà đem miếng vải đỏ phủ lên trên một cái ổ gà là được. Cụ phải nhớ kỹ nhé.” Khi nói đến lễ giải hạn, thầy tướng số càng nói sinh động bao nhiêu, càng mang lại cảm giác chân thật bấy nhiêu. Mảnh khố nhận cây hòe làm mẹ nuôi, nhận gàu tát nước là cha nuôi, thường được các nhà tướng số sử dụng.

Bà lão nói: “Làm thế sẽ bảo vệ con trai ta tai qua nạn khỏi chứ?”

Tôi nói: “Cụ à! Cách làm này chỉ mang tính chất tạm thời mà thôi. Vì trên chiến trường, lệnh lang giết quá nhiều người, hồn ma của những người này thường hiện về đòi mạng.”

Nỗi lo sợ lại hiện rõ trên gương mặt bà lão: “Vậy phải làm thế nào?”

Tôi nói: “Làm việc thiện, thật nhiều việc thiện, giúp lệnh lang, ở hiền gặp lành.”

Bà lão gật đầu nói: “Đúng! Đúng! Con nói rất đúng! Vậy ta phải giúp con trai ta như thế nào?”

Tôi trả lời: “Cụ giúp lệnh lang quyên một chút tiền nhang đèn, con sẽ giúp cụ cung tiến vào chùa. Hơn nữa con đã tiết lộ thiên cơ, nên con cũng phải quyên góp chút đỉnh. Quyên góp xong mọi việc sẽ tai qua nạn khỏi, muộn nhất là mùa xuân sang năm lệnh lang nhà ta sẽ trở về!”

Bà lão nhoẻn miệng cười tươi, vui vẻ quày quả đi vào nhà, một lúc lâu sau cầm hai tờ Pháp tệ⁽⁴⁾ quay ra. Nhưng hiện nay tình trạng lạm phát đã ở mức báo động, đồng tiền ngày càng mất giá, hai tờ Pháp tệ của bà lão chẳng đáng giá một xu.

Tôi nói: “Cụ à, loại tiền này của cụ hiện không còn tiêu được nữa rồi. Rất nhiều nơi từ lâu đã không còn dùng đến nữa, con chẳng thể nào giúp cụ cung tiến tiền nhang đèn. Hơn nữa, chúng ta không thể lừa Phật Tổ.”

Bà lão ngại ngùng nói: “Ở đây ta vẫn còn mấy xu tiền đồng.”

Tuân theo lời dạy của Tổ Gia, đồng bạc trắng và tiền đồng đều có thể lấy được, Quốc dân Đảng có cải cách thế nào đi chăng nữa đều không ảnh hưởng đến giá trị tiền kim loại.

Tôi nhận mấy đồng từ tay bà lão, vắn vắn chỉ có ba xu, tôi nói: “Cụ à, nếu quả thực chỉ có ngàn này thôi cũng tạm gọi là có, quan trọng là lòng thành. Con vất vả giúp cụ đi một phen vậy.”

Bà lão vội vàng nói: “Không được, không được, đợi ta một chút con trai, ta vẫn còn mấy thước vải để dành.” Bà lão lật đật chạy vào trong nhà lật tung một hồi, lôi ra được một mảnh vải thô nhuộm màu xanh nhạt tận đáy một chiếc hòm mà ở nông thôn thường dùng để may vỏ chăn.

Tôi nói: “Ai da, như này là quá tốt rồi. Vậy con xin phép mang đi quyên giúp cụ.”

Bà lão vô cùng vui vẻ, luôn miệng nói: “Vất vả cho con quá, vất vả cho con quá!”

Nói xong bà lão còn đưa tôi ra tận cổng, nói với theo: “Con trai, đi đường cẩn thận nhé, đầu thôn có một cái giếng đó.”

Tôi trả lời: “Con biết rồi, thưa cụ.”

Tôi dò dẫm chống gậy trúc, giả mù tìm đường ra khỏi thôn, vừa đi vừa khóc.

Lần đầu tiên hành nghề thu hoạch không nhiều. Ngoại trừ hai tờ Pháp tệ chẳng đáng giá một cắc, còn lại là mấy thước vải thô và ba xu tiền đồng.

Nhưng so với hai tay mới khác cũng vẫn còn hơn chán. Một tên chẳng kiếm chác được gì, còn bị người ta đánh mắng cho một trận tơi tả. Còn tên kia, sợ Tổ Gia và Bá đầu trách phạt, liền ăn trộm cái búa sắt đóng cọc trong vườn hạnh nhân của một nhà ở đầu thôn, về giao nộp.

Tổ Gia nói: “Chúng ta là ‘tướng’, không phải là kẻ trộm cắp. Không kiếm được gì thì quay về tay không, tuyệt đối không được làm những việc trộm gà trộm chó.”

Lời Tổ Gia khiến kẻ trộm cắp kia sợ hãi quỳ mọp xuống, luôn mồm nhận lỗi.

Tổ Gia nói: “Không phải lỗi của ngươi.”

“Nhị Bá đầu!” Tổ Gia gọi. Nhị Bá đầu lập tức khúm núm chạy lại quỳ xuống thưa: “Tổ Gia!”

Tổ Gia quát to: “Tay chân của ngươi, ngươi phải có trách nhiệm dẫn dắt dạy bảo cho tốt chứ!” Nhị Bá đầu sợ hãi mồ hôi vã ra như tắm.

Mỗi khi hành nghề trở về, các Bá đầu đều phải báo cáo tường tận. Một là kiểm tra người của mình, hai là tránh va chạm địa bàn. Mỗi Bá đầu đều phải ghi chép rõ ràng, nhưng không được sai lệch với con số của Tổ Gia.

Tổ Gia là người có con mắt quan sát vô cùng tỉ mỉ, sau khi đường hội giải tán, ông kêu một mình tôi ở lại.

Tổ Gia nói: “Ngươi quá mềm yếu.”

Tôi nghĩ: “Sao mà ông ta biết được?”

Tổ Gia tiếp tục: “Ngươi đã khóc.”

Tôi vội vàng trả lời: “Thưa vâng! Vì hoàn cảnh bà lão thật đáng thương.”

Tổ Gia nghiêm giọng: “Đáng thương? Ngươi thấy ta có đáng thương không?”

Tôi ngây người ra nhìn Tổ Gia, không hiểu ông nói như vậy là có ý gì.

Tổ Gia nói: “Ta còn đáng thương hơn! Mỗi ngày có đến cả chục khẩu súng dí vào đầu ta, chỉ cần sơ sẩy là mất mạng!”

Tổ Gia nói không sai. Để có thể hành nghề ở đây, việc đầu tiên cần làm đó là tạo mối quan hệ tốt với nhân vật quan trọng của cả hai phái Hắc – Bạch. Hàng tháng tiến cống tốn kém cũng không ít, nhất là khi thay cũ tuyền mới, phải tăng gấp đôi.

Những nhân vật của hai phái Hắc – Bạch này không chỉ đứng ra bảo kê cho ta, mà khi cần thiết còn có thể giúp ta dàn cục⁽⁵⁾. Chỉ cần dúi vào tay họ một số lợi lộc, đến ngay cả việc bán rẻ cha mẹ những nhân vật này cũng dám làm. Quan viên Quốc dân Đảng, ông chủ bến Thượng Hải, thậm chí đến cả chủ ý của Tổng Mỹ Linh họ cũng dám động đến. Dàn cục nhỏ có thể được thực hiện ngay khi đó, còn dàn

cục lớn có khi phải cần đến vài ba tháng, hoặc đến vài năm, nhưng đổi lại thu hoạch từ những trận đàn cục lớn lại vô cùng hấp dẫn. Hoàn thành một vỏ lớn, thường đủ để cả đường hội tiêu xài thoải mái trong vài năm.

TRUYỀN KỶ ĐƯỜNG KHẨU⁽⁶⁾

Dàn cục mang lại thu hoạch lớn nhưng tính mạo hiểm cũng cao. Vì những người này không phải mấy chú nai ngơ ngác, mà đều là những con cáo già thành tinh. Muốn biến họ thành “nhất” là điều không hề dễ dàng. Đôi lúc đàn cục còn bị sơ hở, tức có kẻ “phản đồ”, hoặc kẻ bị lừa trở thành kẻ đi lừa lại.

Thông thường lúc này phải có kẻ bị chết, còn ai chết thì phải xem tình hình cụ thể.

Đã đi theo Tổ Gia coi như phó thác chuyện sinh tử của bản thân cho ông. Nếu sợ chết ư? Theo như lời Tổ Gia nói: “Sợ chết thì về nhà chăn lợn cho rồi.” Nghề A Bảo này vô cùng nguy hiểm, nhưng đổi lại thu nhập không hề nhỏ, nhìn đám Bá đầu bên cạnh Tổ Gia mà xem, ai mà chẳng từng kinh qua trăm trận, vượt qua tử lộ chứ.

Đầu tiên là phải nói đến Đại Bá đầu. Đó là sát thủ hạng nhất của Đường khấu. Từ giết người, đốt nhà đến bắt chó, mổ lợn đều do hắn ta đảm nhiệm. Đại Bá đầu là người đi theo Tổ Gia lâu nhất, mặt mũi bặm trợn, thân hình béo mập, đầu cạo nhẵn thín. Chỉ cần tóc hơi dài một chút là cảm thấy ngứa ngáy khó chịu. Do đó, cách vài ngày, Đại Bá đầu cạo trọc một lần, nên đầu lúc nào cũng nhẵn bóng. Mỗi lần họp đường hội, đầu lúc nào cũng lấm tấm mồ hôi, người cứ như bốc hỏa vậy.

Tổ Gia thu nạp Đại Bá đầu về dưới trướng của mình vào năm Dân Quốc thứ 13⁽⁷⁾, tức là năm thứ hai sau khi lên quản lý Đường khấu. Trước khi về dưới trướng Tổ Gia, Đại Bá đầu là một tay đồ tể cho một lò mổ ở đầu phố. Một hôm sau khi xong việc, chủ lò mổ cho anh ta hai cân⁽⁸⁾ thịt hun khói, không ngờ trên đường về, gặp bọn lưu manh đòi giao nộp hai cân thịt. Hắn ta không chịu, bọn chúng vẫn quyết tâm cướp bằng được. Kết quả đã chọc giận Đại Bá đầu. Trên thực tế, đánh nhau không hề giống như miêu tả trong tiểu thuyết võ hiệp, nào là ra chiêu này, đánh chiêu kia. Thật ra, khi đã lao vào nhau rồi, vớ được

cái gì là dùng cái đó, cái gì khả dĩ chiến đấu được đều được tận dụng tối đa. Đầu tiên, Đại Bá đầu túm lấy cổ một tên, vặn một cái, tiếp đến chọc mù mắt một tên khác, còn nhe răng cắn người ta và cuối cùng vớ được một viên gạch, đập vỡ đầu một tên khác. Kết quả, Đại Bá đầu bị xử tử hình.

Khi đó, vụ án này truyền đi rất nhanh. Tổ Gia sau khi biết tin, nhận thấy người này có thể thu nạp được, sau này sẽ là cánh tay đắc lực cho mình. Vì thế, ông đã bỏ ra rất nhiều tiền để mua bằng được mạng sống anh ta về làm việc cho mình. Tổ Gia quả thực là người có con mắt tinh đời, Đại Bá đầu quả đúng không phụ sự kỳ vọng của Tổ Gia. Sau khi ra nhập Đường khấu, rất nhiều lần anh ta xả thân liều mạng vì Tổ Gia. Những lần bọn Hắc bang đến quấy rối gây chuyện, chỉ trong chớp mắt, tay Đại Bá đầu lăm lăm cây đao, dẫn theo toán người, hùng hổ xông lên trước và lúc nào cũng là người xung trận đầu tiên! Trên thế gian này có loại người chỉ cần nhìn thấy máu là vô cùng phấn khích, Đại Bá đầu chính là loại người ấy. Từ bấy đến nay, cùng với Nhị Bá đầu, họ là đội cận vệ trung thành của Tổ Gia.

Nếu Đại Bá đầu là người nhìn thấy máu là phấn khích thì Nhị Bá đầu thuộc loại người nhìn thấy người chết là vô cùng kích động.

Tên tuổi của Nhị Bá đầu gắn liền với một truyền kỳ. 15 tuổi đã theo Tổ Gia. Đó là vào năm 1928, đúng vào trước đêm cuộc chiến Bắc phạt lần thứ hai nổ ra, rất nhiều vùng ở Giang Nam lan truyền lời đồn đại đáng sợ về “yêu nữ bắt hồn”. Lời đồn đại này xuất phát từ Nam Kinh: nghe nói một cậu bé đang chơi đùa với đám bạn ở đầu phố. Lúc này, có một người phụ nữ đi đến, xoa đầu cậu bé mấy cái, sau đó quay lưng bỏ đi. Ngay lập tức cậu bé này mặt mày trắng bệch, tứ chi cứng đờ, hai mắt đờ dại và bị á khẩu, từ đó trở thành người như bị bắt mất hồn vậy.

Lời đồn đại đã nhanh chóng lan truyền khắp thành Nam Kinh, sau còn lan truyền đến các vùng xung quanh. Điều đó khiến nhiều bậc cha mẹ lo sợ con cái họ bị yêu phụ bắt mất hồn, liền bện những sợi dây màu đỏ đeo lên người hoặc nhét lá đào vào túi bọn trẻ để tránh tà. Sau lại có thêm lời đồn đại rằng con yêu phụ đó không tha cả người lớn. Vậy là cả người lớn cũng thi nhau thắt lên người dải dây lưng màu đỏ. Thậm chí có người còn dùng cả miếng vải mà người phụ nữ dùng trong thời kỳ kinh nguyệt, cắt thành từng miếng nhỏ, đặt vào tất cả các túi trên người. Họ sợ con yêu nữ bắt hồn của mình

đi mất.

Tổ Gia lợi dụng cơ hội này. Chiêu trù yêu gọi hồn về đã giúp ông kiếm được một khoản lớn. Một hôm, ông đang đi trên phố thì có một đứa trẻ nhắm mắt nhắm mũi từ phía trước chạy lại, đâm sầm vào Tổ Gia. Thoạt nhìn, Tổ Gia đã biết đây là một tên trộm có nghề. Ông liền túm chặt cánh tay tên trộm, bẻ quặt ra sau rồi nói: “Tí tuổi đầu mà đã làm cái nghề này. Cẩn thận! Kẻo ta giao cho yêu nữ bắt hồn của người đi.”

Thằng bé vênh mặt ngang ngạnh: “Tôi không sợ.”

Tổ Gia nhìn một lượt từ đầu đến chân thằng bé, trên người không hề có sợi dây đỏ nào, mỉm cười nói: “Nhà người không sợ chết ư?”

Thằng bé trả lời: “Chỉ có ma mới tin.”

Cậu bé này khiến Tổ Gia ngạc nhiên pha lẫn thích thú, ông hỏi: “Tại sao người lại đi ăn cắp tiền?”

“Đói!” Thằng bé nghênh mặt lên trả lời cộc lốc.

Tổ Gia thả tay cậu bé ra, rồi vỗ nhẹ lên đầu nó: “Đi theo ta.”

Thằng bé hỏi: “Làm gì vậy? Đưa tôi đến chỗ yêu phụ sao?”

Tổ Gia vừa khoát tay gọi nó đi vừa nói: “Đi ăn cơm!”

Tổ Gia dừng lại trước quán hoành thánh trên phố, mua cho thằng bé một bát. Nó không khách sáo, loáng một cái đã sạch bát. Ông lại gọi thêm một bát nữa, nó cũng đánh vèo một cái rồi đặt cái bát trống không xuống. Tổ Gia mỉm cười: “Người có thể ăn được mấy bát nữa?”

Thằng bé trả lời: “Ông mua được bao nhiêu, tôi ăn bấy nhiêu.”

Tổ Gia vẫy tay gọi chủ quán, nói: “Này! Ông chủ, cho thêm mười bát nữa!”

Thằng bé nói lỏng dải lưng quần, bê bát lên miệng húp xoàn xoạt, đánh một lèo hai mươi bát. Tổ Gia mỉm gật gù cười, biết rằng đây sẽ

là một nhân tài đặc dụng.

Sau này, Tổ Gia được biết, bố mẹ đưa trẻ này mất sớm. 8 tuổi đã phải lang thang đầu đường xó chợ. Ông liền lập tức thu nạp, đào tạo làm việc cho mình. Vài năm sau, thằng bé đó trở thành Nhị Bá đầu danh tiếng lẫy lừng trong giới A Bảo. Con mắt tinh đời thể hiện ở chỗ ông có thể nhìn qua là thấy sở trường của một con người. Với Nhị Bá đầu, thứ mà con mắt tinh đời của ông nhìn thấy chính là lòng can đảm.

Khi mới đi theo Tổ Gia, Nhị Bá đầu rất ương ngạnh, không thích bị quản thúc, để uốn nắn gò ép một tên ăn cắp vặt, tính cách tùy tiện đã trở thành thói quen ở đầu đường xó chợ thành một A Bảo tuyệt đối tuân thủ quy tắc là một việc không hề dễ dàng. Không ít lần Tổ Gia phải dùng đến biện pháp roi vọt, nhưng có đánh nó cũng cứ giương mắt lên không hề khóc, giống như người bị đánh không phải là nó vậy.

Cuối cùng Tổ Gia nói: “Người đi đi!” Khi đó nó mới bắt đầu chịu thua. Rời khỏi Tổ Gia đồng nghĩa với việc nó không còn cơm để ăn, không còn nhà để ở. Sau đó Nhị Bá đầu dần phục tùng, Tổ Gia là người lọc lõi giang hồ, thông minh hơn nó gấp vạn lần. Mỗi lần nó chuẩn bị mở mồm là ông biết nó muốn nói gì.

Cái gan của Nhị Bá đầu rất lớn, bất cứ việc gì cũng dám làm. Nhất là thuật Trát phi, không những vậy còn có tài thi triển đến mức hết sức điêu luyện. Trát phi là tiếng lóng của giới A Bảo, nghĩa là giả thần giả quỷ. Dân tình càng mê tín bao nhiêu, Trát phi càng có đất tung hoành bấy nhiêu.

Trước khi Trát phi một cách chính thức, Tổ Gia từng có ý thử sự gan lì của Nhị Bá đầu.

Tổ Gia nói với hắn: “Người nói không sợ ma quỷ phải không? Ta nghe nói trong ngôi miếu hoang, trên một cái gò bên ngoài thành ba dặm có một tên ăn mày vừa chết đói, đêm nay người đi lột quần áo của hắn mang về đây cho ta.”

Nhị Bá đầu nói: “Việc này có gì khó đâu? Hơn nữa không phải là con chưa từng làm việc đại loại như thế này. Trước đây có lần bị lạnh, con còn lột cả áo liệm của người mới được chôn để mặc ấy chứ.” Nói

xong Nhị Bá đầu liền quay người định đi ngay.

Tổ Gia nói: “Đợi đã. Ta nghe nói, người bị chết đói, sau khi chết đi đều biến thành quỷ đói, giờ Tý nửa đêm còn biết mở miệng. Nếu người cho nó đồ ăn, nó còn có thể ăn được. Không biết là thật hay giả? Khi đi người mang theo một bát cơm, bón cho cái xác tên ăn mày đó, xem xem nó có biết mở miệng thật hay không.”

Nhị Bá đầu cười nói: “Thật vớ vẩn, làm gì có chuyện hoang đường đó chứ!”

Đến đêm, ánh trăng mờ mờ ảo ảo giống như dát một lớp bạc lên tòa thành cổ. Nhị Bá đầu đeo lưng lẳng bát cơm được bọc bằng một miếng vải ở thắt lưng đập lên ánh trăng mà bước tới.

Đó là một ngôi miếu Sơn thần bị bỏ hoang từ lâu, cánh cửa ọp ẹp lỗ chỗ vài vết thủng, Nhị Bá đầu phải đi mất một canh giờ mới tới. Xung quanh một màu đen đặc quánh tĩnh mịch, đâu đó thỉnh thoảng vẳng lại vài tiếng dế kêu.

Nhị Bá đầu định thần một lát, rồi nhẹ nhàng đẩy cửa miếu. Nhưng bản lề cửa bị hỏng từ lâu, nên phải dùng sức đẩy mạnh một cái, cánh cửa kêu lên một tiếng kẽo kẹt rồi mới từ từ mở ra. Một mùi tử khí xộc thẳng vào mũi. Con người sau khi chết trên người bốc ra một mùi đặc biệt, thường được gọi là tử khí. Loại mùi này cứ ngòn ngọt lại tanh tanh, bay đi rất xa, do đó luôn dẫn dụ lũ quạ đen tìm đến.

Nhị Bá đầu lần mò trong bóng tối, cuối cùng cũng tìm được thi thể người ăn mày đó. Nhờ ánh trăng rọi qua khe cửa miếu, Nhị Bá đầu liền bắt đầu lột quần áo của cái xác. Bỗng nhiên Nhị Bá đầu nhớ đến bát cơm mang theo, liền nhanh nhẹn đặt xuống đất, mở miếng vải bọc bát cơm ra, sau đó dùng tay bốc một nắm cơm nhét vào miệng thi thể, rồi lẩm bẩm: “Người ăn được mới là lạ.”

Không ngờ thi thể đó bỗng từ từ mở miệng, còn phát ra tiếng nấc. Nhị Bá đầu nghĩ chắc mình bị hoa mắt, chớp mắt liên tục rồi nhìn lại. Quả đúng là miệng đã mở ra thật. Nhị Bá đầu tay run run bốc cơm nhét vào miệng thi thể. Cái thi thể đó chậm chậm nuốt miếng cơm xuống. Nhị Bá đầu chờ người ra, tóc gáy dựng ngược, mắt tròn trũng nhìn thi thể nhai hết bát cơm, rồi phát ra tiếng lục cục nuốt xuống,

nuốt xong thì ợ lên một tiếng rồi lại mở miệng ra. Nhị Bá đầu như kẻ bị điên nói: “Cút mẹ mày đi!” Sau đó đập thẳng cái bát vào mặt thi thể! Bỗng nhiên cái thi thể bật ngồi dậy kêu gào gầm gừ. Nhị Bá đầu co cẳng chạy thẳng một mạch về thành.

Tổ Gia đang ngồi đợi, nhìn thấy Nhị Bá đầu mờ hôi đầm đìa trở về liền hỏi: “Quần áo đâu?”

Nhị Bá đầu thở hắt hắt nói: “Hồng rồi, hồng rồi... Quả đúng thật... ăn rồi... ăn thật rồi...”

Tổ Gia cười lớn, nói: “Nó ăn được thì người bón cho nó ăn. Tên ăn mày đó chết vì đói, người cho nó ăn cũng là tích chút công đức.”

Nhị Bá đầu nói: “Quái lạ! Con thấy nó há mồm ăn, con liền đập cái bát vào mặt nó thì nó lại ngồi bật dậy...”

Tổ Gia sững người: “Người đánh vào mặt nó sao?”

Nhị Bá đầu trả lời: “Vâng, đánh xong là chạy.”

Tổ Gia nói: “Người đợi ở đây.”

Nhị Bá đầu hỏi lại: “Đợi cái gì?”

Tổ Gia trả lời: “Một lát nữa người sẽ biết.”

Khoảng nửa canh giờ sau, Đại Bá đầu từ ngoài bước vào, mặt mũi đầy máu, Nhị Bá đầu kinh ngạc hỏi: “Đại sư huynh, huynh làm sao thế?”

Đại Bá đầu dùng dùng nổi giận: “Còn hỏi sao! Mẹ kiếp nhà người ra tay độc ác quá!”

Tổ Gia cười nói: “Mau đi rửa mặt, chữa trị vết thương đi.”

Đây thực chất là một trò do Tổ Gia bày ra. Tên ăn mày bị chết đói đó chính là do Tổ Gia sai Đại Bá đầu đóng giả. Người ăn mày bị chết đã được chuyển đi nơi khác. Ngờ đâu Nhị Bá đầu bị kích động, tức giận đập thẳng cái bát vào mặt Đại Bá đầu. Từ đó, trên mặt Đại Bá đầu có một vết sẹo to, còn Tổ Gia lại càng hài lòng về Nhị Bá đầu.

So với Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu được xem là A Bảo kiểu văn nhân hào hoa phong nhã. Thiên văn, Địa lý, Âm dương, Bát quái không có thứ nào không biết, hơn nữa còn thuộc nằm lòng Luận ngữ, Mạnh Tử, xuất khẩu thành thơ, tài văn hoa mỹ... Kể từ về đạo mạo trang nghiêm, sói đội lột người thế này mới đáng sợ nhất.

Tam Bá đầu đi theo Tổ Gia từ năm 1930, trước đó là tên bói toán lừa đảo ở quê, nhưng cũng là người hiểu chút đạo lý, có nhiều sở trường đặc biệt. Một hôm anh ta vào thành hành nghề, đã lấn sang địa bàn của Tổ Gia, lại còn dám treo biển mở sạp xem tướng số. Khi đó Đại Bá đầu có ý kiến muốn xử anh ta ngay, nhưng Tổ Gia đã nói: “Để xem thế nào đã.”

Mấy tên chân tay mà Tổ Gia cử đi để thăm dò trình độ của Tam Bá đầu trở về báo cáo rằng: tên tiểu tử này ra chiêu vô cùng đẹp mà gọn gàng, người dân bị anh ta lừa trắng trợn mà vẫn luôn miệng cảm ơn rối rít.

Tổ Gia quyết định đích thân đến sạp của anh ta. Ấn tượng đầu tiên là một tên tiểu tử ngoài 20 tuổi, dáng vẻ thư sinh, mặc áo dài văn nhân, rất có phong độ, miệng lưỡi xem quẻ thao thao bất tuyệt. Tổ Gia cố ý để lộ một vài sơ hở, để anh ta ra chiêu. Anh ta còn hí hửng cho rằng hôm nay bắt được một con gà, lại càng ra sức thao thao bất tuyệt chuyện trên trời dưới biển. Tổ Gia ngồi nghe gật gù liên tục ra điều vô cùng đặc ý. Cuối cùng, ông trả cho mấy đồng bạc, nói: “Ta hôm nay ra ngoài không mang nhiều tiền, người theo ta về nhà lấy, nhân tiện xem giúp và điều hòa phong thủy cho nhà ta. Nhất định ta sẽ hậu tạ.”

Tam Bá đầu vội vàng thu dọn đồ đạc, trong bụng vui như mở cờ đi theo Tổ Gia về nhà. Kết quả không cần đoán cũng biết, vừa bước chân vào cửa liền bị mấy người trói gô lại, Đại Bá đầu tặng cho một cái bạt tai: “Mẹ kiếp! Tên tiểu tử nhà người, không biết chọn chỗ mà đại tiện.”

Tam Bá đầu mắt nổ đom đóm, nhưng vẫn rất tỉnh táo, không chịu thừa nhận mình là kẻ lừa đảo, nhăn nhó nói: “Tiên sinh, thế này là có làm sao? Tiểu nhân chỉ là một người xem bói bình thường, cũng chỉ vì miếng cơm manh áo mà đến đây, không biết đã mạo phạm đến ngài!”

Nhị Bá đầu đứng bên cạnh không nhịn được, lao lên đạp cho anh

ta một cái, sau đó vỗ bốp vào gáy của Tam Bá đầu quát: “Còn vờ vịt nữa hả? Vẫn cố giả ngây ngô với ông mày à?”

Tam Bá đầu nước mắt lưng tròng: “Xin lão gia tha mạng, tiểu nhân chỉ là một thầy bói. Nếu bói không đúng thì xin hoàn lại tiền. Cầu xin lão gia đừng đánh nữa, tiểu nhân trên còn có mẹ già 70 tuổi, dưới còn có con nhỏ mới lên 3.”

Nhị Bá đầu đưa mắt ra hiệu, Đại Bá đầu lập tức rút con dao mổ lợn giắt ở thắt lưng ra rồi đi đến trước mặt Tam Bá đầu: “Để ta cắt cái lưỡi đi xem ngươi có còn ra vẻ được nữa không.”

Tam Bá đầu vừa khóc vừa van xin Tổ Gia: “Đại lão gia, ngài nói đi chứ, tiểu nhân xem bói cho ngài không đúng ư? Vừa rồi chẳng phải rất đúng sao? Lão gia!”

Tổ Gia vẫy tay, Đại Bá đầu thu dao lại đứng sang một bên. Tổ Gia đi đến trước mặt hắn, giơ ngón tay cái lên và nói: “Người anh em, ngươi quả là có tính niệu nhi!”⁽⁹⁾

Tam Bá đầu hốt hoảng nói: “Niệu gì ạ, lão gia?”

Tổ Gia gật đầu nói: “Nhân tài.”

Tam Bá đầu vẫn giả ngây giả ngô: “Lão gia, ngài nói tiểu nhân ư? Tiểu nhân chỉ là một thầy bói...”

Tổ Gia giơ tay một cái, một chiếc phi trâm bắn ra, đâm xuyên qua tai trái của Tam Bá đầu, một miếng thịt trên vành tai rớt xuống, Tam Bá đầu đau đớn hét vang lên: “Lão gia! Tiểu nhân nói. Tiểu nhân xin nói.”

Tổ Gia quát to: “Miết hiệu nhi?”

“Tiết Gia Nhân.”

“Oa bính?”

“Huyện Bái Từ Châu.”

“Đại Sư bá?”

“Đỉnh thủy phong tử.”

“Kham tải?”

“Ông.”

“Phách đảng phủ?”

“Không dám.”

Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu vô cùng thán phục, quả không hổ danh Tổ Gia, chỉ vài chiêu đã trị được tên tiểu tử ngoa ngoắt này. Cuộc hội thoại trên đều là tiếng lóng của giới A Bảo. Miết hiệu nhi là hỏi tên thật là gì. Oa bính tức hỏi người vùng nào. Đại Sư bá là hỏi thủ lĩnh là ai. Đỉnh thủy phong tử tức không có bè đảng, vì gây án mà phải trốn chui trốn nhủi. Kham tải là hỏi đã hành nghề được mấy năm rồi. Ông nghĩa là số 3. Phách đảng phủ là hỏi có phải đã từng giết người.

Tổ Gia đánh giá cao tài ăn nói và cái gan của Tam Bá đầu. Nhất là cái cách giả ngây giả ngô, có đánh chết cũng không chịu thừa nhận, càng khiến ông cảm thấy người này sẽ trợ thủ đắc lực cho mình, vì thế mỉm cười nói: “Hãy đi theo ta.”

Trước đó khi nghe Tổ Gia hỏi những câu tiếng lóng, Tam Bá đầu hiểu rằng, đây là người trong nghề, hơn nữa còn là một cao thủ. Mấy năm nay, anh ta luôn đơn độc tác chiến, tuy có thể giải quyết vấn đề cơm ăn áo mặc, nhưng vẫn luôn bất đắc chí, không có người chống lưng, nên chẳng dám đánh quả lớn, giờ cũng tìm được chốn nương thân. Tam Bá đầu quyết đi theo Tổ Gia là như vậy. Đương nhiên, khi đó anh ta chưa phải là Tam Bá đầu, sau này lão tam của Đường khẩu mắc bệnh qua đời, mới được cất nhắc lên chức ấy.

So với ba vị Bá đầu, Tứ Bá đầu luôn mang lại cho người khác cảm giác buồn não nuột. Tuy anh ta rất kiệm lời, nhưng lại là “Quân sư kỹ thuật” của cả Đường khẩu, theo cách gọi hiện đại chính là “Nhân tài khoa học”. Trước khi dàn cục, đặc biệt là dàn cục Trát phi lớn, đạo cụ đều do anh ta chuẩn bị. Anh ta có thể dùng chu sa⁽¹⁰⁾ và phốt-pho vàng, trộn theo tỷ lệ nhất định, rồi dùng các loại hóa chất vẽ bùa chú, khiến cho nó có thể phát ra ánh sáng trong bóng tối; dùng phèn chua kết hợp với thuốc nước đặc biệt, rồi dùng hỗn hợp này để viết chữ lên

giấy. Sau khi viết xong, chữ tự nhiên sẽ tự biến mất, chỉ khi hơi qua lửa cho đến khi tờ giấy bị ám muội đen thì chữ mới xuất hiện. Nghe mọi người nói, Tứ Bá đầu là do Tổ Gia chiêu mộ được từ tay người Nhật, rồi đích thân đào tạo với tư cách là người nổi nghiệp. Hơn nữa, ông còn đứng ra làm mối tìm cho Tứ Bá đầu một nữ A Bảo thần thông quảng đại, dung mạo xinh đẹp làm vợ. Việc này thật khiến kẻ khác ước ao. Tiếc rằng nhân tính không bằng trời tính, sau này xảy ra biết bao biến cố, Tứ Bá đầu bị một cú sốc tinh thần quá lớn. Từ đó, tinh thần trở nên sa sút, chán nản.

Cũng giống như Tam Bá đầu, Ngũ Bá đầu thuộc dạng A Bảo có học thức. Nghe nói anh ta tinh thông phong thủy, diện tướng, thiên tượng. Không biết thông hiểu thật hay giả? Dù sao sau khi tôi bước vào nghề, có một vài lần tận mắt chứng kiến anh ta đứng trên đỉnh núi, ngửa mặt lên trời, trông rất nhập thần. Bản lĩnh lớn nhất của anh ta chính là có thể vẽ một cách chuẩn xác long mạch của cả thiên hạ. Trước mỗi lần dàn cục phong thủy, Tổ Gia hỏi đến đâu, anh ta đều có thể trả lời vanh vách đâu ra đó. Anh ta đặt nền tảng lý luận vững chắc trong mỗi lần dàn cục phong thủy cho Đường khẩu.

Lục Bá đầu, gọi là Phong Tử Thủ. Phong Tử là tiếng lóng, có nghĩa là ngựa, nghe nói biệt hiệu này do Tổ Gia tặng cho. Bởi anh ta rất giỏi khinh công, chuyên đảm trách là người liên lạc, quan hệ với giới Hắc đạo và những công việc nghiên cứu đường đi nước bước trước khi dàn cục. Anh ta giống như một con ngựa chạy không biết mệt mỏi, cho nên mới có biệt danh này.

Phong Tử Thủ công phu cao cường, sở trường là khinh công và Tông hạc quyền. Khinh công không phải thần kỳ giống như trong truyền thuyết. “Nhảy một bước ba bốn dặm, cách mặt đất bốn năm trượng” chỉ có Tôn Ngộ Không mới làm được. Phàm là vật hay người đều có trọng lượng, tất phải chịu lực hấp dẫn của Trái Đất. Khinh công kỳ thực là so với người bình thường có đôi chân nhanh nhẹn, chạy nhanh, leo cây trèo tường thoăn thoắt. Cách tập luyện thông thường là đeo túi cát vào chân, sau đó hàng ngày kiên trì chạy bộ hoặc tập nhảy từ dưới một cái hố lên. Trong quá trình tập luyện tăng dần trọng lượng của túi cát, từ đó sức bật của họ ngày một tăng cao, khổ luyện như vậy trong vòng vài năm. Một khi bỏ túi cát đeo ở chân đi, đôi chân như được giải phóng gánh nặng, chạy nhanh như cưỡi gió và có cảm giác toàn bộ cơ thể như lướt nhẹ. Trong 72 tuyệt kỹ Thiếu Lâm có phần ghi chép phương pháp luyện môn khinh công này.

Khinh công của Phong Tử Thủ quả thực rất lợi hại. Tường cao hơn hai trượng, giậm chân chạy đà, mũi chân lướt trên mặt tường, tay bám chặt lên tường, hai chân đạp mạnh, thoát một cái là vượt qua được. Ngoài ra, anh ta vận dụng vô cùng biến hóa Tông Hạc quyền gia truyền, cộng thêm sự dũng mãnh của Hồng quyền. Tổ Gia thường nói: “Phong Tử Thủ là một kỳ tài võ học.”

Phong Tử Thủ sinh vào năm Dân Quốc thứ mười (1921). Thúc phụ của anh ta là Vương Á Tiều, một nhân vật cốt cán của Phủ Đầu bang (bang búa rìu). Nghe Nhị Bá đầu nói, Phong Tử Thủ theo Tổ Gia khi mới 14 tuổi. Tổ Gia chiêu mộ anh ta chính là muốn lợi dụng mối quan hệ xã hội sau lưng anh ta.

Người cuối cùng là Thất Bá đầu, cũng có một biệt hiệu riêng là Tiên Nhân Thủ. Gia nhập Đường khẩu muộn, là người có tư cách và sự từng trải kém nhất trong nhóm Bá đầu. Trước đây anh ta là thủ hạ của Nhị Bá đầu, lòng dạ nham hiểm, thủ đoạn độc ác, kỹ thuật Trát phi cao siêu. Năm 1948 trước khi tôi vào nghề, anh ta vừa được Nhị Bá đầu tiến cử làm Thất Bá đầu của Đường khẩu. Tiên Nhân Thủ lúc nào cũng lăm la lăm lét, mặt mày gian xảo. Khi nhìn người khác, cặp mắt luôn đảo đi đảo lại liên tục.

Những Bá đầu này đều rất lợi hại, thuộc hạng xuất sắc. Nhưng chớ quên rằng, bọn họ đều cúi đầu nghe theo Tổ Gia. Thế cũng đủ hiểu Tổ Gia lợi hại đến thế nào rồi.

TÂM LÝ HỌC TƯỞNG SỐ

Tôi gia nhập Đường khẩu vào thời điểm mưa gió bão bùng. Vì khi đó Quốc – Cộng giao chiến, việc làm ăn của các Đại Đường khẩu chẳng dễ dàng gì. Đặc biệt ở khu giải phóng, rất nhiều Đường khẩu đều giải thể. A Bảo ở phương Bắc bắt đầu chuyển địa bàn xuống phương Nam hành nghề kiếm cơm. Vì vấn đề này, Tổ Gia đã mấy lần triệu tập Đường hội, nhằm ứng phó với cục diện ngày một hỗn loạn.

Người mới vào nghề cần phải có người cũ dẫn dắt. Đội ngũ A Bảo có quy định vô cùng nghiêm ngặt, từ cao xuống thấp lần lượt là Đại học sĩ, Bảng nhãn, Thám hoa, Hàn lâm, Tiến sĩ, Cử nhân... Đại học sĩ là thủ lĩnh cao nhất của một địa bàn, danh xưng đối ngoại gọi là Đại Sư bá. Tổ Gia cũng chính là Đại Sư bá. Danh xưng này chính là một tiêu chí về thân phận và địa vị. Người trong nghề thoát nghe ít nhiều

phải nể mặt vài phần. A Bảo ở những địa bàn khác nhau đưng mặt trên giang hồ, nếu không rõ vai vế thì kẻ ít tuổi thường gọi bậc bề trên nhiều tuổi là Đại Sư bá, biểu thị sự tôn trọng. Đẳng cấp thứ hai là Bảng nhãn, hay còn gọi là Bá đầu.

Trước đây, trong giới A Bảo đầu tiên phải đi lên từ bậc sơ cấp Tú tài và cần phải có Cử nhân dẫn dắt. Nhưng sau Cách mạng Tân Hợi (1949), hệ thống A Bảo chia năm xẻ bảy, rất nhiều quy tắc bị thay đổi. Tổ Gia hủy bỏ đẳng cấp huynh đệ trong Đường khấu của mình. Ngoại trừ Đại Sư bá và Bá đầu, tất cả những người còn lại đều là tay chân cấp dưới, không còn phân đẳng cấp cụ thể nữa. Đây là một phương pháp quản lý của Tổ Gia.

Bọn tay chân sau khi gia nhập hội, đều phải đi theo một Bá đầu, còn đi theo ai là do Bá đầu chọn. Mỗi Bá đầu đều có tuyệt kỹ của riêng mình, họ sẽ xem bạn có thể đào tạo được không, có thích hợp làm việc với họ không. Ví dụ, Đại Bá đầu là một sát thủ, nếu tay mới là kẻ bạo gan hiếu sát, anh ta nhất định sẽ thu nạp dưới trướng. Còn Nhị Bá đầu có sở trường là Trát phi, nếu là người có tài thiên bẩm giả thần giả quỷ, anh ta tất sẽ lựa chọn người đó. Tam Bá đầu là người có chân tài thực học, nếu anh không đọc sách, không biết chữ, không hiểu Tứ thư, Ngũ kinh, chắc chắn sẽ không cần anh. Những Bá đầu khác cũng như vậy, đều chọn người để đào tạo.

Khi đó bảy Bá đầu quan sát người mới liên tục trong mấy ngày. Mọi người đều có nơi có chốn, riêng tôi chẳng có ai chọn và không ai đồng ý dẫn dắt tôi.

Cuối cùng Tổ Gia chỉ vào tôi và cười hỏi: “Không có ai chọn cậu ta sao?”

Tất cả Bá đầu đều không ai lên tiếng. Một lúc sau, Nhị Bá đầu ngáp dài một cái, xoa xoa cái đầu rồi nói to: “Theo ta đi!”

Kỳ thực, tôi không muốn đi theo Nhị Bá đầu. Anh ta không giống với người bình thường, chỉ có chín ngón tay. Mỗi lần nhìn thấy chỗ ngón út bị cụt nhẵn bóng là tôi cảm thấy rùng mình.

Tuy trong lòng nghĩ vậy, nhưng tôi vẫn vội vàng quỳ xuống, khấu đầu nói: “Đa tạ Nhị gia.”

Sau đó, Nhị Bá đầu nói: “Trông bộ dạng nhà người vừa xấu vừa đần, chẳng trách những Bá đầu khác đều không muốn chọn, nhưng ta thấy Tổ Gia rất thích người. Trong đám mới vào nghề này, chỉ có người là ít bị Tổ Gia mắng nhất. Kể cũng lạ, Nhị gia ta cũng thấy thích nhà người đấy.”

Qua một khoảng thời gian rèn luyện cọ xát, những người mới như chúng tôi bắt đầu được học Lục tự chân ngôn⁽¹¹⁾. Đây là cảnh giới chí cao của tâm lý học lừa đảo, do đích thân Tổ Gia truyền thụ.

Lục tự chân ngôn là: thăm, xao, đả, thiên, long, mại.

Tức là:

Tiên thăm hậu xao, cấp đả mạn thiên

Long mại tề thi, xao đả bính dụng

Thập thiên cửu hưởng, thập long cửu thành

Tiên thiên hậu vãng, vô vãng bất lợi

Hữu thiên vô long, đế thọ chi tài

Lục tự chân ngôn này có nguồn gốc từ thiên Anh Diệu trong cuốn Mật quyết giang hồ. A Bảo hành nghề chủ yếu dựa vào sáu chữ này. Nếu có thể vận dụng Lục tự chân ngôn này đến mức xuất quỷ nhập thần thì đó là một thiên tài, đánh đâu thắng đó.

Nói một cách đơn giản, Thăm chính là thăm tra phán đoán, bao gồm y phục, khí chất, phong thái của đối phương. Phú quý hay bần tiện đều thể hiện từ đó ra cả. Thoạt nhìn là có thể nhận định được đẳng cấp, thứ bậc của một người. Ý nghĩa thứ hai của Thăm là lắng nghe đối phương nói. Họ nói càng nhiều, thông tin tiết lộ cũng càng nhiều.

Xao nghĩa là thăm dò, vừa thăm dò, vừa đánh theo một gậy, thăm dò nhưng không được để lộ sơ hở. Xao là nền tảng của Thăm, nếu thăm dò một câu chính xác, có thể dùng chữ Đả để hạ màn. Còn nếu hai lần đều không chính xác, thì sẽ vô cùng nguy hiểm, giống như vạch cỏ tìm rắn vậy, không khéo sẽ bị rắn cắn lại. Khi rơi vào trường

hợp vạch cỏ tìm rần, thông thường A Bảo sẽ phải vút dao (tức rút êm).

Đả là suy đoán một cách kiên định. Đả hay là phải nhanh, xuất khẩu câu nào, mỗi chữ trong ấy đều phải tựa như tiếng kim ngân. Cao hơn nữa, ý nghĩa của Đả chính là đập tan ý chí của đối phương. Vì ta Xao chuẩn xác nên họ sẽ tuyệt đối tin vào lời nói của ta. Vậy nên với người bình thường, ta nói sắp tới họ gặp vận xấu; với quan chức, ta nói họ sắp mất chức; với thương nhân, nói sắp phá sản; với người phụ nữ có nỗi niềm chất chứa, nói họ sắp bị bỏ rơi. Như vậy là Đả thủng hoàn toàn phòng tuyến tâm lý của đối phương.

Thiên là lừa người. Có thể xuất chiêu lừa ngay tại trận, cũng có thể thông qua cách thức sắp đặt dàn cục. Thiên được dung hòa trong năm chữ kia, hoặc ở sự chậm rãi. Xuất Thiên không được nóng vội, nếu không sẽ lộ sơ hở, do đó mới có câu cấp Đả, mạn Thiên.

Long là vỗ về an ủi, nói những điều đối phương thích nghe, mang lại cho họ một tia hy vọng. Vì ta đã Đả họ nên họ rất sợ hãi, tâm tư rơi xuống cùng cực. Lúc này, ta phải Long họ một chút, cho họ biết dù sao vẫn còn hy vọng. Nếu họ làm theo lời nói của ta thì có thể biến nguy thành an, gặp hung hóa cát. Sau đó lại tiếp tục Long một chút, nói với họ rằng nếu vượt qua giai đoạn gặp ghềnh này, sẽ đại phú đại quý, thọ đến trăm tuổi. Đương nhiên họ vô cùng vui mừng. Đả đối ứng với Long, trước tiên làm cho tuyệt vọng, sau đó lại gieo hy vọng, cuối cùng đối phương sẽ hoàn toàn bị trói chặt.

Thực chất Đả và Long đều là thủ đoạn của Thiên, không thể tách rời nhau. Nếu chỉ có Đả Thiên thì dù có ra chiêu lừa đẹp thế nào chẳng nữa cũng vô dụng. Vì đối phương đã rơi vào tuyệt vọng, nghĩ rằng dù sao đó chính là số mệnh của mình, đành chấp nhận vậy nên có nói thế nào họ cũng không mắc câu nữa. Do đó nói: “Hữu Thiên vô Long, đế thọ chi tài”. Đế thọ là tiếng lóng, nghĩa là phạm phải sai lầm ngớ ngẩn.

Cuối cùng là chữ Mại, một cảnh giới viết văn, vẽ tranh tự nhiên phóng khoáng. Lúc này ta nói gì, đối phương liền nghe theo vậy. Hàm nghĩa thứ hai của nó là đã đến thời điểm thu tiền rồi. Mục đích cuối cùng đều là những thỏi ngân lượng sáng lóa của đối phương đang chìm trong mê muội, do đó có bán chác gì cũng phải bán sạch sẽ, gợn gàng.

Khi Tô Gia truyền thụ khẩu quyết, ông kết hợp lý luận với thực tiễn, giảng một cách tường tận kinh nghiệm của chính bản thân, cộng thêm những dẫn chứng sinh động.

Lục tự chân ngôn này nói thì dễ, nhưng thực sự để thông hiểu tất cả được nó lại rất khó. Nếu đã vận dụng đủ sáu chữ, mà đối phương vẫn chưa thực sự tin tưởng hoặc vẫn tỏ thái độ xem xem thế nào đã, thì vẫn còn một chiêu cuối cùng, đó là xuất sát.

Tiền đề của xuất sát là đối phương như một con gà béo, vẫn còn chút hoài nghi, không hoàn toàn tin vào ta, thái độ và lời nói cũng không thực sự rõ ràng.

Vậy, thế nào là xuất sát? Suy cho cùng cũng một khâu của Thiên. Ví dụ, ta nói họ gần đây sẽ gặp “họa đổ máu”, họ nửa tin nửa ngờ. Ta muốn giải hạn cho họ, họ không đồng ý. Cuối cùng họ chỉ trả cho ta một ít tiền, mà không cần câu bỏ khoản tiền lớn để giải hạn, lúc này ta có thể thỉnh thị Tô Gia xuất sát.

Tô Gia sẽ phái một vài tay chân đi theo người đó, tìm hiểu cuộc sống thường ngày của đối phương, khoảng vài ba tháng sau, tìm mấy tên lưu manh cố ý kiếm cớ va chạm, đánh cho mặt mũi bầm dập. Ngày hôm sau người đó nhất định sẽ ngoan ngoãn quay lại, nói: “Đại sư, ứng nghiệm rồi, ứng nghiệm rồi! Thật hối hận vì ban đầu đã không nghe theo ngài!”

Hoặc ta xem tướng số cho một ông chủ lớn và phán rằng sắp tới sẽ gặp họa. Ông ta không tin thì Tô Gia sẽ cho người đến phóng hỏa hậu viện nhà ông ta, không đầy mấy ngày sau, ông ta sẽ ngoan ngoãn quay lại giải hạn.

Sau khi vào nghề được ba năm, tôi leo được lên vị trí Bá đầu. Tô Gia nói: “Người có lương tâm mới có thể làm Bá đầu”. Ông nói cái tâm của tôi không hoàn toàn mất hết, tương lai có thể thay vị trí của ông.

Khó có thể khái quát tính cách của Tô Gia chỉ bằng một vài câu đơn giản. Khi hung tính nổi lên, ông sẵn sàng ra tay giết người không chớp mắt, nhưng khi lòng từ tâm xuất hiện, ông lại giống như một vị Bồ Tát.

Thường ngày, Tổ Gia đều giúp đỡ người nghèo, ông không phải giúp đỡ theo kiểu làm cho có, qua loa đại khái, mà giúp đỡ một cách thực sự. Tôi cũng không biết ông làm như vậy có phải vì sám hối lương tâm hay để chuộc tội trong tâm hồn.

Tổ Gia nói, cảnh giới tối cao của A Bảo là chỉ lừa kẻ ác, kẻ xấu, như bà lão mà lần đầu tiên tôi hành nghề, không phải là đối tượng của A Bảo. Đó chỉ là lần luyện tay nghề, mà cũng có thể gọi là luyện cái tâm, dám lừa cả người lương thiện thì cũng dám lừa cả kẻ ác.

Kỳ thực, trong lòng tôi luôn cầu nguyện cho bà lão đó. Ông trời có mắt, mùa xuân năm sau, con trai bà lão bỗng nhiên trở về thật và khi đó cả nước cũng nhanh chóng được giải phóng. Sau này, Tổ Gia cho tôi quay lại nhà bà lão, kín đáo bỏ rất nhiều tiền trong sân nhà. Khi đó, tôi cảm thấy mình đã tìm lại được chính bản thân mình.

Làm A Bảo hiếm khi có được giấc ngủ trọn vẹn, thường xuyên bị tỉnh giấc trong cơn mơ. Có khi tỉnh giấc vì cười lớn, có khi tỉnh giấc vì sợ hãi. Khi rảnh rỗi không có việc gì làm, mọi thường người tụ tập uống rượu, vào lầu xanh. Nhưng có một quy định, các A Bảo muốn chơi thì ra ngoài chơi, có thể chơi hết mình, nhưng không được phép xuất hiện tại địa bàn hành nghề.

Bình thường A Bảo hành nghề với phong thái trang trọng, đạo đức mẫu mực, đặc biệt là các Bá đầu. Nơi hành nghề của họ đều ở những nơi đông đúc sầm uất như cổng thành, phố thị... Hàng ngày, họ ngồi ở đó với tư thế đạo mạo đường hoàng, nếu bị người khác bắt gặp ở chốn ăn chơi trụy lạc, đại họa tất sẽ rơi xuống đầu.

Khi ra ngoài ăn chơi, hoặc nhiều hoặc ít đều phải hóa trang. Điều này không hề khó đối với A Bảo. Mỗi người đều có vài bộ trang phục, mấy bộ râu tóc giả bởi lẽ đã đi lừa đảo tất phải hóa trang.

Đi chơi thì có thể, nhưng không được phép tẩu phong, tức là trực tiếp hành nghề ở bên ngoài, hoặc gia nhập giới A Bảo ở nơi khác. Đây là điều đại kỵ. Trong hơn 20 năm Tổ Gia cai quản Đường khẩu, chưa từng xảy ra tẩu phong một lần nào.

Có một tay chân ăn chơi bên ngoài, bị mắc bệnh hoa liễu, cuối cùng toàn thân phát bệnh mà chết. Trước khi chết, có ý nguyện muốn gặp cha mẹ, nhưng Tổ Gia không đồng ý. Ông nói: “Người gặp họ với

bộ dạng này, họ sẽ chết vì đau lòng mất.”

Sau khi tên này chết, Tổ Gia cho hỏa thiêu. Về phần gia đình, hàng tháng Tổ Gia đều cử người đến đưa tiền, nói rằng anh ta ở ngoài làm ăn rất tốt. Vì công việc quá bận rộn nên không về thăm cha mẹ được.

Tôi hỏi Tổ Gia vì sao không đưa ra quy định, cấm không cho ai được phép đến kỹ viện. Tổ Gia trả lời: “Ăn chơi, gái gú là bản tính của con người. Làm A Bảo là phải đem cả tính mạng ra để đánh cuộc, ta làm vậy vì điều gì hả? Nếu áp chế bản tính của họ, sớm muộn gì cũng sẽ tạo phản. Ăn no, uống đủ, đi điếm thoải mái, có như vậy họ mới có sức lực làm việc.”

Khi đó, tôi mới nhận thấy nhân tính của Tổ Gia thật đáng sợ.

LẦN LỘ CỤC DUY NHẤT CỦA TỔ GIA

Người mới vào nghề sau khi học Lục tự chân ngôn thường xuyên cùng ngồi lại thảo luận, mọi người ai nấy đều hăm hở xắn tay áo, nóng lòng muốn thử sức.

Nhưng Tổ Gia lại nói: “Học được Lục tự chân ngôn, đồng nghĩa với việc càng gần với cái chết hơn.”

Lời nói ấy khiến mọi người sợ hãi, đứng ngậy ra không nói được câu nào. Tổ Gia liền giải thích: “Kẻ bị chết chìm, đều là những kẻ biết bơi. Kẻ không có bản lĩnh, không bao giờ dám có tà tâm. Chỉ có kẻ có bản lĩnh mới dám liều lĩnh mạo hiểm. Bản lĩnh là phúc, nhưng cũng chính là họa. Do đó, học được những thứ này, khi hành nghề càng phải thận trọng hơn!”

Lúc này mọi người mới tỉnh ngộ. Quả đúng như vậy, trước khi học những thứ này, ai nấy đều cảm thấy chơi vui không nơi bầu vịu. Khi học được rồi, dường như tay nắm được chuôi dao, ai cũng muốn thử ngay xem thế nào. Một khi ý niệm tội ác sinh ra, nguy hiểm cũng theo đó mà đến.

Thế là những tay mới như chúng tôi bắt đầu suy đoán, ngoại trừ Lục tự chân ngôn này, liệu còn có mật quyết nào cao siêu hơn nữa không? Có thể dùng để xoay chuyển cục diện cuối cùng không?

“Có! Nhưng không phải ai cũng có thể học được.” Tổ Gia nói: “Chiêu cuối cùng này là trực giác. Cũng chính là giác quan thứ sáu. Trực giác là thứ không thể nói rõ ra được, nhưng nó thực sự tồn tại. Bất kỳ sự việc nào sắp xảy ra, trong sâu thẳm đều có một dự cảm, chỉ một số người mới có thể cảm nhận được.”

Tổ Gia là người có trực giác vô cùng nhạy bén. Cũng chính nhờ điều này mà ông đã nhặt lại được mạng sống của mình quay về. Đó là lần duy nhất Tổ Gia để “lộ cục”.

Năm Dân Quốc thứ 28 (1939), có một vị quan chức cấp cao của Cục Quân thống Quốc dân Đảng đến đôn đốc công việc ở địa bàn của Tổ Gia, Khôi gia nói: “Đây có thể là một tên ‘nhất’ to tướng. Chỉ cần Tổ Gia đích thân ra tay, chắc chắn sẽ kiếm được một khoản lớn.”

Khôi gia là thủ lĩnh của xã hội đen, khi Quốc dân Đảng truy lùng Đảng Cộng sản, rất nhiều tin tức đều do ông ta cung cấp và cũng có rất nhiều việc đều do bàn tay ông ta nhúng vào.

Hiếm khi Tổ Gia đích thân ra tay. Chỉ khi gặp quan chức, hoặc quý bà giàu có, những ông chủ tài phiệt, ông mới tự mình làm “tướng”.

Bài diện của Tổ Gia rất đẹp. Bài diện là tiếng bản địa, tức là tướng mạo. Hơn nữa phong cách ăn nói của ông cũng rất thanh cao tao nhã. Chỉ có tướng mạo và phong cách này của ông mới xứng với bàn tiệc lớn, xứng với dàn đại cục.

Tổ Gia đối ngoại với thân phận là truyền nhân của Thiết bản thân số, nhân vật mà rất nhiều tờ báo xếp ngang hàng với Vĩ Thiên Lý⁽¹²⁾.

Khôi gia có qua lại với người của Cục Quân thống, còn kết nghĩa anh em với một vị quan chức của Cục này. Con mỗi lần này chính là anh em kết nghĩa của ông ta.

Khôi gia từ lâu đã đánh hơi thấy được người anh em kết nghĩa này rất tin vào số mệnh, bèn tìm cơ hội nói với ông ta: “Ở đây có một vị đại sư tướng số, vô cùng lợi hại. Chỉ có điều rất khó có thể mời được ông ta đích thân ra tay.”

Viên quan này lập tức nhờ vả Khôi gia hẹn gặp giúp, nhưng hẹn

đến ba lần đều không thành. Đây gọi là Vờ tha để bắt thật.

Cuối cùng, mấy tháng sau, ông ta cũng hẹn được, địa điểm gặp mặt ở một lầu trà. Trước đó thông qua sự mô tả và thông tin mà Khôi gia cung cấp, Tổ Gia có thể nói đã nắm rõ mọi chuyện về viên quan Cục Quân thống này như lòng bàn tay.

Trước tiên Tổ Gia hỏi Bát tự, trầm ngâm suy tính một lát rồi nói: “Năm 28 tuổi, ngài suýt chút nữa mất mạng vì một khẩu súng.”

Vị quan này trả lời: “Đúng vậy.”

“Năm 29 tuổi, ngài được thăng chức.”

Vị quan trả lời: “Đúng.”

Tổ Gia lại nói: “Ngài có ba người vợ.”

“Đúng.” Vị quan trả lời.

Tổ Gia nói: “Sang năm ngài sẽ gặp kiếp nạn, sẽ mất chức vị.”

Vị quan nửa tin nửa ngờ nói: “Ồ, vậy ư?”

Tổ Gia nói: “Ngài làm theo lời tôi, tôi giúp ngài điều chỉnh một chút phong thủy.”

Tổ Gia giảng giải một cách tường tận cho ông ta cách làm thế nào để điều chỉnh lại phong thủy. Cuối cùng vị quan này nắm chặt tay Tổ Gia nói: “Tiên sinh quả là cao nhân!”

“Người đâu!” Viên quan đó kêu thuộc hạ mang đến một chiếc vali, bên trong là từng xấp từng xấp giấy bạc mới cứng: “Tiên sinh vất vả rồi. Một chút lòng thành, xin tiên sinh hãy nhận cho.”

Tổ Gia mỉm cười nói: “Có thể bỏ chút công sức vì Cục trưởng đã là một niềm vinh hạnh cho鄙 nhân rồi. Làm sao lại có thể nhận tiền của ngài được?” Nói xong, ông liền quay đi.

Giác quan thứ sáu của Tổ Gia vô cùng nhạy bén, ông cảm thấy có điều gì đó không ổn ở đây, nên ngay lúc đó liền thay đổi kế hoạch,

một xu cũng không lấy.

Trên đường về nhà, Tổ Gia còn phát hiện có người đang đi theo mình. Không hề quay đầu lại, ông bước nhanh về thẳng nhà.

Vừa về đến nhà, ông phát hiện trong nhà có bốn tên đặc vụ, chúng lập tức chĩa súng quay về phía ông nói: “Mời ông đi theo chúng tôi.”

Tổ Gia hỏi: “Đi đâu?”

Một tên đặc vụ nói: “Đi gặp Cục trưởng của chúng tôi.”

Tổ Gia bị áp giải về Cục. Vị Cục trưởng nói với vẻ mặt rất kỳ quặc: “Cái trò trẻ con này mà cũng định lừa ông đây hay sao?”

Tổ Gia hỏi lại với vẻ khó hiểu: “Ngài nói vậy nghĩa là sao?”

Vị Cục trưởng nói: “Ta cố ý làm như vậy để các người mắc câu.”

Tổ Gia lập tức hiểu ra vấn đề, hóa ra ông ta là Táo, những điều ông ta tiết lộ cho Khôi gia đều là giả.

Tổ Gia nói: “Vậy là ý gì?”

Vị Cục trưởng trả lời: “Tên Khôi Nhị khốn kiếp! Từ hôm hấn giới thiệu người cho ta, ta đã có ý nghi ngờ rồi. Ta biết hấn biết rất nhiều điều về ta, nên đã cố ý bịa ra chuyện suýt bị mất mạng năm 28 tuổi. Kết quả là người cũng nói y như vậy, thử nói xem người có đáng chết không?”

Tổ Gia cười nhạt: “Cục trưởng quả nhiên cao minh. Chính xác là như vậy!”

Vị Cục trưởng sững người.

Tổ Gia nói tiếp: “Khôi Nhị nói với tôi là Cục trưởng muốn xem tướng số và bảo tôi xem chuẩn một chút. Chúng tôi hành nghề xem tướng số không dám đảm bảo chính xác trăm phần trăm. Khôi Nhị nói ông ta tiết lộ cho tôi một vài thông tin, tiền kiếm được sẽ chia đều. Ông ta là người của giới Hắc đạo, những nhà tướng số nhỏ bé chúng tôi không dám không nghe theo, do đó chỉ có thể làm theo lời ông ta

nói. Nhưng Cục trưởng à! Ngài cũng thấy đấy, một xu tôi cũng không dám lấy, vì chúng tôi xem tướng số luôn tin thiện hữu thiện báo, ác giả ác báo.”

Cục trưởng mỉm cười nói: “Được, bây giờ người xem cho ta, xem chính xác, ta sẽ thả người, Bằng không lập tức bắn bỏ!”

Tổ Gia quả không hổ danh là Tổ Gia, nếu không ông đã chết từ lâu rồi. Ông nhắm hai mắt lại, miệng lẩm nhẩm mấy câu, một lát sau định thần lại nói: “Cục trưởng ngài sinh ở nhà này, nhưng được nuôi ở nhà khác.”

Cục trưởng sững người: “Nghĩa là sao?”

Tổ Gia trả lời: “Nuôi ngài trưởng thành không phải là cha mẹ đẻ.”

Cục trưởng nói: “Người... người nói tiếp đi.”

Tổ Gia nói: “Phía nam nhà ngài có một con sông, hoặc có một hồ nước, nếu không ngài không thể leo lên đến chức Cục trưởng.”

Vị Cục trưởng trầm ngâm một lát: “Tiếp đi.”

Tổ Gia nói: “Cục trưởng, ngài không nói đúng hay sai, tôi không dám nói nữa.”

Vị Cục trưởng hỏa khí đã hạ, nói: “Đúng, đúng là có một cái hồ, nhưng sau này gặp hạn hán, nên cái hồ đó đã bị cạn khô.”

Tổ Gia nói: “Thế phong thủy đó có lợi cho con đường hoạn lộ của Cục trưởng, ngài lên chức nên nước tự nhiên sẽ cạn đi.”

Vị Cục trưởng cười lớn.

Đây chính là chữ Long trong Lục tự chân ngôn, tức tăng bốc lấy lòng, nhưng tăng bốc cũng phải có độ, nếu không sẽ phản tác dụng. Tổ Gia dùng chiêu này thật vô cùng khéo léo.

Cuối cùng Tổ Gia cũng quay về một cách bình an. Về đến nhà, cả người ướt đầm mồ hôi. Ông lập tức triệu tập Bá đầu, tuyên bố: “Lộ cục rồi. Khôi Nhị phen này chết chắc.”

Một Bá đầu nói: “Không nghiêm trọng đến vậy chứ?”

Tổ Gia nói: “Lần này là đặc tội với tên trùm đặc vụ, có thể sống quay về được là phúc bảy mươi đời nhà ta rồi. Khôi Nhị chắc chắn sẽ khai ra chúng ta, mau chóng thông báo cho các huynh đệ, lập tức giải tán Đường khẩu. Mọi người không được liên lạc với nhau, không có lệnh của ta, tuyệt đối không được hành nghề trở lại. Mọi người chia nhau cầm theo ít tiền, rồi trốn đi.” Ngay đêm đó, Tổ Gia vội vàng lên đường về quê.

Lần đó giải tán Đường khẩu khoảng một năm, cho đến khi người Nhật đánh chiếm Trung Quốc, Quốc dân Đảng lùi về phía sau chiến trận.

Đến đây chắc hẳn ai cũng sẽ thắc mắc: vì sao vào thời điểm cấp bách cuối cùng đó Tổ Gia lại bó buộc? Phàm là Tổ Gia làm bất cứ việc gì đều để lại đường lui cho mình. Trước tiên theo những thông tin Khôi Nhị cung cấp, ông cử một vài tay chân lần theo đầu mối, đi gần trăm dặm, tìm đến tận quê quán của vị Cục trưởng đó, ghi chép lại toàn bộ địa hình địa mạo nơi đó. Mặt khác những tên tay chân này còn hóa trang thành người đi bán ớt, lân la hỏi chuyện hàng xóm, biết được một vài sự việc thời thơ ấu của vị Cục trưởng.

Khôi Nhị có nằm mơ cũng không thể nghĩ đến việc Tổ Gia để lại đường rút cho mình, vị Cục trưởng đó càng không thể ngờ rằng vì dàn cục mà Tổ Gia phải mất đến hai tháng để tìm ra quê quán mà ông ta rời xa đã hơn 20 năm.

Giác quan thứ sáu nhạy bén cộng thêm việc luôn để đường lui cho mình là bí quyết không bao giờ thất bại trong mấy chục năm hành tẩu giang hồ của Tổ Gia.

THUẬT TRÁT PHI - GIẢ THẦN GIẢ QUỶ

Thời điểm khi mới vào nghề, tôi luôn suy nghĩ đến một vấn đề. Đó là vì sao Tổ Gia lại kết nạp tôi vào Đường khẩu? Tôi vừa xấu vừa đàn. Với trí thông minh và con mắt tinh đời, ông không thể không biết điều đó. Rốt cuộc ông đang nghĩ gì đây?

Mới vào nghề có rất nhiều kiến thức cần học, không có nhiều thời gian để tôi nghĩ đến những việc không liên quan đến nghề A Bảo. Do

đó, mỗi lần tôi không tập trung, Nhị Bá đầu liền đập cho tôi một cái vào sau đầu.

“Người nhắc lại một lượt những điều ta vừa nói xem.” Nhị Bá đầu hằm hè gần giọng quát tôi.

Tôi bừng tỉnh, tay xoa xoa đầu. Kỳ thực, hôm đó Nhị Bá đầu giảng về kiến thức liên quan đến thuật Trát phi. Trong Đường khấu, Nhị Bá đầu là bậc cao thủ Trát phi, rất được Tổ Gia yêu mến. Ông ta luôn tự hào về những vụ Trát phi mà mình đã thực hiện. Khi giảng bài, học trò không tập trung thì quả là một sự sỉ nhục lớn đối với ông ta.

Thực ra, những thứ đó tôi đã được nghe ông ta ba hoa rất nhiều lần, tôi không biết giả vờ nịnh nọt giống như những người khác, bọn họ luôn tròn mắt ngây thơ mỗi khi nghe Nhị Bá đầu kể đi kể lại những câu chuyện đó.

Trong trí nhớ của tôi, vụ dàn cục Trát phi hay nhất chính là năm thứ hai sau khi tôi vào nghề, Nhị Bá đầu theo sự sắp đặt của Tổ Gia dàn cục một ông chủ lớn.

Năm Dân Quốc thứ 38, đêm trước giải phóng, nhà Tứ gia Lâm Trấn Trương xảy ra chuyện.

Con trai Trương Tứ gia mắc bệnh tương tư, không thiết ăn uống, người gầy đến nỗi chỉ còn da bọc xương. Trương Tứ gia là hậu duệ của Kỳ Nhân, sau cách mạng Tân Hợi, thế lực dần suy bại, nhưng Lạc đà gầy trơ xương vẫn to hơn ngựa, vẫn là một miếng thịt béo.

Sự việc là thế này, con trai Trương Tứ gia đến hẻm Nam Liễu chơi gái, gặp một cô nương tên Xuân Đào, liền động lòng tình, nhưng nha đầu đó vô cùng lẳng lơ, tính toán, lừa cho mấy quả rồi biến mất. Kết quả Trương công tử ngày đêm nhung nhớ, không ăn không uống, mới có mấy ngày mà hai hố mắt trũng sâu, mặt mũi vêu vao, hốc hác trơ trơ như cái đầu lâu.

Tổ Gia nhân cơ hội này tìm người dẫn mối, bắt tin đến Trương Tứ gia rằng thực chất là Trương công tử bị một con hồ ly quyến rũ, phải làm lễ cúng bái, trừ yêu, bệnh tương tư tự nhiên sẽ khỏi.

Ban đầu, Trương Tứ gia không tin, nhưng vài hôm sau, vào một

buổi tối, Trương Tứ gia ăn cơm xong ra sân tản bộ, bỗng nhiên nhìn thấy một bóng đen lướt qua trước mặt, chưa kịp phản ứng xem là chuyện gì thì lại có một bóng đen nữa lướt qua, hai bóng đen một trước một sau nhảy phắt lên tường, rồi theo đó nhảy xuống hậu viện biến mất, cỏ cây trên tường bị hai bóng đen đó chạy qua phát ra âm thanh xào xạc, Trương Tứ gia nhìn thấy rất rõ, chính là hồ ly tinh. Một ngày sau đó, Trương Tứ gia và người nhà mỗi tối đều nhìn thấy hồ ly tinh thoắt ẩn thoắt hiện trong sân nhà, ông ta sợ hãi tìm đập thành thịch, lại thêm có người xúi giục, cuối cùng phải đến gõ cửa Tổ Gia nhờ giúp đỡ. Vậy là, Tổ Gia điều Nhị Bá đầu đến lập đạo tràng.

Một đạo tràng lớn được dựng lên, một bàn hương án to, mười mấy A Bảo đóng giả làm đạo sĩ miệng niệm thần chú, chạy đi chạy lại quanh đạo tràng. Nhị Bá đầu dùng một miếng vải trắng trùm lên đầu, tay cầm kiếm gỗ đào múa may trong không trung như đang vẽ tranh. Nửa đêm giờ Tý, tiền giấy kèm theo khói bay mù trời, Nhị Bá đầu giống như lên cơn kinh phong, chạy đi chạy lại quanh sân, trong tay cầm bảo kiếm chém dọc chém ngang. Bỗng nhiên, trên trán ông ta có máu chảy, nhuộm đỏ cả miếng vải trắng, đồng thời chảy theo sống mũi nhỏ xuống đất. Mọi người có mặt chứng kiến đều bị dọa hoảng sợ một phen.

Sau khi Nhị Bá đầu thu chiêu lại, bộ dạng vô cùng mệt mỏi, Trương Tứ gia nét mặt vẫn còn hoảng sợ, bèn hỏi: “ Sư phụ, sao ông lại bị chảy máu vậy?”

Nhị Bá đầu nói: “ Con hồ ly tinh này quả thật lợi hại, vừa rồi khi ta đấu với nó một trận, nó nhảy lên đầu ta, cắn ta một miếng. Giờ thì tốt rồi, ta đã diệt trừ được nó, các người đi tìm xác của nó đi.”

Mọi người tỏa ra đi tìm quanh sân một hồi lâu, nhưng không tìm thấy. Nhị Bá đầu nói: “ Không cần phải vội, nó chạy không xa được đâu.” Sau đó, mọi người đều quay về.

Ngày hôm sau, mới tờ mờ sáng, một tiếng kêu thất thanh từ trong phòng Trương công tử phát ra, Trương lão gia và mọi người vội vàng chạy lại xem chuyện gì, chỉ thấy trong chăn của Trương công tử có một con cáo mình đầy máu me nằm cuộn tròn. Trương Tứ gia hỏi làm sao mà kêu thế? Trương công tử run cầm cập, lắp ba lắp bắp nói: “ Buổi sáng dậy đi tiểu tiện, cảm thấy trong chăn có vật gì đó, mở ra thì thấy...”

Trương Tứ gia ngấm nghĩ một lát, rồi gật gật đầu mỉm cười. Trương công tử cũng nhờ lần sợ hãi này mà tỉnh táo hơn. Anh ta cảm thấy đói và bắt đầu ăn uống trở lại, mấy hôm sau sắc mặt tươi tỉnh, sức khỏe cũng hồi phục rất nhiều.

Sau đó, Trương Tứ gia đặc biệt chuẩn bị mấy chục đỉnh bạc, vài xấp tơ lụa thượng hạng, đem đến tạ ơn Tổ Gia và Nhị Bá đầu. Ông ta nói: “Các sư phụ quả là đạo pháp cao minh, cứu độ muôn dân.”

Kỳ thực, từ đầu đến cuối đây đều là một màn lừa bịp không hơn không kém. Ban đầu, Trương Tứ gia không tin, Tổ Gia bèn sai Nhị Bá đầu dẫn theo mấy người lên núi bắt vài con cáo, cách một hôm thả một con vào nhà Trương tứ gia, đợi đến khi đối phương tin là có “hồ ly tinh” thật, liền cử Nhị Bá đầu đến lập đàn làm phép. Còn về máu trên đầu, kỳ thực là máu chó. Nhị Bá đầu dùng một tấm vải trắng được may nhiều lớp, ở giữa có đặt một túi tiết chó được làm từ bàng quang của lợn. Khi làm phép Nhị Bá đầu chum tấm vải này lên đầu, nhân lúc không ai để ý, đập mạnh lên trán một cái, túi máu chó liền vỡ ra, máu sẽ chảy xuống. Trong lúc hỗn loạn, không ai đề phòng, sai một tên tay chân chạy vào nắp sẵn trong phòng Trương công tử, thổi một ít mê hồn tán, rồi đem con cáo đã chết nhét vào trong chăn của anh ta.

Thủ pháp này được gọi là Trát phi, cũng tức là chiêu giả thần giả quỷ.

Tổ Gia thường nói: “Phàm ‘nhất’ giai khả Trát phi, quân tử kính quý thần nhi viễn chi, tiểu nhân úy quý thần nhi chiêu chi, phi hữu sở cù, tức hữu sở cầu, A Bảo trát chi, thuận thiên thừa mệnh.”

Ý rằng, người quân tử chân chính trong tâm không có quý, ngay thẳng bộc trực, không sợ quý thần. Còn những kẻ sợ quý hoặc cầu khẩn quý thần, nếu không phải vì làm việc trái với lương tâm thì chắc chắn có điều muốn cầu xin quý thần, A Bảo có thể nhân cơ hội này mà thả thông lọng. Thủ đoạn của thuật Trát phi rất đa dạng như chu sa họa quý, thần tiên gửi gắm... thực chất đều có tác dụng làm đạo cụ.

Trong Kinh Hoa nghiêm nói: “Ác nghiệp tạo ra trước kia, đều do tham, sân, si vô cùng vô tận.” Nhược điểm trong bản tính con người chính là: tham, sân, si. Quan sát một cách tỉ mỉ thì dường như tất cả tai họa đều bắt nguồn từ ba nhược điểm này.

Tham là tham lam. Tức tham tài, tham sắc, tham danh, tham tiếng, tham địa vị... để thỏa mãn sự tham lam đến điên rồ cuồng dại, táng tận lương tâm, không việc gì không dám làm. Bọn tham quan, cường đạo, trộm cướp, cò bạc, háo sắc, gian thương, đạo văn, bao gồm cả A Bảo đều như nhau. Kết cục cuối cùng của những người này đều rất thê thảm.

Sân nghĩa là phần nộ, tức giận. Khi tức giận về căn bản không thể khống chế được bản thân mình, những kẻ tử tù vì tức giận nhất thời mà giết người, chẳng tên nào không cảm thấy hối hận cả. Hàm nghĩa khác của sân là sự đố kỵ, một khi sinh ra tâm đố kỵ, dù là bạn bè bằng hữu tốt đến mấy chẳng nữa đều sẽ ngáng chân lẫn nhau.

Si là si tình. Kẻ rơi vào lưới tình, nhất là kẻ bị làm cho mê mẩn tâm thần, mất đi hồn phách, bị tình cảm chi phối, cuối cùng kẻ buồn rầu mà chết, kẻ vì yêu mà sinh lòng thù hận hoặc giết chết đối phương, hoặc cả hai tự tử vì tình.

Một khi con người để lộ ra ba nhược điểm này, A Bảo tất sẽ có cơ hội ra tay.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Chương 2. SỰ PHỤ TÔI LÀ THẦY TƯỚNG SỐ TIẾNG TẮM LẤY LỪNG THỜI DÂN QUỐC

Thi thể tiên đồng trôi ngược dòng

Tôi tên là Lưu Thiên Lượng. Mẹ nói tôi sinh ra vào lúc trời sắp sáng, do đó cha tôi đã đặt tên cho tôi là Thiên Lượng. Khi mới gia nhập Đường khấu, mọi người đều gọi tôi là Lượng gốc, sau này Tổ Gia nói: “Gia nhập Đường khấu, là huynh đệ một nhà, từ nay về sau không được gọi là Lượng gốc nữa.” Nhị Bá đầu hỏi: “Vậy gọi là gì?” Tổ Gia nhìn tôi một lượt rồi mỉm cười nói: “Đầu to như vậy, hãy gọi là Đại Đầu đi.” Từ đó về sau, mọi người đều gọi tôi với cái tên Đại Đầu. Nhị Bá đầu thường nói tôi rằng: “Đầu rất to, nhưng bên trong toàn bã đậu.” Có lúc Tổ Gia hỏi tôi: “Đại đầu, có hối hận khi đi theo ta không?” Kỳ thực, nhiều năm trở lại đây, tôi luôn suy nghĩ về vấn đề này, hối hận hay không hối hận? Rõ ràng Tổ Gia biết tôi không phải là người thích hợp làm A Bảo, nhưng ông vẫn cho tôi gia nhập Đường khấu... Tôi vốn là một tên hầu bàn trong quán trà, nếu không phải Tổ Gia thường xuyên đến uống trà ở quán, tôi cũng sẽ không quen biết ông. Chỗ ngồi của Tổ Gia đều do tôi đặc biệt giữ trước. Trước khi ông đến, tôi đều lau bàn ghế sạch bóng. Ông làm rơi quạt, tôi liền nhặt lên giúp. Ông làm rơi tiền, tôi đều nhặt lấy rồi đuổi theo trả lại. Dần dần, Tổ Gia không còn xem tôi là người ngoài, mỗi lần đến uống trà, đều cao giọng gọi: “Lượng gốc, cho lão gia ấm trà Long Tỉnh!”

Tôi vui vẻ đáp lời: “Có ngay đây!”

Con người tôi có phần đẫy đà, dáng vẻ ngậy ngậy ngô ngô nên người trong quán trà đều gọi tôi là Lượng gốc. Thực ra, gốc hay không, trong lòng tôi là người rõ nhất, chúng ta đều là dân đen bách tính, rơi vào thời loạn thế binh đao, gốc ghéch một chút cũng chẳng thiệt thòi gì.

Một lần Tổ Gia đến uống trà, hỏi tôi: “Lượng gốc, gia đình ngươi có mấy người?”

Tôi đáp: “Thưa Tổ Gia, nhà chỉ có một mẹ già, năm ngoái mắc bệnh đã qua đời. Một em gái đã lấy chồng phương xa. Trong nhà chỉ còn mỗi mình con.”

Tổ Gia lại hỏi: “Vậy làm việc ở đây, một năm người được bao nhiêu?”

Tôi cười nói: “Thưa ông, con chẳng có bản lĩnh gì, chỉ biết chạy đi chạy lại. Nhờ ơn của ông chủ quán trà, cho chúng con có miếng cơm ăn là tốt lắm rồi, đâu dám đòi thêm tiền chứ.”

Tổ Gia trầm ngâm một lát rồi bảo: “Sau khi đóng cửa hiệu, người đến nơi này tìm ta, lão gia ta có điều muốn nói với người.” Sau đó đưa cho tôi một mảnh giấy nhỏ có viết địa chỉ. Tôi may mắn học được ít chữ, không đến nỗi là kẻ mù chữ.

Sau khi quán trà đóng cửa, tôi cầm mảnh giấy, theo địa chỉ ghi trên đó, tìm đến chỗ của Tổ Gia. Trên đường đi, tôi hỏi hợp đến nỗi tìm đập thành thịch. Tôi không hiểu vị lão gia này tìm mình có việc gì, nhưng trực giác bảo với tôi rằng, chắc chắn không phải là việc xấu.

Đi qua mấy chỗ ngoặt, cuối cùng cũng đến được nơi ở của Tổ Gia, đó là một trang viên rất lớn. Cổng chính quay về hướng Nam, bước qua cổng thì gặp một cây táo to, giữa hành lang có một cái ang nước lớn, hai phía đông tây mỗi phía có một gian nhà kè, đi tiếp vào trong là sảnh chính. Đây chính là Đường khẩu, ở giữa có treo một bức Bát mặc tiên nhân đồ phỏng theo trường phái thời Tống, hai bên là hai câu đối, vế trước là: Nhân giả nhân tâm nhân nghĩa sự; vế sau là: Bảo hòa bảo thiện bảo thái bình.¹ Sau này tôi mới được biết, câu đối này do Tổ Gia đích thân viết.

Khi tôi đến, Tổ Gia đang bàn việc với một nhóm chừng sáu bảy người. Tôi vừa đến, cũng đúng lúc cuộc họp kết thúc. Một vị quản gia dẫn tôi đến, Tổ Gia phẩy tay một cái, mọi người đều đi ra ngoài hết.

Tổ Gia dẫn tôi vào thư phòng, nói: “Lượng ngọc, ngồi đi, Tổ Gia ta có điều muốn nói với người.” Ông lại dặn người dưới dâng trà lên.

Tôi chỉ là một chân chạy bàn, bình thường đều quen thói người khác ngồi, tôi đứng. Người khác uống trà, tôi nhìn. Tổ Gia bảo tôi ngồi khiến tôi lúng túng không biết đặt mông vào đâu.

Tổ Gia thấy tôi mặt mày căng thẳng thì cười nói: “Đừng nhút nhát thế! Ngồi xuống, ngồi xuống đi!”

Tôi dè dặt ngồi xuống. Một lát sau, một lão gia nhân khoảng 50 tuổi bê lên một bình trà, rót đầy hai chén, rồi đưa một chén lên nói: “Mời lão gia dùng trà”. Sau đó đưa cho tôi một chén, tôi vội vàng đứng dậy, lúng túng đón lấy chén trà. Tổ Gia lại mỉm cười: “Ngồi xuống, ngồi xuống! Hôm nay ngươi là khách của ta.”

Tôi cảm thấy các thớ thịt trên mặt mình căng ra, ngượng nghịu cười nói: “Tạ ơn lão gia, tạ ơn lão gia.” Bởi trà vẫn nóng nên khi nhấp một ngụm tôi suýt bỏng miệng, khiến Tổ Gia và lão gia nhân bật cười ha hả.

Tổ Gia nói với lão gia nhân: “Lui xuống đi.” Lão gia nhân nhìn tôi một cái rồi đi ra.

Trong phòng chỉ còn lại tôi và Tổ Gia. Tôi lúng túng xoay xoay chén trà trong lòng bàn tay, không biết phải nói gì.

Tổ Gia nhấp một ngụm trà, thủng thẳng hỏi: “Lượng ngọc, ngươi tính cả đời này làm tên hầu bàn sao?”

Tôi trả lời: “Lão gia, con chẳng có chút bản lĩnh gì, chỉ có thể làm chân chạy bàn. Kiếm được miếng ăn là quá tốt rồi.”

Tổ Gia nói: “Ngươi luôn miệng gọi ta là lão gia... lão gia. Bản thân ngươi đã bao giờ nghĩ đến một ngày nào đó, mình sẽ làm lão gia không?”

Câu nói này khiến tôi suýt đánh rơi chén trà xuống đất, vội vàng nói: “Lão gia, ông nói gì vậy? Con đời này chỉ là kẻ đi hầu hạ những người như ông. Phận con hèn, nào có phúc phận làm ông nọ bà kia.”

Tổ Gia sa sầm mặt nói: “Ngươi đúng là kẻ không có khí phách.”

Tôi ngẩn người. Đây đâu phải là việc có khí phách hay không. Ai chẳng muốn làm ông chủ để người khác hầu hạ, nhưng vấn đề ở chỗ phải có bản lĩnh. Tôi cúi đầu im lặng.

Tổ Gia thở dài một tiếng, nói: “Lượng ngọc, người biết không, ta trước đây còn không bằng nhà người nữa kia.”

“Ồ?” Tôi ngẩng đầu lên, không hiểu ý của ông là gì.

Tổ Gia nói: “Người đi theo ta.”

Tổ Gia quay người đi, tôi lập tức theo sau, ra khỏi chính đường, sau đó sang gian nhà phía tây. Vừa vào đến cửa, tôi giật mình sợ hãi. Trong phòng đều là bài vị của người đã khuất. Tôi nhìn thật kỹ, có Tiên khảo từ phụ đại nhân, Tiên tử từ mẫu đại nhân, còn có huynh trưởng, tiểu muội, tiểu đệ... Tôi mơ mơ hồ hồ, ngây người ra nhìn Tổ Gia.

Tổ Gia thắp một nén nhang, cắm vào bát hương, rồi chậm rãi kể chuyện xa xưa.

Tổ tiên của Tổ Gia từng là thành viên của Thiên Địa hội, cuối thời nhà Thanh có tham gia quân Thái Bình², đến đời cha của ông, cuộc sống vẫn rất khá giả. Sau Cách mạng Tân Hợi (năm 1911), cha ông giữ chức vụ quan trọng trong Chính phủ Quốc Dân, sau đó còn tham gia “Phong trào bảo vệ Hiến pháp”³. Do ủng hộ bảo vệ Hiến pháp bằng bạo lực do Tôn Trung Sơn khởi xướng và dẫn dắt, ông bị Quốc dân Đảng thủ tiêu nhằm nhổ cỏ nhổ tận gốc. Vào một đêm, có mấy tên đao phủ xông vào nhà Tổ Gia, giết chết cả nhà từ bé đến lớn, không trừ một ai.

Ông bà nội Tổ Gia bị chúng đâm chết không kịp kêu một tiếng, mẹ và anh trai ông liều mạng chống lại mấy tên sát thủ. Bà bị đâm mấy nhát vào bụng, xổ cả ruột gan ra ngoài, bò trên mặt đất, gắng chút hơi tàn ôm chặt chân một tên sát thủ, hét to với Tổ Gia: “Mau đưa em trai và em gái chạy đi!” Tổ Gia hoảng sợ đưa hai em chạy liên một mạch mười mấy dặm trong đêm mới dám dừng lại. Sau đó, ba anh em ôm chặt lấy nhau mà khóc.

Năm đó, Tổ Gia 15 tuổi, em trai 10 tuổi, em gái 8 tuổi còn anh trai bị giết chết 18 tuổi. Từ đó, ba anh em may mắn thoát khỏi tai họa, lưu lạc đầu đường xó chợ, ăn xin sống qua ngày.

Một hôm, đang ăn xin trên phố thì phía trước có mấy người đi

đến. Trong đó, một người đeo kính đen cho ba anh em mấy chiếc bánh nướng rồi nói: “Bé con, ta có chút việc vặt, các người làm giúp ta, làm xong ta cho các người tiền.”

Tổ Gia nhìn bọn họ, rồi quay sang nhìn hai đứa em đang đói lả, rồi hỏi: “Việc gì?”

Người đó nói: “Rửa bát, lau bàn ghế, không có gì nặng nhọc cả.”

Tổ Gia nghĩ ngợi một lát, nói: “Được. Ở đâu vậy?”

Người đó trả lời: “Gần đây thôi, đi theo chúng ta.”

Kể đến đây, mắt Tổ Gia ngân ngấn đờ, thở dài rồi nói: “Nếu... ta có thể quay lại thời điểm bấy giờ, ta thà để em trai và em gái chết đói, chứ không đưa chúng đi đến nơi đó.”

Mấy kẻ đó hết rẽ trái rồi lại rẽ phải, dẫn ba anh em Tổ Gia đến một căn nhà cũ nát không có người ở. Vừa bước qua cửa, ba anh em Tổ Gia bị đám người đó dùng khăn tay bịt vào mũi, sau đó thì không biết gì nữa.

Hóa ra, đây là mấy tên A Bảo ở vùng này. Bọn chúng vì muốn đàn cục, mà không từ cả việc gây nên vụ án mạng mất hết nhân tính. Năm đó, nơi này bị hạn hán, hoa màu đều sắp chết héo cả. Bọn A Bảo tung tin đồn nhảm, rằng đây là ác quả mà người nơi này phải gánh chịu do không làm việc thiện. Gần đây xuất hiện “Tiên đồng báo mộng”, khi ngủ mọi người phải thật chú ý. Hơn nữa Nhị vị tiên đồng hòa hợp sẽ chọn ngày lành tháng tốt hiển hiện nhục thân trên sông, tức ở giữa sông sẽ xuất hiện “Thi thể trôi ngược dòng”, để báo hiệu cho thế nhân biết.

Bọn A Bảo sau khi tung tin đồn này ra, liền bắt đầu tảo đi khắp nơi tìm kiếm người thế mạng. Bọn chúng không dám đụng vào những đứa trẻ con ở vùng này. Đúng lúc chúng gặp ba đứa nhóc ăn mày, những đứa trẻ lang thang này có chết cũng chẳng ai tìm kiếm. Thế là chúng dùng mê hồn tán đánh thuốc mê ba anh em Tổ Gia. Vì em trai và em gái của Tổ Gia tuổi xấp xỉ nhau, vóc người cũng không chênh lệch là mấy nên chúng nhắm tâm xuống tay giết chết chúng. Sau đó chúng cho hai thi thể mặc y phục xanh đỏ, đóng giả làm “Nhị vị Tiên đồng hòa hợp”, rồi buộc lên lưng thi thể một mảng bè trúc, thả xuống

nước, bên dưới mảng bè có một sợi dây dài, kéo thẳng lên tận phía thượng nguồn. Trưa hôm sau, hai tên A Bảo ở trên thượng nguồn chầm chầm kéo sợi dây, những tên A Bảo khác đứng bên bờ sông phối hợp, thu hút rất nhiều người vây đến xem.

Do đây là một con sông lớn, khoảng cách lại khá xa nên không ai có thể nhìn rõ được mảnh khốe này. Hai thi thể đồng nam đồng nữ bị kéo trôi ngược về phía thượng nguồn, bọn A Bảo trên bờ hô to: “Thi thể trôi ngược dòng! Thi thể trôi ngược dòng!” Khi thấy người kéo đến bên bờ sông đủ đông rồi, bọn A Bảo liền cho người bơi ra, kín đáo cắt sợi dây, đem hai thi thể lên bờ.

Bọn A Bảo nói, hai thi thể Tiên đồng này chính là hóa thân của “Nhị tiên hòa hợp”, đã nhiều lần báo mộng cho mọi người. Giờ đây là các ngài hiện thân thuyết pháp, mọi người nhất định phải làm thật nhiều việc thiện.

Lúc này, người dân nơi đây tuyệt đối tin vào lời của bọn A Bảo. Bọn chúng đem hai thi thể đi hỏa thiêu, lấy tro cốt trộn với bùn, nặn thành hai pho tượng, cung tiến vào một ngôi miếu. Từ đó người dân địa phương ào ào tới thắp hương, dâng tiền, đặt lễ bái vọng, bọn A Bảo nơi đây nhờ đó cũng đã kiếm được một khoản lớn.

Do Tổ Gia vóc dáng đã lớn, không có tác dụng cho việc dàn cục nên sau khi bị đánh thuốc mê, bọn chúng dùng dây thừng trói chặt lại. Chúng cho rằng Tổ Gia đã bị trói thít chặt chết nên ném cậu ra phía sau núi cho sói ăn thịt. May mắn thay, đêm hôm đó, một trận mưa lớn đổ xuống, sói không ra khỏi hang nên Tổ Gia thoát chết một cách kỳ diệu.

Sau khi tỉnh lại, không tìm thấy em trai và em gái đâu. Bản thân cậu cũng không biết mình đang ở nơi nào. Cậu điên cuồng gào thét gọi hai em mình trong đêm mưa.

Gọi đến khản cả giọng, lạc cả tiếng, nhưng đều bị tiếng mưa ào ào, tiếng sấm ầm ầm át đi tất cả. Đứng dưới cơn mưa, Tổ Gia khóc một cách tuyệt vọng.

Sau khi trời sáng, Tổ Gia tìm đường quay về thành. Sợ gặp phải mấy người bọn chúng lần nữa, cậu liền ăn trộm mấy bộ quần áo của một gia đình bên ngoài thành, cải trang thành một đứa trẻ con nhà tử

tế. Vừa vào trong thành, Tổ Gia nghe người dân bàn tán về sự việc “Thi thể Tiên đồng trôi ngược dòng”, một dự cảm bất an chạy dọc toàn thân. Cậu theo đoàn người chạy ra bờ sông, lúc này mấy tên A Bảo đã vớt thi thể từ dưới sông lên. Thoạt nhìn, cậu đã nhận ra đó là hai em của mình. Lòng như bị ngàn mũi dao đâm, đau đớn suýt nữa thì ngất đi.

Tổ Gia hận không thể chạy đến cắn chết mấy tên A Bảo đó, cậu muốn nhào ra ôm lấy thi thể hai em mà khóc, nhưng đã kịp kiềm chế lại. Tim cậu tuy vỡ nát, nhưng ý thức vẫn còn tỉnh táo. Phải báo thù, nhưng trước tiên cần nhẫn nhịn, nếu không sẽ chỉ có con đường chết. Đây là việc mà người bình thường khó có thể làm được nhưng khi đó Tổ Gia mới 15 tuổi đã làm được điều này. Vì vậy nên sau này, ông được mọi người gọi là Tổ Gia.

Nhìn thi thể hai em bị thiêu cháy, người thấy mùi thịt cháy của hai em, cậu nghiêng răng cắn hận đến mức cắn nát cả môi. Đứng lặng nhìn tất cả sự việc đang diễn ra, mắt hằn lên những tia máu hận thù.

Đột nhiên, một tên A Bảo nhìn thấy Tổ Gia, bèn đảo mắt ra hiệu cho mấy tên khác. Hai tên đó liền đi về phía cậu. Thoạt nhìn liền biết sự việc không ổn, Tổ Gia quay đầu chạy thục mạng. Hai tên A Bảo đuổi sát theo sau, nhưng thoát một cái đã không thấy đâu nữa. Cậu đã nhanh chân chui vào một cái ngách để trốn.

Sau khi mặt trời lặn, Tổ Gia quay trở lại bờ sông. Lúc này, đám đông đã giải tán hết. Cậu khóc rống lên đầy bi ai. Trong vòng không đầy một tháng, nhà tan cửa nát, người thân phải chịu cảnh chết thảm là điều mà đến trong mơ ông cũng không thể nghĩ rằng bất hạnh lại liên tiếp nhau rơi xuống đầu mình như vậy. Lần đầu tiên trong đời, Tổ Gia nghĩ đến tự sát. Chết là hết, mọi đau khổ sẽ tiêu tan. Nhưng nghĩ đến tiếng hét của mẹ khi bị phanh thây, ánh mắt bơ vơ thất thần của em trai, em gái, cậu luôn tự nhắc nhở bản thân: “Không được chết! Chết rồi là chấm hết. Ta phải báo thù. Phải báo thù!”

Một thời gian sau, Tổ Gia vừa lén lút ăn xin, vừa tìm kiếm tung tích của mấy tên A Bảo đó, cậu vẫn cải trang thành một đứa trẻ con nhà tử tế, lặng lẽ đi theo sau những lão bà, hệt như một đứa cháu ngoan đưa bà đi dâng hương trong ngôi miếu đó vậy. Nhìn tượng đất được nặn từ tro cốt của hai em mình trên hương án, Tổ Gia nén đau khổ, vừa thắp hương, vừa thầm nói trong lòng: “Hai em hãy yên tâm,

anh nhất định sẽ báo thù.”

Tổ Gia biết rằng, người canh miếu này thông đồng với bọn A Bảo, nên không dám lưu lại lâu. Thắp hương xong, liền chạy về luôn. Trước tiên, Tổ Gia phải tìm được mấy tên A Bảo đó, sau đó tìm cách xử bọn chúng. Cậu theo dõi bên ngoài ngôi miếu mấy ngày liền, nhưng không hề tìm thấy chút manh mối nào. Bỗng nhiên, cậu nhớ đến ngôi nhà nát đó, nơi mình và hai người em bị đánh thuốc mê. Vốn là người có trí nhớ rất tốt nên Tổ Gia vẫn nhớ rõ đường đi đến đó. Cậu liền lên kế hoạch quay lại, không biết chừng lại có thể tìm ra được chút manh mối nào đó. Sau khi ăn xong, đến nửa đêm, cậu lần mò tìm đường quay lại.

Đó là một ngôi nhà kiểu tứ hợp viện⁴ cũ ở ngoại ô, tường có nhiều chỗ bị sụt lún xuống. Tổ Gia bò bên ngoài tường nghe ngóng, không hề có động tĩnh gì cả. Cậu giả vờ tiếng chó sủa, vẫn không thấy động tĩnh, liền vượt tường vào trong.

Bên trong là một màn tối đen đặc quánh. Tổ Gia lần mò một hồi và phát hiện ngoài trừ một vài thứ đồ dùng đã cũ nát, còn lại chẳng có gì cả. Cậu định đêm nay ngủ lại đây, trời sáng sẽ ra ngoài nắp trong đồng cỏ khô cách không xa ngôi nhà. Đột nhiên có tiếng bước chân vội vã vọng lại, Tổ Gia giật mình, tim đập thình thịch. Bước chân ngày một tiến gần hơn, cậu vội vàng chạy ra ngoài, nhưng lại vấp phải vật gì đó, toàn thân lảo đảo suýt ngã.

Nhờ có ánh trăng, Tổ Gia nhận ra đó là một que còi lò dài, được làm bằng thép, to khoảng bằng ngón tay, dùng để khơi thông đáy bếp lò. Một đầu được gắn cán cầm bằng gỗ, đầu còn lại được mài nhọn. Tổ Gia liền nhặt lấy, rồi vượt tường nhảy ra ngoài. Lúc này, cửa chính bị mấy người bật mở tung, Tổ Gia nấp sau tường nhìn vào, chỉ thấy có mấy người khiêng hai chiếc hòm đi vào, trong hòm dường như có tiếng người kêu khẽ.

Mấy người đó khiêng hai chiếc hòm vào trong phòng. Một người trong đó lấy đá ra đánh lửa, thắp đèn. Ánh đèn lò mò rồi dần chiếu sáng cả căn phòng, Tổ Gia nhìn thấy rõ mặt của những người này. Trong đó, có hai tên A Bảo đã lừa ba anh em Tổ Gia đến ngôi nhà này hôm đó. Lúc này, tên thủ lĩnh nói với hai tên A Bảo kia: “Đêm nay hai người canh giữ ở đây, chớ có rượu chè. Hãy cẩn thận! Nếu để chạy mất hai người trong hòm, Tứ gia ta sẽ lấy mạng các ngươi.”

Hai tên A Bảo vội vàng nói: “Nhị ca yên tâm. Nhị ca yên tâm.” Sau đó, tên thủ lĩnh dẫn những tên A Bảo khác nghênh ngang bỏ đi. Hai tên ở lại liền lấy ra một bình rượu to, ngồi bệt xuống đất, đồng thời móc từ trong áo ra một bọc thịt, vừa ăn vừa nói chuyện.

Mắt Tổ Gia dán chặt vào hai tên A Bảo đó, trong lòng chột nghĩ: “Ta nhất định sẽ giết chết chúng.”

Nhưng trong lòng Tổ Gia biết rất rõ, lúc này, nếu xông bừa ra, chắc chắn sẽ không thể đánh lại được hai tên to con này, nên cần phải đợi cơ hội, đợi đến khi chúng uống kha khá, say ngất nga ngất ngư, khi đó mới động thủ.

Tổ Gia ngồi bất động dán mắt vào chúng chừng hơn một canh giờ. Cậu thấy rượu cũng sắp cạn, lưỡi chúng cũng lúu hết cả lại thì mới cầm thanh cò lờ lên, chậm chậm từ ngoài trèo vào rồi nhẹ nhàng đi về hướng căn phòng. Khi đến giữa sân, một tên đột nhiên đứng dậy khiến Tổ Gia hoảng sợ, vội vàng chạy nấp sau gốc cây thạch lựu. Tên A Bảo đó lắc la lắc lư cũng đi về hướng đó, miệng lầm bầm: “Xả một bãi... tiểu một bãi nào...”

Tên đó đến bên cây thạch lựu, vạch quần, uốn bụng, vừa tiểu vừa hát: “Cô nhi quả phụ lên gò đất, mưa phùn rả rích a...”

Tổ Gia nấp sau gốc cây, bị nước tiểu xuyên qua lá cây bắn đầy vào mặt. Tổ Gia vốn định đợi hẵn ta đi tiểu xong quay lưng đi, sẽ ra tay từ sau lưng. Nhưng tên này đi tiểu quá lâu, nước tiểu bắn đầy mặt Tổ Gia khiến ông điên tiết, không nhẫn nhịn được nữa, cầm thanh cò lờ, đâm thẳng vào bụng dưới của hẵn. Tổ Gia dùng hết sức bình sinh, đâm đúng vào bàng quang, vòi phun nước của hẵn lập tức tịt ngóm. Bụng dưới của hẵn thủng một lỗ, nước tiểu và máu đều phun ra cả từ cái lỗ ấy.

Tên tiểu tử đó kêu một tiếng “A” thảm thiết, hai tay ôm phần bụng dưới, nằm lăn lộn dưới đất. Tổ Gia liền đứng phắt dậy, đâm tiếp thanh cò lờ xuyên qua yết hầu của hẵn, máu phun ra. Tên tiểu tử đó muốn kêu, cũng không thể kêu được thành tiếng, một lát sau nằm im bất động.

Tên A Bảo kia nghe thấy có tiếng động bên ngoài, vội vàng từ

trong phòng cất giọng nhừa nhựa hỏi vọng ra: “Chuyện gì... chuyện gì vậy? Mẹ kiếp nhà người chớ... chớ có dọa ta nhé!”

Tổ Gia nhanh như cắt xông vào, tung một gối khiến đối phương ngã bổ chửng. Còn chưa kịp phản ứng xem chuyện gì xảy ra, hắn đã bị thanh còi lò đâm thẳng vào yết hầu. Cú đâm này còn mạnh hơn lần trước, thanh còi lò đâm thẳng từ trước xuyên ra sau cổ. Tên tiểu tử đó giãy giụa mấy cái, rồi cũng nằm bất động.

XẢ THÂN CỨU KẸ THÙ

Tổ Gia bước lại gần chiếc hòm được đóng bằng gỗ dày, cậu dùng thanh còi lò đâm vào mép gỗ trên nắp, nạy thật mạnh mở tung được chiếc hòm. Bên trong có hai người bị trói chặt. Những kẻ bắt cóc có kỹ thuật trói rất đặc biệt. Hai tay, hai chân bị trói lại với nhau, một sợi dây thừng ở giữa trói tay chân chụm lại. Như vậy cả thân người bị trói cuộn tròn giống như con tôm vậy, nằm trong hòm không thể cựa quậy gì được.

Tổ Gia móc nắm giẻ trong miệng hai người này ra. Sau một hồi ho sặc sụa, họ mới cất được lời cảm ơn rối rít: “Cám ơn cậu em đã cứu mạng!” Nhờ có ánh đèn, Tổ Gia nhìn thấy rõ hai người này. Đó là một người khoảng 50 tuổi, dưới cằm có một chòm râu dê. Còn người kia khoảng 60, 70 tuổi, trên mặt đầy những nếp nhăn, nhưng tuyệt nhiên không có sợi râu nào.

Tổ Gia liền cởi trói giúp họ, nhưng nút thắt rất chặt, dù dùng răng cắn cũng không sao mở được. Cuối cùng người lớn tuổi hơn nói: “Cậu em, cậu hãy mở chao đèn ra, sau đó dùng đèn đốt dây trói.”

Tổ Gia vỗ tay lên trán một cái rồi nói: “Đúng rồi! Sao mình lại không nghĩ ra nhỉ?” Nói xong vội vàng lấy chiếc đèn xuống, cùng với sự phối hợp của hai người đó, dây trói nhanh chóng bị đốt cháy đứt rời ra. Bỗng một cảm giác rùng mình chạy dọc sống lưng Tổ Gia. Giọng của ông già này tại sao không giống với người bình thường chút nào? Hơn nữa nó lại mang âm điệu vô cùng kỳ quái như vậy?

Lúc này người khoảng 50 tuổi nói: “Cậu em, xin hỏi cậu là người ở đâu đến vậy? Tại sao lại đến đây cứu chúng ta?”

Câu hỏi của ông ta khiến Tổ Gia ngây người, cậu nghĩ: mình vốn

đi tìm manh mối kẻ thù, không ngờ lại cứu được hai người này, biết nói thế nào đây? Hay là nói thật với họ? Không được! Chưa biết chừng chúng cùng một bọn, không khéo lại chuốc thêm phiền phức!

Những biến cố đã tác động rất lớn đến Tổ Gia khiến cậu không còn tin tưởng vào bất kỳ ai nữa. Tổ Gia cười nói: “Tôi... thực chất là một kẻ phiêu bạt giang hồ, năm ngoái vì chuyện nộp địa tô mà gia đình tôi có xung đột với bọn địa bảo⁵. Trong lúc tức giận, tôi đã đánh lại hai tên địa bảo tâm địa xấu xa, từ đó phải rời bỏ quê quán, lang thang phiêu bạt chân trời góc biển. Đúng lúc ngang qua đây, tôi nhìn thấy mấy người khiêng chiếc hòm đi vào ngôi nhà này. Ngờ có chuyện chẳng lành, tôi liền bám theo. Quả nhiên, tôi thấy trong hòm có tiếng người kêu khế, lại nghe được cuộc trò chuyện của hai kẻ bắt cóc xấu xa. Con người tôi thích can thiệp vào những chuyện bất bình, huống hồ Cứu một mạng người còn hơn xây bảy tòa tháp. Vì không nhẫn nhịn được nên tôi đành mạo hiểm xông vào cứu các ông. Kỳ thực cũng chẳng có gì to tát cả, giữa đường gặp chuyện bất bình rút dao tương trợ, anh hùng hảo hán trên giang hồ đều làm như vậy cả.”

Hai người đó sau khi nghe xong, đưa mắt nhìn nhau, một lúc lâu mới nói: “Cậu em, cậu còn trẻ mà đã có lòng dũng cảm và có tâm trọng nghĩa như vậy. Thật bội phục!”

Người khoảng 50 tuổi chấp tay lại nói: “Ta là Chu Chấn Long.” Sau đó chỉ vào người kia nói: “Vị này là sư phụ của ta, Trương Đan Thành. Xin hỏi cậu em quý tính đại danh là gì?”

Tổ Gia chấp tay lại đáp lễ: “Không dám. Tôi họ Vương, tên Nhất Hành, lấy ý là chuyên tâm tu hành.”

Trương Đan Thành gật gù: “Chà. Tên rất hay, tên rất hay.”

Lại một lần nữa Tổ Gia dựng tóc gáy, nổi da gà. Giọng nói của lão già này quả thật vô cùng đặc biệt, âm điệu the thé, giống như dê kêu, khiến cho người nghe toàn thân toát mồ hôi lạnh.

Thực chất, Tổ Gia đang nói dối. Từ sau khi cha đắc tội với bọn quân phiệt mà gặp họa diệt môn, cậu cũng không dám để lộ tên thật của mình. Vừa rồi là nghĩ bừa ra một cái tên, ý nghĩa cũng chỉ có Tổ Gia mới hiểu: Nhất Hành, tức một người cô độc lẻ loi đi trên đường đời.

Chu Chấn Long nói: “Nơi này không thể ở lại lâu, chúng ta đi tìm chỗ khác nói chuyện.”

Tổ Gia vốn không muốn đi theo bọn họ, nhưng lại nghĩ hai người này chắc chắn có khúc mắc gì đó với mấy tên khốn kiếp kia, có hai khả năng, hoặc họ là kẻ thù, hoặc là đồng bọn. Tóm lại là có quan hệ với nhau. Tại sao không nhân cơ hội này thăm dò một chút? Hôm đó, ở trên phố, tổng cộng là có ba tên giăng bẫy lừa anh em Tổ Gia, hiện nay hai tên đã chết, còn một tên đeo kính vẫn chưa thấy đâu cả.

Dưới ánh trăng vắng vặc, ba người liền nhanh chóng rời khỏi căn nhà đó. Đi qua một con sông nhỏ, xuyên qua mấy ngõ hẻm, đến trước một ngôi nhà, Chu Chấn Long lấy ra một chùm chìa khóa mở cửa, lúc này trời đã tờ mờ sáng. Sau khi ba người vào nhà, Chu Chấn Long không vồn vã mời mọi người ngồi, mà đi đến bên chiếc giường đất, lật chiếu lên, để lộ ra bên dưới là một tấm gỗ, rồi lật tiếp tấm gỗ lên. Đó là một cái hầm, có thang để đi xuống. Chu Chấn Long nói với Trương Đan Thành: “Su phụ! Chúng ta xuống hầm đi.”

Trương Đan Thành gật đầu, Chu Chấn Long đỡ ông ta đi xuống. Sau đó quay lại nói với Tổ Gia: “Vương lão đệ! Mời!”

Tổ Gia sừng sốt nhìn căn hầm lớn bên dưới chiếc giường đất, ngây người đắn đo một lúc rồi cúi người đi xuống. Chu Chấn Long là người xuống cuối cùng. Ông ta với tay kéo tấm gỗ lại vị trí cũ che cửa hầm lại.

Sau khi Chu Chấn Long thắp đèn dầu lên, Tổ Gia mới nhìn rõ cảnh vật xung quanh. Căn hầm được thiết kế có bốn trụ đỡ, ở giữa có đặt một bàn trà nhỏ, bên phải có một cái lỗ đen chạy sâu vào trong, không biết là thông đến nơi nào.

Sau khi ba người ngồi xuống, Trương Đan Thành bắt đầu mở lời vẫn bằng cái giọng âm u đó: “Ơn cứu mạng của cậu Vương đây, lão không biết phải đền đáp thế nào. Đại Bá đầu à, lát nữa người lấy một chút vàng bạc. Mong cậu Vương vui vẻ nhận cho.”

Chu Chấn Long nói: “Vâng!”

Đây là lần đầu tiên Tổ Gia nghe thấy hai từ “Bá đầu”. Trong lòng

Tổ Gia lúc này chỉ quan tâm đến việc tìm manh mối và báo thù. Bản thân cậu vốn nghĩ rằng có thể moi được chút tin tức từ hai người này nên không quá để tâm đến vàng bạc, liền nói: “Đại trượng phu sống trong thiên hạ, luôn đối đãi chân thành với nhau. Trương tiên sinh làm như vậy, tức là xem thường tôi rồi.”

Trương Đan Thành và Chu Chấn Long lại quay ra nhìn nhau, bọn họ bị cậu bé trước mặt làm cho choáng váng. “Vậy... cậu... bọn ta phải báo đáp người anh em thế nào đây?”

Tổ Gia mỉm cười nói: “Tôi có thể gặp được hai vị tiên sinh đây, cũng coi như có duyên phận. Nói cách khác, số mạng của hai vị chưa đến hồi tuyệt, người tốt tất sẽ được trời giúp để tai qua nạn khỏi. Tôi chỉ là kẻ đóng vai người cứu mạng, hai vị tiên sinh muốn cảm tạ, hãy cảm tạ ông trời đi.”

Hai người ngậy ra, rồi bật cười ha hả, cười đến nỗi chảy cả nước mắt, họ cảm thấy tên tiểu tử đang ngồi trước mặt thật đáng yêu.

Tiếng cười the thé, mãnh như sợi tơ đó lại khiến Tổ Gia nổi hết cả da gà.

Ông không đợi được nữa, nói: “Hai vị tiên sinh nguyên có làm sao lại bị bọn trộm cướp đó bắt trói vậy? Lẽ nào đã đắc tội gì với bọn chúng?”

Hai thầy trò Chu Chấn Long cười như đưa đám, Chu Chấn Long nói: “Hưởng hương rồi!”

Tổ Gia không hiểu: “Cái gì hương cơ?”

Chu Chấn Long nhìn Trương Đan Thành, ý muốn hỏi có nên nói tiếp hay không. Trương Đan Thành gật gật đầu rồi nói: “Cậu Vương là ân nhân cứu mạng, hai mạng của chúng ta nhờ cậu ta mà giữ lại được. Nói-đi-đừng-ngại!”

Âm thanh bốn chữ cuối Trương Đan Thành kéo dài ra. Tổ Gia nhú mày. Cái giọng nói như từ chốn âm linh vọng lại này quả thật chói tai khiến cậu chỉ muốn bịt tai lại.

Trương Đan Thành phát hiện ra sự khó chịu của Tổ Gia, mỉm

cười nói: “Cậu em, phải chăng cậu ghét giọng ta nói khó nghe? Người không ra người, quý không ra quý?”

Tổ Gia chột thấy mình phản ứng quá lộ liễu, cười xòa nói: “Không phải, không phải. Chỉ là tiểu nhân nghe không quen.”

Trương Đan Thành nói: “Cậu là ân nhân cứu mạng của ta, nếu đổi là người khác, ta đã cho một vả vào miệng rồi! Hừ.” Trầm ngâm một lát, rồi ông ta hỏi: “Cậu em, cậu biết vì sao giọng nói của ta u ám, nam không ra nam, nữ không ra nữ không?”

Tổ Gia trả lời: “Không biết.”

Trương Đan Thành nói: “Vì ta là quả trứng thối.”

Tổ Gia nghe mà thấy như sấm nổ bên tai, “quả trứng thối” là lời nói dùng để mắng chửi của người nơi này. Vị lão tiên sinh này tại sao lại nói bản thân mình như vậy?

Theo lời kể của Trương Đan Thành, Tổ Gia mới dần hiểu được ngọn ngành. Hóa ra họ là một phường lừa đảo, được gọi là phái Giang Tướng. Trương Đan Thành là ông trùm ở vùng này, cũng chính là Đại Sư bá. Trước đây vì một cuộc dàn cục lớn để lừa một vị Bối lạc trong cung, Trương Đan Thành đã phải mất ba năm liền để bố trí. Vị Bối lạc đó luôn coi ông ta là bằng hữu nên không hề đề phòng. Đến khi thu lưới, có kẻ tham lam, tạo phản, kết quả bị lộ cục. Sau khi vị Bối lạc kia bắt được, Trương Đan Thành tưởng rằng đã cầm chắc cái chết. Không ngờ vị Bối lạc đó niệm tình cũ, nói: “Tội chết có thể miễn, nhưng tội sống thì không thể tha. Cái gan của ngươi to như vậy, Bối lạc ta sẽ dập tắt cái nhuệ khí đó của ngươi.”

Kết quả Trương Đan Thành bị mấy tên lính đề nghiên xuống. Một tên tiểu thái giám dùng một con dao sắc cắt phăng một quả ngọc hành⁶ của ông ta, khi đó máu chảy lênh láng, đau đớn vô cùng. Từ đó Trương Đan Thành biến thành kẻ “một quả trứng” theo đúng nghĩa của nó. Giọng nói cũng dần trở nên kỳ quái dị hợm. Khi đó thiên hạ vẫn là của nhà Đại Thanh, ông chẳng có cách nào khác, đành phải về quê sống mai danh ẩn tích. Sau Cách mạng Tân Hợi, triều đình Mãn Thanh bị lật đổ, Trương Đan Thành lại có cơ hội nhẩy ra. Ông đốt pháo ăn mừng ba ngày liền, sau đó tập hợp lại anh em thân tín, tiếp tục hành nghề lừa đảo.

Đội ngũ của Trương Đan Thành không lớn, trong tay có 4 Bá đầu, Chu Chấn Long là Đại Bá đầu, luôn sát cánh hành động cùng Trương Đan Thành, còn lại ba tên Bá đầu kia sau này dần được phát hiện và bồi dưỡng. Lần này ba tên Bá đầu đó liên thủ với nhau trèo lên hưởng hương. Trương Đan Thành không phải không đánh hơi thấy được nguy hiểm, mà chỉ do trở tay không kịp.

Theo miêu tả của Trương Đan Thành và Chu Chấn Long, trong ba tên Bá đầu đó. Tên cầm đầu chủ ý tạo phản là Tứ Bá đầu, tên tiểu tử này từ lâu đã không phục ông ta, luôn bất mãn vì Trương Đan Thành ra tay thiếu quyết đoán, đồng thời hậm hực vì ngân lượng kiếm được của Đường khẩu ngày càng ít đi, năm ngoái hẳn ta bắt đầu đề xuất Trương Đan Thành sát phú.

Sát phú là đại kỵ trong giới A Bảo, phạm vào quy tắc hành nghề này tất sẽ bị toàn giới A Bảo truy sát. Cái gọi là sát phú chính là khi dàn cục, tự ý xuống tay “cắt cổ” con gà béo, rồi cướp trắng toàn bộ số tiền.

Hành nghề A Bảo không giống như kẻ cướp giật, trộm cắp. Họ luôn coi trọng sự kiên trì nhẫn nại, nếu không Đường khẩu sẽ đứt đoạn mạch tài lộc, tức dù là kẻ thù không đội trời chung, nếu không thỉnh thị trước mà tự ý “cắt cổ”, cũng sẽ phải chịu hình phạt vô cùng nghiêm khắc. Do đó, nếu không đến hồi vạn bất đắc dĩ, tuyệt đối không thể sát phú.

Trương Đan Thành hiểu, lý do “vì nghĩ đến lợi ích Đường khẩu” của Tứ Bá đầu đưa ra để sát phú chỉ là kiếm có nguy biện. Nói cho cùng vẫn là sắc nhục làm tâm khiêu mê muội. Hẳn ta là kẻ tâm địa gian xảo, Trương Đan Thành từ lâu đã biết rõ. Năm ngoái khi đến điều hòa phong thủy cho một nhà giàu lắm tiền nhiều của, hẳn sinh lòng thèm khát người vợ xinh đẹp của gia chủ. Dù nghĩ tới nghĩ lui, tìm đủ mọi cách mà vẫn không giành được người đẹp, hẳn lấy có tiền bạc của Đường khẩu hạn hẹp, nhiều lần đưa ra yêu cầu sát phú. Giết được ông chủ kia, hẳn ta sẽ có cơ hội chạm tay đến người đẹp.

Thời gian gần đây, Trương Đan Thành cảm thấy Tứ Bá đầu ngày càng có vấn đề. Trong lúc ông cùng với Chu Chấn Long tìm đối sách, không ngờ hẳn ta liên thủ với hai tên Bá đầu kia, ra tay trước. Hẳn nói: “Ta bắt trời ông lại, trước tiên chưa cần giết vợ, để ông chống

mắt lên xem ta chiếm hữu mỹ nhân, ngồi vào chính vị, để ông chết trong sự nhục nhã, ta mới cảm thấy vui sướng.”

Nói tới đây, Trương Đan Thành tức giận đến nổi nghiêng răng ken két rồi luôn mồm chửi thề.

Lúc này Tổ Gia mới hiểu ngọn ngành, hóa ra là đấu đá nội bộ. Ông bèn hỏi: “Vậy mấy hôm trước việc Tiên đồng báo mộng, thi thể trôi ngược dòng...”

Chu Chấn Long cười lớn: “Cái gì mà Tiên đồng báo mộng chứ? Đó đều là giả, là trận cục do chúng ta dàn ra và Tứ Bá đầu là người thực hiện. Đây cũng là kế che mắt của hãn ta. Trước khi tạo phản, hãn ta thể hiện rất tốt khiến ta và sư phụ đều mất cảnh giác.”

Toàn thân Tổ Gia chấn động bàng hoàng, nỗi đau đớn trong lòng lại buốt nhói, nhưng ngay lập tức cậu lấy lại bình tĩnh. Manh mối đã xuất hiện, Trương Đan Thành chính là kẻ chủ mưu, trong mấy tên Bá đầu tạo phản, chắc chắn có hung thủ sát hại hai em của cậu. Trương Đan Thành và Chu Chấn Long tuy không đích thân ra tay, nhưng cũng có phần trong đó. Hàng loạt ý nghĩ xuất hiện trong đầu Tổ Gia. Lẽ nào lại giết hai kẻ mà mình vừa mới cứu? Hơn nữa hiện nay trong tay không một tác sắt, e rằng đánh không lại bọn chúng... Không được manh động! Mà nếu có giết được chúng sẽ không thể tìm được tên Bá đầu hại chết hai em mình. Trước tiên phải mượn tay bọn chúng, giết tên Bá đầu đó, sau đó giải quyết chúng cũng không muộn.

Một loạt tính toán giống như sao băng lướt trong đầu Tổ Gia, cậu trầm ngâm suy nghĩ một hồi.

Trương Đan Thành nhìn thấy Tổ Gia ngần người ra như vậy liền hỏi: “Cậu em làm sao vậy?”

Tổ Gia vội vàng đáp lời: “Cái tên... cái tên Tứ Bá đầu đúng thật không ra gì! Tôi cảm phần thay cho hai vị.”

Trương Đan Thành và Chu Chấn Long quay sang nhìn nhau. Trương Đan Thành nói: “Cậu em à! Cứu người thì cứu cho trót, đưa Phật thì đưa đến tận Tây Trúc. Hiện nay hai người chúng tôi không thể lộ diện, phần lớn anh em Đường khẩu đều bị xúi giục tạo phản. Chỉ dựa vào bản thân chúng tôi chẳng khác nào tự đi tìm chỗ chết. Ta

sẽ viết ngay một bức thư, nhờ cậu xuống phà đi Thượng Hải một chuyến, giao bức thư này cho một người tên là Cửu gia. Địa chỉ cụ thể ta sẽ nói cho cậu biết, Cửu gia sẽ giúp đỡ ta. Cảm phiền cậu!”

Khi đó Tổ Gia vẫn chưa biết Cửu gia là ai. Mãi sau này lịch sử mới trả lời cho ông. Cửu gia chính là đại hiệp Giang Hoài uy danh thiên hạ Vương Á Tiều. Ba ngày sau, lần đầu tiên Tổ Gia gặp mặt Vương Á Tiều. Năm đó Tổ Gia mới 15 tuổi, Vương Á Tiều 31 tuổi. Vương Á Tiều xoa xoa đầu Tổ Gia, nói: “Cậu bé, tuổi trẻ gan dạ sáng suốt, có khí phách.”

Wương Á Tiều là bạn thân giao của Trương Đan Thành, là người trọng nghĩa khí giang hồ, ngay lập tức ông ta cử mười mấy thuộc hạ mang súng theo Tổ Gia trở về. Sau khi những sát thủ này bàn bạc kế hoạch bí mật với Trương Đan Thành và Chu Chấn Long, họ quyết định tối hôm Tứ Bá đầu “đăng cơ” sẽ tổng tấn công Đường khẩu.

Suy cho cùng bọn A Bảo đó không thể sánh được với những sát thủ chuyên nghiệp. Đường khẩu lại chỉ có vài khẩu súng được chính phủ nhà Thanh chế tạo mô phỏng theo loại súng trường Mauser 1989⁷ của Đức. Báng súng cái hỏng cái còn, hơn nữa luôn bị kẹt đạn. Mười mấy tên sát thủ tay lăm lăm súng lục, vượt tường xông vào. Chưa đầy nửa tiếng sau khi nổ súng, bọn A Bảo kẻ bị chết, kẻ bị thương. Tất cả những tên còn lại đều ôm đầu gối xồm úp mặt vào chân tường.

Trước khi xuất phát, Trương Đan Thành có dặn mấy tên sát thủ: “Nhất định phải bắt sống mấy tên Bá đầu đó.” Ông ta muốn tự tay cắt cổ mấy tên tạp chủng này.

Kết quả ngoại trừ Nhị Bá đầu thoát nhìn thấy sự việc không hay đã cắt cổ tự tử, còn Tam Bá đầu và Tứ Bá đầu đều bị bắt sống, trói nghiêng vào cột nhà.

Tổ Gia nấp sau đám sát thủ, ngầm quan sát, chợt nhận ra ngay tên Tứ Bá đầu chính là kẻ lừa ba anh em mình trên phố hôm đó. Tuy tối hôm nay hẳn ta không đeo kính, nhưng dáng người, cái cằm, đặc biệt nốt ruồi đen nơi khóe miệng, dù có hóa thành tro Tổ Gia cũng vẫn nhận ra.

Tổ Gia nghiêng răng ken két, nhưng không dám manh động, cậu

sợ tên Tứ Bá đầu này nhận ra mình. Tuy chúng đang đấu đá lẫn nhau, nhưng suy cho cùng vẫn là đồng đảng, bản thân Tổ Gia chỉ là người ngoài, ngộ nhớ hấn ta hô to: “Đây chính là tên tiểu tạp chủng đã chạy thoát!” thì chẳng ai có thể biết trước sự việc sẽ như thế nào.

Trương Đan Thành ngồi giữa sân Đường khẩu, hỏi Tứ Bá đầu: “Người đã biết tội chưa?”

Tứ Bá đầu ngửa mặt lên trời cười lớn nói: “Tên hoạn nhà ngươi, muốn giết thì giết đi.”

Trương Đan Thành nghe xong vô cùng tức giận bởi ông ta vẫn còn một quả ngọc hành, suy cho cùng vẫn không thể gọi là thái giám. Ông ta kỳ nhất nghe hai từ “tên hoạn” này. Kỳ thực Tứ Bá đầu tạo phản thành công cũng là do hấn luôn ngầm kích động: “Bản thân lão ta là ‘tên hoạn’, nên mới ngăn cản anh em trong Đường khẩu đi tìm gái.” Bọn A Bảo phần đông là những kẻ háms lợi, phóng túng, dâm dục, nghe Tứ Bá đầu xúi bẩy như vậy thì nhất tề nghe theo.

Trương Đan Thành vẫy tay một cái nói: “Đại Bá đầu! Cắt cái lưới chó của hấn cho ta!”

Chu Chấn Long dạ lên một tiếng rồi cầm dao tiến lên. Kỳ thực, cắt lưới một người là việc vô cùng khó. Nó không giống như việc cắt lưới lợn bởi lưới lợn vừa to vừa dài. Trước khi bị đồ tể giết, lợn đều kêu eng éc. Sau khi bị chọc tiết xong, mõm lợn vẫn hơi há ra, tay đồ tể chỉ việc cạy hàm ra, một tay cầm lưới lợn, tay kia cầm dao cắt một nhát là được. Còn đối với con người, đâu thể há mõm ra cho người ta cắt lưới của mình được. Dù hai tên tay chân làm đủ mọi cách nhưng vẫn không thể cạy mõm Tứ Bá đầu được. Cuối cùng Chu Chấn Long giật lấy một cây côn sắt, đánh thẳng vào miệng Tứ Bá đầu, khiến cho toàn bộ răng cửa của hấn gãy hết. Sau đó, một tên A Bảo cạy hàm trên, một tên khác cạy hàm dưới, lúc này Chu Chấn Long mới dễ dàng cắt phăng được lưới của Tứ Bá đầu. Mõm miệng đầy máu me, nhưng Tứ Bá đầu vẫn gân cổ mắng chửi dù những âm thanh đã không còn nghe được rõ tiếng nữa.

Trương Đan Thành cười nhạt rồi nói: “Người có phục hay không?”

Tứ Bá đầu ngoẹo đầu, máu chảy không ngừng, nhưng vẫn ương

ngạnh không phục.

Trương Đan Thành dùng dùng nổi giận, đứng bật dậy, chộp lấy một khẩu súng, nhằm thẳng vào đầu hắn ta. Tổ Gia chăm chú theo dõi tất cả từ đầu chí cuối, trong lòng thầm nghĩ thời khắc báo thù cuối cùng đã đến. Cậu nói với Trương Đan Thành: “Một phát súng thì thật quá dễ dàng cho hắn! Bây giờ hắn ta đang muốn chết, nên chỉ mong sao ông sớm nổ súng!”

Trương Đan Thành ngây người: “Cậu em, nói vậy là có ý gì?”

Lúc này trong đầu Tổ Gia tràn ngập hình ảnh hai em của mình. Cậu im lặng một lát, sau đó bật ra ba chữ đầy căm hận: “Đốt... đèn... trời!”

Ba tiếng này vừa thốt ra, khiến cho Trương Đan Thành giật mình. Tên tiểu tử này sao lại độc ác như vậy? Nhưng ông ta đâu biết ngọn lửa hận thù đang bùng bùng trong lòng Tổ Gia.

Lúc này, Tứ Bá đầu đã nhận ra Tổ Gia, hắn muốn nói gì đó, nhưng lưỡi đã bị cắt, mồm miệng lại đầy máu, không nói được tiếng nào rõ ràng. Cuối cùng, hắn lắc lắc đầu, cười lên một tiếng rồi gục xuống.

Thắp đèn trời và lăng trì là hai hình phạt thảm khốc nhất thời cổ đại. Lăng trì là cắt từng miếng thịt trên cơ thể. Thắp đèn trời là đem thả người vào trong vại dầu, sau đó vớt lên, trói vào một cây cột, đầu hướng xuống đất, chân chống lên trời, rồi đốt cháy từ chân. Người bị hình phạt này có thể nhìn thấy ngọn lửa cháy từ gót chân mình, ngửi thấy mùi khét lẹt của da thịt, cảm nhận được những giọt mỡ của chính mình rỏ xuống mặt, cuối cùng chết trong sự đau đớn và kinh hoàng.

Tổ Gia muốn thắp đèn trời bởi hắn ta chính là kẻ đích thân hại chết em trai và em gái của mình, lại còn hỏa thiêu, đem tro cốt nhào với đất, nặn thành tượng. Đây chính là thời khắc báo ứng của hắn, hắn ta phải trả giá không kém một ly nào.

Tứ Bá đầu lập tức bị lột trần, toàn thân được tưới đấm dầu, trói lộn ngược vào một cây cột. Do bị mất máu quá nhiều nên ý thức của hắn đã trở lên mơ hồ. Tổ Gia lấy một ngọn đuốc, châm lửa vào chân

Tứ Bá đầu. Ngọn lửa phút chốc bùng lên, kèm theo đó là tiếng lửa cháy lách tách và da thịt bắt đầu sùi lên những bong bóng mỡ. Tứ Bá đầu cất tiếng cười ha hả, sau đó phát ra âm thanh “khùng khục”, dáng vẻ rất sáng khoái, cứ như thể kẻ bị thiêu không phải là hắn ta vậy.

Tất cả mọi người đều ghê sợ đến độ ngậy người ra, Tổ Gia nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. Đột nhiên, ông cầm một khẩu súng, đoàng một tiếng, bắn chết Tứ Bá đầu. Quả thực, ông không thể nhìn tiếp cảnh tượng đó được nữa.

Hạ súng xuống, Tổ Gia ngửa mặt lên trời, thở dài một tiếng, thầm nói: “Hai em hãy yên lòng nhắm mắt. Anh không thể giết được tất cả bọn chúng.”

Đột nhiên, Trương Đan Thành chỉ vào Tổ Gia hét lên: “Bắt tên tiểu tử này lại cho ta!”

PHÂN CHI THIÊN ĐỊA HỘI - PHÁI GIANG TƯỚNG

Tổ Gia thất kinh.

Chu Chấn Long cũng ngỡ ngác không hiểu: “Sur phụ! Tại sao vậy? Cậu ta là ân nhân cứu mạng của chúng ta mà.”

Trương Đan Thành vẫn hét lớn: “Trói nó lại!”

Chu Chấn Long không dám trái lệnh, cùng với hai tên tay chân nữa nhất tề xông lên, trói nghiền Tổ Gia lại.

Trương Đan Thành cười nhạt, nói với Tổ Gia: “Chúng ta không thân không thích, ngươi lại liều mạng ứng cứu. Ngươi và Tứ Bá đầu không thù không oán nhưng ngươi lại muốn dùng hình phạt thập đên trời. Ngươi không thấy rất kỳ lạ sao?”

Trống ngực Tổ Gia đập thình thịch, nhưng vẫn không hé răng nói lời nào.

Trương Đan Thành đi một vòng quanh Tổ Gia lúc này đã bị trói quặt tay ra sau lưng, bỗng nhiên chỉ tay vào đầu Tổ Gia nói: “Ngươi chính là tên tiểu tử chạy thoát đó!”

Chu Chấn Long giật mình lùi lại hai bước, ngạc nhiên nói: “Là... là tên tiểu tử lọt lưới mà Tứ Bá đầu nói đến sao?”

Tổ Gia nhắm hai mắt lại, trong đầu nghĩ: xong rồi, xong rồi. Nhưng cậu vẫn ung dung nói: “Đã bị các người nhận ra rồi. Hãy ra tay nhanh đi! Ta cũng đã có thể đoàn tụ với gia đình được rồi.”

Trương Đan Thành thở dài một tiếng nói: “Có ân không báo, không đáng mặt quân tử, tất sẽ để lại tiếng xấu thiên cổ. Trương Đan Thành ta hành tẩu giang hồ mấy chục năm, thành danh đều nhờ vào chữ nghĩa, người đã cứu mạng ta, ta giết người hóa chẳng phải kẻ bất nhân bất nghĩa sao, ta không giết người, nhưng... cũng không thể thả người ra được.”

Trương Đan Thành biết rằng đứa trẻ đứng trước mặt mình đây có lòng hận thù quá nặng, lại vô cùng tàn độc. Thả nó ra chẳng khác nào thả hổ về rừng nên hắn ta quyết định bắt giam lại.

Hậu viện của Đường khẩu có một nhà lao bí mật, chuyên dùng để giam cầm A Bảo phạm lỗi. Tuần thứ hai sau khi bị bắt giam, Trương Đan Thành cử một ông già què khoảng 50 tuổi tới canh giữ Tổ Gia. Tổ Gia thật không thể hiểu nổi, Đường khẩu nhiều A Bảo chân tay lành lặn như vậy, mà tại sao Trương Đan Thành lại cử một ông già què đến canh giữ.

Sau này, Tổ Gia mới biết, ông già què này không phải là một người tầm thường, ông ta đã đi theo Trương Đan Thành mấy chục năm. Khi Tứ Bá đầu tạo phản, ông ta không có ở bên cạnh Trương Đan Thành. Sau khi được mấy tên tay chân chạy đến báo tin, liền lập tức quay về Đường khẩu, nhưng đã quá muộn, thân cô thế cô, không thể địch lại được số đông. Sau khi hạ gục mấy tên A Bảo, nhân tình thế hỗn loạn, phóng qua tường trốn đi. Sau này, khi Trương Đan Thành lấy lại Đường khẩu, ông ta lại quay về.

Chân què, nhưng kỹ thuật của ông ta không què quặt chút nào. Ông ta cũng có thể coi là một sát thủ đệ nhất của Đường khẩu. Sở dĩ ông ta bị què là vì bảo vệ Trương Đan Thành trong cuộc xung đột với Hắc bang năm xưa, tuyệt kỹ lợi hại nhất của ông ta chính là phi đỉnh. Vận toàn lực vào tay, ông ta có thể phi đỉnh sắt cắm sâu vào cây gỗ đến mấy tấc ở khoảng cách ngoài mười mấy mét. Nghe nói, môn kỹ thuật này bắt nguồn từ “Yến Tử môn” ở Trung Nguyên. Sau này, có

nhiều tin đồn cho rằng kỹ thuật phi đình được phát triển thành phi dao vô cùng ngoạn mục và lợi hại. Thực ra, thời đó chỉ là phi rìu chứ chưa biết đến phi dao, mặt khác không phải cứ muốn là có thể phi dao được. Trước cuộc Cách mạng công nghiệp, chưa hề có kỹ thuật cắt và cán mỏng lưỡi dao, do đó lưỡi dao đều được mài theo cách thủ công. Muốn làm ra được lưỡi dao mỏng như cánh chuồn, phải tốn rất nhiều thời gian và công sức, cho dù có chế được đúng theo ý mình thì khi lâm trận cũng không thực sự đắc dụng. Vì dao một khi đã phóng ra là khó có thể thu về được, nhiều nhất cũng chỉ giết được một vài người, sau đó chỉ còn cách chịu trận đợi kẻ khác đến giết. Hơn nữa, phi dao phần nhiều là lén lút, phi xong liền bỏ chạy, trúng đích thì không nói làm gì, không trúng kẻ như mất toi vài chiếc mà phải tốn thời gian mười mấy ngày mới chế được một chiếc. Chỉ một trận là chẳng còn lưỡi dao nào, lần hành động sau lại phải mài lưỡi mới.

Ngược lại, đình lại chế tạo rất dễ dàng, nhưng đình khi đó cũng không giống như đình tây bây giờ, đều là sản phẩm của nước ngoài, giống như diêm và dầu hỏa. Đình thời xưa khá to, do thợ rèn tự chế, đường kính gấp ba đến bốn lần đình bây giờ. Lượng cung ứng đình cũng rất lớn, mỗi lần có thể mang theo mấy chục chiếc. Với một cao thủ công lực thâm hậu, bách phát bách trúng, một trận quyết chiến, chỉ ít có thể giết được mấy chục người. Lần sau hành động, cũng không phải lo lắng về vấn đề thiếu đình.

Tổ Gia nói với tôi: “Nếu không tận mắt nhìn thấy, sẽ không tin trên thế gian này có một cao nhân như vậy. Ông già què đó vung tay một cái, đình sắt bay ‘vút’ ra, ‘phập’ một tiếng, cắm ngay vào cây gỗ trên cánh cửa nhà lao.” Tổ Gia bị một phen kinh sợ, đồng thời cũng đã hiểu vì sao Trương Đan Thành cử một người như vậy đến canh giữ mình.

“Su phụ nói, người là ân nhân cứu mạng của ông ấy, cũng là kẻ thù không đội trời chung, dặn ta tuyệt đối không được khinh thường, càng không được tin người.” Ngày đầu tiên gặp mặt, ông già què đó đã nói với Tổ Gia như vậy.

Ban đầu hai người luôn đề phòng lẫn nhau, một trong nhà lao, một ngoài cửa nhà lao, không hề nói với nhau câu nào, sau này quen rồi, dần bắt đầu trò chuyện.

Ông già què này tên gọi là Đồ Nhất Minh, là hàng đệ tử đầu tiên

sau khi Trương Đan Thành xuất đạo. Sau khi bị gãy chân, về cơ bản Trương Đan Thành không sắp xếp cho ông ta làm việc bên ngoài. Chân ông ta gãy là vì Trương Đan Thành, trước mặt anh em Đường khẩu Trương Đan Thành thề rằng sẽ chăm sóc ông ta cả đời. Kỳ thực Đồ Nhất Minh làm việc nhiều năm ở Đường khẩu, tiền bạc cũng tích lũy được một món kha khá, như vậy, ông ta không thiếu tiền, không cần phải nhờ người khác nuôi.

Tổ Gia hỏi ông ta vì sao không nhân cơ hội rời khỏi Đường khẩu, tìm một nơi mà mai danh ẩn tích. Đồ Nhất Minh cười lớn nói: “Người không hiểu rồi. Một người đã lăn lộn ở Đường khẩu mấy chục năm trời thì Đường khẩu chính là nhà, dù có mang tiền ra đuổi cũng không đi. Sống là người của Đường khẩu, chết làm ma của Đường khẩu. Từ lâu, ta đã quen với ngày tháng sống cùng anh em huynh đệ. Sau khi ta bị tàn phế, tuy không phải ra ngoài đàn cục, nhưng vẫn là người không thể thiếu trong việc bàn tính kế sách. Ta là người không chịu được sự nhàn rỗi, càng không muốn ăn không ngồi rồi, đúng lúc người xuất hiện, sự phụ muốn ta đến canh giữ người và nói rằng tên tiểu tử nhà người là kẻ vô cùng nguy hiểm.”

Tổ Gia cười gượng trong lòng. Một thời gian sau, cuộc sống giam hãm của Tổ Gia cũng thoải mái hơn ít nhiều. Mỗi ngày ba bữa đều có thịt, gặp hôm mừng một, ngày rằm còn được uống vài ba ngụm rượu. Chiêu này của Trương Đan Thành quả thật cao tay. Thời gian có thể mài mòn đi tất cả, cũng vì thế lửa hận thù và sự ức chế trong lòng Tổ Gia bắt đầu dần nguôi đi. Đêm đến, cậu thường độc thoại, nhắc nhở bản thân phải khắc sâu mối thù hận: em trai, em gái tuy không phải do Trương Đan Thành tự tay giết chết, nhưng ông ta là kẻ cầm đầu Đường khẩu... ban đầu nếu như ta không cứu bọn chúng... nhưng giờ đây ông ta cũng không giết mình... Hàng đêm, khi nút thắt trong tư tưởng này vẫn còn chưa cởi ra được, Tổ Gia đã chìm sâu vào giấc ngủ. Trong giấc mơ, cậu thường thấy những ngày tháng trước đây, được trở về bên cạnh cha mẹ, cả nhà lại rộn rã tiếng cười. Khi tỉnh dậy trong căn phòng giam lạnh lẽo, trở lại với hiện thực, cậu chờ đẫn ngời ngậy ra một hồi lâu.

Tổ Gia cũng từng nghĩ đến việc đâm đầu vào góc tường tự sát, nhưng lại không thể hiểu nổi vì sao mình muốn chết? Gia bại nhân vong⁸, bản thân không muốn kế tục hương hỏa sao? Cậu cũng từng nghĩ đến việc tuyệt thực, nhưng cơm của kẻ thù không thể ăn được sao? Ăn no rồi mới có thể tiếp tục sống, sống mới có cơ hội ra ngoài,

ra được ngoài rồi thì mới có thể trả thù, không những phải ăn, mà còn phải ăn thật ngon lành.

Cứ cách dăm bữa nửa tháng, Tổ Gia được ra ngoài hóng gió với một cái xích to dưới chân. Đờ Nhất Minh ngồi trong sân theo dõi cậu, trong tay áo luôn giấu sẵn đinh sắt. Có lúc Tổ Gia nói với ông ta: “Ông không cần phải căng thẳng như vậy, tôi không chạy được đâu mà lo.”

Những lúc như vậy, Đờ Nhất Minh mỉm cười nói: “Người khác thì không thể, nhưng ngươi thì có thể, 15 tuổi dám giết hai mạng người, thấp đèn trời một người. Nếu không cẩn thận, chính ta đây cũng không biết mình sẽ chết như thế nào.”

Thực ra, Đờ Nhất Minh đã sớm có cảm tình với Tổ Gia. Ông ta thường nói với cậu rằng: “Nhóc con, nếu ngươi không phải là kẻ thù của chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ trở thành anh em tốt. Ngươi cũng chớ nên cả ngày nghĩ đến việc trả thù. Nói một câu công bằng, khi đó sư phụ ta dàn cục không hề biết đó là em trai và em gái của ngươi, khi Tứ Bá đầu la cà trên phố, đúng lúc gặp được các ngươi...”

“Ông chớ có nhắc lại chuyện này nữa!” Tổ Gia ngắt lời ông ta.

“Không cho ta cũng cứ nhắc đấy. Ta nói cho ngươi biết, sư phụ ta đã cử người đến ngôi miếu đó đem tượng đất tro cốt của hai em ngươi về, mua hai chiếc quan tài, rồi cho chôn cất cẩn thận, hơn nữa còn lập bia, hàng tháng đều cử người đến thắp hương, đốt tiền vàng. Hiện nay anh em trong Đường khẩu đều muốn giết ngươi, nhưng sư phụ ta không đồng ý...”

“Đừng nói nữa! Đờ què cụt!” Tổ Gia ngắt lời.

Đờ Nhất Minh cười ha hả nói: “Tên tiểu tử này, nếu ngoài phố có kẻ nào mắng ta như vậy, lão gia đây sẽ cho một phi tiêu vào họng.”

Tổ Gia không đôi co lại nữa liền nói: “Trương Đan Thành định giam ta bao lâu?”

Đờ Nhất Minh lắc đầu: “Việc này không biết chắc được, có lẽ là mấy năm, cũng có thể là mười mấy năm, biết đâu lại đến mấy chục năm. Chỉ cần sư phụ ta còn sống thì ngươi còn bị giam ở đây, trừ phi ông ấy chết, mà có chết ông ấy cũng chưa chắc sẽ thả ngươi đâu.

Người là kẻ địch của cả Đường khẩu, thả người ra, nghĩa là chúng ta chẳng muốn sống nữa. Vì thế, ta đồn rằng người sẽ chết già ở trong này, mà điều này chẳng phải rất tốt sao? Được ăn được uống, đợi người lớn lên chút nữa, không biết chừng sư phụ ta còn tìm cho người một cô vợ cũng nên... ha ha...”

Tổ Gia bỗng trở lên hoang mang, lẽ nào cả đời này phải như vậy sao?

Mỗi ngày trôi qua, Tổ Gia đã dần cứng cố quyết tâm phải tiếp tục sống, hàng ngày ăn xong duỗi tay duỗi chân trong phòng giam, có lúc còn trồng cây chuối, rèn luyện thể lực và sức chịu đựng. Mỗi khi buồn chán, Đồ Nhất Minh lại đứng lên đi lại, ra sân ngồi, chơi trò phóng phi tiêu vào thân cây, sau đó đi cà nhắc đến chỗ ra, rồi lại cà nhắc quay lại, rồi phóng tiếp, cứ như thế, phóng rồi nhỏ, nhỏ rồi phóng.

Có một lần, Tổ Gia nói với Đồ Nhất Minh: “Ê, hay là ông dạy tôi phi đinh sắt đi?”

Đồ Nhất Minh hấp háy đôi mắt, cười nói: “Người nghĩ ta già nên lú lẫn rồi sao? Ta dạy người rồi, không biết chừng một ngày nào đó người chẳng phóng một đinh vào đầu ta à? Chẳng phải như thế là ta đang tự tìm cái chết sao?”

Tổ Gia cũng cười nói: “Lấy dạ tiêu nhân đo lòng quân tử.”

Con người là loài động vật cảm tính, gần nhau, tiếp xúc một thời gian dài sẽ sinh tình cảm, cảm giác đề phòng lẫn nhau cũng sẽ giảm bớt đi. Một lần sau khi Đồ Nhất Minh đến, ngồi trầm ngâm thờ dài, Tổ Gia thấy vậy liền hỏi: “Ông làm sao vậy?”

Đồ Nhất Minh nói: “Sư phụ lại cáu giận rồi! Suýt chút nữa là lộ cục! Một lũ tạp chủng, quá tham lam!”

Tổ Gia mỉm cười: “Ông kể đi.”

Đồ Nhất Minh liếc nhìn Tổ Gia một cái. Tổ Gia lại cười: “Tôi cũng có thể được coi là người của Đường khẩu, hơn nữa lại không chạy đi đâu được, có nghe biết được chuyện gì chẳng nữa cũng chỉ để trong bụng. Ông đâu cần phải căng thẳng như vậy chứ?”

Đồ Nhất Minh thở dài thườn thượt nói: “Cũng được. A Bảo bây giờ không giống như trước đây nữa rồi...”

Tổ Gia hỏi lại: “Thế nào là không giống, chẳng phải vẫn đều là phường lừa đảo sao?”

Đồ Nhất Minh lắc đầu: “Mất đạo rồi, mất đạo rồi.”

Tổ Gia hỏi vặn lại: “Phường lừa đảo thì có đạo gì chứ?”

Đồ Nhất Minh sầm mặt lại: “Nhà ngươi thì hiểu gì chứ? Phái Giang Tương chúng ta, một bái trời làm cha, hai bái đất làm mẹ, có tình có nghĩa. Vô tình vô nghĩa tất sẽ chết dưới muôn đao. Lấy việc cướp của người giàu chia cho người nghèo làm tôn chỉ hành động, tham tài tham sắc tất sẽ bị trời báo ứng. Ngươi hỏi phường lừa đảo thì có đạo gì ư? Sư phụ biết rõ ngươi muốn giết ông, nhưng ông lại không giết ngươi, ngược lại vẫn nuôi ngươi. Đó chính là đạo.”

Tổ Gia ngẩn người ra một lát rồi lập tức nói: “Giết người cũng là đạo sao?”

Đồ Nhất Minh trả lời: “Giết kẻ xấu là đạo, giết người tốt là thất đạo.”

Tổ Gia trầm tư một lúc: “Vậy còn giết những đứa trẻ bất hạnh thì sao?”

Đồ Nhất Minh biết Tổ Gia lại nhớ đến hai em của mình, cúi gằm mặt trong chốc lát rồi nói: “Đó là thất đạo. Con người nhiều lúc rất khó để khống chế được bản thân, vì lợi ích của Đường khẩu, nhiều khi không thể quản được nhiều như vậy...”

Tổ Gia nghe vậy tức giận nói: “Không quản được sao? Không quản được thì lạm sát người vô tội ư? Đó chỉ là những đứa trẻ con chưa hiểu biết sự đời, không thù không oán với các ngươi đó.”

Đồ Nhất Minh cũng tức giận đáp lại: “Ai biết được đó là hai em của ngươi? Ngươi thử nhìn xem trên đường đây rầy kẻ ăn mày, không chết vì đói cũng chết vì rét, sớm muộn gì cũng phải chết. Giờ đây, ngay chính đêm nay, có biết bao nhiêu kẻ ăn mày phải chết vì đói rét, ngươi có biết không, ngươi có quản hết được không? Đây là thế

giới ăn thịt người. Bọn chúng không bị A Bảo ăn thịt, cũng sẽ bị cái thế giới này nuốt chửng.”

Tổ Gia nói một cách lạnh lùng: “Đó chính là đạo của các người sao?”

Đồ Nhất Minh thở dài nói: “Người cho rằng sư phụ ta không hối hận sao? Người có biết mỗi năm Đường khẩu bỏ ra bao nhiêu tiền cứu tế người nghèo không? Người có biết sư phụ ta hàng năm làm phúc bao nhiêu bát thuốc không? Người có biết người dân ở các thôn trong vòng mười dặm quanh đây đều coi sư phụ ta là Bồ Tát sống không? Dem mạng của mấy tên ăn mày để đổi lấy sự no ấm của hàng trăm hàng nghìn người, không đáng sao?”

Tổ Gia nói: “Nếu người bị chết là con cái của người thì sao?”

Đồ Nhất Minh ngơ ngàng im lặng không nói.

Tổ Gia nói tiếp: “Đều là cha sinh mẹ dưỡng, là núm ruột của cha mẹ.”

Đồ Nhất Minh nói: “Người không biết đó thôi, sư phụ là người tốt, người thử nhìn xem mấy Đường khẩu quanh đây, đều trở thành những kẻ như thế nào rồi? Lừa tiền lừa sắc, giết người cướp của, hãm hiếp phụ nữ, không điều ác nào không dám làm, đúng là một lũ súc sinh.”

Tổ Gia đế theo: “Các người cũng chẳng khác gì một lũ súc sinh.”

Đồ Nhất Minh giơ tay phải lên cao, tức giận nói: “Người...”

Tổ Gia nói: “Muốn giết ta sao? Súc sinh! Các người là lũ súc sinh. Súc sinh!”

Đồ Nhất Minh nhìn thẳng vào Tổ Gia, thu đĩnh sắt lại vào trong ống tay áo: “Ta với người có cách nghĩ hoàn toàn khác nhau.”

Hai người im lặng không nói, một lúc lâu sau, Đồ Nhất Minh mới mở miệng trước: “Người muốn hận cứ hận, nhưng ta nói cho người biết, A Bảo chân chính không phải kẻ súc sinh. Năm đó khi Tổ sư gia Phương Chiếu Dư, một trong Ngũ tổ Hồng Môn sáng lập phái Giang

Tướng, hô hào anh hùng hảo hán trong thiên hạ, hành hiệp trượng nghĩa, cướp của người giàu chia cho người nghèo, “Phản Thanh phục Minh”, lê dân bách tính vô cùng cảm kích. Sau khi Tổ sư gia quy tiên, đệ tử của bốn nhánh Càn, Khôn, Khảm, Ly vẫn luôn tuân theo lời dạy của ngài, tâm hoài thiện niệm, không tham tài, không tham sắc, thường thiện phạt ác, cướp của người giàu chia cho người nghèo.”

Tổ Gia trầm ngâm, những lời ông ta nói đều là sự thật, vì tổ tiên của Tổ Gia cũng là người của Thiên Địa hội. Thiên Địa hội chính là Hồng Môn. Hồi nhỏ Tổ Gia thường được nghe ông nội kể những câu chuyện về “Phản Thanh phục Minh” của Thiên Địa hội. Chỉ có điều nhánh phái Giang Tướng này ngày càng xa rời Thiên Địa hội nên ông nội ông rất ít đề cập đến.

Đồ Nhất Minh thấy Tổ Gia im lặng, không hiểu cậu đang nghĩ gì liền hỏi: “Sao ngươi lại không nói gì vậy?”

Tổ Gia trầm tư một lúc lâu, tâm trạng nặng trĩu nói: “Thực ra... tổ tiên của ta cũng thuộc Thiên Địa hội...”

Câu nói đó chẳng khác nào sấm nổ giữa trời quang, khiến cho toàn thân Đồ Nhất Minh chấn động. Trong mắt ông ta, Tổ Gia chỉ là một tên ăn mày không rõ lai lịch. Trước đó, Trương Đan Thành cũng từng sai ông hỏi tên họ thật và thân thế của Tổ Gia, nhưng Tổ Gia không nói. Họ cũng chẳng có cách nào, sau đó không hỏi đến nữa. Không ngờ lại là người một nhà.

Xã hội phong kiến rất coi trọng nhận tổ quy tông. Đồ Nhất Minh vội vàng hỏi tường tận. Tổ Gia kể một cách mạch lạc cho ông ta nghe, kể đến năm đó tổ tiên mình “Phản Thanh phục Minh” ra sao, sau này lại gia nhập quân Thái Bình⁹ như thế nào... duy có chuyện cha mình bị hại là không nói.

Bấy nhiêu thôi đã đủ khiến cho Đồ Nhất Minh tròn mắt ngạc nhiên, ông ta run run hỏi: “Nhóc con, ngươi có biết đến đời ngươi là thuộc hàng chữ gì không? Hoặc ngươi có biết cha ngươi đứng hàng chữ gì không?”

Đó là một chữ cố định nằm trong tên gọi của mỗi người trong gia phả dòng tộc thời phong kiến. Thông thường chỉ chữ ở giữa, phản ánh trực tiếp vai vế của một người. Những chữ này là do lão tổ tông

đặt cho, mục đích để thiết lập nên vai vế, đời này truyền sang đời khác. Ví dụ một người họ Trương, đến đời của anh ta thuộc hàng chữ “Vân”, vậy anh ta và anh em của mình đều được đặt tên là Trương Vân, như Trương Vân Sơn, Trương Vân Đăng, Trương Vân Liệt... Đời sau nếu là chữ “Khánh”, vậy trong tên của con cháu đều mang chữ “Khánh”, ví dụ Trương Khánh Văn, Trương Khánh Tài... Người cùng họ thoạt nhìn tên là biết ngay thân phận ai lớn, ai nhỏ.

Vai vế là nền tảng của luân lý cương thường. Tam cương, ngũ thường¹⁰ chính là nền tảng tư duy của xã hội phong kiến, do đó vai vế hỗn loạn là đại nghịch bất đạo. Mắng chửi, giết hại, thông gian hãm hại trưởng bối đều là trọng tội không thể dung thứ.

Tổ Gia nhớ rất rõ cậu đứng hàng chữ “Quán”, cha đứng hàng chữ “Lâm”, Tổ Gia trả lời một cách thật thà, lời vừa thốt ra, hai chân Đồ Nhất Minh như muốn quy xuống, liền vội vàng bò lên trên đi báo tin cho Trương Đan Thành.

TỔ GIA NHẬP ĐẠO

Sau khi nghe tin, Trương Đan Thành vô cùng hoảng hốt, vội vàng lấy gia phả của Thiên Địa hội ra, tra ngược đến giữa năm Ung Chính¹¹. Quả nhiên đúng như lời Tổ Gia nói, cả tên gọi cũng đều khớp, Trương Đan Thành ngẩn người, như vậy suy ra, hàng chữ “Đan” của ông ta vừa vặn đứng sau chữ “Quán”, thấp hơn một bậc so với Tổ Gia. Theo thứ bậc Tổ Gia phải là Sư bá của ông ta mới đúng.

Trong một gia đình bình thường, vai vế cũng rất được coi trọng. Ở Đường khấu, nó lại càng coi trọng hơn. Trương Đan Thành đang lâm vào nghịch cảnh bắt giam trưởng bối, hơn nữa còn giết hại hai người thuộc hàng thúc phụ của mình. Việc này mà đồn ra ngoài, ông ta đâu còn mặt mũi nào đứng trên giang hồ nữa. Nghĩ đến đó, toàn thân Trương Đan Thành toát mồ hôi lạnh.

“Làm thế nào bây giờ, sư phụ?” Đồ Nhất Minh hỏi.

Trương Đan Thành suy nghĩ hồi lâu, rồi thở dài một tiếng: “Nghiệp chướng. Đúng là nghiệp chướng!”

Ngược lại Tổ Gia lại không mấy để ý đến việc này, chỉ thấy Đồ

Nhất Minh nhắc đến Thiên Địa hội, nên trong lòng bất giác dâng lên cảm giác thân thuộc, do đó, ông mới mang chuyện của cha mình ra nói. Sau khi Đồ Nhất Minh bỏ đi, Tổ Gia cứ ngẩn người ra, không hiểu chuyện gì sẽ xảy đến với mình tiếp sau đó.

Bỗng nhiên cửa nhà lao bật mở, tiếng bước chân vội vã vọng lại, Trương Đan Thành dẫn theo Chu Chấn Long, Đồ Nhất Minh và mấy tên A Bảo hấp tấp chạy vào. Tổ Gia vừa nhìn thấy đã giật mình hoảng sợ. Tất cả bọn họ đều ở trần, sau lưng là một thanh đao sáng loáng, không đợi Tổ Gia lên tiếng, nhất loạt quỳ xuống.

“Trương Đan Thành trưởng môn nhân thứ 13, Đường khẩu Mộc Tử Liên, phái Giang Tương bá kiến Sư bá. Văn bối có mắt không trông, phạm vào tội đại nghịch bất đạo, hôm nay dẫn theo chúng đệ tử đến xin chịu tội. Xin Sư bá thi hành gia pháp, Trương Đan Thành nguyện xin được tạ tội.” Trương Đan Thành cúi đầu, hai tay cung kính nâng thanh đại đao lên trước mặt Tổ Gia.

Tổ Gia ngẩn người, không thốt lên được lời nào, hàng loạt suy nghĩ chạy vòng quanh trong đầu, đột nhiên hiểu ra: đều là con cháu của Thiên Địa hội, vai vế của mình nhất định cao hơn bọn họ.

Lúc này, Tổ Gia không biết phải nói câu gì, cũng không biết bản thân mình nên làm thế nào, một không gian im lặng bao trùm cả đại lao.

Một lúc lâu sau, Tổ Gia vội vàng bước lên đỡ Trương Đan Thành đứng dậy. Dù sao ông ta cũng là ông lão tuổi gần thất thập, Tổ Gia không nhẫn tâm nhìn ông ta ở trần quỳ mãi như vậy.

Trương Đan Thành nhất quyết không đứng dậy, nói: “Đây là tội đại nghịch, trời không dung, nguyện chặt cái đầu của văn bối xuống để tế vong linh hai vị trưởng bối trên trời!”

Cảm xúc của Tổ Gia hỗn loạn. Nhớ đến hai em bất giác hai hàng lệ rưng rưng. Gặp phải nghịch cảnh này, làm sao ông có thể xuống tay được: “Lão tiên sinh, xin hãy đứng dậy! Oan oan tương báo khi nào mới dứt đây.”

Trương Đan Thành ngẩng đầu nhìn Tổ Gia rồi nói: “Sư bá tấm lòng nhân hậu, tính cả lần này là đã hai lần có ơn cứu mạng lão hủ, tội

chết có thể miễn, tội sống khó có thể tha.” Nói xong, Trương Đan Thành tay trái đặt lên chiếc ghế gỗ, tay phải giơ đao lên, phập một tiếng, tự chặt đứt ngón tay út của mình, một dòng máu đỏ thẩm phun ra.

“Sư phụ!” Chu Chấn Long, Đồ Nhất Minh và những người đang quỳ đồng thanh kêu lên rồi lao đến vây quanh Trương Đan Thành.

Trương Đan Thành nhặt đoạn ngón tay của mình giơ lên nói với mọi người: “Các người hãy tự chặt ngón tay đi.” Chu Chấn Long và Đồ Nhất Minh nhất loạt nhìn nhau, rồi đặt ngón tay út lên ghế, ánh đao sáng loáng lóe lên, hai ngón tay rớt xuống lăn trên mặt đất. Mấy tên A Bảo còn lại, đưa mắt nhìn nhau, cuối cùng đồng loạt đưa tay lên miệng cắn mạnh một nhát đứt phăng ngón tay út.

Quân quân thần thần, phụ phụ tử tử, Tổ Gia bị luân lý cương thường này làm cho chấn động. Ông không kiềm được nước mắt, đỡ Trương Đan Thành dậy rồi nói: “Mọi người đứng cả lên đi. Oan oan tương báo khi nào mới dứt, chúng ta hãy quên hết mọi việc không vui trước kia đi.”

Chu Chấn Long vừa khóc vừa nói: “Đúng! Dù gì đều là người một nhà.”

Trương Đan Thành nói: “Nhanh truyền lệnh mở tiệc, ta và Sư bá phải uống một trận cho thật đã.”

Giờ đã là giờ Tý nửa đêm, tên quản gia hò hét dựng nhà bếp dậy, nhóm lò, thịt gà làm ngỗng, loáng một cái mâm cỗ thịnh soạn được đưa lên.

Trương Đan Thành để Tổ Gia ngồi lên ghế thượng tọa, bản thân đứng bên phải, Chu Chấn Long đứng bên trái, Đồ Nhất Minh đứng phía dưới.

Lúc này, Tổ Gia mới nói ra toàn bộ thân thế của mình, kể đến sự việc toàn gia chết thảm dưới tay bọn quân phiệt. Trương Đan Thành mắt bừng bừng lửa giận: “Quân khốn khiếp! Lũ quân phiệt này đều cùng một giuộc với bọn Mãn Thanh.”

Qua ba tuần rưỡi¹², Trương Đan Thành than thở, hỏi Tổ Gia:

“Sau đây, Sư bá có dự định gì không?” Câu hỏi này khiến cho Tổ Gia trầm tư bồi hồi. Trước đây, trong đầu luôn nghĩ đến việc báo thù cho đệ muội, nhưng nay mối thù này đã được hóa giải, tiếp theo chính là mối huyết hải thâm thù của cha mẹ. Bây giờ đi giết lũ quân phiệt là điều không thể nên ông không biết phải trả lời thế nào.

Trương Đan Thành thấy Tổ Gia im lặng không nói, liền hỏi: “Sao Sư bá không ở lại Đường khẩu?”

Tổ Gia ngậy người: “Ở lại Đường khẩu? Làm A Bảo? Đi lừa đảo sao?”

Trương Đan Thành nói: “Không giấu gì Sư bá, lần đầu tiên gặp mặt, ta đã nhận thấy người là một anh hùng trí dũng có thừa, gan dạ mưu lược. Ta đã già rồi, chỉ vài năm nữa là bước sang tuổi bảy mươi ba. Bảy ba, tám tư, dù Diêm vương không gọi tự mình cũng sẽ đi. Ta quản Đường khẩu này cũng đã mấy chục năm, hơn nữa làm cũng không thực sự tốt, như vậy còn mặt mũi nào đi gặp Tổ sư gia đây. Than ôi!... Nhớ năm đó, Trương Đan Thành ta uy phong biết bao, khi đó Đông có Trương Đan Thành, Tây có Đoàn Kim Sơn, Nam có Kiều Ngũ Muội, Bắc có Khang Thiếu Hoa, Tứ đại Đường khẩu nhất hô bách ứng, quyền quý Đại Thanh cúi đầu nghe theo, giang hồ hảo hán tranh nhau đi theo. Ai có ngờ rằng có một ngày ta bị lộ cục? Kết quả không chỉ làm cho bản thân mình trở thành kẻ nam không ra nam, nữ không ra nữ, mà còn liên lụy đến anh em ở Đường khẩu khác. Tất cả phải bỏ chạy tháo cục, than ôi!...”

Chu Chấn Long và Đồ Nhất Minh nghe đến đây đồng thanh thốt lên một tiếng đầy bi thương: “Sư phụ!”

Trương Đan Thành nói: “Chấn Long, Nhất Minh, các người đi theo ta đã lâu như vậy, nhất mực trung thành. Ta chẳng còn sống được mấy năm nữa, Đường khẩu phải có người đứng ra đảm trách, cơ nghiệp của tổ tông không thể đứt đoạn bởi tay ta. Từ sau khi Tứ Bá đầu tạo phản, trong lòng ta càng thấy buồn bã, chưa tìm được người kế tục... Chấn Long thật thà trung thực, được mọi người tín nhiệm, nhưng lại quá nhân từ, lòng dạ mềm yếu, chung quy không thể thống lĩnh được đại cục, không cẩn thận còn tự rước họa vào thân. Nhất Minh võ nghệ siêu quần, nhưng thiếu mưu lược, hành sự lại quá manh động, cũng khó có thể ngồi chấn giữ được Đường khẩu. Ngày ngày đều phải lo nghĩ đến việc sau này của Đường khẩu, thật khó cho

người làm sư phụ ta đây.”

Chu Chấn Long và Đờ Nhất Minh mặt không giấu nổi vẻ hổ thẹn: “Sư phụ!”

Trương Đan Thành tiếp tục nói: “Sư bá, hôm nay trước mặt hai đồ đệ của mình, vân bối thỉnh cầu người hãy ở lại. Dù gì đi chăng nữa, chúng ta cũng là người một nhà. Sau khi vân bối chết, xin người đứng ra chủ trì Đường khẩu, có Chấn Long và Nhất Minh phò trợ, không biết ý của Sư bá thế nào?”

Không đợi Tổ Gia mở miệng, Chu Chấn Long và Đờ Nhất Minh đồng thanh nói: “Xin tuân theo lời Sư bá dạy bảo. Chúng con sẽ dốc hết sức khuyến mãi!”

Một cảm giác mênh mang dấy lên trong lòng Tổ Gia. Tâm tư ông hỗn loạn, không nói nên lời, Trương Đan Thành cứ mở miệng ra một câu Sư bá, hai câu Sư bá, nhiều đến mức Tổ Gia rung mình từng hồi như gió buốt quất vào người. Trong xã hội phong kiến, cháu cung kính trước thúc thúc có rất nhiều, nhưng ở vào tình cảnh tuổi còn nhỏ, vai vế lại cao, bản thân Tổ Gia có chút gì đó lạ lẫm: “Để ta suy nghĩ đã. Ngoài ra... lão tiên sinh tuổi tác lớn hơn ta rất nhiều, cứ gọi ta bằng tên là được, nếu không...”

“Sao có thể thế được, trước đây không biết không nói, xưng hô thế nào cũng được, nhưng nay vai vế đã rõ ràng, xưng hô lung tung, há chẳng phải là đại nghịch bất đạo ư?”

Tổ Gia không biết nói gì hơn.

Tổ Gia mất đến ba ngày suy nghĩ mông lung, ông nhớ đến cha mẹ, nhớ đến hai em mình đã chết chính tại Đường khẩu này. Bây giờ bản thân lại gia nhập Đường khẩu thì vong linh của họ ở trên trời nhìn mình thế nào đây?

Nếu không gia nhập Đường khẩu, vậy sẽ đi về đâu? Nhà đã không còn, nếu nhận tổ quy tông, nơi đây sẽ chính là nhà, Trương Đan Thành một lòng chân thành, từ chối thế nào đây?

Nhưng chung quy đây không phải là chính đạo, là phường lừa đảo, bản thân từ nhỏ đã đọc Tứ thư, Ngũ kinh, hiểu thế nào là lễ

nghĩa liêm sỉ, Phái Giang Tương tuy xuất thân từ Thiên Địa hội, nhưng nay đã thất đạo rồi...

Khi Tổ Gia còn đang suy nghĩ thì Đờ Nhất Minh tìm đến. Ông ta là người lỗ mãng, nhưng lời nói luôn đặt đúng chỗ. Mấy câu nói của ông ta đã khiến Tổ Gia đưa ra quyết định cuối cùng: “Sư bá chẳng phải đã từng hỏi thế nào là đạo sao? Người kế thừa vị trí của sư phụ, đó chính là đạo. Hiện nay giới A Bảo đều thất đạo cả rồi, nên cần một người dẫn dắt về chính đạo. Anh em của Sư bá đã chết, không biết người đã nghĩ đến điều này chưa? Nếu Đường khẩu do kẻ không có lương tâm nắm giữ, vậy thì sẽ còn biết bao người vô tội bị giết? Bao người vô tội bị lừa? Những loại A Bảo này còn gây ra bao nghiệp chướng nữa? Đại đạo có được chấn hưng hay không, đều trông chờ cả vào Sư bá.”

Câu nói này đã đánh đúng tâm lý của Tổ Gia, chấn hưng đại đạo, diệt trừ cái ác, biểu dương cái thiện, vực lại tôn chỉ đạo nghĩa lấy của người giàu chia cho người nghèo của Ngũ Tổ Hồng Môn, khiến lũ A Bảo súc sinh ấy quay lại chính đạo làm người. Đây có lẽ chính là đạo lý mà bản thân Tổ Gia theo đuổi.

Tổ Gia cuối cùng cũng gia nhập đội ngũ A Bảo. Xuyên qua một rừng đao, uống rượu tiết gà, một bái trời làm cha, hai bái đất làm mẹ. Tổ Gia đã chính thức nhập đạo.

Trong Phật kệ nói: “Vi nhân mạc tác khuy tâm sự, cử đầu tam xích hữu thần minh; thiện tác đáo đầu chung hữu báo, chỉ tranh lai tảo dữ lai trì.”¹⁴ Năm năm sau, Trương Đan Thành qua đời. Trước khi ra đi, trong lòng ông ôm một mối thống khổ dằn vặt, nhưng luôn có Tổ Gia kề cận ở bên những giây phút cuối đời. Ông ta ra đi vào ngày mùng 7 tháng Chạp. Bệnh tật giày vò đến nỗi chẳng còn ra hình người nữa, người khô đét như que củi, ngực bụng hõm xuống, hai bên xương sườn nhô lên, không cất nổi đầu lên nữa, chỉ có thể nhờ Tổ Gia bón nước bằng một chiếc thìa nhỏ.

Giờ Hợi hôm đó, Trương Đan Thành bắt đầu rơi vào trạng thái hôn mê, hơi thở đứt quãng, có lúc bỗng nhiên nhắc được hai cánh tay lên, vừa như muốn đẩy cái gì đó, lại như muốn thoát khỏi cái gì đó, khi đi vào cõi hư vô, một dòng nước mắt chảy ra từ khóe mắt. Tổ Gia biết ông ta không có con cái, người chết mà không có con cái đưa tiễn là một cái chết thê lương nhất. Hơn bao giờ hết ông ta mong mỏi có một đứa con. Khi tuổi trẻ hào hoa phong nhã, chỉ nghĩ đến việc đi lừa

đảo. Sau này khi muốn có con cái, ông lại bị người ta cắt phăng mắt tinh hoàn, đến ngay cả lòng tự tôn của nam nhân cũng bị tước đoạt mất. Trước lúc hấp hối, ông ta có lần hồi dương, nắm chặt tay của Tổ Gia, gắng gượng nói ra được hai từ, tuy giọng rất nhỏ, nhưng Tổ Gia nghe rất rõ ràng, đó là hai từ “báo ứng”.

Trương Đan Thành đi rồi, Tổ Gia chính thức đăng cơ. Trong năm năm, Tổ Gia học được tất cả các kỹ năng cần có của một A Bảo. Ngoài ra, ông còn có tố chất mà một A Bảo bình thường không có được. Đó là trí tuệ hơn người, đảm lược phi phạm, nhất là ý niệm hành thiện thâm căn cố đế, khiến ông từ trong ra ngoài đều trở thành Đại Sư bá không kẻ nào sánh được.

Sau khi Trương Đan Thành đi rồi, Chu Chấn Long cũng cảm thấy chán ghét hồng trần, ông ta theo Trương Đan Thành đã hơn 30 năm, trải qua biết bao sóng gió. Lúc này, ông ta cảm thấy đã đến lúc cần phải ra đi. Chu Chấn Long thỉnh cầu Tổ Gia cho phép rời khỏi Đường khẩu. Tổ Gia hỏi ông ta dự định đi đâu, đây không phải có ý ngăn cản, mà lo ông ta đã già cả, không người chăm lo. Ông ta nói đã sắp xếp đâu vào đó cả rồi, sau này sẽ cho Tổ Gia biết. Tổ Gia không hỏi thêm câu nào nữa. Trước khi đi, Tổ Gia chuẩn bị cho ông ta một khoản ngân lượng lớn, nhưng ông ta không cần, ông ta muốn Tổ Gia đem tất cả những thứ ông ta có phân chia hết cho người nghèo, một mình ra đi không chút vương bận.

Đồ Nhất Minh thì ngược lại, ông ta một mực coi Đường khẩu là nhà, đem toàn bộ công phu phi đỉnh của mình truyền lại cho Tổ Gia. Giờ không có việc gì thì đến hầu trà Tổ Gia, có lúc lại cùng nhau đàm luận, rèn luyện phi đỉnh. Tổ Gia luôn nhường nhịn, khiến ông ta rất vui.

Sau khi Tổ Gia lên quản lý Đường khẩu, ông tiến hành hàng loạt cuộc chỉnh đốn nhân sự, loại bỏ chế độ đẳng cấp của Đường khẩu đã tồn tại hàng trăm năm nay, lập nên chế độ thưởng phạt mới. Từ đó, Tổ Gia đã thổi một luồng gió mới vào Phái Giang Tương, tác phong, hành xử đều giống với Ngũ tổ Hồng Môn năm xưa. Có tên tay chân đề nghị tân trưởng môn nhân đổi sang gọi là Tổ Gia, như vậy vừa biểu thị sự tôn kính, vừa thân thiết. Vậy là cái tên Tổ Gia được ra đời từ đó. Đúng lúc này, Vương Á Tiêu báo tin rằng tên quân phiệt hạ lệnh giết cả nhà Tổ Gia đã bị chết trong một cuộc đấu đá nội bộ, nghe nói hắn ta bị trúng bảy phát đạn, một phát vào đầu, sáu phát vào ngực.

Cuối năm đó, Tổ Gia mang theo mấy tên tay chân trở về quê. Sau khi hỏi thăm mới biết, khi những tên sát thủ bỏ đi, chính hương thân hàng xóm giúp đỡ chôn cất người thân của ông. Những người hàng xóm dẫn Tổ Gia đến khu mộ chôn cất cả nhà của ông, nơi đây nhiều năm không có người coi sóc, cỏ mọc quá đầu người. Tổ Gia quỳ phục xuống, ngẩng mặt lên trời, hai hàng lệ chứa chan.

Sau khi tế lễ xong, chúng hương thân mời Tổ Gia về nhà họ ăn bữa cơm tất niên, nhưng ông từ chối. Ông cho họ một ít tiền, rồi quay về nhà mình, ban ngày ông đã cho người quét dọn sạch sẽ, phòng ốc đã được sắp xếp gọn gàng hơn rất nhiều.

Ngồi trong căn phòng trống rỗng, bao nhiêu kỷ niệm ngày xưa ùa về trong tâm tư ông như nước thủy triều dâng. Tiếng nói, tiếng cười, những gương mặt thân thương tràn ngập trong tâm trí ông. Đêm khuya cô tịch, trời đất bước vào thời khắc giao thừa, xa xa vọng lại từng tràng tiếng pháo đì đùng, nhà nhà hân hoan chào đón năm mới, Tổ Gia bước ra sân nhìn lên trời, phía đường chân trời là những vệt sáng của pháo hoa lóe lên điểm xuyết trong thế giới cô độc của ông, một nỗi thương cảm vô hạn bao trùm lên tâm trí.

BỊ SỈ NHỤC TẠI LẦU TRÀ

Tổ Gia dành cả một đêm để kể cho tôi về những chuyện đã qua. Câu chuyện vừa kết thúc cũng là lúc hừng đông đang lấp ló phía chân trời.

Từ bé đến lớn, tôi chưa từng nghe câu chuyện nào ly kỳ mà rung động lòng người như vậy. Tôi không biết phải nói gì cho phải, cũng không biết vì sao ông lại kể cho tôi nhiều chuyện đến thế. Tôi ngây người ngồi bất động, chén trà đã nguội tự bao giờ.

“Lượng ngọc!” Tổ Gia nói. “Giờ đây ngươi đã hiểu vì sao vừa rồi ta lại nói trước đây ta còn không được bằng ngươi như bây giờ chưa? Ta chỉ là một đứa trẻ ăn mày, giờ đây đã trở thành ông chủ. Còn ngươi dù sao cũng là một tiểu nhị, ngươi nói xem ngươi có thể là lão gia hay không?”

Tôi không biết phải trả lời ra sao, trong lòng nghĩ: ai có thể bì được với ông, tôi đây đến cắt tiết gà mà hai tay còn run nữa là. Ông giết hai người không chớp mắt, tôi chẳng thể có được cái gan và khí

phách đó.

Tổ Gia thấy tôi không nói gì liền hỏi tiếp: “Lượng ngọc, có muốn đi theo lão gia ta không?”

Tôi chấn động trong lòng, lẽ nào hôm nay Tổ Gia gọi tôi đến là muốn tôi đi theo ông gia nhập Đường khẩu? Làm kẻ lừa đảo sao? Tôi lạnh toát sống lưng. Bản thân tôi tuy nghèo thật, nhưng từ nhỏ không biết, mà có biết cũng không dám làm những việc Thương thiên hại lý, tôi sợ hãi nói: “Lão gia, tiểu nhân không có được bản lĩnh đó và cũng không có gan làm. Tiểu nhân chỉ cần có miếng cơm bỏ vào miệng là được rồi. Hơn nữa cũng không thể so được với ngài...”

“Ha ha ha.” Tôi chưa nói hết câu, Tổ Gia đã cười lớn, cười đến nỗi khiến tôi rùng mình nổi hết cả gai ốc.

Tổ Gia nói: “Ngươi muốn cả đời như thế này sao? Cả đời làm tên tiểu nhị ư? Không muốn kiếm tiền lấy vợ sao? Không con nối dõi là tội bất hiếu lớn nhất đó ngươi biết không?”

Câu nói này của Tổ Gia đã hạ gục tôi hoàn toàn. Nam nhi đến tuổi trưởng thành, ai không nghĩ đến chuyện thành gia lập thất? Ở quán trà, hàng ngày kẻ ra người vào tấp nập, nam nữ có cặp có đôi, tôi một mình lủi thủi nấp sau cánh cửa lén nhìn họ. Có lúc một cô nương xinh đẹp đến quán, khi pha trà cho người ta, tôi không thể không liếc nhìn cúc áo ngực phấp phồng của cô ta, sau đó giả như không có việc gì rồi lập tức quay về quầy. Buổi tối, tôi cũng thường bó gối ngồi nghĩ, nghĩ đến ngày mình động phòng hoa chúc, sinh con đẻ cái. Nhưng lại nghĩ đến thân phận mình chỉ là tên nghèo kiệt xác, bất giác tôi thở vắn than dài, phải dít đứng dậy, đưa tay ngoáy mũi, sau đó vùi đầu mà đi ngủ.

Tổ Gia bỗng nhiên lại hỏi: “Lượng ngọc, mẹ ngươi qua đời như thế nào?”

Tôi trả lời: “Lao phổi ạ!”

Tổ Gia nói: “Đã tìm thầy lang khám cho bà cụ chưa?”

Nhắc đến việc này, tim tôi buốt nhói, tôi trả lời: “Ban đầu cũng có tìm thầy lang bắt mạch kê đơn mấy ngày, sau đó tiền hết, lại không có

chỗ chạy vạy vạy mượn, mấy thang thuốc chả mấy mà đã uống hết, tiếp sau đó bệnh phát nặng hơn, rồi thổ huyết, cuối cùng là...”

Tổ Gia nói: “Sau khi cụ chết thì an táng thế nào?”

Dường như Tổ Gia đang khoét sâu vào nỗi đau của tôi, đây là việc cay đắng chua xót nhất trong đời tôi. Mẹ già sau khi qua đời, không mua nổi quan tài, phải dùng chiếu bó lại, đặt nằm trong chiếc tủ đựng quần áo, rồi người trong thôn đến khiêng giúp đi, chôn cất một cách sơ sài như vậy. Mẹ già một đời đau khổ, cuối cùng đến manh áo liệm và cỗ quan tài cũng không có. Mỗi lần nghĩ đến việc này, tôi đều không cầm nổi hai hàng nước mắt.

Tổ Gia thấy tôi khóc, đưa cho tôi một chiếc khăn tay và nói: “Nếu người vẫn muốn sống những ngày như vậy thì hãy trở về quán trà, còn nếu muốn đi theo ta, hãy quay lại đây.”

Ra khỏi phủ đệ của Tổ Gia, tôi chạy thẳng một mạch về quán trà. Lời nói của Tổ Gia cứ văng vẳng bên tai, tôi không biết mình phải lựa chọn như thế nào. Không hiểu vì sao Tổ Gia lại chọn tôi, tôi không phải là một người thông minh, bộ dạng trông rất ngốc nghếch, hơn nữa cái gan chỉ bằng con chuột nhất. Chỉ riêng những điều này thôi đã là không hợp với nghề A Bảo rồi.

Sáng hôm sau, tôi vẫn đến quán trà. Cả đêm không ngủ, hai mắt đờ đẫn thất thần. Cộng thêm những chuyện của Tổ Gia đã nói cứ lảng vảng trong đầu, tôi không tập trung làm việc gì được. Buổi trưa, như thường lệ Tổ Gia đến uống trà, tôi không dám nhìn thẳng vào ông. Vẫn giọng nói quen thuộc, ông gọi: “Lượng ngốc, cho lão gia ấm trà Long Tỉnh!”

“Đến ngay đây!” Tôi cao giọng đáp lại, pha cho ông một ấm trà Long Tỉnh thượng hạng.

Ông vẫn cầm chiếc quạt trắng, vẫn uống trà, vẫn thong thả phe phẩy quạt.

Tôi nhìn vào mắt ông, ông không có phản ứng gì, tôi vội vàng đi tiếp đón những người khách khác.

Một lát sau, có hai người trẻ tuổi với thái độ ngông nghênh bước

vào, tôi vội vàng chạy đến: “Hai vị, xin mời vào trong.”

“Mang cho chúng ta một ấm trà thượng hạng!”

“Đến ngay.” Tôi vội vàng đi pha trà cho họ, sau khi pha xong, tôi cẩn thận bê lên và kính cẩn: “Mời hai vị dùng trà.” Vừa quay lưng đi, tôi nghe thấy một tiếng “choang”, tách trà đã rơi xuống nền nhà tự lúc nào. Tôi cũng không biết tại sao lại rơi. Khả năng vừa rồi khi tôi quay người đi, tay áo đã vướng phải tách trà.

Ông chủ đã dặn dò, gặp phải trường hợp này, phải nhanh chóng xin lỗi, đồng thời xem nước trà nóng có bắn vào chân khách hay không. Nếu nước và lá trà dính vào chân khách, phải lập tức dùng ống tay áo của mình lau sạch.

Tôi cúi người xin lỗi liên tục: “Xin lỗi hai vị, xin lỗi hai vị.” Thấy trên chân một người khách bị nước trà bắn vào, tôi vội vàng ngồi thụp xuống, định bụng dùng ống tay áo lau sạch.

Vừa mới đụng vào chân, không ngờ hấn ta liền co chân, đập mạnh tôi một cái vào ngực. Tôi cảm thấy mắt hoa lên, khí huyết đảo lộn, đau đến nỗi không thở ra được.

“Khốn kiếp! Người có biết đôi giày của ta đáng giá bao nhiêu tiền không? Cái bàn tay bẩn thỉu của người, cũng đòi lau sao?” Tên tiểu tử đó cao giọng mắng nhiếc.

Tôi ôm ngực ngồi bệt xuống chân tường, biết hôm nay lại gặp phải tình huống giống như lần trước, lần đó tôi cũng bị một cái bạt tai. Lúc này tôi chỉ mong sự việc này nhanh chóng qua đi. Tôi không muốn tranh cãi, mà cũng chẳng dám tranh cãi.

Ông chủ quán thấy sự việc không hay, vội vàng chạy lại, tươi cười nói: “Hai vị, xin hãy bớt giận, tên đồ đệ này của tôi không hiểu chuyện, tay chân vụng về. Xin lỗi hai vị, xin lỗi hai vị! Tách trà hôm nay miễn phí, xem như tôi bồi thường cho hai vị.” Sau đó quay người lại phía tôi: “Còn không mau cút đi!”

Tôi đứng dậy định đi, không ngờ tên tiểu tử đó nói: “Đợi một chút!” Sau đó vẫy tay về phía tôi: “Người qua đây.”

Tôi nghĩ hẳn định cho tôi một cái bạt tai, tôi ôm quai hàm chậm chậm đi lại, sợ hãi nhìn hẳn.

Hắn cười với tôi và nói: “Người xem bộ dạng của người kìa! Như thế này đi, người liếm hết những cọng trà dính trên giày của ta, ta sẽ cho qua chuyện này, nếu không, lão gia ta hôm nay sẽ đập nát cả người và cái quán trà này!”

Tôi biết phận mình thấp hèn, từ nhỏ đã không ít lần bị người khác ức hiếp, nhưng việc liếm giày lần này quả thực chưa từng gặp bao giờ. Xem ra bọn chúng không coi tôi là người nữa. Tôi nhìn sang ông chủ cầu cứu. Với vẻ mặt vô cùng khó xử, ông chủ quán trà miễn cưỡng gật đầu, ra hiệu cho tôi lập tức liếm giày cho hẳn.

Bỗng nhiên tôi nhớ đến Tổ Gia, quay đầu nhìn về phía bàn ông đang ngồi với ánh mắt cầu cứu. Tôi nghĩ rằng Tổ Gia nhất định sẽ giúp đỡ tôi bởi ông vốn là người hiệp nghĩa mà.

Không ngờ, Tổ Gia không nhìn về phía này, ông vẫn phe phẩy chiếc quạt, thong thả uống trà, dường như mọi việc đang diễn ra không dính dáng gì đến mình.

Tôi tuyệt vọng, chậm chậm quỳ xuống, thè lưỡi ra liếm sạch lá trà dính trên giày của hẳn. Tên đó thấy vậy khoái trá bật cười ha hả.

Tôi cảm thấy bản thân mình đến chút lòng tự tôn cũng không có. Sau khi liếm xong, tôi liền chạy thẳng một mạch về phía nhà sau, tìm một góc vắng vẻ, òa khóc như một đứa con nít.

Đêm đến, tôi lặng lẽ đi về hướng phủ của Tổ Gia, đi đến nửa đường, lại do dự quay về, về được một đoạn, lại quay lại, cứ như vậy quay đi rồi lại quay lại, cuối cùng cũng đến trước cửa phủ.

Tôi đứng trước cửa, không biết giờ này ông đã ngủ hay chưa, thò tay gõ cửa. Cửa liền mở ra, người quản gia vừa nhìn thấy tôi liền nói: “Mau vào đi, Tổ Gia đang đợi cậu.”

Tôi ngây người ra rồi đi theo người quản gia, Tổ Gia đang ngồi một mình uống trà, thấy tôi đến: “Nghĩ thông rồi chứ?”

Tôi cúi đầu không nói, một lát sau, buồn bã nói: “Hôm nay... ngài

đều nhìn thấy hết... con còn cho rằng...”

“Người cho rằng ta sẽ giúp người, đúng không?” Tổ Gia ngắt lời, “Ta nói cho người biết, nếu là ta, ta sẽ lập tức giết chết hai tên khốn nạn đó, nhưng đó là ta, không phải người. Bản thân người phải có lòng tự tôn.”

Tổ Gia gầm lên một tiếng, tôi im lặng không nói.

“Bản thân người hiểu được là tốt rồi. Trên thế gian này, không phải cứ hiền lành, trung thực là có thể sống tốt. Bắt đầu từ ngày mai, người đến Đường khẩu đi.” Tổ Gia nói.

Tôi ngẩng đầu lên: “Tổ Gia, con...”

Tổ Gia nói: “Người yên tâm đi, việc giết người đốt nhà, chẳng đến phiên người làm đâu!”

Tôi đi theo Tổ Gia như vậy đó.

NĂM THÁNG VỚI SƯ PHỤ ĐƯỜNG KHẨU

Đi theo Tổ Gia, nghĩa là không phải lo đến vấn đề cơm áo gạo tiền. Cứ cách một tháng Đường khẩu tổ chức “thực lộc” một lần, nghĩa là tổ chức liên hoan. Thông thường chỉ có cấp Bá đầu mới được tham gia, có khi được phép mang theo một vài đệ tử xuất sắc.

Mỗi lần Đường khẩu tổ chức liên hoan, Tổ Gia đều gọi tôi đến hầu bàn. Nhị Bá đầu đương nhiên rất vui mừng, vì tôi là đệ tử của ông ta. Nhưng một vài Bá đầu khác bất mãn, họ không hiểu một kẻ vừa ngốc nghếch, tướng mạo lại xấu xí, lấy tư cách gì để được ngồi cùng bàn tiệc? Tổ Gia nói: “Lượng ngốc trước đây từng là chân chạy bàn ở quán trà, pha trà rót nước đều làm rất tốt. Hãy để cậu ta tham gia!”

Kỳ thực, mỗi lần ăn cơm, đều có kẻ hầu người hạ, đúng ra không cần đến tôi pha trà rót nước. Nhưng từ khi tôi gia nhập Đường khẩu, Tổ Gia đều để tôi làm những việc này. Mỗi lần ăn cơm, tôi đều bị hành đến mức mệt bở hơi tai. Người khác vừa ăn vừa uống, còn tôi lúc rót rượu chỗ này, lúc thì châm trà chỗ kia. Vừa ngồi xuống, lại có người muốn hút thuốc, tôi liền vội vàng đi lấy lửa. Tính ra mỗi bữa ăn, bụng tôi chả có được mấy miếng cả, hơn nữa lại còn bận đến nỗi

lưng đau, chân tê mõi rã rời.

Nhưng tôi không hề để ý, chí ít, đó đều là người một nhà, không giống như ở quán trà, bị người khác sai bảo như một con chó, còn ở đây, mọi người đều là anh em. Họ là Bá đầu, là trưởng bối, nên dù mệt thật, nhưng tôi vẫn rất vui.

Tôi phát hiện Tổ Gia là người có tử lượng rất tốt. Mỗi lần uống rượu, ông đều uống rất nhiều, mỗi khi có một Bá đầu nào đó mời rượu, ông đều uống cạn, nhưng chưa thấy ông say bao giờ. Không giống như Nhị Bá đầu, lần nào cũng như lần nào, uống say đến nỗi bò dưới gầm bàn, nôn ọe bừa bãi và cuối cùng tôi vẫn là người phải đi dọn dẹp.

Thời điểm mới về Đường khẩu, tôi cảm thấy nơi đây một nhà vui vẻ hòa thuận, cảm giác gia đình ấm cúng bị lãng quên từ lâu nay lại ùa về. Nhưng sau một vài lần cùng ăn uống với nhau, tôi phát hiện, giữa những Bá đầu, thậm chí là giữa Tổ Gia và Bá đầu, đều có mâu thuẫn nhất định. Chỉ có điều một số thứ không được bày lên bàn mà thôi, nhưng cũng có lúc không khí giữa mọi người có điều gì đó rất không ổn. Một lần, Nhị Bá đầu và Tam Bá đầu chỉ vì mấy câu nói mà suýt đánh nhau. Chuyện là Tam Bá đầu cười nhạo Nhị Bá đầu là đồ “đầu óc bã đậu”, lên mặt dạy bảo Nhị Bá đầu nên học thơ từ ca phú, nếu không sẽ chẳng bao giờ thoát khỏi cái tiếng dốt nát. Nhị Bá đầu đương nhiên không chịu nổi sự sỉ nhục như vậy, nói lại: “Mẹ kiếp nhà người thì hiểu cái đít gì chứ! Người có biết ông mày đây mỗi năm mang về cho Đường khẩu bao nhiêu ngân lượng không? Mẹ kiếp, còn người chỉ biết ngày lừa gạt đàn bà con gái, đêm chui kỹ viện!”

Mỗi lúc như vậy, Tổ Gia đều ngồi yên lặng xem họ thể hiện. Khi thấy Tổ Gia mặt biến sắc hoặc có biểu hiện tức giận thì bọn họ không dám đấu khẩu nữa. Lúc này, như chưa từng xảy ra chuyện gì, Tổ Gia nhã nhặn nói: “Ăn đi, ăn đi, uống rượu, uống rượu nào!” Tất cả Bá đầu đều đưa mắt nhìn nhau, nghi nghi hoặc hoặc nhìn Tổ Gia. Ngược lại, ông vẫn mỉm cười nói: “Uống rượu, uống rượu nào!” Tất cả mọi người theo ông nâng ly uống cạn. Sau đó, Tổ Gia bật cười ha hả, mọi người trước ngỡ người ra, sau đó cũng hòa theo cười lớn, không rõ có thực sự hiểu Tổ Gia không, hay chỉ cố tỏ ra như vậy. Tóm lại, tâm tư của Tổ Gia là thứ mà tôi mãi vẫn không thể đoán biết được.

Một thời gian sau, tôi phát hiện trong Đường khẩu có mấy tầng

quan hệ. Trước tiên là Tổ Gia, thủ lĩnh của Đường khẩu, có quyền uy tuyệt đối, một khi ông trừng mắt, không ai dám lên tiếng. Tiếp theo là Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu, hai người họ đi theo Tổ Gia lâu nhất, là cận vệ của ông. Trên thực tế, quan hệ giữa họ rất tốt. Còn Tam Bá đầu và Ngũ Bá đầu đều là những kẻ đọc sách, có thể ngồi đàm đạo với nhau. Tứ Bá đầu tuy thời gian gia nhập Đường khẩu chưa được lâu như Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu, nhưng có mối quan hệ rất tốt với Nhị Bá đầu, vì vậy đạo cụ mà ông ta làm ra đều được Nhị Bá đầu sử dụng nhiều nhất. Còn về Lục Bá đầu, hàng ngày chạy đi chạy lại bên ngoài, không rõ thân sơ với ai. Thất Bá đầu giống như con chó của Nhị Bá đầu, bộ dạng chẳng khác gì kẻ nô tài, tôi chẳng buồn để ý tới.

Ở Đường khẩu ngoài việc không cần lo cơm ăn áo mặc ra, vẫn còn một vấn đề khiến tôi lo lắng. Đó là thời điểm một tháng sau khi tôi gia nhập Đường khẩu. Một hôm, sau khi đường hội giải tán, Nhị Bá đầu nói với tôi: “Đại Đầu, Nhị gia ta hôm nay sẽ cho ngươi mở rộng tầm mắt.” Khi đó cùng đi còn có Tam Bá đầu, Ngũ Bá đầu và mấy tên tay chân nữa.

Nói thực, tôi đã 20 tuổi đầu, chưa từng chạm vào tay nữ giới, đến trước cổng một kỹ viện tôi mới vỡ lẽ. Hóa ra “mở rộng tầm mắt” mà Nhị Bá đầu nói đến chính là ý này. Trước khi vào, Nhị Bá đầu nói với tôi rằng: “Hãy nhớ kỹ! Bây giờ ngươi là ông chủ. Tất cả các cô gái ở đây đều phải hầu hạ ngươi. Ngươi chớ nên mềm tay, da mặt phải dày vào.”

Phút chốc tim tôi đập loạn xạ, mấy tên tay chân kia, hăm hở xắn tay áo lên, bộ dạng nóng lòng muốn lao vào ngay.

Bước vào lầu xanh, mục tử bà đơn đả ra đón, trông thật khách khí làm sao. Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu, Ngũ Bá đầu đều đã quá quen với chốn này, dáng vẻ ra điều ông chủ lớn một cách rất tự nhiên, mấy tên tay chân tôi tớ như chúng tôi cun cút bám sát theo sau. Khi ngồi uống rượu, được phân thành hai bàn, ba vị Bá đầu ngồi một bàn, chúng tôi ngồi một bàn.

Sau khi mấy vị Bá đầu chọn cô nương xong thì đến lượt chúng tôi. Chúng tôi đâu có dám, tôi thậm chí còn chẳng dám ngẩng đầu lên nhìn. Cuối cùng Nhị Bá đầu nói: “Một lũ nhát gan! Để ta chọn thay.” Ông ta chọn đại mấy cô. Xong xuôi, mấy cô nương đó vui vẻ sà xuống ngồi bên cạnh chúng tôi.

Ngồi kế bên tôi là cô nương tên Bích Ngọc, dáng người không cao, nhưng yếu điệu thướt tha, da trắng như tuyết, mắt trong như nước hồ thu. Nàng ta vừa ngồi xuống, một mùi thơm nhẹ dịu tỏa ra làm đầu óc tôi ngất ngây, nhanh như chớp nàng ta nắm lấy tay tôi. Tôi hốt hoảng, không dám nhìn thẳng vào mắt nàng, mặt đỏ rần rần.

Sau đó, một tên tay chân nói với tôi: “Người anh em, cậu biết không? Cái bản mặt cậu đỏ ửng lên trông như hòn dái trâu vậy.” Tôi đáp trả: “Nhà người thì được lắm đấy. Mẹ kiếp! Cái mũi của nhà người cứ phập phà phập phồng, chả khác gì đít trâu vừa ỉa.”

Nhị Bá đầu thấy chúng tôi đôi co mãi không thôi, liền trừng mắt nạt nộ. Ông ta vừa trợn lên, chúng tôi đã im phăng phắc.

Khi uống rượu, các cô nương ai nấy đều gấp thức ăn bỏ vào miệng chúng tôi. Lớn bằng từng này tuổi đầu, trừ mẹ ra, đây là người phụ nữ thứ hai gấp thức ăn cho tôi. Trong lòng tôi hiểu rằng, lúc này đây tôi là ông chủ, còn thứ mà các cô nương nhìn vào chính là tiền trong túi của tôi. Các cô nương này nhất định nghĩ rằng: gấp cho ai mà chẳng là gấp, cứ coi như bón cho lợn ăn thôi.

Ngồi uống rượu được hai canh giờ, mấy vị Bá đầu liền lôi các cô nương lên lầu. Trước khi đi Nhị Bá đầu quay lại nói với chúng tôi: “Đừng có ngồi đực ra đó, chúng ta đến đây không phải để uống rượu suông.”

Rượu vào thì chuyện gì cũng có thể làm được, một khi đã uống rượu tự nhiên thấy mình can đảm hẳn. Nhìn mấy tên kia mỗi người ôm một cô lên lầu, tôi không kiềm chế được cũng theo cô nương của mình lên lầu.

Bước vào phòng nàng, lại là một mùi thơm nồng xộc lên mũi tôi. Chăn đệm, màn che đâu đâu cũng tỏa hương ngào ngạt. Tất cả đều thật thơm tho, khiến đầu óc tôi choáng váng ngất ngây.

Nàng ta nói: “Mời ông chủ rửa tay chân.” Nói rồi kéo tôi đến bên cái giá ở góc phòng, trên giá có một chiếc chậu rửa bằng đồng đã có sẵn nước sạch.

Tôi nghĩ, phải rồi, nên rửa mặt mũi một chút. Đầu óc tôi hơi chệnh choáng. Tôi cúi đầu, vốc nước lên mặt, rửa mấy cái, liền thấy

tỉnh táo hơn rất nhiều. Quay lại nhìn, phát hiện ra nàng ta đang ngây người nhìn tôi. Tôi không hiểu, liền thuận miệng hỏi: “Sao vậy? Có khăn tay lau mặt không?”

Nàng ta bật cười khanh khách, khiến tôi ngỡ ngàng cười theo: “Sao vậy?”

Nàng ta đưa tay che mặt cười nói: “Ông chủ à, chậu nước này không phải dùng để rửa mặt, mà để rửa phía bên dưới kia.”

Câu nói khiến tôi choáng váng, xấu hổ đến nổi mặt mũi đỏ rần. Rửa bên dưới ư? Nghĩa là đã có rất nhiều người dùng cái chậu này để rửa chỗ đó. Tôi lại vừa dùng nó để rửa mặt, bất giác cảm thấy buồn nôn.

Nàng ta vừa nói vừa cởi bỏ áo ngoài, để lộ vóc dáng nhỏ nhắn với chiếc yếm đào: “Ông chủ, em giúp ngài rửa nhé!” Nói rồi, liền muốn cởi y phục của tôi.

Tôi đột ngột né tránh, nàng ta thắc mắc: “Sao vậy, ông chủ?”

Tôi hỏi: “Cô bao nhiêu tuổi rồi?”

Nàng ta trả lời: “Mười sáu.”

Tôi móc trong túi một nắm tiền nhét vào tay nàng ta, sau đó nhanh chóng chạy xuống lầu, sau lưng văng vẳng tiếng gọi: “Ông chủ, xin đừng đi!”

Sau đó, khi mọi người họp lại, Nhị Bá đầu hỏi tôi chơi thế nào, tôi trả lời: “Rất tốt, rất tốt!”

Nhị Bá đầu cười nói: “Tên đầu to óc bằng hạt dưa nhà ngươi, cũng được đấy. Sau này Nhị gia ta thường xuyên cho ngươi đến đây.”

Sau khi về đến Đường khẩu, qua mấy hôm sau, có lần họp đường hội xong, Tổ Gia nói với tôi: “Đầu to, ngươi ở lại, ta có điều cần nói với ngươi.”

Sau khi những người khác đi khỏi, Tổ Gia gọi tôi vào phòng, tôi không biết ông muốn gì. Người hầu dâng trà lên, Tổ Gia nói: “Trà

Long Tĩnh thượng hạng, người ném thừ đi.”

Tôi không biết Tổ Gia gọi tôi ở lại có việc gì, đón lấy tách trà, tôi uống liền hai hớp.

Tổ Gia xòe quạt ra, tay phe phẩy, mỉm cười nói: “Tại sao người lại không làm?”

Tôi ngẩn người ra: “Không làm cái gì cơ ạ?”

Tổ Gia hắng giọng một tiếng: “Thì cùng cô nương đó!”

Tôi hốt hoảng: “Hả? Sao người lại biết được?”

Tổ Gia bật cười ha hả.

Tôi chợt hiểu ra: Tổ Gia cử người ngầm giám sát tôi.

Tổ Gia nói: “Nói mau ta xem, tại sao? Chớ có ngại, nói thật ta xem.”

Tôi ấp a ấp úng nói: “Cô nương đó mới mười sáu tuổi, khi đó con nghĩ đến em gái mình, đều là khúc ruột của cha mẹ sinh ra, chẳng ai tự nguyện làm những công việc như vậy cả...”

Nụ cười vụt tắt, Tổ Gia nghiêm giọng nói: “Người trong thiên hạ ai mà không có con cái? Đàn ông chỉ biết đến khoái cảm khi chơi gái, nhưng lại chưa từng nghĩ, nếu con gái mình cũng đang làm nghề đó, liệu trong lòng sẽ cảm thấy thế nào? Cổ nhân có câu Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân¹⁴. Đại Đầu, Tổ Gia ta quả không nhìn lầm người.”

Đây là lần đầu tiên được Tổ Gia khen ngợi. Nhưng vừa nghĩ đến ngay cả chuyện như vậy mà Tổ Gia đều rõ như lòng bàn tay thì tôi bắt đầu cảm thấy sợ ông.

Ngày tháng ở Đường khẩu trôi qua thật nhanh, chớp mắt đã mấy tháng qua đi, tên bồi bàn hôm nào nay đã dần trở thành A Bảo danh bất hư truyền. Tôi cũng dần thích ứng với cuộc sống ở Đường khẩu. Một hôm vào buổi tối Tổ Gia lại cho gọi tôi đến, lần nữa hỏi tôi có hối hận không, tôi quả thực không thể đoán biết được ông hỏi như vậy là có ý gì.

Trong lúc tôi đang chần chừ chưa trả lời, Tổ Gia cầm ấm trà lên, mỉm cười nói: “Ấm trà này nhạt rồi, con đi pha ấm mới cho ta. Từ ngày đến Đường khẩu, con vẫn chưa pha trà cho ta lần nào.”

Nghe nói, Tổ Gia rất cầu kỳ trong việc uống trà. Mỗi lần thưởng trà, chỉ cần thay đổi vị một chút là ông nhận ra ngay. Tôi làm việc ở quán trà được mấy năm, về trà đạo tuy không dám nói là đã đạt đến độ tinh thông, nhưng về trà, nước, lửa, dụng cụ uống trà, không gian thưởng trà, tôi đều có chút hiểu biết. Năm đó đi theo ông chủ học nghề ở quán trà, không ít lần bị giáo huấn, thật không ngờ chút tài nhỏ này nay vẫn còn có đất dụng võ.

Tôi tỉ mỉ cẩn trọng từng ly từng tí pha trà, rót vào tách dâng lên. Sau khi Tổ Gia ấm trà xong liền nói: “Mấy tháng không pha trà, tay nghề có phần kém đi!”

Tôi đứng ngây người ra, không biết phải nói gì.

Tổ Gia đưa tay ra hiệu bảo tôi ngồi xuống. Sau đó, ông đột nhiên hỏi: “Đại Đầu, con thấy Tổ Gia ta là người thế nào?”

Tôi thật không ngờ Tổ Gia bỗng nhiên hỏi đến vấn đề này. Đường đường một ông chủ của Đường khẩu lại đi hỏi đệ tử rằng mình là người như thế nào. Ngoài câu trả lời tốt ra, đệ tử không còn câu trả lời khác nào nữa đây.

Tôi ấp a ấp úng trả lời: “Là người tốt, rất tốt!”

Tổ Gia cười nhạt: “Tốt sao? Giết người tốt? Hay là phóng hỏa tốt?”

Đầu tôi túa mồ hôi: “Đều tốt...” Lời này vừa thốt ra lập tức thấy rằng mình đã lỡ lời, “Tổ Gia, ý con là...” Tôi vội vàng phân bua.

Tổ Gia cười lớn. Tiếng cười của ông khiến tôi thấy lòng mình hoang mang.

Tổ Gia nhìn tôi một lát rồi nói: “Ta đã giết rất nhiều người, cũng lừa không ít người, trong đó có kẻ đáng phải chịu trừng phạt, có kẻ bất đắc dĩ phải ra tay. Nhưng nay thời cuộc biến động, phái Giang

Tướng gặp thời khắc sinh tử tồn vong, vận mệnh của Tứ đại Đường khẩu chưa biết thế nào, có thể nói hiện nay đang là thời điểm khó khăn nhất.”

Nghe những lời này của Tổ Gia, lòng tôi chợt buồn tênh, cảm thấy số mệnh của mình sao lại bất hạnh đến vậy. Vừa sinh ra không bao lâu thì cha tôi qua đời. Bản thân vừa bước vào tuổi trưởng thành, đã đến lúc báo hiếu công sinh thành dưỡng dục thì mẹ cũng ra đi, vất vả lắm mới gia nhập Đường khẩu, lại còn đúng vào thời điểm khó khăn nhất. Dường như tôi đi đến đâu thì ở đó liền rơi vào suy vong.

Tổ Gia nói không sai chút nào. Mấy ngày trước ông tham gia Đại đường hội do Tứ đại Đường khẩu Đông, Tây, Nam, Bắc đồng tổ chức, chủ đề là thảo luận về vận mệnh và việc ứng phó với thời cục như thế nào của các Đường khẩu. Từ khi Tổ sư gia Phương Chiếu Dur sáng lập Tứ đại Đường khẩu đến nay, trải qua mấy trăm năm tương trợ lẫn nhau, phong ba bão táp nào cũng đều đã trải qua, mọi người phối hợp hô ứng, vượt qua biết bao khó khăn trở ngại, khiến phái Giang Tương hương hỏa thịnh vượng kéo dài mấy trăm năm.

Sau khi Chiến tranh giải phóng¹⁵ nổ ra, Quốc dân Đảng thất bại liên tiếp, khiến những ngày tháng của Tứ đại Đường khẩu ngày càng khó khăn hơn. Đặc biệt từ năm 1948 đến nay, tình hình trong nước biến động, Quốc dân Đảng bị thua tan tác, đất sống của phái Giang Tương ngày càng bị thu hẹp. Trong tình hình cấp bách đó, Tổ Gia phát thiệp mời đến cho các vị trưởng môn nhân của ba Đường khẩu, triệu tập Đại đường hội lần này.

Tổ Gia là trưởng môn nhân của Đường khẩu Mộc Tử Liên tức Đông phái, dẫn theo mấy Bá đầu đến tham dự. Hơn nữa ông còn mang theo lượng lớn vàng bạc, giúp những Đường khẩu khác vượt ải khó khăn. Kỳ thực, Đại đường hội mỗi năm tổ chức một lần, các Đại Sư bá của những Đường khẩu khác đều biết những truyền kỳ của Tổ Gia, nên có phần kính nể ông, do đó lần này Tổ Gia triệu tập hội nghị bất thường, mọi người đều thuận theo. Huống hồ lần này, Tổ Gia còn đem theo nhiều vàng bạc cho họ, họ càng cảm động xuýt xoa mãi không thôi.

Tứ đại Đường khẩu đều có đặc điểm riêng, mỗi vị Đại Sư bá cũng có đặc trưng riêng của mình. Đường khẩu Mộc Tử Liên Đông phái chúng tôi, quả thực giống như đóa hoa sen, có tiếng thơm Gần bùn

mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Nhất là từ khi Tổ Gia lên nắm quyền đến nay, giữ vững đạo của A Bảo, lấy của người giàu chia cho người nghèo, tích cực hành thiện. Mà Đại Sư bá – Tổ Gia của chúng tôi rất nho nhã, làm việc gọn gàng, đối xử công bằng anh minh bất luận người mình hay người ngoài.

Đường khẩu Việt Hải Đường tức Nam phái, đều là nữ A Bảo, Kiều Ngũ muội mà Trương Đan Thành nói đến năm xưa chính là trưởng môn nhân đời thứ 13 của Việt Hải Đường. Sau này Kiều Ngũ muội chết đi, Đường khẩu được giao cho Giang Phi Yến mệnh danh là “mỹ nhân băng giá”. Giang Phi Yến 12 tuổi gia nhập Đường khẩu, thông minh lanh lợi, 31 tuổi tiếp nhận chức trưởng môn nhân, tính cách lạnh lùng như băng tuyết, dùng mỹ nhân kế hạ gục đám quan lớn và Hắc đạo của bốn tỉnh Kiềm (Quý Châu), Quế (Quảng Tây), Việt (Quảng Đông), Trương (Hồ Nam). Dường như cả bốn tỉnh phía nam đều bị Giang Phi Yến san phẳng. Quả đúng là phái nữ không kém gì phái nam! Nhưng bà đặt ra một giới luật: chị em của Đường khẩu không được phép thành thân. Trong mắt họ, nam giới chỉ là thứ đồ chơi, chứ không lấy làm chồng.

Đường khẩu Long Tu Nha Tây phái, cơ cấu A Bảo cơ bản được trẻ hóa, khả năng có liên quan đến vùng phía tây nhiều đồi núi, đến độ tuổi chân tay không còn nhanh nhẹn, không biết chùng dãn cục chưa thành, bản thân đã trượt chân ngã mà chết. Trong Đường khẩu của họ, người đến tuổi nghỉ hưu, đều lui về dưỡng lão, do đó khiến cho nhân khẩu tăng nhanh, người già không làm gì cả, chỉ ngồi hưởng lộc. Về lâu dài, phát sinh đấu đá nội bộ, có lúc trong một bữa cơm, có đến mấy cụ ra đi, vì sao vậy? Tất cả do đám trẻ đầu độc, bởi vậy Tây phái là Đường khẩu thiếu sự ổn định nhất. Trưởng môn nhân của họ tên là Tần Bách Xuyên, vóc người cao lớn, râu quai nón, da đen, có mối qua lại với quân phiệt vùng phía Tây.

Đường khẩu Tuyết Manh Thảo Bắc phái, tổng thể rời rạc, có khả năng liên quan đến Bát lộ quân¹⁶ mở chiến dịch truy quét kẻ địch. Từ khi kháng chiến đến nay, Tuyết Manh Thảo chỉ chú ý đầu vào kinh doanh. Sau cuộc chiến tranh giải phóng nổ ra, nhân dân khu giải phóng đón nhận tư tưởng giải phóng, không còn mấy người tin vào quỷ thần. Do đó Đường khẩu này trên danh nghĩa còn tồn tại, thực tế đã tan rã từ lâu rồi. Đại Sư bá Tiên Lâm Diệu đem theo mấy tên A Bảo lén lút gây án, đã sớm mất căn cứ địa bàn rồi.

Trong Đại đường hội, trưởng môn nhân các đại Đường khẩu thống nhất đưa ra kết luận: không được để mất Đường khẩu, có thể khởi động xuất sát, thậm chí có thể sát phú, vượt qua giai đoạn khó khăn này rồi tính tiếp!

Chương 3. BÍ MẬT ĐỘNG TRỜI PHÍA SAU BÁT TỰ, ĐUÔI XÁC, CƯỚI MA

Kết cục của Tiên Nhân Thủ

Sống trên đời, con người ai chẳng phải dấn bước, giống như việc tôi gia nhập Đường khẩu vậy, đúng hay sai, sau khi bước vào rồi mới biết. Tôi biết Tổ Gia luôn dốc lòng, dốc sức lo cho vận mệnh của Đường khẩu, định nói vài ba câu chia sẻ với nỗi lo trong lòng Tổ Gia thì đột nhiên có tiếng gõ cửa gấp gấp bên ngoài vọng vào. Một lát sau, quản gia dẫn một người chạy vào, người đó vừa bước tới cửa đã kêu lên: “Tổ Gia, có chuyện rồi! Có chuyện rồi!”

Tôi vừa nhìn thì nhận ra đó là Tặc Miêu¹, thủ hạ của Nhị Bá đầu. Khi đó cậu bé mới hơn 10 tuổi, nó vừa là chân sai vặt, vừa là đứa canh cổng cho Nhị Bá đầu. Vì thằng bé di chuyển nhanh thoăn thoắt, giỏi leo cây, trèo tường, nên mọi người gọi nó là Tặc Miêu.

Tổ Gia tỏ thái độ khó chịu trước bộ dạng hốt hoảng của nó, ông sầm mặt lại: “Làm sao mà cuống quýt lên thế! Cứ từ từ mà nói!”

Tặc Miêu thở hổn hển nói: “Tổ Gia, mau đi xem, Nhị gia và Thất gia đánh nhau rồi!”

Tôi giật mình, nghĩ bụng: Làm gì có chuyện, Thất gia do chính Nhị gia tiến cử cơ mà, vừa mới ngồi chưa ấm chỗ, đã dám làm phản rồi sao?

Tổ Gia nhìn chòng chọc vào mặt Tặc Miêu: “Rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì?”

Tặc Miêu run lấy bầy thưa: “Nhị gia đang uống rượu với Thất gia, đột nhiên Thất gia như thể bị điên, ông ấy hất tung chiếc bàn lên, nhe răng đòi cắn Nhị gia. May sao Nhị gia nhanh như chớp, vớ ngay lấy chiếc ghế băng, nện ông ấy ngã lăn ra đất, mấy gia đình xông đến trói gô ông ấy vào gốc cây rồi!”

Tổ Gia đứng dậy: “Đi, đi xem thế nào.”

Chúng tôi vội đi theo Tổ Gia đến nhà Nhị Bá đầu. Trong sân đèn đuốc sáng trưng, các anh em khác cũng đến cả, đang ồn ào huyên náo ở trong.

Tôi thấy Tiên Nhân Thủ đang bị trói vào gốc cây du trong sân. Anh ta giãy giụa như lên cơn điên, cặp mắt vẫn lên tia máu, con ngươi như sắp nổ tung, ánh mắt sắc lạnh lóe ra, trông có vẻ sợ hãi xen lẫn giận dữ đưa mắt nhìn đám đông. Tuy miệng bị nhét vải, nhưng tôi vẫn nghe được tiếng gầm gừ, anh ta đang cố sức nhai nắm giẻ ấy, nước dãi sùi ra hai bên mép, rớt thành từng bãi dưới đất.

Nhị Bá đầu tay vẫn lăm lăm chiếc gậy đứng trong sân, tôi lảng lạng đi đến, hỏi: “Nhị gia, xảy ra chuyện gì vậy?”

Nhị Bá đầu tức tối nói: “Mẹ nó, giả điên giả dại, định giết ta?” Sau đó đi đến trước mặt Tiên Nhân Thủ, giơ chiếc gậy lên, quát to: “Nói, ai bảo mày làm?”

Lúc này, Tiên Nhân Thủ càng cáu kỉnh không chịu yên, miệng vẫn phát ra những tiếng lùg bùng. Anh ta ra sức giãy giụa, khiến cả cái cây cũng rung theo. Nhị Bá đầu liền đập cho ông ta một gậy: “Tao cho mày giả vờ này. Tao cho mày giả vờ này!”

Tiên Nhân Thủ càng điên cuồng, kêu gào âm ỉ toan nhảy bổ về phía trước, nhưng sợi dây thừng trên người thít chặt anh ta lại đến róm máu, Nhị Bá đầu lại giơ gậy lên định đánh tiếp.

“Dừng tay!”

Nhị Bá đầu vừa nghe thấy tiếng Tổ Gia, lập tức rút tay lại.

Tổ Gia bước đến trước mặt Tiên Nhân Thủ, anh ta ngoẹo đầu nhìn Tổ Gia, ánh mắt ngờ ngẩn nhìn theo bước chân ông, đầu lúc ngoẹo sang trái, lúc lại vẹo sang phải.

Tổ Gia nhìn một lát, rồi nói với Nhị Bá đầu: “Người đến đây.”

Hai người đi đến góc tường. Tổ Gia hỏi Nhị Bá đầu: “Thất Bá đầu mới bị chó cắn phải không?”

Nhị Bá đầu không hiểu ý Tô Gia, hỏi: “Chó ư?”

Tô Gia nói: “Nhìn là biết ngay bị mắc bệnh dại! Ngươi cầm gậy đánh làm gì chứ!”

Nhị Bá đầu lúc này mới sực tỉnh, vỗ đầu nói: “Ồ, thảo nào tên tiểu tử này không muốn sống nữa, ngay cả con cũng dám đánh... Nhưng nó không hề bị chó cắn, việc giết chó mổ lợn là việc bên chỗ Đại Bá đầu làm, chúng con đâu động đến được.”

Những lời Nhị Bá đầu nói đều là thật. Mỗi Bá đầu đều được phân công công việc riêng, Đường khẩu muốn đàn cục Trát phi thường phải dùng đến tiết lợn, gà, chó, bàng quang lợn... những thứ này đều là do Đại Bá đầu đảm nhiệm. Đường nhiên, mỗi khi Đường khẩu có mâu thuẫn, xung đột với bên ngoài mà cần phải giết người, hoặc khi cần phải xử kẻ tội đồ nào đó trong nội bộ, càng phải do ông ấy làm, không biết đôi tay ông ấy đã vấy máu của bao nhiêu loài, cả động vật lẫn con người rồi.

Tôi đã tận mắt chứng kiến toàn bộ cảnh ông ấy mổ lợn. Cảnh tượng đó ám ảnh tôi trong suốt khoảng thời gian dài sau đó, khiến tôi không dám ăn thịt lợn, cứ nghĩ đến lại thấy buồn nôn.

Đầu tiên, ông ta sai mấy tên tay chân ghì ngược con lợn xuống đất, người cầm tai, kẻ nắm đuôi khiến nó kêu eng éc. Sau đó lấy dây thừng trói lại, buộc hai chân trước với nhau, hai chân sau với nhau, con lợn vẫn tiếp tục rống lên. Lúc này, Đại Bá đầu sẽ cầm một cái gậy, đập mạnh vào đầu con lợn. Thông thường chỉ cần ba gậy, nó sẽ không còn kêu được nữa. Sau khi con lợn lịm đi, vài người nhấc nó lên cối, kê cái chậu vào bên dưới cổ con lợn, Đại Bá đầu với lấy con dao nhọn đã mài sắc, chọc một nhát vào cổ, đây gọi là chọc tiết lợn. Chỉ cần một nhát dao, cổ con lợn bị đâm thủng một lỗ rất to, tiết lợn vẫn còn nóng hổi chảy ào ào xuống cái chậu bên dưới. Một con lợn to thường được hơn nửa chậu tiết, cùng với tiết chảy ra, tiếng kêu của con lợn nhỏ dần, cuối cùng im bật.

Sau khi chọc tiết xong, họ bắt đầu mổ bụng. Đại Bá đầu sẽ lật con lợn nằm chống chân lên trời, ông ta rạch một đường trên bụng từ trên xuống dưới. Lúc này, một hơi nóng tanh tanh tỏa ra, xộc lên mũi khiến mọi người đều cảm thấy buồn nôn.

Mổ bụng xong, họ bắt đầu móc lục phủ ngũ tạng ra, đặc biệt là phải bảo quản tốt bàng quang, để sau này khi cần bày Trát phi sẽ phải dùng đến.

Lần đầu tiên trông thấy cảnh này, chân tôi như nhũn ra, mọi người xung quanh hồ hởi đứng xem, chẳng biết có phải bọn họ bị tê liệt cảm xúc hết rồi hay không nữa. Tam Bá đầu còn lấy luôn đề tài này làm một bài về rất nuột: “Hà vị nhân sinh tứ đại hồng? Tể trư đao, sát trư bồn, đại cô nương đích khố sát, hỏa thiêu vân.” Ban đầu nghe, tôi chẳng có phản ứng gì, về sau nhờ có bọn tay chân giảng giải nên cuối cùng tôi cũng đã hiểu: “Tể trư đao” tức dao mổ lợn. “Sát trư bồn” nghĩa là chậu đựng tiết lợn thì không cần phải nói, cả hai đều dính đầy máu đỏ tươi. “Hỏa thiêu vân” nghĩa là có thể thiêu đỏ rực một nửa bầu trời, cũng là màu đỏ, duy chỉ có câu “Đại cô nương đích khố sát” nghĩa là chiếc quần chèn của đại cô nương là tôi chưa hiểu, đến khi bọn tay chân nói về kỳ kinh nguyệt của phụ nữ tôi mới chợt hiểu ra. Đúng là bọn bịp bợm không đáng sợ, chỉ sợ bọn bịp bợm có văn hóa!

Tôi tò mò hỏi những tên chân tay khác xem có phải Đại Bá đầu sinh ra đã hung ác như vậy không thì được biết rằng ông ta chỉ như vậy sau cái chết của vợ. Tôi hỏi tại sao vợ ông ấy chết, bọn kia nói bị lợn cắn chết.

Thì ra, mấy năm trước, Đại Bá đầu đã lấy một nữ A Bảo trong Đường khẩu, người phụ nữ ấy cũng rất đanh đá, giỏi thuật Trát phi. Vì Đường khẩu thường phải dùng đến tiết lợn và bàng quang lợn, nên Tổ Gia mới sai người nuôi mười mấy con lợn trong một mảnh vườn ở một nơi hẻo lánh, khi cần đến sẽ dùng làm đạo cụ.

Một lần, vợ của Đại Bá đầu dẫn theo một tên tay chân đến chọn lợn, đột nhiên bà ta bị lên cơn động kinh, lao đầu vào trong chuồng lợn, toàn thân co giật. Cùng lúc đó mười mấy con lợn cùng xông đến, cùng ngoạm, cùng cắn xé bà ta. Tên tay chân vội vàng cầm gậy đánh, nhưng chẳng ăn thua. Đàn lợn đó như bị dại, chúng ngoạm chặt không chịu thả. Chẳng mấy chốc đã cắn nát người bà ta, tên kia sợ đến tè cả ra quần, chỉ biết chạy thẳng về báo tin, khi mọi người chạy đến nơi thì chỉ còn lại mấy khúc xương. Mặc dù lợn là loài động vật ăn tạp, nhưng việc lợn ăn thịt người thì chưa thấy bao giờ. Bọn đệ tử tay chân đều nghĩ rằng đó là báo ứng. Vì hai vợ chồng Đại Bá đầu thường cùng nhau dàn cục, hay phải giết lợn, trên người đầy sát khí,

bọn lợn nhận biết được liền cắn xé bà ta.

Trong lúc tức giận, Đại Bá đầu đã giết chết hết mười mấy con lợn. Từ đó, ông ấy bắt đầu trở thành một kẻ hiếu sát, cứ cách mấy ngày mà không giết con gì trong người lại cảm thấy bứt rứt khó chịu. Có lẽ những người hay sát sinh có sát khí thật. Một lần, chúng tôi cùng nhau ra ngoài làm việc, đi qua đoạn đường núi, gặp phải một con rắn to, mọi người đuổi thế nào nó cũng không nhúc nhích. Khi Đại Bá đầu từ phía sau chạy lên, ông ấy còn chưa chạy đến nơi mà con rắn đã trườn đi mất.

Khi Đại Bá đầu giết chó, thường mọi người không dám đến xem, vì loài chó nhanh nhẹn hơn lợn. Đầu tiên phải dùng xích xích nó lại, sau đó Đại Bá đầu xách gậy đi đến. Lúc này con chó sẽ kêu như điên như dại, trông rất dữ dằn, có con còn cắn lại, nhưng cuối cùng vẫn bị Đại Bá đầu đánh cho ngã vật xuống. Thực ra giết chó vẫn còn một cách nữa, đó là có thể trói nó bằng dây chảo rồi kéo, xiết chặt cho đến chết. Nhưng Đại Bá đầu thấy làm như vậy không khoái, ông ta thích mùi của máu, chỉ có đập vỡ sọ con vật mới đem lại khoái cảm cho ông ta.

Giết gà càng khỏi phải nói, ông ta hay lấy dao chặt đứt đầu gà. Con gà mất đầu rồi thân vẫn chạy được mấy chục mét, chạy đến đâu tiết phun ra đến đó, cuối cùng giãy giãy mấy cái rồi nằm im.

Ban ngày nhìn những cảnh tượng đẫm máu này, đêm xuống tôi thường gặp ác mộng. Trong cuốn kinh Nhân quả Tam thế có một câu: “Kim sinh đoản mệnh vi hà nhân, Tiền thế tế sát chúng sinh linh².” Chúng sinh trong sáu cõi³ đều có linh hồn cảm ứng, con người khi đối diện với cái chết thường hay sợ hãi, loài động vật cũng vậy. Ánh mắt của chúng trước khi chết ấy, cứ ám ảnh trong tâm trí tôi, mỗi khi nhớ đến tôi lại vô cùng sợ hãi. Sau này cứ nhìn thấy một miếng thịt là tôi hình dung ngay đến thi thể chúng, không sao nuốt nổi thứ gì.

Khi nước Trung Quốc mới được thành lập, Đại Bá đầu bị xử tử hình, cho dù Chính phủ không phán ông ta tội tử hình thì ông ấy cũng sẽ bị ông trời xử tội chết. Năm 1950, tự nhiên ông ấy lại bị mắc một căn bệnh về da liễu rất kỳ lạ. Da dễ nứt nẻ thành từng mảng, trông như vảy cá, rất ngứa, cứ động vào gãi là loét ra, rồi rỉ ra một thứ nước màu vàng, tanh nồng, lâu dần toàn thân bị lở loét. Tổ Gia đã mời

những thầy lang giỏi nhất vùng đến mà vẫn không sao chữa khỏi được.

Thường ngày, Tổ Gia vẫn nhắc nhở Đại Bá đầu khi giết chó phải cẩn thận, đừng để bị cắn. Vì vậy, hôm nay trông thấy tình trạng của Tiên Nhân Thủ, ý nghĩ đầu tiên trong đầu Tổ Gia nghĩ ngay đến bệnh chó dại.

Tổ Gia lạnh lùng nói: “Có chuyện gì cũng phải bình tĩnh, đừng có động một cái là đòi đánh đấm, chém giết, huống hồ lại là anh em một nhà.”

Nhị Bá đầu cười cười: “Con cứ ngỡ nó đang giở thần giở quỷ.”

Tổ Gia nói: “Ta thấy người quen thói giở thần giở quỷ rồi thì có, việc gì cũng nghĩ theo hướng đó được. Người nghĩ kỹ lại xem, gần đây Tiên Nhân Thủ có gặp phải chuyện gì bất thường không?”

Nhị Bá đầu ngẫm nghĩ một lúc lâu: “Bất thường ư? Chẳng có chuyện gì cả. Ồ!...” Nhị Bá đầu chợt kêu lên một tiếng rất to, như thể đã nghĩ ra điều gì đó rồi nói: “Mới đây khi dàn cục ‘Dơi gõ cửa’, hẳn ta đã bị dơi cắn.”

Ai cũng biết về vụ Dơi gõ cửa là tuyệt phẩm gần đây mà Tổ Gia đặc ý nhất. Đó là cuộc đấu đá của hai nhà có mối thù không đội trời chung. Chúng tôi đứng ở giữa dàn cục kếp (song diện cục).

SỐ VỤ DÀN CỤC KÉP ĐẦU TIÊN TRONG LỊCH SỬ TƯỞNG

Nhà họ Trương và nhà họ Lý đều là những nhà giàu có ở Lâm Trấn, nghe nói hai nhà này có mối thù cha truyền con nối kéo dài suốt ba đời. Gần đây mâu thuẫn lại càng kịch liệt hơn. Nguyên nhân là do khi Trương Nhị Cầu – ông chủ nhà họ Trương di dời mộ ông nội vào dịp Thanh Minh, đã phát hiện ra có một vật trong ngôi mộ nhà mình. Đó chính là một tảng đá áp đầu.

Đá áp đầu chính là tảng đá đặt ở tài đầu của chiếc quan tài. Tài đầu chính là vị trí nơi đầu người quá cố hướng về. Người xưa khi chôn cất rất chú trọng đến hướng đặt quan tài và xem xem phía trên nó liệu có thứ gì hay không. Nếu khi chôn cất không cẩn thận mà để

kẻ khác chơi xấu đặt đá áp đầu ở vị trí tài đầu thì nhà này coi như xong đời, ba đời liên tiếp sẽ gặp hết vận đen này đến vận đen khác, cho đến tận ngày đá áp đầu được đào lên.

Muốn đặt đá áp đầu lên quan tài, cần phải có nhiều người cùng làm, vì khi chôn cất, người thân, họ hàng đều có mặt ở đó. Thông thường họ sẽ tiến hành làm lễ hiếu trước, sau đó hạ quan tài xuống huyệt, tòi tất cả người thân, họ hàng đều phải đi vòng quanh huyệt, vừa đi vừa cầm nắm đất vút lên quan tài. Việc này gọi là lấp mộ, biểu thị rằng con cháu của người đã khuất đều là người hiếu thuận, đợi sau khi lấp mộ xong, đám cu li đứng xung quanh mới vung cuốc xẻng xúc đất lấp kín huyệt. Cho nên nếu muốn đặt đá áp đầu, tất phải mua chuộc hết bọn cu li này để chúng ném một hòn đá hoa cương lên trên đầu quan tài nhân lúc người ta không để ý, sau đó lấp kín ngay lại. Vậy là coi như xong.

Sau khi Trương Nhị Cầu phát hiện ra hòn đá áp đầu này, hắn chủ um lên, cho rằng việc này chắc chắn do nhà họ Lý làm vì cha hắn từng hại nhà họ Lý. Ấy là vào năm Dân quốc thứ 22, khi nhà họ Lý sửa lại nhà, cha Nhị Cầu đã chớp ngay cơ hội này mua chuộc một tên thợ xây, dùng thủ đoạn Lỗ Ban Môn hòng làm cho nhà họ Lý phải khuyh gia bại sản.

Nhà ở khi đó phần lớn là kiểu nhà tứ hợp viện, chủ nhà ở trong căn nhà to nhất, cao nhất. Nhà được đặt theo thế tọa Bắc hướng Nam tức mặt chính nhìn theo hướng Nam. Kiến trúc nhà ở của người dân khi đó khác với thời bây giờ, đều có dạng nhà mái gàn như bằng, độ dốc mái không lớn, bốn xung quanh mái có xây một gờ bao quanh và hai máng thoát nước.

Lỗ Ban Môn có rất nhiều thủ pháp, trong đó có cách dùng một khúc gỗ tạc thành một chiếc xe ngựa nhỏ. Trên bụng con ngựa có đục một lỗ nhỏ. Khi xây nhà, nhân lúc chủ nhà không chú ý, chiếc xe ngựa nhỏ được đặt vào trong lòng máng nước trên mái. Làm như vậy mỗi khi trời mưa, nước sẽ chảy qua chiếc xe ngựa nhỏ. Do không khí đối lưu, xoáy nước trên bụng con ngựa sẽ phát ra tiếng kêu u u. Âm thanh này rất nhỏ, nếu không phải người trong nghề, sẽ không thể nghe thấy được. Cách làm này ngụ ý Tiền tài hao tiết tiết cùng tận, công danh lợi lộc theo nước trôi. Đây là một bố cục cực xấu trong phong thủy. Thông thường, nếu không có thù sâu oán nặng sẽ không cần dùng đến chiêu độc địa này.

Vậy hai nhà này có mối thâm thù gì đây? Chuyện thế này, cha của Trương Nhị Cầu vốn là cử nhân thời Mãn Thanh, họ Trương, tên Hạc, tự là Trung Cẩn. Trước khi Trương Trung Cẩn thi đậu cử nhân trong kỳ thi hương, ông ta và công tử Lý Văn Tài nhà họ Lý là anh em thân thiết, chơi với nhau từ nhỏ, cùng học một trường, cùng thi đậu tú tài. Về sau, họ cùng phải lòng một cô nương, nhưng cả hai đều không muốn vượt qua ranh giới mỏng manh này. Anh em đã chơi với nhau từ tấm bé, một khi việc này vỡ ra thì chẳng thể làm anh em được nữa. Giữa những người đàn ông, cái gì cũng có thể chia sẻ được, ngoại trừ vợ.

Cô nương đó là đại tiểu thư nhà họ Triệu. Nàng thông hiểu cầm kỳ thi họa, thường ngày chưa bao giờ bước chân ra khỏi cửa. Ngày nọ, có một thầy đồ của thư viện Nhạc Lộ đến vùng này giảng kinh Phật. Khi khai đàn giảng pháp, cô nương nhà họ Triệu theo mẹ đi nghe, vừa hay Trương Trọng Cẩn và Lý Văn Tài cũng đến. Hai người này đều nhắm trúng tiểu thư họ Triệu.

Nhưng người xưa thích tỏ ra mình là kẻ nho nhã, cao thượng, đặc biệt là đám văn nhân nhiều chữ, từ lúc mở miệng ra nói cho đến khi khép miệng lại đều toàn những thứ nào nhân nghĩa, nào đạo đức. Trở về nhà sau buổi hôm đó, mỗi chàng đều trau chuốt ngôn từ, cho ra một bài thơ hết lời ngợi ca Triệu cô nương. Sau đó, cả hai đều bắt đầu đeo mặt nạ, giả thanh cao. Trương Trung Cẩn ít tuổi hơn nói: “Huynh đài tướng mạo tựa Phan An, trọng tình như Liễu Lang, nếu cô nương này được sánh đôi với huynh thì đúng là mối lương duyên trời ban, chuyện tình của hai người chắc chắn sẽ là một giai thoại tài tử giai nhân lan truyền khắp vùng.”

Lý Văn Tài bèn đáp lễ: “Đâu có, đâu có, hiền huynh học nhiều hiểu rộng, tài trí hơn người. Nếu có thể kết duyên với Triệu cô nương, phải nói là trai tài gái sắc đấy.” Sau đó hai bọn cúi rạp người chào nhau rất đỗi nhún nhường, nhưng kỳ thực trong lòng đều rửa thầm: “Sao mà không chết đi?”

Sau đó, cả hai nhà Trương, Lý đều nhờ người mai mối, hơn nữa còn mang cả Bát tự đi xem. Người xưa thường hay xem Bát tự trước khi kết thông gia với nhau, nếu Bát tự không hợp thì hai người có yêu nhau đến chết đi sống lại cũng không được lấy nhau. Vừa hay, Bát tự của Trương Trung Cẩn và Lý Văn Tài đều hợp với Bát tự của cô nương này, khiến nhà họ Triệu không biết chọn lựa thế nào.

Vì thế, Trương Trung Cẩn và Lý Văn Tài bắt đầu ngấm ngấm tranh giành nhau, ít qua lại với nhau hơn, có gặp nhau cũng chỉ nhếch mép xã giao cho phải phép. Đúng vào lúc quan trọng này, kỳ thi hương bắt đầu, cả hai cùng tham gia cuộc thi, kết quả Trương Trung Cẩn thi đậu cử nhân, Lý Văn Tài bị rớt. Hai người vốn đang ngang sức ngang tài, không phân cao thấp, giờ đây sự hơn thua đã rõ mười mươi. Cuối cùng, Trương Trung Cẩn lấy được Triệu tiểu thư như ý nguyện, Lý Văn Tài đành phải từ bỏ trong tiếc nuối.

Nhưng bức tường ngăn cách giữa hai người sừng sững mọc lên. Từ đó hai người lạnh nhạt hẳn với nhau, ngay cả chút sĩ diện cũng không còn nữa.

Lý Văn Tài thích xem tướng số, thường ngày rảnh rỗi không có việc gì làm là lại tìm vài thầy xem tướng số mà hỏi nhai hỏi này hỏi nọ. Sau khi xảy ra chuyện này, anh ta còn mời cả một vị đạo sĩ đến nhà, xem liệu có cách nào phá được mối lương duyên kia không. Ai ngờ người được mời lại là một tay đạo sĩ giả mạo, thân phận thực sự chính là một A Bảo của phái Giang Tương.

Tay đạo sĩ đó nói: “Hây dà! Người ta đã đi lấy chồng rồi, còn phá cái gì nữa chứ?”

Lý Văn Tài nói: “Tôi không thể để cho chúng sống yên ổn được.”

Đạo sĩ kia nói: “Ta không muốn dính dáng việc này.”

Lý Văn Tài đập nén bạc xuống mặt bàn nói: “Chỉ cần có thể phá được việc kết thân này, muốn bao nhiêu có bấy nhiêu.”

Tay đạo sĩ kia nói: “Ta biết nói thế nào đây. Dù có đập mười ngôi miếu, cũng không phá vỡ mối lương duyên này. Nhưng xem ra lần này ta có không muốn vào địa ngục cũng không được rồi.” Lời này rõ ràng là một sự đồng ý, xem ra ngân lượng còn có sức sát thương hơn cả địa ngục.

Tay đạo sĩ kia bảo Lý Văn Tài đưa cho hắn Bát tự ngày sinh của cô nương họ Triệu. Vì trước đây từng trao đổi Bát tự cho nhau, nên Lý Văn Tài có Bát tự của Triệu tiểu thư này. Sau khi trải Bát tự ra xem, thoạt nhìn, tay đạo sĩ đã cười: “Thiếu gia không phải lo, Bát tự này Quan tinh, Sát tinh⁴ hỗn tạp, người có Bát tự này rất dễ lẳng nhăng

dù đã có chồng. Chỉ cần bần đạo làm phép thuật, đảm bảo nàng ta sẽ chạy đến bên cậu. Chỉ cần cậu không ghét bỏ nàng ta là tàn phòng thì cậu sẽ có được thôi.”

Tàn phòng là một thuật ngữ trong bói toán đoán mệnh, chỉ đám con gái hư hỏng, không giữ trinh tiết. Bởi vậy, thời xưa nếu một người đàn ông lấy về một người vợ như vậy thì đó là nỗi nhục nhã lớn nhất trong đời. Trong xã hội phong kiến Tam tông Tứ đức này, nam giới chỉ biết yêu cầu nữ giới giữ gìn trinh tiết, nhưng lại chưa bao giờ xét lại thói đàng điếm phóng đãng của bản thân.

Lý Văn Tài cười đều giả: “Tàn phòng ta chỉ chơi chứ không rước.”

Tay đạo sĩ ngó người ra một lúc, trong lòng thầm nghĩ: “Hắn còn là con người nữa không?”

Vì thế, tay đạo sĩ giở thuật Trát phi, bện lấy hai hình nộm bằng rơm, cho chúng mặc bộ quần áo được cắt bằng giấy đỏ, sau lưng lần lượt viết tên của Trương Trung Cẩn và Triệu Nguyệt Nga. Lại lấy thân cây cao lương dựng thành một mô hình lầu gác, đặt một hình nộm nhỏ ở trong căn lầu còn một hình nộm đứng ở ngoài, ở giữa lấy một cành cây hạnh nhân ngăn cách. Sau đó, tay đạo sĩ lại bện một hình nộm khác, viết tên Lý Văn Tài lên, để hình nộm này giẫm lên trên cành hạnh nhân, vẩy tay về phía hình nộm Triệu Nguyệt Nga đang đứng lên lầu.

Lý Văn Tài nhìn thấy thế, hẳn mừng thầm nhưng vẫn hỏi: “Đạo trưởng, mấy thứ đồ chơi này liệu có hiệu nghiệm không vậy? Trông buồn cười thế!”

Tay đạo sĩ nghe vậy liền tỏ vẻ nghiêm túc nói: “Đây chỉ là một phần thôi. Quan trọng là ở câu thần chú, ta sẽ chỉ cho cậu. Cứ đến giờ Tý mỗi ngày, cậu phải đứng trước căn lầu gác đọc thầm. Trong vòng 49 ngày, ta đảm bảo đưa được Triệu Nguyệt Nga đến trước cửa nhà.”

Lý Văn Tài vội vàng cúi đầu, nghe rõ câu thần chú mà tay đạo sĩ kia đọc, hẳn cố gắng ghi nhớ như in trong đầu.

Sau khi xong xuôi mọi thứ, tay đạo sĩ chuẩn bị rời đi. Lý Văn Tài nói: “Cảm ơn đạo trưởng! Nếu việc này mà thành, Lý Văn Tài ta nhất định sẽ hậu tạ.”

Tay đạo sĩ nghe thấy thế tức điên lên. Sau khi việc thành ư? Hẳn ta quá gian xảo. Đến một đồng cũng chẳng chịu trả trước, rõ là muốn ăn không rồi còn gì. Hơn nữa, làm gì chuyện thành được kia chứ. Đó vốn chỉ là trò Trát phi do hấn bày ra. Tay đạo sĩ nén giận, cười nói: “Ta với thiếu gia đây là bạn vong niên, sao lại nói đến chuyện của thế tục này? Bần đạo chỉ mong sau khi thiếu gia có được Triệu cô nương thì hãy đối xử tốt với nàng ta.”

Lý Văn Tài cười nói: “Đạo trưởng thật có tấm lòng từ bi!”

Tay đạo sĩ chán nản bỏ đi. Nhưng đã là A Bảo đâu có thể dễ dàng bị xỏ mũi. Làm sao hấn có thể nuốt trôi được nỗi cay cú này? Vì thế, chưa đến hai ngày, hấn đã đi đến nhà họ Trương, sau đó khóc lóc kể về việc nhà họ Lý đã ép mình làm phép thế này thế kia, trong lòng tự thấy mình đã làm cái việc trái với lương tâm, khiến hấn day dứt ăn không ngon ngủ không yên, bởi vậy mới đến đây tạ lỗi xin được tha thứ.

Hai vợ chồng Trương Trung Cẩn nghe thấy thế đều ngẩn người ra, hỏi: “Có thật vậy không?”

Đạo sĩ nói: “Cậu đến căn phòng phía đông nhà hấn, căn lầu gác và hình nộm đều ở đó, nếu hấn cho cậu vào thì chúng tỏ ta nói láo, nếu hấn không cho cậu vào thì chúng tỏ đúng là có chuyện đó thật.”

Trương Trung Cẩn thấy có lý, nhưng mình và Lý Văn Tài đang căng như vậy, không thể bước vào cổng nhà hấn được. Tay đạo sĩ thấy Trương Trung Cẩn chần chừ do dự, liền nói: “Bần đạo có một kế.”

Trương Trung Cẩn hỏi: “Kế gì?”

Đạo sĩ nói: “Trương kế tựu kế.”

Ngày hôm sau, Trương Trung Cẩn bèn viết một bức thư, sai người mang đến cho Lý Văn Tài. Lý Văn Tài mở ra xem thì thấy đó là thư mời hấn đi uống rượu, trong thư đại khái nói rằng: “Tiểu đệ gần đây cảm thấy trong lòng bất an, vốn nghĩ lấy được cô nương họ Triệu sẽ được hưởng niềm vui thú gia đình. Tiếc rằng nàng ta hờ hững, chẳng để tâm đến cương thường luân lý, hay nghĩ đến những thứ mới lạ...”

Lý Văn Tài mừng rỡ, xem ra pháp thuật của vị đạo sĩ đã có tác dụng, hẳn cũng muốn rõ thực hư liền đến nơi hẹn. Hai người tìm một quán rượu, gọi vài món. Sau vài chén rượu vào bụng, nước mắt Trương Trung Cận lã ra: “Nhân huynh à! Tiểu đệ rất buồn. Nghĩ lại huynh đệ chúng ta ngày xưa, cùng ngâm thơ đối đáp, thổ lộ tâm tình, vui biết nhường nào. Chỉ vì một con tiện nhân, khiến chúng ta trở mặt thành người xa lạ. Liệu có đáng không?”

Lý Văn Tài mừng như mở cờ trong bụng, hẳn cần đầu lưỡi thật đau hòng nặn cho ra hai giọt nước mắt: “Hiền đệ ơi! Sao lại nói thế? Sau khi trải qua sóng gió, tình nghĩa huynh đệ vẫn còn, gặp nhau cười nói thì mọi oán thù cũng hết, tình huynh đệ chúng ta lại như xưa. Mặc dù tôi cũng đem lòng yêu mến Triệu cô nương, nhưng hiền đệ đã nhanh chân đến trước. Nói thật lòng, mới đầu trong lòng ta rất khó chịu, nhưng về sau nghĩ lại, chỉ cần hiền đệ hạnh phúc, ngu huynh ta lẽ nào không thấy vui?”

Trương Trung Cận nghe xong, úp mặt xuống bàn, lấy tay che mặt mà khóc rống lên, kỳ thực hẳn lút lút bôi rượu vào mắt, nếu không thì không thể khóc nổi.

Hai người đối ẩm với nhau cả buổi sáng, Trương Trung Cận say khướt nói: “Nhân huynh! Từ khi tiểu đệ thành thân đến nay, chưa từng đến nhà huynh chơi. Đệ nhớ đến những ngày hai huynh đệ ta ở cùng với nhau. Nhớ khi xưa, hai chúng ta cùng uống rượu mỗi buổi chiều tà, cùng thức đêm đọc Kinh Thi, buồn ngủ lại nằm vật ra giường, cùng đắp chung tấm chăn. Thật vui biết bao!”

Lý Văn Tài nói: “Hiền đệ! Đi nào! Tối nay đệ đến chỗ huynh. Chúng ta cùng đối ẩm dưới trăng như thuở trước, say thì ngủ.”

Thế là, hai người ngật ngưỡng đi về nhà họ Lý. Vừa bước vào nhà, tên gia đình nhà họ Lý giật mình vì thấy hai người này uống say đến nỗi mặt đỏ phừng phừng. Nhưng hẳn nào biết, đầu óc của hai người vẫn cực kỳ tỉnh táo.

Sau khi bước vào cửa lớn, Trương Trung Cận liêu xiêu loạng choạng lao thẳng về phía căn phòng ở phía đông: “Thưa bá mẫu! Trương Hạc đến thăm người đây.”

Lý Văn Tài một tay giữ anh ta lại nói: “Hiền đệ! Đệ nhầm rồi,

nhầm rồi! Bá mầu ở nhà trên.”

Trương Trung Cận giả bộ đã lơ mơ không nhận ra đường nữa, chỉ vào căn phòng ở phía đông nói: “Đây chẳng phải chính đường sao?” Nói rồi chúi đầu đi về hướng đó.

Lý Văn Tài vội chạy theo mấy bước kéo giật lại: “Hiền đệ! Đệ say rồi, đệ say rồi!”

Trương Trung Cận cười nói: “Đệ không say. Đệ phải tới vấn an bá mầu. Nào, chúng ta cùng đi!” Nói đoạn, liền lôi Lý Văn Tài đi, suýt nữa thì đẩy bật cánh cửa ra.

Lý Văn Tài gườm mắt nhìn tên gia đình như đang nói: “Khốn kiếp! Còn đứng đực mặt ra đây à?” Tên gia đình vội vàng chạy đến, cùng Lý Văn Tài khênh Trương Trung Cận lên nhà trên.

Lúc này cha mẹ Lý Văn Tài nghe thấy tiếng ồn ào, lật đật từ trong phòng bước ra, cười nói: “Trung Cận đến đây à? Mau vào nhà đi, mau vào nhà đi!”

Trương Trung Cận ngửa cổ cười, cười đến nỗi khiến cho người trong nhà cảm thấy sồn tóc gáy. Sau đó, anh ta ôm lấy Lý Văn Tài, ghé sát tai Lý Văn Tài nói khẽ: “Đệ và Triệu cô nương sẽ chẳng được lâu dài đâu, nếu nhân huynh không ghét bỏ, tiểu đệ xin nhường huynh.” Cơ mặt Lý Văn Tài giật giật: “Hiền đệ! Đệ say quá rồi.”

Trương Trung Cận cười nói: “Không! Lần này về nhà đệ sẽ viết thư. Huynh hãy đợi đệ.” Nói xong liền đẩy Lý Văn Tài ra, lao thẳng ra khỏi cổng. Lý Văn Tài ngỡ ngàng đứng như trời trồng.

Trương Trung Cận về đến nhà, tay đao sĩ kia vẫn đang ngồi đợi, hỏi Trương Trung Cận: “Thế nào?”

Trương Trung Cận khoát tay, lấy một nắm bạc trong ống tay ra: “Đạo trưởng! Xin người dùng phép thuật, không làm cho nhà nó gia bại nhân vong, ta thề không làm người.”

Triệu Nguyệt Nga từ trong nhà đi ra nói: “Không cần thiết làm vậy. Mình sống cuộc sống của mình, gia đình hòa thuận vạn sự yên vui. Đừng tin vào những chuyện này là được rồi!”

Trương Trung Cẩn nói: “Không được!”

Tay đạo sĩ nhìn năm bạc trên bàn, thầm nghĩ lần này phải thương lượng giá cả trước, không để như trước kia, cứ lật đật làm cuối cùng đến một cắc bạc cũng chẳng được. Vì thế hắn ta bình tĩnh nói: “Trương thiếu gia muốn giết bần đạo ư? Người xuất gia từ bi độ lượng. Chính vì ta bị lương tâm cắn rứt, nên mới đem chuyện này nói lại với thiếu gia. Bây giờ thiếu gia lại bảo ta làm thế, lương tâm ta làm sao mà yên được?”

Trương Trung Cẩn nói: “Lấy ác trị ác, không phải là làm việc xấu. Lẽ nào đạo trưởng thấy kẻ ác làm điều ác mà bỏ mặc làm ngơ sao?”

Đạo sĩ ngần ngừ: “Việc này...?”

Trương Trung Cẩn lại đi vào nhà lấy mấy thỏi bạc ra, để tất trước mặt: “Trăm sự nhờ đạo trưởng.” Tay đạo sĩ kia nhìn thấy cả năm bạc thật chứ chẳng phải nói suông. Vì thế hắn lại bắt đầu bày Trát phi, vẽ bùa niệm chú, bố cục phong thủy xong, trong lòng cảm thấy có chút day dứt, nhưng cuối cùng vẫn cầm bạc chuồn mất.

Ngày hôm sau, vào lúc chiều tà, tay đạo sĩ kia lại lặng lẽ đến nhà Lý Văn Tài. Kỳ thực Lý Văn Tài đang muốn tìm hắn ta, đạo sĩ nhanh miệng hỏi: “Có hiệu nghiệm không?” Lý Văn Tài cười nói: “Phép thuật của thầy thật cao thâm, mới có mấy ngày mà đã thấy có kết quả rồi. Thầy có phải tổn sức không?”

Hắn lim dim mắt: “Ôi! Tổn thọ rồi.”

Lý Văn Tài thấy thế, liền nhét mấy thỏi bạc vào tay đạo sĩ, tay đạo sĩ lại làm ra vẻ lương tâm cắn rứt, dằn vặt. Ra khỏi nhà họ Lý, hắn thấy đã lừa được kha khá của cả hai nhà, liền biến mất, bật vô âm tín từ đó.

Nhưng Trương Trọng Cẩn và Lý Văn Tài đều tưởng đây là phép thuật thật sự, cứ nghĩ ông thầy kia không muốn dính dáng gì đến chuyện hồng trần nữa, nên đã ẩn cư.

Về sau sự thật cho thấy tình cảm giữa Trương Trung Cẩn và Triệu Nguyệt Nga vẫn rất tốt đẹp, Lý Văn Tài cũng không biết rốt cuộc có vấn đề gì, cố đợi vài năm mà vẫn chẳng thể lòng thông gì được với

Triệu Nguyệt Nga.

Một lần Trương Trung Cẩn uống rượu với đám bạn. Sau khi uống say, hắn đã lơ lờ, khơi lại chuyện cũ. Kết quả người nói vô tâm, người nghe lại hữu ý. Trên bàn rượu, vừa hay có một người qua lại rất thân thiết với Lý Văn Tài, hắn liền đem chuyện này đi kể. Lý Văn Tài mới bừng tỉnh: “Chẳng trách phép thuật mất linh.”

Từ đó hai người lại bắt đầu viết thư chửi rủa nhau! Mỗi thù hận giữa hai nhà càng sâu sắc, cả hai đều thề không làm người nếu không chọi chết người kia.

Về sau, bố của Trương Nhị Cầu tham gia cách mạng. Khi Viên Thế Khải ra lệnh bắt những người tham gia cách mạng, nhà họ Lý đứng ra tố giác đầu tiên, khiến cha của Nhị Cầu bị bắt, và xử tội chết, chờ ngày xử trảm. Nhị Cầu phải khuyh gia bại sản mới tìm được một người chết thay, lên cứu cha thoát khỏi đại lao. Từ đó cha của Nhị Cầu phải trốn đến tận Tân Cương, phải giấu tên đổi họ.

Mặc dù cha của Nhị Cầu ở mãi Tân Cương xa xôi, nhưng vẫn nung nấu ý định báo thù, thường xuyên ngầm liên lạc với Nhị Cầu, chỉ cần có cơ hội, nhất định sẽ báo thù. Đến năm Dân quốc thứ 22, nhà họ Lý sửa lại nhà, cha của Nhị Cầu mời một cao thủ giỏi Lỗ Ban Môn, dàn cục Lưu thủy mộc mã⁵, mua chuộc tên thợ xây ngầm giở trò với nhà họ Lý.

Nhưng tên thợ xây này lại có tật giật mình. Khi hắn đặt chiếc xe ngựa nhỏ vào máng nước, tay chân luống cuống vụng thế nào để người ta phát hiện. Hắn bị người nhà họ Lý đánh đập, truy hỏi, ngã từ trên nóc nhà xuống đất gãy chân, sau đó bị dọa sẽ lôi đến cửa quan nên sợ quá khai tuốt tuột. Nhà họ Trương biết việc bị bại lộ, cũng chuẩn bị sẵn sàng liều chết một phen, châu chực đối mặt với một trận huyết chiến sắp xảy ra. Nhưng cuối cùng chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Nhà họ Lý im ắng một cách khác thường.

Cứ như vậy cho đến mấy năm sau, cha của Nhị Cầu nhắm mắt xuôi tay ở tuổi 82. Ngày đưa ma, con của Lý Văn Tài là Lý Khởi Minh cũng chạy đến nhà họ Trương viếng. Việc này đúng là quá bất ngờ, Lý Khởi Minh nằm bò lên trước linh cữu của lão Trương mà khóc mà than: “Trương lão gia ơi! Bắt đầu từ lão gia với gia phụ, hai nhà chúng ta đã đấu đá nhau đến ba đời rồi. Mấy chục năm nay, hai nhà

đã bày hết mưu sâu đến kế hiểm, khiến nhà tan cửa nát, liên lụy người thân, như thế đã quá khổ rồi. Người ta vẫn nói oan gia nên hóa giải không nên kết, nay lão gia cưới hạc về trời, xin vong hồn người trên trời có thiêng, hãy để cho hai nhà chấm dứt hận thù! Khởi Minh xin dập đầu trước lão gia. Mong lão gia trên trời có thiêng, phù hộ cho con cháu cùng chung sống hòa thuận. Mãi mãi không đấu đá với nhau nữa.” Dứt lời, hấn dập đầu côm cộp lạy tạ.

Những lời này khiến những người có mặt ở đó đều phải rớt nước mắt. Đấu đá bao năm nay cũng nên chấm dứt. Nhị Cầu vô cùng cảm động, mời Lý Khởi Minh vào nhà, cả hai cùng ngậm ngùi xót xa.

Khi đưa ma, Lý Khởi Minh dẫn cả đám con cháu quỳ lết bên cạnh, giúp một tay. Về sau, khi Nhị Cầu đòi mộ cho cha, mới phát hiện ra hòn đá áp đầu, nhớ lại cảnh tượng lúc chôn cất cha, mới chợt nhận ra đó là lúc nhà họ Lý giờ trò. Đúng là mèo già khóc chuột giả bộ từ bi. Đầu tiên dùng sự chân thành để mê hoặc lòng người, lại còn đưa cả nhà ra làm huyền ảo cố ý làm che khuất tầm nhìn, nhân lúc người ta không đề phòng thả đá áp đầu xuống.

Nhị Cầu muốn báo thù, nhờ một tên dốt mồi, tìm đến Nhị Bá đầu, kể lại chuyện nhà hấn với nhà họ Lý đã đấu đá nhau ba đời nay. Nhị Bá đầu nghe vậy mừng lắm. Sự việc này từng được ghi chép lại trong Giang Tướng công án lục, hơn nữa còn từng đàm luận với Tổ Gia. Nhị Bá liền đầu đập bàn khen ngợi vị “đạo sĩ” cao tay kia đã dàn cục kếp vô cùng cao siêu. Bắt được con gà béo Nhị Cầu mê tín đến mức ngấm sâu vào tận xương tủy, thật quá dễ để cho Nhị Bá đầu tung chiêu! Nhị Bá đầu liền báo tin này cho Tổ Gia. Tổ Gia nghe xong liền nói: “Cũng phải dàn cục kếp.”

Nhị Bá đầu đi theo Tổ Gia lâu như vậy nên rất hiểu Tổ Gia. Ông là người cầu toàn, đã dàn cục thì phải thật cao siêu, thật hoàn hảo mới hài lòng. Ông muốn những sự tích chói lọi về mình được viết trong sử sách của phái Giang Tướng.

THUỐC PHIỆN TRONG TỬ THI

Nhị Bá đầu là cao thủ thuật Trát phi, Tổ Gia rất yên tâm khi giao cho ông ta dàn cục vụ này. Hiếm khi Tổ Gia yên tâm vào một người nào đó, riêng Nhị Bá đầu vốn đã được rèn giũa, tôi luyện đến mức được Tổ Gia hoàn toàn tin cậy. Đặc biệt là vụ “Đuổi xác” ông ta phối

hợp dần cựa với Tổ Gia. Toàn bộ quá trình diễn ra sự việc có thể nói ngay cả đến Tổ Gia cũng phải một phen hú vía, thoát chết trong gang tấc. Cũng chính nhờ có lần đó, Tổ Gia mới hoàn toàn trị được Nhị Bá đầu.

Năm 1932, Hải quân Lục chiến Nhật Bản tấn công Thượng Hải, Thập cử lộ quân⁶ kháng cự quyết liệt, cuộc chiến diễn ra vô cùng thảm khốc, người chết vô số.

Tổ Gia không ngờ việc này mang đến cơ hội kiếm tiền cho mình.

Sau khi Thập cử lộ quân rút lui không lâu, một tên đặc thương đã tìm đến Tổ Gia. Đặc thương là tiếng lóng, chỉ tên buôn lậu thuốc phiện. Mặc dù sau khi Chính phủ lâm thời Nam Kinh được thành lập đã ban bố lệnh cấm hút thuốc phiện, nhưng nạn buôn bán thuốc phiện vẫn hoành hành ngang ngược. Vì buôn bán mặt hàng này thực sự hái ra tiền, thậm chí về sau, tiền của chính phủ Quốc dân bị mất giá, một viên quan cấp cao tên là Cự Giả đã tàng trữ thuốc phiện để đối phó lại với tình trạng lạm phát.

Tay đặc thương đó họ Giả, người ta gọi là Giả Tứ gia, hẳn vốn có qua lại với bọn quân phiệt và băng nhóm xã hội đen, cũng là bạn cũ lâu năm của Tổ Gia.

Giả Tứ gia to nhỏ riêng với Tổ Gia rằng có một phi vụ lớn, hỏi xem ông ấy có muốn làm hay không.

Tổ Gia hỏi xem là phi vụ gì, Giả Tứ gia đáp: “Gọi hồn người chết.”

Tổ Gia sững người. Gọi hồn người chết là tập tục của một vài vùng ở Trung Nguyên, thông qua thuật chiêu hồn (gọi hồn), đưa tử thi của những người chết ở nơi đất khách quê người, đặc biệt là những người chết trên chiến trường trở về quê hương bản quán, để người đó không bị biến thành cô hồn dã quỷ, ở vùng phía tây Hồ Nam còn gọi việc này là đuổi xác, công xác.

Tổ Gia biết rất rõ trò mèo của việc gọi hồn này, tất cả đều là do lũ người đang sống sờ sờ dựng lên. Thông thường, đầu tiên, chúng tắm rửa sạch sẽ cho xác chết, lấy dao mổ bụng ra, móc hết lục phủ ngũ tạng bỏ đi, rồi ngâm nước thuốc, để xác chết khỏi bị thối rữa. Sau đó, một người công xác chết trên lưng, trùm lên xác chết và người mình

một tấm áo liệm to rồi đội mũ cỏ, dán thêm một miếng bùa, giả làm xác chết. Một người khác đi đằng trước vừa lắc chuông nhiếp hồn, vừa tung tiền giấy, hai người kẻ xướng người họa, công xác chết đó đi thẳng về đến quê nhà mới thôi.

Nếu có quá nhiều xác chết thì chúng sẽ dùng dây thép xiên qua xương quai xanh xác chết, xâu thành chuỗi, sau đó buộc vào chiếc gậy, lục phủ ngũ tạng được bỏ đi hết, trong bụng rỗng tuếch. Như vậy sẽ không còn nặng lắm. Chỉ cần tìm hai người khỏe mạnh, mỗi người một đầu khiêng đi.

Đuôi xác là một công việc nặng nhọc, đã vậy lại phải là loại gan lì mới dám, người bình thường không làm được. Đặc biệt vào buổi tối, dưới ánh trăng thanh, công người chết trên lưng bước thấp bước cao, tấp tễnh đi trên con đường núi hun hút, tiếng gió núi ù ù, tiếng quạ kêu thê lương từng hồi, tiền vàng mã bay liệng khắp xung quanh. Dù biết rõ mười mươi sau lưng mình là một người chết, nhưng kẻ đi trước vẫn luôn cảm giác có một đôi mắt đang nhìn chằm chằm sau lưng mình.

Tổ Gia lên tiếng: “Việc này vừa mệt người lại chẳng béo bỏ gì, sao Tứ gia lại quan tâm đến nó vậy?”

Giả Tứ gia ghé sát tai Tổ Gia thì thầm vài câu bí mật. Tổ Gia nghe xong, sắc mặt từ từ giãn ra.

Giả Tứ gia nói tiếp: “Chỉ có cách này, quan chẳng hỏi dân chẳng màng, lũ chó mèo cũng cụp đuôi chạy mất. Bọn thủ hạ của ông giỏi trò Trát phi, có thể giả dạng thầy gọi hồn, đúng là trời giúp chúng ta.”

Tổ Gia thấy Giả Tứ gia đã có sẵn dự tính trong lòng liền hỏi: “Người phía quân đội có trông cậy được không?”

Giả Tứ gia nói: “Tôi đã từng gặp Diêu phó quan rồi, đều là chỗ thân tình qua lại đã lâu cả.”

Tổ Gia nghĩ ngợi một lát: “Được.”

Tổ Gia vạch sẵn kế hoạch rất tỉ mỉ và cẩn thận, rồi giao cho Nhị Bá đầu. Trước lúc chuẩn bị đi, Tổ Gia căn dặn: “Phải thật cẩn thận, tuyệt đối không được để xảy ra sơ xuất.”

Nhị Bá đầu vô ngữ: “Sư phụ cứ yên tâm. Con chơi với người chán rồi, nay thử chuyển sang chơi với ma xem sao.”

Thì ra Giả Tứ gia muốn vận chuyển thuốc phiện xuống miền Nam. Ngặt vì ở thời điểm đó, mọi thứ đều bị kiểm soát quá nghiêm ngặt, lại chiến tranh loạn lạc, hẳn không dám ngang nhiên chuyển hàng đi, sợ sẽ sinh biến, liền bàn bạc với một tay thư ký trưởng của Quốc dân Đảng, dùng cách gọi hồn người chết hòng giấu trên lừa dưới, trên danh nghĩa là đưa linh hồn của các chiến sĩ đã hy sinh oanh liệt trong cuộc kháng chiến ở Tùng Hộ trở về quê nhà. Nhưng thực tế là mượn những thi thể này để vận chuyển thuốc phiện. Vì tiền, người ta có thể táng tận lương tâm, con người thật đáng sợ còn hơn cả ma quỷ.

Sau khi nhận mệnh lệnh, Nhị Bá đầu dẫn theo năm tên tay chân xuất phát. Sau khi tìm được người tiếp tay, đầu tiên bọn chúng moi rỗng năm tử thi có đeo quân hàm ra, dùng giấy dầu bọc thuốc phiện lại, rồi bọc thêm một lớp da bò bên ngoài, rồi nhét vào bụng thi thể. Sau khi nhét đầy, chúng lấy chỉ khâu kín da bụng lại, thịt người phân thành từng lớp, phải khâu từng lớp từng lớp một, nếu không sẽ bị lộ ra ngoài.

Xong xuôi, chúng cũng xác chết bắt đầu lên đường, Nhị Bá đầu đi đằng trước đóng giả thầy gọi hồn, tay trái cầm chuông đồng, tay phải rải tiền vàng mã. Bọn chúng đi qua nơi nào, nơi ấy tất cả mọi người đều tránh xa.

Mới đi được một ngày đường, bọn chân tay đã bắt đầu kêu mệt. Lưng cũng một xác chết, đã vấy lại là xác chết nhét đầy thuốc phiện trong bụng, ngót nghét cũng phải bốn năm chục cân. Mùi xác chết để lâu cùng mùi nước thuốc và mùi mồ hôi rịn ra trên người sống hòa quyện vào nhau, dậy lên thứ mùi ghê tởm đến phát nôn phát mửa.

Nhị Bá đầu nóng lòng muốn lập công, quát tháo: “Đi nhanh lên, đi nhanh lên!”

Bọn tay chân sợ sệt nói: “Nhị gia! Nặng quá! Chúng con không thể đi nổi nữa.”

Nhị Bá đầu tức đến phì cả hơi mũi: “Một lũ ăn hại!”

Nhị Bá đầu luôn mồm quát tháo, chửi rủa, nhưng đám người đó càng đi càng chậm. Ông ta bắt đầu nghĩ cách: “Tao có một cách, có thể cho chúng mày được nhẹ gánh...”

Bọn tay chân ngỡ ngác nhìn nhau rồi hỏi: “Nhị gia!... Cách gì vậy?”

Nhị Bá đầu mỉm cười, nói ra cách làm.

Nghe xong, chúng nhìn nhau: “Cách đó quả thật rất hay, nhưng ngộ nhỡ xảy ra chuyện gì, Tổ Gia truy hỏi...”

Nhị Bá đầu quát to: “Xảy ra chuyện gì, tao khắc gánh chịu.”

Thế là chúng cứ theo kế hoạch mà làm, hai ngày sau thành thoi đi tới đích. Sau khi Nhị Bá đầu giao thuốc phiện cho kẻ đón hàng xong, liền đến nhà trọ, Tổ Gia và Giả Tứ gia đã đợi ở đó từ lâu.

“Không có chuyện gì chứ?” Tổ Gia hỏi.

Nhị Bá đầu đáp: “Tất cả đều thuận lợi.”

Tổ Gia đưa mắt nhìn Giả Tứ gia, ông ta cười rất hài lòng. Tổ Gia cũng cười phụ họa theo.

Ngày hôm sau, lúc nhận thân nhân, người nhà người chết và Diêu phó quan cũng đều có mặt. Nhị Bá đầu khoác chiếc áo choàng của bọn đạo sĩ, dẫn theo mấy tên chân tay, đứng vây quanh quan tài mấy vòng, vừa ném vàng mã vừa lầm rầm khấn. Cuối cùng, chúng nhét tiền đồng vào miệng của người chết. Nghe nói làm như vậy để xua đuổi bọn ma quỷ bắt nạt linh hồn người đã chết trên đường xuống suối vàng. Sau khi mọi việc được thu xếp xong, Nhị Bá đầu nói: “Đến nhận mặt người thân đi.”

Thân nhân những người đã khuất kìm nén nỗi đau thương mất mát, đi vòng quanh những chiếc quan tài, ngấn ngấn nước mắt nhìn mặt người thân của mình lần cuối, nhưng chẳng ai ngờ rằng, người thân của họ giờ chỉ còn mỗi cái đầu.

Sau khi đi quanh những chiếc quan tài nhìn mặt người thân lần cuối xong, chúng bắt đầu tiến hành việc chôn cất. Lúc này lại xảy ra

chuyện bất ngờ.

Một người mẹ già không chịu đựng nỗi nỗi đau đớn trong lòng, liền lao về phía chiếc quan tài, sờ khắp thân thể đứa con mình, nắm lấy người đứa con, suýt chút nữa thì kéo tụt cả bộ áo liệm xuống, Nhị Bá đầu vội vàng kéo bà ta lại nói: “Phu nhân! Xin đừng làm vậy!”

Nhưng đã quá muộn, “cái chân” của tử thi đó bị lộ ra, nó chỉ là cái một cái chạc cây. Bà kinh ngạc kêu lên: “Chân con tôi đâu?”

Tiếng kêu của bà khiến cho tất cả những người có mặt ở đó đều giật mình kinh hãi. Đây đều là những xác chết do chính tay Diêu phó quan xác nhận, họ chỉ bị trúng vài phát đạn, còn vẫn giữ được toàn thân. Diêu phó quan vội bước đến, định kiểm tra, nhưng Tổ Gia vội vàng kéo ông ta lại, trừng mắt nhìn. Qua ánh nhìn của Tổ Gia, Diêu phó quan nhận ra như thế ông ấy có điều gì muốn nói nên đứng sững lại.

Bầu không khí ở đó như đặc quánh. Lúc này, chỉ thấy Tổ Gia lớn giọng: “Chinh chiến nơi sa trường dưới mưa bom bão đạn, mấy vị quan quân này đã xả thân vì nước, người thì mất đi đôi chân, người thì bị vỡ bụng. Trước khi nhập quan, mấy đồ đệ của tôi đã chỉnh trang lại cho họ, vì không muốn người thân phải quá đau lòng.”

Diêu phó quan trợn trừng mắt nhìn Tổ Gia: “Hừm!” Nhưng cũng không dám làm gì, vì bản thân ông ta cũng có dính líu đến việc này.

Tổ Gia nói tiếp: “Nguyên tắc khi gọi hồn mọi người đều biết rồi đấy. Nếu các vị cứ khóc lóc thảm thiết, sẽ khiến người chết không thể yên nghỉ, linh hồn sẽ bay ra khỏi các khương trên thi thể, biến thành cô hồn dã quỷ, làm vậy sẽ uổng phí nỗi đau mọi người đã phải chịu đựng.”

Người mẹ già kia nghe thấy những lời này mới dần bình tĩnh trở lại, không khóc nữa.

Nhị Bá đầu vội vàng bảo bọn chân tay: “Chôn đi!”

Sau khi nhập thổ quan tài, Nhị Bá đầu vẽ một vòng tròn trước phần mộ, đốt từng xấp từng xấp tiền vàng mã trong cái vòng đó, miệng khẩn niệm: “Lúc chào đời hai bàn tay trắng, khi lìa trần trắng

hai bàn tay, kiếp trước chẳng biết chuyện kiếp này, cha sinh mẹ dưỡng uống công ngày tháng; nay đừng nên oán trách gì nữa. Xin hãy yên nghỉ dưới suối vàng. Phát... tang...”

Đám thợ kèn bắt đầu thổi lên những giai điệu ai oán, người thân ai nấy đều nghẹn ngào khóc. Diêu phó quan không kìm nén nỗi cũng chảy nước mắt. Dù gì đây cũng đều là anh em đã cùng sát cánh với ông ta trên sa trường đẫm máu trong cuộc chiến chống Nhật. Con người, cho dù có bị lòng tham vật chất làm mờ hai con mắt, nhưng trong sâu thẳm vẫn còn đôi chút ít ỏi lương tri, nên cũng không kiềm chế được mà rớt nước mắt.

Sau khi mai táng xong, Tổ Gia, Diêu phó quan, còn có cả Giả Tứ gia cùng trở về quán trọ.

“Nhị Bá đầu!” Tổ Gia gọi Nhị Bá đầu vào, “Chuyện là sao?”

Nhị Bá đầu đưa mắt nhìn Diêu phó quan và Giả Tứ gia, rồi cúi đầu, một lúc lâu sau mới phát ra một tiếng: “Hừ.”

“Nói!” Tổ Gia quát, tiếng quát ầm vang cả căn phòng.

Nhị Bá đầu vội vàng khai hết đầu đuôi.

Việc gọi hồn người chết có quy tắc của nó, tử thi được gọi hồn, khi đưa về đến quê nhà, đầu tiên không cho người thân gặp, phải đợi khi thầy đuổi xác làm phép xong. Sau khi thi thể được chỉnh trang lại đầu vào đấy và cho vào quan tài xong thì người nhà mới được đến nhận người thân. Hơn nữa, người thân tuyệt đối không được có chuyện khóc lóc, càng không được phép chạm vào tử thi. Nếu không sẽ khiến oan hồn bị đánh động, thoát ra qua lỗ khướu, chỉ sau khi được chôn cất xong xuôi thì mới được khóc. Nhị Bá đầu đã nắm lấy quy tắc này, dám cả gan chặt lấy mỗi đầu của người chết, vứt hết thân thể người chết đi, sau đó làm mấy cái gùi đeo sau lưng, bỏ hết thuốc phiện vào trong gùi, để cái đầu phủ lên trên, rồi lại trùm áo liệm táng lên như cũ, bắt chước dáng đi cứng đờ của người chết mà đi tiếp. Như vậy sẽ làm giảm nhiều gánh nặng cho bọn chân tay, cả bọn sẽ đi nhanh hơn nhiều.

Khi đến nơi, Nhị Bá đầu sai bọn chân tay làm năm cái cọc bằng gỗ ngay trong đêm đó, rồi choàng những chiếc áo liệm mới tinh lên

những chiếc cọc, nhét đầy bông vào, tạo thành hình người, chỗ tay áo và ống quần dùng cành cây chống thành khung y như tay chân người, cuối cùng chúng dùng loại dây thép cứng cắm phần đầu lên trên đỉnh chiếc cọc gỗ, chỗ nối ở cổ thì dùng vải quấn quanh liền với áo liệm, hoàn hảo không chê vào đâu được. Đúng là áo tiên không thấy vết chỉ khâu. Hơn nữa, người thân chỉ cần nhìn thấy mặt người chết là được, không ai được kiểm tra thân thể của người chết. Đây chính là nguyên tắc của tục đuôi xác.

Sau khi nghe hết câu chuyện, Tổ Gia lạnh lùng: “Người tự xử hay để ta giúp?”

Nhị Bá đầu nhìn Tổ Gia, rồi lại nhìn khuôn mặt không chút biến sắc của Diêu phó quan và Giả Tứ gia, ông ta khẽ nói: “Để con tự làm!”

Vừa dứt lời, ông ta đặt ngón tay út trái của mình lên mép bàn, tay phải giơ dao lên. Phập! Không một chút do dự chặt đứt ngay ngón tay út của mình. Máu chảy ra rớt xuống nền nhà, Nhị Bá đầu đau đến nỗi mồ hôi vã ra trên trán, nhưng không hề kêu một tiếng nào.

Từ đó, Nhị Bá đầu chỉ còn chín ngón tay. Tổ Gia buộc phải làm vậy cũng bởi không còn cách nào khác. Một là để dễ ăn nói với Giả Tứ gia và Diêu phó quan. Hai là muốn cắt ngay lá gan của Nhị Bá đầu. Nếu không về sau khó mà khiến hắn ta phục tùng mệnh lệnh.

Bao nhiêu năm sau, khi nhắc lại việc này, Tổ Gia vẫn còn cảm thấy sợ hãi. Nếu chiêu trò lần đó của Nhị Bá đầu bị lật tẩy, chắc chắn sẽ khiến bọn Quốc dân Đảng nổi cơn thịnh nộ, lúc đó thì Tổ Gia, Diêu phó quan, Giả Tứ gia, còn cả Nhị Bá đầu và đám chân tay kia đều sẽ chết chắc.

ÂM HÔN (CƯỚI MA)

Cả ngày Nhị Bá đầu chỉ ngồi nghiên cứu thuật Trát phi, thỉnh thoảng lại đến bàn luận với Tổ Gia. Về điểm này, Tổ Gia rất thích ông ta. Có lần, khi mọi người cùng uống rượu với nhau, Tổ Gia còn khen ngợi Nhị Bá đầu trước mặt những người khác. Nhị Bá đầu luôn làm bạn với xác chết, tiền vàng mã, hương khói và chu sa, đến nỗi chúng tôi thường ngửi thấy mùi tử khí phát ra từ trên người ông ta, dường như không thể gột sạch được. Vì thế khi tới kỹ viện, các cô gái thường không thích đến gần ông ta.

Nhị Bá đầu chuyên chơi Trát phi, có một lần lại “trát” trúng mình. Nói đến việc này, đúng là vô cùng kỳ lạ...

Năm Dân Quốc thứ 25, con gái của một ông chủ cửa hàng bán vải qua đời vì tình. Cô đem lòng yêu một cậu thanh niên có tư tưởng tiến bộ vào hồi ấy. Đó là một chàng thanh niên trí thức hàng ngày thường phát truyền đơn và diễn thuyết trên phố. Ông chủ quày vải sợ người này sẽ gây ra tai họa, lại nghèo rớt mồng tơi, cho nên kiên quyết không đồng ý cuộc hôn nhân này.

Cô gái van nài cầu xin cha, nhưng ông bố nhất quyết không đồng ý. Cô gái bèn bàn với chàng trai, muốn chàng trai đích thân đến thưa chuyện với cha mình. Nếu vẫn không được thì hai người sẽ cùng quỳ xuống cầu xin, quỳ cho đến khi nào cha cô đồng ý mới thôi. Nhưng chàng trai tính cách quật cường, bướng bỉnh nói: “Hai đầu gối người đàn ông có dát vàng, chỉ lạy trời lạy đất, lạy cha lạy mẹ, chứ không quỳ trước người khác.”

Cô gái khóc sụt sụt nói: “Sau này, cha cũng sẽ là cha vợ anh mà.”

Chàng trai nói: “Bây giờ vẫn chưa phải, ông ấy khinh thường anh, coi khinh tình yêu trong sáng của chúng mình. Ông ấy thuộc giai cấp tư sản mại bản.”

Cô gái nói: “Vậy chúng mình cùng trốn đi. Đến một nơi thật xa, đến nơi chân trời góc biển, nơi không ai có thể tìm thấy chúng mình nữa.”

Chàng trai nói: “Sao phải đi? Đại trượng phu làm việc gì cũng quang minh chính đại. Việc không đàng hoàng như vậy, làm sao có thể làm được?”

Cô gái nói: “Các người muốn ép tôi phải chết sao?”

Chàng trai nói: “Nếu em chết, anh cũng sẽ chết theo ngay, sống không thể thành vợ thành chồng, thì sẽ chết để được ở bên nhau.”

Khi nói những lời này, chàng trai không ngờ rằng cô gái sẽ làm vậy thật. Tối hôm đó, cô gái để lại một bức thư tuyệt mệnh, rồi nửa đêm gieo mình xuống giếng tự vẫn. Khi thi thể được vớt lên thì toàn

bộ khuôn mặt đã phù nước.

Ông chủ quầy vải đau đớn khóc ngắt đi. Thương con gái, ông quyết định sẽ cử hành tang lễ thật lớn cho con. Mọi người xung quanh xì xào bàn tán: “Người chết trẻ thế này không nên làm tang lớn. Tốt nhất nên hợp âm hôn, làm như vậy cũng coi như tạ lỗi với đấng con gái đã chết.”

Thời đó, việc hợp âm hôn rất phổ biến. Nghĩa là nếu người còn trẻ chưa lấy vợ lấy chồng mà bị chết, họ sẽ rất cô đơn, không có người bầu bạn dưới cõi âm, sẽ trở thành cô hồn dã quỷ. Vì thế, cần phải tìm một người cũng bị chết trẻ, đem hợp táng hai người, như vậy người chết mới có thể yên nghỉ nơi suối vàng. Đương nhiên, cơ hội để hợp táng được không phải lúc nào cũng có. Có người phải đợi đến mấy năm sau mới có một người khác giới có tuổi tác tương đồng chết trẻ.

Nhị Bá đầu đánh hơi được tin này, biết rằng đây là cơ hội hái ra tiền, liền xin ý kiến của Tổ Gia. Sau khi đã phân tích kỹ càng, Tổ Gia đã cho phép Nhị Bá đầu cầm đầu vụ này.

Thế là người mới lái bắt đầu lân la tới chỗ ông chủ quầy vải, xui rằng có một vị đạo trưởng có thể gọi hồn. Cô con gái bị chết oan nên hồn còn lang thang vất vưởng ở cõi trần, cần phải làm phép gọi hồn, để linh hồn được yên nghỉ, làm lễ hợp âm hôn mới được viên mãn.

Ông chủ quầy vải luôn cắn rứt, áy náy trong lòng, nên đã làm theo ngay. Đây thực chất chỉ là một chiêu, chứ nếu trực tiếp đến gõ cửa xin làm lễ hợp âm hôn, tất người ta sẽ sinh nghi ngay. Nhị Bá đầu xuất hiện với thân phận là một vị đạo trưởng sẽ khiến người ta tin tưởng.

Nhị Bá đầu nói với ông chủ quầy vải: “Trước khi ta xuất gia, gia cảnh cũng khá giả, nhà còn có một tiểu đệ, về sau bị bệnh mà chết khi mới 18 tuổi, tiểu đệ phải chịu cảnh cô độc dưới mộ phần đã mấy năm nay, nếu lão không chê, có thể làm lễ hợp âm hôn.”

Ông chủ quầy vải trông thấy tia hy vọng, liền hỏi Nhị Bá đầu: “Nhà đạo trưởng còn có những ai nữa? Ý phụ mẫu thế nào?”

Nhị Bá đầu nói: “Phụ mẫu đều lần lượt qua đời vì nổi u uất trong lòng. Nay nhà chỉ còn một mình ta, nên ta mới rũ bỏ bụi trần, quyên góp toàn bộ gia sản xuất gia, một lòng thụ đạo.”

Ông chủ quầy thấy cũng môn đăng hộ đối, bèn nói: “Có cơ duyên với đạo trưởng, đúng là đã cứu vớt lão đây.”

Sự thật, Nhị Bá đầu chẳng lấy đâu ra tiêu đề nào cả. Ông ta sai đám chân tay đến vùng núi hoang vắng tìm lấy một ngôi mộ vô chủ đã lâu không có người thăm nom, cúng bái, rồi đào người ta lên đem về. Cũng không biết đó là mộ phần của nam hay nữ, già hay trẻ, chúng đổi một chiếc quan tài khác, rồi khênh đến nhà của ông chủ quầy vải. Đúng là phường lừa đảo, đem cả thầy ma xác quỷ ra làm trò bịp bợm.

Thường thì các đạo sĩ đều không dám nhận làm đạo tràng cho người chết bất đắc kỳ tử thế này. Đặc biệt là làm đạo tràng cho một cô gái đã chết vào giữa đêm hôm khuya khoắt. Nghe nói họ thường biến thành ác quỷ, nhưng đám A Bảo thì có sợ gì chứ.

Vào cái đêm làm lễ hợp âm hôn, Nhị Bá đầu đem theo mười mấy tên tay chân đến cúng bái hành lễ. Trong sân đặt một chiếc quan tài lớn màu đỏ, bên trong đặt tất cả những thứ gọi là di cốt của “em trai” ông ta. Thi thể cô gái được choàng áo liệm đặt nằm trên một tấm gỗ, đợi sau khi làm lễ xong sẽ được liệm táng cùng nhau.

Nhị Bá đầu đốt hương, cầm lá bùa đã được làm sẵn dán lên người cô gái. Sau đó lúc lắc người đi đi lại lại, tóc tai bù xù cả lên, miệng lầm rầm niệm chú.

Đúng lúc ánh trăng trên bầu trời chiếu thẳng xuống, đột nhiên một bóng đen nhảy vù một cái từ dưới sân lên cây. Mọi người đều giật mình, thoạt trông thì thấy đó là một con mèo hoang không biết từ đâu chạy tới, trèo lên tận ngọn, nằm bò trên một cành cây, đôi mắt xanh lè nhìn xuống dưới.

Nhị Bá đầu vẫn tiếp tục làm lễ. Lúc này, con chó mà cô gái nuôi khi còn sống, nhảy ra khỏi chuồng, lạng lẽ đi tới dưới gầm giường đặt xác cô gái, nó đứng lại rồi nằm xuống.

Nhị Bá đầu từng bàn luận với Tổ Gia về cuốn Trát phi mật bản, trong đó có một câu: “Vân già nguyệt, miêu cầu thi tâm đồng nhất tuyến, thi tất trá.” Nghĩa là, khi các A Bảo làm lễ cúng, cần phải hết sức chú ý tình huống này. Đó là khi mây che kín mặt trăng, nếu lúc này mà tim của mèo, chó và người chết nằm cùng trên một đường thẳng, thì sẽ xảy ra hiện tượng xác chết vùng dậy. Xác chết vùng dậy

tức là thi thể đột nhiên sống lại, nhảy dựng lên, đuổi theo và nhe răng cắn xé như một ác quỷ. Điều này vô cùng đáng sợ.

Việc làm phép vẫn đang được tiến hành, một tên tay chân đi vòng quanh thi thể bỗng phát hiện ra con chó dưới gầm giường, một dự cảm không lành xâm chiếm khắp người. Hắn nhìn lên con mèo trên ngọn cây, đôi mắt xanh lè, u ám dõi theo mọi việc đang diễn ra bên dưới, ba trái tim dường như đang nằm trên đúng một đường thẳng. Anh ta vừa vỗ vào vai Nhị Bá đầu thì thấy một đám mây đen bay đến, ánh trăng lập tức bị chìm khuất sau tầng mây.

Nhị Bá đầu còn chưa kịp phản ứng gì, xác cô gái đã bật dậy, đôi mắt mở trừng trừng, miệng há ra, nhảy bổ về phía Nhị Bá đầu. Nhị Bá đầu còn đang ngơ ngác bỗng giật mình, sợ đến nỗi quẳng cả thanh kiếm gỗ đào mà chạy. Xác chết kia như thể nhận ra được kẻ xấu cứ kêu lên “A a...”, hai tay duỗi thẳng ngang ngực đuổi theo Nhị Bá đầu.

Mấy tên chân tay vôi vàng cầm gậy đuổi theo phía sau, đánh thật mạnh vào sau lưng xác cô gái, bị đánh liên tiếp mấy gậy, xác cô gái phát ra một tiếng “khụ”. Thân người đuổi thẳng rồi đổ sang một bên, khí dương tiêu tan hết thì chết hẳn, nhưng chết không nhắm mắt, ánh mắt vẫn trân trân nhìn Nhị Bá đầu.

Sau khi Tổ Gia biết việc này, liền bảo Nhị Bá đầu: “Đừng làm vụ này nữa! Ông trời nổi giận rồi! Chúng ta chỉ đấu được với con người, chứ không đấu lại ma quỷ!”

Y học thời đó vẫn chưa phát triển như bây giờ. Người ta đều không biết rằng có trường hợp con người chỉ là chết lâm sàng, đến một lúc nào đó có thể tỉnh lại. Vì vậy nên Tổ Gia nghĩ rằng đó là do ông trời nổi giận.

Sau khi xảy ra chuyện, bọn chân tay khiêng quan tài chứa thi thể vô chủ kia về, ông chủ quỳ vái cũng không yêu cầu hợp táng nữa, chỉ chôn cất một mình cô gái.

Tổ Gia ra lệnh cho bọn chân tay khiêng cả chiếc quan tài đó ra sau núi, đào một cái hố khác rồi chôn xuống, đốt rất nhiều tiền vàng mã, còn mang cả thủ lợn, rượu... đặt tế lễ trước mộ. Khi Tổ Gia cùng các anh em vái vái lạy lạy, gió lạnh nổi lên từng cơn, vàng mã và tàn tro bị cuốn tung lên từng hồi...

DOI HÚT MÁU

Một lần dàn cục khác, Nhị Bá đầu vẫn là người được Tổ Gia lựa chọn.

Nhưng Nhị Bá đầu không đích thân dàn cục vụ này, ông đã nhường vụ làm ăn này cho Tiên Nhân Thủ, vì Tiên Nhân Thủ vừa mới được cất nhắc làm Thất Bá đầu, quan mới nhậm chức thường hăng hái. Ông ta muốn qua vụ này sẽ giúp cho Tiên Nhân Thủ có được chỗ đứng trong Đường khấu.

Tiên Nhân Thủ đương nhiên hiểu rõ ý tốt này của Nhị Bá đầu. Anh ta và Nhị Bá đầu đã cùng nhau phân tích rất kỹ vụ này. Trương Nhị Cầu muốn báo thù, muốn cả nhà họ Lý phải chết, nhưng nhà họ Trương đã lụn bại, lấy đâu ra nhiều tiền của. Tổ Gia đã nói: “Nếu có thể dàn cục kếp, vừa hốt hết tiền của nhà Nhị Cầu, lại gặt hái được bạc của nhà họ Lý đó mới là thủ đoạn dàn cục cao siêu, giống như vị đạo sĩ tiền bối đã thực hiện năm xưa.”

Sự việc về sau đã chứng minh Tiên Nhân Thủ là một kẻ hội đủ ba “đức tính”: hung ác, gian trá, độc địa. Lần dàn cục này, hắn đã khởi động thủ đoạn xuất sát (giết). Đúng hơn là tuyệt sát, nghĩa là giết sạch.

Sau khi nhận lệnh, Tiên Nhân Thủ bắt đầu dàn cục. Đầu tiên hắn dựng chuyện Quỷ gõ cửa, nhằm gây bầu không khí sợ hãi, chết chóc, để hù dọa người nhà họ Lý. Thủ đoạn dàn cục này rất thâm độc, đều là những tuyệt kỹ Trát phi do đích thân Nhị Bá đầu truyền thụ. Đạo cụ cần dùng đến lần này chính là loài lươn.

Máu lươn có vị tanh nồng thu hút lũ dơi ở cách xa cả mấy dặm. Ban đêm, nếu bôi máu lươn lên cánh cổng của nhà nào thì lũ dơi ở quanh đó sẽ ngủi thấy và bay đến ngay lập tức, chúng cứ vỗ cánh phành phạch chạm vào cổng, người trong nhà sẽ tưởng có người gõ cửa, liền khoác áo, xách đèn ra mở cửa. Ánh đèn sẽ khiến lũ dơi vốn thích bóng đêm và sợ nhất là ánh sáng bay vụt đi hết. Người trong nhà mở cửa không thấy có gì sẽ nghĩ mình nghe lầm, liền quay vào nhà, vừa định ngủ tiếp thì lại nghe thấy tiếng gõ cửa như vậy, lại dậy, lại ra mở cổng xem và vẫn chẳng thấy gì. Cứ lặp đi lặp lại như vậy vài lần sẽ khiến tinh thần những người sống trong nhà hoang mang, sợ hãi. Đợi khi trời sáng đi ra xem thì sẽ chẳng thấy gì nữa, bởi khi trời

tờ mờ sáng lũ dơi đã bay đi hết. Thứ duy nhất mà họ có thể nhìn thấy được chính là vết tay lớn dính đầy máu trên cổng, giống như một bàn tay ma quỷ đến gõ cửa nhà mình vậy. Thực ra tất cả đều là do người đàn cụ đã cố ý vẽ lên cửa hình bàn tay và bôi máu lợn lên.

Để chắc chắn không xảy ra sơ xuất nào, đích thân Tiên Nhân Thủ xách máu lợn và dẫn theo hai tên tay chân đi làm. Chúng lần sờ trong đêm tối cuối cùng cũng đến được trước cổng nhà họ Lý. Khi chiếc xô nhỏ đựng máu lợn vừa được mở ra, một mùi tanh đã xộc lên mũi, Tiên Nhân Thủ tự tay cầm chiếc bàn chải bằng lông nhúng vào máu lợn rồi bôi lên cửa. Thời gian chưa đến nửa nén nhang chúng đã bôi xong.

Trên đường về nhà, bọn chúng cảm thấy vô cùng phấn khích, nhưng vừa đi được nửa đường thì cảm giác như có một vật đen đang bám theo, lợn vòng quanh trên đầu. Vừa định ngẩng đầu lên nhìn thì những bóng đen ấy bỗng nhào xuống, chúng chợt nhận ra: Dơi hút máu người. Cả lũ chân tay khua khoắng, vội vàng co cẳng chạy một mạch, rồi chui tọt vào một lò rèn mới thoát nạn.

Kỳ thực, răng của loài dơi rất nhỏ, có cắn được vào da thịt cũng chỉ là vết cắn rất bé, chẳng thể hút cạn được máu trên người như trong truyền thuyết. Chúng hút máu rất chậm chạp, chỉ có những người ta đang ngủ say hoặc bị say rượu, xui xẻo lắm mới bị hút mất một ít máu. Hơn nữa khi thấy đau, người sẽ tỉnh lại ngay, lúc đó lũ dơi cũng chẳng thể tiếp tục hút máu được nữa. Sở dĩ bọn Tiên Nhân Thủ ôm đầu, co cẳng lui nhanh còn vì thấy lũ dơi này quá hôi hám, lại giống như lũ âm hồn nên muốn tránh xa.

Sau khi về Đường khẩu, Tiên Nhân Thủ phát hiện trên trán bị sứt một miếng da, anh ta cố nhớ lại mà không hiểu tại sao lũ dơi lại bu vào mình, trước lúc đàn cụ rõ ràng anh ta đã rất cẩn thận rồi, sau khi đàn cụ xong cũng vứt hết đạo cụ. Sao có thể bị lũ dơi bám theo được?

Sau đó, hai tên đi theo nhắc: “Có khi lúc bôi máu lợn lên cổng, do căng thẳng đến nỗi toát cả mồ hôi, sau lại thuận tay quệt mồ hôi trên trán, chắc lúc đó sơ ý để dính máu lợn lên trán rồi cũng nên. Cộng thêm mùi máu lợn tanh nồng ám lên quần áo nên mới dụ lũ dơi bám theo.”

Tiên Nhân Thủ cười: “Không sao! Chỉ là vết xước ngoài da, không đáng kể gì.”

Vụ dàn cục có sự “nhúng tay” của lũ dơi lần này phát huy tác dụng, khiến người nhà họ Lý rất sợ hãi, vốn tư tưởng mê tín đã ăn sâu trong máu nên sau khi bị hù dọa, nhà họ Lý bắt đầu “tìm thầy bốc thuốc” khắp nơi. Lúc này, người phụ trách bản tin dẫn mối chính là Lục Bá đầu Phong Tử Thủ. Anh ta nói với nhà họ Lý rằng ở Lâm Trấn có một cao nhân, đạo pháp cao thâm, chuyên hóa giải những thứ tà môn này, có thể mời ông ta đến xem cho. Thế là Tiên Nhân Thủ xuất đầu lộ diện.

Lý Khởi Minh kể lại cho Tiên Nhân Thủ nghe toàn bộ sự việc, còn in lại vết tay quỷ đầy máu trên cánh cửa đưa cho Tiên Nhân Thủ xem. Tiên Nhân Thủ phải cố nhịn cười, giả vờ lắc lắc chuông đồng, đi quanh sân nhà họ Lý, sau đó trịnh trọng nói: “Nhà này có ma đấy.”

Lý Khởi Minh nghe thấy thế sợ rúm người: “Xin hỏi đại sư, nó từ đâu đến?”

Tiên Nhân Thủ nói, cái này phải để ta xem chân nhang, Lý Khởi Minh vội vàng tìm chiếc lư hương, Tiên Nhân Thủ châm một bó nhang, rồi cắm vào chiếc lư hương. Sau một tuần nhang, bó nhang cháy hết tạo thành hình một cái miệng tròn, ở giữa thấp, xung quanh cao, Tiên Nhân Thủ trầm ngâm một lúc rồi nói: “Lý tiên sinh, ta xin hỏi một câu khí không phải. Tiên sinh đã từng làm một việc thất đức nào chưa?”

Lý Khởi Minh rùng mình: “Sao đại sư lại nói thế?”

Tiên Nhân Thủ nhìn hẳn nói: “Bó nhang này cháy ở giữa thì thấp, xung quanh cao, trông giống như chụp lên lư hương vậy. Điều này chứng tỏ chắc chắn tiên sinh đã gây ra tội ác tày trời. Đó là đè nén hương hỏa nhà ai đó, hoặc đè lên mộ nhà ai đó...” Nói xong, mắt nhìn chòng chọc vào Lý Khởi Minh.

Mồ hôi vã ra trên trán Lý Khởi Minh, hẳn lú lờ: “Đại sư... quả là lợi hại... Tôi... tôi đành nói thật hết với ngài...”

Giống như Trương Nhị Cầu, Lý Khởi Minh cũng kể hết từ đầu đến cuối chuyện hai nhà Trương – Lý ngầm đấu đá nhau mấy đời

nay. Tiên Nhân Thủ nghe mà lòng thấy hả hê khoái chí, hẩn thảm nghĩ: “Đúng là hai thằng ngu!”

Cuối cùng, Lý Khởi Minh hỏi xem Tiên Nhân Thủ có cách nào để hóa giải không.

Tiên Nhân Thủ vượt bộ râu giả nói: “Dùng tiền chuộc mạng! Tiên sinh đã dùng đá áp đầu đè lên mộ tổ nhà người ta bao nhiêu năm, đến nỗi người chết không thể siêu thoát, biến thành cô hồn dã quỷ, còn người sống liên tục gặp vận xui xẻo, tai họa triền miên. Đúng là tội tày trời! Vừa rồi chẳng phải tiên sinh đã nói gần đây nhà người ta đào mộ lên phát hiện ra hòn đá áp đầu, một khi đá áp đầu bị lấy đi, cô hồn của Trương Trung Cẩn chui được ra ngoài, tất sẽ đến đòi mạng.”

Lý Khởi Minh nghe thấy thế sợ xanh mặt: “Xin đại sư cứu giúp!”

Tiên Nhân Thủ nói: “Dùng tiền đổi mạng, một phần số tiền này sẽ dùng để đưa cho nhà họ Trương sửa mộ tổ, một phần để xây từ đường. Còn một phần, ta dùng để làm lễ giải hạn cho tiên sinh. Ông xây từ đường, ta đuổi ma quỷ, cùng phối hợp mời cô hồn đang vất vưởng trên cõi trần của Trương Trung Cẩn quay về.”

Lý Khởi Minh ngờ ngác hỏi: “Xây từ đường cho lão ta ư? Tội ác mà lão gây ra cũng không ít. Ai sẽ trừng phạt lão ta đây?”

Tiên Nhân Thủ bỗng im bặt, nhìn chăm chăm vào sau lưng Lý Khởi Minh, đưa tay lên miệng “suyt”, tỏ ý ra hiệu bảo Lý Khởi Minh im mồm lại.

Lý Khởi Minh sửng người: “Chuyện gì thế?”

Tiên Nhân Thủ nhìn thẳng mặt hẩn nói: “Ông ta đang đứng sau tiên sinh.”

Lý Khởi Minh nghe thấy sợ hãi thiếu chút nữa thì nhảy dựng lên, vội vàng quay người lại: “Ở đâu? Đại sư đừng có dọa tôi.”

Tiên Nhân Thủ nói tiếp: “Tiên sinh không thể nhìn thấy ông ta, chỉ tôi mới nhìn thấy được. Đừng có nói xấu ông ta nữa! Đôi mắt của ông ta vẫn lên khi nhìn tiên sinh đấy.”

Đột nhiên, Tiên Nhân Thủ rút ra một chiếc túi vải màu vàng ở thắt lưng, kêu lớn: “Yêu nghiệt! Thái thượng lão quân mau mau nghe lệnh. Con ma to gan kia ban ngày ban mặt dám lên đây hại người, ta đây sẽ cho ngươi biết thế nào là lễ độ.”

Sau đó liền phi thân nhảy lên trên bàn, một tay giơ lên mở cái túi vải ra, lập tức bên trong có ánh lửa phát ra, sau đó hắt ta túm chắc lấy miệng túi, dùng sợi dây màu đỏ buộc lại, rồi nhảy từ trên bàn xuống, nói: “Không phải sợ, tạm thời ta đã nhốt được lão ta trong này rồi.”

Lời nói còn chưa dứt thì bỗng nhiên chiếc túi vải lùng nhùng động đậy, Tiên Nhân Thủ ra sức giữ chắc cái túi vải nhưng không được. Dường như có thứ gì đó bên trong vừa phóng vọt ra khỏi cái túi, Tiên Nhân Thủ hô to: “Chạy mất rồi, chạy mất rồi!”

Lý Khởi Minh được một phen hú vía trước cảnh tượng đang diễn ra trước mặt, không biết là thật hay giả. Nhưng sự việc lại thường như vậy, thật quá lại hóa thành giả. Thực ra, bó nhang đó đã được sắp đặt sẵn từ trước. Những que nhang ở giữa được làm từ loại trầm hương thượng hạng cháy rất nhanh và ổn định, còn những que xung quanh thì được trộn lẫn với đất, đương nhiên chúng sẽ cháy chậm hơn, cho nên tạo thành miệng tròn. Còn chiếc túi vải hàng yêu kia bên trong đã được bôi sẵn một lớp thuốc phát sáng do Tứ Bá đầu chế ra. Khi mở miệng túi, không khí ulla vào sẽ lập tức phát sáng, còn cái màn có “nhân vật” trong chiếc túi vải mà Tiên Nhân Thủ đang cầm trong tay cứ giãy giụa rồi thoát ra ngoài kia thực chất chỉ là một mảnh khốe. Những người làm ảo thuật đều biết trò này. Thủ thuật thường dùng nhất là lấy một chiếc khăn tay bện lại giống như hình con chuột rồi để trong lòng bàn tay, ngón tay cái làm động tác cử động lên xuống, bốn ngón còn lại chuyển động liên tục, người chồm lên nhảy xuống, trông rất sống động. Nếu không vì Tiên Nhân Thủ chơi trò này rất điêu luyện, thì người ta đã không gọi hắt ta là Tiên Nhân Thủ.

Lý Khởi Minh lại bắt chước thói gian xảo của cha là Lý Văn Tài năm xưa, chưa thấy có kết quả thì không trả tiền, không thấy gà sẽ không thả điều hâu. Lúc này con người của hắt ta cứ đảo đi đảo lại trông rất giảo hoạt, quỷ quyệt, xem chừng hắt ta vẫn còn có chút nghi ngờ những việc vừa diễn ra trước mắt. Đối với tình huống này, Tiên Nhân Thủ và Nhị Bá đầu đã chuẩn bị sẵn đối sách. Hắt ta lập tức khởi động bước thứ hai. Lần này, hắt ta sẽ cho tên Lý Khởi Minh biết thế nào là chưa thấy quan tài chưa đổ lệ.

Tiên Nhân Thủ nói: “Lý tiên sinh cứ cân nhắc, số tiền phải bỏ ra để giải hạn lần này cũng không phải nhỏ. Nhưng chuyện can hệ đến tính mệnh, cẩn thận không thừa, bỉ nhân phải nhắc nhở tiên sinh rằng những ngày gần đây phải hết sức chú ý đến sự an toàn của người thân, cẩn thận kẻ bị ma quỷ tới đòi mạng. Ta đưa trước cho mấy lá bùa, tiên sinh và người nhà cứ đeo lên người, tạm thời có thể tránh được họa, nhưng đây không phải là kế sách lâu dài!” Nói xong, hắn đưa cho Lý Khởi Minh năm lá bùa.

Lý Khởi Minh cảm ơn rồi rít nhưng vẫn không chịu thò ra một đồng. Tiên Nhân Thủ không hề tỏ ra nôn nóng, trong lòng đã có tính toán trước và trò hay sắp diễn ra.

Vì đã được tên chân trong dẫn mỗi cung cấp hết thông tin từ trước, Tiên Nhân Thủ biết rõ nhà họ Lý có bao nhiêu người, nên hắn đã không làm đủ số bùa để phát hết cho cả nhà, như vậy chắc chắn bọn người hầu sẽ chẳng đến lượt. Lúc này nếu đột nhiên xảy ra chuyện với một tên người hầu nào đó thì rõ ràng chuyện này đúng là có thật rồi.

THIỆT CHÚ SÁT NHÂN

Tiên Nhân Thủ bắt đầu xuất sát. Theo thông lệ, khi Đường khấu cần trừ khử người nào đó thì đều do Đại Bá đầu đảm nhiệm. Nhưng Tiên Nhân Thủ nóng lòng muốn lập công, muốn thể hiện bản thân mình nên hắn xin Tổ Gia cho phép tự mình ra tay.

Đầu tiên, Tiên Nhân Thủ phân tích rõ sự việc này cho Tổ Gia nghe. Lần xuất sát này khác với những lần trước. Đó là phải giết một cách bí hiểm, ly kỳ và hoàn hảo, phải làm sao để người ta tin rằng thực sự có ác quỷ về đòi mạng, phải dựng lên một kỳ án nghìn đời vẫn không thể phá được. Hắn đã làm thế nào? Bắn chết người chắc chắn là không được rồi, vì sẽ để lại vết đạn. Dùng dao đâm ư? Sẽ để lại vết dao. Dùng dây thừng siết cổ cho đến chết sẽ để lại vết lằn. Nếu hạ độc thì chỉ cần dùng kim châm bạc sẽ điều tra ra ngay. Mà người này phải chết một cách “thanh thản”, không có bất kỳ một vết thương hay dấu vết bị hạ độc nào kia.

Tổ Gia hỏi: “Làm thế nào?”

Tiên Nhân Thủ đáp: “Thiệt chú.”

Phương pháp này không nhắc đến thì thôi, chứ nhắc đến ngay cả Tổ Gia cũng phải rùng mình. Thiết chú chính là dùng một dùi sắt dài chừng 30 cm, to chừng ngón tay út, một đầu được mài nhọn hoắt, rồi nung đỏ cả que sắt đó lên, dùng kẹp que sắt đã được nung đỏ, đâm vào trong người qua hậu môn, que sắt sẽ đâm thẳng vào trong bụng qua trực tràng, xuyên thủng vùng bụng dưới, tiếp đến đâm xuyên qua chín khúc ruột, rồi đâm tới dạ dày, cho đến khi toàn bộ que sắt được xuyên vào nằm gọn trong người qua hậu môn.

Phương pháp giết người này xuất hiện lần đầu vào thời nhà Tống. Thời đó, Bao Công đã phá được vụ án này. Thủ pháp này quả thực vô cùng kín đáo, có thể phủ tay sạch sẽ. Thử nghĩ xem, nếu cứ dùng que sắt nguội mà đâm vào, chắc chắn sẽ bị chảy máu, cả phân và nước tiểu đều sẽ lòi ra, hơn nữa sẽ rất khó đâm vào trong. Còn que sắt đã được nung đỏ nóng đến hơn 700 độ C thì lại khác. Sau khi được đâm vào người, đi đến đâu nó sẽ đốt cháy đường đi đến đó, máu sẽ không thể chảy ra được.

Thời xưa người ta chưa biết tới kỹ thuật mổ khám nghiệm tử thi như ngày nay, nên quan lại thời đó dù có giỏi đến đâu cũng khó mà phát giác ra điều bí ẩn trong đó. Vào thời Tống, một gian phụ đã dùng chiêu cực hiểm này để mưu sát chồng, nhưng trong lúc thực hiện, vì quá căng thẳng, lo lắng nên đã không đâm que sắt vào sâu hẳn trong người, khiến hậu môn không co khít lại được. Chỉ sau vài ngày, Bao Thanh Thiên đại nhân đã tìm ra manh mối. Hơn nữa, nay đang lúc thời cuộc rối ren loạn lạc, ai buồn hao tổn tâm sức đi truy xét cái chết của một tên người hầu.

Đương nhiên, muốn dùng thủ pháp Thiết chú mà giết người thì cần phải đánh thuốc mê người đó, hoặc người đó phải bị say khướt đến nỗi không biết trời đất gì nữa, nếu không cứ thế mà đâm que sắt vào hậu môn anh ta, đau quá anh ta sẽ cắn đứt lưỡi mà chết.

Việc này suy cho cùng không phải do một mình Tiên Nhân Thủ làm. Tổ Gia sợ hấn tay chân lóng ngóng, đã phái cả mấy cao thủ giỏi võ công của Đường khẩu đi cùng, nửa đêm lẻn vào nhà họ Lý, sau khi thổi mê hồn hương, lấy chân quấn một tên người hầu lại rồi khiêng đi. Nhân lúc anh ta còn đang hôn mê, hai tên tay chân sẽ cạy lỗ hậu môn ra, còn Tiên Nhân Thủ sẽ tự mình đâm que sắt đã được nung đỏ vào trong, sau đó lại đem cái xác chết này về nhà họ Lý. Kết cục, một người vô tội đã chết một cách âm thầm lặng lẽ.

Ngày hôm sau, mặt trời đã lên cao, sau khi cả nhà họ Lý thức giấc mới tá hỏa lên. Vừa tìm người, vừa đi báo quan, bên Cục Quân thống cử vài tên lính đến, chúng loay hoay nửa ngày trời cũng chẳng phát hiện được gì, cuối cùng đưa ra kết luận người này chết vì “bệnh đau tim”. Nhưng Lý Khởi Minh lại không nghĩ như vậy, sắc mặt của tên người hầu nhợt nhạt, toàn thân không bị thương tổn gì. Hắn bất giác nghĩ đến chuyện oan hồn đòi mạng mà Tiên Nhân Thủ đã nói, nên lập tức sai người đi mời Tiên Nhân Thủ đến. Vậy là mọi thứ đều diễn ra theo đúng kế hoạch, Lý Khởi Minh phải dốc sạch tiền của vừa để làm lễ giải hạn, vừa để xây từ đường cho nhà họ Trương.

Lần này, Trương Nhị Cầu trong lòng hả hê vui sướng lắm, nhưng hắn đâu ngờ được rằng đây là niềm vui sướng cuối cùng trong cuộc đời hắn. Tiên Nhân Thủ cũng sẽ hạ độc thủ hắn. Tại sao lại phải làm như vậy? Bởi dàn cục kếp kiêu này rất dễ bị lộ cục, tức một khi hai nhà làm hòa với nhau, hoặc giả Nhị Cầu say rượu như cha hắn năm xưa, để lộ ra mọi chuyện thì coi như xôi hỏng bỏng không, vậy nên, Tiên Nhân Thủ cũng phải bịt miệng cả hắn ta nữa. Vốn định tạo ra một vụ hỏa hoạn để thiêu chết cả nhà là xong, nhưng Tổ Gia không đồng ý, cuối cùng Nhị Bá đầu nói: “Không cần giết người, cho nó bị câm thôi. Câm rồi sẽ không hé răng được nữa.”

Tiên Nhân Thủ nói: “Không nói được, nhưng hắn có thể viết.”

Nhị Bá đầu nói: “Vậy thì làm cho hắn bị ngớ ngẩn vậy.”

Tổ Gia suy tính một hồi, nói: “Tha cho bọn trẻ con. Đừng làm hại chúng!”

Khi từ đường nhà Nhị Cầu được hoàn thành, cả nhà ai nấy đều vui mừng mở tiệc thiết đãi Tiên Nhân Thủ. Tiên Nhân Thủ mang theo “tiêu dao tán” được Tứ Bá đầu bí mật điều chế từ nhựa cây trúc đào và chất độc của loài cá nóc đến bữa tiệc. Đây là loại kịch độc gây tổn thương não, sau khi ăn phải, độc tính đi qua miệng và đường tiêu hóa, đầu tiên sẽ khiến người ta ngất lịm. Trong một ngày người sẽ lơ đãng đi mấy lần, người bình thường sẽ cho rằng đó là do bị kiệt sức mới vậy. Chẳng đến nửa tháng, độc tính phát tác, đại não và tiểu não cùng bị teo đi, khiến người đó trở nên ngớ ngẩn.

Thấy người nhà Nhị Cầu bị ngớ ngẩn, nhà họ Lý hỏi Tiên Nhân Thủ rằng đó có phải là báo ứng không? Tiên Nhân Thủ nói: “Đương

nhiên rồi, tiên sinh mang tiền của ra để đổi lại tính mạng, còn bọn họ đã không làm vậy. Họ gây chuyện thị phi cho nhà tiên sinh, kẻ nào gây ra tội nghiệp thì kẻ đó sẽ phải tự gánh chịu sự trừng phạt của ông trời.” Lúc này, người nhà họ Lý đều thở phào nhẹ nhõm, vì trước đó phải bỏ biết bao nhiêu tiền của ra xây từ đường cho kẻ thù, trong lòng oán hận. Nay thấy nhà họ Trương gia cảnh lụn bại, người thì ngờ ngờ ngần ngần, mối hận thù trong lòng này mới tiêu tan.

Tiên Nhân Thủ đã nhờ vào Trát phi mà dẹp bỏ ân oán của hai nhà, kiếm được bọn tiền về cho Đường khẩu. Cuộc đấu đá ngầm và cuộc đọ độc kế của hai nhà kéo dài suốt ba đời cuối cùng đã chấm dứt bởi tay A Bảo. Tiên Nhân Thủ vốn nhờ vào vụ này mà ngồi vững chắc ở vị trí Thất Bá đầu, nhưng người tính không bằng trời tính. Quả đúng như lời hần ta nói “trời phạt”. Hần ta lên cơn điên, mấy hôm sau thì chết. Mặc dù Tổ Gia đoán là hần bị bệnh dại, nhưng lại không tìm được căn nguyên của căn bệnh này.

Cho đến những năm 80 của thế kỷ 20, tôi có đọc được trong cuốn sách Sinh học của con, mới biết rằng loài dơi cũng mang trong người virus gây bệnh dại, nhưng xác suất rất thấp, chỉ 0,5%. Vậy mà xác suất nhỏ nhoi này đã rơi vào đúng Tiên Nhân Thủ, đã là ý trời thì khó có thể tránh được.

Lần dàn cục này vô cùng hoàn mỹ, nhưng hậu quả cũng thật bi đát. Sau khi xong việc, Tổ Gia cũng không tổ chức ăn mừng như mọi lần, ông nhốt mình trong phòng rất lâu. Không ai biết ông đang nghĩ gì. Ông đang sám hối ư? Hay đang nghĩ phải làm thế nào để truyền lại cho anh em trong Đường khẩu đạo nghĩa lớn lao của tôn chỉ “Thay trời hành đạo” của mình? Bao nhiêu năm nay, ông chưa từng giết người vô tội, nhưng lần này ông đã phá lệ. Do thiếu tiền ư? Mặc dù hai năm nay công việc làm ăn của Đường khẩu không thực sự tốt, nhưng Tổ Gia cai quản Mộc Tử Liên hơn 20 năm, dày công vạch kế hoạch, tìm cơ hội xuất chiêu, tính cả lớn nhỏ cũng đến cả nghìn vụ dàn cục. Tứ đại Đường khẩu Đông Tây Nam Bắc chắc cũng có tích lũy riêng, chỉ cần bớt ăn bớt tiêu, dăm ba năm nữa cũng chẳng thành vấn đề.

Những việc sau đó càng khiến các Bá đầu không sao hiểu được, thậm chí bọn chân tay còn tỏ ra oán trách ông. Đó chính là lần tổ chức Đại đường hội vừa rồi, Tổ Gia đã mang rất nhiều vàng bạc của Đường khẩu tặng không, biếu không cho các Đường khẩu khác. Các vị Bá đầu

không hiểu vì sao Tổ Gia lại đem bao nhiêu tiền của xương máu của anh em đi cứu tế, khiến các anh em khó khăn thiếu thốn. Chỉ phát cho họ ít bạc gọi là có không được hay sao?

Tổ Gia nói: “Trước đây, khi gia nhập Đường khấu, các người đều đã phát lời thề. Tại sao đến lúc quan trọng lại quên sạch? Mặc dù không cùng chung một Đường khấu, nhưng mọi người đều thuộc Hồng Môn, đều là truyền nhân của phái Giang Tương, đều là anh em một nhà.”

Những lời này khiến mọi người im lặng. Tổ Gia nói không sai, khi uống rượu tiết gà, mọi người đều hùng hực khí thế hô to: “Từ nay nguyện kết làm anh em trong thiên hạ, bốn biển đều mang họ Hồng, cắt máu ăn thề, các anh em cùng chung sức chung lòng.” Những ngày tháng xưa hào hùng, mọi người cùng tụ hội chung một lời thề, cùng dìu dắt, giúp đỡ lẫn nhau.

Những lời này của Tổ Gia mặc dù đều là sự thật, nhưng tác phong làm bất cứ việc gì cũng luôn để lại đường lui cho mình khiến người ta cảm thấy có điều gì đó bất thường ở ông. Móc sạch hầu bao của Đường khấu đi cứu tế cho các Đường khấu khác, ông không sợ anh em, thuộc hạ của mình phải thất vọng hay sao?

Kẻ tầm thường rất cuộc vẫn chỉ là kẻ tầm thường, không có tầm nhìn xa trông rộng được như Tổ Gia. Những việc sau này đã chứng minh Tổ Gia muốn chơi một ván cờ lớn, ông muốn trở thành Đại Sư bá vang danh thiên hạ, hơn nữa còn là một Đại Sư bá duy nhất. Đây mới là chân tướng của vấn đề.

Mấy chục năm nay, Tổ Gia đã sớm nhìn ra căn bệnh trầm kha của phái Giang Tương: Tứ đại Đường khấu mạnh ai nấy làm. Mặc dù mỗi năm đều có họp Đại đường hội một lần, trong cuộc họp cũng đạt được một vài thỏa hiệp, nhưng toàn bộ phái Giang Tương không có nổi một người lãnh đạo thống nhất và khả năng chấp hành mạnh mẽ. Đó chính là nguyên nhân khiến nó không thể làm nên được việc lớn.

Giờ đang là thời điểm phong ba bão táp, lòng người dao động, là lúc Tổ Gia cần phải mua chuộc, thu phục nhân tâm, ông muốn thu tóm toàn bộ phái Giang Tương về tay mình. Tất nhiên không thể để mất bất kỳ một A Bảo nào. Đạp lên đồng bạc trắng lóa và đi trên vũng máu tươi của những oan hồn. Tổ Gia muốn bước lên đỉnh cao nhất

của phái Giang Tương.

Chương 4. DÀN CỤC MỸ NHÂN, BÁO THÙ CHO VƯƠNG Á TIÊU - CAO THỦ ÁM SÁT ĐỆ NHẤT TRUNG QUỐC

Bát tự luận đoán họa phúc

Sau khi Tiên Nhân Thủ chết, Tam Bá đầu cho rằng cơ hội đã đến, liền ra sức tiến cử với Tổ Gia học trò tâm phúc của mình là Vương Gia Hiền, vào ngồi ở vị trí Thất Bá đầu. Sau vài lần bàn bạc, mặc dù Nhị Bá đầu có chút bất mãn, nhưng Tổ Gia vẫn gật đầu đồng ý. Cuối cùng, Vương Gia Hiền được ngồi vào chiếc ghế thứ bảy.

Vương Gia Hiền đi theo Tổ Gia năm 1946. Anh ta có dáng người cao gầy, ưa sạch sẽ, mỗi lần đi ra ngoài đều mặc áo dài nai nịt gọn gàng, tóc bôi dầu thơm chải ngược ra sau, trông rất hào hoa, nho nhã. Vương Gia Hiền bảo rằng tên của anh ta là do cha đặt cho, có nghĩa là gia đạo hiền lương. Tôi nghĩ khi cha anh ta đặt cho cái tên này, chắc chắn không thể ngờ được rằng sau này con trai mình lại toàn làm ra những việc lừa đảo, hãm hại người khác.

Thân phận khi xuất hiện ở bên ngoài của anh ta là một giáo viên dạy tiểu học gương mẫu trong trường quốc lập của Chính phủ Dân Quốc thuộc phe Quốc dân Đảng. Anh ta đọc sách nhiều, có tài ăn nói hạng nhất, tư tưởng tân tiến, có nhiều bài viết hay, rất được phụ nữ thời kỳ Dân quốc yêu mến, hơn nữa lại còn là quân sư giỏi của Tổ Gia. Trước mỗi lần dàn cục, Tổ Gia đều hỏi ý kiến anh ta. Ai có thể ngờ được rằng, dường dường một thầy giáo tiểu học đạo mạo lại có thể là một tay lừa đảo có hạng đây?

Lần đầu tiên anh ta giúp Tổ Gia dàn cục là nhằm vào vợ của một viên sĩ quan Quốc dân Đảng. Năm đó, Quốc dân Đảng gặp phải tình hình tiền tuyến nguy cấp, viên sĩ quan kia đã gửi một bức thư về nhà cho vợ. Trong thư tràn ngập lời lẽ thống thiết coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, hồi tưởng chuyện xưa phu thê ân ái. Từ đầu đến cuối thư bao trùm thâm ý sinh ly tử biệt khiến bà vợ ngày nào cũng khóc lóc, lo lắng, không thiết gì đến chuyện ăn uống.

Tâm trạng của bà ảnh hưởng trực tiếp đến đứa con, vừa hay cậu bé này là học sinh trường Vương Gia Hiền dạy. Thời đó ở bậc tiểu học, môn ngữ văn được đặc biệt coi trọng trong hệ thống giáo dục nhân văn. Bài văn đầu tiên gồm năm câu: “Mèo chuyên rình bắt chuột, chó ngoan ngoãn trông nhà, mỗi con có việc riêng, kẻ không nghề không ngỗng, thật chẳng bằng chó mèo.” Đại ý là trên thế giới này, mỗi một sinh linh được sinh ra đều có chức trách và nhiệm vụ riêng. Nếu một người bỏ bê công việc, không chuyên tâm vào chức trách của mình thì ngay cả đến loài vật cũng không bằng. Tôi không biết mỗi lần Vương Gia Hiền giảng đoạn văn này cho lũ trẻ nghe, trong lòng anh ta sẽ nghĩ thế nào.

Cậu con trai của vị phu nhân sĩ quan kia ngồi trên lớp mà tâm hồn cứ để mãi đâu, không tập trung nghe giảng. Cả lớp có 17 người, chỉ có mình cậu không thuộc năm câu này. Vương Gia Hiền hỏi xem có chuyện gì, nhưng cậu bé cúi đầu không nói. Sau đó Vương Gia Hiền gắng hỏi mấy lần, cậu bé mới trả lời vì mẹ nó suốt ngày buồn phiền chuyện của cha nên trong lòng không vui.

Vương Gia Hiền chớp ngay lấy thông tin này. Ngay đêm hôm đó, hắn bàn với Tổ Gia xem có thể làm vụ này không. Tổ Gia nói: “Không những có thể làm mà còn phải làm lớn nữa là đằng khác. Việc liên quan đến sự sống chết, chắc chắn giá rất cao.”

Vương Gia Hiền lấy lý do đứa bé kia học hành sa sút, trên lớp thường không chú ý nghe giảng để đến tìm bà phu nhân kia. Người có dáng vẻ khôi ngô, sáng sủa, làm việc gì cũng sẽ thuận lợi, Vương Gia Hiền chính là loại người này. Dáng vẻ nho nhã, phong thái trí thức, ăn nói nhã nhặn lịch sự. Cho nên, ngay từ lần đầu gặp mặt bà phu nhân kia đã trút hết nỗi lòng mình với Vương Gia Hiền.

Vương Gia Hiền nói: “Tướng quân tráng sĩ, chinh chiến mười năm, thân kinh trăm trận, tất ngày khai hoàn. Chồng phu nhân đang chinh chiến nơi sa trường, khiến đám văn nhân hèn mọn như chúng tôi đây thật hổ thẹn.”

Bà phu nhân thở dài nói: “Tiên sinh khiêm tốn rồi. Từ xưa tới nay quan văn chết bởi lời can gián, quan võ chết bởi chiến trận sa trường. Văn chương cũng chính là một thứ vũ khí sắc nhọn giành lấy giang sơn. Tiên sinh dạy học trồng người, cũng là mang lợi ích cho đời sau.”

Vương Gia Hiền không ngờ vị phu nhân này có trình độ cao như vậy. Bình thường chỉ mỗi mình thao thao bất tuyệt, không ngờ hôm nay lại gặp được vị phu nhân khéo ăn khéo nói như vậy.

Vương Gia Hiền cũng thở dài nói: “Chỉ hy vọng phu nhân có thể bình tâm trở lại, chờ tin tốt lành của chồng. Nếu không, tâm trạng của bà sẽ ảnh hưởng nhiều tới cậu nhà. Ngày nào ngồi trên lớp cậu nhà cũng không tập trung chú ý nghe giảng, để lâu, sợ sẽ ảnh hưởng đến việc học hành.”

Vị phu nhân kia gật đầu nói: “Nói thì nói vậy, nhưng ai có thể làm được đây. Chồng tôi sống chết còn chưa biết thế nào, bảo tôi làm sao có thể bình tâm được.”

Vương Gia Hiền nhận thấy cơ hội đã đến, bèn làm vẻ nghiêm túc nói: “Phu nhân có tin vào số mệnh không?”

Vị phu nhân ngậy người: “Số mệnh ư? Bây giờ tôi cũng chỉ biết trông chờ vào mệnh trời thôi.”

Vương Gia Hiền bắt đầu xuất chiêu: “Thưa phu nhân, tôi có quen một vị tiên bối tinh thông Kỳ môn Bát quái, bảm độn quẻ rất giỏi, nghe nói đã xem cho rất nhiều quan to trong Chính phủ, có thể đoán biết được chuyện sinh tử, phú quý, chính xác lắm. Hay bà mời ông ấy xem cho...”

Vương Gia Hiền chưa nói hết câu, bà phu nhân vội vàng hỏi: “Có thật không? Liệu có thể mời được ông ấy không?”

Vương Gia Hiền thấy bà ta đã cắn câu. Rõ ràng hẳn chẳng đi câu, mà cá lại tự tìm đến móc vào lưỡi.

Vương Gia Hiền nói: “Phu nhân đừng sốt ruột, lão tiên sinh đó là chỗ giao tình với tôi đã lâu, tôi có thể hẹn gặp được. Ông ấy rất bận, nhưng tôi sẽ cố gắng sắp xếp giúp bà.”

Vị phu nhân này mừng như chết đuối với được cọc, vội vàng nói: “Cảm phiền tiên sinh nhanh chóng hẹn giúp tôi, càng nhanh càng tốt, tốn bao nhiêu tiền cũng được.”

Đây mới chính là lời mà A Bảo thích nghe nhất, Vương Gia Hiền

nói: “Nhất định rồi, nhất định rồi! Tối nay tôi đến nhà ông ấy xem thế nào. Xin phu nhân cứ yên tâm!”

Vị phu nhân xúc động nói: “Cám ơn tiên sinh! Cám ơn tiên sinh!”

Khi người ta đang trong hoàn cảnh quá đau buồn hoặc vui mừng quá độ, đều sẽ trở nên ngốc nghếch. Huống hồ lại là người phụ nữ thân đơn gối chiếc, chồng chinh chiến nơi xa, sống chết là điều khó nói. Vương Gia Hiền nhanh chóng quay về báo cáo lại với Tổ Gia. Tổ Gia nói: “Bà ta có bao nhiêu gia sản?”

Vương Gia Hiền nói: “Điều này khó có thể biết chính xác được. Nhà mang kiến trúc phương Tây, theo phong cách bài trí đồ đạc trong nhà, đoán chừng đây là nhà của sĩ quan chỉ huy cấp trung đoàn trở lên.”

Tổ Gia nghĩ một lúc rồi nói: “Cứ để bà ta chờ vài hôm đã.”

Ngày hôm sau, Vương Gia Hiền lại đến nhà vị phu nhân kia, hần nói: “Tối qua tôi đi tìm lão tiên sinh rồi. Gần đây ông ấy rất bận, đáng nhẽ ra phải đi công tác. Nhưng sau khi nghe tôi kể về việc của phu nhân, ông ấy tạm thời hoãn lại, khoảng hai ba hôm nữa có thể gặp được.”

Bà phu nhân nói: “Cám ơn tiên sinh! Cám ơn tiên sinh! Xin càng sớm càng tốt cho!”

Ba ngày sau, ba người gặp nhau tại một tiệm trà.

Tổ Gia cốt cách phi phàm, Vương Gia Hiền phong lưu hào sảng. Vị phu nhân này có năm mơ cũng không thể nào ngờ được rằng hai bậc quân tử khiêm nhường trước mặt mình đây lại chính là phường lừa đảo chuyên nghiệp. Ngồi trước hai người đàn ông đạo mạo, vị phu nhân có chút ngại ngùng, thu hết can đảm bà mở lời với giọng run rẩy: “Xin làm phiền tiên sinh ạ!”

Tổ Gia nói: “Người học Kinh dịch, tấm lòng từ bi đại lượng, phu nhân không cần quá khách sáo như vậy. Việc của phu nhân, Vương tiên sinh đây đã nói cho ta nghe cả rồi.”

Vị phu nhân nói: “Vậy cảm phiền tiên sinh xem giúp chồng tôi

lành dữ thế nào?”

Tổ Gia nói: “Tướng mặt¹ phu nhân, cung Phu thê sắc trạch âm đạm, cung Quan lộc và cung Mệnh thấp lổm. Thứ lỗi cho ta nói thẳng, chồng bà đang ở vào hoàn cảnh rất nguy ngập.”

Vị phu nhân kia nghe thấy vậy vẻ mặt đờ đẫn hoảng hốt rồi cuống quýt hỏi: “Vậy... vậy có nguy hiểm đến tính mạng không?”

Tổ Gia chậm rãi nói: “Xin phu nhân hãy bình tâm, hãy cho ta biết Bát tự ngày sinh của chồng bà.”

Sau khi nghe bà ta trả lời, Tổ Gia ngẫm nghĩ giây lát rồi nói: “Tôi đoán trên trán của chồng phu nhân có một nốt ruồi to, không biết có đúng không?”

“Đúng quá, thưa thầy!” Bà ta cuống quýt trả lời. “Nó nằm lệch về phía bên trái trên trán.”

Tổ Gia lại nói: “Ông ấy mắt to, cằm nhọn.”

“Tiên sinh nói quả rất đúng!” Vị phu nhân trả lời.

Vương Gia Hiền giả bộ kính nể cũng vội vàng nói: “Lão tiên sinh đúng là đạo pháp cao minh. Văn sinh xin bái phục, bái phục!”

Tổ Gia vẫn nghiêm sắc mặt không hề biểu lộ một chút tình cảm, bấm bấm đốt ngón tay: “Phu nhân cho ta hay Bát tự của phu nhân.”

Vị phu nhân vội vàng nói Bát tự của mình.

Tổ Gia lại bấm đốt ngón tay, trầm ngâm một lúc rồi nói: “À! Được cứu rồi, được cứu rồi.”

Vừa nghe thấy câu “Được cứu rồi”, vị phu nhân liền đứng phắt dậy, ánh mắt tràn đầy niềm hy vọng, bà nói: “Tiên sinh vừa nói chồng tôi sẽ được cứu ư?”

Tổ Gia nói: “Bát tự của phu nhân vừa hay có thể hỗ trợ cho phu quân. May mà ông ấy lấy được bà, nếu không thì lần này khó tránh được tai họa.”

Đây gọi là Đả trước Long sau.

Vị phu nhân hỏi lại: “Ý tiên sinh là tôi có mệnh vượng phu sao?”

Tổ Gia nói: “Đúng vậy.”

“Vậy làm thế nào mới có thể hóa giải được tai họa này?” Vị phu nhân hỏi dồn.

Tổ Gia trầm ngâm suy nghĩ một lúc rồi nói: “Còn phải xem phu nhân có bằng lòng hay không.”

Bà ta ngẩn người không hiểu: “Sao tiên sinh lại nói vậy, đương nhiên tôi bằng lòng rồi. Dù đánh đổi cả mạng sống, tôi cũng bằng lòng.”

Tổ Gia nói: “Phu nhân quả là một người vợ hiền thực. Ông ấy lấy được bà, thật đúng là phúc phận của ông ấy! Hôm trước ta cũng gặp một trường hợp giống với trường hợp của phu nhân, nhưng người phụ nữ đó vừa nghe thấy việc giải hạn phải dùng đến tiền thì nghi ngờ do dự không quyết. Hây da! Ta không biết phải nói thế nào cho phải, rốt cuộc là tiền quan trọng hay phu quân quan trọng đây. Than ôi!”

Vị phu nhân nói: “Tiên sinh yên tâm. Chỉ cần cứu được chồng tôi, phải bỏ ra bao nhiêu tiền cho tiên sinh tôi cũng bằng lòng. Tôi nào sợ khuynh gia bại sản.”

Nghe bà ta nói vậy, Tổ Gia sa sầm mặt nói: “Phu nhân nói thế là ý làm sao? Sao lại cho tôi tiền? Kẻ hèn này tuy rằng cả đời thanh bần nhưng vẫn hiểu thế nào là hai chữ nhân nghĩa.”

Vị phu nhân vội nói: “Tiên sinh... vừa rồi chẳng phải nói muốn giải hạn thì cần đến tiền sao?”

Tổ Gia tức giận nói: “Phu nhân coi khinh ta quá! Ta nói dùng tiền giải hạn, ý bảo phu nhân bỏ tiền ra lo cho chồng chứ không phải cho ta tiền. Trong mệnh cục phu nhân, Quan tinh bị Tài tinh khắc chế triệt để, chỉ có bỏ tiền ra mới có thể giải cứu được Quan tinh, như thế phu quân bà mới trở về được, cho nên ta bảo bỏ tiền ra là ý như vậy. Nhưng không thể vung tiền tùy tiện được, mà phải dùng để công đức,

như vậy vừa đạt được mục đích tiêu tiền, vừa giúp chồng tích đức hành thiện, đúng là nhất cử lưỡng tiện.”

Bà phu nhân liền hỏi dồn: “Làm thế nào mới có thể tích công đức đây?”

Tổ Gia trả lời: “Phu nhân nhìn xem, cây cầu nối liền với Nam Trấn đã bị xuống cấp, hư hỏng nhiều năm. Mỗi ngày người dân đi đi về về bên đó, có lúc còn có lái buôn đánh xe ngựa chạy qua cầu, rất nguy hiểm, nên sớm trùng tu, phu nhân quyên góp một khoản để sửa chữa cây cầu chính là đã giúp chồng giải hạn, hơn nữa lại tạo phúc đức cho người dân. Người xưa có câu, xây cầu sửa đường, công đức vô lượng. Như vậy thật tốt biết bao!”

Không chờ vị phu nhân kia lên tiếng, Vương Gia Hiền đứng dậy trước, cúi gập người trước Tổ Gia, khước mắt đỏ hoe, làm ra vẻ như mới được thụ giáo đạo lý cao siêu gì đó, hấn nói: “Tiên sinh quả thật là người có tấm lòng từ bi, vãn sinh cảm kích vô cùng!”

Vị phu nhân nói: “Tiên sinh quả thật là người có tấm lòng từ bi! Vậy xin hỏi tiên sinh cần khoảng bao nhiêu tiền?”

Tổ Gia nói: “Việc này quả thực ta cũng không biết, phu nhân thử hỏi lính bảo an địa phương xem sao. Quyên góp tiền cho họ, họ sẽ tự cho người sửa chữa lại cây cầu.”

Vị phu nhân vui mừng nói: “Như vậy sẽ giải được hạn cho chồng tôi đúng không?”

Tổ Gia quả quyết nói: “Chắc chắn giải được! Phải thành tâm, không được làm qua quýt cho xong chuyện.”

Vị phu nhân gật đầu nói: “Nhất định, nhất định rồi! Tiên sinh, tôi đã quấy quả làm mất nhiều thời gian của ngài, tôi... tôi phải trả cho tiên sinh bao nhiêu tiền?”

Tổ Gia lắc đầu: “Phu nhân đang lúc khó khăn, ta chẳng qua chỉ dựa vào chút khả năng giúp phu nhân bớt đi phiền não, vậy mà lại đi lấy tiền khác nào để phu nhân chê cười?”

Vị phu nhân càng cảm thấy bối rối nói: “Vậy tôi phải làm thế nào

để tạ ơn tiên sinh đây, ngài đã phải lao tâm khổ tứ vì việc của tôi, tôi...”

Tổ Gia nghe xong phe phẩy tay áo, rồi chỉ tách trà trên bàn nói: “Được hóng gió lành, nhấp chén trà lạt là đã đủ rồi, đủ rồi!” Nói xong liền uống một hơi cạn sạch rồi phẩy tay áo bỏ đi.

Nhìn theo bóng Tổ Gia mãi đằng xa, vị phu nhân thở dài một tiếng: “Thói đời bạc bẽo, lòng người chẳng được như xưa, nào hay hôm nay gặp được vị lão tiên sinh đây mới biết tình người vẫn nồng ấm.”

Vương Gia Hiền hòa theo: “Từ trước tới nay, lão tiên sinh vẫn luôn xem thường đồng tiền, người như vậy trên đời này đâu còn được mấy người.”

Sau đó, vị phu nhân này đã bỏ ra một khoản tiền lớn để tu sửa lại cây cầu, tên lính bảo an đứng ra nhận tiền đó thực chất đã bị Tổ Gia mua chuộc từ trước. Số tiền dùng để tu sửa cầu chỉ là một phần nhỏ, phần còn lại được chia đều cho Tổ Gia và tên lính kia. Còn việc Tổ Gia bói ra được tướng mạo của chồng bà ta, đều nhờ những thông tin do Vương Tổ Hiền thu thập từ trước khi dàn cục, anh ta đã lên quan sát những bức ảnh treo trên tường. Phu nhân đó một lòng lo lắng đến việc an nguy của chồng, nên đâu có biết trò mè oé đó.

Tôi rất khâm phục những thủ đoạn, mảnh khóc của Tổ Gia, ông đã vận dụng cả Thiên và Long, biến mình trở thành một bậc đại đức trong mắt thiên hạ. Về sau, tôi từng hỏi Tổ Gia: “Ngộ nhớ chồng bà ta không trở về thì sao?”

Tổ Gia mắng tôi đầu óc bả đậu, ông nói: “Vấn đề không phải là sợ chồng bà ta không về, mà sợ chồng bà ta quay về ấy, chẳng may lão ta về được mới gay. Còn không chẳng có gì phải sợ, một quả phụ không chồng thì có thể làm gì được cậu? Đầu óc bả đậu, không chịu động não!”

Lúc đó tôi mới ngộ ra, vội hỏi: “Nếu chồng bà ta quay về, đến tìm chúng ta gây chuyện, thì phải làm thế nào?”

Tổ Gia nói: “Cứ đi ắt sẽ có đường, việc gì chẳng có cách giải quyết chứ. Làm A Bảo mà cứ sợ bóng sợ gió, chẳng bằng về nhà chăn lợn

cho rồi.”

Về sau, Vương Gia Hiền ba lần bảy lượt chạy đến nhà vị phu nhân đó, Tổ Gia thấy có điều gì đó không ổn, nên trong một lần họp Đường khấu, ông nói: “Tiền đã ôm được về rồi, đừng có đòi ôm thêm thứ khác, tham lam tất sẽ gây ra họa đấy.”

Lời của Tổ Gia dọa cho Vương Gia Hiền sợ toát mồ hôi hột, hắn nói: “Con hiểu, con hiểu rồi.”

Sau này, có lần tôi và Vương Gia Hiền cùng ngồi uống rượu, tán chuyện với nhau. Vương Gia Hiền nói anh ta đã rung động trước vị phu nhân đó. Đang lúc bà ta chơi với không có chỗ dựa, nhờ vào khả năng am hiểu tâm lý phụ nữ, cộng thêm tướng mạo và thủ đoạn, không đầy một tháng sau, chắc chắn có thể có được bà ta trong tay. Thực ra, anh ta cũng chẳng muốn tính chuyện lâu dài, chỉ muốn được ngủ với bà ta một đêm, rồi rút êm.

Anh ta nói đó là một phụ nữ trí thức, đàn ông đứng đắn, am hiểu thơ ca, chính là mẫu người anh ta thích. Tôi hỏi: “Anh thường xuyên qua lại chốn lầu xanh, vậy mà vẫn có nhã hứng và khẩu vị tao nhã đến thế sao?” Anh ta trả lời rằng: “Các cô gái lầu xanh dù có xinh đẹp nhường nào cũng chỉ là cái bì thịt, qua tay đủ hạng đàn ông. Sao có thể so sánh với người phụ nữ con nhà gia giáo được?”

Cuối cùng Vương Gia Hiền cũng uống đến độ say khướt, luôn miệng lảm nhảm: “Quân tại Tương giang đầu, Thiếp tại Tương giang vĩ, tương tư bất tương kiến, đồng ầm Tương giang thủy²...” Rồi sau đó mê man ngủ thiếp đi.

Tôi biết, Vương Gia Hiền là người có tâm theo đuổi mục tiêu rất lớn, có tài nhưng chưa gặp thời, cuối cùng bất đắc chí phải đem tài năng thi triển trong hàng ngũ A Bảo, hắn anh ta rất đau lòng. Kỳ thực, A Bảo nào cũng vậy, chỉ biết sống tạm sống bợ, mượn rượu giải sầu, chơi bời trăng hoa cho qua ngày. Sau những cuộc vui, họ cũng cảm thấy thương thay cho mình, thấy rõ một tương lai không lối thoát. Ai chẳng muốn sống một cuộc sống đàn ông, lấy vợ sinh con, sống yên ổn cho đến tuổi già, con trai con gái đề huề, được vậy sẽ hạnh phúc biết bao. Nhưng các A Bảo làm gì có được thứ hạnh phúc xa xỉ đó, họ sống say sưa trong mộng mị bởi lòng tham muốn vật chất, nó đã đục khoét thân thể, đục khoét tâm hồn, vẽ hào nhoáng bề ngoài

mãi mãi không thể che giấu được đôi tay đã nhúng chàm và sự tự ti trong lòng. Đêm đến, A Bảo cũng thường hay nghĩ, nhớ đến bản thân mình khi còn trong sạch, tự chất vấn mình rằng nếu ta không đi theo con đường này thì có lẽ đã trở thành một con người khác...

Hôm nay, Vương Gia Hiền phong độ ngời ngời, kinh luân một bụng cuối cùng cũng đã ngoi lên đến vị trí Bá đầu. Kể từ đó, mọi người đều gọi anh ta là Thất gia.

ĐỆ NHẤT ÁM SÁT TRUNG QUỐC

Từ tháng 9 năm 1948, cuộc chiến tranh giải phóng bước vào giai đoạn quyết chiến mang tầm vóc chiến lược, đến đầu năm 1949, chiến dịch Bình Tân kết thúc, quân chủ lực Quốc dân Đảng cơ bản bị tiêu tan, hầu hết các vùng từ sông Trường Giang đổ về phía Bắc đều đã được giải phóng. Chương môn Tuyết Manh Thảo là Tiền Diệu Lâm bị dồn vào thế chân tường, cuối cùng đành phải từ bỏ địa vị Đại Sư bá, đến cậy nhờ Tổ Gia.

Nhưng, một núi không thể có hai hổ, giống như Tống Giang và Tiều Cái ở Lương Sơn Bạc, cuối cùng cũng phải có một người cầm đầu. Mặc dù Tiền Diệu Lâm cam tâm tình nguyện cúi đầu xưng thần, nguyện làm một Bá đầu dưới tay Tổ Gia, nhưng bảy vị Bá đầu dưới tay Tổ Gia đâu thể để lão ta làm vậy. So về tuổi tác, Tiền Diệu Lâm còn lớn tuổi hơn cả Tổ Gia. Lão ta nham hiểm gian xảo, từng có tà tâm bất chính với Giang Phi Yến – Trưởng môn nhân Nam phái. Nếu không nhờ có Tổ Gia ra mặt điều đình, e rằng đã xảy ra một trận huyết chiến giữa hai Đường khẩu.

Nghe Nhị Bá đầu nói, Giang Phi Yến lớn hơn Tổ Gia một tuổi, Tổ Gia tôn trọng bà ấy nên gọi là Yến tỷ. Khi Kiều Ngũ Muội chết, bọn Hắc bang trong vùng đến phá rối, Tổ Gia dẫn theo các anh em đích thân đến dàn xếp. Sau khi Tiền Diệu Lâm nương nhờ Tổ Gia, Giang Phi Yến đã gửi riêng cho ông một bức thư, nhắc nhở Tổ Gia phải cẩn thận đề phòng con người này.

Vì thế, mọi người luôn cảnh giác trước sự xuất hiện của Tiền Diệu Lâm. Mọi ánh mắt đều đổ dồn về phía Tổ Gia.

Không khí trong Đường khẩu có phần gượng gạo, nhìn bề ngoài có vẻ như vẫn giữ được hòa khí, nhưng thực tế nguy cơ trùng trùng.

Đặc biệt sau khi Vương Gia Hiền lên làm Thất Bá đầu, Nhị Bá đầu luôn cảm thấy khó chịu. Mỗi quan hệ với Tam Bá đầu ngày càng căng thẳng hơn, cộng thêm việc đột nhiên trong Đường khẩu xuất hiện thêm lão Tiền Diệu Lâm này nữa. Mặc dù hẳn nói muốn làm một Bá đầu dưới tay Tổ Gia, nhưng Tổ Gia không thể làm vậy. Tiền gia vẫn là Tiền gia, Đại Sư bá vẫn là Đại Sư bá. Đợi qua thời gian này, khi điều kiện cho phép, Tổ Gia sẽ lại giúp ông ta lập một Đường khẩu khác. Như vậy, Đường khẩu vô duyên vô cớ lại có thêm một Đại Sư bá, mỗi khi họp Đường khẩu, Tiền Diệu Lâm luôn ngồi bên cạnh Tổ Gia, thỉnh thoảng Tổ Gia còn nghe theo ý kiến của lão ta, khiến các Bá đầu đều cảm thấy chướng mắt.

Khoảng thời gian đó, mỗi lần họp Đường hội, Tổ Gia thường bảo tôi ở lại pha trà cho ông. Không một ai bận tâm đến chuyện này, họ đều biết tôi vừa đàn vừa ngốc, nên chẳng ai đề phòng.

Tổ Gia rất am hiểu trà đạo, mỗi lần thưởng trà, chỉ cần một khác biệt nhỏ là ông nhận ra ngay. Có lần, khi pha trà tôi hơi phân tâm một chút, sau khi nhấp một ngụm, ông nói: “Đại Đầu, lần này con để tâm đi đâu vậy?”

Tôi cảm thấy Tổ Gia là người vô cùng tinh tế, chỉ cần nhấp một ngụm trà ông cũng có thể nhận ra được tâm của người pha trà lúc đó đang tĩnh hay phân tâm. Khoảng thời gian đó, lần nào chúng tôi cũng uống trà đến tận khuya, ông không ngủ được, nên thường hay uống trà, tôi thấy rõ một điều rằng ông đang trăn trở vấn đề gì đó.

Có lần, Tổ Gia và tôi đàm luận đôi chút về việc của Đường khẩu. Thực ra tôi có nói cái gì cũng không ảnh hưởng đến ai cả, mọi người đều biết tôi ngốc nghếch, chẳng biết giở trò ma mãnh. Nếu đổi lại là người khác, ngày nào cũng trò chuyện với Tổ Gia đến tận khuya, chắc chắn khó tránh khỏi bị mọi người sinh nghi, ít nhất cũng sẽ sinh lòng đố kỵ. Bởi vậy, ngốc cũng có cái hay của ngốc, một tên ngốc không đòi hỏi tham vọng, chẳng phải bận lòng bất cứ điều gì. Ngốc, đôi khi cũng là một bức bình phong bảo vệ cho bản thân mình.

Một tối, Tổ Gia hỏi tôi: “Con thấy tình hình Đường khẩu hiện nay thế nào?”

Tôi không hiểu ý Tổ Gia, ấp úng không dám nói.

Tổ Gia nói: “Đại Đầu, cứ nói đi! Chuyện hai chúng ta nói, chỉ có ta và con biết.”

Được Tổ Gia mở lời, tôi thu hết can đảm nói: “Tổ Gia, có vài chuyện con không hiểu, không biết tại sao sư phụ lại làm như vậy?”

Tổ Gia mỉm cười, nói: “Nói tiếp đi.”

Tôi quay sang nhìn ông, run run nói: “Ví dụ như sư phụ không nên cho Tiền gia ở lại, càng chẳng cần để cho ông ta ngồi ngang hàng khi họp Đường hội. Mặc dù đều là anh em, nhưng dù sao cũng không phải người trong cùng một Đường khẩu, để ông ta biết hết những việc lớn nhỏ của Đường khẩu thì không hay cho lắm. Ngoài ra, sư phụ cũng không nên để cho Vương Gia Hiền lên làm Thất gia nhanh như vậy. Vì Tiên Nhân Thủ vừa mới chết, Nhị gia vẫn còn rất đau lòng, làm như vậy sẽ gây nên mối bất hòa trong nội bộ Đường khẩu...”

Nói xong, tôi không dám ngẩng đầu lên, sợ nói gì đó mạo phạm sẽ khiến Tổ Gia tức giận.

Tổ Gia cười ha hả, nói: “Đại Đầu, nếu như con là ta, con mong các anh em trong Đường khẩu đoàn kết một lòng, hay mong họ có bức tường ngăn cách?”

Tôi đáp: “Đương nhiên là đoàn kết một lòng rồi. Mọi người cùng chung sức chung lòng, như vậy mới làm tốt mọi việc được.”

Tổ Gia lắc lắc đầu, cười gượng, nói: “Đúng vậy! Chung sức chung lòng, đúng là làm được việc, nhưng cũng dễ làm hỏng việc.”

Lúc đó, tôi không hiểu được câu Tổ Gia nói có ý gì, mãi sau này xảy ra việc bốn Bá đầu liên thủ hưởng hương tôi mới ngộ ra được chân lý trong đó. May mà chỉ có bốn vị Bá đầu tạo phản. Nếu như cả bảy vị Bá đầu cùng tạo phản thì Tổ Gia coi như xong đời. Lúc đó, tôi chợt nhớ đến cuốn Thiên Gia Đấu của Tiểu Nhân Thư mà tôi từng đọc khi còn nhỏ, trong đó có câu: “Tự cổ thần tử bất đấu, Hoàng đế yên năng tọa an ổn³?” Tổ Gia quả rất sáng suốt!

Tổ Gia không trả lời tôi về vấn đề liên quan đến Tiền Diệu Lâm, xem ra khi đó vẫn chưa phải lúc.

Trong thời gian đó, Lục Bá đầu Phong Tử Thủ cũng rất ít khi đi ra ngoài, luôn ở bên cạnh Tổ Gia như hình với bóng. Người trong Đường khẩu đều biết công việc chủ yếu của Phong Tử thủ là phụ trách khâu liên lạc với người dân mỗi và giới Hắc đạo. Nếu anh ta không đi ra ngoài, cứ rình phục ở Đường khẩu, điều này chứng tỏ trong nội bộ Đường khẩu đang có vấn đề rồi.

Phong Tử Thủ vốn là người trong Phủ Đầu bang của Vương Á Tiều. Từ nhỏ, anh ta đã nghe quen tai, nhìn quen mắt bao nhiêu chuyện trong giang hồ, nên rất can đảm, nghĩa hiệp, luôn giúp đỡ người khác, khí tiết chính trực, nghiêm nghị. Phải khó khăn lắm Tổ Gia mới thu nạp được anh ta về dưới trướng của mình. Việc này cần phải kể bắt đầu từ ông cụ Trương Đan Thành.

Khi Trương Đan Thành chết, Vương Á Tiều đến chia buồn, đem theo một món tiền phúng viếng khá lớn. Người tinh ý thoát nhìn biết ngay Cử gia đến để chống lưng cho Tổ Gia. Trước khi Trương Đan Thành chết, ông ta đã dốc hết tâm sức dạy bảo Tổ Gia, hơn nữa còn căn dặn cả Chu Chấn Long, Đồ Nhất Minh phải hết lòng phò tá. Nhưng giang hồ hiểm ác, khi đó Tổ Gia cũng chỉ là một chàng trai hơn 20 tuổi, muốn chèo lái một Đường khẩu, không những phải trấn giữ được nội bộ, mà đối với bên ngoài càng cần phải giữ được mối quan hệ bền vững với cả hai giới Hắc-Bạch. Bởi vậy, Trương Đan Thành mấy lần viết thư cho Vương Á Tiều, nhờ ông ta dìu dắt Tổ Gia.

Ở Trung Quốc, muốn biết một kẻ có máu mặt hay không chỉ cần nhìn vào mối quan hệ của người đó, muốn biết người chống lưng lớn cỡ nào thì cứ việc trông vào đám cưới hay đám ma xem có những nhân vật như thế nào xuất hiện. Vương Á Tiều không những đích thân đến, mà còn mang theo cả đồng tiền. Người trong giới chỉ thoát nhìn là hiểu ngay đôi ba phần.

Đương nhiên Tổ Gia hiểu rõ việc này. Sau khi Trương Đan Thành chết, năm nào Tổ Gia cũng đến thăm Vương Á Tiều. Ông từng nói với các anh em trong Đường khẩu không biết bao nhiêu lần rằng: “Cử gia (chỉ Vương Á Tiều) đúng là một vị anh hùng. Cứ trong mười người có được một, hai người như Cử gia thì đất nước Trung Quốc không thể bị diệt vong.”

Năm 1935, Tổ Gia đến thăm Vương Á Tiều, cũng là lần đầu tiên gặp mặt Phong Tử Thủ. Khi đó, Phong Tử Thủ mới 14 tuổi. Lúc đó

anh ta vẫn chưa được gọi là Phong Tử Thủ, Vương Á Tiều gọi anh ta là Tiểu Lục Tử. Tổ Gia thấy cậu nhóc này tuy nhỏ tuổi, nhưng ánh mắt lạnh lùng nghiêm nghị, dáng điệu cử chỉ toát lên vẻ điềm tĩnh và cương nghị, thoạt trông đã biết ngay là con nhà võ.

Mấy năm nay, Tổ Gia luôn mang một nỗi bận tâm lớn trong lòng. Đó chính là việc cứ mỗi lần người của Đường khẩu và bọn người “trong giới” xảy ra va chạm, ông luôn phải đích thân đến nhờ cậu Vương Á Tiều giúp đỡ, vô cùng phiền phức, nên bản thân ông cảm thấy rất áy náy. Ông muốn cuôm lấy một người từ chỗ Vương Á Tiều về với mình, như vậy mối quan hệ giữa hai Đường khẩu sẽ càng thêm gắn bó hơn. Một khi cần dàn xếp việc gì, Tổ Gia không cần đích thân ra mặt nữa, chỉ cần phái người này đi là được. Vì đây là việc của chung của cả Đường khẩu, thân đã là người của Đường khẩu thì không thể đùn đẩy trách nhiệm sang cho người khác được.

Nhưng vấn đề ở chỗ, nếu trực tiếp đòi cuôm mất kẻ tâm phúc của Vương Á Tiều, chưa cần nói Vương Á Tiều có đồng ý hay không, mà bản thân Tổ Gia cũng chẳng dám mở miệng. Mặt khác kẻ tâm phúc đã thề chết đi theo Vương Á Tiều kia cũng sẽ không chịu đi theo Tổ Gia, hoặc có thể hẳn còn chẳng coi Tổ Gia ra gì. Cho nên, Tổ Gia muốn tìm một người thích hợp giúp mình trong chuyện này. Còn về tiêu chuẩn tìm người, cũng không cần phải tìm người có máu mặt và từng trải, nhưng phải thuộc diện có nền móng chắc, tức chỉ cần nhắc đến bậc cha chú của anh ta là đã có thể khiến cho người trong giang hồ nể sợ vài phần, như vậy là đã đạt được mục đích ban đầu. Người này được trưởng thành trong mạng lưới quan hệ của bậc cha chú, bất cứ lúc nào cũng tận dụng được những mối quan hệ đó. Sau này lớp người đi trước rửa tay chậu vàng, lui về ở ẩn, anh ta có thể kế tục, dốc hết tài năng, đắc dụng cho mình.

Hôm đó, Tổ Gia vừa gặp đã nhắm ngay Tiểu Lục Tử, ông ướm lời hỏi Vương Á Tiều: “Cửu gia, cậu này là...”

Wương Á Tiều cười nói: “Đây là cháu ruột một người huynh đệ của ta, nó tuy còn nhỏ nhưng khá đấy. Luyện võ từ khi còn để chỏm, tinh thông Tông Hạc quyền, Bát Quái, Hồng Quyền và cũng rất giỏi Kinh Công.”

Tổ Gia ngẫm nghĩ một lát, rồi không kìm nén được liền chấp tay nói với Vương Á Tiều: “Cửu gia, tiểu đệ có một việc muốn thỉnh cầu,

không biết có nên nói ra không?”

Vương Á Tiều cười: “Hiền đệ muốn nói đến Tiểu Lục Tử?”

Tổ Gia không khỏi ngỡ ngàng, nhưng cũng nói thẳng vào vấn đề không dám giấu giếm: “Người quân tử không nên hót tay trên người khác, nhưng Đường khẩu gần đây nhân tài như lá mùa thu, tiểu đệ đúng là đang khao khát cầu người hiền tài. Đệ thấy vị tiểu huynh đệ này đúng là một nhân tài có một không hai, lại là thế hệ sau trong Đường khẩu của Cửu gia, tất được Cửu gia dạy bảo đến nơi đến chốn, trọng tình trọng nghĩa, tiểu đệ có muốn cũng chẳng được.”

Vương Á Tiều cười ha hả nói: “Giữa huynh đệ chúng ta, đệ không cần phải dùng cách Long với ta, cứ nói thẳng là muốn có nó là được.”

Với Vương Á Tiều, quả thật Tổ Gia vẫn còn hơi non nớt, lại bị nói trúng tâm nguyện như vậy, mặt ông đỏ bừng. Nhưng được lời như cởi tấm lòng, ông đi thẳng vào mục đích: “Dám xin Cửu gia đồng ý!”

Vương Á Tiều nói: “Ta thì không có ý kiến gì, vấn đề là bản thân nó kia, thằng bé này khá cứng đầu đấy.” Nói đoạn, liền vẫy Tiểu Lục Tử lại hỏi: “Tiểu Lục Tử à! Vị Đại Sư bá đây muốn thu nạp ngươi, ngươi có muốn đi theo ông ấy không?”

Tổ Gia khi đó mới hơn 30 tuổi, Tiểu Lục Tử liếc nhìn Tổ Gia một cái nói: “Ông có bản lĩnh gì?”

Tổ Gia cười cười, vặn lại: “Vậy ngươi có bản lĩnh gì?”

Tiểu Lục Tử nhếch mép, nói: “Tôi có thể tránh được đường đạn”. Cậu ta nói là có thể tránh được đạn, thực ra không phải là cậu ta có thể chạy nhanh hơn cả viên đạn. Ý cậu ta chỉ là cậu ta nhanh nhẹn, nhạy bén, có thể đoán được chính xác đường đạn mà người ta sẽ bắn nên trước khi đối phương bóp cò, cậu ta đã vận sức dưới chân, chạy thoát trước một bước. Có một lần, cậu ta theo thúc thúc đi hành thích, kết quả là bị đối phương bắn lại, thằng nhóc này cứ nhảy lên nhảy xuống thoăn thoắt như con thoi, không viên đạn nào bắn trúng được nó.

Tổ Gia nhìn quanh, thấy trên bàn có một đĩa dương mai liền cầm lấy vài quả, mỉm cười nói: “Như thế này đi, nếu cậu có thể né được

mấy quả dương mai này thì ta sẽ không thu nhận cậu nữa. Nếu cậu không né được thì hãy ngoan ngoãn đi theo ta.”

Tiểu Lục Tử vừa nghe thấy thế đã tức đỏ mắt, thâm nghĩ đúng là khoác lác, liền xắn ống quần, vén tay áo lên, hùng hổ nói: “Nào chúng ta bắt đầu đi!”

Vương Á Tiều ngồi bên cạnh cứ lim dim mắt cười.

Tổ Gia nói: “Chờ chút đã.”

Tiểu Lục Tử sững lại: “Sao, ông sợ rồi à?” Tổ Gia đếm mấy quả dương mai trong tay, nói: “Tất cả có năm quả, ta ra thêm một điều kiện, nếu trong số năm quả này mà có một quả không trúng thì coi như ta thua!”

Tiểu Lục Tử nghe thấy tức đến nổi hơi phì cả ra qua lỗ mũi: “Đừng lái nhái nữa! Nào! Chơi!”

Tổ Gia vừa dùng chiêu khích tướng cho cậu ta mất bình tĩnh, sẽ khiến chân tay loạng quạng, cậu ta càng nóng vội, Tổ Gia càng điềm tĩnh, bình thản. Tổ Gia nắm chắc mấy quả dương mai, lắc lắc trước ngực, tay vận lực, đột nhiên cánh tay vung lên một cái, ông hét lớn một tiếng: “Đỡ này!”

Tiểu Lục Tử cứ nhìn chăm chăm xem Tổ Gia ra chiêu gì, vừa thấy cánh tay ông vung lên, cậu ta liền cúi giật đầu xuống, rồi lập tức xoay người một vòng, tránh sang một bên, rồi lập tức đứng thẳng người trở lại thì phát hiện ra chẳng có cái gì đánh trúng người mình. Vừa định sung sướng hét lên thì Tổ Gia vẩy tay một cái, một quả dương mai bay vù ra, trúng ngay trán. Lực đủ mạnh khiến quả dương mai đỏ choét kia nát bét dính trên trán Tiểu Lục Tử. Thì ra vừa rồi Tổ Gia chỉ phát hư chiêu chứ không hề ném quả nào cả, đợi sau khi Tiểu Lục Tử xoay người né tránh rồi đứng yên, ông mới ném thật.

Tiểu Lục Tử gào lên: “Ông chơi xấu! Vừa rồi ông không...”

Chưa nói dứt lời, Tổ Gia lại hất tay một cái: “Lại trúng rồi!” Lần này còn nhanh hơn, mạnh hơn nữa. Vù một cái, một quả trúng ngay họng Tiểu Lục Tử. Cổ họng như có vật gì chẹn ngang khiến Tiểu Lục Tử phát ra một tiếng “ự”, đến nói cũng không nói được.

Tổ Gia lại vẩy tay lần nữa, lần này cả ba quả dương mai cùng bay ra một lúc, Mặc dù Tiểu Lục Tử ra sức né tránh, nhưng một quả vẫn trúng ngay giữa ngực, còn hai quả kia trúng vào bụng.

Vương Á Tiều cười ha hả, nói với Tổ Gia: “Không ngờ lão đệ còn có bản lĩnh này, nếu ta không lầm thì đây chính là tuyệt kỹ của Đồ Nhất Minh!”

Tổ Gia chấp tay: “Đã khiến Cửu gia chê cười rồi. Đây chính là tuyệt kỹ do lão tiên bối Nhất Minh truyền thụ.”

Lúc này, Tiểu Lục Tử đứng bên cạnh hậm hực, tay xoa xoa cổ họng, trông có vẻ vẫn còn chưa hạ hỏa.

Vương Á Tiều mỉm cười nói với Tiểu Lục Tử: “Còn nhìn cái gì, người thua rồi. Mấy quả dương mai vừa rồi, quả nào cũng bắn trúng vào chỗ hiểm, nếu ông ấy dùng phi đao hoặc đinh sắt thì nhà người xong đời rồi.”

Tiểu Lục Tử nhếch miệng nói: “Ông ta chơi xấu.”

Vương Á Tiều nói: “Giang hồ giết nhau, chưa bao giờ xuất chiêu theo một quy tắc, luật lệ nào cả, Thắng làm vua thua làm giặc, thua thì phải nhận thua. Đến Đường khẩu của Tổ Gia, người phải ngoan ngoãn nghe lời ông ấy, giữ cho tròn bốn chữ nhân, nghĩa, lễ, tín, không được thiếu sót một chữ. Nếu không, ta sẽ không tha cho người”. Câu này là nói Tiểu Lục Tử, nhưng cũng là dành cho Tổ Gia. Vương Á Tiều tuy lên núi làm cướp, nhưng một đời chính trực lắm liệt. Bây giờ ông ta giúp đỡ Tổ Gia đấy, nhưng một khi Tổ Gia dám đi chệch đường, chắc chắn ông ta sẽ là người đầu tiên tiêu diệt Tổ Gia.

Tổ Gia nghe thấy thế vội đứng lên hành lễ: “Tạ ơn Cửu gia!”

Tiểu Lục Tử nói: “Tôi sẽ theo ông, nhưng với một điều kiện.”

Vương Á Tiều sầm mặt nói: “Quân tử nhất ngôn, đừng có quanh co, lấp liếm.”

Tổ Gia vội lên tiếng: “Không sao cả, không sao. Cậu cứ nói xem điều kiện gì nào?”

Tiểu Lục Tử nói: “Ông phải dậy tôi trò ném này.”

Tổ Gia và Vương Á Tiều nhìn nhau cười ha hả. Thế là Tiểu Lục Tử đi theo Tổ Gia như vậy đó. Về sau, ở Đường khẩu, anh ta được Tổ Gia chuyên tâm dạy bảo. Cuối cùng anh ta cũng có thể một mình đảm đương một trọng trách. Nhờ giỏi quyền thuật, lại giỏi khinh công, Tiểu Lục Tử chuyên đảm nhiệm việc qua lại với giới Hắc đạo và thường được điều đi nghiên cứu địa hình trước khi dàn cục. Anh ta như một con ngựa không biết mệt mỏi, cho nên Tổ Gia gọi anh ta bằng cái tên rất hay là Phong Tử Thủ.

Phong Tử Thủ đến Đường khẩu được hai năm thì Vương Á Tiều bị ám sát. Phong Tử Thủ đau buồn khóc suốt cả đêm, muốn lập tức ám sát lại kẻ đó để báo thù, nhưng bị Tổ Gia cương quyết ngăn cản! Tổ Gia nói: “Người đấu được với người của Cục Quân thống ư? Cửu gia là vua ám sát bậc nhất ở Trung Quốc, cuối cùng vẫn chết trong tay chúng, người muốn đâm đầu vào chỗ chết sao? Cửu gia đã giao người cho ta, với tư cách là Đại Sư bá, ta không cho phép người đi.”

Tuy ngoài miệng nói cứng như vậy, nhưng trong lòng Tổ Gia rất buồn. Với ông, người mà ông khâm phục nhất trong cuộc đời chính là Cửu gia Vương Á Tiều, hơn nữa, Cửu gia còn nhiều lần đưa tay cứu vớt, trợ giúp khi Tổ Gia gặp nguy. Tổ Gia cũng muốn báo thù, nhưng đối thủ lần này lại là Quân thống nên ông không dám hành động khinh xuất, lỗ mǎng.

Đúng lúc này, xuất hiện một vị Đại Sư bá khác ở vùng đất Giang Hoài, hai vị Đại Sư bá này đã cùng bắt tay dàn cục. Đó là lần dàn cục mỹ nhân nhuộm màu sinh ly tử biệt.

TÊN ĐẶC VỤ QUÂN THỐNG MÊ TÍN

Vị Đại Sư bá nọ đến tìm Tổ Gia tên thật là Trương Ân Thụy, đồng thời cũng là một nhân sĩ yêu nước. Ngay từ khi còn trẻ ông ta đã ra nhập “Đội tự vệ vũ trang công nhân”. Sau “Chính biến 12 tháng 4”⁴, ông ta thề sẽ noi gương vua ám sát hàng đầu Thượng Hải Vương Á Tiều, quyết không đội trời chung với bọn Quốc dân Đảng. Đội quân của ông ta không lớn, chuyên thông cổ bọn người ác, người xấu, phần lớn số tiền kiếm được đều giao hết lại cho Vương Á Tiều dùng làm kinh phí hoạt động cho các sát thủ. Trước đây, khi Tổ Gia đến thăm Vương Á Tiều, Trương Ân Thụy thường lấy thân phận là người đồng

đạo nhiều lần cùng ra tiếp đón, mối quan hệ giữa ông ta với Tô Gia luôn tốt đẹp. Sau khi Vương Á Tiều chết, ông ta “gác kiếm” một thời gian, đợi tình hình lắng xuống, rồi vội vàng tìm đến Tô Gia bàn chuyện.

Vương Á Tiều là một nhân sĩ yêu nước nổi tiếng thời kỳ cận đại. Ông từng lên kế hoạch ám sát các yếu nhân gây chấn động trong ngoài Trung Quốc như: hành thích Tưởng, giết Tống, hạ Ôn. Sau vụ đánh bom giết chết viên Đại tướng Lục quân Yoshinori Shirakawa của Nhật Bản thì tiếng tăm càng lừng lẫy hơn. Mỗi lần nhắc đến ông, Tưởng Giới Thạch lại nghiêng hàm răng giả kèn kẹt. Một nhân vật lợi hại như vậy cuối cùng lại bị chết bởi tay một người phụ nữ tên là Uyển Quân. Một tay Đới Lạp đã sắp đặt mỹ nhân kế, khiến vua sát thủ một đời kiêu hùng phải xuống thẳng suối vàng.

Tô Gia biết rõ bản thân Đới Lạp là một kẻ rất mê tín, thường tìm thầy tướng số, nhằm tìm cách bổ khuyết cho tình trạng thiếu Thủy trong mệnh cục của mình. Hắn đã chọn dùng đến mấy chục cái tên mang Ngũ hành Thủy như: Ônng Đào, Đồ Thanh Ba, Thẩm Bái Lâm, Hồng Diểu. Hắn phát cuồng lên vì tướng số, nên còn lấy cả những cuốn sách xem tướng, đoán mệnh như Băng giám của Tăng Quốc Phiên, Ma Y tướng pháp của Ma Y đạo nhân để biên soạn thành tài liệu, biến nó thành bài học bắt buộc đối với bọn đặc vụ. Do ảnh hưởng của Đới Lạp, bọn đặc vụ cấp dưới cũng cực kỳ mê tín, dù có việc gì hay không cũng đều đi bái kiến cao nhân, thảo luận về tướng số.

Trương Ân Thụy cũng biết rõ huyền cơ ẩn trong đó, nên nói vụ này rất dễ mà cũng cực kỳ khó dàn cục. Nói dễ là vì bọn đặc vụ của Cục Quân thống đều rất mê tín, dễ dàng tìm được kẻ hở mà đánh thọc vào. Cái khó ở đây là bọn chúng cũng ít nhiều có sự am hiểu về tướng số do ảnh hưởng từ Đới Lạp, trong khi đó phái Giang Tướng lại không phải là thầy tướng số chân chính, mà chỉ là vin vào chiêu bài tướng số để đi lừa người. Cho nên trong quá trình dàn cục, một khi có sai sót về mặt lý luận tướng số sẽ rất dễ khiến cho bọn chúng nghi ngờ. Vấn đề mấu chốt nhất đó là phải dàn cục ở mức độ nào, tức có cần phải dìm chết đối phương hay không. Nhưng muốn dìm chết Đới Lạp e rằng là chuyện quá hoang đường nếu không muốn nói là không thể thực hiện được. Còn hạ sát vài tên đặc vụ quèn thì chỉ tổ gây chuyện lôi thôi, để bọn người Cục Quân thống quay lại về mình, lúc đó tai họa tất sẽ rơi xuống đầu phái Giang Tướng.

Sau khi suy xét cẩn thận mọi tình huống, Trương Ân Thụy nói: “Ôm lấy tiền thôi vậy. Có được tiền rồi sẽ mua súng, mua pháo. Ta phải tập hợp đội ngũ, như vậy mới đọ được với lũ này.”

Tổ Gia gật đầu tán thành. Hai người bàn bạc thống nhất đi đến quyết định, vụ này phải dàn từ kỹ viện.

Trước đây, Tổ Gia cũng từng dàn cục dùng mỹ nhân kế, có vụ cài một vài nữ A Bảo vào làm kỹ nữ để câu bọn quan chức cấp cao hay những thương nhân giàu có. Có vụ còn kết hợp phái những tên A Bảo đóng giả làm những nhân vật có tiền có quyền, đến kỹ viện chòng ghẹo những kỹ nữ ruột mà bọn người kia thường qua lại. Cả hai thủ đoạn này đều có chung một mục đích là moi thông tin, chọn thời cơ xuất Thiên.

Vào thời đó, các kỹ viện là đầu mối thông tin của cả xã hội, bao nhiêu tin tức cơ mật đều được truyền đi từ miệng của đám kỹ nữ. Bất kể là đàn ông hay đàn bà, một khi đã lên giường, lửa tình trôi dạt, đều tự nguyện dốc hết những lời gan ruột ra. Những chuyện bình thường không dám hé răng nửa lời, nhưng một khi đã lên giường rồi thì chẳng có điều gì mà không dám thổ lộ hết.

Chẳng phải đợi lâu, nữ A Bảo mà Trương Ân Thụy cài cắm trong kỹ viện đã bắt tin rằng gần đây có một vài tên quân quan lại thường hay “hạ cố” đến kỹ viện. Lần nào cũng gọi rất nhiều kỹ nữ đến hầu hạ, lại vung tay hào phóng. Hơn nữa chúng còn hay trêu ghẹo các cô gái bằng cách xem tướng tay, tướng mặt, thậm chí còn nói: “Ta chỉ cần nhìn tướng tay là biết cái đó của cô nương bị rách năm nào.”

Tổ Gia đoán chúng rất có thể là bọn đặc vụ của Cục Quân thống, chỉ có người của Cục Quân thống mới quan tâm, hứng thú với đoán mệnh xem tướng. Mà việc chi tiêu của Cục Quân thống lại được các băng nhóm xã hội đen ở Thượng Hải rót tiền, nên bọn chúng tha hồ vung tay quá trán. Đây đúng là một cơ hội tốt để bắt chúng phải “quyên tiền”.

Vì có liên quan đến Vương Á Tiều, Trương Ân Thụy sợ mình có đã có tên trong danh sách đen của Cục Quân thống, nên ông ta không dám tự mình ra tay. Do đó vụ này phải để Tổ Gia đích thân ra mặt.

Theo kế hoạch của Trương Ân Thụy, đầu tiên cho một nữ A Bảo

tên là Hoa Nguyệt Dung đến Phụng Minh lâu giả làm kỹ nữ. Nói đến đây, Trương Ân Thụy không khỏi đau lòng. Cô nương có tên Hoa Nguyệt Dung này mới 20 tuổi, nàng chính là quân át chủ bài của Trương Ân Thụy, dung mạo xinh đẹp như hoa. Từ nhỏ gia cảnh bần hàn, gia đình phải bán nàng cho một gánh hát. Khi Trương Ân Thụy đi xem hát kịch, ông ta đã nhắm trúng nàng, chuộc ra, rồi nhanh chóng huấn luyện nàng trở thành nữ A Bảo. Từ đó, Hoa Nguyệt Dung trở thành trợ thủ đắc lực của Trương Ân Thụy. Vốn dĩ Trương Ân Thụy định lấy Hoa Nguyệt Dung, nhưng vì nghĩ đến thân phận Đại Sư bá của mình và sợ mất thể diện với các huynh đệ nên chưa chính thức cưới nàng. Thực ra, mấy huynh đệ dưới trướng của ông đều biết rõ, những khi chỉ có ông và Hoa Nguyệt Dung thì các huynh đệ đều tự lui xuống hết.

Có lần Hoa Nguyệt Dung hỏi Trương Ân Thụy: “Khi nào người sẽ cưới muội? Chúng ta hãy rời khỏi chốn toàn chuyện thi phi này, để sống một cuộc sống yên bình.”

Mỗi lần như vậy, Trương Ân Thụy chỉ biết ôm nàng vào lòng, dịu dàng nói: “Chắc chắn rồi, ngày đó sẽ chẳng còn xa nữa.”

Trương Ân Thụy đã phải đấu tranh tư tưởng rất nhiều khi quyết định để Hoa Nguyệt Dung ra sân bởi dù gì nàng cũng là người phụ nữ ông yêu thương. Không phải trong Đường khấu không có nữ A Bảo nào khác, nhưng vì họ đều không có đủ tố chất, kể cả những người đã được cài cắm trong thanh lâu. Có người thân thể nồn nà nhưng đầu óc không nhanh nhạy, có người biết nắm bắt thời cơ hành động nhưng lại xấu xí đến trâu cũng phải hỉ mũi. Chỉ có Hoa Nguyệt Dung tài mạo xinh đẹp, lại xuất thân từ gánh hát, học qua diễn kịch, thuộc nhiều ca từ phong hoa tuyết nguyệt, còn biết hát Côn Khúc⁵, giỏi nắm bắt ý tứ người khác qua sắc mặt và lời nói, thoạt nhìn là đoán biết được tình hình. Muốn đối phó được với bọn đặc vụ Quân thống, chỉ còn cách đưa nàng lên sân khấu.

Giống như những người dưới trướng của Tổ Gia, luận về độ tàn độc, Đại Bá đầu đứng đầu hàng, giết người không chớp mắt; luận về Trát phi, Nhị Bá đầu độc chiếm “trạng nguyên”, việc chui vào quan tài đánh một giấc với người chết chẳng phải là việc gì ghê gớm với ông ta. Nói về tài năng và học vấn, không ai lại được Tam Bá đầu, anh ta am hiểu thiên văn địa lý, âm dương, bát quái, không có thứ gì là không biết. Còn cả Tứ Bá đầu, Ngũ Bá đầu, Lục Bá đầu, ai cũng có

tuyệt kỹ riêng, nhưng xét về tố chất tổng hợp, thì không có ai bì được với Tổ Gia. Cho nên, lần dàn cục này Tổ Gia phải đích thân ra tay.

Sau khi Hoa Nguyệt Dung vào Phụng Minh lầu thì tối hôm sau có mấy tên đặc vụ đến. Mụ tú bà dẫn các cô gái đứng thành một hàng. Bọn đặc vụ chọn vài người nhưng không hài lòng lắm, sau đó chúng hỏi: “Còn ai khác không?”

Mụ tú bà đeo một nụ cười gian ngoa trên mặt nói: “Trưởng quan, chỗ tôi vừa hay có một cô nương mới đến. Nàng vốn là tiểu thư khuê các, nhưng do gia cảnh sa sút, mới lưu lạc đến chốn thanh lâu này...”

Mụ tú bà còn chưa dứt lời, mấy tên đặc vụ đã nhao nhao lên: “Còn không mau gọi ra đây!”

Mụ tú bà lại cười: “Các vị trưởng quan vội gì chứ, cô nương này đã có lời hứa nhủ. Trước cửa phòng nàng cho dán một vế đối, ai có thể đối được, nàng ấy mới chịu tiếp, bằng không...”

Một tên đặc vụ bực mình: “Mẹ nó chứ! Một con kỹ nữ lại còn bày trò lắm chuyện. Để ông mày lôi cổ nó ra đây.” Nói xong hất xách súng định đi lên lầu.

Lúc này, một tên đặc vụ chừng 40 tuổi lên tiếng: “Đứng lại! Không có tố chất gì cả! Năm xưa tướng quân Sái Ngạc và Tiểu Phụng Tiên từng ngâm thơ đối đáp tại chốn thanh lâu, đã trở thành một giai thoại. Đừng có động một cái là giở thói cục cằn thô lỗ. Người có hiểu tố chất là gì không hả? Tú bà, đưa ta đi xem, để ta đối lại nàng ấy.”

Tên này chính là đối tượng mà Tổ Gia nhắm đến hạ thủ sau này, hẳn tên là Từ Hoài Cận, Phó Sở trưởng Sở tình báo Quân thống.

Mụ tú bà dẫn Từ Hoài Cận lên tầng hai, đến trước cửa phòng Hoa Nguyệt Dung, hai bên cửa quả đúng có một đôi liễn. Vế trên là: “Âm âm dương dương âm dương bất định phong nguyệt sự.” Còn vế sau chỉ là một tờ giấy trắng, chưa ai đối được.

Từ Hoài Cận trầm tư suy nghĩ một lúc, rồi nói với mụ tú bà: “Mau mang bút mực lại đây.”

Mụ tú bà vội vàng đi lấy bút mực, Từ Hoài Cận xắn tay áo lên, nắm

nót viết vế đối lên tờ giấy trắng theo thể chữ Liễu⁶: “Thiện thiện ác ác thiện ác hữu báo giang hồ nhân.”

Mụ tú bà liếc nhìn, vội vàng gọi to vào trong phòng: “Hoa cô nương, một vị trưởng quan đã đối được vế đối rồi”.

Ngay sau đó, cánh cửa được mở ra, Hoa Nguyệt Dung khấn tay che mặt, yếu điệu thướt tha bước ra. Từ Hoài Cận vừa nhìn thấy nàng, tim đã đập rộn lên. Cô nương này quả xinh đẹp vô cùng, da dẻ nõn nà, duyên dáng yêu kiều, ánh nhìn tình tứ, điệu bộ ra chiều ngó nghiêng, bất cứ người đàn ông nào nhìn thấy nàng đều phải rung động trong lòng.

Hoa Nguyệt Dung nhìn vế đối, rồi khẽ gật đầu, mỉm cười nói: “Mời trưởng quan.”

Từ Hoài Cận cũng nở nụ cười, làm điệu bộ nhún nhường: “Mời cô nương.”

Hoa Nguyệt Dung bước vào, Từ Hoài Cận ném cho mụ tú bà một xấp tiền, nói: “Mau đem rượu và đồ ăn lên đây.” Sau đó xua xua tay bảo mấy tên thủ hạ lui xuống, còn mình thì bước vào trong phòng.

Một lúc sau, người hầu bê lên một chiếc bàn xoay, trên bàn bày một bình rượu Nữ nhi hồng, bốn đĩa thức ăn. Hoa Nguyệt Dung rót một chén rượu cung kính tay nâng ngang mày, Từ Hoài Cận đón lấy chén rượu, rồi nói: “Cảm phiền cô nương. Ta mạo muội xin hỏi cô nương tên gì?”

Hoa Nguyệt Dung trả lời: “Tiểu nữ họ Hoa, tên là Nguyệt Dung.”

Từ Hoài Cận cười nói: “Dung mạo chim sa cá lặn, hoa nhường nguyệt thẹn. Quả đúng là người sao tên vậy.”

Hoa Nguyệt Dung hai má ửng hồng e thẹn: “Trưởng quan chê cười rồi. Thủa nhỏ, mọi người trong gia đình thường gọi tiểu nữ là Nguyệt nhi. Dám hỏi quý tính đại danh của trưởng quan là gì?”

Từ Hoài Cận thoáng chút ngạc nhiên, nói: “Ta họ Từ, nàng cứ gọi ta là Từ Sở trưởng. Nguyệt nhi cô nương, khí chất phi phàm thoát tục, duyên có gì lại lưu lạc đến chốn...” Chợt nhận ra mình đã lỡ lời,

Từ Hoài Cận cố nuốt lại nửa câu sau.

Hoa Nguyệt Dung mỉm cười khẽ nói: “Từ Sở trưởng đâu cần phải quá khách sáo như vậy. Tiểu nữ vốn là người Lâm An, vì gia đình bỗng nhiên gặp cơn biến cố, không còn cách nào khác mới phải đi đến hạ sách này... Giấy rách còn phải giữ lấy lề, tiểu nữ vẫn biết đối cho sạch rách cho thơm, nếu không vì mẫu thân lâm bệnh nặng, không có tiền chữa trị...” Nói đến đây hai hàng nước mắt nóng hổi lăn xuống.

Từ Hoài Cận vội rút khăn tay lau khô nước mắt cho Nguyệt Dung. Hoa Nguyệt Dung nhân đó liền ngã vào lòng hắn.

Từ Hoài Cận nhẹ nhàng nói: “Đừng lo lắng! Hãy kể ta nghe nào!”

Hoa Nguyệt Dung tựa vào ngực Từ Hoài Cận, nói: “Nhà tiểu nữ vốn cũng thuộc hàng khá giả ở Lâm An. Cha là thương nhân bán trà, về sau bị kẻ thù hãm hại, gia cảnh bắt đầu sa sút. Hai anh trai đi lính và đều chết trên chiến trường. Đầu năm nay mẫu thân bị cảm phong hàn, bệnh tình càng ngày càng nặng, rồi chuyển thành lao phổi, ngày nào cũng ho ra máu. Thấy mẫu thân bị bệnh tật hành hạ như vậy, tim tiểu nữ quặn thắt. Chỉ cần kiếm được tiền trị bệnh, để mẫu thân được ăn một bữa thật ngon. Dù khổ cực thế nào, tiểu nữ cũng cam lòng.” Nói xong, nước mắt lại trào ra.

Từ Hoài Cận ôm riết lấy Hoa Nguyệt Dung trong lòng, nói: “Nàng đừng sợ, đừng sợ. Ta và nàng tình cờ gặp gỡ, âu cũng là duyên phận. Ta sẽ giúp nàng.”

Hoa Nguyệt Dung đứng dậy, lại rót cho Từ Hoài Cận một chén rượu đầy, mình cũng một chén đầy, rồi nâng chén rượu nói: “Rượu gặp tri kỷ ngàn chén ít, lời không ăn ý nửa câu thừa. Tiểu nữ không phải hạng hư hỏng. Dù thân đã vào tới chốn thanh lâu, nhưng cũng không phải là người phóng túng, tùy tiện nên mới viết vế đối trước cửa, chí ít phải là người đọc sách, hiểu lễ nghĩa, tiểu nữ mới tiếp. Trước đó có mấy kẻ phàm phu đến đối đáp lung tung, chỉ đến khi gặp được người như trưởng quan ngài đây tới, tiểu nữ mới được thỏa lòng mong đợi. Sở trưởng Từ văn võ song toàn, tiểu nữ vô cùng ngưỡng mộ, xin kính ngài một chén.”

Từ Hoài Cận mỉm cười, kéo Hoa Nguyệt Dung vào lòng, vui vẻ

uống cạn chén rượu. Sau đó, Hoa Nguyệt Dung lại rót đầy mấy chén nữa, hai người đều uống cạn.

Sau vài tuần rượu, hai người tựa vào nhau trong yên lặng. Ánh trăng buông lơ lửng trên cành liễu, một làn gió nhẹ ùa vào qua cửa sổ, mang theo hương ngọc lan dịu ngọt thơm ngát, cuốn đi mọi âm mưu và tội ác nơi trần tục, tình ấy cảnh này lung linh tựa như trong một bức họa, lắng đọng men say tình ái vừa ấm áp lại nồng nàn.

Tiếng mõ điểm canh ba len lỏi trong không gian tĩnh mịch, lúc này Từ Hoài Cận bắt đầu nhẹ nhàng cởi bỏ chiếc áo trên người Hoa Nguyệt Dung. Hoa Nguyệt Dung e lệ che chiếc yếm thắm, nói: “Sở trưởng Từ, có thể thông thả chờ tiểu nữ đôi hôm không?”

Từ Hoài Cận không hiểu, hỏi: “Tại sao?”

Hoa Nguyệt Dung tỏ vẻ rầu rĩ nói: “Từ nhỏ tiểu nữ thân thể yếu ớt nhiều bệnh, mẫu thân từng mời một thầy tướng số đến xem Bát tự cho tiểu nữ, nói rằng phải qua tuổi 20 mới được... mới được... nói đến chuyện phòng the. Nếu không sẽ không sống được quá 22 tuổi, còn hai ngày nữa mới đến sinh nhật tiểu nữ, vì thế, xin Sở trưởng ngài...”

Từ Hoài Cận sửng sốt: “Ồ thì ra là vậy. Nói như thế, Nguyệt nhi nàng vẫn giữ được thân trong trắng ư?”

Hoa Nguyệt Dung e thẹn, hai má ửng hồng khẽ gật gật đầu.

Từ Hoài Cận cười dịu dàng: “Khà khà, cổ nhân có câu ‘động nhược thoát thố, tĩnh như xử tử’⁷, chẳng trách Nguyệt nhi cô nương từng cử chỉ hành động đều toát ra vẻ thanh tao đài các, hàm súc thoát tục. Ta không vội, không vội.”

Hoa Nguyệt Dung vội vàng nghiêng mình chắp tay hành lễ biểu thị ngưỡng mộ người quân tử, nói: “Cảm ơn Sở trưởng, tiểu nữ từ nay sẽ không còn phải lo lắng không có người tri kỷ sánh bước trên con đường dài phía trước nữa. Tiểu nữ mệnh khổ, như cánh bèo trôi lênh đênh giữa biển người không biết phiêu bạt về đâu, nào ngờ nay lại gặp được bậc quân tử có tình có nghĩa như Sở trưởng ngài ở nơi gió trăng này.”

Từ Hoài Cận vui vẻ cười, đột nhiên như thể nhớ ra điều gì chợt hỏi: “Vừa rồi nàng nói tới một thầy tướng số...”

Hoa Nguyệt Dung đáp: “Vâng, ông ấy rất lợi hại, có mối giao tình đã lâu với gia phụ, ông ta từng đoán tới tuổi trung niên cha tiểu nữ sẽ gặp phải chuyện ưu phiền liên quan tới tính mệnh, nhưng cha tiểu nữ lại không bận tâm đến chuyện này. Tính ông vốn cứng rắn, ngang ngạnh, thường nói sống chết có số, phú quý tại trời. Vào năm xảy ra chuyện, thầy tướng số kia còn đến tận nhà bảo cách giải hạn, nhưng cha tiểu nữ phần vì bận làm ăn, phần vì không nghe theo. Kết quả vào mùa đông năm đó, cha bị kẻ xấu hãm hại, từ đó gia cảnh sa sút. Còn nữa, ông thầy tướng số ấy còn đoán ra hạn của hai anh của tiểu nữ nữa... Những việc này về sau đều ứng nghiệm, cho nên tiểu nữ mới phải ghi nhớ thời gian động phòng. Tiểu nữ chẳng phải tiếc mạng sống của mình, chỉ vì còn có mẫu thân đang bệnh nặng, không thể bỏ mặc. Cho dù thế nào, tiểu nữ cũng phải chăm sóc mẫu thân cho tới lúc cưới hạc quy tiên... Nhưng gần đây bệnh tình của mẫu thân càng ngày càng nặng thêm, tiểu nữ không bận tâm đến những việc này nữa, lòng nghĩ chết thì chết, nhưng trước khi chết có thể đem thức ăn ngon dâng cho mẹ, có chết cũng cam lòng...”

Không đợi Hoa Nguyệt Dung nói hết câu, Từ Hoài Cận liền ngắt lời nàng: “Đừng nói những lời ngốc nghếch đó, mọi việc đều có cách giải quyết...” Trầm ngâm một lát rồi quay sang hỏi: “Nàng nói vị cao nhân tướng số đó tên gì, là người ở đâu?”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Người ta gọi ông ấy là Thiết Bản tiên sinh, nghe nói ông ấy là truyền nhân của Thiết Bốc Tử Đạo Nhân gì đó...”

Từ Hoài Cận cướp lời: “Chính là Thiết Bản tiên sinh mà báo chí đã nói phải không?”

Hoa Nguyệt Dung cười nói: “Tiểu nữ nào phải là quan hay nhân sĩ gì, làm sao biết đọc báo, nên không biết người Sở trưởng nói là ai.”

Từ Hoài Cận nói: “Chắc chắn là đúng, chắc chắn đúng. Nàng có thể tìm gặp được ông ấy không?”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Ông ấy vân du bốn biển, hành tung không biết thế nào, việc này khó nói trước được. Nhưng hàng năm cứ vào ngày giỗ của phụ thân tiểu nữ, ông ấy đều viếng thăm.”

Từ Hoài Cận nói: “Ngày giỗ của lệnh tôn là khi nào?”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Mùng 7 tháng này.”

Từ Hoài Cận gật gật đầu như thể đang tự nói một mình: “Trời giúp ta rồi.”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Trưởng quan nói gì vậy?”

Từ Hoài Cận nói: “Không có gì, không có gì, lần sau dẫn ta đi thăm mẫu thân nàng nhé.”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Không dám làm phiền Sở trưởng...”

Từ Hoài Cận nói: “Cần chứ, cần chứ. Nhất định phải đến thăm một lần.” Đột nhiên ông ta lại hỏi: “Hiện giờ hai mẹ con nàng ở đâu?”

Hoa Nguyệt Dung trả lời: “Ở số nhà 28 ngõ Đại Chùy Tử, mẹ con tiểu nữ mới chuyển đến hồi đầu tháng.”

Từ Hoài Cận nói: “Được, lần sau nàng dẫn ta đến.”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Tạ ơn Sở trưởng quan tâm. Đêm nay không thể hầu hạ Sở trưởng, tiểu nữ sẽ hát hầu Sở trưởng một bài Côn Khúc nhé!” Nói xong lại rót cho Từ Hoài Cận một chén rượu.

Từ Hoài Cận cười nói: “Được.”

Hoa Nguyệt Dung cầm lấy cây đàn ba dây, hát một đoạn trong bài Điểm giáng thần⁸. Lời hát bằng trặc trầm bổng, ngân nga thánh thót khiến Từ Hoài Cận vỗ tay tán thưởng mãi, hát đến đoạn tình yêu đôi lứa, Từ Hoài Cận không thể làm chủ được mình, lại gần Hoa Nguyệt Dung, ôm chặt nàng vào lòng.

Lúc này, có một tên đặc vụ cấp dưới gõ cửa, có vẻ như hẳn lên để nhắc Từ Hoài Cận đã đến giờ phải về. Từ Hoài Cận đi đến trước mặt tên đặc vụ kia, nói nhỏ vài câu, sau đó tên đặc vụ kia cúi đầu chào rồi lui xuống.

Hoa Nguyệt Dung nói: “Nếu Sở trưởng có việc thì cứ đi lo giải quyết đi, tiểu nữ gặp được Sở trưởng... trong lòng... đã xác định là

người của Sở trưởng. Sở trưởng cứ đi lo việc công, Nguyệt nhi ở đây đợi ngài. Sở trưởng một ngày không đến, Nguyệt nhi chờ một ngày. Sở trưởng một năm không đến, Nguyệt nhi chờ một năm. Sở trưởng kiếp này không đến, Nguyệt nhi sẽ đợi đến kiếp sau.”

Từ Hoài Cận ngậy người nhìn Hoa Nguyệt Dung. Nàng cũng nhìn ông ta bằng ánh nhìn si mê đắm đuối. Từ Hoài Cận nhẹ nhàng ôm Hoa Nguyệt Dung và lòng, định nói điều gì đó nhưng lại thôi.

Tiếng gà gáy vang lên, phương Đông đã ửng hồng, mặt trời đã sắp hiện ra, Từ Hoài Cận chỉnh lại quần áo, nói với Hoa Nguyệt Dung: “Nguyệt nhi cô nương, hai ngày sau Từ mỗ sẽ tới gặp nàng.”

NỮ A BẢO PHẢI LÒNG ĐẶC VỤ QUÂN THỐNG

Sau khi Từ Hoài Cận đi khỏi, Hoa Nguyệt Dung sắp xếp lại dòng tâm tư, rồi gọi một cô nương dưới lầu lên, nói nhỏ vài câu, sau đó tự mình thay y phục khác, vội chạy về ngõ Đại Chùy Tử. Chừng nửa canh giờ sau đến được trước cửa căn nhà số 28, khẽ gõ cửa, gọi: “Mẹ ơi?”

Không lâu sau, một vị lão phu nhân đi ra, trên trán quấn một chiếc vải trắng, trông điệu bộ giống hệt như đang bị bệnh nặng, tươi cười nói: “Con gái về rồi ư?” Sau đó, bắt đầu ho lấy ho để.

Không đợi Hoa Nguyệt Dung mở lời, vị lão phu nhân đưa mắt ra hiệu cho nàng, mắt đảo khắp bên ngoài một lượt, nói to: “Con gái à, vừa rồi có hai người tốt đến nhà chúng ta. Họ nói là bạn của con, hỏi thăm bệnh tình của mẹ, còn để lại một ít tiền nữa, thật đúng là người tốt.”

Hoa Nguyệt Dung trong lòng vô cùng hồi hộp, vừa dìu lão phu nhân vào nhà, vừa hỏi: “Mẹ, người ta tốt thế nào? Tên họ là gì?”

Lão phu nhân nói: “Mẹ có hỏi, nhưng họ không để lại tên họ, chỉ nói là bạn của con, bảo rằng sau này còn tới thăm ta nữa.”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Mẹ à, lần sau họ đến, mẹ nhớ hỏi lại tên họ người ta nhé. Con cũng muốn biết là ai.”

Vị lão phu nhân, nói: “Phải rồi, phải rồi, hai mẹ con ta gặp được quý nhân rồi, phụ thân con mất sớm, hai anh trai thì cũng đã đi...”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Mẹ, mẹ nhắc đến những chuyện này làm gì, có con gái ở đây với mẹ, rồi mọi việc sẽ ổn thôi.”

Hai người bước vào nhà, đóng cửa lại, vị lão phu nhân gỡ ngay tấm vải trắng buộc trên đầu xuống. Hoa Nguyệt Dung phá lên cười trước bí mật của lão phu nhân. Lão phu nhân kia liền giơ tay che lên miệng ra dấu “suyt” một tiếng, tỏ ý bảo Hoa Nguyệt Dung phải biết đề chừng.

Hai mẹ con họ lại chuyện trò đôi ba câu trong nhà, rồi Hoa Nguyệt Dung bắt đầu ra sân nhặt củi khô nấu cơm, khói bếp bay lên qua ống khói, lượn lờ trên mái nhà rồi tản ra giữa tầng không.

Kỳ thực, vào lúc này, một tên đặc vụ là quân của Từ Hoài Cận vẫn đứng nấp sau nhà theo dõi, nghe trộm. Tối hôm qua, khi Hoa Nguyệt Dung kể về thân thế của mình cho Từ Hoài Cận nghe, hắn muốn biết rõ về Hoa Nguyệt Dung hơn. Khi trời gần sáng, tên đặc vụ kia đi lên lầu, Từ Hoài Cận nói nhỏ vài câu với hắn, chính là bảo hắn ngay lập tức chạy đến số nhà 28 ngõ Đại Chùy Tử để xem rốt cuộc có đúng như lời Hoa Nguyệt Dung đã nói hay không.

Tổ Gia và Trương Ân Thụy là hai người quá sành sỏi, nên khi dàn cục họ đã sớm nghĩ đến điều này. Họ đã sắp xếp cho một nữ A Bảo lớn tuổi hóa trang thành một bà lão bị bệnh nặng đang nằm trên chiếc giường trong sân ngôi nhà số 28, sẵn sàng nghênh đón bọn đặc vụ bất cứ lúc nào.

Quả nhiên, trời vừa hửng sáng, bà A Bảo già kia đã nghe thấy tiếng gõ cửa. Bà khoác áo giả bộ như đang bệnh ra mở cửa, vừa thấy hai người lạ mặt, trong lòng đã có sự chuẩn bị sẵn, vừa mời bọn họ vào nhà, vừa than thở gia cảnh của mình hết như những gì Hoa Nguyệt Dung nói. Đã vậy trong lúc trả lời, thỉnh thoảng bà còn dùng khăn tay che miệng ho khù khụ như thể muốn nôn cả phổi ra ngoài. Ho một trận kịch liệt xong, mở chiếc khăn tay ra, một bong máu để sẵn trong khăn tay từ trước bị vỡ ra, trong căn phòng tối tăm, bọn đặc vụ tưởng là bà ta nôn ra máu thật.

Mấy tên đặc vụ kia nói chuyện với bà lão một lúc, không phát hiện ra kẽ hở nào, liền để lại ít tiền theo như lời dặn dò của Từ Hoài Cận, sau đó lẩn ra sau nhà, nằm im nghe ngóng. mấy tên đặc vụ này quả đúng là xảo quyệt, bọn chúng muốn xem xem tình huống sẽ thế nào

khi Hoa Nguyệt Dung trở về. Kết quả Hoa Nguyệt Dung và bà lão đã diễn tuồng, giả làm hai mẹ con y như thật, cho nên hai tên đặc vụ mới yên tâm quay về báo cáo.

Sở dĩ Hoa Nguyệt Dung cảm thấy kinh ngạc khi vừa về đến công là vì nàng ta không ngờ bọn đặc vụ của Từ Hoài Cận lại có thể đến nhanh chân như vậy. Thậm chí nàng còn không phát hiện ra Từ Hoài Cận đã sai bọn đặc vụ đi lúc nào. Đối với một A Bảo mà nói, đây là một sai lầm chí mạng, các A Bảo không được phép bỏ lỡ bất kỳ một ánh nhìn, một động thái nào của đối thủ. Trong lòng Hoa Nguyệt Dung chợt cảm thấy mơ mơ màng màng, nàng buột miệng: “Mình sao lại...?”

Bà lão hỏi: “Cái gì làm sao kia?”

Hoa Nguyệt Dung sửng người: “À, không có gì.”

Đêm hôm đó, Hoa Nguyệt Dung lại quay trở về Phụng Minh lâu. Tình hình bên này, Hoa Nguyệt Dung đã bảo tay chân báo lại cho Trương Ân Thụy và Tổ Gia. Nàng cứ theo kế hoạch mà diễn, phải nói thế nào, làm thế nào, xuất chiêu thế nào, thu lưới thế nào, tất cả mọi công đoạn đều hiển hiện trong đầu. Cũng không có vị khách làng chơi nào dám chạy lên lâu tìm nàng, vì trước khi rời đi, Từ Hoài Cận đã ném cho mục tử bà một mớ tiền khá lớn, và nói với bà ta rằng: “Ta đã bao Hoa cô nương.”

Đêm khuya, Hoa Nguyệt Dung cũng thấy mệt, uống mấy hớp trà, rồi thay y phục nằm xuống giường, muốn ngủ mà không sao chợp mắt được, đành nằm thẫn thờ im lặng. Hình bóng Từ Hoài Cận cứ quay cuồng trước mắt nàng. Quả thực, Từ Hoài Cận trông rất anh tuấn, là học sinh xuất sắc của trường quân sự Hoàng Phố, dáng người cao lớn, rắn rỏi, cử chỉ nho nhã. Hoa Nguyệt Dung miên man nghĩ về ông ta, bất chợt nàng ta nhoẻn miệng cười, nhưng đột nhiên nụ cười trên môi tắt ngấm, nàng nhăn mặt lại. Nàng ta biết rõ, mình chỉ là một A Bảo, là một kẻ lừa gạt chính cống. Từ Hoài Cận đang là con gà béo, là đối thủ của nàng ta. Tất cả những gì đang diễn ra chỉ là trò lừa đảo, khi khúc hát cạn lời thì người nghe cũng sẽ phải đứng dậy ra về.

Tối hôm sau, ăn tối xong, nàng ngồi trong khuê phòng, vừa trang điểm xong thì nghe thấy tiếng mục tử bà: “Ôi, trưởng quan đến rồi, Hoa cô nương đang đợi ngài ở trên lầu! Mau vào đi, mau vào đi!”

Ngay sau đó là những tiếng kêu lộp cộp của chiếc ủng quân sự vọng lại từ bậc cầu thang dẫn lên lầu, Hoa Nguyệt Dung vội ra mở cửa, Từ Hoài Cận sải bước dài đi tới. Hai người họ nhìn nhau như thể đã ba thu mới gặp lại, Từ Hoài Cận mỉm cười nói: “Nguyệt nhi cô nương.”

Hoa Nguyệt Dung cũng lên tiếng: “Sở trưởng!” bằng giọng chứa chan cảm xúc.

Hoa Nguyệt Dung mời Từ Hoài Cận bước vào phòng, bỗng nhiên Từ Hoài Cận giơ tay lên nói: “Đợi đã, Nguyệt nhi cô nương.” Nói xong, ông ta quay người lại, cởi găng tay ra, chìa tay nói với tên đặc vụ đang đứng sau lưng: “Đưa đây.”

Tên đặc vụ đưa lên một bó hoa tươi đẹp, Từ Hoài Cận hai tay cầm bó hoa đưa lên trước mặt Hoa Nguyệt Dung, nhìn nàng bằng ánh mắt vô cùng âu yếm: “Nguyệt nhi cô nương sinh nhật vui vẻ, mãi mãi xinh đẹp như hoa.”

Hoa Nguyệt Dung sững sờ trước cảnh tượng này. Sau Cách mạng Tân Hợi, mặc dù Tây học đã dần thâm nhập vào đời sống của người dân Trung Quốc, nhưng cử chỉ lãng mạn rất Tây này, ngoài hai tài tử lớn là Chí Ma và Bi Hồng từng thể hiện ra, rất hiếm có một vị đặc vụ Quân thống nào từng làm được như vậy. Hoa Nguyệt Dung từ nhỏ cuộc sống nghèo khổ, phải vào làm việc trong gánh hát, chưa từng trải qua cảnh tượng lãng mạn thế này bao giờ.

Ánh mắt Hoa Nguyệt Dung long lanh hạnh phúc, không nói lên lời. Nàng rụt rè nhận bó hoa tươi thắm, khuôn mặt ửng hồng, miệng khẽ nói: “Cám ơn Sở trưởng!”

Từ Hoài Cận quay lại nói với tên đặc vụ và mục tú bà: “Lui hết cả đi, không có lệnh của ta, không ai được quấy rầy!”

Sau khi vào phòng, Hoa Nguyệt Dung sà vào lòng Từ Hoài Cận, hai người ghì chặt lấy nhau. Từ Hoài Cận lại lấy từ trong túi áo ra một chiếc hộp nhỏ, bên trong đựng một chiếc vòng ngọc có chạm hoa văn rồng phượng. Ông ta nói: “Đây là chiếc vòng mà mẫu thân đã đưa cho ta trước khi đến học tại trường quân sự Hoàng Phố. Bà nói với ta rằng phải đem tặng cho con dâu tương lai của bà. Bây giờ ta đã tìm được rồi.”

Hoa Nguyệt Dung nhìn Từ Hoài Cận bằng ánh nhìn tha thiết: “Sở trường.”

Từ Hoài Cận nhẹ nhàng ôm lấy Hoa Nguyệt Dung vào lòng, nói: “Ta đã phái người đến thăm mẹ nàng rồi. Sau này ta sẽ cùng nàng chăm sóc bà. Từ nay nàng không cần phải lo lắng về cuộc sống nữa.”

Hoa Nguyệt Dung úp mặt vào vai Từ Hoài Cận mà khóc. Vào lúc này đây, hơn bao giờ hết, nàng ước mình là một kỹ nữ thật sự.

Theo sắp xếp của Đại Sư bá Trương Ân Thụy, chưa đến lúc vạn bất đắc dĩ, không cần phải dâng hiến thân mình, nàng vốn có thể theo đúng kế hoạch đã vạch ra, lấy có chưa hết đoạn tang cha ba năm, để trốn tránh được mọi việc xảy ra trong tối nay. Nhưng nàng ta đã thay đổi kế hoạch, chủ động trút bỏ xiêm y...

Sau này, khi Hoa Nguyệt Dung chết, Trương Ân Thụy phái người thu dọn lại những di vật của nàng, đã phát hiện ra một tờ giấy dưới gối. Đó là bức thư do chính tay Hoa Nguyệt Dung viết, cũng có thể xem là lời thổ lộ tột đáy lòng của nàng:

Vĩnh biệt tướng quân:

Phận thiếp thấp hèn, vốn nghĩ sống cho hết kiếp này, nào ngờ ông trời thương xót cho thiếp được gặp tướng quân. Tướng quân anh tuấn, oai hùng, đối với thiếp tình sâu nghĩa nặng. Thiếp gặp được tướng quân, sao lại không vui mừng? Thiếp phiêu bạt 20 năm trời, chịu bao cực khổ, không cha không mẹ, không nơi nương tựa, từ khi gặp được tướng quân, mới cảm nhận được thế nào là tình nhi nữ.

Thiếp vốn là phường lừa đảo, đã lún sâu vào bao tội ác, ngay từ lúc gặp tướng quân, đã lừa gạt tướng quân, khiến tướng quân rơi vào bẫy, còn thiếp sống trong mộng ảo. Ân tình của tướng quân với thiếp sâu nặng ngàn nào thì trái tim thiếp đau đớn ngàn ấy, tướng quân càng lún sâu, tim thiếp càng vỡ vụn. Nay, tướng quân vẫn còn ở trong bẫy lừa, thiếp đã tỉnh cơn mộng, nhưng chỉ mong mình mãi chìm đắm trong giấc mộng.

Thiếp không oán trời, không than thân trách phận, đời này được tướng quân đem lòng thương yêu là thiếp đã mãn nguyện rồi. Xưa nay, có giấc mộng uyên ương nào mà không nhuộm màu ly biệt, kẻ đa

tình nào chẳng đau đớn trước cảnh biệt ly. Thiếp sắp phải đi rồi, Tướng quân ở nơi trần thế, thiếp về mãi tận dưới cõi âm, từ nay số trời đã định, âm dương cách biệt đôi đường. Đòi người thoảng qua như cơn gió, thịt da chỉ như nắm bùn đen. Lúc trước, biết bao chuyện thiếp không thể làm theo ý mình, chết rồi hồn sẽ lạc về đâu? Thiếp một lòng yêu thương tướng quân, mãi mãi không quên ân tình của tướng quân.

Vạn lời thiếp nói ra chưa hết, ngàn ý thiếp gửi lại chưa tròn, tướng quân xin hãy bảo trọng. Kiếp này thiếp chẳng thể cùng tướng quân đi hết con đường, xin tướng quân bảo trọng, vĩnh biệt tướng quân.

Thiếp Nguyệt Dung
Giờ Sửu, ngày Bính Thìn

Nàng gọi ông ta là tướng quân, trong ý tứ lời nói rõ ràng rất đổi chân tình. Thực đúng là Rèm che ánh nến chập chờn, mây mưa một tối hận thù tiêu tan. Mối tình Quân thống, A Bảo, thật thật giả giả đã không còn ranh giới cách ngăn.

Nàng cũng tự biết, bức thư này sẽ mãi mãi không bao giờ có thể gửi đi được, nàng đã chết từ lâu lắm rồi, chết trong cuộc tình của chính mình.

THẦY TƯỚNG SỐ DÀN CỤC MỸ NHÂN

Theo như kế hoạch, Hoa Nguyệt Dung sẽ phải giới thiệu Từ Hoài Cận với Tổ Gia vào “ngày giỗ cha” mình. Sau mấy ngày gần gũi, Từ Hoài Cận và Hoa Nguyệt Dung đã nói với nhau đủ thứ chuyện. Hoa Nguyệt Dung đã khéo léo “qua mặt” Từ Hoài Cận về việc mình vẫn còn là cô gái trinh nguyên.

Trước khi giới thiệu, Hoa Nguyệt Dung lại một lần nữa căn dặn Từ Hoài Cận: “Tuyệt đối không được nói mình là quan quân, vì mẹ con thiếp chỉ là những người dân thấp cổ bé họng, không thể có cơ hội tiếp xúc với quan chức trong Cục Quân thống. Nếu để vị tiên sinh kia biết tiểu nữ là gái lầu xanh, chuyện đến tai mẫu thân, chắc chắn sẽ khiến mẫu thân đau lòng chết mất. Tiểu nữ vẫn giấu mẫu thân là đang làm công cho một tiệm cơm, vì phải rửa bát đĩa nên phải làm việc cả ban đêm.”

Từ Hoài Cận gật gật đầu, nói: “Ta sẽ nói mình là một thương nhân, là một người bạn của cha nàng trước đây vậy.”

Đây kỳ thực chỉ là một chiêu trò giương Đông kích Tây mà thôi. Để cho Từ Hoài Cận giấu đi thân phận của mình, rồi lại để Tổ Gia vạch trần thân phận của hắn ta, như vậy mới chứng tỏ Tổ Gia đạo hạnh cao thâm đến mức nào. Trông thì có vẻ Hoa Nguyệt Dung đưa ra kế sách này là để che đậy cho thân phận của mình, nhưng kỳ thực lại là chiêu nhằm giảm bớt sự đề phòng, cảnh giác của Từ Hoài Cận.

Từ Hoài Cận lấy thân phận là một thương nhân buôn trà, mặc một chiếc áo dài thay cho bộ quân phục đến gặp Tổ Gia tại một tửu lầu.

Vừa ngồi xuống, ông ta nói rất khiêm tốn: “Từ lâu đã ngưỡng mộ danh tiếng của tiên sinh, nay mới được gặp mặt. Tiên sinh quả đúng là có phong thái tiên phong đạo cốt, danh bất hư truyền.”

Tổ Gia cười khà khà: “Các hạ quá khen rồi, tôi cũng chỉ là dân đen bình thường, chỉ cốt sao được sống cho qua ngày đoạn tháng trong cái thời buổi loạn lạc này, đâu thể nói đến đại danh gì.”

Từ Hoài Cận cười nói: “Tiên sinh quá khiêm tốn rồi, hôm nay may có Hoa cô nương đây giới thiệu, nếu không chẳng biết bao giờ mới có duyên gặp được tiên sinh.” Nói đoạn, ông ta đưa cho Tổ Gia một tờ giấy: “Đây là Bát tự của bỉ nhân, phiền tiên sinh xem giúp cho.”

Tổ Gia đón lấy tờ giấy, xem lướt qua, trầm ngâm một lát rồi đột nhiên phán: “Các hạ, có hiểu Tam cương Ngũ thường là gì không?”

Câu hỏi đột ngột khiến cho Từ Hoài Cận bối rối, lắp bắp nói: “Tiên sinh... tiên sinh nói vậy là ý gì?”

Tổ Gia nói: “Tam cương là quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương. Ngũ thường là chỉ nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Các hạ không có chút tín nghĩa nào cả, vậy thì chúng ta còn có gì để nói nữa đây?”

Từ Hoài Cận giật mình: “Sao tiên sinh lại nói vậy?”

Tổ Gia cười: “Nguyệt nhi nói với ta các hạ là thương nhân buôn bán trà, ta xem Bát tự của các hạ, hoàn toàn không phải là phường lái buôn, người đi buôn thì chẳng thể có Bát tự thế này.”

Từ Hoài Cận bắt đầu toát mồ hôi, hỏi: “Việc này... Vậy với Bát tự của tôi, tiên sinh cho rằng tôi làm nghề gì?”

Tổ Gia nói: “Bát tự của các hạ vô cùng khác thường, Tam kỳ cùng chiếu⁹, Quan tinh, Sát tinh hợp thân, ra trận thì làm tướng quân, vào triều làm tể tướng là Bát tự của người làm quan.”

Chiêu này chính là trong Thiên có Đả, Thiên Long song hành, một chiêu xuất ra hiệu quả đặc kỳ.

Từ Hoài Cận không sao che giấu được niềm sung sướng trong lòng, buột miệng hỏi: “Xin hỏi tiên sinh, tôi có thể giữ đến chức vụ nào? Hiện giờ đang là thời khắc mấu chốt để được thăng chức, không biết liệu có thể đánh bại được đối thủ hay không, xin tiên sinh chỉ cho.”

Tổ Gia cười: “Một thương nhân buôn trà, làm sao mà có cơ hội thăng quan tiến chức kia chứ?”

Từ Hoài Cận then đỏ mặt: “Mong tiên sinh bỏ quá cho. Quả thực bỉ nhân không phải thương nhân buôn trà, mà giữ một chức vụ trong chính phủ. Mấy ngày trước may gặp được Hoa cô nương tại chốn thanh lâu, nàng ấy cũng vì cuộc sống mà phải sa chân vào nơi đó. Tôi và nàng vừa gặp mặt đã biết là có duyên phận, nên mới có cơ hội gặp được tiên sinh, nàng ấy sợ tiên sinh biết chuyện của mình và sẽ cho mấu thân nàng hay, nên mới phải dùng đến hạ sách này thôi.”

Tổ Gia chỉ đành lắc đầu: “Biển cố của nhà họ Hoa, ta sớm đã dự liệu trước. Năm xưa ta đã nhắc nhở cha của cô nương ấy, nhưng ông ấy không nghe...”

Từ Hoài Cận cúi đầu ngẫm nghĩ một lát, nói: “Hầy dà! Mỗi người đều có số mệnh, tiên sinh không cần phải tự trách mình. Kỳ thực, bỉ nhân có biết đôi chút về Tứ trụ và Tướng thuật, không biết tiên sinh có cao kiến gì về thuật số Trung Hoa.”

Tổ Gia vừa nghe, hiểu ngay ẩn ý trong câu nói của ông ta, vì thế

ông cười nói: “Chu dịch lấy trời đất làm chuẩn mực, nó bao trùm mọi quy luật trong trời đất. Học Chu dịch phải giữ cho lý trí sáng suốt, nếu lý trí u tối, càng học nhiều, càng rối rắm.”

Từ Hoài Cận nói: “Tiên sinh nói rất đúng. Bỉ nhân có vài vấn đề không được rõ cho lắm, mặc dù đã suy ngẫm nhiều ngày mà vẫn chưa thể lý giải được. Mong tiên sinh tận tình chỉ giáo cho!”

Tổ Gia nói: “Xin cứ nói!”

Từ Hoài Cận nói: “Trước tiên là vấn đề xem tướng mặt. Sách xưa thường nói ‘Thiên đình đầy đặn, Địa các tròn trịa¹⁰’ là tướng có phúc. Nhưng tôi thấy bao kẻ tầm thường ngoài đường, có Thiên đình và Địa các tròn đầy, vậy tại sao vẫn chỉ là đám dân đen hạ tiện? Lại như trong sách xem tướng thường nói, muốn xem tài vận thì phải quan sát mũi, nếu sống mũi cao, đầy đặn, sắc trạch sáng nhuận, là mệnh đại phú quý, tôi vẫn thường thấy đám phu xe bán sức lao động ngoài đầu đường, trên bến tàu, nhiều kẻ cũng có tướng mũi to đẹp, nhưng vẫn phải làm việc quần quật mà vẫn không đủ ăn, như vậy thì phải giải thích thế nào đây?”

Tổ Gia cười khà khà đáp: “Các hạ lầm rồi! Nếu cứ có lối suy nghĩ như vậy, e rằng... sau này sẽ làm trò cười cho thiên hạ. Thuật xem tướng chung quy được gói gọn trong phép Ngũ hành. Ngũ hành gồm Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Thiên đình Địa các, Tam đình Ngũ nhạc¹¹ chẳng qua chỉ là cách miêu tả rất hình tượng các vị trí bộ vị Ngũ hành. Ngũ hành quý ở sự cân bằng, chỉ xem một bộ vị thì không thể luận được cát hung họa phúc, phải kết hợp xem cả ngũ quan thì mới đúng đắn. Chu Nguyên Chương mặt ngựa môi lừa, nếu chỉ nhìn vào từng bộ phận thì dữ tợn, xấu xí không ai sánh bằng, nhưng kết hợp xem cả ngũ quan, thì đúng là tàng phong tụ khí, Ngũ hành thông thuận, hài hòa, vì thế mới có thể thống nhất nghiệp bá, lên ngôi cửu ngũ chí tôn, đứng đầu thiên hạ. Tương tự, nếu chỉ xem tướng mũi của một người, mà không kết hợp phân tích các bộ vị khác, sẽ không thể nào phán đoán chính xác tài vận cát hung. Huống hồ, trên mũi còn chia thành bốn bộ phận từ trên xuống dưới gọi là Sơn căn, Niên thượng, Thọ thượng, Chuẩn đầu. Nếu chỉ thấy mũi cao, đầy đặn, mà không phân biệt cong thẳng, sắc trạch, thì sao có thể luận đoán chính xác? Lúc này, người học Dịch quý ở sự hài hòa. Trương Lương đã biết cắt bỏ những thứ đáng bỏ đi trong cuốn Binh pháp Thái Công để hoàn chỉnh

cuốn Kỳ môn Độn giáp. Từ Tử Bình đã bổ sung thêm cái còn thiếu trong Tam trụ của Lý Hư Trung tạo nên Tứ trụ, Thiệu Ung đã phá vỡ trật tự Bát quái mà phát triển thành Hoàng cực kinh thế, người học Dịch không am hiểu về quy luật âm dương, không hiểu biết về quy luật biện chứng, chỉ là kẻ tầm thường mà thôi.”

Lúc này Tổ Gia đang Đả, ông áp dụng chiêu thức cấp Đả mạn Thiên, Tổ Gia đã nắm bắt ngay được những chỗ còn thiếu sót trong mô kiến thức về Kinh dịch của ông ta, nên cứ việc thao thao bất tuyệt, lý giải cặn kẽ, thấu triệt. Đả cho Từ Hoài Cận phải phục sát đất.

Đây chính là bản lĩnh thật sự của Tổ Gia. A Bảo gồm thành hai loại người, một loại hoàn toàn chỉ đi lừa đảo, một loại có chút bản lĩnh thật sự. Những A Bảo không học Chu Dịch đến nơi đến chốn, cách cái chết chỉ một “bước chân”. Bản lĩnh thật sự học được ở đâu? Một là do các vị nguyên lão của Đường khẩu truyền lại từ đời này sang đời khác, hai là học hỏi cao nhân trong nhân gian. Tổ Gia từ khi còn nhỏ đã được kế thừa một chút kiến thức về Chu Dịch từ Trương Đan Thành, về sau lại thường xuyên lui tới học hỏi các vị hiền tài, từ đó dần thông hiểu đạo lý, thu được không ít kiến thức.

Tổ Gia từng dạy chúng tôi: Chu Dịch là nền móng sinh ra mọi thuật tướng số, điều then chốt là ở sự biến hóa.

Giống như thuật xem tướng mặt, xem tay, người bình thường chỉ biết “người này có cái mũi rất đẹp, vừa cao vừa thẳng”, “người kia có đôi mắt phượng”, “người này tay đẹp, nuột nà”, mà không biết rằng thuật xem tướng là phải xem Ngũ hành hài hòa, hình thần kiêm bị hay không.

Ngũ hành hài hòa là thế nào? Tổ Gia từng giải thích cho chúng tôi nghe: Các cơ quan trong cơ thể người đều tương xứng với Ngũ hành. Mắt thuộc Hỏa. Tai, miệng thuộc Thủy, lưỡng quyền (gò má) thuộc Kim, mũi thuộc Thổ, còn đầu, lông mày và tóc đều thuộc Mộc. Trong Ngũ hành có tương sinh tương khắc, bất cứ một bộ phận nào quá to hay bé quá đều có thể làm mất cân bằng Ngũ hành trong cơ thể. Ví dụ, nếu mũi quá to, lưỡng quyền thấp bé, cằm lại nhỏ, nhìn tổng thể trên cả khuôn mặt, rõ ràng chiếc mũi đó quá “đập vào mắt”. Mà mũi thuộc Thổ, Thổ nhiều thì Kim bị vùi lấp, Kim suy thì Thủy cũng chẳng thể vượng được (Kim sinh Thủy). Chiếc mũi giống như Thái Sơn, áp đảo lưỡng quyền, nuốt mất đường Pháp lệnh¹² và cằm, bị coi là tướng cực

xấu. Bởi vậy muốn phán đoán tướng cát hung của một người, không phải chỉ căn cứ vào một bộ phận nào đó trông đẹp hay xấu, mà phải xem toàn bộ các bộ phận trên khuôn mặt có hài hòa với nhau hay không, tức Ngũ hành phải cân bằng. Xem tay cũng tương tự như vậy, tướng tay tốt hay xấu không chỉ căn cứ vào mấy đường chỉ tay cơ bản. Đường chỉ tay tất nhiên rất quan trọng, như đường sinh mệnh phải dài, đường tình cảm phải ổn định, đường trí tuệ phải rõ nét. Nhưng cần phải xem xét đến toàn bộ hình dáng, độ dày, độ mềm mượt của bàn tay. Tướng tay được phân làm năm loại: tướng tay hình Kim, hình Mộc, hình Thủy, hình Hỏa và hình Thổ. Trong lòng bàn tay lại có trận đồ bát quái, chia thành tám cung vị là Càn, Khôn, Chấn, Ly, Đoài, Tốn, Khảm, Cấn. Cung vị phải tương xứng với hình dáng bàn tay, không bị tương xung tương khắc, đường chỉ tay phải hài hòa với cung vị, không được tương hình tương hại. Bởi vậy, xem tướng tay lấy Bát quái làm chủ. Đường chỉ, màu sắc bàn tay là phụ. Xem tướng tay, đầu tiên phải quan sát hình tướng bàn tay, rồi xem đến đường chỉ tay, Ngũ hành cân bằng, mới có thể luận đoán được ý đồ của tạo hóa.

Hình thần kiêm bị là gì? Thuật tướng số Trung Hoa bắt nguồn từ thời Tiên Tần, phát triển vào thời Tần Hán. Nhà nữ tướng số đầu tiên của Trung Quốc tên là Hứa Phụ đã đề xuất ra khái niệm hình thần cộng tham. Hình chính là vẻ bề ngoài, bao gồm: tướng mặt, tướng tay, tướng xương cốt, nốt ruồi... Thần là khí chất, là trường khí toát ra bên ngoài của một người, cũng chính là diện mạo thần thái của người đó. Người xưa đã nói: “Bề ngoài dễ đoán, thần khí khó định.” Tổ Gia từng nói: “Một vị cao nhân thật sự, chỉ cần anh đi qua họ, về căn bản họ không cần xem tướng mặt, tướng tay, nhưng họa phúc, thọ yếu của anh họ biết rõ như lòng bàn tay. Nhất cử nhất động, đi đứng nằm ngồi của một người cũng đều hiển lộ ra điềm cát hung. Nghe nói năm xưa Lý Hồng Chương đã dẫn theo ba người đến phủ của Tăng Quốc Phiên để cầu chức tước. Đến nơi, họ thấy Tăng Quốc Phiên đang đi dạo trong sân, ba người kia đứng đó, còn chưa kịp nói gì, Tăng Quốc Phiên chỉ liếc mắt nhìn một cái, rồi nói với Lý Hồng Chương: ‘Người đứng bên trái có thể tạm dùng được, người đứng giữa không thể dùng được, người đứng bên phải có thể trọng dụng.’ Tăng Quốc Phiên chỉ nhìn qua dáng đứng và ánh mắt của họ, đã có thể đưa ra nhận định của mình. Về sau, lịch sử đã chứng minh cho lời luận đoán của Tăng Quốc Phiên, người đứng bên phải về sau đã trở thành vị Tuần phủ đầu tiên, tiếng tăm lừng lẫy Đài Loan, đó chính là Lưu Minh Truyền. Trước khi Tăng Quốc Phiên chết, ông ta đã để lại cuốn sách dạy xem tướng số Băng Giám do chính ông nghiên cứu và

chính lý.” Đó cũng chính là tài liệu mà hiện nay bọn Từ Hoài Cận đang học theo.

Đứng trước Tổ Gia, Từ Hoài Cận chỉ là một chú chim non mới rời tổ. Nhưng ông ta vẫn muốn thử bản lĩnh của Tổ Gia, lại hỏi về một vấn đề đầy thách thức trong giới xem tướng: “Thừa tiên sinh, vậy thì theo ngài, đoán mệnh theo Bát tự chính xác tới đâu?”

Tổ Gia nghe xong, mỉm cười nói: “Như vừa rồi ta đã nói. Bát tự suy cho cùng cũng chỉ là tổ hợp Thiên can, Địa chi của giờ, ngày, tháng, năm sinh của một người hợp thành. Mỗi nhóm có hai chữ, tổng cộng là tám chữ, nên được gọi là Bát tự, cũng vì nó được tạo thành từ niên trụ, nguyệt trụ, nhật trụ, thời trụ nên còn được gọi là Tứ trụ, đoán mệnh theo Bát tự còn được gọi là đoán mệnh theo Tứ trụ. Ban đầu, Lý Hư Trung đời Đường sáng lập ra phương pháp đoán mệnh theo Tam trụ, tức chỉ xem xét đến ngày, tháng, năm sinh của một người, mà không xem xét đến giờ sinh. Đến đời Tống, Từ Tử Bình đã phát hiện ra những thiếu sót của việc dùng Tam trụ luận đoán số mệnh, ông đã phát triển lên thành Tứ trụ, tức đưa cả giờ sinh của một người vào luận đoán, từ đó, đoán mệnh theo Bát tự mới được hình thành. Vì cống hiến to lớn này của Từ Tử Bình, đoán mệnh theo Bát tự cũng được tôn xưng là “Thuật xem tướng Tử Bình”. Sở dĩ có bước nhảy vọt mang tính lịch sử này là do Từ Tử Bình thấy có quá nhiều người có cùng ngày, tháng, năm sinh, nếu không đưa giờ sinh vào phạm vi luận đoán thì Tam trụ của những người sinh ra vào cùng một ngày sẽ giống nhau hết thảy, số mệnh cũng sẽ giống nhau. Đây rõ ràng là chuyện quá hoang đường. Việc đưa thêm giờ sinh, đã chia nhỏ hơn nữa những người được sinh ra trong cùng một ngày theo 12 canh giờ, giờ sinh khác nhau sẽ có sự khác nhau về mệnh tốt xấu, nhờ sự chia nhỏ này nên kết quả càng chi tiết và chính xác hơn. Nhưng như vậy đã hoàn hảo chưa? Chưa đâu. Những người được sinh ra cùng giờ sinh cũng có rất nhiều, Bát tự của họ cũng y hệt nhau, lẽ nào số mệnh cũng giống nhau ư? Đương nhiên không phải vậy. Theo như thiên ý của ta, nếu có thể lại chi tiết hóa hơn nữa giờ sinh đến từng khắc thì độ chính xác lại tăng thêm một phần, nhưng, như vậy sẽ không còn là đoán mệnh theo Bát tự nữa, mà phải là đoán mệnh theo Thập tự. Đương nhiên, đây chỉ là việc xem xét đến yếu tố thời gian, chứ chưa xem xét đến yếu tố về không gian. Môi trường nơi một người được sinh ra cũng có ảnh hưởng rất lớn đến số mệnh. Các hạ thử nghĩ xem, vào đúng giờ khắc này, trên mảnh đất Trung Hoa rộng lớn có biết bao nhiêu con người được sinh ra? Bát tự của những

người này giống nhau, nhưng môi trường mà họ được sinh ra khác nhau một trời một vực. Có người được sinh ra tại nơi có khí hậu ẩm ướt như ở phương Nam, có người được sinh ra tại vùng giá rét khắc nghiệt ở phương Bắc. Địa thế, ánh sáng, nhiệt độ đều khác nhau, thì vận mệnh tất cũng sẽ khác nhau. Bởi vậy, theo ta thấy, Bát tự chỉ là một khái niệm tổng quát, cần phải phối hợp xem Phong thủy với tướng thuật, mới có thể đưa ra kết quả chính xác được.”

Sau khi Tổ Gia nói xong, ông yên lặng quan sát. Từ Hoài Cận đã bị khuất phục hoàn toàn, ông ta vội đứng lên, cúi rạp người nói: “Tổ Gia quả là người am hiểu tường tận Dịch lý, thông kim bác cổ. Tại hạ xin bái phục, bái phục!”

Nói xong, ông ta trầm ngâm suy nghĩ một lúc, rồi lại cúi đầu nói với Tổ Gia: “Tiên sinh, bỉ nhân có một việc muốn thỉnh giáo, xin tiên sinh chỉ giúp.”

Tổ Gia điềm tĩnh nói: “Các hạ cứ nói.”

Từ Hoài Cận nói: “Nơi tôi làm việc, sắp cải tổ biên chế. Đây là một cơ hội thăng tiến hiếm có, không biết tiên sinh có thể thi triển đạo pháp, giúp tôi một phen. Tôi nhất định sẽ hậu tạ.”

Tổ Gia trầm ngâm suy nghĩ, rồi thờ dài.

Từ Hoài Cận thấy vậy vội vàng hỏi: “Sao tiên sinh lại thờ dài, lẽ nào trong mệnh cục của tôi có điềm không được tốt lành ư? Hay là...”

Tổ Gia nói: “Người học Chu Dịch quý ở sự thành khẩn, có như vậy ta mới có thể luận đoán chính xác cho các hạ được.”

Từ Hoài Cận nói: “Vâng! Vâng! Tiên sinh có điều gì xin cứ dạy.”

Tổ Gia nói: “Năm nay, mệnh của các hạ gặp phải tiểu nhân. Tóm lại là luôn có kẻ làm việc xấu sau lưng ông, khiến ông không thể yên lòng được.”

Từ Hoài Cận nói: “Đúng quá! Đều là một lũ lòng lang dạ sói, thường ngày luôn miệng huynh huynh đệ đệ, thế mà lại ngấm ngấm đâm sau lưng. Khốn nạn! Khốn nạn thật!”

Đây đều là những thông tin mà Hoa Nguyệt Dung cung cấp, sau mấy ngày vui vẻ bên nhau, mỗi khi ôm Hoa Nguyệt Dung trong lòng, Từ Hoài Cận thường trút bỏ nỗi bực dọc, chửi bới bọn đồng liêu trong Cục Quân thống rặt một lũ nham hiểm, xảo quyệt. Kỳ thực, cho dù Hoa Nguyệt Dung không cung cấp những thông tin này thì Tổ Gia vẫn có thể lần ra chẳng mấy khó khăn. Bọn người trong Cục Quân thống luôn lục đục, trắng đen hỗn tạp, đấu đá lẫn nhau, đã không còn là chuyện bí mật nữa rồi. Ở đây cái hay chính là ở sự mê muội của người trong cuộc. Từ Hoài Cận thường ngày luôn đề phòng bọn đồng liêu bên cạnh mình, nhưng lại không nghĩ rằng cần phải cảnh giác với cả người ngoài Cục Quân thống.

Tổ Gia nói tiếp: “Các hạ muốn một bước lên mây, thăng quan tiến chức, cần phải làm hai việc. Nếu không, không những không được lên chức, mà còn gặp họa trên chốn quan trường.”

Từ Hoài Cận vội vàng hỏi: “Là hai việc gì? Xin Tiên sinh dạy bảo giúp cho!”

Tổ Gia làm ra điệu bộ muốn nói nhưng lại thôi, lắc lắc đầu rồi thờ dãi đánh thượt một cái, lẩm bẩm tự nói với mình: “Khó đây, khó đây.”

Từ Hoài Cận sốt ruột: “Tiên sinh cứ nói đừng ngại, cần phải mất bao nhiêu?”

Tổ Gia cười nhạt: “Đây không phải là vấn đề tiền bạc, mà là... Các hạ cũng nghiên cứu về đạo thuật, không biết có từng nghe qua phương pháp lấy âm bổ dương chưa?”

Từ Hoài Cận nghe vậy, mặt đỏ rần nói: “Cái này... cái này tôi đã từng nghe qua, là cách nam nữ giao hoan để đạt được sự cân bằng âm dương, trong Thiên kim yếu phương đã nhắc đến. Tiên sinh nói như vậy là có ý gì?”

Tổ Gia nói: “Tinh hoa của phương pháp này nằm ở chỗ rút lấy khí âm Tiên Thiên của một người con gái trinh nguyên, để bổ sung, bù đắp cho dương khí Hậu Thiên ở nam giới, Tứ trụ Bát tự của các hạ thuộc về thuần dương, mà năm nay lại là năm dương khí cường vượng, phạm trong vũ trụ vật cực tắc phản¹³. Các hạ cần phải tìm được một người con gái còn trong trắng để cùng giao hoan, âm

đương điều hòa, quan vị theo đó tất sẽ được thăng cao. Nhưng, chuyện nam nữ, nhất định phải do đôi bên cùng bằng lòng, các hạ tuyệt đối không được cưỡng cầu, bằng không làm trái đạo trời, chẳng bằng đừng làm còn hơn.”

Từ Hoài Cận nghe thấy, mừng như mở cờ trong bụng: “Đúng là trời giúp ta rồi. Nguyệt nhi chính là một trinh nữ.” Nhưng, ông ta không nói ra, vẫn ra vẻ đạo mạo, trang nghiêm, nói: “Chà chà, tiên sinh nói rất phải, việc này có cưỡng cầu cũng không mang lại kết quả gì, làm sao có thể ích kỷ vì mình mà làm hại đến con gái nhà lành được. Tôi sẽ từ từ tìm kiếm, nếu trời giúp tôi, sớm muộn gì mỗi lương duyên đó cũng sẽ đến, ngược lại, ý trời không muốn giúp, tôi đây cũng đành chấp nhận.” Mặc dù ngoài miệng nói như vậy, nhưng trong lòng vui như hoa nở.

Tổ Gia cười thầm trong bụng vì cái điệu bộ ra vẻ con người có đức hạnh của ông ta. Ông lại bồi thêm: “Ngoài ra, nếu ngày nào đó trời giúp, gặp được một cô nương như vậy, cần phải hết sức lưu ý. Sau cuộc giao hoan đó, trong vòng một năm người phụ nữ kia không được phép lại gần sông nước, nếu không sẽ gặp họa mất mạng chứ chẳng chơi.”

Từ Hoài Cận giật mình: “Sao lại phải vậy?”

Tổ Gia nói: “Sau khi âm khí Tiên Thiên của người con gái bị hao kiệt, cần có thời gian hồi phục. Ta lấy một sự so sánh hình tượng thế này đây giống như cây mạ non đã nhiều ngày không được tưới tắm, héo rũ dưới ánh nắng gay gắt, thủy khí hao tổn, khát khô đến cùng cực, lúc này cần phải tưới nước, nhưng phải tưới nước từ từ từng ít một, để đất thấm nước dần dần, rễ hút lấy cung cấp cho cả cây. Nếu cứ hắt nước thật mạnh, không những không cứu được cây mà ngược lại còn khiến cho ngập úng mà chết. Trong vạn vật thuộc âm, thủy là đại kỵ, vậy nên sau khi giao hoan, người phụ nữ phải tránh xa sông nước, nếu không tính mạng khó giữ. Hãy nhớ cho kỹ!”

Từ Hoài Cận nghe thấy thế, toàn thân toát mồ hôi: “Đáng sợ đến vậy sao? Bỉ nhân đã ghi nhớ rồi! Vừa rồi tiên sinh nói có hai việc, vậy việc kia là...”

Tổ Gia mỉm cười nói: “Việc còn lại rất đơn giản, không nguy hại gì đến tính mạng, đó là phải tích đức làm việc thiện. Trong mệnh cục

của các hạ, Hỏa khí quá vượng, cần phải dùng thấp Thổ¹⁴ để hấp thu Hỏa khí. Trong 12 địa chi, mỗi địa chi đều tương ứng với một con giáp như: Tý là chuột, Sửu là trâu, Dần là hổ, Mão là mèo, Thìn là rồng, Tỵ là rắn, Ngọ là ngựa, Mùi là dê, Thân là khỉ, Dậu là gà, Tuất là chó, Hợi là lợn. Trong 12 con giáp này thì Sửu có Ngũ hành thuộc thấp Thổ. Các hạ tìm mua được 50 con là tốt nhất, nuôi dưỡng cẩn thận, không được bắt chúng cày bừa, không được đánh đập, cũng không được giết mổ lấy thịt, hàng ngày phải cho chúng ăn uống, cứ nuôi chúng cho chúng được sống lâu chết chuồng là được. Nếu các hạ thành tâm thành ý làm việc này, không những quan lộ hanh thông, mà còn có thể tăng thêm tuổi thọ nữa.”

Từ Hoài Cận hỏi: “Sao có thể nói vậy?”

Tổ Gia nói: “Chúng sinh trong sáu cõi, tất cả đều có linh ứng. Có câu ‘ngưu tòng lao, cẩu tòng ngục’. Những người giết mổ ăn thịt hai loài động vật này đều không có kết cục tốt đẹp, sinh thời thì ốm yếu đoản mệnh, sau khi chết sẽ bị đày xuống địa ngục. Ông không những không ăn thịt chúng, còn giải cứu chúng, tự nhiên tuổi thọ tăng lên, quan lộ hanh thông.”

Từ Hoài Cận chột bưng tỉnh: “Tiên sinh tấm lòng từ bi. Bỉ nhân kính phục! Nhưng, giờ đang thời kỳ loạn lạc thế này, muốn gom đủ 50 con trâu mà nuôi, cũng... cũng không phải là chuyện dễ gì.”

Tổ Gia gật gù đầu: “Mưu sự tại nhân thôi. Các hạ có thể phái thủ hạ đi đến các chợ gia súc tìm thử xem, nhưng có một điều cần lưu ý là phải thành thực trong mua bán, không được cướp đoạt của người ta, nếu không sẽ tạo thêm nghiệp ác đấy.”

Từ Hoài Cận gật đầu: “Tiên sinh cứ yên tâm. Đa tạ tiên sinh chỉ dạy.” Nói xong hắn cầm một xấp tiền đưa cho Tổ Gia.

Tổ Gia xua tay: “Không cần, khi nào các hạ công thành danh toại thì cảm ơn ta cũng không muộn.”

Từ Hoài Cận không biết nói gì thêm nữa.

Vào thời kỳ Dân quốc, thị trường gia súc vốn không khởi sắc, đặc biệt là sau cuộc kháng chiến, tình hình càng ảm đạm. Vì vụ đàn cục này, mà trong vòng một tháng trước đó, Trương Ân Thụy đã phải

phải mấy chục tên chân tay đi hết nhà này đến nhà khác ở khắp vùng Giang Hoài để thu mua nghé con. Giá nghé con thấp hơn trâu nhiều, cho nên không phải tốn nhiều tiền. Nhưng vì thời gian gấp rút, sau phải mua cả trâu, cuối cùng thậm trí còn đi ăn trộm, nên cũng gom đủ mấy chục con trâu trước khi Tổ Gia ra tay. Sau đó sai các A Bảo đóng giả bọn buôn bán gia súc, ngày nào cũng dắt nghé, dắt trâu lượn qua các chợ gia súc ở lân cận. Đồng thời còn câu kết với băng nhóm xã hội đen trong vùng, tạm thời đuổi hết bọn Chọc mông lừa ở trong các chợ gia súc đi nơi khác, rồi phái các A Bảo đến chợ giả làm bọn Chọc mông lừa.

Chọc mông lừa là tiếng lóng, chỉ người môi giới đứng giữa bên bán và bên mua. Do hai bên mua bán không quen biết nhau, chợ gia súc thì lại đầy rẫy tiếng lóng và những mưu tính ngấm ngầm thâm hiểm, nên cả hai bên mua và bán đều không dám trực tiếp thương lượng, mặc cả. Từ đó, dần dần đám người chuyên đi dàn xếp mối quan hệ giữa hai bên mua và bán xuất hiện. Chúng đóng vai trò là người môi giới, làm cân cân lợi ích giữa đôi bên, sau khi vụ mua bán thành công sẽ được ăn chia phần trăm.

Đám A Bảo đã làm Chọc mông lừa, như vậy có nghĩa là cả người bán và kẻ môi giới đều là người của mình thì có thể kiếm lời nhiều nhất có thể rồi.

Tuy Từ Hoài Cận là một kẻ lọc lõi trong giới đặc vụ tình báo, nhưng lại chỉ là kẻ ngoại đạo đối với tin tình báo trên chợ gia súc, bởi thường ngày ông ta không quan tâm đến, cũng như không bao giờ để ý đến nơi buôn bán hôi hám kia.

Trong khoảng thời gian này, giá gia súc đột nhiên tăng vọt, Từ Hoài Cận đã phải dùng một khoản kinh phí rất lớn của đặc vụ, mới có thể mua đủ 50 con trâu. Ông ta khoan lấy một miếng đất ở ngoại thành, rồi thuê vài người chuyên chịu trách nhiệm chăm sóc trâu. Sau khi làm xong hết những việc này, ông ta ngẫm nghĩ rồi bật cười. Ban đêm, nằm trên giường trò chuyện với Hoa Nguyệt Dung, ông ta nói: “Nguyệt nhi, nàng nói xem việc này có hoang đường không chứ? Nếu mà đồn ra ngoài, lại chẳng khiến người ta cười cho thối mũi ấy à?”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Có gì mà hoang đường đâu? Đó là việc liên quan đến vận mệnh, thà tin là nó có thể xảy ra chứ đừng nghĩ là nó không thể xảy ra. Cha muội cũng vì không tin lời vị tiên sinh này,

nên mới tán gia bại sản, mất cả mạng sống đó sao? Nếu nói hoang đường, chỉ có mấy ông quan to như Sở trưởng mới hoang đường thì có. Chẳng phải Ngài đã từng nói cấp trên của mình, vị Đới Cục trưởng gì gì đó đã phải đòi đến mười mấy cái tên, lại còn Tướng Ủy viên trưởng, mỗi khi đi đến đâu dựng trại đóng quân đều phải xem phong thủy...”

“Được rồi, được rồi! Bà cô bé nhỏ của tôi. Những việc này đều là việc cơ mật không được nói với người ngoài.” Từ Hoài Cận ngắt lời Hoa Nguyệt Dung, ôm nàng ta vào lòng, hai người lại quấn lấy nhau.

Đột nhiên Từ Hoài Cận nhớ đến lời dặn của Tổ Gia, vội vàng nói với Hoa Nguyệt Dung: “Nguyệt nhi, năm nay nàng tuyệt đối không được đến bờ sông. Tiên sinh đã nói, phải đầu mùa hạ sang năm nàng mới được lại gần sông nước.”

Hoa Nguyệt Dung cười nói: “Huynh sợ muội bị chết đuối à?”

Từ Hoài Cận nói. “Nói linh tinh, chết cái gì mà chết.”

Ông ta nào đâu biết, theo kế hoạch của Trương Ân Thụy và Tổ Gia, Hoa Nguyệt Dung phải “chết” một lần, nếu không, làm sao có thể thoát thân, lại dễ bị bại lộ. Vì thế, nhân dịp Từ Hoài Cận phải đến Lâm Trấn giám sát công tác, Hoa Nguyệt Dung đi dạo phố cùng với người hầu nhà Từ Hoài Cận, nàng nói nàng đã mang thai, muốn ra chợ cá bên bờ sông mua cá chép để phóng sinh, mong cho con của mình và Từ Hoài Cận sau này có thể “Cá chép vượt vũ môn”. Cô người hầu sống chết ngăn cản không được, đành phải đi theo.

Trương Ân Thụy đã bố trí bọn chân tay ngồi chực sẵn ở chợ cá, vừa hay hôm đó nước sông lên cao. Chính vào lúc Hoa Nguyệt Dung và người hầu gái đang phóng sinh cá bên bờ sông thì trong chợ xảy ra vụ xô xát. Hình như có người cướp cá, rồi không biết một đám người từ đâu chạy nhào ra, xô ngã Hoa Nguyệt Dung và người hầu xuống sông, đợi đến khi cô người hầu được người ta cứu lên bờ thì Hoa Nguyệt Dung đã biến mất trong dòng nước xiết.

Cô người hầu hốt hải chạy vội về nhà, hốt hoảng gọi điện thoại cho Từ Hoài Cận. Ông ta vội vã quay về, đứng trước dòng sông đang cuồn cuộn chảy, thì mọi việc đã muộn mất rồi. Từ Hoài Cận đứng bên bờ sông, gào khóc đến cạn khô nước mắt, con tim kể như đã chết.

Từ Hoài Cận suy sụp suốt mấy tháng trời, vẻ cau mày nhăn mặt cùng với nụ cười của Hoa Nguyệt Dung đã hằn sâu trong tâm trí. Hoa Nguyệt Dung ra đi mang theo cả con tim ông ta. Ngày nào ông ta cũng chạy ra bờ sông, đêm đến, nằm trên giường, đôi mắt vô hồn trằn trằn nhìn lên trần nhà. Mỗi khi nhớ đến những ngày tháng có Hoa Nguyệt Dung, lại xúc động, nước mắt trào ra.

Ông ta định sau này sẽ chăm sóc thật tốt cho “mẹ” của Hoa Nguyệt Dung, ông ta muốn thực hiện lời hứa của “Nguyệt nhi”, nhưng ông ta đâu biết rằng, người “mẹ” cũng “lao đầu xuống sông mà tự vẫn” vì không chịu đựng nổi nỗi đau mất con gái.

Cuộc chơi kết thúc, tất cả mọi người đều phải rút, ngoài 50 con trâu vẫn đang nhón nhờ gặm cỏ ra, Từ Hoài Cận đã chẳng còn gì trong tay.

Sau khi Hoa Nguyệt Dung và vị A Bảo già đi lánh mặt một thời gian quay về Đường khẩu, Trương Ân Thụy và Tổ Gia bắt đầu bày tiệc ăn mừng.

Xa cách lâu như vậy, Trương Ân Thụy cũng rất nhớ Hoa Nguyệt Dung. Sau bữa tiệc, Trương Ân Thụy giữ Hoa Nguyệt Dung ở lại, ôm chầm lấy nàng: “Nguyệt nhi, lần này muội đã phải chịu nhiều thiệt thòi rồi.”

Hoa Nguyệt Dung cười khổ sở: “Sao đột nhiên Đại Sư bá lại khách khí như vậy? Lần này đâu có mất mát gì nhiều.”

Trương Ân Thụy nói: “Nguyệt nhi, nàng có biết lần này ta vét về bao nhiêu tiền như vậy là để làm gì không?”

Hoa Nguyệt Dung nói: “Chẳng phải là vì kế sinh nhai của các huynh đệ trong Đường khẩu sao?”

Trương Ân Thụy cười, nói: “Ừm, nói như vậy cũng đúng, nhưng có điều lần này là vì tính kế lâu dài cho các huynh đệ.”

Hoa Nguyệt Dung thấy lạ bèn hỏi: “Lâu dài ư?”

Trương Ân Thụy nói: “Đúng vậy, đây là vụ cuối cùng của chúng ta rồi.”

Hoa Nguyệt Dung sừng sốt: “Cuối cùng?”

Trương Ân Thụy nói: “Chẳng phải nàng vẫn thường hỏi ta, khi nào có thể cưới nàng, chúng ta cùng rời khỏi chốn thị phi này, để được sống một cuộc sống yên vui hay sao? Giờ đây chúng ta đã sắp được rời khỏi chốn thị phi này rồi, bỏ lại tất cả, để sống một cuộc sống khác, một cuộc sống đàng hoàng, đường đường chính chính.”

Những lời này khiến Hoa Nguyệt Dung giật mình ngồi bật dậy: “Muội chưa hiểu.”

Trương Ân Thụy nói: “Cuộc sống chuyên đi lừa đảo không phải là kế lâu dài. Sau khi Cửu gia chết, ta đã định rửa tay gác kiếm, muốn đầu quân cho Lý Kế Thâm đi kháng Nhật. Số tiền kiếm được lần này đều dùng để mua súng ống đạn dược. Hai hôm nữa, ta sẽ đánh bài ngựa với mọi người. Ai bằng lòng theo ta, ta sẽ đưa đi cùng, còn những ai không bằng lòng theo ta thì tùy... Ta muốn đưa muội đi, sau này sẽ đối tốt với muội, cưới hỏi muội đàng hoàng...” Nói đến đây, Trương Ân Thụy nắm chặt tay Hoa Nguyệt Dung, ánh mắt tha thiết nhìn nàng.

Hoa Nguyệt Dung im lặng.

“Sao vậy? Muội không thấy vui sao? Chúng ta sắp đi trên con đường chính nghĩa rồi, muội sẽ là cô dâu của ta. Về sau ta sẽ không để nàng phải lo lắng, sợ hãi nữa!” Trương Ân Thụy vừa nói vừa nhìn Hoa Nguyệt Dung với ánh mắt tha thiết.

Hoa Nguyệt Dung trầm giọng nói: “Muội vui, muội vui lắm!”

Trương Ân Thụy từ từ cởi áo Hoa Nguyệt Dung...

Một khi phụ nữ đã thay lòng thì mọi thứ diễn ra trên giường cũng chẳng còn hương vị gì cả. Cái cảm giác này không thể nói được thành lời, nhưng có thể cảm nhận được. Sau một hồi lăn qua lăn lại, Trương Ân Thụy buông Hoa Nguyệt Dung ra, tựa vào đầu giường, châm một điếu thuốc, hút một hơi thật dài, rồi chậm rãi nhả khói, nói: “Muội rất khác.”

Hoa Nguyệt Dung không chối cãi, cũng không lên tiếng, nàng im lặng rất lâu rồi nói: “Khác sao?”

Trương Ân Thụy nói: “Muội vẫn như đang dàn cục.”

Hoa Nguyệt Dung gượng cười một cách khổ sở: “Chẳng phải ngày nào muội cũng ở trong cục đó sao?”

Trương Ân Thụy hít một hơi dài, nhả khói ra. Khói thuốc bện lại thành những vòng tròn bay lên. Hai người im lặng, không ai nói với ai câu gì. Căn phòng bỗng trở nên tĩnh lặng. Một lúc lâu sau, Trương Ân Thụy nói: “Muội nói đi! Nói!”

Hoa Nguyệt Dung cắn môi, cúi đầu trầm tư suy nghĩ, một lúc sau ngập ngừng, ấp úng nói: “Muội... có thể sống cuộc sống của mình không? Muội không cần thứ gì khác và muội cũng không muốn nói gì lúc này.”

Tay Trương Ân Thụy run lên, tàn thuốc dài rụng xuống, lại là một khoảng tĩnh lặng trống rỗng. Hoa Nguyệt Dung vẫn cúi đầu. Một lúc sau, Trương Ân Thụy nói tiếp: “Mấy năm nay... Muội đi theo ta phải chịu nhiều cực khổ... Nếu muội đã có lựa chọn, chỉ cần không phương hại đến việc lớn của ta, ta... sẽ để muội ra đi.”

Đột nhiên Hoa Nguyệt Dung ngược mắt lên, nhìn thẳng vào Trương Ân Thụy nói: “Để muội đi thật sao?”

Trương Ân Thụy chau mày, không nói.

Hoa Nguyệt Dung đột nhiên quỳ xuống, nước mắt tuôn rơi: “Hãy để muội đi! Hãy buông tha muội! Muội thề sẽ giấu kín những chuyện này trong lòng, suốt đời không bao giờ nói ra. Muội chỉ cầu mong được sống cùng ông ấy. Muội chỉ cầu mong được sống cùng ông ấy.”

Trương Ân Thụy sững sờ nhìn Hoa Nguyệt Dung, mãi sau mới nói: “Hãy đứng lên, đứng lên đi, từ từ nói. Nói ta xem đã xảy ra chuyện gì, ta sẽ để muội đi.”

Hoa Nguyệt Dung nhìn Trương Ân Thụy với ánh mắt dè chừng. Trương Ân Thụy mỉm cười nói: “Đừng sợ, hãy nói ta nghe.”

Hoa Nguyệt Dung thu hết can đảm nói ra từ đầu đến cuối mọi việc chôn giấu trong lòng, nàng kể đến việc Từ Hoài Cận đã đối xử với

mình chân tình thế nào, bản thân mình cũng không kìm nén nỗi tình cảm nên đã yêu thương Từ Hoài Cận ra sao, nàng kể mãi, kể mãi... Cuối cùng khi đôi mắt đã nhòa lệ, nàng nói: “Là muội có lỗi với huynh, là muội có lỗi với huynh. Lần này, muội không thể đi cùng huynh được, không thể đi cùng được. Sau này muội nhất định sẽ không nói ra những chuyện này, tuyệt đối im lặng. Đường khấu cũng sắp giải tán rồi, muội không làm hại đến việc lớn của huynh, muội chỉ cầu xin huynh buông tha cho muội!”

Trương Ân Thụy chỉ im lặng nghe, gương mặt không chút biểu cảm, cuối cùng chỉ nhẹ nhàng hỏi: “Nói như vậy, muội ... yêu hẳn thật lòng sao?”

Hoa Nguyệt Dung thẳng thắn gật đầu. Trương Ân Thụy nhắm nghiền mắt lại, hai giọt nước mắt từ từ lăn xuống.

Hoa Nguyệt Dung không nói gì, lặng lẽ lui ra khỏi phòng Trương Ân Thụy. Trở về phòng mình, nàng lấy bút mực ra viết một bức thư mà nàng tự biết rằng sẽ không bao giờ có thể gửi đi được, viết xong nàng đặt thư dưới gối, rồi ra trước gương chải lại tóc, sau đó nằm lên giường, gối đầu lên bức thư rồi nhắm mắt lại trong niềm hạnh phúc.

Một tiếng sấm vang lên khi trời còn chưa sáng, cảnh đêm tĩnh mịch dường như cũng run rẩy, thương cảm cho một kiếp hồng nhan, Hoa Nguyệt Dung đã chết. Không ai biết Trương Ân Thụy vì nghĩ đến việc lớn của mình, hay vì nỗi oán hận trong lòng. Chỉ biết rằng, ông ta đã tự tay giết chết người con gái mà mình yêu thương nhất. Càng không ai có thể biết rằng trước khi chết Hoa Nguyệt Dung có ngủ thật hay không, hay là nàng im lặng nằm trên giường. Có lẽ nàng cũng nghe thấy tiếng bước chân của Trương Ân Thụy, hơn hết là nghe được tiếng lên đạn của ông ta, nhưng nàng không chạy trốn, mà có muốn cũng không biết phải trốn nơi nào. Đất trời tuy rộng lớn, nhưng không có nơi nào cho nàng dung thân cả.

Nhiều năm sau, nhắc lại vụ dàn cục này Tổ Gia vẫn chỉ biết lắc đầu thờ dài. Ai tốt, ai xấu, ai trong cục, ai ngoài cục, Tổ Gia không rõ, Trương Ân Thụy cũng không rõ, Từ Hoài Cận lại càng không rõ. Hoa Nguyệt Dung ra đi, mang theo nỗi thống khổ và mối tình chưa dứt của cả cuộc đời nàng.

Sau khi quân Nhật đánh đến, Tổ Gia sai người đem những con

trâu này đến cho các vị hương thân phụ lão của địa phương, họ đã dùng những con trâu này đi kéo xe, giúp đưa các chiến sĩ, quân nhân Quốc dân Đảng bị thương ở tiền tuyến về. Tổ Gia thở dài thương cảm: “Người nuôi trâu ba năm, trâu phục vụ người cả đời, thiện ác tương báo vốn rất đơn giản, vì đâu con người cứ vướng mãi trong cái vòng luẩn quẩn này!”

Về sau, Tổ Gia nghe nói Từ Hoài Cận và Quân thống đường ai nấy đi. Hắn bị truy sát phải chạy sang Hồng Kông, về sau không có tin tức gì nữa.

Sau khi Trương Ân Thụy lừa được tiền liền chiêu binh mãi mã, lôi kéo người hòng đọ sức với Cục Quân thống. Nghe nói ông ta đã giết chết rất nhiều thân tín dưới quyền của Đới Lạp. Về sau, Trương Ân Thụy đầu quân cho Lý Kế Thâm cùng phản Tưởng kháng Nhật. Sau khi cuộc kháng chiến bùng nổ toàn diện, Trương Ân Thụy đã nhiều lần xung phong ra tiền tuyến. Năm 1940 ông ta bị một viên đạn bắn trúng ngực trong chiến dịch Quế Nam, trước khi chết có để lại một di nguyện, sau khi hỏa táng đưa tro cốt của mình về quê nhà, chôn bên cạnh mộ phần cô độc của Hoa Nguyệt Dung.

Vụ dàn cục mỹ nhân lần này, là cuộc giao đấu trực diện đầu tiên của phái Giang Tương với Cục Quân thống Quốc dân Đảng. May thay, lần đó bọn đặc vụ của Quân thống vẫn chưa phát giác ra, nên chưa bị chúng quay lại vồ. Phong Tử Thủ muốn báo thù cho Cử gia, Tổ Gia cũng vậy. Ông đã dùng cách này để nhả nử Phong Tử Thủ, cũng là giảng một bài học sinh động cho anh ta. Từ đó. Phong Tử Thủ ngộ ra một đạo lý rằng: phạm là người thành đại sự, tất không phải là kẻ hữu dũng vô mưu, liều mạng thì ai cũng có thể liều, nhưng một mạng sống thì đáng bao nhiêu quan tiền chứ?

Thế lực của Quân thống ngày một mạnh thêm, Tổ Gia đã liệu trước sớm muốn đến một ngày phái Giang Tương sẽ đụng độ với Cục Quân thống tại nơi ngõ hẹp, nhưng ông không ngờ rằng ngày đó lại đến nhanh và bất ngờ như vậy.

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Chương 5. HUYỀN CƠ CHU DỊCH TIỀM ẨN TRONG NGHỀ TƯỞNG SỐ

Quân thống truy sát

Năm 1943, Tứ đại Đường khẩu tổ chức Đại đường hội tại Trùng Khánh, lần đó Tổ Gia dẫn theo Phong Tử Thủ. Do trước đây Chưởng môn Tây phái Tần Bách Xuyên không xử lý tốt mối quan hệ với bọn quân phiệt địa phương, nên thiếu chút nữa thì bị chúng làm cỏ. Tổ Gia tức trí đa mưu suýt nữa cũng đã thừa cơ mượn đao giết người, tiêu diệt Tần Bách Xuyên.

Tần Bách Xuyên là đệ tử ruột của Đại thần tiên Lưu Tông Vân người Tứ Xuyên, Lưu Tông Vân là nhân vật như thế nào? Ông ta chính là Chưởng môn đời thứ 14 của Đường khẩu Long Tu Nha thuộc Tây phái, người đề xướng ra “Nhất quán tiên thiên đại đạo”, từng làm quân sư của tên quân phiệt Tứ Xuyên Vương Lưu Tương. Năm xưa khi con đường thăng quan tiến chức của Trương Đan Thành rộng mở, Chưởng môn Tây phái khi đó là Đoàn Kim Sơn thì Lưu Tông Vân chỉ giữ một chức quyền trong Đường khẩu. Nhưng Lưu Tông Vân thông minh tuyệt đỉnh, can đảm có thừa, tức trí đa mưu. Sau khi Đoàn Kim Sơn qua đời, ông ta nhanh chóng trở thành Chưởng môn của Đường khẩu.

Năm 1936, Lưu Tương nhận ra thủ đoạn của Lưu Tông Vân nên đã ra lệnh truy sát, Lưu Tông Vân sợ hãi liền chạy trốn. Năm 1938, Lưu Tương bị bệnh chết, Lưu Tông Vân lại trở về Tứ Xuyên định tiếp tục cai quản Đường khẩu, nhưng Đường khẩu đã bị Tần Bách Xuyên giải quyết tận gốc từ lâu, nên vị trí của ông ta đã chẳng còn. Lưu Tông Vân dù căm hận vô cùng, cũng đành bất lực, Tần Bách Xuyên đã nói một câu khiến ông ta chết điếng: “Trước khi Lưu Tương chết có dặn rằng, một là phải chiến đấu đến cùng để rửa sạch nỗi nhục cho bang hội. Hai là truy sát Lưu Tông Vân để rửa hận.” Giọng điệu ấy rõ ràng có ý nói: Lưu Tông Vân, ông còn sống là may lắm rồi, sao còn dám xuất đầu lộ diện đòi làm Đại Sư bá? Từ đó Lưu Tông Vân ẩn náu ở Thượng Hải, sau giải phóng bị Tòa án nhân dân thành phố Thành Đô kết án tử hình, nhưng hoãn thi hành án, về sau mắc bệnh qua đời.

Tần Bách Xuyên là kẻ lòng dạ nham hiểm, thủ đoạn độc ác, nhưng cũng là kẻ ưa giữ thể diện. Khi đó, hắn không hề để lộ cho ai biết là mình đang có xích mích với quân phiệt. Đường hội họp đến ngày thứ hai thì bọn chân tay gác bên ngoài báo tin rằng có một nhóm người mang theo súng đang kéo đến đây.

Tần Bách Xuyên lúc đó vô cùng giận dữ, rút súng giắt bên hông quát lớn: “Mẹ kiếp! Ưc hiếp người quá lắm rồi đấy.”

Tổ Gia cảm thấy sắp có chuyện xảy ra liền nói: “Đừng có nóng! Cứ tạm lánh trước đi đã!”

Mấy vị Bá đầu cũng rút súng và lên sẵn đạn, mọi người bắt đầu giải tán. Quân đội chính quy khác bọn thổ phỉ trên núi. Bọn họ hoạt động có sách lược, nhóm người kia chỉ là hư trương thanh thế, đánh động trước nhằm do thám thực lực đối phương, còn thực ra các nẻo đường quan trọng dẫn lên núi đều đã bố trí sẵn quân mai phục vòng trong vòng ngoài, mấy chục người tham dự Đại đường hội vừa chạy tới chỗ rẽ, thì từ trong rừng một toán người lao ra xả súng.

Phong Tử Thủ vội đẩy Tổ Gia ngã nhào xuống đất, còn mình lãnh một viên đạn, cũng may chỉ bị bắn trúng vào cánh tay trái.

“Tiểu Lục Tử!” Tổ Gia đau lòng kêu lên.

Tổ Gia biết đã xảy ra chuyện lớn. Bọn người này đều là quân đội chính quy. Tần Bách Xuyên phen này chọc vào ổ kiến lửa rồi.

Mấy tên tay chân chạy phía trước đều bị bắn chết, số còn lại nấp trong nhà dân, sẵn sàng bắn trả. Người Tứ Xuyên thường làm theo kiểu nhà khung có lan can, được xây dựng tựa vào thế núi, vừa cao vừa sâu. Phong Tử Thủ tuy bị thương, nhưng vẫn theo sát phía sau Tổ Gia, luôn sẵn sàng đỡ đạn cho ông.

Tổ Gia cau mày suy nghĩ, tìm cách thoát thân. Ông nhìn những người khác. Tần Bách Xuyên kể cũng là kẻ to gan táo tợn, cầm súng vừa bắn trả vừa chửi rủa. Tiền Diệu Lâm nghe thấy tiếng súng nổ, hai mắt đảo ngược đảo xuôi, trong lòng tuy rất sợ hãi, nhưng lại không muốn để mất đi cái uy của Đại Sư bá nên cố tỏ vẻ không sao. Còn Giang Phi Yến ngược lại vẫn rất bình tĩnh, bà nhìn Tổ Gia, lúc đó Nhị Bá đầu cũng có mặt. Sau khi thoát khỏi nguy hiểm, Nhị Bá đầu nói với

các huynh đệ của Đường khẩu: “Lúc đó trong tâm trí của Giang Phi Yến chỉ có mình Tổ Gia mà thôi.”

Thực ra, các huynh đệ trong Đường khẩu từ lâu đã bàn ra tán vào rằng Giang Phi Yến có tình cảm đặc biệt với Tổ Gia. Bởi họ thấy bà luôn tỏ thái độ lạnh lùng với tất cả mọi người, nhưng chỉ tươi cười với duy nhất một mình Tổ Gia.

Trong lúc Tổ Gia đang mãi suy nghĩ thì bất chợt nghe thấy tiếng hò hét của quân lính ở bên ngoài: “Bắt sống Tần Bách Xuyên!”

Tổ Gia thoát nghe liền hiểu ngay ngọn nguồn của vấn đề. Thứ nhất, đối phương chỉ nhằm vào Tần Bách Xuyên, vì Đường khẩu mở đại hội là việc hết sức cơ mật, không ai biết đó là buổi hội họp của Tứ đại Đường khẩu, cho nên đối phương chỉ biết rằng Tần Bách Xuyên có mặt ở đó chứ không hề biết những người khác làm gì. Thứ hai, bọn chúng cần bắt sống chứ không phải xử tử tại chỗ.

Tổ Gia ngẫm nghĩ một lát rồi nói với Tần Bách Xuyên: “Tần gia! Tôi có một kế có thể giúp mọi người thoát hiểm.”

Tần Bách Xuyên khom người nói: “Thoát hiểm hay không không quan trọng, cùng lắm là chết chứ gì!”

Tổ Gia nói: “Chúng ta chết cũng chẳng sao, nhưng còn mấy chục huynh đệ, nữ lòng nào lại để họ phải chết một cách oan uổng?” Nói xong, Tổ Gia nhìn khắp một lượt, câu nói này khiến cho các Bá đầu và bọn chân tay cảm thấy ấm lòng, mọi người đều nhìn Tổ Gia với ánh mắt đầy hy vọng.

Tần Bách Xuyên thở dài nói: “Vậy Tổ Gia có kế sách gì?”

Tổ Gia đưa mắt nhìn ông ta rồi nói: “Tôi nghe thấy đối phương hào phải bắt sống Tần gia, tôi đoán chắc giữa Tần gia với đối phương đã xảy ra sự hiểu lầm gì đó, bởi vậy họ không muốn sát hại Tần gia ngay...” Nói đến đây Tổ Gia ngừng lại nhìn chằm chằm vào Tần Bách Xuyên.

Sự việc đã đến nước này, tuy mọi người đều không nói gì, nhưng trong lòng đã bắt đầu oán hận Tần Bách Xuyên. Đại hội Đường khẩu tổ chức trên địa bàn của hắn ta, kết quả bị người khác bao vây, thế mà

hắn chẳng hề hay biết gì, vậy mà cũng đòi làm Đại Sư bá.

Tần Bách Xuyên nhìn mọi người, nói: “Chắc là chuyện năm xưa của Lưu gia (chỉ Lưu Tông Vân). Rất nhiều người đã bị Lưu Tông Vân lừa. Gần đây Trung đoàn trưởng Trung đoàn Độc lập Quốc dân Đảng đã tới tìm tôi, đòi bắt tôi trả lại số tiền năm xưa đã bị Lưu gia lừa gạt. Tôi nói oan có đầu nợ có chủ, một xu cũng không trả. Không ngờ hắn lại để bụng chuyện này.”

Tổ Gia nghe xong, đại khái hiểu đôi ba phần, nhưng ông vẫn cảm thấy có điều gì đó không ổn. Tần Bách Xuyên dù gì cũng là kẻ có máu mặt ở Tứ Xuyên, từng qua lại với bọn quan chức cấp cao trong chính phủ. Một tên Trung đoàn trưởng lại dám ra lệnh cho thuộc hạ phải bắt sống ông ta thì chắc chắn phải có sự chỉ thị ở trên. Dù gì Trùng Khánh cũng là thủ phủ của chính quyền Quốc dân thời bấy giờ, nên chẳng kẻ nào to gan đến mức dám điều cả quân đội chính quy đến đây gây chuyện.

Tổ Gia đã đoán ra chút manh mối nhưng vẫn điềm tĩnh nói: “Tôi cảm thấy chẳng có gì to tát cả, chỉ là hiểu lầm mà thôi, tôi có kế hoãn binh, nhưng...”

Tần Bách Xuyên hỏi: “Nhưng sao? Xin Tổ Gia cứ nói!”

Tổ Gia nói: “Nhưng Tần gia phải chịu thiệt thòi một chút.”

Tần Bách Xuyên sừng sốt: “Ông nói sao?”

Tổ Gia nói: “Bây giờ chúng ta đang bị bao vây, trong tay chỉ có vài khẩu súng, hoặc là cùng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng, Phái Giang Tương sẽ diệt vong từ đây, hoặc là Tần gia giả vờ đầu hàng, chúng tôi đóng giả làm thuộc hạ của ông, bắt trói ông lại để giao cho đối phương. Đợi sau khi thoát được, chúng tôi sẽ lập tức móc nối các mối quan hệ giải cứu cho ông.”

Tần Bách Xuyên nghe vậy bần thần cả người, Tổ Gia thấy vậy liền nói tiếp: “Thế này đi, tôi đoán bọn lính ngoài kia chẳng mấy tên biết mặt Tần gia. Tôi sẽ cải trang, làm Tần gia. Mọi người trói tôi lại rồi giao nộp cho chúng, sau đó hãy tìm đường mà thoát thân.”

Giang Phi Yến nghe vậy, bất giác kêu lên: “Tổ Gia!”

Thực ra Tổ Gia chỉ dùng chiêu lùi một bước tiến hai bước, sự việc đã đến nước này, tất cả mọi người đều nhìn Tần Bách Xuyên. Còn Tần Bách Xuyên đã ở vào thế leo lên lưng hổ khó mà xuống được. Tổ Gia quả là thâm hiểm.

Sống cùng sống, chết cùng chết. Đó là câu cửa miệng của người đứng đầu Đường khẩu. Đến khi xảy ra chuyện thật, thân là Đại Sư bá, hơn nữa lại là kẻ gây ra chuyện rắc rối này, lẽ ra Tần Bách Xuyên phải tự đứng ra giải quyết, thế mà bây giờ lại phải đợi người ta nhắc nhở đến nơi. Thật không đáng mặt chút nào!

Tần Bách Xuyên vô cùng căm hận Tổ Gia! Nhưng hấn như cá nằm trên thớt nên cũng hết cách, Tần Bách Xuyên đành phải ra vẻ cao thượng: “Sao Tổ Gia lại nói vậy? Người nào làm người nấy chịu. Tần Bách Xuyên tôi từ khi gia nhập Đường khẩu đã xem nhẹ sự sống chết rồi. Những lời Tổ Gia vừa nói đã làm tôi thức tỉnh, các ông cứ trối tôi lại rồi giao cho bọn họ, nếu tôi có gì bất trắc, Long Tu Nha sẽ được giao phó cho đại đệ tử của tôi là Phương Hóa Thiên. Mong Tổ Gia và các vị Sư bá tận tâm giúp đỡ, đừng để cho cơ nghiệp của Long Tu Nha bị phá hủy trong một sớm một chiều!”

Tần Bách Xuyên cũng thật nham hiểm, trước mặt tất cả huynh đệ Tứ đại Đường khẩu hấn ta tuyên bố rất hùng hồn, lại còn giao phó rõ ràng chuyện hậu sự. Ý là cho dù ta có chết thì Tổ Gia nhà người cũng đừng hòng can thiệp vào việc của Đường khẩu Tây phái. Hôm nay tất cả có lớn có bé ở đây, sau này ông mà có ý đồ gì thì sẽ bị coi là kẻ bội tín bội nghĩa.

Mấy tên tay chân trối Tần Bách Xuyên lại, Tổ Gia hô to ra phía ngoài: “Các vị trưởng quan, chúng tôi đã bắt được Tần Bách Xuyên rồi. Xin giao nộp cho các ngài! Mong các ngài hãy cho chúng tôi một con đường sống!”

Bọn người bên ngoài nghe thấy vậy liền đáp: “Các ngươi hãy quăng hết súng ra đây!”

Tổ Gia đưa mắt ra hiệu cho mọi người. Mọi người liền quăng mấy khẩu súng ra ngoài.

Bọn người bên ngoài lại hô to: “Giải Tần Bách Xuyên ra đây.”

Hai tên tay chân giải Tần Bách Xuyên đi trước, những người còn lại tất cả đều giơ tay theo sau.

Khi tới gần chỗ tên cầm đầu, Tổ Gia mỉm cười nói: “Trưởng quan, Tần Bách Xuyên bị chúng tôi bắt được rồi. Chúng tôi vốn không liên quan đến hắn. Cầu xin trưởng quan hãy cho chúng tôi một con đường sống, chúng tôi vẫn còn cha mẹ, vợ, con ở nhà. Cầu xin...”

Không đợi Tổ Gia nói hết câu tên tiểu tử đó liền xông lên vả một cái vào miệng Tổ Gia: “Mẹ kiếp nhà người! Đừng phí lời nữa!” Sau đó, hắn quay lại nhìn đám thuộc hạ rồi xua tay: “Giải đi hết cho ta!”

Phong Tử Thủ tức điên lên định giết chết hắn, nhưng Tổ Gia giữ anh ta lại.

Tổ Gia đang băn khoăn không biết nên chạy trốn vào lúc nào, trước đó mọi người đã bàn bạc, nếu chúng tha cho mọi người là tốt nhất. Còn nếu không trên đường áp giải, khi tới chỗ đường núi dễ ẩn nấp, có địa hình thuận lợi, nhân lúc chúng không chú ý, mọi người sẽ tìm cơ hội bỏ trốn.

Tổ Gia nói với mọi người, khi chạy trốn mọi người đừng để ý đến nhau. Mỗi người một ngã, chia thành nhiều tốp nhỏ mà chạy. Như vậy vừa phân tán sự chú ý của chúng, vừa không đến nỗi vì cứu người già mà người trẻ phải bỏ mạng. Sau khi thoát được, mọi người sẽ gặp nhau tại chỗ đã hẹn.

Khi chạy trốn phải nghe khẩu lệnh của Tổ Gia. Ông ho một tiếng, sau đó sẽ cùng với Phong Tử Thủ phi tiêu, các huynh đệ trong Đường khẩu đều biết trình độ phi tiêu của hai người rất lợi hại. Tuy đã nộp hết súng, nhưng trong túi vẫn còn phi tiêu. Đợi sau khi Tổ Gia và Phong Tử Thủ cùng phóng tiêu, tất sẽ khiến bọn chúng náo loạn, lúc đó mọi người nhân cơ hội mà chạy trốn.

Tổ Gia nhìn Phong Tử Thủ, cánh tay trái vẫn còn rỉ máu, Tổ Gia nhìn anh ta rồi gật đầu, anh ta cũng nhìn Tổ Gia rồi gật đầu lại. Tổ Gia lại quay sang nhìn Giang Phi Yến, cả hai người đều không nói gì. Đây là thời khắc không biết sống chết thế nào. Một khi cuộc chiến bắt đầu, súng đạn chẳng chừa bất kỳ ai, ai sống ai chết cũng không thể nói trước được.

Ngã rẽ cuộc đời dường như luôn xuất hiện điều kỳ diệu, Tổ Gia đang vừa đi vừa quan sát địa hình xung quanh. Bỗng trên bầu trời có tiếng kêu ù ù, trong thời kỳ chiến tranh, mọi người vô cùng nhạy cảm với thứ âm thanh này, đó là dấu hiệu của một trận tập kích trên không.

Từ năm 1938, Nhật Bản điên cuồng dội bom xuống Trùng Khánh suốt 5 năm ròng, hòng phá hủy thủ đô thứ hai của Quốc dân Đảng. Thực ra, đối với Trùng Khánh, Nhật Bản ngoài ném bom oanh tạc thì cũng chẳng còn cách nào khác. Trùng Khánh được thiên nhiên vô cùng ưu ái. Nơi đây có địa thế vô cùng thuận lợi, vừa có chiến hào Trường Giang hiểm yếu, lại có núi non bao bọc làm bình phong, suốt ngày sương mù bao phủ dày đặc, dễ phòng thủ khó tấn công.

Vì thế, bọn người Nhật Bản bắt đầu dùng cách “oanh tạc điên cuồng”, để chặt đứt ranh giới giữa tiền tuyến với hậu phương, giữa quân giao chiến với dân thường. Sau mỗi đợt oanh kích, đạn pháo bay tứ tung, cả Trùng Khánh chìm trong biển lửa, biết bao dân thường vô tội bị chết vì bom đạn. Trên đường phố, trong các ngõ hẻm, sau mỗi đợt oanh tạc, thi thể nằm ngổn ngang.

Lúc này máy bay đã cận kề đỉnh đầu, tên cầm đầu hét lên: “Nằm xuống mau!” Hai mươi mấy tên lính lập tức ôm đầu nằm rạp xuống đất.

Tổ Gia thấy thời cơ đã đến liền vẫy tay: “Chạy!”

Tất cả các A Bảo chạy tán loạn. Toán lính đang nằm rạp trên mặt đất liền xả súng về phía các A Bảo, vừa bắn được vài phát thì bom dội xuống ngay trên đầu, một quả rơi ngay giữa đường, dùng một tiếng, đất cát bay mù mịt, cây cối nằm ngả nghiêng. Giang Phi Yến và mấy nữ A Bảo vừa chạy khỏi chỗ quả bom rơi không xa thì bị một sức ép dữ dội tràn đến hất họ ngã nhào. Tổ Gia đã chạy được một quãng xa, thấy vậy bất chấp lửa đạn mạo hiểm quay lại. Giang Phi Yến đã bất tỉnh, Tổ Gia bế bà chạy vào trong rừng, lại một quả bom nữa rơi xuống, lửa đạn khiến cho hai mươi mấy tên lính kia không dám ngẩng đầu lên. Phong Tử Thủ luôn theo sát Tổ Gia, họ nhanh chóng mất hút trong cánh rừng mênh mông.

Đến canh hai, mọi người gặp lại nhau ở sau núi. Các Đường khẩu lần lượt kiểm tra quân số, tất cả thiếu mất bảy người, bao gồm cả Tần

Bách Xuyên. Không biết ông ta đã trốn thoát chưa, hay là bị trúng đạn mà chết trong lúc hoảng loạn.

Giang Phi Yến dần tỉnh lại, một mảnh bom đã găm vào vai trái của bà, Tổ Gia xé áo của mình để băng bó cầm máu vết thương. Ông nói với mọi người: “Yến tử và Tiểu Lục Tử đều bị thương, phải nhanh chóng tìm đại phu mới được.”

Nhị Bá đầu nói: “Hay là cứ về Đường khẩu của Tần gia trước đã, chưa biết chừng Tần gia cũng đang ở đó, đến lúc đó hãy tìm đại phu.”

Phái Giang Tướng có quy định, phàm là mở Đại đường hội, để che mắt bọn gián điệp, không được hội họp ngay tại Đường khẩu, mà phải tìm một nơi yên tĩnh cách xa địa bàn, để đề phòng có kẻ gây tai họa. Hơn nữa về địa điểm tổ chức, ngoài những người tham dự thì không một ai khác biết được. Tham gia Đại đường hội đều là Đại Sư bá và một số thành phần tinh anh của các Đường khẩu. Một khi có chuyện xảy ra sẽ can hệ đến sự tồn vong của phái Giang Tướng, cho nên đó là điều hết sức cơ mật. Địa điểm tổ chức lần này cách Đường khẩu Long Tu Nha khoảng 20 dặm, là nơi mà Tần Bách Xuyên đã vất vả tìm chọn.

Tổ Gia nhìn Nhị Bá đầu rồi lắc đầu: “Rất có thể Đường khẩu của Tần gia đã bị xóa sổ rồi.”

Mọi người nghe xong đều hoảng hốt kêu lên.

Tiền Diệu Lâm nãy giờ vẫn im lặng chợt lên tiếng: “Tổ Gia phân tích rất có lý. Chúng đã có thể bao vây chúng ta, chứng tỏ chúng đã biết rất rõ hành tung của chúng ta. Bọn họ lại dám bắt sống Tần gia, như vậy Đường khẩu của ông ấy chắc chắn đã bị phá hủy rồi.”

Lúc này một người trong Đường khẩu Long Tu Nha nói: “Tổ Gia, nói như vậy thì chúng tôi không dám đi tìm đại phu trong thành đâu. Chúng tôi mà thò mặt ra lúc này, chắc chắn sẽ bị tóm ngay, đi qua khỏi ngọn núi này có một ngôi làng, ở đó có thầy lang. Lúc nhỏ tôi vẫn thường mời ông ta tới nhà khám bệnh. Cứ để xem ông ấy có cứu được không đã!”

Tam Bá đầu nghe vậy liền nói: “Ngọn núi này thế rất dốc, vượt núi vào lúc đêm khuya, e là rất nguy hiểm.”

Tổ Gia không phản ứng gì, quay sang nói với Tiền Diệu Lâm: “Tiền gia, tôi thấy thế này, tôi sẽ dẫn mấy người đi tìm đại phu, những người còn lại do Tiền gia dẫn đầu, sau khi xuống núi hãy cải trang rồi ẩn nấp để nghe ngóng tung tích của Tần gia...” Nói nửa chừng Tổ Gia ghé sát vào tai Tiền Diệu Lâm nói nhỏ vài câu, Tiền Diệu Lâm gật gật đầu.

Thế là mọi người chia thành hai ngả, đi theo Tổ Gia có Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu, Phong Tử Thủ, còn có cả mấy nữ A Bảo của Nam phái Việt Hải Đường và mấy người dẫn đường của Long Tu Nha. Họ lần lượt công Giang Phi Yến thay cho Tổ Gia.

Đến canh năm, cuối cùng cũng tới được nơi mà tên tay chân kia nói. Tổ Gia nhìn quanh, đó là một thôn trang của người dân tộc Miêu. Tên tay chân kia tiến đến gõ cửa, một lão thầy lang khoác áo đi ra. Vừa mở cửa ông ta giật thót mình khi thấy có tới cả chục người đứng trước mặt. Tên tay chân vội chào rồi nói: “Làm phiền lão tiên sinh, mấy người bạn của tôi đi buôn ngựa, ban ngày khi đi qua núi, không may gặp phải trận oanh tạc của bọn giặc, lại bị bọn thô phỉ truy đuổi khiến hai người bị thương. Xin lão tiên sinh cứu mạng!”

Lão thầy lang liền nói: “Mau vào đi!”

Sau khi vào nhà, dưới ánh đèn lò mờ, Tổ Gia mới nhìn rõ. Đó là một ông lão khoảng chừng ngoài 50 tuổi, chòm râu phất phơ, trông như một ông tiên.

Lão thầy lang xem xét kỹ vết thương của Giang Phi Yến và Phong Tử Thủ, sau đó đi vào trong nhà rồi mang ra một cái hộp. Sau khi mở ra, mọi người nhìn vào thì thấy bên trong nào là dao, kim, nhíp kẹp, kim, còn có cả một đồng lọ đựng thuốc nước.

Lão thầy lang phải xử lý vết thương cho Giang Phi Yến và Phong Tử Thủ. Theo Đông y, việc xử lý bên ngoài vết thương đòi hỏi phải tiến hành hết sức cẩn thận. Vết thương của Giang Phi Yến khá nặng, nên lão thầy lang phải xử lý cho bà trước.

Trước tiên, lão thầy lang lấy một túi thuốc bột đổ vào trong niêu đất rồi cho nước vào, sau đó cho thêm một ít thảo dược, sắc qua một lát rồi lại đổ ra bát, ông bảo Tổ Gia đỡ Giang Phi Yến rồi từ từ bón cho bà.

“Đây là thủy thánh tán¹, uống vào sẽ không cảm thấy đau nữa đâu!” Lão thầy lang lẩm bẩm. Tổ Gia nghe nói thế là biết ngay, trong rất nhiều sách Đông y đều có ghi chép về thủy thánh tán, trước khi mổ vết thương mà uống vào thì người bị thương sẽ bị gây mê ngay lập tức.

Thấy Giang Phi Yến đã uống xong bát thuốc, lão thầy lang liền lấy con dao nhọn rồi hơ trên lửa than, làm như vậy để khử trùng trong nhiệt độ cao. Lão vừa hơ vừa nói với Tổ Gia: “Hãy để cô ấy nằm thẳng trên giường, rồi cởi áo ra cho cô ấy.”

Tổ Gia ngăn người một lát, rồi vội vẫy tay gọi nữ A Bảo đứng bên cạnh: “Các người hãy tới giúp lão tiên sinh một tay.” Sau đó, nói với những người khác: “Các người theo ta ra ngoài đợi.”

Sau khi uống thuốc, Giang Phi Yến dần chìm vào cơn mê, nhưng vẫn còn tỉnh táo đôi chút. Bà cố kéo tay Tổ Gia lại, tỏ ý không muốn Tổ Gia rời đi, Tổ Gia nhẹ nhàng gỡ tay Giang Phi Yến rồi nói khẽ: “Yến tử, chúng ta đứng chờ ở bên ngoài, chẳng mấy chốc mà xong thôi.”

Mất chừng khoảng thời gian một tuần nhang, lão thầy lang đi ra, ông vừa lau tay vừa nói với Tổ Gia: “Mảnh đạn đã được gấp ra rồi. Vết thương đã được đắp thuốc và khâu lại, nhưng vẫn phải uống thuốc trong vài ngày, nghỉ ngơi tĩnh dưỡng một tuần thì mới khỏi hẳn.”

Tổ Gia bước vào thấy Giang Phi Yến vẫn nằm thiếp thiếp trên giường, vội chấp tay thi lễ nói: “Đa tạ lão tiên sinh.”

Lão thầy lang không nói gì, lại bắt đầu sắc thủy thánh tán, Phong Tử Thủ thấy vậy bèn cười, nói: “Lão tiên sinh, không cần đến thứ thuốc gây mê đó đâu, tôi có thể chịu được. Vết thương của tôi không sâu, ông chỉ cần gấp viên đạn ra là được.”

Dường như lão thầy lang không nghe thấy lời Phong Tử Thủ, sắc một lát ông đổ thuốc vào bát rồi đưa cho Phong Tử Thủ. Anh ta chỉ còn biết nhìn Tổ Gia rồi ngẩng cổ lên uống một hơi.

Lão thầy lang lúc này mới nói: “Ta đã cho thêm chỉ huyết liên, nó không chỉ có tác dụng gây mê, mà còn có hiệu quả cầm máu.” Tổ Gia

nghe nói vậy liền gật đầu.

Một lúc sau Phong Tử Thủ cảm thấy buồn ngủ, liền nằm xuống giường, từ từ đi vào giấc ngủ.

Lão thầy lang cũng cầm dao hơ trên lửa than để khử trùng, sau đó rạch vết thương, thời gian mổ vết thương hơi lâu, máu tụ bên trong đã đen sì. Lão thầy lang cẩn thận rạch từng lớp da thịt một rồi từ từ dùng nhíp gấp viên đạn ra, sau đó bôi một ít thuốc mỡ màu vàng vào vết thương, cuối cùng dùng một cái kẹp nhỏ gấp một sợi chỉ tơ trong một cái lọ nhỏ rồi khâu vào kim, sau đó từ từ khâu kín vết thương.

Loại chỉ tơ này Tổ Gia đã từng nhìn thấy. Năm xưa, khi Đại Bá đầu gây gỗ với bọn phản động rồi bị thương cũng phải dùng sợi chỉ tơ này để khâu vết thương, gọi là tang bì tuyến. Chính là dùng vỏ rễ cây dâu, bóc bỏ lớp vỏ thô bên ngoài, từ từ tách lấy những sợi gân mảnh và dai bên trong, sau đó dùng một sợi khác bọc bên ngoài, vuốt vài lần rồi lấy ra. Lúc này, sợi gân rễ cây dâu sẽ biến thành từng sợi tơ óng ánh và mềm mại, cho những sợi tơ này vào trong lọ thuốc nước để giữ ẩm và độ mềm, khi dùng thì lấy ra khâu vào chiếc kim nhỏ là có thể khâu kín vết thương.

Ưu điểm lớn nhất của tang bì tuyến đó là không cần tháo chỉ, khi vết thương liền miệng, sợi chỉ này sẽ tự tiêu vào trong cơ thể.

Sau khi trời sáng, Giang Phi Yến và Phong Tử Thủ đều tỉnh dậy, Tổ Gia mừng rỡ nói: “Cuối cùng cũng tỉnh rồi, Yến tỷ và Tiểu Lục Tử cứ ở đây nghỉ ngơi tĩnh dưỡng vài ngày. Còn ta sẽ dẫn các huynh đệ khác quay về thành nghe ngóng tin tức.”

Vì Giang Phi Yến bị mất quá nhiều máu nên vẫn còn rất yếu, bà khẽ nói: “Đa tạ đệ đã liều chết cứu tỷ.”

Tổ Gia nói: “Đều là người một nhà cả, đừng nói những lời khách sáo như vậy! Yến tỷ cứ yên tâm nghỉ ngơi dưỡng thương.”

Phong Tử Thủ ngồi dậy, duỗi duỗi cánh tay rồi cười nói: “Con không sao rồi. Tổ Gia! Con sẽ quay về thành với sư phụ.”

Tổ Gia xua tay: “Không được. Ta bảo ngươi ở lại là để bảo vệ cho Đại Sư bá Yến tỷ đó.”

Giang Phi Yến nghe nói vậy, hai mắt đỏ hoe, ngoảnh đầu quay đi.

CHỈ THỊ TIÊU DIỆT TỐI CAO CỦA QUỐC DÂN ĐẢNG

Sau khi cải trang xong, Tổ Gia dẫn theo mấy A Bảo xuống núi, quay lại nơi tổ chức Đại đường hội ngày hôm qua.

Nhị Bá đầu thấy vậy ngăn người ra thắc mắc: “Tổ Gia! Chúng ta quay lại đây làm gì? Hôm qua vừa xảy ra chuyện ở đây mà.”

Tổ Gia cười cười rồi nói: “Thế người nói xem lúc này ở đâu là an toàn nhất?”

Nhị Bá đầu nói: “Về nhà. Trở về Đường khẩu của chúng ta.”

Tổ Gia nói: “Sai rồi! Ở đây mới là an toàn nhất.”

Nhị Bá đầu vẫn ngơ ngác không hiểu.

Tam Bá đầu lập tức hiểu ra ngay, hấn ta nói: “Tổ Gia nói đúng đấy. Hôm qua chúng ta đã bị bắt ở đây, bọn người kia có năm mơ cũng không nghĩ rằng chúng ta lại dám quay trở lại.”

Tổ Gia tiếp lời: “Lần này quân đội chính quy ra tay vây quét Tần gia, ta luôn cảm thấy có nhân vật nào đó đứng đằng sau. Tình hình của chúng thế nào chúng ta không hề hay biết, tốt nhất mọi chuyện đều phải hết sức cẩn thận.”

Nói xong, Tổ Gia bảo mọi người giải tán, còn mình giương một bức phướn bán thuốc, làm ra vẻ giống như một thầy lang giang hồ, vừa đi vừa hô: “Diệu thủ hồi xuân, chuyên trị tổn thương do va đập. Đậu nhi nha nhi xuất, lão không lão khoan vô.”

Đó là ám hiệu, thông thường sau khi Đường khẩu giải tán, nếu lại muốn tái xuất giang hồ thì phải đọc ra ám hiệu này ở nơi có các A Bảo tụ họp. Ở đây có mấy từ tiếng lóng: đậu nhi chỉ cô nương, tức nữ A Bảo. Nha nhi chỉ chàng trai, tức nam A Bảo. Lão không và lão khoan đều chỉ đối thủ, kẻ thù. Trọng điểm của câu nói này nằm ở vế sau, ý muốn nói với mọi người rằng, gió lớn đã qua rồi, các A Bảo lại có thể bắt đầu hoạt động trở lại.

Một lúc sau, có một ông lão tóc bạc phơ bước về phía Tổ Gia:
“Tiên sinh có phương thuốc gia truyền gì vậy?”

Tổ Gia cười nói: “Một phương thuốc gia truyền có thể tạo phúc cho muôn đời.”

Ông lão cười: “Tiên sinh hãy đi theo lão, tới khám cho cái chân của thằng út nhà lão.”

Tổ Gia liền theo ông lão đi vào một con hẻm nhỏ, các A Bảo còn lại cũng lần lượt bám theo.

Ông lão khoảng bảy tám mươi tuổi này chính là Tiền Diệu Lâm cải trang. Mấy câu mà tối hôm qua Tổ Gia nói thềm vào tai ông ta chính là bảo ông ta hãy dẫn các huynh đệ về nơi Đại đường hội bị vây bắt vừa rồi. Chỗ đó tạm thời là nơi an toàn nhất, sau đó mọi người sẽ dùng ám hiệu để gặp nhau. Tại sao phải dùng ám hiệu, bởi Tổ Gia không biết lúc đó trong số những người có mặt có kẻ nào làm nội gián hay không. Tổ Gia còn nhắc nhở Tiền Diệu Lâm phải trông chừng mọi người, không cho phép bất kỳ ai đi lung tung.

Họ đi vào một căn nhà được ngụy trang kín đáo, tất cả mọi người đều có mặt, duy chỉ thiếu một mình Tần Bách Xuyên. Tổ Gia cau mày hỏi: “Vẫn chưa có tin về Tần gia sao?”

Mọi người lắc đầu.

Tổ Gia không phải sợ ông ta chết, mà là sợ ông ta bị bọn Quốc dân Đảng bắt được, vì lúc này vẫn chưa biết rõ rốt cuộc đối phương muốn gì, ngộ nữa chúng muốn triệt phá phái Giang Tương. Khi bắt được Tần Bách Xuyên tất sẽ dùng cực hình. Một khi Tần Bách Xuyên không chịu nổi tất sẽ khai ra hết, như vậy Tứ đại Đường khẩu sẽ tiêu đời. Tổ Gia chỉ mong Tần Bách Xuyên bị bắn chết trong lúc hỗn loạn.

Những năm qua, điều mà Tổ Gia luôn lo lắng đó chính là việc Đường khẩu Long Tu Nha thuộc Tây phái do Tần Bách Xuyên cai quản. Tần Bách Xuyên bước đi khá mạnh bạo, gan góc, thâm hiểm và cũng rất thông minh, có thể kết thành bè đảng với các cánh quân của bọn quân phiệt ở phía Tây và những nhân vật quan trọng trong chính phủ. Đó tuy là việc tốt nhưng cũng có phần không tốt. Tổ Gia không bao giờ muốn để phái Giang Tương xích lại quá gần bọn Quốc dân

Đảng. Tuy lợi ích cùng chia, nhưng có thể xảy ra mâu thuẫn xung đột bất cứ lúc nào, đối phương biết rõ anh như lòng bàn tay thì muốn tiêu diệt anh cũng quá dễ dàng.

Trước đó, Tổ Gia cũng đã từng cảnh báo Tần Bách Xuyên, nhưng ông ta không chịu nghe, trái lại còn tỏ ra xem thường. Ông ta không phải là không nghĩ đến những điều Tổ Gia lo lắng, chỉ là vì quá tự tin, ông ta nói: “Tôi đã gột sạch rồi, có vẻ như không có ai cho rằng tôi là kẻ lừa gạt đâu.”

Lời nói của Tần Bách Xuyên quả không sai. Ông ta có sở trường về xuất Thiên, dàn cục vô cùng hoàn hảo. Thật thật giả giả, giả giả thật thật, cuối cùng biến giả thành thật, đến nỗi khiến cho nhiều nhân vật quan trọng trong Quốc dân Đảng đều cho rằng ông ta thực sự có tài. Một ví dụ điển hình đó là khi sự phụ của ông ta là Lưu Tông Vân bị Lưu Tương vạch trần âm mưu rồi truy sát, ông ta không những không ra khỏi môn phái, mà trái lại còn giữ chức Đại Sư bá của Đường khẩu. Nguyên nhân chính là do có rất nhiều người của Quân thống chống lưng cho ông ta.

Việc ông ta khiến cho Lưu Tông Vân bị truy sát có thể coi là một cuộc đấu tranh chính trị, nguyên do sâu xa không phải Lưu Tông Vân tính toán không chuẩn xác, mà là quá chuẩn. Lưu Tông Vân vốn là trợ thủ đắc lực của Lưu Tương, do có người ghen ghét, muốn tách Lưu Tông Vân ra khỏi Lưu Tương. Mà Lưu Tương lại sợ không giữ được Lưu Tông Vân ở lại, cho nên mới nảy ra ý định sát hại.

Ngoài một số A Bảo già trong Đường khẩu biết về con đường phát lên của Tần Bách Xuyên. Những người khác đều bị che mắt bởi những cảnh tượng giả tạo bên ngoài. Họ đều cho rằng ông ta là người kế nghiệp Lưu Tông Vân, lại là một vị đại tiên chân chính, một người thông hiểu Chu Dịch.

Nhưng đã là giả thì chung quy lại vẫn là giả, đúng như câu nói của Tổ Gia: “Con người làm bất cứ điều gì cũng có trời chứng giám.” Tần Bách Xuyên cuối cùng bị rơi vào tầm ngắm của Cục Quân thống. Đầu đuôi sự việc, về sau do chính Giang Phi Yến điều tra làm rõ.

Hôm đó, sau khi Tổ Gia với Tiền Diệu Lâm bàn bạc xong liền quyết định: Xét thấy tình hình hiện nay hết sức rối ren, nên toàn thể Tứ đại Đường khẩu đồng loạt giải tán! Khi chưa có lệnh, không ai

được phép tái xuất hành nghề!

Một tháng sau, Tổ Gia cùng với Giang Phi Yến về Nam Việt². Tổ Gia biết Giang Phi Yến có mối quan hệ mật thiết với vài người của Quân thống. Nếu muốn biết Tần Bách Xuyên rốt cuộc đã gây ra tai vạ gì thì chỉ có Giang Phi Yến mới có thể nghe ngóng được thông tin.

Mối quan hệ làm ăn bao nhiêu năm của Giang Phi Yến đã phát huy tác dụng trong thời điểm này. Mấy hôm sau, một viên Thiếu tướng của Quân thống cho biết tin, tin tức này không nghe thì thôi, nhưng một khi đã nghe thì cả Tổ Gia lẫn Giang Phi Yến đều sợ toát mồ hôi.

Phán đoán ban đầu của Tổ Gia không sai chút nào. Hôm đó đội quân chính quy đòi bắt sống Tần Bách Xuyên không chỉ đơn giản là vì chuyện Lưu Tông Vân đã lừa tiền năm xưa, mà đó là chỉ thị tiêu diệt do bộ chóp của Quốc dân Đảng trực tiếp phát ra. Toàn bộ sự việc bắt nguồn từ khoản lương thực và lương bổng của quân đội.

Khi cuộc kháng chiến đang ở vào thế giằng co, tình hình tài chính của Quốc dân Đảng đã vô cùng eo hẹp. Hơn nữa sự tham ô hủ hóa và lạm phát khiến cho dân chúng lầm than, tiếng oán than vang khắp nơi. Tứ liên tổng xứ – cơ quan tài chính cao nhất thời chiến của Quốc dân Đảng đã khéo lập nên các khoản mục cho một loạt các chế độ và chính sách đục khoét của cải của người dân, kết quả khiến cho nền kinh tế quốc dân gần như kiệt quệ.

Mùa xuân năm 1943, khó khăn lắm mới xoay được một khoản tiền để giải quyết vấn đề lương thực và lương bổng cho quân đội, nhưng lại có người báo rằng, khoản tiền này bị thất thoát một khoản lớn mà không rõ nguyên do. Tưởng Giới Thạch nổi xung lên, yêu cầu điều tra sự việc này. Về sau có người bên Cục Quân thống đã cung cấp manh mối, khiến Tưởng hết sức kinh ngạc. Một viên quan cấp cao phụ trách tài chính đã dùng số tiền này vào việc điều hòa phong thủy cho nhà hấn để cải vận, mà thầy phong thủy đó chính là Tần Bách Xuyên.

Tưởng Giới Thạch cũng là người rất yêu quốc học. Nghe đến chuyện này, ông ta cứ tưởng rằng đó là một vị cao nhân hay thần tiên nào đó, hỏi kỹ ra mới biết tên Tần Bách Xuyên này lại là đồ đệ của tên lừa đảo Lưu Tông Vân năm xưa đã từng lừa gạt Lưu Trương.

Đến lúc này, một số người của Quân thống vẫn đứng ra nói đỡ cho Tần Bách Xuyên: “Người này không giống như Lưu Tông Vân, ông ta thực sự là người có bản lĩnh.”

Tướng Giới Thạch nghe vậy thì tức giận đập bàn quát lớn: “Khốn kiếp! Một lũ đầu óc bã đậu! Thượng bất chính, hạ tắc loạn, một tên đệ tử của kẻ lừa đảo có thể là người tử tế được sao? Điều tra cho ra việc này, phải tìm hiểu rõ ngọn nguồn để tóm gọn bọn chúng.”

Tướng Giới Thạch nổi khùng vì Quân thống quá cả tin. Nhưng mạng lưới quan hệ được Tần Bách Xuyên thiết lập trong nhiều năm qua lại vô cùng phức tạp. Trong Cục Quân thống xuất hiện nhiều phe cánh, người phụ trách điều tra việc này cũng không dám liều lĩnh hành động. Ban đầu họ định phái một tên gián điệp trà trộn vào trong nội bộ của Tần Bách Xuyên. Nhưng Tần Bách Xuyên đã thắt chặt việc tiếp nạp thêm thành viên mới vào hội, nên một đạo không thể thâm nhập vào được. Vì thế, Cục Quân thống liền cho người theo dõi, luôn bám đuôi Tần Bách Xuyên. Nhưng thời gian đó Tần Bách Xuyên lại đi Tân Cương, nên tung tích mất tăm trong mấy tháng liền. Người của Quân thống vẫn cho rằng Tần Bách Xuyên bản lĩnh thông thiên, thần cơ diệu toán, nên chắc đã ẩn náu ở đâu đó.

Về sau, một tên đặc vụ chuyên theo dõi Tần Bách Xuyên, bắt gặp ông ta đang trên đường tới dự Đại đường hội của Tứ đại Đường khấu. Khi nhìn thấy Tần Bách Xuyên đi vào một khu nhà dân, tên này liền báo tin ngay cho Cục Quân thống.

Cục Quân thống không rõ Tần Bách Xuyên tới đó làm gì, cũng không biết ở đó có những ai, nhưng chúng thấy không thể bỏ qua cơ hội này. Vậy là quyết định cất vó, phái ngay một đại đội tới đòi bắt sống Tần Bách Xuyên, định sau khi bắt được sẽ dùng cực hình tra khảo xem liệu có còn đồng đảng hay không, sau đó một mẻ hốt trọn ổ.

Cục Quân thống có nằm mơ cũng không ngờ rằng, những người tham dự hôm đó đều là nhân vật cốt cán của phái Giang Tướng. Các ông trùm lừa đảo trong cả nước đều tụ tập ở đây. Nếu chúng biết tất cả những người cần tìm đều ở đây thì không đời nào ra lệnh “bắt sống Tần Bách Xuyên”, mà đã cho ngay mấy quả đại bác phá tan thành nơi này rồi.

Cục Quân thống đã để vuột mất lỗ cơ hội hiểm có đặt dấu chấm hết cho phái Giang Tướng.

Về sau, máy bay của Nhật tới oanh tạc, những người bị bắt đều chạy thoát. Người của Cục Quân thống đành phải quay lại Đường khẩu Long Tu Nha, bắt các Bá đầu và bọn tay chân trong nhà, sau khi tra tấn dã man họ mới biết rằng mình đã bỏ qua cơ hội có một không hai, lúc này hối hận thì cũng đã muộn.

Điều khiến Tướng càng tức giận hơn đó là Tần Bách Xuyên cũng đã chạy thoát, lại không rõ tung tích, sống phải thấy người, chết phải thấy xác, nhưng cũng không tìm thấy thi thể ở đâu.

Vậy rốt cuộc Tần Bách Xuyên đã đi đâu?

Nửa năm sau, cuối cùng Tổ Gia cũng tìm thấy Tần Bách Xuyên, hay nói đúng hơn chính Tần Bách Xuyên tự đến tìm Tổ Gia.

Sau khi Tứ đại Đường khẩu giải tán, mọi người đều trở về quê. Tổ Gia cũng vậy và không tùy tiện xuất đầu lộ diện, mỗi khi ra phố đều phải cải trang. Một hôm, Tổ Gia đang cùng với Phong Tử Thủ quan sát động tĩnh ở trên phố, bỗng nhiên một người từ phía sau bước tới, vỗ vai gọi: “Tổ Gia!”

Tổ Gia giật thót người nhìn hẩn. Mặc dù đã cải trang nhưng ông vẫn nhận ra ngay chính là Tần Bách Xuyên: “Tần gia!”

Tổ Gia đảo mắt nhìn quanh rồi nói nhỏ: “Không nên nói chuyện ở đây, đi theo tôi.”

Sau khi về tới nơi ẩn náu bí mật, Tổ Gia mừng rỡ nói: “Tần gia, rốt cuộc ông đã đi đâu vậy? Làm cho các huynh đệ đều phải lo lắng.”

Hóa ra vào cái hôm mà máy bay địch oanh tạc, Tần Bách Xuyên đã liều mạng chạy tuốt vào trong núi, chỉ một lát đã lặn mất dạng. Nhưng lúc đó tay ông ta đang bị trời quật ra phía sau, càng chạy càng dễ bị ngã. Kết quả là do mãi chạy nên không may bị trượt chân rơi xuống một khe núi, sâu chừng hơn chục mét, nếu không có đám cây dây leo ở giữa cản lại thì đã chết rồi. Nhưng ông ta chỉ bị ngất, nằm hôn mê suốt hai ngày. Sau đó một trận mưa lớn đã làm ông ta tỉnh lại, khi định thần lại mới biết là mình đang ở đâu, rồi lần mò tìm được

một tảng đá sắc cạnh, cửa đứt sợi dây thừng, khó nhọc lắm mới bò lên được khỏi khe núi.

Khi bò lên được khỏi khe núi, lúc này đầu óc đã tỉnh táo hẳn, Tần Bách Xuyên nghĩ lại sự việc đã qua. Cuối cùng, ông ta phát hiện, việc tên Đoàn trưởng Trung đoàn Độc lập đòi trả lại số tiền bị lừa có thể không liên quan đến việc bắt mình, chỉ có điều hai việc này lại xảy ra cùng một lúc, Tần Bách Xuyên cảm thấy có điều gì đó không ổn, bởi ông ta thừa hiểu rằng, với tiếng tăm của mình ở Tứ Xuyên thì một tên Trung đoàn trưởng sẽ không bao giờ dám động đến ông ta dù chỉ là một cọng lông chân.

Tần Bách Xuyên rất thông minh. Trước tiên ông ta tìm đến nhà một người dân kiếm đồ ăn, sau đó lại dùng mấy nén bạc mua lại mấy bộ quần áo cũ. Cải trang xong, nửa đêm Tần Bách Xuyên mò về Đường khẩu nghe ngóng động tĩnh thì phát hiện Đường khẩu đã bị niêm phong. Ông ta cảm thấy sự việc đã trở nên rất nghiêm trọng, điều này chứng tỏ bên trên có người muốn thanh toán mình. Lúc đó, bọn Tổ Gia cũng đã đi rồi, ông ta không tìm thấy một ai, liền đào lấy một ít tiền bạc mà trước đây ngấm giấu trong khu rừng ở ngoại thành và ngay trong đêm đó chạy một mạch về quê ẩn náu.

Nửa năm sau, khi tình hình có phần lắng xuống. Tần Bách Xuyên đi về phía đông xuôi xuống Giang Hoài tìm Tổ Gia, phát hiện Đường khẩu của Tổ Gia cũng không còn, ông ta cảm thấy sự việc vô cùng tồi tệ.

Trước đây các Đường khẩu cũng đã có lần phải giải tán, ông ta biết sau khi giải tán, Tổ Gia thông thường sẽ về quê, nhưng cụ thể là ở đâu ông ta cũng không biết. Chỉ biết đó là một thị trấn, mà thông tin này thì cũng chỉ có nhân vật cấp Đại Sư bá mới biết được, còn các Bá đầu và đám tay chân thì không đủ tư cách để biết. Lúc đó, chẳng còn cách nào khác, ông ta đành lê la gần quê của Tổ Gia, hy vọng có thể gặp được. Kết quả lang thang suốt một tuần trời, cuối cùng cũng gặp được Tổ Gia.

Sau khi Tổ Gia nói với Tần Bách Xuyên những tin tức mà Giang Phi Yến có được. Tần Bách Xuyên cũng toát mồ hôi, cuối cùng ông ta cúi đầu nói: “Tổ Gia, là tôi đã làm liên lụy tới mọi người.”

Tổ Gia nói: “Tần gia quá lời rồi, Người cùng một nhà không nên

nói những lời này. Huynh đệ chúng ta được gặp lại nhau mới là việc đáng mừng nhất. Tạm thời Tần gia cứ ở lại đây, chúng ta uống mừng thoát khỏi kiếp nạn.”

Năm 1945, Nhật Bản thất bại đầu hàng quân đồng minh, cuộc chiến tranh giải phóng bắt đầu bùng lên, Quốc dân Đảng đánh mất lòng dân nên thất bại liên tiếp, phải tháo lui. Cục Quân thống (sau đổi thành Cục Bảo mật) cũng chẳng còn sức đâu để điều tra việc của phái Giang Tương nữa.

Tổ Gia thấy thời cơ đã chín muồi, sau khi bàn bạc với ba vị Đại Sư bá khác, liền tuyên bố phái Giang Tương tái xuất giang hồ. Thế là Tứ đại Đường khẩu bắt đầu chiêu binh mãi mã, thời kỳ gây dựng lại bắt đầu.

Cuộc xung đột lần này với Quân thống có thể nói là chỉ bị một phen hoảng sợ chứ không nguy hiểm. Phong Tử Thủ lại một lần nữa được lĩnh hội tài trí của Tổ Gia. Kẻ ngu xuẩn chỉ nhìn thấy hiện tượng bề ngoài, người thông minh sẽ nhận thấy rõ bản chất. Phong Tử Thủ 21 tuổi đã rất thông minh, anh ta đã nhìn rõ Tổ Gia có ý đồ muốn đẩy Tần Bách Xuyên vào chỗ chết. Còn một người cũng nhận ra điều này, đó chẳng ai khác chính là Tần Bách Xuyên. Từ sâu trong tâm khảm ông ta bắt đầu nhen nhóm ý định phục thù.

LÃO TIỀN BỐI CHU CHẤN LONG 30 NĂM SAU

Lúc này Phong Tử Thủ đã gần 30, không còn là một Phong Tử Thủ lỗ mãng dễ bị kích động nữa. Anh ta biết Tổ Gia muốn thống nhất thiên hạ. Trong thời điểm phải lo họa trong giặc ngoài, nguy cơ rình rập tứ phía này, anh ta không rời khỏi Tổ Gia nửa bước.

Ngay cả tôi, một kẻ bẩm sinh ngu dốt gia nhập Đường khẩu không lâu cũng cảm thấy tình hình căng thẳng. Cả nước sắp giải phóng, Tứ đại Đường khẩu sắp tan rã, tinh thần của huynh đệ phân tán, mâu thuẫn ngày càng tăng, Tiền Diệu Lâm của Bắc phái đột ngột tới thăm hỏi, Tần Bách Xuyên của Tây phái luôn tỏ ra thận trọng. Tất cả những điều này đều không biết là phúc hay là họa. Nhưng Tổ Gia vẫn bình tĩnh đến lạ thường.

Đầu năm 1949, khi ba chiến dịch lớn kết thúc, Quốc dân Đảng đang thoi thóp, cố kéo dài ngày tàn. Xuất phát từ lợi ích của bản thân,

cả Liên Xô và Mỹ đều yêu cầu hai bên Quốc – Cộng “phân định giang sơn để cai trị”, thực chất bọn họ chỉ muốn chia cắt Trung Quốc.

Quốc dân Đảng thừa cơ tuyên truyền những nguồn tin giả tạo hòng đe dọa dân chúng, rằng các khu giải phóng đáng sợ đến thế nào. Ngay cả Đại Sư bá Tiền Diệu Lâm từ khu giải phóng chạy tới cũng nói tình hình ở khu giải phóng không mấy tốt đẹp.

Tổ Gia vốn là người thông minh, trong lòng biết rõ, phái Giang Tương là băng đảng lừa đảo, nơi mà những kẻ lừa bịp khó bám trụ là nơi người dân sống an cư lạc nghiệp.

Đạo đó, rất nhiều người đã hiểu lầm vì nghe theo những lời tuyên truyền tiêu cực của Quốc dân Đảng, họ đã liều mạng chạy tới Đài Loan, Hồng Kông. Chương môn Nam phái Việt Hải Đường Giang Phi Yến cũng liên tục qua lại giữa Quảng Đông với Hồng Kông.

Một hôm Tổ Gia nói với tôi: “Đại Đầu, ta sẽ dẫn ngươi đi gặp một người.”

Tôi hỏi: “Ai vậy ạ?”

Tổ Gia nói: “Cứ đến đó rồi ngươi sẽ biết.”

Phong Tử Thủ vẫn không rời Tổ Gia nửa bước. Tổ Gia nhờ người đặt cho ba vé tàu để chúng tôi cùng tới Tô Châu. Đây là lần đầu tiên từ khi sinh ra tôi được đi tàu nên cảm thấy rất lạ lẫm. Trên tàu lại có cả bàn, ghế, còn có cả đèn điện, giống như phòng khách của Tổ Gia. Điều khiến tôi khó hiểu nhất là cái thứ dài thế này thì cái gì có thể kéo nó chạy về phía trước được.

Trên đường đi, tôi cứ hờn hờ mãi, chốc chốc lại nhìn qua cửa sổ để ngắm cảnh vật bên ngoài. Phong Tử Thủ nói với tôi rằng: “Đây là khoang tàu hạng sang, lần đầu tiên đã được ngồi khoang hạng sang. Số anh may thật!” Lúc đó tôi chỉ mong tàu dừng dừng lại mà cứ chạy mãi, chạy mãi.

Ba giờ chiều, tàu đến ga. Đi qua đại sảnh náo nhiệt, ra tới cửa nhà ga thì có người tới đón. Chiếc xe kéo ba gác chạy lòng vòng đưa chúng tôi tới chân một ngọn núi. Tôi nhìn lên thì thấy trên đó có một ngôi chùa.

Chú tiểu gác công nhìn thấy chúng tôi tới liền dẫn vào trong, đi qua mấy Phật đường rồi rẽ trái tới một thiền phòng. Sau khi bấm báo, chú tiểu nói: “Mời ba vị thí chủ vào.”

Tôi và Phong Tử Thủ theo sát Tổ Gia. Vừa bước vào thì thấy một lão hòa thượng chừng tám chín mươi tuổi đang tọa thiền.

Tổ Gia chấp tay khẽ nói: “Thanh Phong Đại sư vẫn khỏe chứ?”

Lão hòa thượng đáp lễ: “A Di Đà Phật, Tổ Gia đi đường vất vả. Tuần Trúc, dâng trà!”

Chú tiểu kia đáp: “Vâng, thưa sư phụ”. Rồi quay người đi.

Tôi nghe họ đối đáp như vậy thì đoán chắc rằng vị cao tăng này có mối giao tình với Tổ Gia, Tổ Gia quả là người quảng giao.

Tổ Gia nói: “Đa tạ Đại sư! Lần này đệ tử đến đây có đưa cả một tiểu đồ đệ rất am hiểu về trà đạo.” Nói xong liền đưa tay vẫy tôi: “Đại Đầu, người mau vào pha trà giúp tiểu sư phụ đi nào.”

Tôi nói: “Vâng!” Rồi vội chạy vào trong phòng nhận lấy bộ đồ pha trà. Một lát sau, tôi bưng lên một ấm trà Bích La Xuân, rót mời mọi người.

Tổ Gia nói: “Mời Đại sư!”

Thanh Phong Đại sư bưng chén trà lên nhâm nhi mỉm cười đôn hậu: “Trong lành thanh tao, thí chủ quả đúng là có thiện căn.”

Tôi không hiểu lắm lời lão hòa thượng nói, nhưng dường như có ý khen ngợi tôi.

Tổ Gia cười nói: “Đại sư vẫn khỏe chứ?”

Thanh Phong Đại sư nói: “Đa tạ Tổ Gia đã quan tâm, tất cả vẫn ổn.”

Tổ Gia nói: “Ba mươi năm trước tôi có duyên được gặp Đại sư, quả là vô cùng may mắn! Những năm qua, mỗi khi gặp bế tắc, nghĩ quẩn là lại được Đại sư khai mở bến mê, Đại sư đối với tôi ơn nặng

như núi.”

Thanh Phong Đại sư nói: “Tổ Gia quá lời rồi. Thiện căn luôn ở tại lòng ta, tự sẽ có phúc báo.”

Tổ Gia nói: “Đại sư, lần này đến đây là có ba việc muốn thỉnh thị Đại sư.”

Tôi thật không dám tin vào tai mình. Tổ Gia mà cũng cần người khác khai mở tâm trí sao? Tôi quay lại nhìn Phong Tử Thủ, anh ta chỉ cười chẳng nói chẳng rằng.

Thanh Phong Đại sư nói: “Tổ Gia, trong Thế giới Sa bà, vạn tướng giai không, nếu ông không rũ bỏ được, sẽ không thể nhìn thấu suốt được.”

Tổ Gia nói: “Việc đầu tiên đó là tôi nên đi hay ở lại?”

Vấn đề đầu tiên này khiến tôi và Phong Tử Thủ đều cảm thấy mơ hồ, không hiểu ý là gì? Tại sao lại nên đi hay nên ở lại? Mà đi đâu được chứ?

Thanh Phong Đại sư nói: “Phái Giang Tướng đã tồn tại suốt nhiều năm nay, làm nhiều việc thiện, cũng làm cả việc ác. Việc ác dường như nhiều hơn cả việc thiện, đặc biệt là giai đoạn Dân quốc. Cuối thời nhà Thanh liên tiếp làm việc xấu, tội ác tày trời, Tổ Gia đi hay không không quan trọng, mà việc bỏ hay giữ phái Giang Tướng mới là điều quan trọng.”

Câu nói này của lão hòa thượng khiến tôi bàng hoàng, ông ta cũng biết nội tình của phái Giang Tướng ư? Đường khẩu có quy định, kẻ nào biết được nội tình của phái Giang Tướng, nếu không phải là huynh đệ thì là kẻ thù, tất sẽ bị giết chết. Tổ Gia không những không giết ông ta, mà trái lại còn cung kính. Vậy rốt cuộc ông ta là ai chứ?

Tổ Gia nghe xong, trầm ngâm suy nghĩ, một lúc lâu sau mới nói: “Đại sư, việc thứ hai ông thấy hai vị đồ đệ này của tôi tương lai sẽ đi về đâu?”

Tôi với Phong Tử Thủ nhìn nhau không hiểu, thế nào là “sẽ đi về đâu?” Hôm nay Tổ Gia làm sao thế nhỉ? Sao toàn nói những lời lấp

lừng như vậy?

Thanh Phong Đại sư chỉ vào tôi nói: “Vị thí chủ này tướng mạo thật thà đứng đắn, lục căn thanh tịnh, tuy lúc nhỏ khắc tận song thân, nhưng sau tuổi trung niên tất sẽ có phúc báo, trai gái đều huê, sống thọ chết nhàn.”

Tổ Gia thở dài nói: “Xem ra tôi không nhìn nhầm người.”

Tôi hoàn toàn chẳng hiểu gì cả, những lời lão hòa thượng này nói tại sao lại giống như đang xem tướng cho chúng tôi. Lẽ nào Tổ Gia đã trúng Thiên? Tôi chép miệng nhìn Tổ Gia lòng đầy ngờ vực.

Nỗi lo này của tôi không che nổi mắt Thanh Phong Đại sư, ông cười nói: “Thí chủ, cậu đã làm cho mình trở nên mê muội rồi. Thật thật giả giả, giả giả thật thật, bản thân thí chủ cũng không phân biệt được rõ đâu là thật đâu là giả. Phái Giang Tướng đã gây ra hai nghiệp chướng rất lớn, một là lừa tiền ham sắc, lạm sát người vô tội. Hai là đã làm như bản thanh danh của Chu Dịch; Kinh Dịch là đạo của âm dương, người xưa thường nói: ‘Lương tướng trị quốc, lương y cứu người, trị quốc bất thành, lui về bốc thuốc’, thuật số là tinh hoa của Kinh Dịch, được dùng để cầu lành tránh dữ, tạo phúc cho bách tính. Phái Giang Tướng vốn không hiểu Kinh Dịch, nhưng lại mượn danh nghĩa của Kinh Dịch mà rêu rao, khoác lác, khiến cho dân chúng hoài nghi về Kinh Dịch. Như vậy danh tiếng của thuật số Trung Hoa sớm muộn sẽ bị hủy hoại.”

Những điều này tôi nghe như hiểu mà lại chẳng hiểu gì cả. Đại khái là nói chúng tôi làm việc xấu, điều này tôi không dám biện bạch câu gì. Nhiều năm sau, sau khi tôi thực sự lĩnh hội được Chu Dịch thì mới thấy lời Thanh Phong Đại sư nói quả không sai chút nào, Dịch chính là nguyên tắc sinh thành của trời đất, do đó nó chứa đựng quy luật vận hành của thiên địa.

Thanh Phong Đại sư lại chỉ vào Phong Tử Thủ nói: “Vị thí chủ này mắt dê lồi ra, tuy can đảm nhân nghĩa, nhưng sát tâm quá nặng, để lâu tất sẽ gặp họa, cho nên phải tìm hãm lại sớm bao nhiêu tốt bấy nhiêu.”

Tôi liếc nhìn Phong Tử Thủ, không cần biết lão hòa thượng này có hiểu thật hay không, nhưng dù sao những lời nói đó khiến ai nghe

thấy cũng đều cảm thấy bực bội trong lòng.

Phong Tử Thủ nhếch miệng nói: “Đa tạ Đại sư đã chỉ bảo, từ khi gia nhập Đường khẩu, tôi đã không màng tới chuyện sống chết.” Lời Phong Tử Thủ nói không hề dối trá, anh ta đúng là không sợ chết, mỗi lần Đường khẩu xung đột với người ngoài, anh ta đều là người đầu tiên ra mặt.

Tổ Gia cười lớn chỉ vào Phong Tử Thủ rồi nói với Thanh Phong Đại sư: “Đây là Tiểu Lục Tử, người mà tôi có được từ Đường khẩu của Cửu gia. Nếu luận về vai vế từ Cửu gia và Trương Sư gia thì cậu ta phải gọi Đại sư là sư huynh.”

Tôi và Phong Tử Thủ chẳng hiểu gì cả, lẽ nào Thanh Phong Đại sư cũng có mối quan hệ với Vương Á Tiều? Sao lâu nay không hề nghe thấy Tổ Gia nhắc đến chuyện này? Tôi với Phong Tử Thủ trở mắt nhìn Tổ Gia lòng đầy nghi hoặc.

Tổ Gia nói tiếp: “Đại sư, tôi có thể nói rõ để kẻ hậu bối hiểu rõ thứ bậc này được không?”

Thanh Phong Đại sư nói: “A Di Đà Phật, những việc đã qua như làn mây khói. Người xuất gia xem trọng tùy hỉ, tùy hỉ Tổ Gia với hai vị thí chủ. Chớ có khiến họ mơ mơ hồ hồ không biết đâu thực đâu hư.”

Nghe Đại sư trả lời, chúng tôi nóng lòng nhìn Tổ Gia với ánh mắt trông đợi.

Tổ Gia nói: “Hai người đều biết chuyện trước đây của ta rồi, các ngươi có còn nhớ ta từng kể về Chu lão tiên bối không?”

Trí nhớ của tôi không được tốt, tôi bắt đầu lục lọi trong đầu, Chu lão tiên bối ư? Chu lão tiên bối nào nhỉ? Phong Tử Thủ có phản ứng ngay: “Hóa ra là lão tiên bối Chu Chấn Long năm nào. Thất kính, thất kính! Xin nhận của đệ tử một lạy!”

Lúc này tôi mới bừng tỉnh, năm xưa để báo thù cho tiểu đệ với tiểu muội, Tổ Gia vô tình đã cứu hai người, một là Trương Đan Thành, còn người kia là Chu Chấn Long, từ đó cuốn vào vòng ân oán của phái Giang Tướng. Sau này Trương Đan Thành muốn trao quyền Chương môn cho Tổ Gia, Chu Chấn Long với Đồ Nhất Minh đều là

người mà Trương Đan Thành tin cần. Ông yêu cầu họ phải tận tâm phò tá cho Tổ Gia. Về sau, Trương Đan Thành chết, Chu Chấn Long chán ghét hồng trần, liền đem hết vàng bạc châu báu của mình chia cho người nghèo, sau đó một mình rời khỏi Đường khấu, từ đó bất vô âm tín. Hóa ra là đến đây xuất gia nương nhờ cửa Phật.

Thời gian vùn vụt trôi đi, thấm thoát đã ba mươi năm.

Tổ Gia nói: “Sau khi Chu lão tiên bối rời khỏi Đường khấu, ta luôn thấp thỏm nhớ mong. Mười năm sau nhận được một bức thư, lúc đó mới biết lão tiên bối đã quy y cửa Phật, lấy pháp hiệu Thanh Phong.”

Thanh Phong Đại sư thở dài: “A Di Đà Phật. Biển khổ vô biên, quay đầu là bờ. Bần tăng cũng mong các vị thí chủ sớm quay đầu.”

Tổ Gia chấp tay: “A Di Đà Phật.”

Tôi chưa bao giờ thấy Tổ Gia lại khiêm nhường như vậy. Tôi cảm thấy ông dường như là một con người hoàn toàn khác.

Thanh Phong Đại sư nói: “Thí chủ vừa nói có ba việc, thế còn việc thứ ba...”

Tổ Gia thở dài đáp: “Đại sư, việc thứ ba tôi đã có câu trả lời rồi.”

Thanh Phong Đại sư nói: “Thiện tai, thiện tai. Trời đã muện rồi, bần tăng không có gì để thiết đãi mọi người cả, để ta bảo đồ nhi chuẩn bị cơm chay. Mời ba vị thí chủ dùng tạm.”

Tối hôm đó là lần đầu tiên tôi được ăn cơm chay. Tuy không có thức ăn mặn nhưng tôi vẫn cảm thấy rất ngon miệng, tôi ăn liền năm bát cơm với hai đĩa rau cải nấu my, khiến Phong Tử Thủ ngây ra nhìn rồi bật cười.

Chúng tôi ở lại ngôi chùa đó hai đêm, sau đó lại trở về Đường khấu.

Trên đường về tôi hỏi Tổ Gia: “Chu lão tiên bối có thực sự hiểu về Kinh Dịch không? Ông ấy học từ bao giờ?”

Tổ Gia nói: “Phật pháp thông, vạn pháp thông. Ông ấy hiểu thế nào ta cũng không biết, nhưng đó mới là người có bản lĩnh thật sự. Ông ấy chưa từng xem cho người ngoài. Nếu không phải là đích thân ta hỏi thì ông ấy sẽ không xem đâu. Theo như lời ông ấy thì xem hay không cũng được, trong Kinh Dịch chẳng phải có một câu nói đó sao: ‘Nhà nào tích thiện thì ắt có nhiều điều tốt lành, nhà nào làm việc ác tai ương tất tìm đến’. Người hiểu rõ thiện ác, cũng chính là hiểu rõ bản chất của số mệnh.”

Lúc đó tôi cảm thấy Tổ Gia và Chu lão tiên bối đều quá uyên thâm. Tôi thầm nghĩ, rốt cuộc họ đã gặp nhau mấy lần rồi? Tổ Gia từng nói gì với ông ấy? Tại sao lần này Tổ Gia lại dẫn tôi với Phong Tử Thủ tới đó? Và vấn đề thứ ba mà Tổ Gia muốn hỏi là gì? Tất cả như một câu đố, một câu đố không lời giải đáp.

PHONG TỬ THỦ BỊ HẠ ĐỘC THỦ

Sau khi trở về Đường khẩu không lâu, ngày 21 tháng 4 năm 1949, Chiến dịch Độ Giang³ bùng nổ. Mao chủ tịch phát động chiến dịch: “Vượt Trường Giang, giải phóng Trung Quốc.” Ngay lập tức, âm mưu chia cắt Trung Quốc của Mỹ và Liên Xô bị phá sản, kế hoạch “Kéo dài thời gian, chính đốn quân đội” của Tưởng Giới Thạch cũng tan thành mây khói. Đại quân Giải phóng Nhân dân bắt đầu Nam tiến. Đi tiên phong là ba đội xung kích Đông, Trung, Tây, các cánh quân đã chiến 2, đã chiến 3 và đã chiến 4 cùng phối hợp, nhất tề xông lên tiêu diệt thế lực Quốc dân Đảng bao gồm 11 quân đoàn, 46 sư đoàn, giết chết hơn 43 vạn quân địch, giải phóng các thành phố lớn như: Nam Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán,... tiếp đến là toàn bộ hai tỉnh Giang Tô, An Huy và phần lớn tỉnh Chiết Giang cùng với một số khu vực khác của các tỉnh Giang Tây, Hồ Bắc, Phúc Kiến...

Trước tình thế cấp bách đó, Tổ Gia suy đi tính lại rồi quyết định dẫn các huynh đệ của Đường khẩu tới Quảng Châu ở phía Nam để nhập với Đường khẩu Việt Hải Đường. Hai Đường khẩu danh nghĩa là sát nhập, thực tế vẫn tách riêng biệt. Giang Phi Yến vẫn là Giang Phi Yến. Tổ Gia vẫn là Tổ Gia. Đông phái vẫn là Đông phái. Nam phái vẫn là Nam phái.

Đường khẩu dời tới Quảng Châu. Vừa ổn định chưa được bao lâu thì vào tháng 5, Lục gia Phong Tử Thủ bỗng nhiên đổ bệnh. Mỗi sáng dậy luyện võ, anh ta ho liên tục, sau đó bắt đầu thổ huyết. Tuy đã tìm

mấy thầy lang bắt mạch bốc thuốc nhưng họ đều nói mạch tượng hư nhược, có lẽ là do lao lực. Họ kê cho mấy thang thuốc bồi bổ khí huyết thì thấy bệnh tình cũng có biến chuyển. Nhưng không lâu sau, anh ta bắt đầu rụng tóc, cuối cùng ngay cả lông mày cũng bắt đầu rụng, toàn thân rệu rã, sắc mặt vàng vọt, thân thể gầy mòn, hốc hác.

Tổ Gia thấy vậy trong lòng vô cùng lo lắng, ông nhờ Giang Phi Yến mời thầy lang tốt nhất trong vùng đến khám, sau khi khám xong thầy lang nói: “Lục phủ ngũ tạng suy kiệt, không rõ nguyên nhân.”

Tổ Gia hỏi: “Phải chăng bị trúng độc?”

Thầy lang nói: “Trong người không có độc.”

Tổ Gia hỏi: “Có cứu được không?”

Thầy lang lắc đầu.

Tổ Gia không biết phải xoay sở thế nào, trong lòng vô cùng đau đớn. Không chỉ riêng Tổ Gia, mà ngay cả các Bá đầu khác trong lòng cũng như lửa đốt.

Đạo đó Nhị Bá đầu ngày nào cũng uống rượu, ông ta còn lôi kéo cả tôi vào cuộc, có lần ông uống rất nhiều rồi nói liên thiên: “Lão Lục sức khỏe cường tráng nhất, sao lại ra nông nỗi này kia chứ?”

Tôi nói: “Nhị gia, Sống chết có số, giàu sang tại trời.” Nói xong tôi mới biết mình lỡ lời, nhưng hối hận cũng đã muộn, Nhị Bá đầu bật dậy vả vào miệng tôi một cái đau điếng: “Khốn kiếp, ngươi nói gì thế?”

Tôi hai tay bưng mặt nói: “Nhị gia! Con sai rồi, con sai rồi!”

Nhị Bá đầu nói: “Đại Đầu, đừng trách Nhị gia đánh ngươi, ngươi có biết không? Ta với Lục gia đã ở cùng nhau hơn chục năm rồi. Khi Lục gia tới Đường khẩu, vẫn còn là một đứa trẻ, ta đã chứng kiến cậu ấy lớn lên từng ngày, luôn trung thành tuyệt đối, tuyệt không ăn ở hai lòng với Tổ Gia và các huynh đệ. Mấy năm nay, trải qua biết bao sóng gió, những việc xảy ra đều do cậu ấy đứng ra thu xếp. Trước mỗi lần dàn cục đều phải điều tra địa hình địa mạo, cậu ấy luôn là người xông xáo đi đầu. Lần quyết chiến với Thanh Long bang, Tiểu Lục Tử vì đỡ

cho ta một đao mà bị một nhát vào ngực, ta hỏi: ‘Cậu có đau không?’ Cậu ấy chỉ cười nói rằng: ‘Nhị gia, không sao đâu...’”

Nói đến đây Nhị Bá đầu bật khóc, lúc đó tôi thực sự cảm nhận được ý nghĩa của hai từ “huynh đệ”. Trong ký ức của tôi, đây là lần đầu tiên Nhị Bá đầu đánh tôi vì chuyện giữa các huynh đệ. Sau khi đánh xong, Nhị Bá đầu lại uống rất nhiều rượu, uống tới mức say mèm.

Một tháng sau, Phong Tử Thủ ra đi. Trước khi chết, Tổ Gia ôm chặt lấy anh ta, anh ta cố mở mắt, cất giọng yếu ớt: “Tổ Gia, Tiểu Lục Tử đi theo sư phụ đã 14 năm... Sư phụ luôn đối xử tốt với con... Tiểu Lục Tử vô cùng khâm phục, nguyện sẽ đi theo sư phụ suốt đời. Ban đầu khi người thu nạp con từ Đường khẩu của Cửu gia, lúc đó con còn chưa hiểu chuyện, còn cãi lại người... Tổ Gia, Tiểu Lục Tử không thể theo hầu sư phụ được nữa rồi. Sư phụ phải hết sức bảo trọng, Thanh Phong Đại sư chẳng phải đã nói con sát tâm quá nặng. Đúng là con đã giết quá nhiều người, bây giờ con sắp phải chết, chết rồi thì không thể giết người được nữa... Tổ Gia, kiếp này được đi theo sư phụ con không hề hối tiếc, kiếp sau con vẫn sẽ là Tiểu Lục Tử của sư phụ... Tổ Gia, sau khi con chết, xin hãy đốt nhiều tiền vàng một chút, không phải là để cho con dùng, mà là dành cho những oan hồn đã bị con giết chết. Trên đường xuống suối vàng, con sẽ dùng số tiền đó để phát cho họ. Như vậy họ sẽ không bám lấy con, con sẽ được đầu thai trở lại làm người để hầu hạ Tổ Gia...”

Tổ Gia khóc, nước mắt rơi lã chã, rơi lên cả mặt của Phong Tử Thủ, tôi cũng không kiềm chế nổi khóc òa lên, Nhị Bá đầu nằm bò ở đầu giường gào khóc thảm thiết: “Lục Tử! Cậu nữ lòng nào bỏ nhị ca mà đi như vậy?”

Cuối cùng Phong Tử Thủ cũng nhắm mắt, Tổ Gia ôm chặt anh ta vào lòng. Lúc đó, tôi cảm thấy đây không giống như cảnh Chương môn của Đường khẩu ôm thuộc hạ, mà giống như người anh ôm lấy người em vậy.

Hôm đưa tang Lục gia Phong Tử Thủ, những người của hai giới Hắc-Bạch đều đến dự. Nhị Bá đầu quỳ trước linh cữu khóc không thành tiếng. Đặc biệt khi hạ huyệt, Nhị Bá đầu như phát điên, ông lao xuống gạt đám tay chân ra rồi nằm bò trên quan tài không cho lấp đất, cuối cùng Tổ Gia phải sai người khiêng ông ấy đi. Từ khi đi theo

Nhị Bá đầu đến nay, đây là lần đầu tiên tôi thấy ông ấy đau buồn như vậy.

Các vị Bá đầu khác cũng đau buồn, tuyệt vọng, Tam Bá đầu mặc áo tang quỳ trước quan tài, vừa khóc vừa đọc lời điếu văn do chính mình viết: “Đau đớn thay! Đệ hồi! Đệ đã ở bên chúng ta mười mấy năm trời, mà nay đệ lại ra đi trước, từ nay phải ly biệt mãi mãi, đau buồn biết bao! Chúng ta chỉ có mình đệ không may đoán mệnh. Từ khi đi theo Tổ Gia, chúng ta luôn coi đệ như người em thân thiết, đệ võ nghệ cao cường, trọng tình trọng nghĩa, ông trời không có mắt nên để mất đi một anh tài, thật đau lòng biết bao...” Nghe những lời điếu này, mọi người càng khóc thảm thiết hơn.

Các Bá đầu, huynh đệ ai ai cũng khóc, nhưng trong lòng Tổ Gia biết rõ, ai là người khóc thật, ai là người khóc giả. Tổ Gia vô cùng am hiểu lịch sử, năm xưa Khổng Minh khóc Chu Du, tiếng than khóc cảm động đất trời, nhưng đằng sau tiếng khóc lại là tiếng cười.

Đối với căn bệnh của Phong Tử Thủ, Tổ Gia luôn cảm thấy có điều gì đó không bình thường, nhưng rốt cuộc vẫn không thể nào tìm ra vấn đề nằm ở đâu. Ban đầu Tổ Gia cũng cho rằng đó là do lao lực quá độ gây nên, nhưng về sau bệnh tình ngày càng trầm trọng. Ông đồ rằng đã có kẻ đầu độc. Kết quả là dù điều tra mãi vẫn không phát hiện ra bất cứ điều gì.

Phong Tử Thủ vốn là người thông minh nhanh trí. Những năm qua anh ta lại được đích thân Tổ Gia tận tình chỉ bảo nên càng thông minh nhanh nhẹn. Anh ta hết sức cẩn thận trong việc ăn uống và sinh hoạt, thậm chí những điều mà Tổ Gia không nghĩ đến anh ta lại nghĩ đến, đồng thời luôn mang bên mình các loại trăm bạc thử độc do Tứ Bá đầu chế ra. Mỗi khi đến những nơi xa lạ ăn uống, anh ta đều thử độc qua một lượt, sau đó mình ném trước rồi mới để Tổ Gia ăn.

Do vậy, muốn cho thuốc độc vào thức ăn là điều không thể. Và lại thầy lang cũng đã kiểm tra, nói rằng trong người anh ta không có độc.

Tổ Gia tuy hoài nghi, nhưng vẫn không tìm ra được manh mối. Đạo đó, ông lúc nào cũng dăm chiêu suy nghĩ. Ban đêm thường uống trà, tôi cẩn thận đứng bên cạnh hầu hạ ông. Có lúc thấy ông thần thờ ngồi ngắm ánh trăng, tôi biết ông lúc đó ông lại nhớ đến Phong Tử Thủ. Những lúc như vậy tôi không dám nói câu gì, chỉ im lặng đứng

bên cạnh ông.

Một hôm đêm đã về khuya, Tổ Gia bỗng nói với tôi: “Hãy đi theo ta!”

Tôi không dám hỏi đi đâu, mà chỉ ngoan ngoãn theo sau. Tổ Gia đi về phía ngôi nhà mà lúc còn sống Phong Tử Thủ đã ở. Sau khi Phong Tử Thủ chết, Tổ Gia đã sai người khóa ngôi nhà đó lại. Tổ Gia lấy chìa khóa mở cửa, bên trong tối thui, Tổ Gia bảo tôi lấy hòn đá đánh lửa rồi thắp đèn lên.

Tôi mò mẫm một hồi mới tìm thấy một ngọn đèn dầu, tôi vội đánh lửa thắp đèn, Tổ Gia nói tiếp: “Tới nhà bếp!”

Tôi không biết Tổ Gia định làm gì, chỉ ngoan ngoãn cầm đèn đi theo. Tổ Gia quan sát kỹ từng góc ngách trong nhà bếp hết lần này đến lần khác, như sợ mình bỏ sót thứ gì đó.

Bỗng nhiên ông nhìn chăm chăm lên bức tường rồi nói: “Mau mang đèn lại đây!”

Tôi giơ đèn lên cao quá đỉnh đầu, Tổ Gia đưa cây đèn sát vào bức tường, tôi cũng nhìn thấy rõ, trên đó có dán một tờ giấy đã bị khói làm cho ố vàng, trên tờ giấy viết “Lục gia quý xuân thực phổ”⁴, phía dưới là những dòng chữ nhỏ li ti, ghi lại tên và cách chế biến món ăn theo tuần của Phong Tử Thủ.

Phong Tử Thủ vốn thích ăn ngon, điều này người trong Đường khấu ai cũng biết. Là người luyện võ nên cơ thể tiêu hao nhiều năng lượng, mà khẩu phần ăn cũng nhiều hơn người khác. Phong Tử Thủ rất thích ăn thịt và phải đổi món liên tục. Chính vì thế nên trông mặt anh ta lúc nào cũng hồng hào, đánh quyền nhanh mạnh và rất có uy lực. Do đó, anh ta chọn riêng một người trong đám thuộc hạ chuyên lo việc ăn uống cho mình.

Tổ Gia thận trọng gỡ tờ thực đơn này xuống, khi về tới nhà, Tổ Gia đọc rất kỹ tờ thực đơn này:

Ngày Bính Dần: thịt lợn hầm thập cẩm, củ ấu âm dương, gà xé phay xào dưa chuột, lạc ngâm rượu cửu âm.

Ngày Đinh Mão: thịt chó tam dương khai thái, đậu song sắc, thịt thỏ, rau cần.

Ngày Mậu Thìn: cá diếc kho, du mạch, gan ngỗng rán, canh trứng.

...

Tổ Gia đọc rất lâu vẫn không phát hiện ra điều gì bất ổn. Cuối cùng, ông cầm tờ thực đơn nằm trên ghế ngủ thiếp đi lúc nào không hay. Tôi lấy một tấm chăn đắp lên người cho ông, khi đang định về phòng nghỉ thì Tổ Gia nói: “Đại Đầu, đêm nay người cứ ngủ ở đây, bên trái nhà phía đông không có ai ở, bên trong có sẵn chăn mền rồi đấy.”

Lúc này tôi mới biết Tổ Gia chưa ngủ, ông đang mãi suy nghĩ, nhìn bộ dạng ông lúc này, trong lòng tôi dấy lên một niềm thương cảm, xót xa.

Ngày hôm sau khi trời vừa ló rạng, Tổ Gia đã gọi tôi: “Đại Đầu, hãy truyền lệnh của ta, nói rằng tối nay tổ chức ‘thực lộc’. Hãy bảo Tiền gia, Phi Yến và các Bá đầu tới đây!”

Tôi nghe mà chẳng hiểu gì, chẳng phải hai hôm trước vừa mới thực lộc rồi sao? Dạo này tiền bạc của Đường khẩu cũng rất eo hẹp, sao Tổ Gia lại như vậy? Huống hồ hôm nay là ngày Ngũ thất⁵ của Phong Tử Thủ, phải đi thắp hương tảo mộ mới phải.

Tôi không dám hỏi, mà lần lượt đi thông báo cho các vị Sư bá, Bá đầu.

Buổi tối Tổ Gia cho chuẩn bị hai bàn tiệc lớn, ông, Giang Phi Yến, Tiền Diệu Lâm, Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu, Tam Bá đầu, Tứ Bá đầu, Ngũ Bá đầu, Thất Bá đầu ngồi một bàn. Còn các Bá đầu khác và những đệ tử xuất sắc ngồi chung một bàn. Tổ Gia bảo tôi ngồi cùng ông ấy để rót rượu dâng trà.

Lúc khai tiệc, đám người hầu bưng đồ ăn tới, tôi sững sờ, tất cả những món ăn này đều được chế biến theo thực đơn đã lấy được từ nhà bếp của Phong Tử Thủ. Tam Bá đầu chau mày nhìn Tiền Diệu Lâm, Tiền Diệu Lâm vẫn tỉnh bơ như không.

Tổ Gia nâng chén nói: “Tiền gia, Yến tử, các vị huynh đệ! Phái Giang Tướng phát triển đến ngày hôm nay đã được hơn 300 năm, năm xưa một trong năm vị sư tổ của Hồng Môn đã theo di nguyện của Dư Tổ sư gia mà sáng lập ra phái Giang Tướng, phản Thanh phục Minh, trừ ác hướng thiện. Để làm được điều đó chính là nhờ vào sự đoàn kết, đồng tâm hiệp lực cùng sát cánh bên nhau, gan dạ mưu trí đánh đuổi kẻ thù của các huynh đệ, như vậy sẽ mãi làm rạng danh phái Giang Tướng. Đoàn kết chính là bảo pháp giúp chúng ta được lâu bền mà không bị suy vong. Chén rượu đầu tiên này hãy uống cạn vì tình đoàn kết của các huynh đệ!”

Mọi người cùng nâng chén: “Huynh đệ đồng tâm đồng lòng, nêu cao truyền thống của phái Giang Tướng. Mọi người uống cạn một hơi.”

Tổ Gia lại nâng chén rượu thứ hai: “Bao nhiêu năm nay, phái Giang Tướng đã trải qua biết bao sóng gió, nhiều huynh đệ đã phải bỏ mạng vì lợi ích của Đường khẩu. Từ khi ta cai quản Mộc Tử Liên tới nay, Đường khẩu đã có 12 huynh đệ lần lượt ra đi, chỉ riêng mùa xuân năm nay đã mất đi bốn người, sau này có thể còn có các huynh đệ khác phải chết, ta cũng có thể sẽ chết, chén rượu thứ hai này hãy uống để tỏ lòng kính trọng trước các huynh đệ hy sinh vì Đường khẩu của chúng ta!”

Mọi người cảm thấy trong lời nói của Tổ Gia có ẩn ý gì đó, lần lượt nhìn nhau rồi nâng chén uống cạn.

Tổ Gia lại nâng chén: “Chén thứ ba này xin được mời Tiền gia và Yến tử. Tiền gia không quản đường xá xa xôi mà tới Mộc Tử Liên, giống như nhà tranh thêm sáng, thật vinh hạnh cho Đường khẩu biết bao! Máy tháng nay, Tiền gia ở lại Đường khẩu bày mưu hiến kế, san sẻ nỗi lo với ta, ta vô cùng cảm động. Gần đây tình hình có nhiều thay đổi, ta dẫn các huynh đệ tới vùng đất quý Nam Việt, lại được Phi Yến đích thân nghênh đón ngoài 20 dặm, các vị đối với các huynh đệ của Đường khẩu Mộc Tử Liên ơn nặng như núi. Tiền gia, Yến tử! Xin kính hai vị một ly!”

Tiền Diệu Lâm vội vàng đứng dậy, mặt mày hớn hờ cười nói: “Tổ Gia quá khách sáo rồi, ngu huynh vô đức vô năng, không bị Tổ Gia ghét bỏ đã là cảm kích lắm rồi. Lẽ ra tôi phải kính rượu Tổ Gia mới phải.” Nói xong liền uống cạn chén rượu.

Giang Phi Yến không nói gì mà chỉ mỉm cười với Tổ Gia. Đây là lần đầu tiên tôi được nhìn thấy Giang Phi Yến cười ở khoảng cách rất gần. Một người tuy đã 47 tuổi nhưng nhìn vẫn như ngoài 30, dung nhan xinh đẹp, dáng vẻ thùy mị, sắc xuân tràn đầy. Điều khiến tôi khó hiểu nhất là bà chưa có một sợi tóc bạc nào. Về sau Nhị Bá đầu nói với tôi rằng, năm nào bà cũng nhờ người của Quân thống mua giúp một loại thuốc nước ở nước ngoài để bôi lên tóc, cho nên tóc bạc mới được nhuộm đen. Nhiều năm sau tôi mới biết đó là thuốc nhuộm tóc do một người Pháp phát minh vào đầu thế kỷ 20.

Tổ Gia nói: “Mời Yến tử!”

Giang Phi Yến nói: “Mời Tổ Gia!”

Hai người cùng uống cạn chén rượu.

Tổ Gia nói tiếp: “Hôm nay là ngày Ngũ thất của Tiểu Lục Tử. Lúc còn sống Lục Tử rất thích ăn ngon, hôm trước khi dọn phòng của cậu ta, bọn thuộc hạ đã phát hiện ra một tờ thực đơn, ta đọc thì quả đó toàn là những món ăn ngon. Cậu ta đi rồi nên ta đã dùng tờ thực đơn này để thết đãi mọi người, cũng là để cúng linh hồn đang ở trên trời xanh của Lục Tử. Mời mọi người nếm thử!”

Mọi người đứng dậy nói: “Tổ Gia, xin hãy bớt đau buồn!”

Tổ Gia lại nâng chén rượu rồi nhìn lên trời nói rất to: “Lục Tử, Ngũ thất là ngày hiện hồn, cậu ở trên trời có linh thiêng thì hãy quay đầu nhìn xuống các huynh đệ! Hãy nhìn xem các huynh đệ đoàn kết thế này, cậu vẫn chưa đi hết quãng đường của mình, các huynh đệ sẽ thay cậu đi nốt! Mong cậu hãy yên tâm mà an nghỉ!”

Nói chưa dứt lời thì “choang” một tiếng, mọi người nhìn về phía phát ra tiếng động. Hóa ra là Nhị Bá đầu sơ ý làm rơi chén rượu.

Tổ Gia nhìn Nhị Bá đầu rồi ngửa cổ uống cạn chén rượu, nói: “Mọi người ăn đi nào, ai thích ăn gì thì ăn, phải ăn nhiều vào thì linh hồn của Lục Tử ở trên trời mới vui được chứ.”

Mọi người đưa mắt nhìn nhau, rồi bắt đầu dùng bữa.

Tôi lặng nhìn Tổ Gia, ông vừa ăn vừa liếc nhìn từng người trên

bàn tiệc. Tôi lặng lẽ ngồi ăn, món ăn quả thật rất ngon. Tôi nếm thử tất cả những món ăn, trong lòng thầm nghĩ lúc còn sống Lục gia thật có phúc về đường ăn uống.

Buổi “thực lộc” kéo dài suốt hai giờ, đến tận giờ Hợi mới kết thúc.

Đêm đã khuya, Tổ Gia bảo tôi pha trà cho ông. Khi pha trà tôi bỗng thấy đau bụng, phải chạy ra nhà xí để giải quyết, tôi nghĩ chắc là do mình đã ăn quá nhiều, nhưng vừa kéo quần lên thì bụng lại đau quặn. Tôi phải đi liên tục ba lần mới thấy đỡ.

Tổ Gia vừa uống trà vừa nói: “Đại Đầu, ngày mai ngươi hãy thông báo cho các vị Bá đầu của Đường khẩu, và cả Tiên gia nữa, nói rằng tiệc thực lộc vẫn tiếp tục.”

“Hả?” Tôi cứ tưởng mình đã nghe nhầm.

“Hả cái gì?” Tổ Gia nói: “Ngày mai sẽ tiếp tục thực lộc. Cả ngươi cũng tham gia. Hãy nhớ! Đừng có ăn hết các món ăn trên bàn tiệc! Ngươi chỉ được ăn một món thôi.”

Tôi không hiểu: “Món nào ạ?”

Tổ Gia cười: “Tùy khẩu vị của ngươi, món nào cũng được, đừng có ăn lẫn lộn là được!”

Tôi cảm thấy khó hiểu nhưng cũng không dám hỏi nhiều, mà chỉ đáp: “Dạ, con nhớ rồi.”

Sáng sớm hôm sau tôi liền đi thông báo cho các vị Bá đầu, khi bước vào phủ của Tam Bá đầu, tôi thấy Ngũ Bá đầu, Thất Bá đầu cũng có mặt ở đó, tôi nói: “Tam gia, Ngũ gia, Thất gia, Tổ Gia nói hôm nay vẫn tiếp tục thực lộc.”

Tôi còn nhớ mãi sắc mặt của ba vị Bá đầu lúc đó. Mặt họ đều tái mét, ánh mắt đầy kinh ngạc và tỏ vẻ khó hiểu.

Lần “thực lộc” này không có Giang Phi Yến và thuộc hạ, mà chỉ có Tổ Gia, Tiên gia, các vị Bá đầu và tôi.

Tôi nhìn qua các món ăn. Vẫn là các món trong thực đơn của Phong Tử Thủ. Tôi ngầm nhận thấy có chuyện gì đó đang xảy ra ở đây.

Tiền Diệu Lâm cười nói: “Tổ Gia, chẳng phải hôm qua mới ăn sao? Dạo này tiền bạc của Đường khẩu đang eo hẹp, nên để dành để lo việc khác...”

Ông ta chưa nói xong thì Tổ Gia đã ngắt lời: “Không thiếu khoản này được. Khà khà... các vị Bá đầu theo ta lâu rồi, hiếm khi được nhàn rỗi. Dạo này làm ăn không tốt nên mới được nâng chén mà chuyện trò cho vui.”

Đại Bá đầu cười ha hả rồi gắp một miếng thịt bỏ vào miệng: “Ăn thôi, ăn thôi, tối hôm qua tôi bị đau bụng, bây giờ phải tắm bổ mới được.”

Nhị Bá đầu nói: “Đại ca, huynh cũng bị sao?”

Không đợi Đại Bá đầu trả lời, tôi liền chen ngang: “Tiểu nhân cũng bị.”

Tổ Gia cười lớn: “Toàn là đồ bổ mà. Thời gian vừa rồi Đường khẩu chuyển nhà, mọi người phải vất vả. Bắt đầu từ hôm nay sẽ thực lộc liền trong một tháng.”

Tam Bá đầu buồn rầu nói: “Lục Tử vừa mới qua đời, tôi... không nuốt nổi...”

Tổ Gia nghiêm sắc mặt nói: “Sống chết là do số trời, mọi người đừng quá đau buồn.”

Tổ Gia nói tiếp: “Lão Lục đi rồi, việc làm ăn của Đường khẩu vẫn phải tiếp tục, việc ai người nấy làm. Còn nữa, đám tay chân đệ tử của lão Lục cũng cần phải có người dẫn dắt, mọi người hãy tiến cử đi.”

Nhị Bá đầu nghe vậy liền ngẩng đầu: “Tổ Gia, tôi chọn Tiểu Hải Tử.”

Tiểu Hải Tử là thuộc hạ của Nhị Bá đầu, tên thật là Triệu Định Hải, rất giỏi Trát phi, gan dạ dũng cảm, làm ăn cũng tốt.

Tổ Gia lắc đầu: “Đám thuộc hạ của lão Lục đều là cao thủ, không phải ai cũng có thể quản được, nếu không có chút bản lĩnh sẽ rất khó khiến cho họ phục.” Tổ Gia quay sang nói với Tam Bá đầu: “Lão Tam, cậu có chọn được ai thích hợp không?”

Tam Bá đầu nhìn Tiền Diệu Lâm. Tiền Diệu Lâm cười nói: “Chuyện này, đừng nhìn tôi! Đây là việc nội bộ của Đường khẩu, tôi quyết không tham dự vào đâu.”

Tam Bá đầu nói: “Tổ Gia, thực ra con đã nhắm được một người. Con xin tiến cử Phàn Nhất Phi, thuộc hạ của Lão Lục.”

Phàn Nhất Phi mà Tam Bá đầu nói là trợ thủ đắc lực của Phong Tử Thủ, khinh công sánh ngang với Phong Tử Thủ, gia nhập Đường khẩu năm 1942, biệt hiệu “Tiểu Thời Thiên”, ý nói hẳn ta giống như vị anh hùng hảo hán Thời Thiên ở Lương Sơn, nhanh nhẹn hơn người, khinh công vô địch.

Tổ Gia nghe xong liền đập bàn: “Tốt lắm! Thật đúng với ý của ta!”

Nhị Bá đầu miệng nhồm nhoàm đầy thịt, sững sờ nhìn Tổ Gia: “Tổ Gia... Phải suy xét thận trọng mới được.”

Tổ Gia xua tay: “Đường khẩu không thể một ngày thiếu Bá đầu. Mấy ngày qua ta luôn nghĩ đến người này, không ngờ lại trùng hợp với ý của Lão Tam. Cứ quyết định như vậy đi, ngày mai Đường hội sẽ quyết định việc này!”

Tam Bá đầu vội nói: “Tổ Gia thật sáng suốt!”

Ngày hôm sau, gần một trăm huynh đệ có mặt tại Đường khẩu. Trong tiếng hò reo chúc mừng, Tiểu Thời Thiên ngồi vào vị trí thứ sáu.

Buổi tối hôm đó vẫn thực lộc, tôi vẫn chỉ ăn một món theo đúng lời dặn của Tổ Gia, ăn một lát thì tôi kinh ngạc phát hiện ra một điều. Hóa ra tất cả mọi người trên bàn tiệc đều chỉ ăn một món. Sao lại thế nhỉ?

Lúc ăn gần xong, Tổ Gia nhìn mọi người nói: “Mấy hôm nay vất vả quá rồi, cái chết của Lục Tử khiến ta vô cùng đau lòng. Đại Đầu,

người xem kiểm vài tấm vé để hai hôm tới mọi người cùng đi xem kịch nhé.”

Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu đồng thanh nói: “Hay quá! Con chưa bao giờ được nghe kịch Quảng Đông.”

Ngày hôm sau, tôi đi kiểm mấy chục tấm vé, Tổ Gia nhìn qua nói: “Tốt lắm! Hãy thông báo cho các vị Bá đầu! Ngày mai tất cả chúng ta cùng đi xem kịch.”

Tối hôm đó như thường lệ tôi vẫn pha trà cho Tổ Gia.

Tổ Gia ngồi trên ghế xoay, vừa thưởng trà vừa nói: “Đại Đầu, con theo ta được bao lâu rồi?”

Tôi nhảm tính lại: “Tổ Gia, được một năm ba tháng ạ!”

Tổ Gia thở dài: “Chà! Thời gian trôi qua nhanh thật. Đại Đầu, con thấy Tổ Gia ta là người như thế nào?”

Tôi không biết Tổ Gia hỏi câu này là có ý gì. Quả thực trong lòng tôi rất ngưỡng mộ Tổ Gia. Cùng là đàn ông nhưng sao ông lại giỏi như vậy, vừa có trí tuệ, lại có nhiều thủ đoạn, nhìn lại mình, tướng mạo vừa xấu xí, lại đàn độn dốt nát, không biết bao nhiêu lần tôi đã thề rằng kiếp sau phải thay đổi, nhất định phải trở thành người giống như Tổ Gia. Trong lòng tuy rất buồn ngủi, nhưng khổ nỗi không khéo ăn khéo nói, không biết dùng lời hoa mỹ, rốt cuộc chỉ nói được mỗi câu: “Tổ Gia, người rất lợi hại.”

Tổ Gia hỏi: “Lợi hại như thế nào?”

Tôi nói: “Mặt nào cũng lợi hại.”

Tổ Gia cười sảng khoái một hồi rồi nói: “Đại Đầu, con còn nhớ không? Ban đầu khi thu nạp con, ta từng hỏi đã bao giờ con nghĩ rằng có ngày mình cũng làm lão gia không.”

Tôi nói: “Dạ có, lúc đó con nói phận con thấp hèn, không thể làm lão gia được. Lúc đó sư phụ đã mắng cho con một trận.”

Tổ Gia nói: “Đúng vậy! Hãy chuẩn bị tinh thần làm lão gia đi! Con

sắp được trở thành lão gia rồi đấy.”

Suýt chút nữa tôi làm rơi ấm trà xuống đất: “Ấy chết... Tổ Gia...”

Bỗng nhiên có tiếng gõ cửa rất gấp, Tổ Gia ngẩng đầu, ánh mắt sắc lạnh, khiến tôi run bắn người. Tôi buột miệng hỏi: “Ai gõ cửa vậy?”

THỰC ĐƠN GIẾT NGƯỜI BÍ TRUYỀN TRONG CUNG NHÀ THANH

Tổ Gia không lên tiếng, liền quay sang nói với quản gia: “Mở cửa!”

Quản gia vâng mệnh cầm đèn ra mở cửa.

Tôi không biết đã xảy ra chuyện gì, chỉ sững sờ nhìn Tổ Gia rồi lại ngó ra sân. Bỗng nhiên có vài tiếng hô hoán, có rất nhiều người từ trên mái nhà nhảy xuống, nhìn kỹ thì ra là Đại Bá đầu. Còn có rất nhiều thuộc hạ có võ nghệ cao cường của Đường khẩu, người nào cũng cầm một hộp pháo.

Tôi biết trong Đường khẩu có mấy chục hộp pháo, bình thường đều để trong phủ của Tổ Gia. Khi nào có nhiệm vụ đặc biệt mới đem ra cấp cho những người cần sử dụng, sau khi làm xong nhiệm vụ thì lại cất vào trong kho. Mặt khác Tổ Gia không cho phép bất cứ Bá đầu và thuộc hạ nào tự ý mang theo súng. Lần này có nhiều người mang theo súng ống, tôi nghĩ ngay: Đường khẩu sắp xảy ra chuyện lớn rồi.

Tổ Gia xua tay, Đại Bá đầu nhanh chóng nấp vào trong bức bình phong sau lưng Tổ Gia, đám thuộc hạ còn lại cũng nấp vào trong bóng tối. Đại Bá đầu thò cổ ra khẽ nói: “Tổ Gia, bên trên còn có 20 huynh đệ, bên chỗ Nhị Bá đầu cũng đã sẵn sàng rồi, bên ngoài Yến Nương (Giang Phi Yến) đã bố trí đầu vào đấy. Các lối đi quan trọng đều là huynh đệ của chúng ta.”

Tổ Gia gật gật đầu.

Một lúc sau, quản gia dẫn một người đi vào, tôi đưa mắt nhìn thì nhận ra là Thất Bá đầu Vương Gia Hiền.

Sau khi bước vào phòng, Thất Bá đầu chẳng nói chẳng rằng, mà quỳ sụp xuống: “Tổ Gia! Tiểu nhân tới để nhận tội.” Sau đó, dập đầu lia lịa: “Tổ Gia, con biết con sai rồi. Xin Tổ Gia tha mạng!”

Tổ Gia nhìn anh ta rồi lạnh lùng nói: “Nói đi!”

Thất Bá đầu vừa khóc vừa nói, tôi đứng bên nghe mà sớn gai ốc. Đúng là một âm mưu rất lớn.

Hóa ra tên cáo già Tiền Diệu Lâm từ lâu đã câu kết với Tần Bách Xuyên của Tây phái, từ lâu bọn chúng đã lên kế hoạch trừ khử Tổ Gia.

Tổ Gia là nhân vật trí dũng kiệt xuất, ai cũng nhận thấy điều đó. 21 tuổi nắm quyền cai quản Mộc Tử Liên. Ban đầu khi tiếp quản Đường khẩu từ tay Trương Đan Thành, tính cả lớn bé mới chỉ có hai mươi mấy người, vốn liếng cực kỳ ít ỏi, lại thiếu nhân tài. Nhưng hai mươi mấy năm sau Tổ Gia đã phát triển quân số của Đường khẩu lên tới hàng trăm người, tiền bạc kiếm được phải tính đến hàng trăm vạn.

Mấy trăm năm qua, Tứ đại Đường khẩu về cơ bản không phân cao thấp, thực lực ngang nhau, các bên chế ước lẫn nhau, không ai có thể uy hiếp được ai. Vậy mà đến thời Dân quốc, khi Tổ Gia xuất hiện, Mộc Tử Liên dưới sự quản lý của ông phát triển mạnh mẽ, tỏ rõ ưu thế vượt trội, điều này lập tức phá vỡ thế cân bằng của Tứ đại Đường khẩu. Đó là điều đại kỵ.

Chẳng phải Tổ Gia không hiểu rõ đạo lý này. Những năm qua, mặc dù thực lực của Đường khẩu không ngừng lớn mạnh, nhưng ông vẫn không hề tỏ ra lấn lướt, luôn cung kính với các vị Đại Sư bá. Mãi đến sau năm 1945, khi ông nắm vững hoàn toàn thực lực của mình, mới bắt đầu đánh trận công tâm. mấy năm gần đây, ông không ngừng chi tiền bạc để mua chuộc lòng người của các Đường khẩu khác, bề ngoài coi đó là điều tốt, các vị Sư bá cũng vô cùng biết ơn. Nhưng thực tế ngoài Giang Phi Yến thì Chưởng môn của hai Đường khẩu còn lại luôn tỏ ra kiêng dè, lòng người đều bị Tổ Gia mua chuộc hết, vậy thì có còn gì nữa đâu. Hơn nữa, vào năm 1943, khi Tứ đại Đường khẩu bị Cục Quân thống bao vây ở Trùng Khánh, Tổ Gia đã dồn ép Tần Bách Xuyên lên giàn thiêu, không màng đến sự sống chết của ông ta, khiến ông ta oán hận trong lòng.

Mặt khác, từ khi cuộc kháng chiến nổ ra, ở phương Bắc, Tiền Diệu Lâm ngày càng khó làm ăn. Sau khi tiếng súng của cuộc Chiến tranh giải phóng vang lên, về căn bản lão ta không thể tiếp tục hành nghề được nữa, luôn muốn dời xuống phía nam, nhưng lại sợ xảy ra xung đột với Đường khẩu của Tổ Gia, thực ra lão ta đã mấy lần lên xuống phía Nam tranh giành cơ hội làm ăn, Tổ Gia biết chuyện nhưng vì đại cục nên chưa bao giờ truy cứu. Về sau Tiền Diệu Lâm lại dẫn một nhóm A Bảo chạy tới Nam Việt, với ý đồ định chiếm bốn tỉnh Nam bộ, nhưng bị Giang Phi Yến phản đòn, trong lòng lão ta vô cùng tức tối. Giang Hoài là vùng đất trù phú, Nam Việt lại ít chiến tranh, ai cũng biết đó là hai vùng đất béo bở, Tiền Diệu Lâm vô cùng thèm thuồng, nên nóng lòng muốn độc chiếm. Nhưng thực lực của Tổ Gia với Giang Phi Yến đều rất mạnh, lão ta không có cách nào chiếm ngay được, lại càng không muốn hạ mình xin nương nhờ. Vì thế lập mưu cấu kết với Tần Bách Xuyên.

Thực ra đó là biểu hiện của sự hèn kém, chúng ngầm toan tính rằng nếu không liên kết lại để đối phó Tổ Gia, chỉ vài năm nữa, e rằng Phái Giang Tướng sẽ quy về một mối dưới trướng của Tổ Gia.

Tần Bách Xuyên bàn với Tiền Diệu Lâm, bằng bất cứ giá nào cũng phải triệt hạ Tổ Gia. Triệt hạ Tổ Gia rồi, Giang Phi Yến càng dễ giải quyết, đến lúc đó sẽ phân chia lại phạm vi thế lực, Tần Bách Xuyên vẫn nắm giữ Tây phái, sau đó thôn tính bốn tỉnh phía Nam về tay của mình. Còn Tiền Diệu Lâm quản lý Đông phái, nắm giữ tất cả địa bàn của Tổ Gia. Hai tên này còn bàn tính với nhau rằng, sẽ phân chia các nữ A Bảo của Giang Phi Yến. Giang Phi Yến đồng ý thì thôi, bằng không sẽ trừ khử.

Cuối cùng hai người chúng quyết định để Tiền Diệu Lâm giả vờ đến nhờ cậy Tổ Gia. Chỉ có tiếp cận với Tổ Gia, mới có thể nắm rõ được nội tình Đường khẩu của ông, xem liệu có thể xúi giục được vài tên Bá đầu hay không, để trong ngoài phối hợp, loại bỏ hoàn toàn Đông phái.

Từ ngày Tiền Diệu Lâm tới Đường khẩu, Tổ Gia đã sinh nghi. Tổ Gia vốn là người thích “đấu cờ”, nếu trực tiếp giết phăng Tiền Diệu Lâm thì chẳng còn gì là thú vị cả. Thế nên ông quyết định bày ra một bàn cờ lớn, cố tình để Tiền Diệu Lâm tham gia vào Đường hội, được bàn luận về những sự việc trọng đại của Đường khẩu. Tục ngữ có câu Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào, Tổ Gia muốn xem lão ta tài giỏi đến

chừng nào, biết mình biết người mới có thể bách chiến bách thắng. Điều quan trọng hơn là Tổ Gia muốn mượn tay của Tiền Diệu Lâm lôi ra những phần tử chống đối trong Đường khẩu ra ánh sáng. Tổ Gia biết rằng, mặc dù bình thường các Bá đầu đều có chút kiêng nể ông, tuy phái Giang Tương là một đám ô hợp, đều là những cao thủ về mặt trí tuệ, nhưng lại là cặn bã về mặt đạo đức, bụng dạ nham hiểm, thủ đoạn tàn độc. Tổ Gia không bao giờ quên chuyện năm xưa các Bá đầu dưới quyền của Trương Đan Thành tạo phản. Cho nên từ ngày kể nhiệm, ông luôn đề phòng tất cả các Bá đầu.

Tổ Gia không muốn các Bá đầu đoàn kết, cố tình để họ đấu đá, càng đấu đá quyết liệt bao nhiêu thì mình càng an toàn bấy nhiêu. Sau khi cuộc chiến tranh giải phóng bùng nổ, tình hình của Đường khẩu ngày càng trở nên căng thẳng, cơ sở kinh tế quyết định kiến trúc thượng tầng, vì thiếu tiền nên Đường khẩu không được ổn định. Đặc biệt là việc Tổ Gia đem tiền bạc cho các Đường khẩu khác đã nhiều lần vấp phải sự phản đối thẳng thừng của Tam Bá đầu và Ngũ Bá đầu. Từ mùa xuân năm 1949, Tam Bá đầu từng đề nghị Tổ Gia di chuyển xuống phía Nam. Phía Nam mà hấn nói không phải là về hình thức, mà là chiếm lấy địa bàn của Giang Phi Yến nhưng Tổ Gia không đồng ý. Lần khác hấn ta lại kiến nghị tiến quân về phía Tây Nam thôn tính mấy tỉnh của Tần Bách Xuyên.

Thực ra cách nghĩ của Tam Bá là không sai, nhưng vấn đề là ở chỗ hấn ta không hành động nhịp nhàng với Tổ Gia. Hấn ta đi quá nhanh, mà đi như vậy sẽ làm xáo trộn ván cờ của Tổ Gia.

Tổ Gia biết Tam Bá đầu, Ngũ Bá đầu và Thất Bá đầu từ lâu đã thông đồng với nhau. Ba tên này khác hấn với Đại Bá đầu và Nhị Bá đầu, đều là những phần tử có học thức, giỏi về định kế hoạch. Tổ Gia muốn nhân cơ hội Tiền Diệu Lâm tới Đường khẩu để xem ba người này rốt cuộc có thể làm phản đến mức độ nào.

Cuối cùng ba người này đã không vượt qua được sự thử thách. Đúng như Tổ Gia dự liệu, họ đã bị xúi giục tạo phản. Kẻ cầm đầu chính là Tam Bá đầu.

Từ khi đi theo Tổ Gia, Tam Bá đầu đã luôn có dã tâm. Hấn cho rằng trí tuệ của mình không hề thua kém Tổ Gia. Sau khi Tổ Gia thoái vị, Đường khẩu chắc chắn sẽ do hấn tiếp quản. Trong mắt hấn, Đại Bá đầu hữu dũng vô mưu, Nhị Bá đầu nửa người nửa quỷ, Tứ Bá đầu chỉ

là một con một sách, Ngũ Bá đầu với hắn cùng ngồi chung một thuyền. Ngoài hắn ra, không ai có thể thay thế Tổ Gia.

Điều khiến hắn ta không thể ngờ tới là, vào năm 1935, Tổ Gia bỗng dẫn về một cậu bé 14 tuổi từ chỗ Vương Á Tiều. Tên Tiểu Lục Tử này dần trưởng thành dưới sự dìu dắt của Tổ Gia, nó ngày càng tỏ rõ ưu thế, thông minh hơn người, vừa can đảm lại có cơ mưu, võ nghệ cao cường, lại còn xuất thân từ Phủ Đầu bang, quan hệ rộng rãi với thế lực cả hai giới Hắc-Bạch. Thế này thì phiền toái rồi đây, đối thủ cạnh tranh ngôi vị của hắn ta đã xuất hiện. Thế là hắn ta vừa tìm cách làm chia rẽ mối quan hệ giữa các Bá đầu khác, vừa ra sức củng cố thế lực của mình, tiến cử Vương Gia Hiền làm Thất Bá đầu chính là một nước cờ của hắn ta.

Từng có một đạo Tam Bá đầu định “bay một mình”, nhưng Tổ Gia đã nhận ra điều đó. Vì lợi ích chung của Đường khẩu, ông đã nói bóng gió mấy lần nên hắn ta không dám lên tiếng.

Tam Bá đầu còn rất tham lam, hắn luôn có ý kiến với chế độ “ăn hoa hồng” của Đường khẩu và đã từng nhiều lần kiến nghị Tổ Gia. Đương nhiên là mượn cớ ổn định lòng người trong Đường khẩu, nhưng Tổ Gia không đồng ý.

Sau khi cuộc Chiến tranh giải phóng bùng nổ, công việc làm ăn của các Đường khẩu lớn ngày càng đi xuống, các A Bảo trong cả nước đều nháo nhác, mọi người đều không biết tình hình sẽ tiến triển theo chiều hướng nào, số phận của mình sẽ đi về đâu. Tam Bá đầu nhiều lần thăm dò ý tứ của Tổ Gia, nhưng Tổ Gia lại không để lộ một chút gì cả.

Chính trong thời khắc quan trọng này thì Tiền Diệu Lâm xuất hiện, dốc hết “lời gan ruột” với Tam Bá đầu, ông ta nói: “Bây giờ chính là thời điểm tốt nhất để tạo lên một trật tự khác cho phái Giang Tương, không thể để một người nắm giữ mãi được.”

Tiền Diệu Lâm hứa sau khi xong việc sẽ chia mấy tỉnh cho Tam Bá đầu, để Tam Bá đầu tự đứng ra cầm trịch, xưng bá một phương. Điều này vừa hay đúng ý của Tam Bá đầu đã ấp ủ suốt bao năm qua, đến năm mơ cũng luôn mơ thấy mình được làm Đại Sư bá.

Thế là hai bọn chúng ngấm ngầm câu kết với Tần Bách Xuyên, lên

kế hoạch để trong ngoài phối hợp. Chúng tính toán rằng muốn trừ khử Tổ Gia, trước tiên phải tiêu diệt Lục Bá đầu Phong Tử Thủ, đó là hộ vệ sát sườn của Tổ Gia, trí dũng song toàn, là chướng ngại vật lớn nhất. Chỉ cần khử được anh ta thì các Bá đầu khác đều không đáng lo.

Vậy phải làm thế nào? Nếu đánh trực tiếp thì không thể đánh lại anh ta, mà ám sát lại càng không được, cho dù là hạ độc hay bắn chết thì cũng chẳng khác gì việc trực tiếp nói với Tổ Gia rằng có người muốn làm phản. Trong thời khắc quan trọng này, tên cáo già Tiền Diệu Lâm lại phát huy vai trò, lão ta moi ra một thực đơn. Đó là Thực đơn giết người bí truyền mà năm xưa khi hành nghề lừa đảo tại Trục Lệ ở miền Bắc hẳn ta đã lấy được từ tay một lão thái giám trong cung.

Chương 6. “BỐN VỊ THẦY TƯỞNG SỐ” MỖI NGƯỜI MỘT TUYỆT KỸ ĐỘC MÔN

Âm mưu làm phản của Tam Bá đầu

Trong lịch sử, những cuộc đấu đá trong cung đình luôn có một vài vị hoàng đế, phi tử, thái tử chết một cách không minh bạch. Nguyên nhân nằm trong Thực đơn giết người bí truyền.

Nói một cách chính xác, phương thuốc bí truyền này nằm ở thực đơn trong một bữa ăn. Mỗi một món ăn, từ nguyên liệu đến cách nấu nướng đều không có bất kỳ vấn đề gì, nhưng một khi ăn một món này với món khác lập tức sẽ có vấn đề.

Vạn vật trong vũ trụ đều có thuộc tính âm dương. Ví dụ, nam là dương, nữ là âm, ngày là dương, đêm là âm, mặt trời là dương, mặt trăng là âm, lửa là dương, nước là âm, ngày nắng là dương, ngày mưa là âm... Đồ ăn cũng vậy. Theo Đông y: “Tối ăn củ cải, sáng ăn gừng, thầy thuốc không viếng thăm”. Đây chính là đạo lý dưỡng sinh bằng phương pháp ăn uống. Tại sao phải ăn củ cải vào buổi tối vì đêm là âm, buổi tối khí dương trong cơ thể suy dần, khí âm chuyển vượng, mà củ cải vừa hay thuộc âm, lúc này ăn củ cải chính là thuận theo sự tuần hoàn của khí âm trong cơ thể. Tương tự, buổi sáng là lúc khí dương thịnh lên, gừng thuộc dương, ăn vài lát gừng sẽ thúc đẩy sự vận hành của khí dương trong cơ thể. Đây chính là đạo của âm dương. Nếu đi ngược lại đạo âm dương này thì sao? Đông y đã cảnh báo về hậu quả của việc ăn uống đi ngược nguyên lý âm dương rằng: “Sáng ăn gừng, có thể bảo vệ sức khỏe. Tối ăn gừng, chẳng khác gì ăn thạch tín.” Có thể thấy, đi ngược đạo âm dương, là vô cùng đáng sợ.

Gần hai tháng nay, thực đơn mà Phong Tử Thủ ăn đều là những món có thuộc tính Ngũ hành tương xung tương khắc, “thịt lợn khai nguyên hãm” cho thêm “củ ấu âm dương”, âm vượng gặp dương vượng, Thủy lan tràn Mộc nổi trôi, tổn hại đến gan; “gà xé phay trộn dưa chuột” cho thêm “lạc ngâm rượu cửu âm”, Thiếu âm¹ xung với

Thái dương², Mộc nhiều phá Kim, tổn hại đến phổi; “thịt chó tam dương khai thái” cộng với “đậu song sắc”³, Thái dương lấn át Thiếu âm, tổn thương đến thận... Cứ bảy ngày lại quay vòng các thực đơn này, khiến lục phủ ngũ tạng dần dần bị tàn phá.

Đây chính là mảnh khóc giết người dựa vào khí trong Ngũ hành. Một mảnh khóc giết người độc địa, thâm lặng.

Thức ăn sẽ tác dụng từ từ, mới đầu không thể nhận ra được, người ăn chúng cùng lắm chỉ bị nóng ruột, đi ngoài. Nhưng thực chất, lúc này lục phủ ngũ tạng đã bị tổn hại, có lúc nạn nhân luôn cảm thấy mệt mỏi, kiệt sức, nhưng lại cứ nghĩ do lao động quá độ gây mệt mỏi nên không chú ý lắm. Lâu dần, nguyên khí trong ngũ tạng tiêu hao đến cùng kiệt, chẳng bao lâu cơ thể mất đi sự cân bằng âm dương. Sinh mệnh tồn tại được là nhờ có sự cân bằng âm dương, khi sự cân bằng đó bị phá vỡ, nhẹ thì nhiều bệnh tật, nặng sẽ bị chết.

Từ nhỏ, Phong Tử Thủ đã luyện tập võ nghệ, thân thể cường tráng, lúc mới ăn vào chỉ cảm thấy hơi khó chịu, nên cho rằng đó là hiện tượng sinh lý bình thường. Hơn nữa anh ta vẫn kiên trì luyện võ, điều này lại càng có hại, vì khi luyện võ cũng cần phải vận khí, trong khi đó, khí huyết trong người lúc này đã bị rối loạn. Nếu cố gồng mình vận khí sẽ khiến cơ thể rơi vào tình trạng “đá chọi đá”, đó là một cuộc chiến vô cùng bi thảm vì chiến trường chính là cơ thể của mình.

Cuối cùng, đến một ngày, khi Phong Tử Thủ đang luyện võ, đột nhiên bị tức ngực, thổ huyết, không đầy vài ngày sau lông tóc bắt đầu rụng, khi tìm đến thầy thuốc thì bệnh đã vô phương cứu chữa. Bởi vậy, đại phu mới chẩn đoán rằng tất cả các cơ quan trong cơ thể đều đã suy kiệt, nhưng lại không thể tìm ra nguyên nhân, không ai có thể ngờ rằng ăn cơm lại có thể khiến người ta bị chết.

Nghe Vương Gia Hiền nói về thực đơn giết người này, Tổ Gia đập bàn, đứng dậy chửi rủa: “Quân khốn kiếp! Một lũ tạp chủng!” Giọng ông run lên vì giận dữ.

Vương Gia Hiền sợ đến nỗi cứ đập đầu xuống nền nhà côm cốp, van xin: “Xin Tổ Gia tha mạng, xin Tổ Gia tha mạng!”

Tổ Gia vốn thông minh hơn người. Ngay từ khi Tiền Diệu Lâm đến Đường khẩu, ông đã có sự đề phòng mọi lúc mọi nơi, nhưng không ngờ lão ta lại dùng đến độc kế này. Bản thân Tổ Gia mãi đến khi xuống nhà bếp của Lục Bá đầu tra xét mới nghi ngờ rằng vấn đề có lẽ nằm ở tờ thực đơn.

Thực ra lúc đó Tổ Gia vẫn chưa biết chắc liệu có phải tờ thực đơn này có vấn đề hay không. Bởi vậy, ngay hôm sau ông mới dùng cách “thực lộc”, mời mọi người ăn cơm. Bọn Tiền Diệu Lâm và Tam Bá đầu có nằm mơ cũng không thể ngờ rằng Tổ Gia lại chú ý đến tờ thực đơn vô tri vô giác này. Bởi một năm bốn mùa, mùa nào Phong Tử Thủ cũng thay đổi rất nhiều thực đơn, mười mấy năm nay vẫn luôn như vậy, nên bản thân Phong Tử thủ cũng chưa bao giờ để ý đến tờ thực đơn mới này. Nhưng Tổ Gia lại khác. Ông ấy quả không hổ danh là Tổ Gia.

Bọn Tam Bá đầu có tật giật mình, chúng biết rõ Phong Tử Thủ thân thể cường tráng, phải mất đến hai tháng mới có thể đưa anh ta vào được quan tài. Còn như với sức vóc của chúng, chỉ cần vài bữa là xong đời, mà cho dù không chết ngay cũng rước bệnh vào người. Giờ đây Tổ Gia lại bày thực đơn này lên, bắt phải ăn, không ăn tất sẽ lòi cái đuôi cáo, chúng biết rõ chỉ cần không kết hợp ăn những món đó với nhau sẽ không có vấn đề gì. Cho nên mỗi tên chỉ ăn đúng một món, hoặc ăn những món đồng nhất về thuộc tính âm dương. Chi tiết này không qua được cặp mắt tinh tường của Tổ Gia, nên khi quay về ông đã nói cho tôi biết, cũng nói cho cả Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu và Tứ Bá đầu.

Bọn Tam Bá đầu, Tiền Diệu Lâm chắc hẳn đã qua mặt được Tổ Gia. Không ngờ hôm sau Tổ Gia lại tiếp tục yêu cầu “thực lộc”, hơn nữa còn nói sẽ thực hiện liên tục trong vòng một tháng. Trong bữa ăn, bọn Tam Bá đầu và Tiền Diệu Lâm nhận thấy ngoài chúng ra, các vị Bá đầu khác cũng chỉ ăn duy nhất một món, chúng đánh hơi thấy sự việc đã có cơ bại lộ.

Chính vào giờ phút quan trọng nhất, Tổ Gia lại dùng kế hoãn binh, ông cố ý nhắc về chuyện cần thêm một vị Bá đầu mới. Một là để làm cho bọn Tam Bá đầu mơ mơ hồ hồ, khiến chúng không dám chắc là Tổ Gia đã thực sự nghi ngờ chúng hay chưa. Hai là muốn mượn tay Tam Bá đầu lôi ra những phần tử có vấn đề khác, nhờ đó mà lôi ra thêm tên Tiểu Thời Thiên.

Ngay sau đó, Vương Gia Hiền lại khai ra một âm mưu lớn hơn khác. Chúng đã lên kế hoạch sẵn, sau khi trừ khử được Phong Tử Thủ, Tần Bách Xuyên sẽ viết thư cho Tổ Gia, nói đang có vụ làm ăn lớn, lừa Tổ Gia đến Tứ Xuyên, rồi dàn cục trong cục hồng lấy mạng Tổ Gia. Cùng lúc này, Tiền Diệu Lâm và Tam Bá đầu dẫn đầu bọn Ngũ Bá đầu, Thất Bá đầu và cả tên Tiểu Thời Thiên đã bị mua chuộc từ trước cùng tạo phản ở nhà. Phong Tử Thủ đã chết, việc khử Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu và Tứ Bá đầu không thành vấn đề. Trong ngoài phối hợp, tiêu diệt gọn Đông phái.

Tổ Gia hỏi: “Thực đơn này làm thế nào mà lọt được vào bếp của Lục gia?”

Vương Gia Hiền đáp: “Chúng con khống chế đầu bếp của Lục gia. Nếu hắn không chịu hợp tác sẽ giết chết cha mẹ hắn, hắn ta bị ép phải làm phản.”

Tổ Gia quát to: “Đại Bá đầu, lập tức đến giết chết tên đầu bếp họ Vương cho ta!”

Đại Bá đầu thưa: “Vâng!” Rồi xách súng toan đi ngay thì Tổ Gia lại nói: “Truyền lệnh cho Nhị Bá đầu, đã có thể xuất kích.” Sau khi Đại Bá đầu nhận được mệnh lệnh, ông ta dẫn theo hai tên tay chân đi cùng. Ngay sau đó, một tiếng súng từ xa vọng lại, tiếp đến là hàng loạt tiếng súng nổ theo.

Một lát sau, Đại Bá đầu trở về, nói với Tổ Gia: “Tổ Gia, tên đầu bếp Vương đã tự tử rồi. Hắn ta để lại một bức thư.”

Tổ Gia cầm đọc. Trong thư, hắn viết toàn những lời ăn năn, hối lỗi. Đại ý nói là bị ép buộc, bản thân thấy không còn mặt mũi nào mà sống nữa. Sau khi đọc xong, Tổ Gia nói: “Đối đãi tốt với cha mẹ anh ta.”

Vương Gia Hiền nói tiếp: “Tiền Diệu Lâm và Tam Bá đầu nhận thấy rằng Tổ Gia đã biết sự thật, chúng định ra tay trước vào ngay ngày mai, hồng vá lại manh lưới bị rách. Đã có mười mấy huynh đệ của Đường khẩu bị bọn Tam Bá đầu xúi giục, mai phục sẵn trong rạp hát rồi. Tổ Gia đối với tiểu nhân ân trọng như núi, nên con không nhẫn tâm khoanh tay đứng nhìn, mà lên đến báo tin trước...”

Anh ta còn chưa dứt lời, mấy tên tay chân khiêng một cái bao lớn từ ngoài bước vào. Họ giật tung miệng bao ra, một đồng đầu người lăn lông lốc ra ngoài.

Tôi sợ đến nỗi không kêu lên được, mười mấy cái đầu lâu máu me be bét, có cái vẫn còn trợn trừng mắt.

Tổ Gia chỉ vào đồng đầu người trên nền nhà lạnh lùng nói: “Những kẻ mai phục trong rạp hát đều ở đây cả”.

Vương Gia Hiền thất kinh: “Đây... Tổ Gia, đây...”

Tổ Gia quay người ngồi lên ghế: “Đại Đầu, pha trà!”

Tôi ngẩn người ra, giờ là lúc nào mà Tổ Gia còn có tâm trí uống trà được?

“Người điếc à?” Tổ Gia quát.

Tôi lật đật đi vòng qua mấy cái đầu lâu, đến bên trà kỷ, lập cập mở hộp trà Long Tỉnh.

Tổ Gia chậm rãi nhấp một ngụm, vừa uống vừa lim dim mắt như đang nghĩ ngợi hoặc như đang chờ đợi điều gì đó. Cả căn phòng im phăng phắc không gian như đặc quánh lại. Đắng xa, lúc lúc lại có một loạt tiếng súng vọng lại.

Chừng nửa tiếng sau, tiếng súng thưa dần, một lúc sau, Nhị Bá đầu mồ hôi nhễ nhại chạy vào: “Tổ Gia, đã giải quyết xong. Tiền Diệu Lâm đã tự sát, những tên còn lại đều đã bị bắt.”

Tôi nhìn ra sân, thấy Giang Phi Yến tay đang cầm khẩu súng, mấy A Bảo đang đẩy Tam Bá đầu và Ngũ Bá đầu đã bị trói quặt cánh tay ra phía sau. Còn có cả tên Tiểu Thời Thiên vừa mới nhậm chức Lục Bá đầu.

“Quỳ xuống!” Nhị Bá đầu quát.

Tam Bá đầu, Ngũ Bá đầu, Tiểu Thời Thiên cùng quỳ xuống trước mặt Tổ Gia.

Tôi ôm ấm trà lặng lẽ nhìn bọn họ. Mồ hôi trên trán Tam Bá đầu túa ra, trên mặt còn có cả vết máu.

Tổ Gia nhấp một ngụm trà rồi nói: “Các người còn có gì để nói nữa không?”

Tam Bá đầu ngẩng đầu lên xin: “Tổ Gia, xin hãy ra tay thật nhanh!”

Tổ Gia thờ dãi, chậm chậm đứng lên, từ từ bước tới trước mặt Tam Bá đầu, xoa đầu ông ta nói: “Lão Tam à, kiếp sau làm người, đừng có thông minh như vậy nữa...” Bỗng, Tổ Gia giơ tay lên rồi đập một cái, Tam Bá đầu kêu hự lên một tiếng, thân người dướn thẳng rồi ngã lảo xuống đất, chết tươi. Tổ Gia đã đâm một cái đinh vào sau gáy hắn ta.

Ngũ Bá đầu và Tiểu Thời Thiên thấy vậy, phủ phục đầu sát đất: “Xin Tổ Gia tha mạng!”

Tổ Gia ngẩng đầu lên, đau lòng nói: “Các người đi theo ta bao nhiêu năm nay, ta có chỗ nào không phải với các người, cứ sao các người lại nghe theo tên Tam Bá đầu một cách ngu muội như vậy? Tình huynh đệ thủ túc, giết các người có khác nào ta chặt đứt cánh tay mình, cũng như chặt đứt đường tiền tài của Đường khẩu. Về sau các người hãy liệu mà làm đi!”

Ngũ Bá đầu và Tiểu Thời Thiên nghe được những lời này, nước mắt trào ra: “Tổ Gia! Chúng con xin lỗi!” Họ đập đầu côm cốp xuống nền đến nỗi chảy cả máu: “Tạ ơn Tổ Gia không giết!”

Bọn họ đâu biết rằng, đây là kế hoãn binh của Tổ Gia. Vốn dĩ khoảng thời gian này tình hình Đường khẩu rối ren, vừa mới từ Giang Hoài chuyển đến Quảng Đông, vì cuộc đấu đá nội bộ này mà mười mấy huynh đệ phải chết. Nếu ông lại giết đi nhiều Bá đầu, chẳng khác gì tự phá hỏng nguyên khí của mình.

Sau đó nhiều năm, tôi hỏi Vương Gia Hiền, tại sao khi đó lại biết ăn năn hối lỗi. Vương Gia Hiền chỉ nói một câu: “Một người ngay cả Đại Sư bá của mình mà cũng dám giết, tôi đi theo hắn liệu có kết cục tốt đẹp không? Lão Tam lòng dạ quá hiểm độc.” Nhớ lại những chuyện đã qua, tôi vẫn luôn khâm phục trí tuệ và sự lão luyện của Tổ

Gia.

Ông ấy có thể nghi ngờ cả tờ thực đơn vô tri vô giác, sau đó dùng cách “thực lộc” để kiểm tra giả thiết của mình, trong suốt bữa ăn liên tục thả ra những lời lấp lửng nước đôi, khiến người ta không biết đường nào mà lần, rồi quan sát phản ứng của từng người một. Sau khi nhìn rõ chân tướng, ông lại tung hỏa mù, đầu tiên thì đồng ý chuyện Tam Bá đầu tiên cử Tiểu Thời Thiên, sau đó lại cố ý nói muốn đi xem kịch, nhằm kéo dài thời gian. Thực ra, trong thời gian này, ông ấy đang khuya chiêng gõ mõ bài binh bố trận. Để đề phòng tên Tam Bá đầu chó cùng dứt giậu mà xông vào tận phủ giết mình, đầu tiên, ông trang bị vũ khí cho đội cận vệ trung thành nhất của mình bên chỗ Đại Bá đầu, cho họ ẩn nấp trong phủ, rồi lại phái Nhị Bá đầu tập hợp đám chân tay và người bên chỗ Tứ Bá đầu lại, bao vây chỗ ở của bọn Tam Bá đầu, Tiền Diệu Lâm. Quan trọng hơn, ông còn có sự trợ giúp của Giang Phi Yến. Bà ấy cát cứ vùng Nam Việt mấy chục năm, nên việc ra vào thành phố bằng đường thủy, đường bộ đều rõ như lòng bàn tay. Bà đã gài người mai phục giúp Tổ Gia, Tổ Gia đã căn dặn: “Không được để thoát bất kỳ một tên nào!”

Kết quả khi Tiền Diệu Lâm cùng mấy tên tay chân vác súng tháo chạy liền bị chặn lại ở bến đò. Sau một trận đọ súng, Tiền Diệu Lâm thấy tình thế không thể cứu vãn, bèn nổ súng tự sát.

Điều quan trọng hơn cả đó là việc tên đi đưa thư cho Tây phái Tần Bách Xuyên cũng bị bắt sống. Vì mấy ngày nay, tình hình diễn biến bất lợi, phá hỏng hoàn toàn những toan tính, ý đồ ban đầu của bọn Tam Bá đầu, Tiền Diệu Lâm và Tần Bách Xuyên. Tiền Diệu Lâm xét thấy không thể hành động theo như kế hoạch, vội vàng viết một lá thư, rồi phái người đưa tin nhằm báo cho Tần Bách Xuyên biết đã bị lộ cục. Lão ta định thoát thân bằng đường biển, đi vòng qua Quảng Tây, sau đó đi vào Tứ Xuyên, xin Tần Bách Xuyên tiếp ứng.

Tổ Gia đọc xong thư mới hiểu thêm một điều rằng, Tam Bá đầu tự phụ nghĩ mình thông minh, nhưng lại bị tên Tiền Diệu Lâm chơi xỏ. Hắn ta kích động bọn Tam Bá đầu, Ngũ Bá đầu và Thất Bá đầu liều mạng đấu với Tổ Gia, còn bản thân nhân lúc hỗn loạn sẽ đánh bài chuồn. Vốn dĩ lão ta chưa từng nghĩ đến việc cùng sống chết với Tam Bá đầu.

Bất được kẻ đưa thư này, đồng nghĩa với việc Tổ Gia nắm được

thế chủ động trên toàn cục, ông ra lệnh phong tỏa mọi tin tức. Đồng thời, sai Tứ Bá đầu là người giỏi sao chép, mô phỏng bút tích và giọng điệu của Tiên Diệu Lâm, viết một bức thư báo tin cho Tần Bách Xuyên rằng: “Mọi việc thuận lợi, hành động theo kế hoạch đã định.”

Tổ Gia muốn tương kế tựu kế dàn tiếp cục này, để diệt trừ Tần Bách Xuyên.

Tổ Gia là người thông minh, mưu lược như vậy, nên tôi vẫn thường nghĩ không biết ông có hài lòng về bản thân hay không? Tôi cho là không. Ông ấy thông minh, vậy mà Tiểu Lục Tử mà ông rất mực yêu quý vẫn bị chết ngay trước mắt. Tam Bá đầu vẫn cứ làm phản, Đường khẩu mà mọi người dốc bao nhiêu tâm sức mới gây dựng được, bỗng chốc mất đi mấy chục huynh đệ. Ông thông minh như vậy, nhưng chiến tranh vừa nổ ra, ông vẫn phải dẫn các huynh đệ bôn ba khắp chốn. Trong cơn nguy biến của lịch sử và con đường đi đầy tàn khốc của vận mệnh, lần đầu tiên tôi nhận thấy rằng, Tổ Gia cũng rất yếu đuối.

Cuộc đấu đá nội bộ này khiến Tổ Gia già hẳn đi. Khoảng thời gian đó, nhìn ông, tôi thấy rất thương cảm. Giang Phi Yến sai người mang loại tổ yến thượng hạng đến, nhưng ông không nuốt nổi, bà liền mời ông đi xem kịch. Tóm lại, trong thời gian đó, Giang Phi Yến luôn bên cạnh bầu bạn, chuyện trò với Tổ Gia.

Thực ra, ban đầu Giang Phi Yến giúp đỡ Tổ Gia là vì chữ tình, bà ấy yêu Tổ Gia, mặt khác cũng vì báo đáp ơn cứu mạng bà hai lần. Khi Thất Bá đầu Vương Gia Hiền khai ra chuyện bọn Tiên Diệu Lâm muốn cướp địa bàn của bà, chia rẽ tử muội trong Đường khẩu, bà mới biết lần này cũng là giúp chính bản thân mình.

Giang Phi Yến mang một vẻ đẹp khiến cho tất cả bọn đàn ông đều phải xiêu lòng. Ánh mắt bà lạnh như băng, nhưng không những không tạo ra được khoảng cách, mà ngược lại khiến cho đàn ông khao khát tìm mọi cách làm tan chảy khối băng đó.

Người trong giang hồ đều biết đến mỹ danh “Bông hoa Nam Việt”, năm xưa là Kiều Ngũ Muội. Nay bông hoa đó chính là Giang Phi Yến, người trong giang hồ vẫn đùa rằng: “Ngũ nương chi hậu hữu Yến tử, Nương Doanh tử tử tam phân mao, tử thắng lão nương nhất mạch hương.” Nghĩa là, nếu luận về dung mạo, Kiều Ngũ Muội đẹp

hơn Giang Phi Yến, nhưng Giang Phi Yến có một ưu điểm mà những phụ nữ khác không thể sánh bằng đó là mùi hương. Cho dù bà không thoa phấn, nhưng khi bà đi lướt qua, là anh có thể cảm nhận thấy cả một làn hương thơm phảng phất.

Thực ra, Kiều Ngũ Muội và Giang Phi Yến đều là những người đẹp nhất trong những người đẹp, tiêu chuẩn quyết định một nữ A Bảo được làm Chưởng môn nhân là phải thật đẹp. Vì muốn dàn cục, muốn tạo mối quan hệ hay dùng mỹ nhân kế thì về cơ bản những cô gái kém nhan sắc không thể lên sân khấu được.

Năm xưa, khi Kiều Ngũ Muội chết, có đến mấy trăm tên Hắc bang địa phương bao vây Đường khẩu. Tổ Gia đã phải dùng kế “Vây Nguy cứu Triệu”, khéo léo hóa giải được cơn nguy biến này, khiến Giang Phi Yến vừa gặp đã sinh lòng ái mộ. Nhưng Tổ Gia nhất mực từ chối đón nhận tấm chân này, ông luôn giữ lễ, hết mực cung kính với bà. Khi đó, Giang Phi Yến 31 tuổi còn Tổ Gia 30 tuổi. Hơn mười năm nay, bà thầm yêu trộm nhớ Tổ Gia đến mức khổ sở, nhưng ông luôn giữ khoảng cách, tuy gần mà xa.

Đây đều là những chuyện mà Nhị Bá đầu to nhỏ với tôi trong những cuộc rượu chỉ có hai sư đồ. Về sau, cả Thất Bá đầu cũng nói như vậy.

Giang Phi Yến đặt ra một quy định trong Đường khẩu của mình là tất cả các nữ A Bảo đều không được phép lấy chồng. Nhị Bá đầu nói bà ấy là kẻ lập dị. Sau khi đất nước Trung Quốc mới được thành lập, những Bá đầu như chúng tôi được ra khỏi tù, ngồi uống rượu với Thất Bá đầu, đề cập lại chuyện này. Thất Bá đầu nói: “Không cho phép lấy chồng là nói để cho các A Bảo nghe, bà ấy cũng chỉ vì nghĩ cho lợi ích của Đường khẩu. Con người đâu phải là gỗ đá, ai mà không có chữ tình chứ. Bao nhiêu năm bà thầm yêu Tổ Gia, nhưng Tổ Gia vẫn không đón nhận, bà ấy mới là người khổ tâm nhất.”

Số mệnh của nữ A Bảo thực ra rất bi thảm, đặc biệt là Chưởng môn nhân, chớ thấy bề ngoài họ đeo đầy kim ngân vàng bạc, ung dung cao quý thì ao ước ngưỡng mộ. Để có được những thứ đó họ phải mang cả tấm thân và cái đầu ra để đánh đổi. Tuổi xuân của Giang Phi Yến đã dâng hết cho phái Giang Tương. Hai mươi năm nắm giữ Việt Hải Đường, người ngoài thì thấy vinh quang biết mấy, nhưng kỳ thực bà đã phải nghiêng răng chịu đựng, khổ đau, chỉ có

mình bà mới biết.

Hai tháng sau, bà giúp Tổ Gia tiêu diệt Tần Bách Xuyên, sau đó bà thổ lộ hết những lời tự đáy lòng, khiến Tổ Gia rơi nước mắt vì sầu não. Trút bỏ được hết nỗi lòng, bà quay bước ra đi, rời xa Đại Lục, bỏ lại Việt Hải Đường nơi mà bà đã chôn vùi bao nhiêu năm tuổi trẻ. Mùa xuân năm 1987, bà lâm bệnh và qua đời ở Đài Loan.

VỀ TRÚNG KẾ, THẮNG TIẾN TỨ XUYÊN

Do Tổ Gia đã phong tỏa mọi tin tức và còn gửi cho Tần Bách Xuyên một bức thư giả, nên hẳn ta như ngồi trong thúng không hề hay biết chuyện gì đã xảy ra.

Hơn nửa tháng sau, Tần Bách Xuyên phái người đưa thư mời Tổ Gia đến Tứ Xuyên dàn cục. Đương nhiên Tổ Gia nhận lời. Ông dặn dò Đại Bá đầu, Nhị Bá đầu, Tứ Bá đầu ở lại trông nom Đường khẩu, chỉ mang theo một người đi cùng, đó chính là tôi. Đây là lần khảo nghiệm lòng dũng cảm cuối cùng ông dành cho tôi. Từ khi theo Tổ Gia đến nay, ông lần lượt thử thách lòng kiên trì, thói háo sắc, tâm tham lam, lòng nhân từ và sự gan dạ dũng cảm của tôi. Có lẽ, một kẻ không tham lam, không háo sắc, có lòng can đảm mới là người mà ông ấy muốn gửi gắm cuối cùng.

Chưa kể nào đoán ra được cái bẫy mà Tổ Gia giăng ra. Trên đường đến Tứ Xuyên, ông nói với tôi: “Này Đại Đầu, chuyến đi này, không thành công thì cũng thành nhân.”

Tôi nói với Tổ Gia: “Sao sư phụ không mang thêm nhiều huynh đệ hơn?”

Tổ Gia nói: “Càng ít càng an toàn.”

Tôi thật không hiểu thế nào là càng ít thì càng an toàn, nhưng cũng không thắc mắc gì thêm nữa.

Tổ Gia nhìn tôi, hỏi: “Sợ rồi sao?”

Tôi đáp: “Sợ thì không ạ, chỉ là thấy không vững tâm.”

Tổ Gia cười: “Đại Đầu, theo ta lâu vậy rồi, ngươi có hối hận

không?”

Lòng tôi như chùng xuống, tôi nói: “Tổ Gia, con không hối hận, bao lâu nay, người đối với con ân trọng như núi, thế mà con lại khiến người thất vọng. Gia nhập Đường khẩu đã lâu, con vẫn không thể san sẻ bớt nỗi lo cho người”.

Tổ Gia nhìn tôi thờ dài nói: “Người đáng hổ thẹn phải là Tổ Gia ta đây, thường ngày ta vẫn nghĩ, trước đây người làm ở quán trà cũng rất tốt rồi, mặc dù nghèo một chút nhưng được sống những ngày yên ổn, đi theo ta, không tránh khỏi việc phải lo lắng sợ hãi, ta không biết rồi sẽ đưa người đi tới đâu nữa. Ta thường nghĩ, nếu ta không làm ăn kiểu này, người đi theo ta, thì thật tốt biết mấy.”

Nhìn chỗ tóc mai đã bạc trắng của Tổ Gia, tôi chợt thấy nhói lòng: “Tổ Gia, đây chính là duyên phận.”

Tổ Gia trầm ngâm một lát rồi nói: “Đại Đầu, nếu có cơ hội ra đi, người sẽ chọn nơi nào?”

Tôi giật mình: “Ra đi ư? Đi đâu?”

Tổ Gia thờ dài một tiếng: “Hồng Kông, Đài Loan, Nam Dương đều được. Hiện nay, có rất nhiều huynh đệ đồng đạo đã chạy ra ngoài, sau khi tìm được chỗ dừng chân đều viết thư về bảo ta đi cùng họ, nhưng ta không thể, bởi vẫn còn nhiều việc chưa hoàn thành...” Nói đến đây, Tổ Gia lặng người đi một lát: “Nếu có thể... có một ngày ta ra đi, người có muốn đi cùng ta không?”

Nghe thấy vậy nước mắt tôi đã chực trào ra. Đây không phải là việc muốn hay không, mà là Tổ Gia chưa bao giờ có ý định bỏ rơi tôi. Ai cũng biết việc ra ngoài chẳng phải là chuyện đơn giản. Như tôi đây, không tiền không tài, không có người giúp đỡ, cứ cho là đến đó được cũng khó mà sống nổi.

Tôi biết trong lòng Tổ Gia cũng rất buồn, không nở rời bỏ, sau khi đến Nam Việt, lạ nước lạ cái, việc làm ăn cũng chẳng phải dễ dàng gì, đã vậy Phong Tử Thủ thì đã chết, Tam Bá đầu và mười mấy huynh đệ cũng theo sau, giờ đây lại Tây tiến đến Tứ Xuyên đấu với Tần Bách Xuyên, thắng thua khó liệu trước... Giai đoạn đó, thời cuộc rối ren, chưa thể đoán biết được tiền đồ sẽ thế nào, lần đầu tiên tôi thấy Tổ

Gia tỏ ra băn khoăn, do dự.

Thực ra, đây cũng là khoảng thời gian cả đất nước Trung Quốc bị mất phương hướng. Đi hay ở đã trở thành nỗi trăn trở đeo đẳng trong tâm trí biết bao người. Sau khi Quân giải phóng vượt sông Trường Giang, đánh đổ Tưởng dễ như đổ cây gỗ mục. Nhiều người đã dao động trước sự tuyên truyền của Quốc dân Đảng. Vào khoảng thời gian trước và sau năm 1949, khi nước Trung Quốc mới được thành lập, hàng trăm vạn người đã mang theo gia đình vợ con trốn ra nước ngoài.

Trong số này, có đám binh tàn tướng bại Quốc dân Đảng, bám đuôi Tưởng Giới Thạch còn có cả bọn thương gia giàu có, trùm xã hội đen, bọn thổ phỉ vùng Tây Nam và một bộ phận người dân không rõ lai lịch. Họ chạy đến bất kỳ nơi nào có thể dung thân lánh nạn như: Đài Loan, Hồng Kông, Nam Dương và khắp nơi khác trên thế giới.

Đặc biệt là những tên trùm xã hội đen, chúng biết rõ, Cộng sản Đảng đã đến và giành thiên hạ về cho nhân dân. Những ngày tháng bọn họ có thể làm mưa làm gió, cưới đầu cưới cổ dân thường đã một đi không trở lại.

Tổ Gia cũng được liệt vào hàng xã hội đen, tay ông dính đầy máu, nhưng có nhiều tiền bạc. Cho nên, ông cần phải chạy trốn và có điều kiện để chạy trốn.

Ngày 2 tháng 8, chúng tôi tới Tứ Xuyên. Lần đầu tiên tôi gặp Tần Bách Xuyên, ông ta trông to con, để râu quai nón, rất có khí phách của bậc đại gia. Vừa thấy chúng tôi đến, ông ta mừng rỡ chìa tay đón: “Tổ Gia, người huynh đệ tốt của ta.”

Tổ Gia cũng cười tươi: “Tần gia, đã lâu không gặp, ông vẫn phong độ như ngày nào.”

Tối hôm đó, Tần Bách Xuyên mở tiệc thết đãi, giữa buổi tiệc, ông ta giải thích kế hoạch về vụ dàn cục lần này.

Ông ta nói lần này phải dàn một cục lớn, trước mắt sẽ giải quyết được vấn đề về thiếu hụt tiền bạc của các Đường khẩu. Rằng, ông ta đã bố trí dàn cục này 5 năm rồi. Mục tiêu chính là một tên đại thổ phỉ có máu mặt ở Tứ Xuyên.

Thời cận đại, thổ phỉ nổi lên như nấm sau mưa. Sau Cách mạng Tân Hợi, nhà Mãn Thanh sụp đổ, Quốc dân Đảng còn yếu kém, Trung Quốc rơi vào thời kỳ đại loạn, bọn quân phiệt xưng hùng xưng bá, trong bối cảnh này, thổ phỉ nổi lên khắp nơi, chúng chiếm cứ một vùng núi rồi tự xưng làm vua.

Về gốc gác thổ phỉ cơ bản có hai loại. Một là đại địa chủ, trong tay sẵn có tiền, chiêu binh mãi mã, tổ chức đội quân, vừa để tự bảo vệ mình, vừa để đi ức hiếp, bóc lột nhân dân. Còn loại kia là bọn ác bá, tội đồ trốn lưu vong, bí mật kết bè kết đảng với nhau, cũng bao gồm cả những người túng quẫn làm liều, những loại người này tụ họp lại với nhau, bất chấp mạng sống, năm tháng trôi qua, dần dần chúng cũng thu được ít nhiều “chiến tích”.

Thổ phỉ cũng có cái thú vị của nó, sau khi kéo bè kết đảng, chúng tự xây dựng cơ cấu, tên cầm đầu tự xưng là Tư lệnh, dưới hắn có Đoàn trưởng, Lữ đoàn trưởng, nhưng trong tay chẳng có bao nhiêu người.

Điều đáng nói là trong số thổ phỉ có một bộ phận thổ phỉ chính nghĩa. Mặc dù cũng là cướp bóc, nhưng tôn chỉ hành nghề là cướp của bọn cường hào ác bá, lấy của người giàu chia cho người nghèo. Trương Bạch Mã vùng Đông Bắc chính là một tổ chức thổ phỉ chính nghĩa nổi danh trong lịch sử cận đại. Quân đội của hắn ta có kỷ luật nghiêm minh, không được phép giết người nghèo, nhân sĩ cách mạng, không được phép cưỡng hiếp phụ nữ, hà hiếp người dân.

Tần Bách Xuyên chửi tên thổ phỉ này là thằng khốn nạn chính cống. Hắn đã chiếm cứ vùng phía tây Tứ Xuyên mười mấy năm nay, cùng với mấy tên đầu sỏ có tiếng khác ở vùng Kiềm Tây, Điền Tây xưng là Ngũ Hồ vùng Tây Nam. Tần Bách Xuyên nói: “Tôi đã rình con gà béo này lâu lắm rồi. Gia sản có đến mấy trăm vạn, hiện giờ hắn tuyệt đối tin tưởng tôi. Gần đây hắn muốn di dời mộ tổ, chúng ta sẽ cùng dàn cục phong thủy lừa hắn.”

Tổ Gia hỏi: “Sao lại phải dời mộ?”

Tần Bách Xuyên nói: “Là muốn cải vận cầu phúc. Quân giải phóng đã đánh qua Trường Giang rồi. Lão Tưởng định làm thế nào rất khó nói. Sau khi bọn Cộng sản đến, đám thổ phỉ còn được sống yên thân sao?”

Tổ Gia cười hỏi: “Sao hấn không bỏ chạy?”

Tần Bách Xuyên nói: “Thời cuộc còn chưa biết thế nào. Ai dám chắc lão Tưởng không thể ngóc đầu lên được nữa?”

Lời Tần Bách Xuyên đã nói trúng tâm lý mâu thuẫn của bọn phản động ở Trung Quốc khi đó. Nếu bỏ chạy, sẽ bị mất sản nghiệp to lớn, chuyển nhà khác gì đánh mất chỗ đứng. Hơn nữa dù là người tốt hay kẻ xấu cũng khó mà rời bỏ quê hương. Nhưng nếu không chạy, bản thân đã làm bao nhiêu việc ác, chắc chắn sẽ bị trừng trị.

Cùng với việc này, trong cuộc họp quân sự vùng Đông Nam, Tưởng Giới Thạch còn tuyên bố om sòm về “Phản công chiến lược”. Hấn đã đưa ra khẩu hiệu “Huấn luyện chính đốn nửa năm, phản công một năm, thành công trong ba năm”. Kết quả là đến lúc chết vẫn chưa thành công, ngay từ đầu hấn đã không hiểu rằng việc đi ngược với mong ước của quần chúng, là hấn đã đứng ở phía đối lập với nhân dân.

Kỳ thực, khi đó tình hình trong nước bất ổn, ngay cả sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập vào ngày 1 tháng 10 năm 1949, trên gần một phần ba đất Trung Quốc vẫn còn đội quân tàn dư rất của Quốc dân Đảng. Vùng duyên hải có một vài nơi như quần đảo Chu Sơn vẫn còn không quân của Quốc dân Đảng đồn trú, ngoài đội quân chính quy này ra. Nhiều nơi vẫn còn rất nhiều bọn thổ phỉ, đặc vụ ẩn náu, rình mò chờ thời cơ thực hiện hành động phá hoại và ám sát, hòng lật đổ nước Trung Quốc mới, lật đổ Chủ nghĩa Xã hội. Chỉ trong tháng 2 năm 1950, không quân Quốc dân Đảng ở Chu Sơn đã 17 lần tập kích trên không ở khu vực thành phố Thượng Hải, ném bom làm chết và bị thương hơn một nghìn người dân, đồng thời phá hủy nhiều nhà máy điện và khu dân cư.

Tổ Gia cười nói với Tần Bách Xuyên: “Với bản lĩnh của Tần gia thì tự mình cũng có thể hạ được đối phương.”

Tần Bách Xuyên nói: “Không đâu! Tôi dù có làm tốt thế nào cũng không bằng Tổ Gia ra mặt. Người Trung Quốc quan niệm rằng ‘Bụt chùa nhà không thiêng’, càng không biết rõ thì càng thần bí. Tôi ở đất Xuyên bao nhiêu năm nay, cứ thật thật giả giả, giả giả thật thật. Bọn chúng tuy không thể biết được bản lĩnh của tôi là thật hay giả, nhưng nếu tiền chui thẳng vào túi tôi, tất sẽ sinh nghi ngờ. Huống hồ tôi đã

kết nghĩa anh em với tên thổ phỉ này, giống như Dao sắc không thể gọt được chuôi vậy, việc đòi mộ thổ này là việc lớn nên cứ để người ngoài làm là hay hơn cả.”

Tổ Gia cười to: “Tần gia thật cao minh. Bái phục! Bái phục! Nhưng, Tần gia đã là anh em kết nghĩa với người ta, tức là đã ngẩng mặt lên trời mà thề nguyện, nếu dàn cục như vậy, ông không sợ bị báo ứng sao?”

Tần Bách Xuyên cười cười: “Tổ Gia có tấm lòng Bồ Tát như thế từ khi nào vậy? Ông với tôi mới là huynh đệ tốt từng uống máu ăn thề, bọn khác chỉ là bày trò mà thôi.”

Tổ Gia chấp tay: “Tần gia nói rất phải.”

Ngày hôm sau, khi hóa trang xong, Tổ Gia cùng với Tần Bách Xuyên đến nhà tên thổ phỉ kia.

Tôi cầm la bàn, đi kè kè ngay sau Tổ Gia, tôi biết ông làm bất cứ việc gì đều có sự chuẩn bị trước. Nhưng lần này, tôi lại không biết Tổ Gia để đường lui cho mình ở chỗ nào. Tôi cứ nghĩ đến đây tất sẽ có người tiếp ứng, nhưng tính đến thời điểm này vẫn chỉ có hai thầy trò. Hai người đối phó với Tần Bách Xuyên và băng thổ phỉ. Đây chẳng khác nào “Đê vào hang cọp lại còn đòi vượt râu hùm.”

Nghĩ thì như vậy, nhưng tôi lại thấy vô cùng nhẹ nhõm, đã đi theo Tổ Gia tức là đã phó mặc chuyện sống chết. Nếu ông không may gặp nạn, thì tôi nguyện chết theo ông. Đồ đệ được chết theo sư phụ, có gì phải đáng tiếc.

Vì thế, suốt đường đi tôi cứ bình thản ung dung. Sau khi bước vào cửa, tôi tỏ ra rất chủ động, đẩy ghế cho Tổ Gia ngồi, khi tên đầy tớ của bọn chúng dâng trà, tôi làm như mình là vệ sĩ, chặn hẳn đứng cách xa ba bước, rồi nhận lấy chén trà. Đợi sau khi Tần Bách Xuyên và tên thổ phỉ kia uống xong, tôi mới đưa cho Tổ Gia, tôi sợ trong trà có độc.

Sau này Tổ Gia nói với tôi: “Đại Đầu, lúc đó, ta thấy con đã thực sự trưởng thành rồi.” Câu nói này khiến tôi cảm thấy rất ấm lòng, đi theo Tổ Gia làm một kẻ vô tích sự lâu như vậy, cuối cùng cũng có ngày làm được việc cho ông.

Thực ra, việc làm đó của tôi là thừa, Tần Bách Xuyên sẽ chẳng dùng cách đó để giết Tổ Gia. Nếu Tổ Gia chết theo cách đó, chúng tôi Tần Bách Xuyên chẳng có tài cán gì. Hẳn ta muốn gây thanh thế, dàn cục trong cục, để các huynh đệ của Tứ đại Đường khắp Đông Tây Nam Bắc đều thấy rằng Tổ Gia đáng chết, chết một cách đáng đời. Có như vậy, hẳn mới có thể giở cái bộ mặt vô can và nhân từ ra để thu dọn tàn cuộc một cách gọn gàng.

LIÊN HOÀN CỤC CỦA TẦN BÁCH XUYÊN

Sở trường của Tần Bách Xuyên chính là dàn cục trong cục, đặt cái bẫy này lồng móc vào cái bẫy kia, thật thật giả giả đan xen lẫn lộn vào nhau. Hẳn nắp đậy sau âm mưu của mình, quan sát diễn biến, đợi thời cơ chín muồi liền thò đuôi cáo ra quấy mạnh cái phá vỡ toàn cục, khiến người cùng dàn cục với hẳn chết mà không biết vì sao mình chết.

Vụ dàn cục kếp đặc ý nhất trong đời hẳn chính là vụ hạ bộ sư phụ Lưu Tông Vân.

Lưu Tông Vân cũng được liệt vào loại cáo già, nhưng con cáo già này lại bại trong tay con cáo con. Hơn nữa còn thua một cách tâm phục khẩu phục.

Lưu Tông Vân là nhân vật như thế nào? Đó là nhân vật khét tiếng có số má trong giới lừa đảo miền Tây. Lão ta sinh năm Quang Tự thứ chín, tự xưng là Bạch Hạc tiên sinh, mười tám tuổi gia nhập Long Tu Nha, sáng lập ra Nhất quán tiên thiên đại đạo. Sau khi trưởng môn Tây phái Đoàn Kim Sơn qua đời, lão ta kế thừa chức Chưởng môn. Năm 1922, khi Chưởng môn Đường khẩu Mộc Tử Liên là Trương Đan Thành chết, lão ta đích thân dẫn bọn đệ tử của Tây phái đến chia buồn, trong số đó có cả Tần Bách Xuyên.

Khi về già, Trương Đan Thành thường dặn dò Tổ Gia: “Trong số Tứ đại Đường khắp Đông Tây Nam Bắc, hiện giờ có Lưu Tông Vân của Tây phái giỏi nhất. Người này có chí lớn, làm A Bảo không phải là mục tiêu cuối cùng của ông ta. Đích mà ông ta nhắm đến là quân sự và chính trị. Sư bá cứ trông mà coi, chỉ vài năm nữa, nhất định hẳn sẽ thâm nhập vào hàng ngũ quân đội.”

“Tên Lưu Tông Vân này, Sư bá chớ nên thân cận quá và cũng

đừng xa cách quá. Ông ta có nhiều điều đáng để cho Sư bá học tập. Là người xảo trá, quỷ quyệt, thông tuệ khác thường, tinh thông cả Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Ông ta có khả năng nhìn một lần là ghi nhớ ngay, đặc biệt có tài ngụy biện vô địch. Sư bá trước mặt nên tỏ ra cung kính nhưng sau lưng phải luôn đề phòng. Tuyệt đối không được đối địch với ông ta. Chí ít hiện nay ta chưa phải là đối thủ của hắn.” Trương Đan Thành đã ân cần dặn dò lại Tố Gia như vậy.

Những lời Trương Đan Thành nói quả không sai. Lưu Tông Vân đúng là nhân vật danh bất hư truyền. Người này đọc hết cả Tứ Thư, Ngũ Kinh, am hiểu đạo âm dương, lúc trẻ từng làm thầy giáo tư thực, rất giỏi nắm bắt nhược điểm tâm lý con người.

Nhiều năm nay, ông ta tiếp cận với một nhân vật đặc biệt tin vào quỷ thần, đó chính là Lưu Tương – một tên đại quân phiệt được mệnh danh là vua Tứ Xuyên, thế là ông ta lựa thời cơ xuất Thiên. Sau mấy lần tự tiến cử, nhưng Lưu Tương vẫn không nhìn đến dù chỉ là nửa con mắt. Sau này, mặc dù cũng tiếp nhận một vài đề nghị nhỏ, nhưng chưa bao giờ tin tưởng giao phó quân quyền cho ông ta.

Lưu Tương cũng được xem là nhân vật “nổi danh” trong lịch sử cận đại Trung Quốc. Hắn ta chiếm cứ vùng Tứ Xuyên ngọt mấy chục năm, tài năng quân sự và thủ đoạn chính trị đều đã đạt đến độ lão luyện, ngay cả đến Tưởng cũng phải nể lão ta vài phần, nhưng hắn có một nhược điểm đó là quá mê tín.

Năm 1932, Ủy ban quân sự Quốc dân Đảng đã bổ nhiệm Lưu Tương làm Quân đoàn trưởng Quân đoàn Lục quân 21. Lúc này, Lưu Tương đang đấu đá quyết liệt với một tên quân phiệt có thế lực khác ở Tứ Xuyên là Lưu Văn Huy, đây chính vào thời điểm hắn ta cần người tài như nắng hạn chờ mưa. Lưu Tông Vân nhân dịp này xuất Thiên một lần nữa. Việc này thể hiện khả năng nắm bắt thời cơ hơn người của lão ta với thời cuộc, vì trước đó không lâu, tại Đồng Xuyên, Quân đoàn 28, 29 của Tứ Xuyên đã kết thành đồng minh với quân đoàn 21 của Lưu Tương, lúc này thực lực của Lưu Tương bỗng chốc được tăng cường, Lưu Tông Vân đã rất nhạy bén, nắm bắt được tình hình chính trị này.

Lưu Tông Vân nói với Lưu Tương: “Gần đây, kẻ hèn này đã khổ luyện xong thuật Kỳ môn độn giáp Cửu thiên chi thượng hảo dương binh. Cửu địa tiềm tàng khả lập doanh⁴, tôi có thể huấn luyện cho

tướng quân một đội thần binh, trợ giúp tướng Quân thống nhất nghiệp bá.”

Nhưng Lưu Tương cũng chẳng phải thằng ngu, nhà người nói có thể huấn luyện được thần binh, vậy ta giao cho người một đội quân, lần sau khi đánh nhau với Lưu Văn Huy, đội quân của người cứ đi tiên phong, xem xem rốt cuộc có phải là thần binh vô địch không.

Mùa thu năm 1932, “Chiến dịch Bình định” do Lưu Tông Vân là kẻ chủ mưu kích động Lưu Tương tấn công đám quân phiệt Lưu Văn Huy bùng nổ.

Lưu Tông Vân chủ động đề nghị được cầm đầu đội quân 3.000 thần binh do chính mình huấn luyện đi tiên phong. Trước khi cuộc chiến nổ ra, Lưu Tông Vân cho mỗi binh lính uống “nước thánh trời ban”, đồng thời cho thêu bùa hộ mệnh lên trang phục. Trong làn gió thu xào xạc, Lưu Tông Vân đứng trước trận tiền, dong dạc phét lác: “Uống nước thánh, quỷ ma khó lại gần. Bùa thiêng hộ mệnh, đao thương bất phạm. Đạn chẳng bắn trúng.”

Dưới tiếng hét của ông ta, mấy nghìn tên lính hùng hổ tiến về Thành Đô, dốc hết sức bình sinh mới hạ được Thành Đô.

Lưu Tương mừng lắm, sau khi tiến vào Thành Đô, hắn đã bỏ ra ba vạn đồng bạc để mua tòa đại dinh thự ở số 32, đường Tam Hòe Thụ, sửa sang lại thật hoành tráng để làm món lễ hậu tặng Lưu Tông Vân. Cuối cùng, Lưu Tông Vân cũng đã thực sự trở thành quân sư nắm giữ binh quyền.

Thực chất, thắng lợi trong chiến dịch lần này chẳng liên quan gì đến thần binh thần lính gì cả. Lưu Tông Vân thông hiểu binh pháp, trước trận chiến, hắn đã tiến hành phân tích tỉ mỉ và so sánh kỹ lưỡng thế mạnh của đôi bên. Khi tác chiến, hắn chỉ việc tập trung tấn công đánh vào chỗ yếu của đối phương. Còn về việc hắn nói đao súng không thể chạm đến người chỉ là nói khoác. Cả 3.000 tên lính đều bị tẩy não, họ như một đội quân cảm tử. Tiếng súng báo hiệu cuộc chiến vừa gióng lên, tất cả bọn họ đều xông lên phía trước bất chấp mọi thứ, kết quả là trong làn mưa bom bão đạn, quân số bị chết mất hơn một nửa. Lưu Tông Vân đứng trên đồi, giơ súng lên, hô lớn: “Từ bỏ thân xác, linh hồn thăng thiên, từ trên trời cao lại có thể triển khai quân!” Lời nói này mang hàm ý rằng đây không phải là cái chết, mà là

một sự thoát xác, linh hồn chiến binh thoát khỏi thân người qua các lỗ khướu⁵, bay lên trời tiếp tục tác chiến. Đây chính là cuộc chiến đấu ở cả dưới mặt đất và trên trời của mỗi chiến binh. Sau khi cuộc chiến kết thúc, hắn ta còn bày trò lập đàn chiêu hồn cho các chiến binh.

Chiến dịch lần này, có thể may mắn giành thắng lợi, suy cho cùng, vẫn là do binh lực của Lưu Tương mạnh hơn Lưu Văn Huy. Nói cách khác, Lưu Tông Vân thắng trong lần đặt cược này là do có cái gan của A Bảo, lại vừa có cái khí phách của một nhà chính trị, để thực hiện giấc mộng chính trị, ông ta phải đánh cược. Nhờ vậy, hắn đã ngoi lên đỉnh cao của sự nghiệp.

Trước sự leo lên đều đều của Lưu Tông Vân, Tần Bách Xuyên lo cuống lên. Theo lý mà nói, Tần Bách Xuyên do một tay Lưu Tông Vân dìu dắt, lại còn là đệ tử ruột. Thấy sự phụ phát dần lên, kẻ làm đồ đệ phải vui mừng mới đúng, đằng này ngược lại, giữa hai thầy trò đã nảy sinh một mâu thuẫn vô cùng lớn – mầm họa của mâu thuẫn bắt nguồn từ một bóng hồng, bởi vậy người xưa nói mỹ nhân nghiêng thành đổ nước quả không sai.

Gia nhập Đường khẩu Long Tu Nha cùng thời điểm với Tần Bách Xuyên có một nữ A Bảo tên là Trương Bích Châu, một mỹ nhân mang vẻ đẹp điển hình của đất Tứ Xuyên, làn da mềm mại, mịn màng, tiếng cười lạnh lạnh tựa tiếng chuông ngân. Tần Bách Xuyên thân thể cao lớn, cường tráng, từ lâu đã thêm khát tiểu sư muội yêu kiều của mình.

Nào ngờ, lão trâu già Lưu Tông Vân cũng muốn gặm cỏ non Trương Bích Châu. Ông thường xuyên kiếm có truyền đạo, tiếp khí, đưa Trương Bích Châu về phòng mình mặc sức phóng túng, thỏa mãn dục vọng, món đồ mà sư phụ đã chọn, đồ đệ há có thể lao vào tranh giành sao. Bởi vậy, Tần Bách Xuyên luôn chờ đợi cơ hội, đợi đến một ngày sư phụ ngã ngựa, sẽ lên thay thế.

Nếu Trương Bích Châu một lòng một dạ với Lưu Tông Vân đã đành. Đằng này, một mặt nàng ta vừa muốn được sự sủng ái của Lưu Tông Vân, mặt khác, ngầm đong đưa Tần Bách Xuyên. Dù gì Lưu Tông Vân cũng đã già, chẳng còn trẻ trung, đẹp trai, phong độ như Tần Bách Xuyên, hơn nữa Tần Bách Xuyên lại là đệ tử cưng của Lưu Tông Vân. Sau khi Lưu Tông Vân trăm tuổi, hắn ta sẽ là người kế nhiệm. Cho nên, nàng ta cũng chẳng dại gì mà đắc tội với Tần Bách

Xuyên cả. Vì thế Trương Bách Châu thường tranh thủ thời gian dụ dỗ Tần Bách Xuyên, nhiều lần giọt châu thánh thót, vừa lau nước mắt vừa nói mình cũng không còn cách nào khác, mệnh lệnh của lão già đó ai dám không làm theo.

Về sau, sự việc này bị Lưu Tông Vân phát giác, lão ta nhận thấy người đàn bà này chính là một mối họa. Lưu Tông Vân vốn là kẻ có mộng làm việc lớn, đời nào lại để cho tiền đồ bị hủy hoại chỉ vì một người đàn bà.

Giết Trương Bách Châu rồi, tất sẽ chặt đứt được dã tâm của Tần Bách Xuyên, Lưu Tông Vân vốn nghĩ làm như vậy mầm họa sẽ chẳng còn, Đường khẩu cần phải đoàn kết, nhưng không biết rằng Tần Bách Xuyên đã có ý định làm phản từ lâu. Cuối cùng Tần Bách Xuyên đã thấy rõ sự khác biệt giữa lão đại và lão nhị. Lão nhị chỉ ở dưới một người, ở trên vạn người, lão nhị dù có tài giỏi đến đâu, cũng chỉ là một trong rất nhiều thuộc hạ của lão đại mà thôi. Chỉ cần lão đại còn, lão nhị không bao giờ ngóc đầu lên được.

Vì thế, Tần Bách Xuyên luôn chờ đợi tìm cơ hội xuất Thiên với sư phụ.

Khi đó, đúng vào dịp Quốc dân Đảng tiến hành cuộc vây quét Hồng quân. Vì chủ nghĩa giáo điều cánh “tả” của Vương Minh, dẫn đến sự thất bại lần thứ năm của Hồng quân trong cuộc phản kháng chống lại sự vây quét của Quốc dân Đảng, khiến cho Hồng quân bao gồm các tầng lớp công nông binh Trung Quốc bị ép phải bước vào cuộc hành quân Trường chinh dài 25.000 dặm.

Tần Bách Xuyên nói với Lưu Tông Vân: “Thưa sư phụ! Đây chính là thời cơ để người thắng tiến lên cao hơn nữa. Lão Trương đã dàn thiên la địa võng, sau khi quân Cộng sản đột phá được bốn phòng tuyến, lực lượng đã giảm từ 80.000 xuống chỉ còn 30.000. Sư phụ nên nắm lấy cơ hội lần này, dẫn đội quân thần binh của chúng ta chủ động xuất kích. Nếu lập được công lớn trong cuộc vây quét Cộng sản, được lão Trương tán thưởng thì có thể thoát khỏi sự kìm kẹp của Lưu Trương, đến lúc đó người có thể tạo dựng được chỗ đứng, thăng quan tiến chức. Như vậy chẳng phải càng tốt hơn sao?”

Lưu Tông Vân vuốt râu cười nói: “Quả đúng là đồ đệ mà ta tin yêu, có tiền đồ đấy, chẳng hoài công ta đào tạo mấy năm nay, vừa hay

hợp với ý ta.”

Thế là Lưu Tông Vân chủ động xin được cùng Lưu Tương vây quét Hồng quân, hẳn còn bày ra cái chức “Ủy viên trưởng Ủy ban Quân sự tiêu phỉ Tứ Xuyên.”

Kỳ thực, Tần Bách Xuyên biết rõ Đảng Cộng sản không giống như Quốc dân Đảng tham sống sợ chết. Họ có niềm tin cao cả, có sức mạnh đoàn kết, sự tụ hội mạnh mẽ và có khả năng tác chiến siêu việt. Lão Tưởng đối phó với họ còn chẳng ăn thua thì Lưu Tông Vân là cái thá gì?

Không phải Lưu Tông Vân không biết điều này, nhưng một khi con người đã ở vào trạng thái hờ hững, đặc ý, rất dễ đánh mất khả năng phán đoán tối thiểu. Nếu là mấy năm trước, chắc chắn lão ta sẽ suy tính kỹ càng, nhưng mấy năm nay leo lên quá thuận lợi, thành công đã làm cho đầu óc trở nên mù mẫm.

Kết quả chỉ sau một trận giao chiến với Hồng quân, Lưu Tông Vân bị đánh tan tác. Đặc biệt sau Đại hội Tuân Nghĩa năm 1935, Mao Trạch Đông nắm giữ quân đội, tài thao lược xuất chúng, phá vỡ vòng vây trùng điệp của Quốc dân Đảng, hướng một mạch lên phía bắc, hội hợp thắng lợi với Lưu Chí Đan ở Thiểm Bắc.

Lưu Tông Vân liên tiếp thất bại, khiến cho quân Tứ Xuyên náo loạn một vùng.

Đây chính là điều mà Tần Bách Xuyên mong đợi, ngay sau đó hẳn dùng thủ đoạn hiểm độc đẩy Lưu Tông Vân vào chỗ chết. Hẳn nói: “Thưa sư phụ! Nay cuộc tiêu Cộng gặp bất lợi, trong hàng quân có nhiều kẻ tìm mọi cách thoái thác trách nhiệm, sau này Lưu Tương truy cứu, e rằng sẽ rất bất lợi cho sư phụ. Nên người cần phải tìm một con tốt thí mạng, thực thi kế Kim thiền thoát xác.”

Lưu Tông Vân khi đó đã rất hoang mang, vội hỏi: “Đồ nhi có diệu kế gì?”

Tần Bách Xuyên nói: “Sư phụ hãy hạ lệnh cách chức ngay mấy tên quản lý sự vụ trong đơn vị, đặc biệt là mấy thằng đại đội trưởng hay kê ca oán thán. Cứ quy cho chúng cái tội không thực hiện đúng theo sách lược, nên mới dẫn đến tác chiến thất bại, rồi đổi người của mình

vào. Đến lúc đó, một khi bị truy cứu trách nhiệm, người của chúng ta sẽ nói đỡ cho thầy.”

Lưu Tông Vân hơi chần chừ, hắn nói: “Nếu Lưu Tương đòi thẩm tra lại mấy tên đại đội trưởng đó thì sớm muộn cũng vẫn bại lộ.”

Tần Bách Xuyên ghé sát tai Lưu Tông Vân nói: “Sư phụ, người hồ đồ mất rồi, sau khi loại bỏ mấy tên đó, tước súng của chúng, rồi giam chúng lại một nơi, sau đó ngụy tạo hiện trường sợ tội mà tự sát, thần không biết quỷ chẳng hay, như vậy chẳng phải ổn thỏa rồi sao?”

Lưu Tông Vân hai mắt sáng lên, hắn cười lớn: “Ồ nhi giỏi quá! Đúng là trò giỏi hơn thầy rồi!”

Tần Bách Xuyên cũng cười nói: “Đều là nhờ sư phụ dạy bảo ạ!”

Thế là, Lưu Tông Vân xin chỉ thị của Lưu Tương cách chức mấy tên đại đội trưởng, nhưng, lão ta chưa kịp trừ khử mấy tên đó thì Tần Bách Xuyên đã mật báo cho Lưu Tương, hắn nói Lưu Tông Vân có ý làm phản. Lưu Tương vốn đang tức giận về việc tiểu Cộng thất bại, vừa nghe thấy Lưu Tông Vân tự ý điều động binh quyền thì hắn lại càng tức điên lên.

Kết quả mấy tên tay chân mà Lưu Tông Vân cử đi diệt khẩu vừa định giơ súng lên bắn mấy viên đại đội trưởng đó, liền bị người của Lưu Tương mai phục sẵn bắt quả tang tại trận. Lưu Tương nổi khùng lên, đòi giết chết Lưu Tông Vân.

Nhưng Lưu Tông Vân vốn là một con cáo già. Lão ta đã nhanh chân chuồn trước một bước.

Lão ta chạy một mạch từ Tứ Xuyên đến Giang Hoài. Cùng lúc đó, cuộc kháng chiến toàn diện bùng nổ. Ông trùm Tứ Xuyên Lưu Tương hồi tưởng lại mấy năm nay cuộc sống như đang ở trong mơ, cuối cùng đã tỉnh dậy, đối mặt với sự chèn ép ngày một gắt gao của quân xâm lược Nhật Bản, ông ta không hề tỏ ra chùn bước, cầm ngay cây súng, dũng cảm kháng Nhật.

Sự ban bài của số mệnh thường không như ý muốn. Năm sau đó, bệnh dạ dày của Lưu Tương đột nhiên tái phát, thổ huyết, chẳng cầm cự được mấy ngày thì chết, trước khi chết còn trần trối: “Phải kháng

Nhật đến cùng, trước sau không thay đổi, ngày nào kẻ địch còn chưa rút khỏi đất nước, thì ngày đó cánh quân Tứ Xuyên thề không hoàn hương.” Sau đó lại nói với thuộc hạ: “Truy sát Lưu Tông Vân, không được để cho tên này làm việc hại nước hại dân.”

Sau khi Lưu Tương chết, kẻ thù không đội trời chung trước đây là Lưu Văn Huy dần dần cũng đã mất lòng tin vào bọn Quốc dân Đảng. Lưu Văn Huy hiểu được đại nghĩa, không chút do dự, ông tạo dựng mối quan hệ bí mật với quân Cộng sản. Năm 1949, ông thống lĩnh các thủ hạ khởi nghĩa, về sau trở thành phó Chủ tịch Hội nghị hiệp thương chính trị tỉnh Tứ Xuyên.

Sau khi Lưu Tông Vân chạy đến Giang Hoài, thì đến tìm Tổ Gia. Lúc đó lão ta vẫn không biết Tần Bách Xuyên đã bán đứng mình. Tổ Gia cho tá túc ở Đường khẩu, tạm thời giấu mọi tin tức. Sau khi Lưu Tương chết, Lưu Tông Vân quay lại Tứ Xuyên, thấy Tần Bách Xuyên đã tiếp quản Đường khẩu, lại còn làm cho Đường khẩu phát hân lên, hân mừng lắm, đòi nắm quyền hành lại, nhưng Tần Bách Xuyên không cho. Lúc này Lưu Tông Vân mới tỉnh ngộ, nhận ra mọi việc đều là do tên đồ đệ yêu quý này ngầm giở trò sau lưng. Nhưng khi đó, Long Tu Nha đã bị Tần Bách Xuyên mạnh tay cải tổ, Lưu Tông Vân một mình yếu thế, chẳng thể chọi lại hân.

Nhớ lại những chuyện đã qua, Lưu Tông Vân không nén nổi nụ cười chua chát. Đúng là thầy hay trò giỏi, bản thân lão một đời đã dựng lên vô số cái bẫy, cuối cùng lại bị chính đồ đệ của mình cho vào tròng, đành phải Ngậm bồ hòn làm ngọt.

TỔ GIA ĐÍCH THÂN DÀN CỤC PHONG THỦY

Sau khi Lưu Tông Vân chạy về Giang Hoài ẩn náu, lão từng cầu xin Tổ Gia giúp hân báo thù. Tổ Gia không đồng ý, ông có ván cờ của riêng mình. Ông chỉ muốn hiểu hơn về con người Tần Bách Xuyên qua lời kể của Lưu Tông Vân.

Bây giờ, Tổ Gia sắp phải so tài cao thấp với Tần Bách Xuyên. Lịch sử đã sắp đặt ra bao nhiêu chuyện ân ân oán oán, cuối cùng cũng để cho Tổ Gia và Tần Bách Xuyên quyết một trận sống mái? Tổ Gia do Trương Đan Thành dìu dắt, Tần Bách Xuyên do Lưu Tông Vân dìu dắt. Hai người này đều được xem là “trò giỏi hơn thầy”. Trận quyết chiến này rốt cuộc ai bại trong tay ai?

Tôi đang đắm chiêu ngâm nghĩ thì tên cướp kia lên tiếng.

Tên cướp đó họ Lưu, bọn thuộc hạ gọi lão ta là Lưu Tư lệnh, lão ta không cao, vừa gầy vừa xấu xí. Bộ dạng của lão khác hẳn với một tên cướp trong tưởng tượng của tôi.

Lưu Tư lệnh cười cười nói với Tổ Gia: “Tần gia nói Tổ Gia là truyền nhân của đạo môn Thiết Bốc Tử, tinh thông Thiết bản Thần số, phong thủy, nghiên cứu nhiều về Ngọc Xích kinh. Bởi vậy phải phiền Tổ Gia vượt cả nghìn dặm đường đến Tứ Xuyên giúp lão già này di dời mộ tổ”.

Tổ Gia đáp lễ: “Lưu Tư lệnh khách sáo rồi, được phục vụ Tư lệnh là vinh hạnh lớn của鄙 nhân.”

Tần Bách Xuyên nói: “Ta đi ra xem mộ đi”.

Thế là, một đoàn người lên đường, cầm theo cả la bàn phong thủy xuất phát.

Đầu tiên, chúng tôi đến chỗ đặt mộ tổ của Lưu Tư lệnh. Ngôi mộ nằm ở trong khe núi, kẹp giữa hai ngọn núi, thấp thoáng màu xanh ngắt. Đúng là một cảnh tượng đẹp đẽ.

Sau khi Tổ Gia nhìn qua, nói: “Lưu Tư lệnh, ngôi mộ này nằm đúng ở nơi tam hợp vượng địa⁶, tàng phong tụ thủy, là thế có thể giúp cho con cháu hưng vượng, chẳng trách Tư lệnh có thể nắm giữ trong tay đội quân hùng hậu, cai quản một phương”.

Lưu Tư lệnh cười hể hả: “Tổ Gia quả đúng là cao nhân. Nơi này cũng chính là do tiên phụ đã mời một bậc thầy phong thủy xem cho người để chôn cất sau khi người mất”.

Tổ Gia nói tiếp: “Chỗ đặt mộ này cái gì cũng tốt, cũng chính vì vậy mà lại không tốt. Tư lệnh nhìn xem, đỉnh núi ở phía tây có một tảng đá lớn nhô hẳn ra, có thể áp đỉnh, người xưa thường nói “Tả Thanh Long, hữu Bạch Hổ, thà để Thanh Long cao vạm trượng, chứ không được để Bạch Hổ thò đầu ra. Xem phần đầu quan tài khi chôn cất lệnh tôn thì thấy tảng đá lớn này chính là Bạch Hổ thò đầu ra, bởi vậy gặp năm Bạch Hổ cất đầu dậy, tất có họa lớn. Năm 1921, năm 1922, năm 1933, năm 1934 càng tệ hơn.”

Lưu Tư lệnh nói: “Tổ Gia quá giỏi! Năm 1922, tôi và bọn quân phiệt Quế Kế xảy ra xích mích, thiếu chút nữa là mất mạng. Năm 1933, tôi bị một trận ốm nặng, suýt chút nữa đã về châu trời.”

Kỳ thực, những thông tin này đều do Tần Bách Xuyên đã kể trước với Tổ Gia. Trong lòng Tổ Gia biết rõ, Tần Bách Xuyên cũng biết rõ, chỉ có Tư lệnh không biết gì.

Tổ Gia nói tiếp: “Lưu Tư lệnh định chuyển mộ đi đâu?”

Lưu Tư lệnh nói: “Mấy chục dặm quanh đây đều là địa bàn của lão, cứ nghe theo Tổ Gia quyết định. Chỉ cần đẹp là được”.

Tổ Gia nói, chúng ta đi xung quanh xem thế nào đã. Thế là, Lưu Tư lệnh hạ lệnh, sai bọn phu kiệu khiêng mọi người men theo đường mòn đi vào trong núi.

Đường núi khó đi, những người khiêng kiệu mồ hôi mồ kê nhễ nhại, đi mất chừng hai canh giờ thì vòng hết vùng núi, đến một nơi có nước.

Tổ Gia nói: “Dừng lại!”

Tổ Gia bước xuống kiệu, cầm la bàn. Sau khi đứng bên đường đưa mắt quan sát các khe núi ở xung quanh, ông nói: “Nơi này tuyệt đẹp! Tư lệnh ngài xem, ở đây có thế ỷ sơn bàng thủy⁷, rồng cuốn hổ chồm, tả có Thanh Long trợ giúp, hữu được Thái Bạch cát tinh chiếu vây quanh, phía trước có bích thủy hợp tài, phía sau có thanh sơn⁸ làm lá chắn. Đây là thế tài nguyên khắp nơi đổ vào, đường quan lộ hanh thông. Cực đẹp, cực đẹp!”

Lưu Tư lệnh vuốt râu, gật gật gù gù: “Chà, tuyệt diệu!”

Tần Bách Xuyên cũng nói: “Tổ Gia thật tài trí hơn người!”

Lúc này, mây đen phủ kín bầu trời, như thể sắp đổ mưa. Lưu Tư lệnh nói: “Nay bàn đến đây đã, chúng ta mau về thôi.”

Thế là đám người hầu liền dẹp đường quay về phủ. Trên đường

về bị mưa, chúng tôi ngồi trên kiệu, có người đi ở bên che ô cho. Chỉ khổ những người phu kiệu và người che ô, họ bị ướt như chuột lột.

Mấy ngày sau, chúng tôi lại đi xem vài chỗ khác để so sánh phong thủy. Cuối cùng vẫn chọn chỗ có thể tuyệt vời mà Tổ Gia đã nhận định từ lúc đầu.

Vì thế, Tổ Gia chọn lấy một ngày tốt, bắt đầu việc dời mộ.

Đây là sự phô trương lãng phí nhất mà tôi được chứng kiến từ lúc được sinh ra cho tới giờ. Lưu Tư lệnh làm theo sự sắp đặt của Tổ Gia, thuê hơn 20 vị đạo sĩ, một đoàn đi trước thổi kèn để mở đường, 20 đạo sĩ xếp thành hai hàng, niệm kinh tụng hiệu. Lưu Tư lệnh dẫn theo cả nhà già trẻ lớn bé hơn mấy chục người mặc tang phục theo sau. Mãi phía sau là đám giặc cướp hùng hậu gần cả trăm người, một cảnh tượng hết sức hùng tráng.

Lúc bốc mộ, tiền giấy được ném ra bay lả tả, bọn cướp dùng bắn súng lên trời, tiếng súng vang vọng khắp vùng sơn cốc. Lưu Tư lệnh nhặt hết đồng tiền của cha mẹ trong chiếc quan tài cũ, cẩn thận từng ly từng tí một đặt vào chiếc quan tài mới. Tên cướp này rất lắm tiền nhiều của, phía bên trong quan tài được trải lớp đệm được làm từ loại tơ lụa tốt nhất, phía trên cùng được đắp tấm áo liệm khâu bằng chỉ vàng, bốn góc quan tài đều chất đầy đỉnh vàng, đỉnh bạc và vàng thỏi, đầu quan tài để bao nhiêu đồ bằng ngọc tuyệt đẹp. Sau đó, bọn thủ hạ khiêng chiếc quan tài lên, cả đoàn người cùng đi về chỗ đặt mộ mới.

Đến nơi, Lưu Tư lệnh dẫn gia quyến quỳ lạy trước ngôi mộ mới. Bọn đạo sĩ vừa đi vòng quanh huyệt vừa rì rầm tụng niệm. Tổ Gia đứng một bên, tay chấp lại, mắt lim dim, tôi không biết ông ấy đang nghĩ gì nữa.

Sau khi bái lạy xong, Tổ Gia hô to: “Hạ huyệt.”

Tám người ở phía trước và phía sau liền hạ chiếc quan tài xuống cái huyệt to tướng. Lưu Tư lệnh cùng người nhà bắt đầu vun đất đắp mộ, bọn thổi kèn lại gióng kèn lên. Tần Bách Xuyên cũng quỳ dưới đất, gào to: “Tiên phụ, tiên mẫu, xin hãy yên nghỉ!” Đúng là huynh đệ kết nghĩa có khác, gào đến cảm động đất trời.

Toàn bộ quá trình di dời mộ được làm trong hai canh giờ. Buổi tối trở về phủ, Lưu Tư lệnh bày tiệc rượu khoản đại Tổ Gia và Tần Bách Xuyên.

Chúng kiến cảnh tượng ai nấy đều mừng vui như thế, tôi gần như đã quên mất đây chỉ là một vụ dàn cục, chẳng phải tất cả đều rất hoàn hảo hay sao? Lẽ nào Tần Bách Xuyên đã phát hiện ra điều gì? Sao hắn vẫn chưa ra tay với Tổ Gia, mà lại còn giúp ông lừa người ta chứ?

Tổ Gia vẫn cứ ăn uống thỏa thuê, còn nói toàn những lời tâng bốc Lưu Tư lệnh, khiến lão ta cảm thấy sung sướng ra mặt.

Sau khi ăn xong, ngày hôm sau chúng tôi quay về chỗ Tần Bách Xuyên, ông ta nói: “Khoản hẩn trả cho chúng ta sẽ chia đôi cho hai Đường khấu.”

Tổ Gia nói: “Vụ dàn cục lần này Tần gia có công đầu, đáng được phần hơn. Đông phái chúng tôi lần này chỉ là dây máu ăn phần, xin được lấy ba phần là đủ rồi.”

Tần Bách Xuyên nói: “Cứ chia đều mỗi bên năm phần. Mời được Tổ Gia đến Tứ Xuyên chẳng phải chuyện dễ dàng gì, lần trước đến cũng đã cách đây năm năm rồi, ông nhất định phải ở lại thêm vài ngày nữa. Tôi sẽ dẫn Tổ Gia đi đây đó, Tổ Gia phải nể mặt một lần”.

Tôi nhìn Tổ Gia, ông gật đầu: “Được. Chẳng mấy khi rảnh rang.”

Nửa đêm, quay về phòng, tôi đưa mắt nhìn ông rồi khẽ hỏi: “Tên Tần Bách Xuyên đang giở trò gì vậy?”

Tổ Gia nói: “Cứ đợi đi, kịch hay sắp bắt đầu rồi.”

Sáng sớm hôm sau Tần Bách Xuyên đã đến chỗ chúng tôi: “Tổ Gia, tôi đưa ông đi thưởng ngoạn phong cảnh Xuyên Tây một chút.”

Tần Bách Xuyên dẫn chúng tôi đi dạo chơi một vài nơi. Sau đó, ông ta nói: “Chẳng có gì hay ho cả, Tổ Gia, chúng ta đi xa hơn nhé.”

Thế là, suốt mấy ngày liền chúng tôi đi ngao du ở bên ngoài, cuối cùng gần đi ra khỏi tỉnh.

Tôi không biết Tần Bách Xuyên định giờ trò gì. Đi đến đâu là tôi lại lo sợ sẽ có một đám người xông ra đòi giết Tổ Gia. Nhưng Tổ Gia vẫn cứ điềm tĩnh như không, thường ngoạn cảnh núi non sông nước, cứ chuyện trò, chẳng mảy may có vẻ gì lo lắng cả.

Sau đó, cuối cùng chúng tôi cũng trở về Đường khẩu của Tần Bách Xuyên. Vừa bước vào cửa, thấy một tên tay chân của Tần Bách Xuyên hốt hoảng chạy đến: “Tần gia, Tần gia! Không xong rồi, có chuyện rồi”.

Tôi thấy chột dạ, tên kia run lập cập nói: “Mộ nhà Lưu Tư lệnh bị kẻ nào đó phá rồi.”

Tại tôi ù đi, trong lòng nghĩ thôi hỏng rồi. Bố cục phong thủy ghê nhất chính là xảy ra chuyện ở chỗ đặt mộ, phần mộ mà xảy ra chuyện thì vụ dàn cục sẽ bị lộ tẩy.

Tôi đang mãi nghĩ thì ngoài cửa có tiếng quát tháo: “Hai thằng mày đã về rồi đấy à?”

Tôi nhìn ra thì thấy Lưu Tư lệnh dẫn theo mấy chục tên nữa vào cùng. Tất cả bọn họ đều mang theo súng, tròng mắt đỏ ngầu.

Tần Bách Xuyên sững sốt nói với Lưu Tư lệnh: “Đại ca, có chuyện gì vậy?”

Lưu Tư lệnh tức giận đến nỗi người lão run lên: “Đừng gọi tao là đại ca!” Sau đó, lão dí súng vào đầu Tổ Gia nói: “Mày là thứ chết tiệt gì vậy? Chẳng phải mày nói ở đây phong thủy đẹp hay sao?”

Tổ Gia điềm nhiên hỏi: “Lưu Tư lệnh, sao thế?”

Lưu Tư lệnh nói đầy vẻ căm hận: “Sao thế à? Mộ tổ của ông mày đã bị bọn đào mộ trộm phá rồi. Hài cốt của cha mẹ ta cũng chẳng còn.”

Tần Bách Xuyên vừa nghe thấy thế, quỳ sụp xuống, ngửa mặt lên trời xanh mà gào: “Cha! Mẹ! Con trai bất hiếu.” Sau đó, hắn ôm lấy chân của Lưu Tư lệnh nói: “Đại ca, để xảy ra chuyện ngoài ý muốn này đệ cũng có trách nhiệm, đại ca. Hãy giết đệ đi, giết đệ đi! Để tế vong hồn cha mẹ trên trời.”

Tần Bách Xuyên thừa biết Lưu Tư lệnh sẽ không giết hắn, vì lão ta thấy Tần Bách Xuyên cũng là có ý tốt, chỉ có điều thầy phong thủy mà hắn mời đến lại là kẻ phá hại.

Lưu Tư lệnh cười gằn nói: “Đây là bậc đại sư mà mày mời về đó sao! Giờ hài cốt của cha mẹ không còn nữa, mày khiến tao chẳng còn mặt mũi nào mà đứng trước liệt tổ liệt tông nữa rồi.”

Bỗng nhiên, Tần Bách Xuyên quay sang Tổ Gia: “Ông làm cái trò gì thế? Chọn đúng cái chỗ chết tiệt. Ta và đại ca chịu đựng sao nỗi nỗi đau này đây.”

Lưu Tư lệnh dí súng lên đỉnh đầu Tổ Gia: “Tao bắn một phát vỡ đầu thì quá dễ dàng cho quân khốn kiếp nhà mày. Chúng mày đâu? Trói gô cổ thằng khốn này lại cho tao!”

Thấy mấy tên xông lên, tôi liền xộc tới phía trước, định bảo vệ Tổ Gia, nhưng lại bị Tổ Gia kìm giữ lại bên sườn. Cùng lúc đó có tiếng súng phát ra, nếu không phải Tổ Gia giữ tôi lại, thì Lưu Tư lệnh đã bắn chết tôi rồi.

Tổ Gia nói: “Người nào làm người đó chịu, không liên quan gì đến cậu ta.”

Thoắt cái, mấy tên cướp đã trói quặt cánh tay Tổ Gia ra sau lưng.

Lưu Tư lệnh lại quát to: “Đẩy pháo vào đây!”

Tôi nghe thấy, pháo ư? Hắn định làm gì?

Không lâu sau, mấy tên cướp đẩy quả đại pháo kéo kẹt từ ngoài cổng vào.

Lưu Tư lệnh nói với Tổ Gia: “Tao không cần biết mày có bản lĩnh thật sự hay không, cũng không cần biết rốt cuộc mày có bản lĩnh thế nào, tiếng tăm ra sao, nhưng bố cục phong thủy này mày đã không làm được xong cho tao, còn khiến hài cốt của cha mẹ tao bị mất. Tao phải cho mày nổ tan xác bằng quả pháo này, để tế vong linh cha mẹ nhà tao”.

Tôi vừa nghe thấy thế giật thót người, lão ta muốn cho nổ quả

pháo để giết Tổ Gia, tôi bật khóc chen đến dưới chân tên cướp đó nói: “Xin Lưu Tư lệnh nể tình mà nhẹ tay cho. Chuyện này vẫn có điều chưa được làm sáng tỏ!”

Lưu Tư lệnh ngửa cổ lên trời cười sảng sặc: “Đến mà giải thích với cha mẹ tao ấy!”

Tổ Gia bị trói quặt tay vào một chiếc cột, bọn thổ phỉ quay miệng pháo, nhắm thẳng vào ông.

Tôi biết quả pháo này mà được bắn ra thì Tổ Gia sẽ chết, tôi ôm lấy chân ông gào khóc: “Tổ Gia! Tổ Gia!”

Tên đạo đức giả Tần Bách Xuyên cũng khóc lóc nói: “Tổ Gia, tự mình tạo nghiệp thì hãy tự chuộc tội đi. Tôi cũng không thể giúp gì được cho ông rồi.”

Bỗng có tiếng súng nổ ngoài cổng khiến cho tất cả mọi người cùng giật mình, một tiếng nói rất to cất lên: “Lưu Tư lệnh dừng tay!”

TẦN BÁCH XUYÊN BỊ VẠCH MẶT

Tôi nhận ra ngay giọng nói của Giang Phi Yến. Sao bà ấy lại đến đây? Đi theo sau bà còn có một người mặc quân phục, khoảng chừng 40 tuổi.

Lưu Tư lệnh sững người: “Bà là...?”

Giang Phi Yến cười: “Tại hạ là học trò của Tổ Gia, Giang Phi Yến”. Sau đó bà chỉ vào người đang đứng phía sau mình nói: “Vị này là Thiếu tướng Phùng của Cục Quân thống.”

Lưu Tư lệnh sững người lần nữa, nhưng vẫn nói vẻ rất căm phẫn: “Hôm nay dù ai đến cũng mặc. Ông đây phải giết chết thằng khốn này!”

Giang Phi Yến vẫn cười nói: “Lưu Tư lệnh đúng là một người con có hiếu, bà con mấy chục dặm quanh đây đều biết. Việc dòi mộ cha mẹ được xem là ngài đã tận hiếu rồi. Nay phần mộ đã bị phá, vàng bạc châu báu đều bị trộm sạch, hài cốt của hai cụ cũng bị nổ tan tành, dù là ai cũng không thể chịu đựng nổi, cho nên phải giết tên này. Phải

giết chứ!”

Lưu Tư lệnh ngỡ ngác chẳng hiểu Giang Phi Yến có ý gì.

Bà nói tiếp: “Nhưng, Lưu Tư lệnh không muốn biết ai phá nổ phần mộ tổ nhà mình sao?”

Lưu Tư lệnh rối trí, liền hỏi: “Ai? Không phải là bọn đào mộ trộm à?”

Giang Phi Yến cười nhạt, bà quay ra cửa nói thật to: “Dẫn vào đây!”

Lập tức có hai tên bị đánh bầm đập được áp giải vào giữa sân, chân chúng mềm nhũn khụy xuống đất, mặt cúi gằm.

Giang Phi Yến quay sang nói với Tần Bách Xuyên: “Tần gia, chắc ông nhận ra hai tên này chứ?”

Tần Bách Xuyên giật phắt khẩu súng giắt ở hông ra, chĩa thẳng vào hai tên đó định bắn. Vị thiếu tướng họ Phùng nhanh tay hơn, rút súng bắn trúng tay hắn, khẩu súng rơi ngay xuống đất.

Tần Bách Xuyên ôm lấy tay, giận dữ: “Mày...!”

Giang Phi Yến nói với Lưu Tư lệnh: “Xin Tư lệnh minh xét! Tất cả đều là trò bịp bợm do một mình tên Tần Bách Xuyên làm. Hắn chính là một tên lừa đảo, từ lâu đã muốn lừa lấy tiền của ngài. Bản thân hắn không hiểu gì về phong thủy mới phải mời Tổ Gia đến, hòng mượn tay Tổ Gia để lừa lấy tiền bạc. Chuyện này từ đầu đến cuối Tổ Gia không hề hay biết, ông ấy là đại sư tinh thông Kinh Dịch chân chính, nhân dân khắp vùng Giang Hoài đều ca ngợi ông. Sau khi điều chỉnh phong thủy cho ngài xong, Tần Bách Xuyên cố ý sai hai tên này, nửa đêm đến phá nổ tung mộ cha mẹ ngài, dựng hiện trường giả như bị bọn đào mả trộm làm, để ngài trút giận lên đầu Tổ Gia. Lúc đó, hắn cố ý dẫn Tổ Gia đi thăm thú khắp nơi. Mục đích là để làm như mình chẳng liên quan gì. Đợi sau khi ngài giết chết Tổ Gia, hắn ta sẽ nói chính Tổ Gia đã tuồn hết số vàng bạc kia đi trong mấy ngày vừa rồi! Còn về phần hắn, hắn ngài sẽ nghĩ hắn là huynh đệ kết nghĩa, nhiều lắm chỉ bị cái tội không tìm hiểu kỹ càng, chỉ cần nói vài câu để nghe thì ngài sẽ không giết hắn nữa. Cuối cùng, ngài vừa mất tiền, lại mất

cả hài cốt của cha mẹ, còn Tổ Gia thì mất mạng, chỉ có hấn là kiếm bộn tiền. Tư lệnh à! Ngài hãy mở mắt mà trông! Chính là thằng huynh đệ kết nghĩa của ngài đấy.”

Tần Bách Xuyên nổi khùng: “Ngươi... ngậm máu phun người!”

Lúc này, thiếu tướng Phùng cố ý chấp tay nói với Tổ Gia: “Tổ Gia, lâu quá không gặp vẫn khỏe chứ? Năm ngoái ông giúp điều chỉnh phong thủy cho mộ tiên phụ tôi, giờ đã có hiệu quả rồi. Đa tạ Tổ Gia!”

Giang Phi Yến cầm súng chỉ về vào người hai tên chân tay đã phá mộ nói: “Nói cho mọi người biết, ai sai các ngươi làm?”

Hai tên khóc lóc nói: “Là Tần gia, là Tần gia! Xin bà tha mạng!”

Lưu Tư lệnh nghe xong, chìa thẳng súng vào Tần Bách Xuyên, quát lớn: “Đúng là mày làm không! Nói! Nói!”

Tần Bách Xuyên cuống cuồng, hấn nín một hơi, nói: “Đại ca, huynh đừng nghe con mụ này nói láo. Huynh là người hiểu đệ mà. Chính là đệ, Tần Bách Xuyên đệ mới là người học Kinh Dịch chân chính. Tên Tổ Gia kia lòng dạ nham hiểm, từ lâu luôn đố kỵ với tài năng của đệ nên luôn muốn tìm cách hạ bệ đệ. Đệ mời hấn đến đây chỉ là muốn lừa hấn, rồi tiêu diệt tên lừa đảo trong giới học Kinh Dịch này!”

Tổ Gia ngửa cổ lên cười lớn: “Lưu Tư lệnh ngài đã nghe thủng chưa, huynh đệ của ngài có bản lĩnh thật, một kẻ có bản lĩnh mà lại mang hài cốt của cha mẹ người anh kết nghĩa của mình ra làm cái giá vì muốn giết một người đấy!”

Tần Bách Xuyên nghe thế biết mình vừa mới tự thất cổ mình, vội chữa: “Đại ca! Việc đó chỉ là bất đắc dĩ thôi.”

Tổ Gia cười nói: “Thật hay giả đã không còn quan trọng nữa. Sự thật ông chính là kẻ vong ân bội nghĩa, táng tận lương tâm. Lưu Tư lệnh! Đây chính huynh đệ tốt của ngài đấy.”

Ngọn lửa trong người Lưu Tư lệnh đã được châm lên, lão nhìn Tần Bách Xuyên đầy căm phẫn.

Tần Bách Xuyên bị Tổ Gia và Giang Phi Yến dồn đến đường cùng. Hắn như kẻ mất trí, buông thõng cánh tay đầy máu xuống, hung hăng chửi: “Mẹ kiếp! Tất cả đều là lừa bịp. Việc đã đến nước này tao sẽ nói toạc hết ra. Cho chết cả lũ.”

Hắn chỉ vào Giang Phi Yến nói với Lưu Tư lệnh: “Nó, con mụ đó là kẻ lừa đảo, trùm lừa đảo Nam Việt.” Sau đó lại quay sang chỉ vào Tổ Gia: “Còn hắn cũng là một tên bịp bợm. Tất cả đều là lũ bịp bợm. Chúng tao đều cùng một băng nhóm. Một băng nhóm đấy, mà biết không? Thằng ngu!”

Tổ Gia vẫn cười to, nói: “Tư lệnh thấy đấy, nếu cùng là bè lũ với nhau, mà hắn lại muốn giết tôi, ông có tin không?”

Việc đã đến nước này, Tần Bách Xuyên có nói gì cũng chẳng có ai tin nữa. Hắn nổi điên lên.

Lưu Tư lệnh quát to: “Hãy trói thẳng khốn này lại cho ta”. Bọn cướp cùng tiến tới trói gô cổ Tần Bách Xuyên lại.

“Chĩa quả đại pháo vào thẳng thẳng khốn này!” Lưu Tư lệnh hạ lệnh, hai tên cướp lại quay quả đại pháo, chĩa miệng pháo thẳng vào ngực của Tần Bách Xuyên.

Tổ Gia liếc mắt nhìn Tần Bách Xuyên: “Tần gia, lên đường nhé. Đến mà chuyện trò, bầu bạn với Tiên gia.”

“Mẹ...” Tần Bách Xuyên vừa mở miệng nói thì Lưu Tư lệnh ra lệnh: “Giết!”

“Đùng!” đất trời chao đảo, rung chuyển. Tần Bách Xuyên nát vụn, trên mặt đất chỉ còn lại vài miếng thịt, cả một khoảng trời yên ắng hẳn đi. Tần Bách Xuyên cả đời luôn tự cho mình là kẻ khó lường, thật giả lẫn lộn, cuối cùng lại chết trên cái thật thật giả giả do chính hắn thêu dệt lên.

Giang Phi Yến đi tới giúp Tổ Gia cởi trói: “Tổ Gia, ông đã chịu cực khổ rồi.”

Tổ Gia đi đến trước mặt Lưu Tư lệnh, nói với vẻ mặt rất áy náy: “Lưu Tư lệnh, xảy ra chuyện ngoài ý muốn thế này tôi cũng rất lấy

làm hồ thẹn. Tục ngữ có câu Người tính không bằng trời tính. Tôi không ngờ Tần Bách Xuyên lại là con người như vậy, tôi xin hoàn trả lại đủ số tiền của ngài. Nếu vẫn chưa thể hóa giải được nỗi uất hận trong lòng, kẻ hèn này xin tùy ý ngài xử lý. Nói đoạn, ông nắm tay Lưu Tư lệnh, chìa họng súng thẳng vào đầu mình.”

Lưu Tư lệnh ngậy người ra, mãi một lúc lâu mới nói: “Tổ Gia nói gì thế? Việc này không liên quan gì đến ông, là do tôi không thận trọng khi kết giao bạn bè, nên mới rơi vào tình cảnh này thôi.”

Giang Phi Yến nói nhỏ với Tổ Gia: “Tổ Gia, chúng ta đi thôi.”

Lưu Tư lệnh nói: “Không được đi!”

Giang Phi Yến giật mình: “Sao vậy?”

Lưu Tư lệnh cười nói: “Âm trạch đã bị phá rồi, dương trạch vẫn còn. Trước đây, khi Tổ Gia xem phần mộ cho tôi đã nói đúng những đại họa mà tôi gặp phải trước đây. Tổ Gia là người có bản lĩnh thật sự, bởi vậy... xin Tổ Gia đừng chấp nhất chuyện vừa rồi. Hãy xem giúp lão già này phong thủy dương trạch!”

Tổ Gia nhìn nhìn Giang Phi Yến, cười nói: “Cảm ơn sự tin cẩn của tư lệnh!”

Sau khi Tổ Gia giả vờ điều chỉnh lại phong thủy dương trạch cho Lưu Tư lệnh, ông đã không lấy tiền của ông ta. Tổ Gia nói với Giang Phi Yến: “Mộ tổ nhà ông ta đã bị phá rồi. Khoản tiền này chúng ta không lấy nữa.”

Về sau, Tổ Gia lần lượt thu nạp và tổ chức lại quân của Tần Bách Xuyên. Vụ dàn cục kếp này thật giả khó phân. Bọn tay chân trong Đường khẩu cũng không biết rõ rốt cuộc đã xảy ra chuyện gì, nhưng bọn họ đều có ấn tượng tốt đẹp về Tổ Gia. Bao nhiêu năm nay Tổ Gia bỏ tiền mua chuộc lòng người, đến giờ đã phát huy hiệu quả, ai nấy đều muốn đi theo Tổ Gia.

Một tháng sau, tôi và Tổ Gia trở về Nam Việt. Tổ Gia đã xóa bỏ cơ cấu tổ chức trong Đường khẩu của Tần Bách Xuyên. Ông lập lên một phân đà⁹ ở Tứ Xuyên, cất nhắc một thủ hạ của Tần Bách Xuyên lên

làm đà chủ¹⁰, có cấp bậc ngang hàng với Bá đầu. Sau khi trở về Nam Việt, ông lại phái Nhị Bá đầu đến Tứ Xuyên đảm nhiệm việc đôn đốc phân đà này, cùng trợ giúp đà chủ làm ăn kinh doanh. Nhưng kỳ thực đây là cách ông cài người của mình vào, để đề phòng sinh biến.

Cho đến lúc này, trong Tứ đại Đường khẩu ở Bắc Nam Đông Tây, ngoài Nam phái Việt Hải Đường ra, tất cả đều đã quy về dưới trướng của Tổ Gia.

Chưa đầy một tuần sau, Đường khẩu Việt Hải Đường cũng về tay Tổ Gia. Đó là do Giang Phi Yến tự nguyện.

Giang Phi Yến đã quyết định ra đi. Sau khi từ Tứ Xuyên trở về, một lần Giang Phi Yến và Tổ Gia đã trò chuyện với nhau rất lâu. Năm 1952, trước khi Tổ Gia mất, ông đã kể lại chuyện này cho tôi nghe.

Từ lần đầu tiên Giang Phi Yến gặp Tổ Gia, bà đã yêu ông. Nhưng số phận đã an bài để hai người họ cùng vào vai những kẻ lừa đảo, đã vậy còn là trùm lừa đảo. Họ đã bước chân vào giới giang hồ, thì không thể làm chủ bản thân mình được nữa. Có biết bao điều phải dẫn dắt, lo ngại về thân phận, tiền đồ của Đường khẩu, còn phải nghĩ cho các huynh đệ nữa...

Từ lâu Giang Phi Yến đã nói muốn cùng Tổ Gia cao chạy xa bay, giao lại Đường khẩu cho người khác. Còn hai người sẽ ra nước ngoài, nhưng Tổ Gia không đồng ý. Khi đó, trong đầu Tổ Gia chỉ chứa toàn những thứ mà ông ấy gọi là “đạo”, sau khi tiếp nhận Đường khẩu từ tay Trương Đan Thành, là ông đã gánh trên vai sứ mệnh đưa phái Giang Tương đi tiếp, lý tưởng của ông là muốn đưa phái Giang Tương đi theo con đường chính đạo. Nhưng khi đã bước chân vào, ông không làm được như vậy.

Thậm chí Giang Phi Yến còn muốn có được niềm vui bên Tổ Gia một đêm, nhưng Tổ Gia nhất quyết không đồng ý.

Giang Phi Yến từng hỏi Tổ Gia: “Có phải vì thân thể tôi không trong sạch, Tổ Gia mới không thể thương yêu?”

Tổ Gia cúi đầu nói: “Yến tử vì phái Giang Tương mà đã đánh đổi tất cả, tôi phải tôn kính mới phải. Đâu có lý nào mà ghét bỏ.” Tổ Gia biết, không thể nào làm việc đó, bởi nếu làm rồi thì sẽ không thể dứt

ra được.

Về sau, Giang Phi Yến đồng ý giúp Tổ Gia diệt trừ Tần Bách Xuyên, sau đó bà rời xa ông mãi mãi.

Tổ Gia không thể lấy Giang Phi Yến, nhưng có người khác muốn lấy bà. Đó cũng là một cuộc tình khắc cốt ghi tâm. Chuyện tình cảm không thể nói rõ ràng cho được, bởi vậy người xưa đã nói: “Hỏi thế gian tình ái là chi. Để cho đôi lứa nguyện thề sống chết.”

Vị Thiếu tướng họ Phùng của Quân thống đã yêu bà từ khi mới 25 tuổi sau khi bị bà tóm được. Khi đó, Giang Phi Yến đã 31 tuổi, để có được các mối quan hệ rộng lớn hơn nữa, bà đã dùng mỹ nhân kế để bắt được vị Phùng Thiếu tướng đó, mặc dù khi đó ông ta vẫn chưa là Thiếu tướng. Nhưng khi Giang Phi Yến tiếp nhận mạng lưới các mối quan hệ của Kiều Ngũ Muội, bà đã nhắm đúng người này. Giang Phi Yến không hề nhìn nhầm người, gần hai mươi năm nay, ông đã chạy theo khắp nơi giúp đỡ bà, tình yêu chính là như vậy, biết rõ đối phương là trùm lừa đảo mà vẫn yêu. Có lẽ yêu một người là có thể yêu tất cả những gì thuộc về người đó.

Mới đầu, Giang Phi Yến chỉ coi ông ta là một quân cờ. Về sau, bà mới phát hiện mỗi khi xảy ra chuyện, người này yêu mình thật lòng, hơn nữa luôn dốc hết lòng vì mình.

Giang Phi Yến từng nói thẳng với ông ta: “Phi Yến chính là kẻ lừa đảo đi lạc vào chốn hồng trần. Không đáng để tướng quân thương yêu như vậy.”

Phùng Thiếu tướng nói: “Trong mắt tôi, chị chỉ là Giang Phi Yến. Người tôi yêu là Giang Phi Yến. Tôi không cần biết người ấy là kẻ lừa đảo hay không.”

Mỗi ngày cứ thế trôi đi, Giang Phi Yến sống trong sự mâu thuẫn giữa sự dẫn dắt, tâm lợi dụng và tình thương yêu.

Giang Phi Yến nói với Tổ Gia: “Việc mà con người luôn phải đau khổ nhất trong cuộc đời đó là người mà mình yêu không yêu mình, người yêu mình mà mình lại không yêu.”

Những trận thua liên tiếp của Quốc dân Đảng khiến cho Phùng Thiếu tướng càng thêm âu lo. Từ đầu mùa xuân năm 1949 đến nay, ông nhiều lần bảo Giang Phi Yến bỏ đi cùng ông. Ông nói: “Chúng ta đều đã từng làm những điều ác, chị đã lừa rất nhiều người, tôi từng giết rất nhiều người. Chúng ta hãy rời khỏi cái nơi đầy rẫy những chuyện thị phi này không tốt sao?”

Chính vào giờ phút quan trọng này, Đường khẩu của Tổ Gia lại xảy ra biến lớn. Sau đó, Tổ Gia muốn tương kế tựu kế diệt trừ Tần Bách Xuyên. Nhưng để diệt Tần Bách Xuyên chẳng phải là chuyện dễ dàng, Tổ Gia lập kế hoạch phối hợp với Giang Phi Yến, kỳ thực là muốn để bà khởi động nguồn sức mạnh có Quân thống đứng chống sau lưng bà. Tổ Gia biết lần này người mà ông phải đối phó không chỉ có một mình Tần Bách Xuyên, còn có cả bọn cướp có súng đạn trong tay. Ngộ nhỡ có gì bất trắc, mình ông không thể ứng phó được.

Vì thế ông bàn bạc với Giang Phi Yến, cần phải đưa thêm cả quân đội chính quy đến. Một mặt, mai phục ở vòng ngoài chỗ bọn cướp, nhỡ hỏng việc còn có quân đội đứng ra, bản thân mình sẽ không đến nỗi bị mất mạng. Mặt khác mai phục ở gần Đường khẩu của Tần Bách Xuyên, trong quá trình dàn cục hoặc sau khi kết thúc việc dàn cục, cải tổ lại Đường khẩu của Tần Bách Xuyên, nếu chẳng may có kẻ làm phản thì có thể tóm gọn một mẻ.

Tổ Gia phân tích, Tần Bách Xuyên muốn tạo bố cục phong thủy. Trong khi đó khả năng duy nhất có thể dồn người ta vào chỗ chết đó chính là để xảy ra chuyện tại chính nơi được sắp đặt theo phong thủy. Ví như, anh vừa mới điều chỉnh phong thủy âm trạch cho người ta mà phần mộ lại bị nước cuốn trôi mất hay nếu anh vừa mới điều chỉnh phong thủy dương trạch, mà nhà người ta lại bị cháy. Đây đều là những việc đại kỵ, là đòn chí mạng. Ngoài những điều này ra, những lời để lừa gạt người ta như có phúc có lộc, con cháu đời sau vinh hiển, phát đạt, thì cần phải có thời gian kiểm chứng, có thể phải mất mấy năm, cũng có thể mấy chục năm, khi đó người có liên quan đã biến mất.

Cho nên, Tổ Gia bảo Giang Phi Yến bí mật đi theo mình tới đất Tứ Xuyên. Cùng lúc đó, vị thiếu tướng kia cũng phối hợp với Giang Phi Yến, điều động mấy trăm lính ở xung quanh sẵn sàng tiếp ứng.

Hôm đó, sau khi hài cốt của cha mẹ Lưu Tư lệnh được chôn cất

xong, Giang Phi Yến dẫn theo vài người nấp ở trong khe núi bí mật theo dõi. Kết quả sau đó ba ngày, vào buổi tối xuất hiện hai bóng đen, bọn chúng cài mìn cho nổ sập ngôi mộ. Giang Phi Yến cố ý chỉ đứng theo dõi việc chúng làm. Phải để chúng cho nổ sập ngôi mộ thì mới có thể dồn Tần Bách Xuyên vào chỗ chết.

Sau khi cho nổ, hai tên kia lấy hết vàng bạc trong đó, vừa định bỏ chạy thì bị Giang Phi Yến chặn lại. Nhờ đó mới có được màn kịch làm chấn động lòng người kia tại Đường khẩu của Tần Bách Xuyên.

Tổ Gia không hề biết, lần giúp dàn cục này cũng là lần cuối cùng bà giúp ông trên danh nghĩa tình yêu.

Khi Giang Phi Yến đến tìm Phùng Thiếu tướng, ông mừng đến rơi lệ nói: “Tôi đã đợi em gần hai mươi năm, từ khi 25 tuổi đến giờ đã là 42 rồi. Vụ này tôi giúp em, tôi cầu xin em đi cùng tôi.”

Giang Phi Yến cũng đã nghĩ đến chuyện ấy. Bà biết mình nợ Phùng Thiếu tướng quá nhiều. Mấy năm nay, bà cứ lần lữa hết lần này đến lần khác, bà định sẽ cứ mãi như vậy cho đến hết cuộc đời, cho đến khi nhan sắc tàn phai thì có lẽ người ta sẽ không còn yêu mình nữa. Nhưng điều mà bà không ngờ được rằng, Phùng Thiếu tướng lại quá si tình. Năm tháng trôi đi chẳng thể xóa nhòa tình cảm của ông dành cho bà, mà càng ngày càng sâu đậm. Chỉ cần Giang Phi Yến chưa lấy chồng, ông sẽ vẫn cứ chờ đợi.

Giang Phi Yến nói với Tổ Gia: “Như tôi, mấy năm nay vẫn luôn một lòng thương yêu Tổ Gia, tôi cũng đã cố gắng thay đổi bản thân mình, nhưng vẫn chưa làm được, cuối cùng lần này cũng đã làm được rồi. Hai mươi năm, coi như đã được giải thoát. Sau khi tôi ra đi, sẽ không còn Phi Yến bên cạnh, Tổ Gia hãy bảo trọng.”

Tổ Gia đã khóc. Một người phụ nữ đã đánh đổi mọi thứ vì mình, cho dù đi lấy người khác cũng vẫn là vì mình. Tổ Gia trong lòng cảm thấy rất day dứt.

“Yến tử, kiếp này có duyên không nợ, mong kiếp sau gặp lại!” Tổ Gia lau nước mắt.

Có lẽ câu nói “kiếp này có duyên không nợ, mong kiếp sau gặp lại” là cách giải thoát tốt nhất cho những người có tình cảm với nhau mà

không thể đến được với nhau.

Khi Giang Phi Yến ra đi, bà giao lại cuốn Việt Hải Đường phong tướng Trát ký đã được 300 tuổi của Đường khẩu cho Tổ Gia. Cuốn sách này rất có tiếng trong giới lừa đảo, nó cũng gây xôn xao trên giang hồ, nhưng chỉ được truyền lại cho nữ giới, không truyền cho nam giới, nghe nói nó là do hiệp nữ Đường Vịnh Hà – người sáng lập ra Việt Hải Đường năm xưa viết. Đường Vịnh Hà tài mạo song toàn, võ nghệ hơn người, bà là đả chủ của phân đả Thiên Địa hội, khi Phương Chiêu Dư sáng lập ra phái Giang Tương, dưới ông ta có Tứ Đại môn phái là: Càn, Khôn, Khảm, Ly. Chưởng môn của Ly Môn (phái Ly) chính là Đường Vịnh Hà, Ly Môn cũng chính là Việt Hải Đường sau này.

Việt Hải Đường phong tướng Trát ký thực ra là cuốn sách nói về tâm lý học lừa đảo, nó giống như cuốn sách rất thông dụng có tên Anh Diệu Thiên mà các A Bảo thường dùng. Khác nhau ở chỗ: Việt Hải Đường phong tướng Trát ký thiên về lừa đảo bằng cách tạo bố cục phong thủy. Nó là sự kết hợp đỉnh cao giữa thuật phong thủy và tâm lý học, đạt đến cảnh giới xuất thần nhập hóa.

Trong Tứ đại Đường khẩu ở khắp Đông Tây Nam Bắc, mỗi Đường khẩu có sở trường và bảo bối trấn trạch của riêng mình, sở dĩ Nam phái Việt Hải Đường đưa tâm lý học vào thuật lừa đảo và phát triển đến cảnh giới cao nhất là còn vì nó không tách rời khỏi đặc trưng của Đường khẩu. Việt Hải Đường chỉ toàn nữ giới, phụ nữ không khỏe mạnh bằng nam giới, việc đánh đấm, chém giết không thể “thạo nghề” bằng nam giới, cho nên thông thường họ không thể lấy đá chọi đá. Họ có sở trường giành phần thắng nhờ vào khả năng phán đoán, nắm bắt tâm lý đối phương, rồi kết hợp phong thủy học với tâm lý học để tạo thành cuốn sách tâm lý học có dùng cả những mảnh khóc phong thủy rất độc đáo, đặc biệt. Đó chính là cuốn Việt Hải Đường phong tướng Trát ký.

Trước khi Tổ Gia mất, ông có nói với tôi rằng người mà ông cảm thấy có lỗi nhất trong cuộc đời chính là Giang Phi Yến. Ông không thể trả hết món nợ tình cảm cho bà, không biết có kiếp sau hay không, nếu có thì liệu có thể được gặp người mang cái tên Giang Phi Yến, không biết họ có thể trở thành một cặp đôi bình thường và được ở bên nhau hay không.

Khi nghe những chuyện Tổ Gia nói, tôi không khỏi ngậm ngùi thương cảm. Nhiều năm sau, tôi lấy vợ sinh con, một lão trượng thường nói với tôi thế này: “Con người trong cuộc đời này đừng tham lam phú quý, cứ sống bình an là tốt rồi. Bình an mới là hạnh phúc.” Tổ Gia chinh chiến một đời, cuối cùng điều ông ấy muốn lại chính là được sống một cuộc sống bình thường. Tại Tổ Gia đã sai hay số phận đã sắp đặt lầm?

Chương 7. BỎ MA THEO PHẬT: TÔI LÀ THẦY XEM TƯỚNG ĐAM MÊ CHU DỊCH

Chuyến Đường khâu về Giang Hoài

Giang Phi Yến ra đi cùng với Phùng Thiếu tướng, từ biệt phái Giang Tướng, từ bỏ cái nghiệp của bà, rời xa Tổ Gia. Đường như điều này đã cho mọi người thấy rằng, tìm một người yêu mình dễ dàng hơn nhiều so với việc đi tìm một người mình yêu.

Việt Hải Đường đã được quy về một mối dưới trướng của Tổ Gia. Cuối cùng, ông cũng đã thực hiện được ước nguyện lớn lao là thống nhất các Đường khâu trong giang hồ. Tôi cứ nghĩ Tổ Gia sẽ rất vui mừng, nhưng ông ấy lại chẳng có vẻ gì như vậy cả. Đã thống nhất phái Giang Tướng, việc tiếp theo là gì? Phải đi theo hướng nào đây?

Ngày 1 tháng 10 năm 1949, nước Trung Quốc mới ra đời. Mao Trạch Đông trình trọng tuyên bố với toàn thế giới: “Hôm nay, Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chính thức thành lập.”

Lúc này, Tướng Giới Thạch cũng đang rất bận, bận vợ sạch vàng bạc, tiền của trong quốc khố mang về Đài Loan.

Khi nước Trung Quốc mới được thành lập, các vùng Quảng Đông, Quảng Tây, Tứ Xuyên và Trùng Khánh vẫn chưa được giải phóng. Các A Bảo của Mộc Tử Liên và Việt Hải Đường cuống quýt cả lên, không biết số phận của mình rồi sẽ thế nào. Một vài người đã không thể kìm nén thêm được, bắt đầu đánh bài chuồn, lén vượt biển chạy sang Hồng Kông, nhưng đều bị Tổ Gia bắt lại và giết chết. Từ đó về sau, không còn ai dám chạy nữa.

Chẳng được mấy ngày, quân giải phóng đánh đến, bọn tàn dư của Quốc dân Đảng không chịu nổi một trận đòn nào nữa. Chưa đầy nửa tháng, Quảng Châu được giải phóng, nhân dân đổ ra đường phố, đốt pháo ăn mừng.

Tổ Gia ra lệnh: “Tạm thời giải tán, để nghe ngóng tình hình.”

Ngay tức khắc, hơn trăm người tản ra tìm nơi ẩn náu. Nhị Bá đầu của phân đà Tứ Xuyên cũng lần đi ngay sau khi nhận được lệnh.

Sau đó, Tổ Gia nói dứt khoát: “Đại Đầu, đi theo ta.”

Tôi hỏi: “Đi đâu ạ?”

Tổ Gia nói: “Khắp nơi trong cả nước.”

Tổ Gia làm bất cứ việc gì cũng đều có mục đích. Ông không nói nguyên nhân nên tôi cũng không gắng hỏi nữa.

Tôi và Tổ Gia xuất phát từ Quảng Châu, đi thẳng lên phía Bắc. Chúng tôi đi qua Giang Tây, vào đất Hà Nam qua chỗ giáp ranh giữa Hồ Bắc và An Huy, sau đó tiến vào Thiểm Tây, Sơn Tây, cuối cùng đến Hà Bắc, Bắc Kinh.

Dọc đường đi, chúng tôi chứng kiến một cảnh tượng khác hẳn. Nhân dân vui vẻ, phấn khởi, ai nấy đều rất tươi vui, lúc đó tôi mới biết rằng vùng giải phóng hoàn toàn không đáng sợ như những gì bọn Quốc dân Đảng tuyên truyền. Bây giờ được Tổ Gia đích thân dẫn tôi đến những nơi đã được giải phóng trước này, tôi mới thực sự hiểu thế nào gọi là giải phóng. Đặc biệt là đến vùng căn cứ cách mạng cũ ở Thiểm Bắc, nhân dân múa trống cơm ăn mừng trong niềm vui dào dạt, hát vang khúc hát Phương Đông hồng rực, Mặt trời lên cao, cảnh tượng nô nức, những nét mặt tươi vui xuất phát tự đáy lòng.

Tổ Gia thở dài: “Từ thời mạt Thanh đến nay, bọn đế quốc kéo đến xâm lược, đất nước tiêu vong, bọn quân phiệt cát cứ, chiến tranh loạn lạc liên miên, gần trăm năm nay, nhân dân chưa từng được vui mừng như thế!”

Tôi không hiểu lịch sử, càng không thể hiểu thấu cảm xúc ngậm ngùi của Tổ Gia khi đó. Tôi chỉ biết mình sinh ra thiên hạ đã loạn lạc, hiểu câu “Người Hoa và chó không được vào” là như thế nào. Thế nào là ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, và thế nào là nơm nớp lo sợ.

Sau một tháng đi khắp nơi, tôi và Tổ Gia quay về Quảng Châu.

Đêm đến, Tổ Gia lại trầm ngâm suy ngẫm. Tôi không rõ ông đang nghĩ gì, nghĩ về con đường đi rồi đây sẽ phải đi thế nào? Hay là hồi tưởng lại những năm tháng dẫu bề trước đây?

Cứ như vậy, tiếng kèn tiền bước năm 1949 sắp được gióng lên, chào đón năm 1950 gần kề. Năm đó xảy ra một sự kiện lớn: Cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Cuộc chiến ấy diễn ra vô cùng gian khổ. Khi đó, đất nước Trung Quốc mới vừa được thành lập chưa được bao lâu, cơ sở vật chất, tài nguyên mang tính chiến lược thiếu thốn cùng cực. Tàn dư của bọn Quốc dân Đảng phong tỏa đường biển, ngăn chặn không cho các nhân sĩ yêu nước ở Hồng Kông viện trợ cho đất liền.

Có vài tên trung gian trong thế giới ngầm xúi giục Tổ Gia. Họ nói chỉ cần hợp tác với Quốc dân Đảng, giám sát chặt chẽ ở cửa khẩu hải quan, có thông tin gì thì báo tin ngay cho chúng, giúp Quốc dân Đảng chặt đứt nguồn cung cấp vật chất, tài nguyên cho quân Cộng sản, thì sẽ được một món hời. Tổ Gia không đồng ý, ông nói: “Tôi không thiếu khoản tiền đó.”

Chính vào lúc loạn trong giặc ngoài, Tổ Gia lại đưa ra quyết định khiến người ta phải kinh ngạc: “Dời Đường khẩu về Giang Hoài!”

Các Bá đầu không sao hiểu nổi: “Tại sao lại phải quay về, ở đây gần với Hồng Kông, một khi có biến, còn có đường mà chạy, hay muốn dời đi cũng nên dời đến vùng biên cương Tây Nam, ở đấy có thể chạy trốn sang Myanmar.” Đi sâu vào trong nội địa thì có khác gì chặt đứt đường lui của mình chứ?

Việc mà Tổ Gia đã quyết, ai cũng có thể ngờ vực, cũng có thể phản đối, nhưng chắc chắn sẽ chẳng ích gì, nên làm gì thì cứ làm như vậy. Ngay cả mấy chục người ở Tứ Xuyên cũng bị gọi đến.

Đây là lần di chuyển lớn nhất trong lịch sử của phái Giang Tương. Gần 200 người chia thành từng nhóm nhỏ lẻ, lần lượt đi tới Giang Hoài. Trước khi đi, Tổ Gia trừ khử Ngũ Bá đầu, đồng thời, đưa tôi lên thay. Một năm sau, Tổ Gia lại giết Lục Bá đầu Tiểu Thời Thiên. Tiểu Hải Tử Triệu Định Hải mà Nhị Bá đầu đã tiến cử trước đây được làm Lục Bá đầu.

Tôi không có cống hiến gì lớn cho Đường khẩu, nhưng khi được

thằng cấp không bị ai phản đối, Tổ Gia nói: “Khi đi dàn cục ở Tứ Xuyên, Đại Đầu đã đứng ra đỡ đạn cho ta.” Kỳ thực, khi đó tôi vốn không nghĩ được nhiều như vậy, thấy bọn chúng đòi bắt Tổ Gia thì tôi xông lên thôi. Tổ Gia lại nói: “Hành động theo bản năng mới là chân thành nhất.”

Khi đó, trong cả nước, ngoài đám lừa đảo của phái Giang Tương ra, còn có rất nhiều hội đạo môn lớn nhỏ khác cũng đang giơ chân giãi giụa.

Theo lẽ thường, lúc này Tổ Gia sẽ rất thận trọng, nhưng trong giai đoạn đó, Tổ Gia lại tỏ thái độ khác hẳn, ông ra lệnh cho các Bá đầu và bọn tay chân ra trận hết lần này đến lần khác. Đồng thời, Tổ Gia tỏ thái độ huyênh hoang, phách lối, xưng hô huynh đệ với bọn cầm đầu của các hội đạo môn. Điều này không giống với với tác phong làm việc của Tổ Gia.

Các Bá đầu đều thấy Tổ Gia làm vậy là đối đầu với Chính phủ. Một hôm, Tổ Gia gọi tôi và Vương Gia Hiền đến Đường khẩu. Ông nói rằng có một vụ dàn cục mới, sai hai người chúng tôi đi làm. Theo lý mà nói thì vụ dàn cục này không nhỏ, tôi và Vương Gia Hiền có thể coi là lính mới trong số các Bá đầu, đều không có nhiều kinh nghiệm. Rõ ràng Tổ Gia có thể sai bọn Nhị Bá đầu đi làm, nhưng ông lại chọn đúng tôi và Thất Bá đầu.

Về sau, khi tôi vào tù, mới biết Tổ Gia cố ý làm như vậy, tôi và Vương Gia Hiền vào nghề khá muộn, chưa từng thực hiện vụ dàn cục lớn nào. Tổ Gia muốn đẩy chúng tôi có đủ tội danh để bị tống vào nhà giam.

Ở cách Lâm Trấn 30 dặm có một nhà giàu họ Lý, buôn bán lương thực, thực phẩm. Trước khi Quốc dân Đảng lui về cố thủ ở Đài Loan, gia đình này có qua lại với bọn Quốc dân Đảng. Những năm đó, bọn họ chuyên đầu cơ tích trữ, vợ vét được không biết bao nhiêu hàng hóa. Tên nhà giàu này là Lý Tọa Sơn, hơn 60 tuổi, vì bị hỏi nên mọi người vẫn gọi là Lý trọc. Lý trọc có bốn thằng con trai, thằng cả có biệt hiệu là “thằng Cả phệ” vì hắn có cái bụng rất to, thằng hai bị nghẽn ngang nên có biệt hiệu là “Hai điếc”, thằng thứ ba vì quá xảo quyệt, tráo trở nên bị gọi là “thằng Ba ranh”, thằng thứ tư khi còn bé thường hay ăn vụng dầu mè, nên hay bị đi ngoài phải chạy vào cầu tiêu, cho nên bị mọi người gọi là “Bốn té re”. Cả nhà này từ lớn đến

bé luôn cậy lắm tiền nhiều của, ngang ngược hống hách, ở quê không ai dám dây với chúng.

Mùa xuân năm đó, Lý trọc bị bệnh lao phổi, phải mời đến ba, bốn thầy lang, nốc bao nhiêu thuốc thang vào bụng mà chẳng có tác dụng. Thấy bệnh tình càng ngày càng nặng, bốn thằng con bắt đầu bàn tính chuyện hậu sự cho lão ta.

Nhà giàu thường rất chú trọng đến phong thủy khi chôn cất người chết. Họ nghĩ rằng phong thủy khi mai táng cho tiên phụ tốt hay xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự hưng vượng của con cháu đời sau. Nếu phong thủy xấu, chẳng mấy mà con cháu họ sẽ gặp chuyện xui xẻo, vì thế, nhờ tên lính trị an ở địa phương dặt mối, cơ hội kiếm tiền đến liền.

Tôi đi theo học Tổ Gia nên cũng biết rằng phong thủy được phân chia thành hai mảng, phong thủy âm trạch và phong thủy dương trạch. Dương trạch chính là nơi người còn sống ở, âm trạch là nơi ở của người đã khuất. Tổ Gia nói: “Vụ dàn cục lần này để cho Ngũ Bá đầu và Thất Bá đầu đi làm. Ngũ Bá đầu đóng giả là thầy xem phong thủy, Thất Bá đầu vào vai đồ đệ.”

Dáng tôi béo tốt, mắt bé, mặt mũi trông có vẻ từng trải, cho nên dán thêm bộ râu, đội mũ cao lên, trông già hơn mấy chục tuổi. Còn Vương Gia Hiền ngược lại, anh ta trắng trẻo, dáng vẻ thư sinh, cạo hết râu đi, rất ra dáng một đồ đệ.

Xem phong thủy cần phải chú trọng đến việc tầm long điểm huyết. Long chính là mạch núi, huyết chính là vị trí cát lợi trong mạch núi đó. Câu Long sợ cô độc huyết sợ phong hàn, nghĩa là: long mạch cần phải có sơn thủy ôm ấp bao bọc, nhiều ngọn núi quấn quýt, vây quanh. Còn chỉ có một ngọn núi đứng trơ trọi một mình là không tốt, “Long sợ cô độc” chính là ý như vậy. Huyết phải là nơi tàng phong tụ thủy, không được chọn nơi bị gió lạnh thổi làm tiêu tan vượng khí, nếu không sẽ bị coi là huyết phong hàn.

Hôm đi xem xét, thăm dò phong thủy, bốn thằng con của Lý trọc đều có mặt. Mọi người đứng vây quanh triền núi rất lâu. Tôi vốn còn trẻ, đi đứng lại khá nhanh nhẹn, nhưng Thất Bá đầu cứ đỡ lấy người tôi, tay lại bê cái la bàn, nên làm tôi mỗi như cả người, đi đứng y như một ông già thực thụ.

Thất Bá đầu nói với bốn ông con kia: “Sự phụ tôi làm nghề này mấy chục năm rồi, chưa từng nhầm lẫn bao giờ. Những chỗ ông ấy đã chọn đều là chỗ đắc địa có thể tàng phong tụ thủy cả. Con cháu đời sau của cải nhiều, ai nấy đều được sang giàu phú quý, còn có người làm quan lớn.”

Thằng Cả phệ nói: “Việc này phải phiên tiên sinh rồi.”

Tôi cầm chiếc la bàn, làm điệu bộ xem xem một hồi, sau đó hỏi: “Xin hỏi bốn vị sau này muốn được phát tài hay muốn được làm quan?”

Thằng Bốn té re nhanh mồm nói: “Phát tài, đương nhiên là phát tài rồi. Có tiền mới làm được việc chứ.”

Hai điếc nói: “Ừ, thằng Bốn nói phải đấy.”

Thằng Ba ranh nhếch miệng nói: “Các ông thì biết cái gì? Làm quan mới tốt, làm quan ắt sẽ có tiền, một thằng bảo vệ trị an thôi mà một năm cũng kiếm được mấy vạn rồi. Còn tay sĩ quan họ Từ xưa kia vẫn qua lại với ông già mình, chẳng phải chỉ là thằng thư ký làng nhàng, anh xem nó cũng giàu to. Mấy năm này nhà mình chẳng có ai ra làm quan. Cho nên mỗi lần có việc gì là lại tốn cả đồng tiền của.”

Thằng Cả phệ cuối cùng cũng lên tiếng: “Cãi! Cãi! Chỉ biết cãi nhau!” Sau đó hắn nói với tôi: “Vậy ý tiên sinh là phải tách rời đường tài vận và đường quan vận, chứ cả hai cái này không thể làm cùng được ư?”

Tôi nghĩ thầm: Giờ chiều này chính là đợi cho may hỏi câu ấy. Nếu chỉ cần một lần mà điều chỉnh xong ngay được cho chúng may, thì rõ là chẳng có kỹ thuật gì cả. Tôi nói: “Khó đấy.”

Thằng Cả phệ nói: “Xin tiên sinh cứ làm cho, tiền không thành vấn đề!”

Thất Bá đầu nói: “Đây không phải là chuyện tiền bạc, sự phụ tôi phải làm phép. Như vậy sẽ bị tiêu hao mất nhiều nguyên khí, nói thẳng ra là sẽ bị tổn thọ.”

Thằng Cả phệ nói: “Xin thầy hãy rủ lòng từ bi, gắng chọn cho ông

cụ nhà tôi một chỗ thật tốt mà không làm tổn hại đến sức khỏe của thầy, cũng là để bốn anh em tôi có tí lộc quan.”

Tôi nói: “Phong thủy là phải tính chuyện lâu dài, chưa chắc đã ứng nghiệm ngay được vào bốn anh em các ông, cũng có thể phải đến tận đời con hoặc đời cháu của các ông sau này mới được hưởng phú quý. Ông nôn nóng kiểu này, lão đây không dám làm.”

Tên Cả phệ nói: “Tiên sinh xin hãy bớt giận. Bốn anh em chúng tôi không có ý đó. Chỉ cần con cháu sau này được mở mày mở mặt, được giàu có là tốt rồi. Chúng tôi chẳng nghĩ chỉ một hai đời đâu.”

Kỳ thực đây chính là mảnh khóc bí mật của thuật phong thủy. Nói là ba đời, đợi khi con cháu hẳn trưởng thành đã mấy chục năm thậm chí là mấy trăm năm trôi qua, biết đi đâu tìm được ông thầy phong thủy này mà cãi lý đây.

Vì thế, chúng tôi chỉ việc Đẩy thuyền theo dòng, dựng một đàn tràng thật to trên triền núi đó, vạch ra phạm vi để mai táng cho bố họ. Chỉ vài ngày sau, Lý trọc chết, hôm đem lão đi chôn có rất nhiều người đưa tang. Một đám A Bảo mặc quần áo đạo sĩ đi vòng quanh huyệt, sau cùng là tiết mục hạ táng được diễn ra rất long trọng. Mọi người đứng xung quanh đều tấm tắc khen: “Đúng là nhà giàu có! Thế này phải tốn bao nhiêu tiền ấy chứ.”

Trong bố cục phong thủy, Tổ Gia từng truyền dạy rằng: “Đừng chọn trên lòng sông.” Nghĩa là, dù anh có chọn thế nào, thì tuyệt đối không được chọn đặt phần mộ tại chỗ lòng sông trong núi. Vì đây là chỗ nước chảy qua, hễ trời mưa sẽ hình thành dòng chảy, nếu chọn chỗ này, phần mộ rất dễ bị ngập nước. Đến lúc đấy có mà lĩnh đủ.

Tôi luôn ghi nhớ lời truyền dạy này, nên đã chọn được một chỗ hơi nhô cao hẳn lên, lại còn bảo bốn người con kia rằng: “Đây gọi là thế Rồng cuốn hổ chồm, đời sau ắt có người ra làm quan lớn.” Cả bốn tên đều sung sướng cười đến nỗi không khép miệng lại được. Khi đó, tôi thấy cái chết của người cha rõ ràng chẳng khiến chúng phải đau lòng, ngược lại còn làm cho chúng sướng rơn lên.

Có câu Người tính không bằng trời tính. Tôi đã tính toán đầu vào đấy, chẳng ngờ ông trời lại chơi khó, có lẽ đây là dấu chấm hết cho số phận Đường khẩu của chúng tôi.

Lý trọc được chôn chưa đầy hai tuần thì bắt đầu vào hè. Điều quái lạ là năm đó lại mưa rã rã. Suốt nửa tháng liền, trời cứ mưa dầm mưa dề, lúc mưa to, lúc mưa nhỏ. Kết quả là xảy ra chuyện sạt lở núi, cái gò đất cao chôn Lý trọc kia cũng bị nước mưa rửa trôi lộ cả nắp đậy quan tài. Sau đó lớp đất bùn, đá cũng bị cuốn theo khiến cho cả tấm bia mộ và chiếc quan tài cùng bị kéo tít đằng xa. Một phiến đá lớn lăn trúng lên chiếc quan tài, khiến cho chiếc quan tài vỡ tan thành bốn, năm mảnh. Khi bốn thằng con của lão lên núi kiểm tra thì thấy những mảnh tấm ván quan tài văng mỗi nơi một chiếc, thi thể của Lý trọc được tìm thấy ở cách đó mười mấy mét, mắc kẹt sâu mãi bên dưới lớp bùn, đá, chỉ còn mỗi một cái tay nát như đang giơ lên, như thể đang bảo rằng: “Hình như phong thủy của phần mộ này không tốt lắm.”

Chẳng bao lâu đã có người báo tin này cho Tổ Gia biết, người đó còn nói nhà kia đòi mang cả thi thể đến gây rối. Tôi và Thất Bá đầu nghe tin đều choáng váng, sợ hãi, vội quỳ xuống trước Tổ Gia: “Tổ Gia, cứu con!”

Không ngờ, Tổ Gia lại bình tĩnh khác thường, ông nói: “Đứng lên, vẫn chưa đến mức ấy.”

Người báo tin nói bốn anh em nhà kia có qua lại với bọn sát thủ Quốc dân Đảng. Lần này e rằng sẽ phải giao một A Bảo ra đền mạng, nếu không sẽ không xong.

Tôi nói: “Tổ Gia, nếu phải nộp một mạng, thì phải là con. Vụ này con là người cầm đầu, Thất Bá đầu chỉ đi cùng. Chính con đã chọn sai chỗ...”

Thất Bá đầu nói: “Không! Tổ Gia. Ngũ ca không có lỗi. Người tính không bằng trời tính, cả trăm năm nay, ở đây chưa bao giờ có mưa lớn đến vậy. Việc này không thể trách Ngũ ca, xin Tổ Gia minh xét!”

Tổ Gia không nói gì nữa, chỉ bảo: “Các con cứ về ăn uống trước đi, mấy ngày này đừng có đi lại khắp nơi, những việc khác không phải để ý đến.”

Chúng tôi sững người, muốn nói thêm nhưng Tổ Gia xua tay nói: “Về đi.”

Đêm đó, tôi và Thất Bá đầu làm hai bình rượu to, mua thêm năm cân thịt quay, tôi nghĩ bụng cứ ăn cho no, uống cho đủ trước đã, có chết cũng không phải làm ma đói.

Trước đây cũng từng xảy ra chuyện lớn thế này, để bảo vệ lợi ích của cả Đường khẩu, chỉ cần đưa một tên hoặc vài tên ra thế mạng là được.

Chúng tôi không biết Tổ Gia sẽ làm thế nào. Lúc đó, tôi cảm thấy tính mạng của chúng tôi đều nằm trong tay Tổ Gia.

Suốt ba ngày liền, chúng tôi sống trong nơm nớp lo sợ. Sau đó Tổ Gia cho gọi chúng tôi đến tham gia Đường hội. Thất Bá đầu mặc chiếc áo dài mà anh ta thích nhất, tóc chải mượt hất ngược về phía sau. Tôi cũng cạo sạch râu, trước khi ra khỏi cửa tôi quay về hướng quê nhà, đập đầu mấy cái mà lạy người mẹ già đã mất của tôi, thầm nghĩ: “Kiếp này không thể tận hiếu mẹ được. Kiếp sau con sẽ hiếu kính với mẹ.”

Trong Đường hội, Tổ Gia nói: “Sự cố lần này, Ngũ Bá đầu và Thất Bá đầu đều không phải chịu trách nhiệm. Đây là ý trời.” Khi Tổ Gia nói, khuôn mặt không lộ chút cảm xúc nào.

Về sau, Nhị Bá đầu bảo chúng tôi, Tổ Gia vì muốn cứu chúng tôi nên đã phải vắt óc suy nghĩ, bỏ ra bao nhiêu tiền để mua chuộc mấy tên cướp, đút lót cho mấy tên đặc vụ, rồi bồi thường cho người ta rất nhiều tiền.

Nghe những chuyện này, tôi và Thất Bá đầu đều khóc. Thất Bá đầu nói: “Lần sau đệ sẽ liều chết làm một vụ thật lớn, để báo đáp Tổ Gia.”

Tôi nói: “Mạng này của huynh là do Tổ Gia nhặt về, báo đáp cả kiếp này cũng không hết.”

Cái “lần sau” mà Thất Bá đầu nói đến đã không thành hiện thực.

NGƯỜI VỢ BÍ ẨN CỦA TỔ GIA

Năm 1952, phong trào đập tan các hội đạo môn được triển khai một cách rầm rộ trên cả nước, dường như từ lâu Tổ Gia đã có linh tính về điều gì đó. Một hôm sau khi kết thúc Đường hội, ông bảo một

mình tôi ở lại. Ông chấp tay sau lưng đi đi lại lại, như thể muốn nói điều gì đó, mấy lần định nói nhưng lại thôi.

Đi theo Tổ Gia lâu như vậy rồi. Đây là lần đầu tiên tôi thấy ông rơi vào tình trạng như thế. Mãi lâu sau, ông mới nói với tôi: “Đại Đầu, nếu có cơ hội, con có thể rửa tay gác kiếm.”

Lúc đó tôi hoảng hốt quỳ xuống: “Tổ Gia, con chưa bao giờ ăn ở hai lòng! Đời này con không bao giờ phản lại sự phụ. Tổ Gia!” Khoảng thời gian đó, tình hình rất căng, tôi cứ tưởng Tổ Gia nghĩ tôi muốn rút lui.

Tổ Gia nói với vẻ mặt buồn thảm: “Ta nói thật đấy. Con vào nghề muện, tay con chưa từng giết một mạng người nào, sau khi vào rồi vẫn có thể quay trở ra. Đừng làm nghề lừa đảo này nữa, sống cho thật tốt! Hãy sống cuộc sống của một người bình thường!”

Tôi cuống cuống nói: “Tổ Gia, tình hình căng thế này hay cứ tạm lánh đi đã. Sau khi sóng gió qua rồi chúng ta lại làm lại.”

Tổ Gia lắc lắc đầu: “Con không hiểu, không hiểu được đâu.”

Tổ Gia trầm ngâm ngẫm nghĩ rất lâu mới nói: “Đại Đầu, có một việc...” Nói đến đây, Tổ Gia dừng lại, giọng hơi run.

Tôi im lặng nghe mà khiếp hồn khiếp vía.

Vào năm 1945, khi cuộc kháng chiến kết thúc, Tổ Gia đi một chuyến đến Sơn Đông. Vốn chuyến đi lần này của ông là vì một món đồ cổ. Tổ Gia rất thích sưu tập đồ cổ, có một nguồn tin nói rằng nơi đó có một miếng ngọc bích khắc hình con rồng từ thời Càn Long. Năm đó mưa lớn, Tổ Gia bị chứng phong thấp rất nặng. Đến Sơn Đông ngày thứ hai thì chân đau đến nỗi không thể nhấc lên nổi. Sau phải nhờ tay buôn đồ cổ ở địa phương giới thiệu, mời một thầy thuốc nữ đến châm cứu. Y thuật của cô nương đó là do ông cha truyền lại. Cha cô bị đánh đến chết vì không chịu khám bệnh cho một tên Hán gian.

Tổ Gia nói: “Có mấy vị thầy lang châm cứu cho ta, nhưng cởi hết cả áo mà vẫn không tìm đúng huyệt vị. Nhưng khi đó ta vẫn mặc áo lót, cô nương đó để ta nằm nghiêng trên giường, mũi nào cũng châm

đúng huyệt.”

Tổ Gia nói ông ấy đã sinh lòng thương yêu, rồi để lại mầm sống. Về sau, khi đứa bé chào đời, người phụ nữ đó một mình ở lại Sơn Đông với con. Tổ Gia có mặt ở Sơn Đông với thân phận là một nhà buôn đồ cổ. Gã buôn đồ cổ của vùng này cũng nghĩ ông cùng hội cùng phường, cho nên Tổ Gia nói với người phụ nữ kia rằng ông chính là một nhà buôn đồ cổ chính hiệu. Từ đó trở đi, cứ cách nửa năm là Tổ Gia lại đi Sơn Đông một chuyến, đồng thời ông luôn cảm thấy dằn vặt vì phải che giấu thân phận của mình.

Giờ tôi mới hiểu tại sao có những lúc Tổ Gia đi ra ngoài mà không dẫn theo tay chân cùng đi, cũng không ai biết ông đi đâu. Những gì nên để chúng tôi biết, Tổ Gia sẽ bảo chúng tôi, cái không nên cho chúng tôi biết thì cũng không ai dám hỏi.

Người làm A Bảo không thể tùy tiện cho phép mình được kết hôn, nếu muốn kết hôn, thì người phụ nữ kia cũng nhất định phải trở thành A Bảo, nếu không sẽ rất nguy hiểm. Vì lòng người là thứ khó có thể khống chế được nhất. Nếu vợ mình biết mình là kẻ lừa đảo, thì không ai dám chắc rằng bà ấy sẽ làm ra những việc gì.

Bởi vậy, nếu có người trong Đường khẩu lấy nhau, thì đều phải do đích thân Tổ Gia phán quyết. Sau khi những người phụ nữ đó trở thành A Bảo, thông thường đều phải vào vai bà đồng, bà cốt, đạo cô... và đảm nhận nhiệm vụ Trát phi. Mà trong mắt mọi người, Tổ Gia chưa từng có một người phụ nữ nào.

Tin này thật sự là tiếng sấm giữa trời quang. Nếu các Bá đầu mà biết Tổ Gia còn “để lại bản sao” thế này thì chắc chắn tất cả sẽ làm phản. Nếu lúc này có người đề nghị giết Tổ Gia, tôi nghĩ sẽ chẳng có ai phản đối.

Tổ Gia nói: “Không phải ta thấy có lỗi với các huynh đệ, ta chỉ muốn có đứa con nối dõi mà thôi. Năm Dân Quốc thứ sáu, người nhà ta đều bị hại chết cả. Mấy năm nay, toàn những cảnh đánh đấm chém giết lẫn nhau, ta cũng chỉ muốn sống một cuộc sống yên bình, nhưng đã không có cơ hội. Các con vẫn còn cơ hội, các con cần phải nắm chặt lấy cuộc sống từ nay về sau.”

Tổ Gia nói với tôi, sau khi ông ấy chết, nếu tôi vẫn còn sống, tình

hình lẳng xuống, tôi sẽ có cơ hội đi thăm hai mẹ con bà ấy. Nói đến đây, Tổ Gia cười: “Nó là một đứa con trai, có thể giữ gìn hương hỏa rồi.”

Tổ Gia còn cho tôi biết một bí mật: Ông đã chôn một cái hòm ở giữa hai cây hòe cổ thụ chỗ đèo Nhạc Gia Lĩnh, bên trong toàn là đồ thật. Tổ Gia nói cái gì nên nói thì ông ấy sẽ nói ra, nhưng ông cần phải giữ lại một ít tiền cho hai mẹ con họ. Sau này, khi Tổ Gia bị tịch thu hết tài sản, mặc dù bị quơ hết rất nhiều thứ, nhưng không ai biết vẫn còn một cái rương đựng đầy của nả. Tổ Gia luôn chừa lại đường lui cho mình.

Điều này thể hiện đầu óc rất lợi hại của Tổ Gia. Trong mấy năm bọn Quốc dân Đảng nắm quyền, chế độ tiền tệ hỗn loạn, đổi từ tiền Viên đầu to¹ đến đồng Tôn đầu nhỏ², từ đồng Pháp tệ đến Kim viên bản³, lại thêm cả các loại tiền bằng đồng, tiền đúc, chứng từ mua hàng được lưu thông riêng trong tầng lớp nhân dân. Có đến không dưới mười mấy loại tiền, nhưng Tổ Gia chỉ cất giữ loại “tiền cứng”. Ông chưa bao giờ tin tưởng vào những tờ tiền giấy, chẳng khác gì tờ giấy trắng. Cho dù là tờ Pháp tệ vừa mới được ban hành, khi sức mua bán khá cao thì ông vẫn giữ chặt vàng, bạc trắng. Ông thà cứ một thời gian lại đi đổi một ít pháp tệ, cũng không thể mất trắng được. Sau này xảy ra lạm phát, mới thấy quyết sách của Tổ Gia thật sáng suốt.

Nếu không, bây giờ đã để lại cho người nhà một rương giấy lộn.

Nhiều năm nay, Tổ Gia tích trữ bao nhiêu vàng, đồng bạc, nén bạc nguyên chất, còn có cả các loại đồ cổ như ngọc bích, đồng hồ bỏ túi mà khi Tổ Gia xem phong thủy cho những nhà giàu được người ta tặng cho. Tổ Gia bảo tôi có cơ hội thì lần lượt mang những thứ đồ này đưa cho vợ và con trai ông. Tổ Gia còn dặn dò rằng không được đưa tất cả cho họ một lần, như vậy sẽ rước họa đến cho họ, không khéo còn mất mạng. Nếu khi nào tôi túng thiếu, cũng có thể lấy một chút mà dùng.

Tôi sợ đến nỗi vội vàng quỳ sụp xuống, khóc rằng: “Tổ Gia! Con không dám.”

Rồi rụt rè hỏi: “Tại sao người lại tin tưởng con?”

Tổ Gia cười, rồi hỏi lại tôi một câu: “Đại Đầu, tại sao ta lại cho con gia nhập Đường khẩu?”

Tôi ngỡ ngác một hồi mới sực bừng tỉnh. Đâu phải ông muốn chiêu mộ một A Bảo, mà là một người ông có thể phó thác chuyện về sau này. Tất cả những điều này đều là vụ dàn cục cuối cùng của Tổ Gia, ông luôn đứng trên đỉnh cái bẫy mà quăng lưới. Tất cả các Bá đầu đều lọt vào tấm lưới này, để đến cuối cùng tôi trở thành người thu mẻ lưới đó về.

Tổ Gia đã quan sát tôi rất lâu trong quán trà. Khi ông uống trà xong rồi ra về, nhiều lần ông cố ý đánh rơi tiền dưới đất, tôi nhặt lên, đuổi theo trả lại cho ông. Lần đó là ông muốn thử thách lòng tham của tôi. Sau khi vào Đường khẩu, khi Nhị Bá đầu dẫn tôi đến kỹ viện, ông cố ý cho người bám theo. Lần ấy là ông thử thách tính háo sắc trong người tôi. Cuối cùng ông muốn gửi gắm vợ con cho tôi cũng không phải ông không có sự đề phòng. Ông cố ý bàn với tôi một vài việc của Đường khẩu, đó là để xem xem tôi có biết suy tính không. Ông cho tôi cùng đi Tứ Xuyên đấu với Tần Bách Xuyên và bọn cướp kia là muốn thử thách lòng dũng cảm và trung thành của tôi.

Điều đáng mừng là tôi đã vượt qua tất cả những thử thách đó. Tôi không nén nổi sự xúc động, bùi ngùi. Tổ Gia trông coi Đường khẩu bao nhiêu năm nay, trong tay có biết bao nhiêu anh em huynh đệ, cuối cùng lại chẳng có được một người nào có thể tin cậy được. Rốt cuộc là do người ta không thể tin tưởng vào ông, hay ông không thể tin tưởng vào họ?

Tôi nói: “Tổ Gia, hay chúng ta cùng đi Hồng Kông, ở đó sư phụ có rất nhiều bạn bè mà?”

Tổ Gia cười cay đắng: “Ta không thể bỏ chạy.”

Tôi không hiểu: “Tại sao vậy?”

Tổ Gia thở dài, rất lâu sau, ông nói: “Sau này con sẽ hiểu.”

Sau đó, ông tới hậu viện nơi đặt bài vị thờ cúng liệt tổ liệt tông phái Giang Tương lễ bái. Lần này ông không cho phép tôi vào cùng. Ông bảo tôi đứng đợi ngoài cửa, nên tôi chỉ còn biết từ từ khép cửa lại.

Tôi không biết Tổ Gia đã nói gì với liệt tổ liệt tông, cứ đứng ngoài đợi rất lâu, mãi sau ông mới đi ra. Tôi chỉ thoáng nhìn thấy vành mắt Tổ Gia bị đỏ.

Vài tháng sau đó, hơn 300 hội đạo môn trong cả nước bị tiêu diệt, mấy chục vạn tên đầu sỏ và thành phần cốt cán của các hội đạo môn đều bị trừng trị. Tổ Gia, vì tay nhúng chàm đã quá lâu rồi, nơi nào xảy ra chuyện lừa đảo có liên quan đến A Bảo đều bị “làm cỏ sạch sẽ”, nên cuối cùng ông cũng bị tố giác. Vì ông đã làm bao nhiêu chuyện ác tà trời như giết người, đốt nhà, đưa hối lộ, lừa đảo, dùng tà thuyết mê hoặc dân chúng, nên bị xử tử hình.

Trước khi bị đưa ra pháp trường, ông không hề sợ hãi như những người khác. Ông ung dung bước đi, tôi nhận thấy không phải ông đang đi đến chỗ chết mà giống như sắp được giải thoát. Cuối cùng ông không còn phải đi lừa người nữa, không còn phải vắt óc cân nhắc giữa sự sống và cái chết nữa.

Đại Bá đầu và một vài vị Bá đầu đến từ Tây phái, vì họ đã từng mang án giết người, nên cũng bị phán tội chết. Hơn 200 người lớn nhỏ còn lại của Đường khẩu cũng đều bị trừng trị thích đáng tùy theo tội nặng hay nhẹ. Tôi bị xử năm năm.

Từ đầu đến cuối, tôi không sao hiểu nổi tại sao Tổ Gia không chạy đi. Hơn nữa còn không cho phép bất kỳ một Bá đầu và bọn chân tay nào chạy trốn. Điều này chẳng phải là một tay ông ấy muốn chặn đường sống của phái Giang Tương hay sao? Tổ Gia nói sau này tôi sẽ hiểu, đến khi nào tôi mới có thể hiểu được đây?

Thời hạn tội phải chịu án dài đằng đẳng, chịu đựng cảnh đen tối như ban đêm. Ở trong ngục, tôi thường hay nghĩ về những năm tháng đã qua, nhớ đến người mẹ già đã qua đời của tôi, nghĩ đến Tổ Gia, nghĩ đến cảnh sống qua ngày trong cơn mộng mị.

Chắc chắn Tổ Gia sẽ không thể nghĩ rằng sau khi ông chết, xã hội lại biến đổi lớn đến như vậy. Ông không thể ngờ được không khí sục sôi của bước đại nhảy vọt, càng không thể ngờ đến ngọn lửa điên cuồng của cuộc “Đại Cách mạng văn hóa” và sức mạnh của phong trào “Xóa bỏ bốn cái cũ”. Dẫu sao ông cũng chỉ là một người hay dùng mưu chứ không phải là một nhà chính trị. Ai mà có thể dự đoán trước được một cơn bão sẽ ào lên mạnh mẽ của 20 năm sau. Những thứ ở

trong cái rương đó, mãi tận những năm 80 của thế kỷ 20 tôi mới dám cho chúng nhìn thấy ánh mặt trời.

Sau khi ra tù, việc đầu tiên mà tôi nghĩ đến là muốn đi thăm người vợ góa và đứa con thơ của Tổ Gia. Nhưng trong tay tôi không có tiền, ngay cả tiền chi tiêu đi đường cũng không có. Tôi liền tìm một công việc vặt trong hợp tác xã mua bán – là hợp tác xã công tư hợp danh ở thị trấn để kiếm tiền rồi tích góp làm tiền lộ phí.

Khi đó, toàn quốc tiến hành việc luyện gang luyện thép trên quy mô lớn, chỉ một thị trấn nhỏ mà xây dựng hơn một nghìn lò luyện gang. Các xã viên hăng hái đi khai thác quặng sắt ở khắp núi khắp đồng, thậm chí họ chỉ muốn có thể quặng hết nòi, niêu, xoong, chảo, thìa, muôi của nhà mình vào lò luyện. Tôi đã rất lo sợ, sợ bọn họ vô tình đào được cả cái hòm châu báu kia lên.

Mấy buổi trưa, trời nắng như thiêu như đốt, mọi người đều trốn trong nhà tránh nắng. Tôi một mình lẻn ra chỗ ngọn Nhạc Gia Lĩnh, nhìn ra tí đằng xa, thấy hai cây hòe cổ thụ đã biến mất. Tôi giật mình vội vàng đi thêm vài bước nữa, đến chỗ queo của con đèo đó, đi đi lại lại quanh chỗ đó, để xác định vị trí của hai cái cây đó theo cảm giác của mình. Sau khi đã xác định được phạm vi của chúng, tôi liền đi khỏi đó. Tôi biết, trong hoàn cảnh xã hội khi đó, anh mà có nhiều của báu bao nhiêu cũng không thể tiêu được, không ai dám tiêu chúng, cũng không ai dám lấy chúng. Tất cả đều phải xếp gọn vào những kế hoạch kinh tế, hưởng hồ đây lại là những thứ bất chính.

Mùa xuân năm sau đó, cuối cùng tôi cũng tích góp đủ tiền lộ phí, cứ lần theo địa chỉ mà Tổ Gia khi còn sống đã dặn, đến Sơn Đông một chuyến.

Phải vất vả lắm tôi mới tìm ra họ. Khi gặp tôi, người phụ nữ đó sững sờ nhìn. Tôi thấy bà ấy chỉ khoảng ngoài 30 tuổi. Điều đó cho thấy khi gặp Tổ Gia, bà mới chỉ chừng mười tám, mười chín tuổi là cùng. Tổ Gia chết khi ông 50 tuổi. Điều đó có nghĩa là họ cách nhau khoảng hơn 20 tuổi.

Người phụ nữ đó nhìn tôi từ đầu đến chân: “Anh là...?”

Trong lòng tôi dậy lên bao nhiêu cảm xúc lẫn lộn đan xen. Bao nhiêu hình ảnh khi Tổ Gia còn sống cứ ào về trong tâm trí tôi. “Tôi...

tôi là đồ đệ của Tổ Gia, tôi thay ông ấy đến thăm bà.”

“Tổ Gia?” Người phụ nữ đó không hiểu liền hỏi.

Tôi nhận thấy ngay rằng mình suýt nữa đã lỡ lời, liền nói: “Tức là chồng của bà, ông ấy là thầy của tôi, chúng tôi đều làm về đồ cổ.” Tôi đã đồng ý với Tổ Gia, giữ mãi bí mật của ông ấy.

Người phụ nữ đó ngây người, nhìn tôi trân trân, mãi lâu sau, nước mắt trào ra: “Ông... ông ấy còn không?”

Tôi không kìm nén nổi cũng bật khóc: “Năm 1952, Tổ Gia bị phong hàn, về sau bị nhiễm vào phổi, cuối cùng... không cứu được...”

Nước mắt lăn tràn trên má người phụ nữ ấy.

Tôi lau nước mắt, nói: “Trước khi Tổ Gia mất, ông luôn nhắc đến bà. Mấy năm nay, những người buôn đồ cổ như chúng tôi đều bị chính phủ cho đi cải tạo, nên không có lúc nào rảnh tới thăm bà được. Thật là thất lễ, thất lễ quá!”

Chúng tôi đang trò chuyện, một tiếng gọi từ bên ngoài cửa vọng vào: “Mẹ!”

Lần đầu tiên tôi nhìn thấy cốt nhục của Tổ Gia. Những đường nét trên khuôn mặt đến ánh mắt đều giống Tổ Gia như tạc.

Người phụ nữ ấy vội lau khô nước mắt, nói: “Con trai, lại đây với mẹ. Con chào chú đi.”

Tôi vội nói: “Không được, không được, tôi là đồ đệ của Tổ Gia, tôi và cậu đây cùng vai vế.” Tôi lôi từ trong túi ra mấy chiếc kẹo đưa cho cậu bé đó. Cậu bé mừng rỡ bỏ vào miệng, ăn rất ngon lành.

Tôi không khỏi thở dài, thế sự biến đổi, thịnh suy khó lường. Ai có thể nghĩ rằng cha của đứa bé nghèo này lại là một ông trùm có thể hô mưa gọi gió. Ai lại có thể nghĩ rằng Tổ Gia ngày nào cũng có thể tiêu tiền như nước, nhưng con ông lại nghèo khó đến vậy.

Tôi để lại cho họ ít tiền rồi trở về, không dám nhắc đến chuyện về chiếc hòm đựng toàn của báu kia, sợ nó là mầm tai họa.

Tôi đã định cứ cách nửa năm sẽ lại đi thăm hai mẹ con họ một chuyến. Chẳng ngờ lại là ba năm. Bắt đầu từ năm 1959, cả nước xảy ra nạn đói khủng khiếp, thiên tai kéo dài ba năm, khiến cho bao nhiêu người bị chết đói. Khi đó, người dân đói khổ đến nỗi ngoài đường đầy xác người chết. Người ta đi khiêng những xác chết này về, khi đi qua một con mương chỉ rộng chừng nửa thước mà mấy người đàn ông không ai còn đủ sức vượt qua, chúng tôi cũng đói đến chẳng còn chút sức lực nào. Một khi đã ngã xuống thì không còn có sức mà bò dậy nổi nữa. Một lần, tôi đi nhà xí, xách quần lên, vừa đứng dậy thì hai mắt tối sầm lại, đầu lao xuống đất. Kết quả là trán bị đập vào mép của một chiếc nồi sắt đã bị gỉ bẹp ở trong góc tường chảy máu. Không phải tôi không lo lắng, không nghĩ đến hai mẹ con họ, mà quả thật đến bản thân mình tôi còn chẳng lo nổi nữa là.

Cuối năm 1961, Nhị Bá đầu và Thất Bá đầu được ra tù. Năm sau đó, tình hình kinh tế bắt đầu chuyển biến tốt đẹp.

Nhị Bá đầu hỏi tôi: “Mấy năm nay ở ngoài có thấy động tĩnh gì không?”

Tôi sững người: “Động tĩnh ư? Sống được là khá lắm rồi.”

Nhị Bá đầu gượng cười: “Ở trong tù, tôi thường hay nhớ lại những ngày tháng trước đây, nhớ về Tổ Gia, nhớ về các huynh đệ. Lão Ngũ, sau này định thế nào?”

Tôi thở dài: “Định thế nào nữa? Cứ sống tốt, báo đáp công ơn của lãnh tụ vĩ đại Mao Trạch Đông.”

Nhị Bá đầu cười: “Thật không?”

Tôi nói: “Đường không như mật, chăn ấm chẳng bằng được lớp da, ân tình cha mẹ sâu nặng cũng không thể sánh với Mao chủ tịch. Khi còn ở trong đó huynh chưa từng học qua sao?”

Nhị Bá đầu vội nói: “Học rồi, học rồi!” Mãi lâu sau, Nhị Bá đầu mới lại đột ngột hỏi: “Lão Ngũ, trước khi chết Tổ Gia không dặn gì à? Tôi còn nhớ có mấy lần họp Đường hội xong ông ấy thường hay bảo cậu ở lại mà.”

Tôi nói: “Ông ấy không dặn gì. Ông ấy chỉ lo cho tiền đồ của các

huynh đệ.”

Nhị Bá đầu nói: “Cứ theo tác phong làm việc của Tổ Gia, làm việc gì cũng sẽ có dự phòng, chừa lại đường lui. Mà ông ấy không dặn lại gì ư?”

“Không!” Tôi lặng lẽ lắc đầu.

Cuối cùng, Nhị Bá đầu không thể nhẫn nhịn được, nói: “Lão Ngũ, đã nghĩ đến chuyện chấn hưng lại chưa?”

Tôi không kìm nén nổi một tiếng thở dài: “Đã là thời đại nào rồi mà vẫn còn nghĩ đến chuyện làm lại? Xem ra huynh ở trong đó vẫn chưa nếm đủ sao?”

Nhị Bá đầu nói: “Mấy A Bảo như chúng ta không biết làm cái gì. Nếu không làm việc đó thì biết sống kiểu gì.”

Tôi cười: “Người dân trong cả nước đều đang hăng hái xây dựng Xã hội Chủ nghĩa, người nghèo cũng như người giàu đều làm như vậy. Tại sao chúng ta lại không thể sống được chứ?”

Nhị Bá đầu nói: “Cũng phải có cách kiếm ra tiền chứ?”

Tôi liếc nhìn ông ta một cái: “Xưởng dệt, xưởng cơ khí, xưởng máy kéo, nếu không làm được thì có thể vào hợp tác xã, làm ruộng, xay thóc, nhặt phân có gì khó đâu.”

Nhị Bá đầu lại cười: “Bánh xe phong thủy lần lượt quay vòng, không ngờ Triệu Nhị gia ta lại đến nỗi phải đi nhặt phân.” Lặng im một lúc, đột nhiên ông ta nói: “Mấy năm nay đệ cũng không đi tìm một người phụ nữ à?”

Tôi cười cười, thở dài nói: “Một thằng khố rách áo ôm lại từng ngồi tù thì ai dám theo?”

Nhị Bá đầu cũng cười: “Nhớ năm xưa, thằng này vừa bước vào Xuân Hiếu lâu, mù tú bà dẫn một đám gái đẹp bầu quanh. Thời thế thay đổi, cảnh vật cũng đổi thay hết cả rồi.”

“Thật là Tổ Gia không dặn gì à? Không chỉ đường cho các huynh

đệ ư?” Nhị Bá đầu lại chột hỏi lại lần nữa.

“Không!” Tôi nói: “Tổ Gia cũng không có cách nào. Ông ấy chỉ nói: ‘có cơ hội, mọi người hãy rửa tay gác kiếm, tìm việc khác mà làm’.”

“Làm việc khác?” Nhị Bá đầu hừm lên một tiếng: “Chính Tổ Gia đã dẫn ta đi theo con đường này. Ông ta chết rồi, lại bảo chúng ta làm việc khác. Vậy là có ý gì?”

“Tổ Gia chỉ muốn tốt cho mọi người.”

Nhị Bá đầu lắc đầu: “Làm sao mà làm việc khác được, lừa đảo quen rồi. Đến chết cũng vẫn đi lừa, không thể thay đổi được.”

“Thời thế thay đổi rồi!” Tôi nói: “Trước tiên cứ làm việc gì đó đàng hoàng đã, huynh đi vào nhà máy làm thêm cùng với đệ nhé.”

Nhị Bá đầu lẳng lặng gật đầu.

Lần thứ hai khi tôi đến thăm người vợ góa của Tổ Gia là vào năm 1963. Năm tháng chẳng chừa một ai, người phụ nữ ấy trông già nua hẳn đi, đứa bé cũng cao lớn hơn rất nhiều. Lại cách hai năm sau, khi gặp lại họ vào năm 1965, tóc mai bà ấy đã điểm bạc, người con trai cũng đã trưởng thành và đi lính. Trở về nhà, tôi cảm thấy vui mừng, thanh thản vô cùng. Đêm đó, tôi quay mặt hướng về nơi Tổ Gia bị xử tội và đốt cho ông mấy tờ vàng mã. Tổ Gia ở trên trời linh thiêng có thể an lòng rồi. Tôi bắt đầu nghĩ cách làm thế nào để mang những thứ trong chiếc hòm kia cho bà ấy.

Đột nhiên, tôi nghe thấy có người gõ cửa, mở cửa ra thì thấy Nhị Bá đầu. Vừa bước vào cửa ông ta cứ nhìn tôi, nhếch miệng cười rất khó hiểu.

“Có chuyện gì vậy?” Tôi hỏi.

Ông ta vẫn nhìn chòng chọc vào mặt tôi, rất lạ. Sau khi vào nhà ngồi, ông ta nói: “Lão Ngũ, bao nhiêu năm nay Nhị Bá đầu ta đối xử với đệ thế nào?”

“Rất tốt, không có gì phải nói.”

Ông ta gãi gãi đầu, nói: “Vậy sao lại giấu ta?”

Tôi chột dạ: “Giấu cái gì?”

“Ha ha...” Ông ta cười: “Tào Gia Trang, huyện Tào, Sơn Đông.”

Tội giật mình: “Huynh theo dõi đệ?”

Ông ta nói: “Không phải hết hoảng thế, làm A Bảo là phải bình tĩnh. Hãy nói xem phải làm thế nào đây?”

“Huynh muốn thế nào?” Tôi trừng mắt nhìn chăm chăm ông ta.

Ông ta lắc lắc đầu: “Tổ Gia thật đúng là khốn kiếp, ngấm ngầm giấu các huynh đệ dan díu với gái làng chơi, lại còn sinh ra thứ nghiệt chủng.”

Tôi nói: “Nhị Bá đầu! Hãy nói những lời lọt tai một chút! Tổ Gia đối xử với huynh không bạc.”

Ông ta lại vò gãi đầu: “Lão Ngũ, nói xem, Tổ Gia có con nối dõi, thì chắc chắn sẽ để lại thứ gì cho nó. Chẳng trách bấy lâu nay đệ im bật, thì ra đã biết rõ.”

Tôi lạnh lùng nói: “Trước khi Tổ Gia chết, đã bị tịch thu gia sản, không phải là huynh không thấy sao? Ông ấy không để lại thứ gì cả.”

Ông ta cúi đầu, rồi lại ngẩng đầu lên, hậm hực nói: “Vậy tao đành phải tố giác hai mẹ con chúng nó. Để tất cả mọi người đều biết bọn chúng là dòng giống của tên trùm xã hội đen, dòng giống của kẻ giết người, của tên lừa đảo. Tao xem bọn chúng sẽ sống thế nào.”

“Nhị Bá đầu ông... một tay Tổ Gia đã dìu dắt huynh. Sao huynh có thể?”

“Hừm, hừm. Là lão ta bất nhân, đừng trách tôi bất nghĩa!”

Đầu óc tôi quay cuồng, trấn tĩnh lại một lát, tôi nói: “Thôi được, đệ nói cho huynh biết vậy. Tổ Gia để lại một cái rương đựng đồ. Huynh cũng biết, năm này không thể lôi chúng lên được.”

“Khà khà”, Nhị Bá đầu cười, “Vậy mới phải chứ! Lão Ngũ, nói cho ta biết nó ở đâu, chúng ta chia nhau, coi như phí bịt miệng ta.”

Tôi nói: “Bây giờ không phải lúc đâu, một khi bị người ta phát hiện, chúng ta sẽ đi tù.”

Ông ta nói: “Không sao, đệ đưa ta một nửa trước. Ta không giờ nó ra đâu, nhưng cầm trong tay cho chắc ăn đã.”

Tôi nhìn ông ta, tôi quá hiểu Nhị Bá đầu, ông ta là loại tráo trở. Cho dù có đưa hết thì chưa chắc ông ta đã tin. Hơn nữa ông ta đã biết được bí mật của Tổ Gia thì sớm muộn gì cũng lấy chuyện này mà uy hiếp. Một khi ông ta nói ra chuyện này, thì người vợ góa và con trai của Tổ Gia không thể sống tiếp được. Hai mẹ con họ luôn giữ gìn giấc mộng, nếu giấc mộng này tan vỡ, thì hỏng mất. Lần đầu tiên tôi có ý định giết người.

“Thôi được, để đệ dẫn huynh đi. Sau khi đưa cho huynh, huynh phải tuyệt đối giữ bí mật. Dù gì chúng ta cũng đều do Tổ Gia dìu dắt!”

“Yên tâm đi!”

Vào một buổi tối trời nổi gió to, tôi hẹn Nhị Bá đầu ra sau dãy Nhạc Gia Lĩnh. Nửa đêm, tôi cưỡi “con lừa sắt” ra sau núi. Con lừa sắt chính là chiếc xe đạp do người ta tự chế ra vào thời đó, không có chuông, không có hộp xích, cũng không có tay phanh, khi muốn phanh xe lại thì phải dùng chân chặn bánh trước. Sau khi dừng lại, cũng không có chân trống, phải dùng một thanh gỗ như cái cán bột để chống.

Khi tôi đến nơi, Nhị Bá đầu đã đến trước rồi, ông ta giờ giờ cái xèng lên nói: “Làm cái gì mà muộn thế!”

Tôi nói: “Ra sớm sợ bị người ta phát hiện ra.”

Tôi đo đạc một lúc, xác định khoảng khoảng vị trí, rồi nói: “Tổ Gia nói chính là chỗ này. Chúng ta cùng đào đi.”

Hai người chúng tôi đào thật nhanh, trời lạnh căm mà mồ hôi vẫn túa ra, đã bao nhiêu năm, lớp đất đã cứng lại, phải đào xuống 20cm, mới bắt đầu gặp lớp đất mềm, chúng tôi lại đào thêm mấy chục phân

nữa, cuối cùng cũng đào trúng phải một cái rương. Sau khi đào lên thì thấy đó là một cái rương to chừng 1m. Nhị Bá đầu đã có sự chuẩn bị từ trước. Hắn lôi ra một cái cọc sắt đã thử sẵn trong chiếc áo khoác, rồi cắm vào móc khóa, lấy sức mà bẻ mạnh một cái, chiếc hòm bật tung ra.

Nhờ có ánh trăng, chúng tôi nhìn thấy lớp bên trên toàn là đồ bằng ngọc, có miếng ngọc bích trạm trở hình rồng, vòng ngọc, còn có cốc rượu bằng ngọc và trâm ngọc, bên dưới là lớp lót bằng nỉ. Lật lớp lót nỉ này lên có thể thấy những thỏi vàng được xếp rất ngay ngắn.

Nhị Bá đầu thèm nhỏ rãi, mắt sáng quắc lên: “Có chỗ này, chúng ta chẳng phải lo cho nửa cuộc đời còn lại nữa rồi. Lão Ngũ à, Lão Ngũ! Đệ chẳng có lòng thành gì cả.” Ông ta không hề biết tôi đã lặng lẽ cầm lấy thanh gỗ dùng để chống chiếc xe đạp đi vòng ra sau lưng ông ta, đập mạnh đánh “thịch” một cái. Nhị Bá đầu hự một tiếng rồi ngã xuống, tôi lại nện liên tiếp mấy cái nữa mới thôi. Tôi ném thanh gỗ đi, người tôi tê dại ngồi phịch xuống đất. Tiếng gió ù ù thổi từng hồi vào cây cỏ thụ.

Sau khi định thần lại, tôi ném Nhị Bá đầu vào trong cái hố vừa được đào lên, rồi lấy đất lấp lại, tôi bê mấy tảng đất đắp lên, vùi thêm nắm cỏ lên trên, làm như chưa từng có chuyện đào bới ở đây.

Năm sau đó, cuộc “Đại Cách mạng văn hóa” bắt đầu được triển khai rầm rộ, ồ ạt. Năm đó, tôi 38 tuổi. Vào tháng 6, khẩu hiệu “Bài trừ tất cả những tư tưởng cũ, nếp văn hóa cũ, phong tục cũ, thói quen cũ mà giai cấp bóc lột đã đầu độc nhân dân trong mấy nghìn năm nay” được ban ra, kêu gọi mọi người “Quét sạch tất cả bọn yêu ma quỷ quái.”

Tôi đào một cái hố thật sâu ở sau sân nhà, rồi chôn cái hòm đó xuống, bên trên đắp lớp phân gà rất dày. Tôi nghĩ là làm như vậy sẽ được an toàn.

Thời kỳ “Cách mạng”, tôi không dám đi đâu, càng không dám đến thăm hai mẹ con họ, sợ chẳng may gây ra chuyện gì sẽ làm liên lụy đến họ.

Lịch sử cuối cùng cũng bước đến năm 1976, cuộc “Cách mạng” kết thúc, rồi lại mấy năm nữa trôi đi, tôi đã có chút ít tiền để dành.

Năm 1979, tôi lại bước lên tàu hỏa đi Sơn Đông, tôi muốn xem xem hai người thân của Tổ Gia sống thế nào.

Phu nhân của Tổ Gia trông phúc hậu hơn rất nhiều so với lần gặp mặt trước. Hơn nữa, bà còn trở thành chủ nhiệm trạm y tế Đông y của địa phương. Thấy tôi đến, bà mừng đến rơi nước mắt, bà hỏi tôi mấy năm nay sống có tốt không? Có bị phê bình trong cuộc “Cách mạng” không? Tôi nói tất cả đều rất tốt, tôi bảo với bà tôi cũng đã lập gia đình và có con rồi, sinh đôi một trai một gái, năm nay lên 10. Tôi hỏi con trai bà đã phục viên chưa? Bà vui mừng báo cho tôi biết rằng con trai của bà đã trở thành đại đội trưởng rồi, cậu ấy đã lập được công lớn ở chiến trường.

Tôi không nén nổi tiếng thở dài, tạo hóa thật đã trêu ngươi con người. Tổ Gia cả đời chuyên đi lừa đảo, nhưng con trai của ông ấy lại tận trung vì nước. Đây cũng có thể xem như cậu ấy đã trả lại món nợ cho Tổ Gia rồi.

Tôi thấy đã đến lúc giao lại cho bà ấy cái hòm, tôi nói với bà: “Trước khi Tổ Gia chết có để lại vài món đồ cổ và vàng bạc, bảo tôi đợi khi sóng gió lắng xuống thì giao lại cho hai người. Mấy năm nay vì phong trào diệt trừ “bốn cái cũ” nên tôi không dám đưa cho hai người, sợ sẽ gây ra chuyện. Nay mọi việc đã qua rồi, tôi nên đưa trả nó cho hai người.”

Khi cái hòm nặng trình trịch bày ra trước mắt, bà bung mặt mà khóc. Bà khóc rất lâu, tôi cũng rút nước mắt, nhớ đến Tổ Gia, nhớ đến những năm tháng đã qua.

Cách bà nhận những thứ đồ này nằm ngoài dự liệu của tôi. Bà nói: “Sung công đi. Tôi đã vào Đảng năm 1966 rồi, cũng là một Đảng viên lão thành. Những thứ này đều thuộc tài sản của nhà nước. Đây là vấn đề nguyên tắc.”

Tôi ngờ ngác nhìn bà rất lâu, tôi thở dài nói: “Cũng được. Nhưng có một thứ bà hãy giữ lại, đó chính là miếng ngọc bích trạm trở hình con rồng kia, Tổ Gia đến Sơn Đông chính là để tìm mua miếng ngọc bích này nên mới gặp bà, bà hãy giữ lại làm kỷ niệm.”

Bà cầm miếng ngọc trên tay, áp vào ngực, rồi lại khóc. Bước ra khỏi ngôi nhà ấy, tôi ngẩng mặt lên trời mà thở phào: “Tổ Gia! Việc

sư phụ giao phó con đã làm được rồi.”

Khi từ biệt, tôi ngoảnh lại nhìn người vợ góa của Tổ Gia, mà cảm thấy chua xót vô cùng: “Sư phụ à! Sao hồi đó người không đưa họ chạy trốn?”

LỜI SÁM HỐI CỦA THẦY TƯỚNG SỐ

Thời gian trôi đi thật nhanh, năm tháng giục giã con người ta đến tuổi già nua. Năm 1988, tôi đã 60 tuổi, đã sống trọn một Lục thập hoa giáp⁴ rồi, chân cẳng không còn nhanh nhẹn nữa, mắt cũng đã mờ, ngủ không ngon giấc. Điều này có lẽ có liên quan đến việc tôi thích uống trà.

Tôi luôn có thói quen pha một ấm trà sau bữa ăn. Khi uống trà, tôi thường nhớ đến Tổ Gia, nhớ đến những ngày tháng ở bên cạnh ông. Đêm về khuya, vợ tôi thường khoác một chiếc áo lên cho tôi. Mười mấy năm nay đều như vậy.

Tôi cảm ơn ông trời đã cho tôi có được một người vợ tốt như vậy. Bao nhiêu năm nay, bà ấy luôn yêu thương, chăm sóc tôi. Bà ấy nói trước đây tôi đã chịu nhiều cực khổ rồi, giờ lấy tôi là để bù đắp và mang lại hạnh phúc cho tôi.

Một hôm, tôi đang đeo cặp kính lão đọc sách. Vợ tôi từ ngoài bước vào, đưa cho tôi một cuốn tuần san: “Ông à! Cho ông xem cái này này. Tôi cứ cảm thấy có bài nói về những chuyện rất giống chuyện của các ông trước đây.”

Tôi cầm cuốn tuần san đó xem, đó là bài Sám hối do một phạm nhân đã viết được đăng trên tuần san của báo Pháp Luật, ghi chép lại những việc từ khi đất nước Trung Quốc mới được thành lập cho đến nay. Có một vài phạm nhân bị tử hình trong một vài vụ án nghiêm trọng đã viết lời độc thoại để sám hối trong ngục. Người sắp chết thường hay nói thật, chim sắp chết tiếng kêu cũng bi ai, một vài tội phạm từng làm những việc cực kỳ ác, nhưng trước khi chết cũng thường ăn năn, hối lỗi, và viết một vài thứ gì đó dành cho mình, như là lời kết của cuộc đời để cảnh tỉnh cho những người đi sau.

Vợ tôi bảo tôi đọc bài viết thứ ba. Tôi gỡ cuốn tuần san ra, đọc thật kỹ, đọc một mạch đến nổi máu nóng trong người trào sôi, nước

mắt giàn giụa. Bài viết đó có tiêu đề Giữa thiện và ác:

Sống trong trời đất, có ai không muốn làm người lương thiện? Nhưng thế sự rối ren, số phận biến đổi khó lường. Một khi đã sa chân bước vào con đường tà đạo, mãi mãi khó có thể quay đầu trở lại.

Tôi sinh vào tháng 4 năm Quang Tự thứ 28, mang họ Thượng Quan, mẹ hiền đặt tên là Thành Minh, mang nghĩa “chân thành tất sáng suốt” trong Lễ ký, lại do vai vế trong dòng họ có tên Quan nên cha đặt cho tên cúng cơm là Quan Sinh. Năm Dân Quốc thứ 6, nhà tôi gặp phải biến cố, chỉ trong vòng một tháng, bảy người thân của tôi đều bị chết. Từ đó, tôi bơ vơ một mình, trốn chạy khắp nơi.

Cũng năm đó, vì chính nghĩa tôi đã gia nhập phái Giang Tương, nhờ được Trương sư phụ nâng đỡ, tin yêu nên được đứng đầu Mộc Tử Liên. Mới đầu tôi cứ nghĩ dựa vào sức của mình có thể xoay chuyển được cục diện vô pháp vô đạo trong phái Giang Tương. Từ đó, suốt mấy chục năm, tôi gồng mình làm hết sức. Tất cả mọi việc lớn nhỏ trong Đường khẩu, đều thật tâm làm theo đạo trời, ra sức làm theo tôn chỉ luôn thận trọng, không lạm sát, cấm chuyện tà dâm, không trộm cắp, chỉ cướp của người giàu cứu giúp người nghèo, lấy ác trị ác.

Nhưng, suy cho cùng, phái Giang Tương cũng chỉ là một đám người ô hợp. Ngồi ở Đường khẩu như ngồi trên đồng lửa. Giữa cái lợi và cái hại, thiện ác khó phân định rạch ròi, rất nhiều việc vượt ngoài tầm kiểm soát của tôi. Tệ hơn, có lúc tôi không thể tự điều khiển được chính mình, từng vì mình, nhiều lần lạm sát người vô tội. Trên đời ai mà không có cha mẹ, con cái. Mỗi lần nghĩ đến những người vô tội đã bị chết, hồn oan không được siêu thoát, tôi cảm thấy hổ thẹn vô cùng.

Tôi từng muốn thống nhất phái Giang Tương, nhưng vì không còn cách nào khác phải tìm cách tiêu diệt hàng loạt. Khi cả bốn Đường khẩu đã quy về tay tôi, tôi lại bối rối vô cùng. Phái Giang Tương sẽ đi về đâu? Tôi sẽ đi về đâu?

30 năm nay, tôi muốn thay trời hành đạo, nhưng, bản thân lại chẳng còn đạo đức chính nghĩa gì nữa. Lừa đảo, đốt nhà, giết người, cướp của, không có tội ác nào mà tôi chưa làm;

30 năm nay, tôi muốn dẫn dắt các huynh đệ trong Đường khẩu từ

chỗ ngã quý tìm đường trở về hình hài của một con người, làm điều phước thiện, cho lòng dạ trở nên nhân từ. Nhưng đến bây giờ nhìn lại tôi chỉ thấy toàn cảnh chém giết, hỗn chiến với nhau, chỉ còn lại những vết thương và cảnh tượng điêu tàn.

30 năm nay, tôi muốn lấy ác chế ác, trừng trị cái ác biểu dương cái thiện, nhưng, kẻ ác thì càng thêm ác, không nhờ được cái gốc rễ của những kẻ lừa đảo bịp bợm, không thể làm cho người ác khai tâm để trở thành người lương thiện. Thật xót xa cho những mảnh đời bất hạnh! Tôi tức giận và cảm thấy đáng tiếc khi người ta không dám đấu tranh, kháng cự lại.

Tôi muốn chấm dứt mọi chuyện, có lúc tôi chợt nhớ đến lời người bạn của tôi là pháp sư Thanh Phong đã nói: “Tôi đi hay ở lại không quan trọng, phái Giang Tướng nên bỏ hay giữ mới là điều quan trọng.”

Sau khi Quảng Đông được giải phóng, tôi đi khắp các tỉnh, được tận mắt trông thấy và hiểu rõ cảnh tượng phồn vinh, vui tươi ở các vùng giải phóng, cảnh tượng đất nước yên bình, nhân dân được yên ổn sinh sống. Đó là cảnh tượng chưa từng có suốt cả mấy nghìn năm.

Tôi không thể bỏ đi, tôi đi rồi phái Giang Tướng như bày răn mắt đầu. Mấy trăm con người kia chắc chắn sẽ chạy trốn khắp nơi. Những người này như những hạt giống, chỉ cần ném họ vào một xô xỉnh nào của xã hội, xuống tới mặt đất liền lập tức bén rễ. Họ sẽ lại tiếp tục đi lừa đảo, rồi tiếp tục gây nguy hại cho xã hội.

Tôi đã lựa chọn cái chết, dùng sinh mạng để rửa sạch tội ác của cuộc đời mình, cũng là để cứu rỗi và chuộc tội cho cả phái Giang Tướng. Có lẽ các huynh đệ trong Đường khẩu sẽ căm hận tôi, nhưng rồi họ sẽ hiểu, kẻ lừa đảo bịp bợm rồi cuối cùng cũng chẳng có đường thoát, cách lấy ác chế ác khó có được đường đi thông suốt.

Phái Giang Tướng đã duy trì được mấy trăm năm, từ lâu đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó, đến nay đạo đức chẳng còn, hơi sức sắp tàn, cũng đã đến lúc đặt dấu chấm hết.

Tôi thành khẩn mong Chính phủ nghiêm trị các huynh đệ của tôi, trừng phạt nghiêm khắc mới có thể thức tỉnh được họ. Khi họ biết quay đầu hối cải, đi theo con đường đúng đắn, nhất định họ sẽ hiểu

được nổi khổ tâm của tôi.

...

Đọc đến đây, tôi khóc không thành tiếng. Tổ Gia, tôi đã hiểu rồi. Cuối cùng tôi cũng đã hiểu tại sao ông không bỏ đi, không cho phép bất kỳ người nào bỏ trốn, chúng tôi đã khiến ông đã phải lao tâm khổ tứ rồi. Cuối cùng cũng đã tìm thấy được thứ “đạo” mà ông phải khổ sở đeo đuổi kiếm tìm – kẻ bạt mạng đã biết quay đầu hối cải, từ bỏ ác hướng thiện. Ông đã dùng sinh mệnh của mình để cứu vớt, chuộc lại sinh mệnh cho chúng tôi! Tôi vốn nghĩ bí mật lớn nhất của ông chính là vợ và con trai ông, chẳng ngờ đây mới là bí mật cuối cùng.

Vợ tôi đi tới, ôm tôi vào lòng, tôi gục vào lòng vợ mà khóc thật to, tôi cứ khóc mãi, khóc mãi như một đứa trẻ.

Khóc một hồi thật lâu, bỗng nhiên tôi nảy ra một ý nghĩ, không biết mấy năm nay các huynh đệ tử muội kia đang làm gì, họ sống thế nào? Tôi phải tổ chức một buổi gặp mặt, tìm bằng được các huynh đệ tử muội năm xưa. Tôi muốn nói cho họ biết chuyện này, tôi muốn xem hiện giờ họ đang làm gì.

Tôi đã huy động mọi mối quan hệ, qua tất cả các kênh để liên lạc lại với các huynh đệ tử muội năm xưa. Năm đó, sau khi tòa án tuyên phạt, một bộ phận những người có tội danh lớn nhất, đặc biệt là các A Bảo từng giết người như Tổ Gia, Đại Bá đầu, còn có một vài Bá đầu là thủ hạ của Tần Bách Xuyên nữa, tất cả bọn họ đều bị tử hình, phần lớn những người khác đều chỉ bị phạt tù có thời hạn, còn có một vài người vừa mới vào nghề. Họ không tham gia nhiều vào các việc của Đường khẩu, nên được chính phủ xét xử khoan hồng, chỉ cho đi cải tạo một thời gian. Sau khi những người này ra tù, những người có hộ khẩu ở vùng này thì tìm công việc ở vùng này, còn những người ở vùng khác, như các nữ A Bảo của Đường khẩu ở Nam Việt, thì đều trở về quê cũ, những người ở Tứ Xuyên cũng trở về Tứ Xuyên. Đã bao nhiêu năm trôi qua, có lẽ các A Bảo lớn tuổi cũng không còn mấy người nữa. Cho nên, muốn tìm được họ không phải là chuyện dễ.

Chạy ngược chạy xuôi suốt mấy tháng ròng, cuối cùng tôi tìm được hơn 80 người. Mọi người nghe nói sẽ gặp mặt, đều thấy rất xúc động. Đặc biệt mấy anh em của Đường khẩu Mộc Tử Liên, nghe nói người đứng ra tổ chức là Tứ gia, Ngũ gia và Lục gia, tất cả đều rất

phấn khởi nói: “Nhất định sẽ đến!”

Tôi đặt riêng một khách sạn. Ngày hôm đó, tôi đứng đợi ở đại sảnh từ rất sớm. Mấy chục năm không gặp, rất nhiều người trông lạ đến nỗi tôi không thể nhận ra được.

Người đến đầu tiên khiến tôi bất ngờ nhất lại là một nữ A Bảo của Đường khẩu Hải Việt Đường năm xưa, trông dáng vẻ cũng chừng 60 tuổi. Khi bà ấy xách túi hành lý đi về phía cửa khách sạn, tôi cũng đã ngờ ngợ đó chắc chắn là một chị em trong Đường khẩu, nhưng là ai thì tôi không thể nhận ra được.

Tôi còn đang đứng ngây người ra thì người đó đi về phía tôi hỏi: “Có phải Ngũ gia đấy không?”

Tiếng “Ngũ gia” khiến tôi giật mình, tôi nói: “Chị là...?”

Bà ấy tháo cặp kính ra, nói: “Tôi là thủ hạ của Yến nương, Liễu Ngọc Mai đây mà. Chúng ta từng gặp nhau ở Tứ Xuyên vào năm 1949.”

Tôi chợt nhớ ra, vào năm 1949 tại Đường khẩu Tần Bách Xuyên, khi Lưu Tư lệnh đang định bắn Tổ Gia thì Giang Phi Yến đến, đi phía sau là hai nữ A Bảo áp giải hai kẻ đã phá vỡ ngôi mộ kia cũng vào theo. Trong hai nữ A Bảo đó, một người là Liễu Ngọc Mai, một người là Liễu Hồng Mai, họ là chị em sinh đôi, đều là hai nha đầu thân cận của Giang Phi Yến.

Tôi vội vàng nói: “Ồ, Ngọc Mai. Mau vào trong, mau vào trong!”

Hơn 80 người đều lần lượt đến, họ đều gọi tôi bằng cái tên thân thiết Ngũ gia, khiến tôi vừa cảm thấy ấm áp, lại xót xa trong lòng.

Trước bữa ăn, mọi người bảo tôi nói đôi lời. Tôi bước lên bục, nhìn vào những khuôn mặt vừa quen vừa lạ này, từng cảnh tượng của những ngày tháng trước đây lại tràn về trong tâm trí, chưa nói gì mà nước mắt đã rơi...

Ước nguyện của Tổ Gia đã trở thành sự thật. Các anh em sau khi được Chính phủ đưa đi cải tạo, ai nấy đều làm ăn lương thiện, người vào làm trong nhà máy dệt, người làm ở bưu điện, trong xưởng máy

cơ giới. Có người lại làm ăn buôn bán nhỏ, có người thi đỗ vào ngành Đông y đã ra làm thầy thuốc, có người thì làm giáo viên, cũng có mấy người trong đó có cả tôi, vì có tình cảm đặc biệt với Chu Dịch nên đã chuyên tâm học về Chu Dịch.

Trong bữa tiệc, có một người anh em hỏi tôi: “Ngũ gia, sau khi học được Chu Dịch chân chính thì anh thấy thế nào?”

Tôi nói: “Chu Dịch chân chính là một cuốn sách hay nói về tượng, số, lý, chiêm bói, cát, tịnh, tinh, vi, thiên nhân hợp nhất, trời đất giao hòa, không biết Dịch thì không phải người quân tử.”

Lại có một người anh em khác đứng lên hỏi tôi: “Ngũ gia, rốt cuộc thì Chu Dịch là gì vậy?”

Nghe hỏi vậy, tôi vừa thấy rất hài hước lại vừa thấy buồn phiền trong lòng, mang tiếng là một thầy tướng số của phái Giang Tương, cả đời mượn danh nghĩa Chu Dịch đi lừa đảo mà lại không biết Chu Dịch là gì. Đây chính là chỗ đáng sợ cũng là chỗ đáng buồn của chúng tôi.

Tôi thở dài nói: “Trong Chu Dịch, chữ Chu có hai cách giải thích, cách thứ nhất cho rằng ‘Văn Vương đã diễn giải Chu Dịch khi ông bị giam giữ, Kinh Dịch bao gồm 64 quẻ (quái) ra đời vào thời nhà Chu nên được gọi là Chu Dịch; cách thứ hai cho rằng chữ Chu có nghĩa là vòng quanh và bắt đầu lại, tượng trưng cho quy luật vận động của vạn vật trong trời đất, còn chữ Dịch là chữ tượng hình, phía trên có một chữ Nhật, phía dưới có một chữ Nguyệt. Điều đó cho thấy thứ mà Kinh Dịch nghiên cứu chính là mối quan hệ tương tác giữa mặt trời, mặt trăng và trái đất’, cho nên Kinh Dịch nghiên cứu về chân lý trong vũ trụ.

Nguyên văn chỉ có 64 quẻ và quẻ từ, hào từ⁵, nhưng hiện nay chúng ta thấy Chu Dịch phân thành hai bộ phận, một bộ phận là nguyên văn Chu Dịch, một bộ phận khác là lời chú thích, diễn giải mà Khổng Tử đã thêm vào, tất cả bao gồm 19 thiên chú thích, về sau người ta gọi là Thập Dục, nghĩa là 10 chiếc cánh mà Khổng Tử đã thêm vào Chu Dịch, nhờ đó mà Chu Dịch mới có thể sải cánh bay cao. Kỳ thực, vì Khổng Tử diễn giải, chú thích Chu Dịch nên Chu Dịch thiếu chút nữa thì bị Tần Thủy Hoàng cho đốt sạch vì nghĩ là sách của Nho gia, cũng may Thừa tướng Lý Tư đã liều chết khuyên can, nói

rằng Chu Dịch chính là một cuốn sách dùng để xem bói, không có liên quan gì đến Khổng Tử nên mới may mắn thoát nạn. Đồng thời, cũng chính vì Khổng Tử viết lời chú thích cho Chu Dịch, chắp cánh cho Kinh Dịch vốn chỉ là một cuốn sách dùng để xem bói thuần túy bay thật cao trở thành loại sách triết học. Đời sau Nho học phát triển mạnh mẽ, Chu Dịch cũng có giá trị hơn và được liệt vào hàng Ngũ kinh. Đến thời Càn Long, nhà Thanh soạn thành bộ Tứ Khố Toàn Thư, cuốn Chu Dịch đã nhảy vọt lên vị trí dẫn đầu.”

Người anh em kia lại hỏi tiếp: “Vậy rốt cuộc Chu Dịch và Bát quái, 64 quẻ có liên quan gì với nhau vậy?”

Tôi bật cười ha hả, cuối cùng thì cũng hỏi đến vấn đề hay rồi: “Cả 64 quẻ trong Kinh Dịch đều nói về quy luật âm dương, cái mà người ta nói trong vô cực lại có thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái đan xen với nhau tạo thành 64 quẻ. Vô cực là gì? Cực tức là giới hạn, là biên giới, vô cực tức là trạng thái hỗn độn không có giới hạn, không có điểm đầu và điểm cuối. Trong vô cực đã thai nghén ra thái cực, thái cực chính là khởi đầu của vạn vật. Bàn Cổ khai thiên lập địa, khi có trời, có đất thì thái cực đã xuất hiện rồi. Thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi chính là âm và dương, cũng chính là hai mặt của một sự vật, trời là dương, đất là âm; đàn ông là dương, đàn bà là âm; ngày là dương, đêm là âm. Lưỡng nghi sinh tứ tượng. Tứ tượng là chỉ thiếu âm, lão âm, thiếu dương, lão dương. Nó miêu tả quy luật biến hóa của âm dương, giống như một con người từ nhỏ đến lúc trưởng thành, từ lúc trưởng thành đến tuổi già, phản ứng của sự vật là trạng thái phát triển từ yếu biến thành mạnh, rồi lại mạnh đến yếu, hết một chu kỳ thì quay lại từ đầu. Anh hãy nhìn đôi cá âm dương thái cực kia xem, đó chính là biểu hiện quá trình biến hóa tăng giảm của âm dương. Tứ tượng sinh bát quái, âm dương lại được chia nhỏ thêm một lần nữa trong quá trình này, nó được chia thành bát quái là: Càn, Khôn, Chấn, Đoài, Ly, Khảm, Tốn, Cấn. Càn tượng trưng cho trời, Khôn tượng trưng cho đất, Chấn tượng trưng cho sấm, Đoài tượng trưng cho hồ đầm, Ly tượng trưng cho lửa, Khảm tượng trưng cho nước, Tốn tượng trưng cho gió, Cấn tượng trưng cho núi. Đến đây, các hiện tượng tự nhiên cơ bản nhất trên trái đất đã được bao quát trọn vẹn. Trong bát quái, từng cặp phối hợp với nhau tạo thành 64 quẻ, vạn vật trong trời đất đều được bao trùm bên trong nó...”

“Ha ha, thật không ngờ! Ngũ gia đã trở thành một bậc thầy Chu

Dịch chân chính rồi đấy!” Một tiếng cười có vẻ rất sáng khoái vang lên cắt ngang lời nói của tôi, Liễu Ngọc Mai nâng ly rượu đi đến.

Cuộc gặp mặt lần này, người khiến tôi cảm thấy vui và ngạc nhiên nhất chính là Liễu Ngọc Mai của Việt Hải Đường. Sau khi mãn hạn tù, bà làm công nhân dệt sợi. Nhờ thông minh khéo léo, bà làm tốt hơn hẳn mọi người, nhanh chóng được làm tổ trưởng. Dưới sự dẫn dắt của bà, các chị em trong tổ đều là những người phụ nữ giỏi giang, luôn hoàn thành vượt mức nhiệm vụ được giao. Về sau được lên làm chủ nhiệm phân xưởng, năm đó bà còn được bình chọn là “Chiến sĩ thi đua tiên tiến mừng 8 tháng 3”. Sau cải cách mở cửa, bà từ chức ra làm ăn buôn bán, kinh doanh hàng quần áo thời trang ở miền Nam, bây giờ đã có hơn mấy trăm vạn tệ. Sau khi có tiền, bà quyên góp cho mấy trường tiểu học, tài trợ cho các viện dưỡng lão, nhiệt tình trong sự nghiệp công ích, đi đầu trong phong trào bảo vệ quyền lợi của phụ nữ. Bây giờ bà đang giữ chức Chủ nhiệm Hội phụ nữ. Tôi không nén nổi xúc động: Các A Bảo đều là những người thông minh, chỉ cần vận dụng đầu óc theo con đường chính đạo, cho dù làm việc gì, cũng sẽ làm tốt hơn những người bình thường.

Đã đến lúc cho mọi người biết về lời trăng trối của Tổ Gia khi còn ở trong tù, tôi nói với mọi người: “Gần đây có một tuần san mới ra, không biết mọi người đã đọc qua chưa?”

Mọi người hỏi: “Tuần san gì vậy?”

Tôi lôi tuần san đó ra, từ từ giơ lên. Tay tôi run lên vì xúc động. Tôi hít một hơi để lấy lại bình tĩnh, từ từ đọc lời tự bạch khi ở trong tù của Tổ Gia.

Sau khi đọc xong, tất cả mọi người đều yên lặng, tôi nói: “Bức thư này được kẹp trong tập hồ sơ về Tổ Gia năm xưa. Gần đây, chính phủ tiến hành việc giáo dục, phổ biến những bài học pháp luật, một biên tập viên của tuần san báo Pháp luật đã biên tập lại và cho đăng nó. Vợ tôi đã phát hiện thấy khi bà ấy đi dạo quanh cửa hàng sách.”

Tứ Bá đầu chậm chậm đứng lên, nước mắt lã chã, tay giơ ly rượu run run nói: “Chúng ta kính Tổ Gia một ly nào!”

Mấy chị em đã bật khóc thành tiếng, mọi người cùng nâng ly: “Tổ Gia sống mãi!”

Đây chính là Tổ Gia mà mọi người sẽ đi theo cả đời. Vị Tổ Gia đó vừa khiến người ta kính mến nhưng cũng khiến người ta nể sợ. Khi còn sống, ông tìm kiếm con đường sống sung túc cho mọi người. Khi chết, ông lại dẫn mọi người đi theo con đường chính đạo.

Liễu Ngọc Mai đã khóc không thành tiếng, tôi đi tới đưa cho bà chiếc khăn tay. Bà lau nước mắt: “Ngũ gia, ông nhắc đến Tổ Gia, làm tôi lại nhớ Yến nương.”

Lúc đó, tôi vẫn chưa biết Giang Phi Yến đã mất, tôi hỏi: “Có tin tức gì của Yến nương không?”

Liễu Ngọc Mai nói: “Cuối năm ngoái, khi đến Hồng Kông bàn chuyện làm ăn, tôi đã nhìn thấy bà trên một tờ báo.”

Tôi hỏi: “Bà ấy sống tốt chứ?”

Liễu Ngọc Mai lại rơi nước mắt: “Bà ấy mất rồi, mất vào tháng 3 năm ngoái. Trên báo nói ở bên đó bà làm Ủy viên lập pháp, luôn chủ trương thống nhất hai bờ. Bà phản đối việc Đài Loan đòi độc lập, muốn hai bờ được nối liền huyết mạch. Trước khi chết, tâm nguyện lớn nhất của bà là có thể về Đại Lục, thăm lại Quảng Đông và vùng đất Giang Hoài.”

Nghe những lời này, lòng tôi đau nhói, bà ấy vẫn thương nhớ Tổ Gia.

Giang Phi Yến còn viết một bài thơ khi ở Đài Loan, và cũng được đăng trên tờ báo ở Hồng Kông. Liễu Ngọc Mai đã cắt lấy nó, và luôn trân trọng giữ gìn. Bài thơ có tên là Nỗi nhớ:

Biết còn phải đợi bao lâu nữa,

Đủ cho nỗi nhớ nhạt phai màu.

Biết mình chờ được mấy thu nữa,

Mấy độ thu dài hơn đợi chờ.

Khi chết đi rồi hồn về đâu,

Hỏi ngày sau số kiếp đôi màu.

Khỏi tìm nhau đôi bờ cách biệt,

Bởi nôi không bao giờ nói thiệt.

Chỉ biết dành nôi nhớ cách xa

Ôm cô đơn Phi Yến đợi chờ.

Cho đến khi mất, Giang Phi Yến vẫn thương nhớ Tổ Gia. Cả cuộc đời bà vẫy vùng khắp muôn nơi, như loài chim yến chao liệng giữa bầu trời. Biển trời tuy rộng lớn, nhưng bà vẫn sỏi cánh một mình.

Chiều hôm đó, sau khi buổi liên hoan kết thúc, người thì phải trở về nhà ngay, còn một vài người nán lại đôi hôm. Sau đó chia tay mỗi người một phương.

Sau khi mọi người ra về, trong lòng tôi vô cùng trống trải. Lần từ biệt này không biết đến khi nào mới có thể gặp lại, có lẽ phải chờ đến kiếp sau.

HOÀNG PHÁP DUNG KHÔNG CHẾT

Tháng 4 năm 1998, Tứ Bá đầu lúc đó 82 tuổi và đang trong cơn nguy kịch vì bệnh tật. Tôi biết, lại một huynh đệ nữa sắp ra đi. Tình cảm huynh đệ của những người từng đi theo Tổ Gia như chúng tôi luôn rất tốt đẹp. Sau khi mọi người được ra tù đều sống cuộc sống bình thường, lấy vợ, sinh con. Ngày thường mọi người có thể tụ tập, nhấm nháp chén rượu, hồi tưởng về những ngày tháng đã qua.

Khi Tứ Bá đầu đang trong cơn hấp hối, tôi đến bệnh viện thăm ông. Ông ấy đã phải nằm viện một tháng, ăn uống bài tiết không tự chủ được, khắp người đủ các dây dẫn ống xông.

Tôi không biết người đang cận kề với cái chết sẽ nghĩ gì, nghĩ về cuộc đời mình, hay nghĩ sau khi chết rồi hồn sẽ đi về đâu? Cả cuộc đời ông nghiên cứu thuật Trát phi, chế tạo đủ loại đạo cụ phối hợp với Nhị Bá đầu dàn cục, cuối cùng lại bị các loại dây rợ ống dẫn cầm quanh người. Đây có lẽ cũng là quả báo.

Tôi nắm chặt tay Tứ Bá đầu, ông ấy đã rất yếu. Tôi cúi người, nói nhỏ: “Tứ ca, tôi là lão Ngũ đây.” Phải khó khăn lắm ông ấy mới hé được mi mắt ra nhìn tôi mỉm cười. Sau đó, tỏ ý bảo mấy người con đi hết ra ngoài, ông có chuyện muốn nói riêng với tôi.

Trong phòng chỉ còn lại hai chúng tôi. Tôi hỏi nhỏ: “Tứ ca, có chuyện gì ông hãy nói đi.”

Ông ấy dừng lại một lát, chớp chớp mắt, cố gắng nói: “Lão Ngũ, tôi sắp đi rồi... Có một chuyện, giữ trong lòng đã rất lâu...”

Tôi giật bản người: “Chuyện gì vậy?”

Tứ Bá đầu nhìn ra cửa, tôi hiểu ngay ý ông ấy, liền quay người ra mở cửa, thò đầu nhìn ra ngoài hành lang. Các con ông đang đứng nói chuyện ở tít đầu kia hành lang, xem chừng có vẻ sẽ không quay trở lại ngay.

Tôi quay lại trước đầu giường của Tứ Bá đầu: “Tứ ca, có điều gì ư?”

Hai hàng nước mắt nóng hổi chen nhau lăn khỏi khóe mắt: “Pháp Dung vẫn chưa chết. Tổ Gia đã lừa tôi.”

Đầu óc tôi bỗng ù lên: “Gì cơ? Chưa chết ư?”

Tứ Bá đầu nói chắc nịch: “Ừ!”

Cái tên “Pháp Dung” mà Tứ Bá đầu vừa thốt ra tên đầy đủ là Hoàng Pháp Dung, chính là người vợ trước của Tứ Bá đầu. Bà ấy chính là “Viên kim cương” chính cống trong số các nữ A Bảo. Một người người cực kỳ thông minh, có thể nói chuyện được với cả quý thần trong trời đất, cũng chính là “Bà đồng” mà dân gian thường hay gọi. Được Đường khẩu ca tụng “Luận đoán được thiên cơ là em của quý, Diêm Vương hỏi chuyện cứ tìm Pháp Dung.”

Về sau, trong một vụ đàn cục, Hoàng Pháp Dung không may gặp nạn mà chết, khiến Tứ Bá đầu đau khổ chỉ muốn tìm đến cái chết. Việc này các huynh đệ trong Đường khẩu ai cũng biết. Giờ đột nhiên Tứ Bá đầu lại nói với tôi rằng Hoàng Pháp Dung chưa chết, khiến tôi vô cùng sững sốt.

Tứ Bá đầu nói tiếp: “Tôi cũng chỉ mới biết vào năm 1995 thôi. Tôi thật có lỗi với bà ấy...” Nói đến đây, Tứ Bá đầu bật khóc, nước mắt trào ra, đột nhiên thở dốc, trông ông ấy như thể sắp không thở được nữa. Tôi vội vàng xông ra cửa gọi to: “Bác sĩ! Bác sĩ!”

Các con của Tứ Bá đầu cũng hốt hoảng chạy lại. Tứ Bá đầu rơi vào trạng thái hôn mê. Sau đó ông ấy không tỉnh lại được nữa.

Hai hôm sau, Tứ Bá đầu mất, trước khi mất, ông ấy chột tỉnh lại, gào hét thật to: “Trát phi thủ, Lỗ Ban khẩu, Trát phi khiên trước, Lỗ Ban tẩu; khiên trước tẩu, khiên trước tẩu, khiên xuất lục thú đối khẩu du...”

Tôi nghe và nhận ra nó chính là bài khẩu quyết trong Trát phi mật bản. Mười lăm tuổi, Tứ Bá đầu đã nổi danh khắp vùng tô giới. Ông ôm chí lớn báo quốc, nhưng đành bất lực vì số phận long đong, lận đận. Chính vào lúc tài năng được bộc lộ thì bị bọn người Nhật đưa vào tầm ngắm. Nếu không phải Tổ Gia ra tay cứu giúp thì ông ấy đã chết lâu rồi.

Từ đó, ông ấy đi theo Tổ Gia. Cũng bắt đầu từ đó, Tổ Gia mới thực sự như hổ thêm cánh, Đường khẩu bắt đầu phát đạt hẳn lên. Tứ Bá đầu quá lợi hại. Tổ Gia là ân nhân cứu mạng của ông ấy, nhưng ông ấy chính là quý nhân đến giúp Tổ Gia. Sau khi thông thuộc Trát phi mật bản, ông liền đề nghị Tổ Gia bổ sung thêm rất nhiều điều còn thiếu sót trong Trát phi mật bản, Tổ Gia còn bảo ông ấy sáng tạo thêm một vài thủ pháp Trát phi mới. Ông ngồi vắt óc suy nghĩ vài ngày, rồi cho ra thành quả là bộ Trát phi tân pháp phân thành các chương như: Đạo pháp, Thiên số, Khí tượng, Tây học (vật lý, hóa học), Bùa chú. Ông kết hợp thuật Trát phi cũ và mới để làm thành một bộ hoàn chỉnh, ngay cả Tổ Gia sau khi xem xong cũng phải khen ngợi không ngớt lời.

Nhiều lúc, Tứ Bá đầu nổi bật hẳn lên, những năm 30 của thế kỷ 20, ông và người vợ yêu của mình là Hoàng Pháp Dung luôn sát cánh bên Tổ Gia. Họ gây chiến với Mai Hoa Hội, san bằng bang Thái Cực, làm cỏ Trung Nguyên Ngũ Hồ, diệt Giao Đông Trịnh Bán Tiên, hô mưa gọi gió, đứng trên đỉnh cao chót vót. Giang sơn lúc đầu của Tổ Gia đều là nhờ vào hai người và Nhị Bá đầu lấy về được. Đó chính là khoảng thời gian huy hoàng, đẹp đẽ và cũng đầy đau thương.

Cuối cùng, Tứ Bá đầu cũng nhắm mắt xuôi tay, nhưng trong đầu tôi vẫn còn văng vẳng mãi tiếng gào hét đến đứt hơi, khản tiếng của ông ấy:

Trát phi thủ, Lỗ Ban khẩu

Trát phi khiên trước Lỗ Ban tẩu

Khiên trước tẩu, khiên trước tẩu

Khiên xuất lục thú đối khẩu du

Kê bất minh, cầu bất khiếu

Ma ngật nhân phạm thần khiêu khiêu

Cáp mô niệu, thập đông tạo

Hồng hỉ bạch tang vô vị đạo

...

Ban đêm, tôi vẫn không sao chợp mắt được vì uống trà liên tục. Tứ Bá đầu mới chỉ nói một nửa ý tứ, nếu Hoàng Pháp Dung thật sự vẫn chưa chết, vậy thì lớn chuyện rồi. Hoàng Pháp Dung là nữ A Bảo đầu tiên của Việt Hải Đường, được Tổ Gia và Giang Phi Yến đứng ra làm chủ trì giúp Tứ Bá đầu và Hoàng Pháp Dung nên vợ nên chồng. Sau khi lấy Tứ Bá đầu, Hoàng Pháp Dung trở thành nữ A Bảo duy nhất vừa tinh thông Việt Hải Đường phong tướng Trát ký lại vừa tinh thông Trát phi mật bản, tinh hoa của hai cuốn sách quý giá của Nam phái và Đông phái đều nằm trong tay bà ta. Trước khi Tổ Gia chết, đã đem đốt cả hai cuốn sách này, nhưng sách là thứ hữu hình, còn tư tưởng, ý nghĩ lại là cái vô hình. Nếu Hoàng Pháp Dung vẫn còn sống, vậy thì mầm mống của tội ác liệu có được gieo trồng? Rốt cuộc thì bây giờ Hoàng Pháp Dung đang ở đâu?

Còn nữa, Tứ Bá đầu nói Tổ Gia đã lừa ông ấy, cũng có nghĩa rõ ràng Tổ Gia cũng biết Hoàng Pháp Dung chưa chết, nhưng lại cố ý nói bà ta đã chết. Như vậy rốt cuộc là vì sao đây?

Tôi đang đắm chiêu suy nghĩ, bỗng nhiên nghe thấy tiếng gõ cửa

cộp cộp, đã muộn như vậy rồi, ai vậy nhỉ? Khoác chiếc áo lên người, mở cửa ra, tôi giật bắn người: “Tổ Gia!”

Mời độc giả đón đọc: “TÔI LÀ THẦY TƯỚNG SỐ 2”

Những năm 30 thế kỷ 20, những cơn giông tố nổi cuộn cuộn tung trời trên mảnh đất Giang Hoài. Mai Huyền Tử dùng Thời Gia kỳ môn hô mưa gọi gió, Trương Kế Nghiêu dùng Bát quái và Mai Hoa dịch số đẩy người ta vào vòng sinh tử, Vi Thiên Lý dùng Lục Nhâm thần khóa đoán số mệnh cho Tống Mỹ Linh... Tổ Gia sớm nhận thức được cần phải trở hết tài năng trong cuộc đấu đá hỗn loạn giữa các hội đạo môn, cần phải học được bản lĩnh thật sự. Thuật tướng số có rất nhiều kiểu, phần lớn đều cần phải dùng đến một thứ có thể dẫn dắt như xem Bát tự dựa vào ngày giờ sinh, Mai Hoa dịch số dựa vào khởi quái, xem Lục hào phải cần đến đồng tiền, Đại diện phê pháp cần đến cổ thi, Kỳ môn độn giáp cần phải khởi cục, duy chỉ có thuật xem tướng là không cần phải nhờ vào bất kỳ một loại đạo cụ nào. Quan sát tướng mạo mà biết ngay được phúc họa, nghe giọng nói của người mà biết họ thọ hay yếu, thì đây mới là tiên tri. Tổ Gia gặp được Bành Chân Nhân là một đạo sĩ xem tướng thời Dân Quốc. Bành Chân Nhân đồng ý truyền pháp cho Tổ Gia trong ba ngày, không ngờ, mới đến ngày thứ hai Bành Chân Nhân biến mất một cách thần bí...

Dịch Chi

08/01/2012

Tạm dịch: Kẻ tham lam tất sẽ bản tiện, người quân tử luôn đề phòng, nhà Phật quy vào đứng đầu Ngũ giới, do đó mà làm A Bảo, không thể trách kẻ đi lừa, mà nên trách người dễ bị lừa.

Ngũ giới: không trộm cướp, không sát sinh, không tà dâm, không vọng ngôn, không uống rượu.

Tức tám chữ là giờ, ngày, tháng, năm sinh được viết theo Thiên can và Địa chi. Đây là một cách xem tướng số của Trung Quốc.

Một loại tiền giấy của chính phủ Quốc dân Đảng phát hành từ năm 1935.

Tức tạo những chuỗi thông lọng móc lại với nhau để tạo nên cú lừa ngoạn mục.

Tức chỉ bang hội, ngoài ra còn mang nghĩa là giác quan thứ sáu.

Tức năm 1924.

Ở đây một cân tương đương 500g.

Tiếng địa phương, nghĩa là rất gan góc.

Là tên gọi dành cho loại khoáng vật cinnabarit của thủy ngân sẵn có trong tự nhiên, có màu đỏ.

Bí kíp sáu chữ.

Nhà tướng số nổi tiếng thời Dân Quốc, người Gia Hưng, Triết Giang.

Tạm dịch: Người nhân đức, tâm nhân từ, hành việc nhân nghĩa; Giữ hòa thuận, giữ thiện lương, giữ vững thái bình.

Tức quân Thái Bình Thiên Quốc, là cuộc khởi nghĩa nông dân cuối đời nhà Thanh do Hồng Tú Toàn khởi xướng.

Tức chỉ phong trào bảo vệ Hiến pháp lâm thời, khôi phục Quốc hội với tư cách là Đảng viên cách mạng giai cấp tư sản mà đứng đầu là Tôn Trung Sơn, từ tháng 7 năm 1917 đến tháng 5 năm 1918.

Là dòng kiến trúc nhà ở truyền thống của dân tộc Hán, Trung Quốc.

Tổ chức lính bảo an địa phương thời nhà Thanh và đầu thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc.

Ám chỉ tinh hoàn.

Súng trường Mauser do hai anh em người Đức Wilhelm và Peter Paul Mauser (1838-1914) phát minh ra.

Gia đình bị diệt vong, người thân bị ám hại.

Tức chỉ Thái Bình Thiên Quốc, cuộc khởi nghĩa nông dân nửa cuối thời nhà Thanh do Hồng Tú Toàn khởi xướng.

Tam cương: là khái niệm đạo đức - xã hội của Nho giáo. Nho giáo coi giữa người và người có năm mối quan hệ (ngũ luân): vua - tôi, cha - con, anh - em, vợ - chồng và bè - bạn. Ngũ thường: là khái niệm đạo đức Khổng học, chỉ năm đức cơ bản của đạo làm người: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Tức Thanh Thế Tông - tên húy là Dận Chân - vị Hoàng đế thứ tư của nhà Thanh trong lịch sử Trung Quốc, trị vì từ năm 1722 đến 1735.

Ba lượt rượu.

Tạm dịch: Làm người chớ làm việc trái lương tâm, trên đầu có Thần Phật soi dõi; thiện ác cuối cùng tất có báo ứng, chỉ là điều sớm hay muộn mà thôi.

Điều mình không thích thì đừng làm cho người khác.

Tức chỉ cuộc nội chiến giữa Đảng Cộng sản và Quốc dân Đảng Trung Quốc diễn ra từ tháng 8 năm 1945 đến tháng 6 năm 1950.

Tiền thân của Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc.

Giặc Mèo.

Kiếp này đoán mệnh là vì đâu, là vì Kiếp trước giết hại quá nhiều sinh linh.

Gồm cõi Trời, cõi Người, cõi Atula, cõi Súc sinh, cõi Quỷ đói và cõi Địa ngục.

Thuật ngữ trong tướng số.

Nghĩa là nước chảy qua ngựa gỗ.

Là một nhánh của quân Cách mạng Quốc dân, Trung Hoa Dân Quốc.

Trong tướng mặt: cung Phu thê ở hai bên đuôi mắt; cung Quan lộc nằm giữa trán; cung Mệnh nằm giữa hai chân mày.

Bốn câu cổ thi, đại ý là chàng ở đầu sông, thiếp cuối sông, nhớ nhau mà không gặp được, nhưng ta cùng uống chung dòng nước.

Xưa nay nếu thân tử không đầu đá lẫn nhau thì hoàng đế sao có thể ngồi yên trên ngai vàng được?

Còn gọi là “Chính biến Thượng Hải”, “Biến cố ngày 12 tháng 4” hay “Cuộc thảm sát Thượng Hải”, kéo dài từ tháng 4 năm 1927 đến tháng 5 năm 1950.

Đây là một cuộc nội chiến ở Trung Quốc giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản, do những bất đồng sâu sắc về quan niệm phát triển kinh tế – xã hội.

Một dạng hí khúc lưu hành ở miền Nam Giang Tô, Bắc Kinh, Hà Bắc, dùng giọng Côn Sơn để hát. Còn gọi là Tuồng Côn Sơn.

Viết theo phong cách của Liễu Công Quyền, một nhà thơ pháp nổi tiếng thời Đường, Trung Quốc.

Ban đầu được dùng trong quân đội. Ý nghĩa là: “Khi án binh bất động thì yên ắng tĩnh lặng như thiếu nữ trong trướng nơi khuê các, tới lúc tác chiến thì tốc độ chớp giạt, nhanh nhẹn như thỏ đang chạy trốn.” Về sau được tách ra dùng như một cụm thành ngữ riêng, hàm ý ví von vẻ đẹp dịu dàng, tĩnh tại, an nhiên, sâu lắng.

Đôi môi đỏ thắm.

Trong Kỳ môn Độn giáp, Tam kỳ chỉ ba Thiên can Ất, Bính, Đinh. Trong Lục Nhâm chỉ ba Địa chi Tý, Hợi, Sửu.

Thiên đình là vị trí chính giữa trán. Địa các là vị trí giữa cằm.

Tam đình tức Thượng đình (từ mép tóc đến lông mày); Trung đình (từ đầu lông mày đến chóp mũi); Hạ đình (từ chóp mũi đến cằm). Ngũ nhạc tức

Trung nhạc Tung Sơn (mũi); Nam nhạc Hoành Sơn (trán); Bắc nhạc Hằng Sơn (Địa các); Đông nhạc Thái Sơn (gò má trái); Tây nhạc Hoa Sơn (gò má

phải).

Tức hai đường chạy từ cánh mũi xuống đến khóe miệng.

Vạn vật trong vũ trụ khi phát triển đến cực độ tất sẽ chuyển sang trạng thái suy tàn.

Đất âm.

Một dạng thuốc mê.

Tức Quảng Đông.

Vượt qua sông.

Thực đơn cuối xuân của Lục gia.

Tuần thứ năm sau khi mất.

Theo Kinh dịch, tứ tượng bao gồm: Thái dương, Thiếu dương, Thái âm, Thiếu âm.

Ít âm xung với toàn dương.

Loại đậu chế biến theo phương pháp bí truyền có hai màu.

Thuật ngữ trong Kỳ môn độn giáp.

Theo Đông y là chỉ các lỗ trên cơ thể con người: hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng được gọi là Thất khương.

Chỗ thu được nhiều lợi ích.

Tựa lưng vào núi, nằm kề gần nguồn nước.

Núi non.

Chi nhánh.

Người cầm lái.

Đồng bạc in hình Viên Thế Khải.

Đồng bạc in hình Tôn Trung Sơn.

Một loại giấy bạc phát hành năm 1948 của chính phủ Quốc dân Đảng.

Tức 60 năm.

Thuật ngữ Chu Dịch.